

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---

GIỚI THIỆU  
TÒA THÁNH TÂY NINH

Biên Soạn | HIỂN TÀI NGUYÊN VĂN HỒNG

---

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tammnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 02/12/2011  
Tâm Nguyên

---

# GIỚI THIỆU TÒA THÁNH TÂY NINH

**MỤC LỤC**

|   |            |
|---|------------|
| <b>1. LỊCH SỬ KIẾN TRÚC</b>   | <b>11</b>  |
| <b>TÒA THÁNH TÂY NINH</b> .....   | <b>11</b>  |
| <i>I. TÌM ĐẤT THÁNH ĐỊA</i> .....                                       | <i>12</i>  |
| <i>II. ĐỊNH VỊ TRÍ VÀ KÍCH THƯỚC TÒA THÁNH</i> .....                    | <i>19</i>  |
| <i>III. LỊCH SỬ KIẾN TRÚC TÒA THÁNH</i> .....                           | <i>23</i>  |
| <i>IV. MÔ TẢ TÒA THÁNH</i> .....  | <i>38</i>  |
| <i>V. KÍCH THƯỚC THỰC SỰ CỦA TÒA THÁNH</i> .....                        | <i>55</i>  |
| <i>VI. LỄ TRẤN THẦN TÒA THÁNH</i> .....                                 | <i>58</i>  |
| <i>VII. VỤ TRÁI MÌN 1000 KG CHÔN DƯỚI NỀN TÒA THÁNH</i> 63              |            |
| <i>VIII. NHỮNG SỰ KỶ DIỆU CỦA TÒA THÁNH</i> .....                       | <i>68</i>  |
| <b>2. TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC</b> .....                                    | <b>73</b>  |
| <i>I. TỔNG QUÁT</i> .....   | <i>73</i>  |
| <i>II. LỄ TRẤN THẦN TAM THÁNH</i> .....                                 | <i>75</i>  |
| <i>III. THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC</i> .....                                    | <i>81</i>  |
| <i>IV. TIỂU SỬ CỦA TAM THÁNH</i> .....                                  | <i>89</i>  |
| • <i>Tiểu sử THANH SƠN ĐẠO SĨ</i><br>Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm..... | 89         |
| • <i>Tiểu sử NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN</i><br>Victor Hugo.....               | 109        |
| • <i>Tiểu sử TRUNG SƠN CHƠN NHƠN</i><br>Tôn đật Tiên.....               | 132        |
| <b>3. QUẢ CÀN KHÔN &amp; THIÊN NHÃN</b> .....                           | <b>143</b> |
| <i>QUẢ CÀN KHÔN</i> .....   | <i>143</i> |
| <i>THIÊN NHÃN</i> .....   | <i>146</i> |
| <i>I. NGUỒN GỐC THIÊN NHÃN</i> .....                                    | <i>147</i> |
| <i>II. Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÃN</i> .....                                 | <i>149</i> |
| <i>III. GIẢI THÍCH 5 CÂU CHỮ NHO VỀ THIÊN NHÃN</i> ..                   | <i>153</i> |

|   |            |
|---|------------|
| <b>4. CÁC ĐẰNG GIÁO CHỦ</b> .....                               | <b>159</b> |
| ĐỨC DI-LẠC VƯƠNG PHẬT<br>(Giáo chủ Hội Long Hoa) .....          | 160        |
| ĐỨC PHẬT THÍCH CA<br>(Giáo chủ Phật giáo).....                  | 175        |
| ĐỨC LÃO TỬ<br>(Giáo chủ Tiên giáo) .....                        | 187        |
| ĐỨC KHỔNG TỬ<br>(Giáo chủ Nho giáo).....                        | 198        |
| ĐỨC CHÚA JÉSUS<br>(Gia-Tô Giáo chủ).....                        | 214        |
| ĐỨC KHƯƠNG THƯỢNG TỬ NHA<br>(Giáo chủ Thần đạo) .....           | 227        |
| <b>5. TAM TRẦN OAI NGHIÊM</b> .....                             | <b>261</b> |
| ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG<br>Nhứt Trần Oai Nghiêm .....            | 263        |
| ĐỨC QUAN THẾ ẨM BỔ TÁT<br>Nhị Trần Oai Nghiêm .....             | 279        |
| ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN<br>Tam Trần Oai Nghiêm .....             | 296        |
| <b>6. GIẢI THÍCH CÁC CHI TIẾT &amp; ĐIỂN TÍCH</b> ....          | <b>327</b> |
| <i>1. TIỂU SỬ TÓM TẮT CỦA 5 VỊ CỐ TƯỢNG TẠI TÒA THÁNH</i> ..... | <i>328</i> |
| • ĐỨC QUYÊN GIÁO TÔNG<br>Lê Văn Trung (1876– 1934) .....        | 328        |
| • NỮ ĐẤU SƯ<br>Lâm Hương Thanh (1874–1937) .....                | 330        |
| • ĐỨC HỘ PHÁP<br>Phạm công Tắc (1890–1959).....                 | 332        |
| • ĐỨC THƯỢNG PHẨM<br>Cao Quỳnh Cư (1888–1929).....              | 335        |

|  |     |
|--|-----|
| • ĐỨC THƯỢNG SANH<br>Cao Hoài Sang (1901–1971) .....   | 336 |
| 2. ĐẠO KỶ.....   | 337 |
| 3. CỔ PHÁP TAM GIÁO.....                               | 338 |
| • BÁT VỤ .....   | 339 |
| • PHÁT CHỦ.....  | 340 |
| • XUÂN THU.....  | 341 |
| 4. LONG HOA .....                                      | 342 |
| 5. TAM KHUÔN HÌNH NƠI BAO LỚN TÒA THÁNH.....           | 347 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ I: NÔNG<br>Hạ Vô trị thủy.....         | 347 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ II: CANH<br>Ngu Thuấn cày voi .....    | 349 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ III: CÔNG<br>Toại Nhân – Hữu Sào ..... | 351 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ IV: THƯƠNG<br>Phạm Lãi – Tây Thi.....  | 352 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ V: NGŨ<br>Khương Thượng ngồi câu ..... | 362 |
| • KHUÔN HÌNH THỨ VI: TIỂU<br>Bá Nha – Tử Kỳ .....      | 362 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ VII: MỤC<br>Sào Phủ – Hứa Do.....      | 370 |
| • KHUÔN HÌNH SỐ VIII: SĨ<br>Châu Mãi Thần .....        | 372 |
| 6. CÂY CÁN CÔNG BÌNH .....                             | 374 |
| 7. HAI PHO TƯỢNG: ÔNG THIỆN – ÔNG ÁC .....             | 376 |
| 8. LÔI ẨM CỔ ĐÀI Ứ BẠCH NGỌC CHUNG ĐÀI .....           | 378 |
| 9. BÓ HOA .....  | 380 |
| 10. HIỆP THIÊN ĐÀI.....                                | 381 |
| 11. THẤT ĐẦU XÀ.....                                   | 381 |

|  |     |
|--|-----|
| 12. CỬU TRÙNG ĐÀI & NGHINH PHONG ĐÀI.....  | 385 |
| 13. BÁT QUÁI ĐÀI.....                      | 387 |
| 14. HÂM BÁT QUÁI.....                      | 389 |
| 15. TỬ LINH.....                           | 390 |
| I. LONG: RỒNG.....                         | 390 |
| II. LÂN.....                               | 393 |
| III. QUI.....                              | 393 |
| IV. PHUNG.....                             | 393 |
| 16. KIM MAO HẦU.....                       | 397 |
| 17. HAI CON HẠC VÀ DÂY NHO.....            | 400 |
| 18. LONG MÃ PHỤ HÀ ĐỒ.....                 | 401 |
| 19. TAM THẾ PHẬT.....                      | 404 |
| 20. BÁT BỮU – DÀN BÁT BỮU.....             | 407 |
| 21. BÁT TIÊN.....                          | 409 |
| 1. LÝ THIẾT QUẢ.....                       | 410 |
| 2. HỖN CHUNG LY.....                       | 415 |
| 3. LAM THẾ HÒA.....                        | 421 |
| 4. TRƯƠNG QUẢ LÃO.....                     | 422 |
| 5. HÀ TIÊN CÔ.....                         | 425 |
| 6. LỮ ĐỒNG TẤN.....                        | 426 |
| 7. HÀN TƯƠNG TỬ.....                       | 431 |
| 8. TÀO QUỐC CỰU.....                       | 434 |
| 22. THẤT THÁNH.....                        | 444 |
| I. LÔI CHẤN TỬ.....                        | 445 |
| II. LÝ TỊNH, KIM TRA, MỘC TRA, NA TRA..... | 449 |
| III. DƯƠNG TIÊN.....                       | 460 |
| IV. VI HỘ.....                             | 461 |
| V. THẤT THÁNH TRỞ VỀ NÚI TU LUYỆN.....     | 462 |

---

HỒI HƯỚNG công đức biên soạn quyển sách: “GIỚI THIỆU TÒA THÁNH TÂY NINH” dâng lên Thân phụ và Thân mẫu để cầu cho Thân phụ, Thân mẫu được an nhàn nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

*Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng  
kính bái*

**PHẦN THỨ NHẤT:**



**LỊCH SỬ KIẾN TRÚC  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

- I. Tìm đất Thánh Địa.
- II. Định vị trí và kích thước Tòa Thánh.
- III. Lịch sử kiến trúc Tòa Thánh.
- IV. Mô tả Tòa Thánh.
- V. Kích thước thực sự của Tòa Thánh.
- VI. Lễ Trấn Thần Tòa Thánh.
- VII. Vụ trái mìn 1000 Kg chôn dưới nền Tòa Thánh.
- VIII. Những sự kỳ diệu của Tòa Thánh.

**Tòa Thánh Tây Ninh**, còn được gọi là **Đền Thánh**, là **Tổ Đình**, là Tòa Thánh Trung Ương của Đạo Cao Đài, hiện nay tọa lạc tại xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách Thị Xã Tây Ninh khoảng 5 Km về hướng Đông Nam, thuộc Miền Nam nước Việt Nam.

Đây là một ngôi Đền đồ sộ, nguy nga, đặc sắc, để thờ phượng Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, các vị

Giáo chủ Tam Giáo và Ngũ Chi Đại Đạo, cùng các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Gọi Tòa Thánh Tây Ninh là Tổ Đình, vì đây là nơi phát xuất của Đạo Cao Đài, là nơi đặt các cơ quan trung ương của Hội Thánh Cao Đài, tức Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để điều hành toàn bộ các hoạt động truyền giáo và cứu độ nhơn sanh.

Tòa Thánh được khởi công xây dựng từ năm 1931 (Tân Mùi), hoàn thành vào năm 1947 (Đinh Hợi), và được khánh thành vào dịp Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn ngày mùng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (dl 1-2-1955).

Tòa Thánh được cất theo kiểu võ của Thiên đình, quay mặt về hướng Tây, có kích thước theo dự tính ban đầu của Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch là:

- Bề dài: 135 mét.
- Bề ngang: 27 mét.
- Bề cao tại Lầu chuông và Lầu trống: 36 mét.
- Bề cao tại Nghinh Phong Đài: 25 mét.
- Bề cao tại Bát Quái Đài: 30 mét.

Việc chọn đất Thánh địa làm nơi xây dựng Tòa Thánh và kiểu võ xây cất Tòa Thánh đều do Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông giảng dạy tỉ mỉ.

### I. TÌM ĐẤT THÁNH ĐỊA

Đạo Cao Đài làm Lễ Khai Đạo ngày 15-10 Bính Dần (dl 19-11-1926) tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Từ Lâm Tự (tục gọi là Chùa Gò Kén, Tây Ninh).

Nguyên ngôi chùa này do Hòa Thượng Như Nhân

(cũng gọi là Hòa Thượng Giác Hải) góp tiền bốn đạo mua đất và xây dựng nên. Kịp khi Đức Chí Tôn giáng cơ mở đạo, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút độ được Hòa Thượng Như Nhân theo Đạo Cao Đài và trở thành một vị Chức sắc Đại Thiên phong của Đạo Cao Đài, nên Hòa Thượng Như Nhân hiến chùa Từ Lâm Tự cho Hội Thánh Cao Đài làm Thánh Thất tổ chức Lễ Khai Đạo. Nhưng sau ngày Lễ Khai Đạo, Hòa Thượng Như Nhân (cũng gọi là Hòa Thượng Giác Hải) một phần bị mất đức tin, một phần bị nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ xúi giục và hăm dọa, nên Hòa Thượng Như Nhân không theo Đạo Cao Đài nữa và đòi chùa lại, không hiến cho Hội Thánh.

Hội Thánh Cao Đài phải trả chùa lại cho Như Nhân và hứa trong 3 tháng sẽ tìm đất để dọn đi.

*“Kể từ Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) tới Rằm tháng Giêng Đinh Mão (1927) là đúng kỳ hứa trả chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén) là 3 tháng, nhưng tới tháng 2 năm Đinh Mão, đã quá kỳ hạn 1 tháng mà Hội Thánh chưa trả chùa lại được, vì chưa kiếm được đất để mua, còn Ông Hòa Thượng Giác Hải thì cứ đòi chùa lại hoài.” (ĐS.I.51)*

Vì sự đòi chùa ấy nên Đức Lý Giáo Tông giảng dạy tại chùa Gò Kén ngày 20-2-1927 (âl 19-1-Đinh Mão) như sau: *“Ngày nay Lão nhứt định chùa này trả lại. Xong trước khi trả, phải cất Thánh Thất cho xong y như lời dạy. Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh địa, và lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí Tôn không chịu. Thượng Trung Nhứt! Phải làm thế nào chùa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là cả trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh*

địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, cầu khẩn Chí Tôn nghe!” (Trích ĐS. II. 222)

Hôm sau, cũng tại chùa Gò Kén, ngày 21-2-1927 (àl 20-1-Đinh Mão), Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

“Các con nghe! Nơi nào Thầy ngự thì nơi ấy là Thánh địa. Thầy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh dạy dỗ dân vô đạo, Thầy ban đặng quyền thưởng phạt, đặng răn làng ấy cho đến ngày chúng nó biết ăn năn cải hóa. Vậy thì Làng Long Thành, các con khá an lòng.

Còn Tòa Thánh thì muốn để cho có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước. Từ Thầy đến lập Đạo cho đến giờ, Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì là đẹp lòng Thầy.

Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn **Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi.**

Các con đã hiểu Thánh ý Thầy, phải cần kiệm mỗi sự chi về phương tiện mà thôi.

Thơ! Thầy giao cho con góp tư bốn trong một tháng cho rồi, dặn các em con rằng: “Danh thế Đạo nơi Tòa Thánh, nghe à!” Sau Thái Bạch sẽ dạy con kiểu vở.

Cấm Giang thì các con phải chịu khổ về phần ăn uống, Bén Kéo thì địa thế hẹp hòi, chớ chi các con khôn ngoan lấy cớ rằng, vì ích lợi lương sanh, vì đạo đức mà ký Chánh phủ cho các con mé rình cấm bên kia đường thì đẹp lắm. Các con liệu thử.

Thơ! Suối Vàng thì đặng, phương chuyên chở không thuận tiện, song phong thổ tốt đẹp. Con cũng yêu cầu Hội

Thánh xét nét, nghe à! Thầy ban ơn cho các con.” (ĐS. II. 223) & [TNHT. I. 98]

Tiếp theo, cũng tại chùa Gò Kén, ngày 22-2-1927 (àl 21-1-Đinh Mão), Đức Lý Giáo Tông giảng:

“Thượng Trung Nhựt! Thái Thơ Thanh! Cười! Nhị vị Hiền hữu muốn cho Đạo phải mang tiếng rằng: Trốn lánh hay sao mà tính dời Tòa Thánh xa dữ vậy hử? Tỷ như Lão muốn lập Tòa Thánh gần bên thành binh, chừ Hiền hữu tưởng sao?

Trung bạch: Có hai làng cúng đất.

– Mua thì đặng, khó gì! Một nơi chỉ Thánh trước mắt mà chừ Hiền hữu chẳng biết xem, ấy cũng còn 2 phần phàm.

Thái Thơ Thanh! Lão cậy Hiền hữu một phen nữa, mai này đi lên đường trên gọi là dây thép, nhắm địa thế dài theo cho tới ngã Ao Hồ, coi Hiền hữu thấy đặng chẳng cho biết.

Lão đã nói rằng: Mỗi sự chi đều bày trước mắt nhơn sanh hết. Chừ Hiền hữu đừng sợ ai hết, hễ sợ thì chối quyền thiêng liêng của Chí Tôn thì còn gì Đạo! nghe à!” (ĐS. II. 224)

Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu thuật lại buổi Hội Thánh đi tìm mua đất cất Tòa Thánh ngay ngày hôm sau, theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông như sau:

“Qua ngày sau, quí ông đi tìm đất, Ông Thái Thơ Thanh cho mượn một chiếc xe, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh cho mượn một chiếc.

Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng ngồi trên 2 chiếc xe hơi, thì có: Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, Anh Cả Thượng Đẩu Sư Thượng Trung Nhựt, Anh Thái Thơ Thanh, Anh Thượng Tương Thanh, Anh



Ngọc Trang Thanh.

Khi xe chạy tới cửa số 2 hồi trước còn rừng rậm, cạnh góc ngã ba có cây vừng, Đức Cao Thượng Phẩm ngó thấy nơi cây vừng có tấm bảng treo đề tên Cao văn Điện, ông này là bạn học của Đức Cao Thượng Phẩm hồi thuở nhỏ.

Trong lúc bối rối kiếm đất không được, Thượng Phẩm bất ngờ thấy tên bạn mình đứng tên trên miếng đất này, nên Đức Cao Thượng Phẩm nói với Hội Thánh rằng: Để tôi đi tìm ông Cao văn Điện, nhờ bạn tôi điem chỉ giùm chủ đất này, và cũng nhờ ông Cao văn Điện điem chỉ mới biết ông chủ đất này là ông Kiểm lâm người Pháp tên là ASPAR.

Khi kiếm được đất rồi, tôi lại quý Ông cầu Đức Lý về dạy coi Hội Thánh đi kiếm đất như vậy có trúng không.

Đức Lý giảng dạy như vậy:

(Đó là đêm 24-2-1927, 1-Đinh Mão, tại chùa Gò Kén) *“THÁI BẠCH. Hỷ chú Đạo hữu, chú Đạo muội. Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó ủa không, tưởng chú Hiền hữu không thấy nữa.*

*Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa?*

*Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHỒ ẨN. Ngay miếng đất đó dựng 3 đầu: Một đầu ra giếng mạch Ao hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.*

*Người Lang sa chỉ đòi 20 ngàn, nói rồi trả đúng có 15 ngàn, Lão dặn thì thành trả 17 ngàn, 18 ngàn thì dựng vậy.*

*Còn xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mời trọn. Đất nay còn rẻ, miếng đất chung quanh Thánh địa*

*ngày sau hóa vàng. Chú Hiền hữu biết lo lập, ngày sau rất quý báu. THẮNG.”* (ĐS. II. 225).

*“Khi phá đám rừng này thì đàn Thổ (người Miên) xuống cả ngàn người để phá rừng, làm cho ông Chánh Tham Biện (Tỉnh Trưởng Tây Ninh) người Pháp nghi ngờ, mời Đức Thượng Phẩm ra Tòa Bó.*

*Ông hỏi Đức Thượng Phẩm: Chớ làm cái gì mà đông đảo như vậy?*

*Đức Thượng Phẩm trả lời rằng: Tôi mua miếng đất đó dựng trồng cao su. Ông Tham Biện hỏi: Trồng mấy mẫu?*

*Đức Thượng Phẩm trả lời: Tôi trồng hết sở đất tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó.*

*Nên ngày nay, trong Nội Ô có cây cao su là do đó.”* (trích ĐS. I. 52)

#### **Tóm tắt diễn tiến mua đất cất Tòa Thánh:**

1/. Sau khi làm Lễ Khai Đạo tại chùa Từ Lâm (Gò Kén) ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926), chủ chùa Từ Lâm là Hòa Thượng Như Nhân (Giác Hải) đòi chùa lại, không hiến cho Hội Thánh Cao Đài nữa, kỳ hẹn trong 3 tháng phải dời đi.

2/. Ngày 19-1-Đinh Mão (dl 20-2-1927), tại Từ Lâm Tự, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ quyết định trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhân, rồi dạy Hội Thánh đi chọn mua đất cất Tòa Thánh, phải chọn đất tại Tây Ninh này mà thôi. Đức Lý xin mua đất nơi khác nhưng Đức Chí Tôn không chịu, bởi vì Tây Ninh là Thánh địa, nơi đây phong thổ thuận tiện cho người ngoại quốc đến học Đạo.

3/. Ngày 20-1-Đinh Mão (dl 21-2-1927), cũng tại Từ Lâm Tự, Đức Chí Tôn giảng cơ xác định: *“Các con phải*

*chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi.”*

Đức Chí Tôn còn phân tích và gợi ý:

Nếu cất Tòa Thánh nơi:

– Cẩm Giang thì nhơn sanh phải chịu khổ về phần ăn uống.

– Bến Kéo thì địa thế hẹp hòi.

– Suối Vàng thì phong thổ tốt đẹp nhưng phương tiện vận chuyển không thuận tiện.

– Chỉ có khu rừng cấm phía bên kia đường thì đẹp lắm!

4/. Ngày sáng hôm sau là ngày 21-1-Đinh Mão (dl 22-2-1927), Hội Thánh đi tìm mua đất, nhưng không được.

Tối lại, cầu Đức Lý Giáo Tông tại chùa Gò Kén thì Ngài giảng dạy rằng: Ngày mai, Hội Thánh cần đi xem đất một lần nữa, xem từ Mít Một, cặp theo đường dây thép đến làng Long Thành, coi có thấy được không?

5/. Ngày 22-1-Đinh Mão (dl 23-2-1927), Hội Thánh vâng theo lời chỉ dạy của Đức Lý, đi tìm đất một lần nữa thì gặp được một miếng đất là khu rừng rậm do ông ASPAR làm chủ, nằm kế khu đất của ông Cao Văn Điện, bạn của Đức Cao Thượng Phẩm.

Tối lại, lập đàn cơ cầu hỏi Đức Lý Giáo Tông, Ngài giảng khen Hội Thánh đã tìm đúng, cuộc đất ấy là Thánh địa, vì bên dưới, trong lòng đất sâu 300 thước, có 6 nguồn nước tụ lại, gọi là **Lục Long Phò Ấn**.

Đức Lý cho biết trước, người Pháp chủ miếng đất rừng ấy đòi bán 20 ngàn, trả giá chừng 17 hay 18 ngàn là

họ bán.

Đức Lý còn dặn: Mua xong miếng đất ấy rồi, phải xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa, nhập vào mới trọn để cất Tòa Thánh theo kiểu vở của Bạch Ngọc Kinh.

Đức Lý cho biết, đất bây giờ còn rẻ, nhưng ngày sau khai khẩn xong rồi, lập nên Tòa Thánh, Đạo phát triển thì chung quanh đất ấy sẽ rất quý báu, đất mắc hơn vàng.

Như vậy, chúng ta nhận thấy rằng việc tìm ra cuộc đất để lập thành Thánh địa, xây cất Tòa Thánh là hoàn toàn do Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông chỉ dạy và hướng dẫn, chớ không phải do Hội Thánh tự ý đặt ra.

Câu nói mà Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông cùng xác nhận là: **“Chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi.”** Đó là Thiên Điều, bất di bất dịch, của Đạo Cao Đài, tức là của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Cho nên chúng ta thấy các Tòa Thánh khác của các Chi phái Đạo Cao Đài lập ra ở những nơi khác, đều không thể tồn tại lâu dài được. Đó chỉ là nhất thời trong sự bất đồng cũng nhất thời, để rồi ngày sau cũng phải qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, chỉ có một gốc Tây Ninh mà thôi.

## II. ĐỊNH VỊ TRÍ VÀ KÍCH THƯỚC TÒA THÁNH

Ngày 28-2-1927 (âl 27-1-Đinh Mão), Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dạy về vị trí xây cất Tòa Thánh và kích thước Tòa Thánh như sau:

*“THÁI BẠCH. Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội. Bình thân.*

*Bình Thanh! Hình Phật Thích Ca trước Hiệp Thiên*

*Đài đó, phải làm thế nào cho đừng hư gãy, vì Chí Tôn đã trấn Thần chính nơi tay Người nghe. Quả Càn Khôn cũng vậy, khi tháo ra rồi ráp lại y như vậy, khi tháo ra phải cầu Lão đũa Thần một đôi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à! Dẫn đến Thánh Thất mới, phải cầu Chí Tôn trấn Thần lại nữa.*

*Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu lại phải khai phá đám rừng trước miếng đất. Như vậy, ngay trung tim rừng, cách miếng đất trống chừng 3 thước rưỡi, đóng một cây nọc, đo Hiệp Thiên Đài như vậy: Ngoài Bàu Cà Na đo chừng 30 thước đóng một cây nọc. Ấy là khuôn viên Tòa Thánh. Lão lại dặn, từ cây nọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước Lang sa, nghe à! Tứ vuông 27 thước, mỗi góc của Đài Bát Quái, nghĩa là hình nhà tròn có 8 nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước Lang sa, làm 8 góc rộng bao nhiêu tùy ý, trên Điện Bát Quái bề cao 9 mét, hình nóc tròn mô lên chỉ 8 nóc cho phân minh, trên đầu đài phải để cây đèn vàng.*

*Kế nữa là Chánh Điện, bề dài 81 mét, bề ngang 27 mét. Lão phải vẽ mới dựng.*

*Kế nữa Hiệp Thiên Đài tứ vuông 27, hai tầng, mỗi tầng 9 mét, hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả có Bạch Ngọc Chung Đài. Lão phải vẽ mới dựng.*

*Hộ Pháp, Thượng Phẩm! Nội trưa này phải cầm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn vào Điện phò loan cho Lão vẽ. Bính Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào Điện hết, nghe à!*

*Phải mua khoảnh đất Bàu Cà Na làm Động Đình Hồ, nghe à! THẮNG. (ĐS. II. 226) [ HTĐ tứ vuông 27: tức là HTĐ cất trên miếng đất hình vuông, mỗi cạnh 27 mét ].*

Theo bài Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông thì Tòa Thánh cất gồm 3 phần:

– Bát Quái Đài, xây trên khoảnh đất hình vuông, mỗi cạnh 27 mét, nền cao 9 mét.

– Cửu Trùng Đài, là phần Chánh Điện, xây nối theo, bề ngang 27 mét, bề dài 81 mét.

– Hiệp Thiên Đài, xây nối theo Cửu Trùng Đài, trên hình vuông, mỗi cạnh 27 mét.

Tổng cộng thì bề dài của Tòa Thánh là:  $27 + 81 + 27 = 135$  mét và bề ngang của Tòa Thánh là: 27 mét.

Những chi tiết khác thì Đức Lý vẽ và dạy riêng cho Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm và Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh.

Chúng ta nhận thấy các con số về kích thước của Tòa Thánh đều là những bội số của một số căn bản là 9.

Cũng trong ngày hôm đó, Đức Chí Tôn giảng dạy tiếp như sau:

*“Thơ! Thái Bạch muốn lập Thánh Thất coi cho tốt đẹp, chẳng tưởng sự khó nhọc của các con, Thấy chẳng đành. Thoảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ, tính làm theo thước mộc, nghe à! Tắc! Con vẽ trúng, nhưng con Long mã làm sao thêm cho 3 ngọn đèn bằng nhau. Thơ! Con khá chịu cực nhọc với Đạo một phen, liệu lượng thế nào, Thấy giảng tâm dạy dỗ, nghe à! Các con lo làm, Thái Bạch xem sóc các con. Nhớ rằng danh Đạo do nơi Tòa Thánh, làm thế nào danh các con cùng Vạn quốc thì làm. Thấy ban ơn cho các con. “(ĐS. II. 227)*

#### CHÚ THÍCH:

Thơ: là Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh.

Tác: là Đức Hộ Pháp Phạm công Tác.

Thước mộc: là cây thước làm bằng gỗ thuở xưa của dân ta, có bề dài bằng một chống cánh chỏ. Theo Từ Điển Tiếng Việt, thước mộc có bề dài khoảng 0,425 mét.

Thước Lang sa: Cây thước Tây, dài 1 mét.

Theo bài Thánh giáo trên của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn thấy Đức Lý Giáo Tông ra kích thước cất Tòa Thánh lớn lao quá, sợ quá hao tổn tiền bạc của nhơn sanh, nên gợi ý với Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh là thay vì thực hiện họa đồ của Đức Lý bằng thước Tây (mét), thì nên thực hiện theo thước mộc, như vậy kích thước của Tòa Thánh sẽ giảm nhỏ lại, đỡ tốn kém hơn.

Sau đó, đến ngày 8-3-1927 (âl 7-2-Đinh Mão), tại chùa Gò Kén, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy tiếp về việc xây cất Tòa Thánh:

*“Cư! Con vẽ Thánh Thất phải, song nơi con để con Long mã, con nên làm một cái đài nhỏ có cửa sổ cho hơi không khí thông thương vô Đại điện tốt hơn. Thơ bạch: Xin đức nền Tòa Thánh bề cao 9 mét theo kiểu của Đại Tiên cho.*

*– Tốn kém nhiều lắm con ơi!*

*Bính! Con nên đo từ mé rừng dưới vào cho tới 50 mét, rồi kể 81 mét, rồi kể 27 mét, làm như vậy, Thánh Thất nằm trọn vào rừng mà thành ra như bao quanh một Vườn Thiên nhiên rất đẹp. Thấy tường khi con cũng thấy sỏi, con cứ lấy đường con cắt, đo vô rừng 27 mét mà phát trống thì Chùa nằm tại chỗ, còn khi cất, con nhắm thể nào cho nóc Bát Quái Đài và Hiệp Thiên Đài cho ngay mặt Trời phía Tây thì trúng. Con nhớ nghe! Thấy ban ơn cho các con.”* (ĐS. II. 229) Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch giảng cơ dạy tiếp:

*“Cười ... Họa đồ của Lão, Chí Tôn chê và trách rằng: Hao phí vô nên nặng lắm. Chí Tôn sửa lại mỗi cấp 3 tấc Tây mà thôi, dưới đất 5 tấc, chín cấp 3 tấc là 2 mét 70, cộng là 3 mét 20, còn 10 mét thì chỉ đầu trong nền Bát Quái Đài, trên đầu song chỉ nóc 13 thước mới khỏi mưa nước đọng mà phải mục, nóc của Đại điện và của Hiệp Thiên Đài cũng y mực như vậy, phải làm plafond hai đài chuông trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài 6 thước.*

*1) Đèn xanh ngay giữa Đại điện làm hình Long mã phụ Hà đồ.*

*2) Điện BQĐ để cây đèn vàng ngay nóc.*

*3) HTĐ để cây đèn đỏ.*

*THẮNG.”* (ĐS. II. 230)

### III. LỊCH SỬ KIẾN TRÚC TÒA THÁNH

Như phần trên đã trình bày, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy tất cả chi tiết, kích thước trong họa đồ xây cất Tòa Thánh từ tháng Giêng năm Đinh Mão (1927), nhưng lúc đó Đạo còn quá nghèo, số tín đồ chưa đủ đông, nên việc xây cất Tòa Thánh bằng vật liệu kiên cố chưa thể thực hiện ngay được.

Hiện thời chỉ có thể cất Tòa Thánh tạm bằng mái tranh vách ván, để có ngay nơi thờ cúng Đức Chí Tôn, và gấp rút dời Thánh Thất từ chùa Gò Kén về đây để trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhãn.

Ngày 13-2-Đinh Mão (dl 16-3-1927), Hội Thánh quyết định trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhãn, thỉnh cốt tượng Thái Tử Sĩ Đạt Ta cõi ngựa Kiến Trắc về Thánh Thất tạm cất trên đất mới, gọi là Thánh địa.

Các cơ quan khác của Đạo cũng lần lượt được xây dựng tạm với mái tranh vách đất, để có nơi làm việc và nghỉ ngơi cho chư Chức sắc. Công việc tiến hành dần dần đi vào ổn định để lo xây dựng Tòa Thánh bằng vật liệu nặng với qui mô lớn lao mà Đức Lý Giáo Tông đã định.

Nhưng rồi sau đó, nội bộ của Hội Thánh rạn nứt, có một số ít Chức sắc tách riêng ra lập Chi phái, trở lại công kích Hội Thánh, toan phá Đạo, nên việc xây dựng Tòa Thánh không thể khởi công được, mà phải gác lại nhiều năm.

1/. Mãi đến tháng 10 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thái Thơ Thanh (lúc đó còn ở phẩm Thái Chánh Phối Sư) mới đứng ra khởi công đào móng làm nền, đào hầm Bát Quái, công việc không tiến triển được nhiều, rồi vì thiếu thốn tiền bạc nên phải tạm ngưng. *(Đó là Kỳ nhứt).*

2/. Năm 1933 (Quý Dậu), Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt hiệp cùng Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh tiếp nối công trình, làm thêm được một ít rồi cũng phải ngưng lại, *(Đó là Kỳ thứ nhì)*, kể Đức Quyền Giáo Tông lâm bệnh và đăng Tiên ngày 13-10-Giáp Tuất (1934).

3/. Năm 1935 (Ất Hợi), Ngài Tiếp Thế HTĐ Lê thế Vĩnh nông trang, chấp chưởng vận động tiền bạc, nhờ Bác Vật Phan hiếu Kinh từ Sài gòn lên làm Cố vấn, khởi làm được lầu Hiệp Thiên Đài, đúc cột đỡ plafond dựng chút ít nữa, rồi cũng phải ngưng công việc lại. *(Đó là Kỳ xây dựng thứ ba).*

4/. Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc được giao nắm quyền Hội Thánh, chưởng quản Nhị Hữu hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng, Đức Hộ Pháp mới trừ tính kế hoạch tiếp tục xây

cất Tòa Thánh cho đạt được thành công.

Đức Ngài huy động được 500 công quả hiến thân nơi Phạm Môn làm lực lượng công thợ nông cốt, khởi công tiếp nối việc xây cất Tòa Thánh vào ngày 1-11- *Bính Tý (dl 14-2-1936).*

Đức Ngài buộc các vị công quả công thợ, Nam và Nữ, phải lập Hồng thệ, trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh, không được cưới vợ hay lấy chồng, dặng đủ tinh khiết mà tạo tác Tòa Thánh.

Đức Ngài cũng ban lệnh cho các Châu đạo và Tộc đạo Hành Chánh và Phước Thiện, Nam phái và Nữ phái, nỗ lực lo tiền bạc, vật liệu, lương thực, gửi về Tòa Thánh liên tục để công cuộc tạo tác Tòa Thánh không bị gián đoạn. Nhờ khéo tổ chức như thế, nên công việc tạo tác Tòa Thánh được tiến hành liên tục trong suốt 4 năm rưỡi, thì Đạo Cao Đài bị chánh quyền Pháp khủng bố, vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp ngày 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941) và đày đi hải đảo Madagascar ở Phi Châu.

Công việc tạo tác Tòa Thánh đã hoàn thành được phần căn bản, chỉ còn phân đắp vẽ trang trí nữa là xong, nhưng tất cả đều phải ngưng lại, vì chánh quyền Pháp đã bắt Đức Phạm Hộ Pháp, nhà binh Pháp chiếm đóng Tòa Thánh làm nhà xe, và chỗ ở cho lính Pháp, đuổi các công thợ và Chức sắc ra khỏi Tòa Thánh.

Quân đội Pháp còn lên chôn dưới nền Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh một trái mìn rất lớn, chứa 1000 kg chất nổ, ý đồ giựt cho nổ sập Tòa Thánh trước khi chúng rút đi và đầu hàng quân đội Nhựt. Nhưng ý đồ đen tối của chúng không thành công. [Xem: Phần VII phía sau]



Ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp được Chánh quyền Pháp đưa trở về Tòa Thánh, sau hơn 5 năm bị lưu đày nơi hải ngoại.

Ngay sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp liên huy động số công thợ công quả trở lại để sửa chữa những chỗ hư hỏng của Tòa Thánh do lính Pháp gây ra, rồi lo đắp vê, sơn phết, trang trí gấp rút hoàn thành nội trong năm Bính Tuất, tức là đến Tết Đinh Hợi phải xong.

Ngày *mùng 3-Giêng-Đinh Hợi (dl 24-1-1947)*, Tòa Thánh được hoàn thành. Tổng Giám Lê văn Bàng, các Phó Tổng Giám và Tá Lý, đại diện các công thợ Nam Nữ làm Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh, được Hội Thánh tiếp nhận vô cùng hoan hỷ.

Ngày *mùng 6-Giêng-Đinh Hợi (dl 27-1-1947)*, tức là 3 ngày sau khi làm Lễ Bàn giao Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp làm Lễ Trấn Thần Tòa Thánh.

Ngày *mùng 8-Giêng-Đinh Hợi (dl 29-1-1947)*, Đức Phạm Hộ Pháp làm Lễ rước Quả Càn Khôn (đã gởi nơi Báo Ân Từ khi tạo tác Tòa Thánh) về thờ nơi Tòa Thánh, để khuya hôm đó, giờ Tý cúng Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

Nhưng mãi đến 8 năm sau, Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức Đại lễ Khánh Thành Tòa Thánh vào dịp Vía Đức Chí Tôn ngày *mùng 9-Giêng-Ất Mùi (dl 01-02-1955)*. Đây là một cuộc lễ vĩ đại nhất của Đạo Cao Đài kể từ trước tới nay.

Người Tín đồ Cao Đài rất hãnh diện có được một ngôi Tòa Thánh đồ sộ, nguy nga, tráng lệ, do Thiên ý hợp cùng nhơn lực tạo nên, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế, tiêu biểu cho một nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với

tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo và Phục nhứt Ngũ Chi

- Trong cuộc Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh, Tổng Giám Lê văn Bàng có viết một bài Diễn văn ghi lại các giai đoạn tạo tác Tòa Thánh một cách khá chi tiết, xin chép lại nguyên văn sau đây: (Tài liệu của Ban Kiến Trúc, ấn hành năm Tân Hợi 1971).

*Ngày 3 tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl 24-1-1947)* Đúng 8 giờ ban mai, khi Đức Hộ Pháp đến Bửu điện, có cả Chức sắc Thiên phong Nam Nữ và một số Chức việc, Đạo hữu, độ 300 vị tề tựu đủ mặt.

Vị Tổng Giám Lê văn Bàng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn thể nhơn công Nam Nữ làm lễ ra mắt những vị tiền vãng.

Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức sắc Nam Nữ vào lạy Chí Tôn xin ban ơn huệ cho cả gia quyến các công thợ và những thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Tòa Thánh.

Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp nhơn danh Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung, kẻ công người của, mà đã trải qua biết bao thời gian nguy biến và gian lao gìn giữ đức tin, mới lần hồi kiến tạo nên một Đền Thờ vĩ đại oai nghiêm, tráng lệ dường này.

Vị Tá Lý Lê ngọc Lờ, thay mặt Tổng Giám Lê văn Bàng, đọc lời chúc mừng Đức Hộ Pháp:

“Tòa Thánh là cái hồn của Đạo hoặc là khối đức tin lớn, xuất hiện tại vùng Á Đông, là cuối kỳ Hạ nguơn hầu mãn, nhờ nơi huyền diệu thiêng liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng, biết bao nhiêu tín đồ đã từng giáo. Đạo phải có một Thánh thể của Chí Tôn thiết hiện tại

thế, là khối đức tin của toàn nhơn loại, để chú trọng và tín ngưỡng. Bởi lẽ ấy mà nguyện vọng thiết tha của bao nhiêu tín đồ đòi hỏi ở chỗ phải cất Tòa Thánh, và biết bao người Đạo ở các nơi cứ trông ngóng hỏi Tòa Thánh cất rồi chưa?

– Vì lẽ đó mà Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư, thi hành theo tiếng gọi của chúng sanh để làm Tòa Thánh, thì biết bao nhiêu hăng hái vui mừng của người Đạo chung hợp cùng nhau để làm Tòa Thánh cho mau đến ngày kết quả.

Ngày ..... tháng 10 năm Tân Mùi (1931) thì khởi công tạo tác, nào đào hầm Bát Quái đồ bê-tông, rồi không hiểu tại sao phải ngưng làm, thì cái hầm ấy cũng là một di tích, hay là một cái mầm móng của bước đầu tiên đã sáng tạo nên, đành chấm một dấu hỏi để sau này?

Từ ấy, Đức Quyền Giáo Tông cứ ung dung lo phổ thông nền Chơn giáo.

– Qua kỳ thứ hai thì lo tiếp tục lại để làm Tòa Thánh nữa. Hội đồng cả Chức sắc HTĐ và CTĐ lại để chung trí dựng tạo thành. Ông Tiếp Thế Lê thế Vĩnh chấp chương vận động, mượn Bác vật Phan hiểu Kinh, người lãnh la-tách, khởi làm lầu HTĐ, đúc cột và đồ la-phong dựng chút ít, lại cũng ngưng công việc làm, đành chịu một chấm hỏi thứ hai nữa?

Lúc ấy nhằm lúc khó khăn, cơ đời biến đổi, làm cho thuyền Đạo lăm lăm giữa nghiêng, cũng bởi nhân tình thế thái kích bác chê bai, vu cáo Đức Quyền Giáo Tông đủ lẽ, nhân nơi lẽ ấy mà Ngài chán nản coi đời vô vị, chỉ đem lại cho Ngài những mĩa mai của miệng thế, vì lẽ ấy mà Ngài sớm lìa cõi trần, hồi về cữ vị.

Ôi thôi! Cũng do nơi cái Tâm của nhơn loại đái Ngài, từ đó mất hết một tay rường cột của nền Đại Đạo.

Khi ấy, Sư phụ ( Đức Phạm Hộ Pháp) phải thay thế gánh vác cả nhiệm vụ mà chính Chí Tôn phú thác, thống nhất Nhị Hữu hình Đài, thực hiện mối Đạo nhơn nghĩa, mới trùng theo Thiên ý mà Đức Chí Tôn gọi là Phổ độ chúng sanh. Sư phụ thi hành triệt để theo ý của Đại Từ Phụ, phổ thông Chơn giáo cho cả Chức sắc Nam Nữ CTĐ đi hành đạo các tỉnh.

Đạo phổ thông mau chóng, hàng triệu tín đồ tòng giáo. Sư phụ định ninh rằng: Công cuộc tạo tác Tòa Thánh chắc chắn sẽ tiếp tục làm lại ở sau này. Còn một mặt, Sư phụ sắp đặt cho những người ở bên Phạm Môn, chính hai chữ Phạm Môn ở trong phạm vi eo hẹp về kinh tế, làm cho lăm người ngờ vực mà các con không thể nói đặng.

Hại thay! Chánh trị bên ngoài lại còn nghi kỵ hơn nữa, bắt buộc phải giải tán hai chữ Phạm Môn, treo bảng cấm nhậ các cơ sở Phạm Môn.

Do nơi ấy mà Sư phụ mới day trở, cái cơ để lập ra Cơ Quan Phước Thiện, dạy những người Phạm Môn cứ đi các tỉnh Nam Kỳ để khai mở Cơ Quan Phước Thiện và Lương Điền Công Nghệ, vv...

Những người lãnh cả sứ mạng ấy thật là dốt nát, chơn chất thật thà, có người không biết chữ quốc âm nữa là khác, nhưng cũng nhờ tánh chất ấy mà Cơ Quan Phước Thiện mở mang một cách mau chóng, biết bao người mang cả sự nghiệp, đồn điền để hiến làm một cái nhà chung, trong khi ấy, Đạo có đến 3 triệu người tòng giáo. Sư phụ nhận thấy chắc chắn làm Tòa Thánh đặng, không thất bại nữa.

Trong 3 triệu người, mỗi người chung hiệp 1 đồng bạc cũng làm được, nên Sư phụ không ngần ngại gì cả mà không tạo tác Tòa Thánh, để đáp lại cái nguyện vọng của chúng sanh mong đợi.

### 1. Giai đoạn thứ nhất:

Đến ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (dl 14-12-1936), Sư phụ khởi công làm Tòa Thánh.

Ngày mà khởi mua đồ thì trong tủ Hộ Viện không tiền, lại còn lưu lại nợ ăn trước nữa là khác. Song le, nhờ sự tổ chức của Sư phụ rất biệt tài, nào xe bò, xe camion vận tải đồ đạc, trong các Châu, các Tộc, các Làng, kẻ của người công, đủ dùng không thiếu.

Trên thì có Sư phụ làm hướng đạo, dưới thì các con đồng tâm hiệp lực, bao quản nhọc nhằn, nắng mưa bao ngại, cơm còn phải thiếu ăn, hầm hút cháo rau từ bữa. Nhưng các con cứ phấn tâm nung chí, rán sức bên lòng lo tô điểm nhà thờ chung cho mau chóng. Đó là 2 năm đầu.

### 2. Qua giai đoạn thứ nhì:

Trải qua 3 năm sau, biết bao lần đau khổ, ngoài thì nghịch Đạo phá rối đủ điều, còn trong thì thiếu thốn, tình thế khó khăn, các vật liệu bị Chánh phủ hạn chế. Lúc ấy, Sư phụ sợ Tòa Thánh làm không rồi, mà nếu Tòa Thánh biếng trễ một ngày là một hại cho nhơn sanh vậy.

Vì thương Thầy mến Đạo, nên lúc ấy các con tình nguyện lãnh làm Tòa Thánh và có dâng Tờ Cam Kết với Sư phụ và Hội Thánh rằng: Các con vì Đạo, vì nhơn sanh, nên mới làm Đền Thờ Đức Chí Tôn, sau khi hoàn thành thì các con không đòi hỏi điều chi với Hội Thánh cả.

Khi Tờ Cam Kết đã nạp rồi thì các con lại càng hăng

hái làm việc thêm nữa, nhưng mà lẽ Thiên cơ dĩ định, sức phạm khó thắng với sức thiêng liêng, nên sự tạo tác đàn cam ngưng trệ.

Lệnh Chánh phủ bắt buộc Tòa Thánh phải đình công. Tin đó đưa ra như đất bằng sóng dậy, sét đánh vào tai, toàn Đạo nghe qua rất nên não nuột, đã vậy mà còn bắt Sư phụ lưu đày sang hải ngoại.

Giai đoạn này, các con lấy làm thảm đạm, là Thầy xa trò, thì có mong chi Tòa Thánh đoạt thành.

Nơi Tòa Thánh từ đó Quân đội Pháp đã đóng binh, các Chức sắc còn lại lo trừ hoạch, tìm phương lo Đạo.

Lúc ấy, các con như gà mất mẹ, như chim lạc đàn, bơ vơ chiu chít, không còn phải lắng nghe tiếng còi đặng trở về chuồng, rồi kẻ một nơi, người một ngã, lẫn lóc với cuộc đời sầu khổ.

Ôi! Các con tưởng rằng không còn trở lại Tòa Thánh lần thứ hai nữa, nhưng các con còn nhớ lời tiên tri của Thầy rằng: Sau đây các con còn trở lại làm Tòa Thánh nữa. Lời tiên tri ấy, các con vẫn đinh ninh để an ủi lấy lương tâm chờ đợi.

May thay! Tin Hội Thánh cho hay rằng: Ông Giáo Sư Đại biểu (Trần quang Vinh) lo tổ chức cơ phục quốc, trước là lo cho nước đặng tự do, sau là đòi Sư phụ trở về Tòa Thánh. Từ đó, các con cũng hăng hái lo hiệp tác với anh em, trải qua mấy năm, các con cũng giữ tròn nhiệm vụ.

### 3. Qua giai đoạn thứ ba:

Rất may mắn thay, nhơn nguyện Thiên tòng, lẽ Thiên cơ biến chuyển thành linh, tới ngày 24 tháng Giêng năm Ất Dậu (dl 8-3-1945), Việt Nam được nắm chánh quyền



thì nền Đại Đạo được phục hồi, Tòa Thánh mở cửa.

Lúc này Ông Giáo Sư Khí thay mặt cho Hội Thánh lo kiến thiết lại. Kế Ông thì có Thừa Sứ Huỳnh hữu Lợi tận tâm sát cạnh với Ông Lâm tài Khí rất hoạt động, vận tải đồ đạc dựng làm Tòa Thánh, thì các con chung tâm hiệp trí lo làm theo di tích của Sư phụ còn lưu lại nơi Đền Thánh.

Nhưng mà vận Đạo còn ở trong đám mây mờ, nên sự tạo tác chỉ lay lắt cho qua ngày đợi Thầy về. Tùy theo thời thế xây trở theo chiều, nào là tiền bạc, nào quyền thế, mà còn chổ phân tâm, nên dân thợ làm Tòa Thánh đình công một ngày. Ông rất ôn tồn hòa nhã mà nhấn nại khuyên nhủ anh em làm Tòa Thánh, và có nhắc lời tiên tri của Thầy để lại rằng còn nhiều nỗi khó khăn nữa, mấy em phải rán nhẫn nại mà nghe lời Qua thì sau sẽ gặp Thầy.

Ngày Chánh phủ Pháp sắp đến, Ông truyền lệnh cả chu vi Tòa Thánh phải treo cờ Tàu, thì các con lấy làm ngạc nhiên, nhìn thấy lá cờ Tàu bay phất phới theo chiều gió. Đó là do nơi lời tiên đoán của Thầy để lại, nên gió Thánh đã xủ phất lá cờ hộ mạng che phủ cho Tòa Thánh. Trường hợp này rất nên mắc mỏ, một đảng trì một đảng kéo, ông ở giữa phải giao thiệp cả hai bên, nào là ruộng rừng lấp lợ, nào làm cống đào mương, đã vậy mà Ông Lâm tài Khí còn phải bị nạn trong 3 tiếng đồng hồ nơi khám Tây Ninh.

Ôi! Biết bao nỗi khổ, Ông là người Tàu mà dám hy sinh với Đạo và một phần Chức sắc cùng đàn em theo tùng sự với Ông nên rất đau đớn. Ấy chẳng qua là Thiên cơ tiền định, nhờ sự ủng hộ của thiêng liêng, dầu việc dữ cũng hóa ra hiền, sự rủi hoá may, nhiều điều rất kinh tâm

tán đờm, mà rồi cũng dựng dựng dung hòa.

#### 4. Qua giai đoạn thứ tư:

Cơ Chuyển thế xây vắn, lẽ Thiên cơ biến tướng, nên Ông Giáo Sư Đại biểu và cả Chức sắc Thiên phong ở Sài gòn phải thọ khổ, cũng nhờ thọ khổ mới toan giải khổ, Ông sẽ đòi sự tự do của Đạo lại và đem Sư phụ trả về Tòa Thánh.

Ngày mà dựng tin Sư phụ khai hoàn thì toàn Đạo ai cũng đều hơn hởi vui mừng. Hội Thánh thì lo sắp đặt sửa soạn huy hoàng dựng rước Đức Giáo Chủ qui hồi cố quốc.

Thế nên Đạo đã đến kỳ tăng tiến, như sanh đổi họa ra phúc từ đây. Đã trên 10 năm, thuyền Đạo bị truân chuyên trắc trở, biết bao bão táp mưa sa, nay Trời êm sóng lặng, Sư phụ đã qui hồi thì sự hy vọng của toàn Đạo nay đã mãn nguyện.

#### 5. Qua giai đoạn thứ năm:

Ngày Sư phụ về Tòa Thánh đến nay, Ôi! Thân già sức yếu, gối mỏi da dòn, phần thì 5 năm xông pha trên bước lao trường, lẽ thì phải an dưỡng một thời gian mới phải, nhưng mà Đền Thánh còn lưu lại sự tô điểm sờ sờ nơi góc Trời Nam kia, như sanh đã trông ngóng từ lâu, nên Sư phụ cho lệnh đòi cả anh em, chị em tạo tác Tòa Thánh ban sơ mau trở lại, sự đoàn kết khi xưa đã qui hợp, nhưng mà cái số 500 dân thợ khi trước, nay chỉ còn không dựng phân nữa cái số ấy, kể thì mắc phải gia đình ràng buộc, người thì lo việc khác, người thì qui liễu, nghĩ có đáng buồn chăng?

Nhưng mà các con cũng cố gắng theo Thầy lo tô điểm đã ngoài 4 tháng, nhằm ngày 30 tháng Chạp mới hoàn tất.

Vậy ngày nay, các con xin giao Tòa Thánh lại cho Hội Thánh.

### 6. Qua giai đoạn thứ sáu:

Chúng con xin dâng những nguyện vọng của các con sau này. Từ buổi ban sơ đến nay, các con được hấp thụ những lời giáo hóa của Sư phụ thì Đền Thờ Đấng Cha Lành là của chung toàn nhơn sanh, nay mà làm đặng trong xứ Nam nầy tức là nguồn cội của dân Nam.

Các con đây, tuy là phận ngu hèn dốt nát mặc dầu, cũng hiểu biết ít nhiều Đạo lý.

Đền Thờ là của chung, các con đây là con của Đức Chí Tôn, nên các con phải nhịn ăn nhịn mặc, sự làm dẫu khó khăn nhọc nhằn đến mấy thì các con cũng cương quyết.

Ngày nay, Đền Thờ đã kết liễu, thì sự vui mừng của các con đã mãn nguyện, nên các con đây cũng không vì công làm bấy lâu mà nài xin với Hội Thánh điều chi hết. Các con có một điều hy vọng là ngày nào đời đặng thái bình, dân Nam đều biết Đạo, thì các con chí hướng đi tu mà thôi.

Hiện nay Sư phụ đã già, mà sự tạo tác cũng còn, thì các con cũng tình nguyện theo chơn Thầy mà làm việc. Ngày nào Sư phụ giao việc lại cho Hội Thánh thì các con cũng xin thôi, hầu có lo cơ bảo tồn. Đó là nguyện vọng của các con như thế.

Nhân dịp ngày Xuân, các con đồng chúc Sư phụ muôn tuổi, Chúc sắc HTĐ, Chúc sắc CTĐ, Chúc sắc Phước Thiện, đều đặng trường cửu, Thượng Hạ Sĩ quan Quân đội vạn sự hòa bình, Tòa Thánh mới đặng thất ức niên.

### HỤY BÚT:

Theo lời vừa mới đọc qua, đó là nguyện vọng chung, còn phần riêng của anh chị em nào muốn cầu xin Hội Thánh điều chi thì làm, nạp cho Tả Lý và Tổng Giám xét công dâng lên Hội Thánh định đoạt.”

Tòa Thánh, ngày mùng 3 tháng Giêng năm Đinh Hợi. (dl 24-1-1947)

### TỔNG GIÁM

*Lê Văn Bàng*

Tả Lý Lê ngọc Lờì đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lại, với vẻ cảm động và vui mừng, rằng:

*“Những công trình kiến tạo nầy, nếu không phải có Thiên cơ tiên định thì chưa mấy ai tạo đặng, bằng cơ là khi Đạo đặng thanh hành, nhơn sanh hằng triệu, Ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh đảm đương khởi tạo, rồi cuộc cũng thất bại.*

*Sau, Đức Quyên Giáo Tông Thượng Trung Nhứt hiệp cùng bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh kế tạo cũng không thành.*

*Sau nữa, Ông Tiếp Thế Lê thế Vĩnh cũng hằng hái nông trang, lại cũng không kết quả.*

*Sau bao lần bất thành, Bản đạo đứng ra hiệp cùng những môn đệ trung thành còn sót lại mà lần hồi tạo tác cho đến ngày nay được kết quả với một kỳ công xứng đáng.*

*Khi khởi công, trong tú không có một đồng, phải chẳng Đức Chí Tôn đã thử thách tấm lòng son sắt của chúng ta.*

*Ấy vậy, tên tuổi của mấy em và mấy con trong lúc kiến tạo nầy, sử Đạo sẽ lưu truyền nêu danh hậu thế.”*

Cô thợ hồ Nguyễn thị Sen đọc bài chúc mừng Đ. Hộ Pháp:

“Bạch Đức Hộ Pháp,

Thưa cùng chư Chức sắc Thiên phong Nam Nữ,

Chúng con là thợ hồ phái Nữ, xin kính lễ chào Quý Ngài, và có mấy lời biện bạch, cúi xin Quý Ngài niệm tình tha lỗi.

Trong thời kỳ tạo tác Tòa Thánh, chúng con không ngờ rằng một dịp may cho Nữ phái chung công hiệp sức cùng Nam phái để tạo Đền thờ Đại Từ Phụ. Nếu được các Ngài nhìn nhận, chúng con cũng dám tự nói rằng, trong sự đua tranh về hành vi giúp đời tạo thế, chúng con dù phận liễu yếu đào thơ, cũng không đến nỗi thẹn cùng bạn mà râu Nam tử.

Hồi nhớ lại khi hầm hút tương rau, khi áo quần không đủ ấm, chúng con nhờ nương nơi chí thanh cao của Đức Giáo chủ dắt dìu, chúng con lòng không sồn, chí chẳng đổi, dầu phải trải qua bao phen khổ não về tinh thần lẫn vật chất, Ôi! thời kỳ tạo tác Tòa Thánh, nếu chúng con không đủ đức tính hy sinh, không đủ lòng kiên nhẫn, không đủ sức thẳng nỗi phàm tâm, thì ngày nay, chúng con không còn đứng trước mặt Quý Ngài mà tự hào công trạng.

Ấy vậy, Tòa Thánh ngày nay được hoàn thành, chúng con rất vui mừng không xiết. Và ngày nay, tháng Giêng năm Đinh Hợi, Bính Tuất đã dứt, Đinh Hợi vừa sang, chúng con cúi đầu chúc Sư phụ năm mới được vạn sự an lành; nhân dịp, chúng con cúi đầu chúc chư Chức sắc HTĐ và CTĐ được Đức Chí Tôn ban bố hồng ân hậu

đủ phương thế cứu vớt nhơn sanh thoát vòng khổ hải. Sau đây, chúng con cầu chúc quý vị Sĩ quan sang năm mới được nhiều may mắn.

Xuân đi Xuân đến, đối với các con đã gây biết bao mối cảm tình, hòa lẫn những dòng lệ ưu hoài cuộc thế vẫn xoay, ngày nay chúng con cảm thấy bao nhiêu chuyện mới mẻ tươi cười, mà cũng bao nhiêu điều cũ kỹ bi ai, các con hồi tưởng lại 5 năm vừa qua, trong lúc vắng mặt Sư phụ, các con đây chẳng khác chim nọ lạc bầy, chiu chít nơi mây bạc đầu non, chân trời góc bể, các con trên đường đời như cánh nhạn trời cao, mỗi người một ngã, các con chỉ sống với một cái sống tạm thời, cũng như sương sa gió thoảng, tìm đủ phương đẹp mới thê lương, song cũng không thể nào quên hết những nỗi đau khổ của một ông cha hiền lành và rất kính mến, vì nhơn loại, vì các con mà phải chịu cực khổ mấy năm trường, các con ở nơi nhà, hằng để tâm cầu khẩn cùng Đức Chí Tôn, xin cho Sư phụ được trở về nơi Tổ quốc.

May mắn thay, Thiên ý chiều người, Sư phụ đã trở về. Ngày nay, các con đặng gặp và tụ hội nơi đây để chúc mừng Sư phụ trong ba ngày Xuân nhựt. Trong ba ngày, các con dọn cái bàn trong tâm giới, đốt sáng ngọn đèn huệ minh, lau chùi sạch sẽ cái trí, lọc lừa trong nước hằng sống của linh hồn, đặng đến trước Đền Thờ cầu nguyện cùng Đấng Chí Tôn, cầu xin cả thế giới đặng hòa bình, khỏi nạn chiến tranh, và nên Đại Đạo được mau chóng hoằng hóa. Các con đồng kính.”

Khi đọc xong, Đức Phạm Hộ Pháp đáp lời rằng:

*“Bần đạo không ngờ mấy em phái Nữ mà đạt được một kỳ công đáng giá dường này. Hồi nhớ lại, khi mới khởi*

*công, Bản đạo đã chọn bên phải Nam tạo tác mà thôi, sau vì hơn công không đủ làm việc, nên mới lập cho mấy em, ban đầu trộn hồ gạch gạch, lần hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến bộ, cũng như phần đông Nam phái. Có phải mọi việc chi cũng có đủ Nam Nữ (Âm Dương) mới tạo thành lý Đạo, ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.*

*Khi ấy, vì lòng dè dặt của Bản đạo, nên mới buộc mấy em và mấy con phải hồng thệ thủ trinh, đặng đủ tinh khiết mà tạo nên Đền Thánh.*

*Ngày nay đặng hoàn thành rồi, Bản đạo sẽ lần lượt giải thệ cho mấy em và mấy con nào muốn ra lập gia đình tùy thích.”*

Đức Hộ Pháp kêu vị Tổng Giám Lê văn Bàng đem TỜ GIAO LÃNH mà khi xưa mấy vị này đã ký giao ước với Ngài lại với Hội Thánh, chứ Chức sắc CTĐ Nam Nữ đồng ký tên nhận lãnh, có các Chức sắc HTĐ chứng kiến, mà Đức Hộ Pháp lại ký tên với danh vị một người thợ hồ.

Ông Ngọc Chánh Phối Sư thay mặt Hội Thánh CTĐ để lời cảm ơn Đức Hộ Pháp và chư Đạo hữu Nam Nữ đã dày công kiến tạo Tòa Thánh. Ông xin hơn danh Hội Thánh CTĐ mà nhận lãnh Tòa Thánh gìn giữ muôn đời.

**Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày mùng 3-Giêng-Đinh Hợi.**

(dl 24-01-1947)

## IV. MÔ TẢ TÒA THÁNH

Đứng trước Tòa Thánh, chỗ khoảng sân rộng có cột phướn, nhìn thẳng vào Tòa Thánh, chúng ta thấy nổi bật 2

tháp vuông lớn, cao vút, song song nhau. Đó là Bạch Ngọc Chung Đài và Lôi Âm Cổ Đài, thường gọi là Lầu Chuông và Lầu Trống. Mỗi tháp đều có 6 tầng không đều nhau, có mái ngấn bao quanh phân chia các tầng.

Tầng dưới cùng (tầng trệt) của 2 tháp này có 2 khuôn bông lớn hình chữ nhật, ở giữa có 2 chữ Nho lớn trong hình bầu dục, bên Lầu Trống là chữ CAO ( ) và bên Lầu Chuông là chữ ĐÀI ( )

Bên trên khuôn bông này là 4 ô hình tròn có gắn 4 chữ Nho: Bên Lầu Trống 4 chữ LÔI ÂM CỔ ĐÀI ( ) và bên Lầu Chuông 4 chữ BẠCH NGỌC CHUNG ĐÀI ( ).

Tầng kế bên trên, ở bên Lầu chuông có đắp tượng Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung mặc Đạo phục đứng trên quả địa cầu, tay mặt cầm quyển Thiên thư; và ở bên Lầu Trống thì có đắp tượng Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, mặc Đạo phục đứng trên quả địa cầu, tay mặt cầm một nhánh bông, tay trái xách giỏ Hoa lam. (*Xem Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Tiểu sử của Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh trong Phần thứ sáu*).

Tầng thứ ba kế bên trên, ngắn hơn 2 tầng dưới, mỗi bên có gắn 2 bông gió để thông hơi.

Lên tầng thứ tư, bề cao dài nhưt, giữa hình chữ T rất lớn màu trắng có đắp hình một bó hoa lớn, màu sắc sặc sỡ, như đang rơi xuống biển, dưới ánh bình minh, còn 3 phía hông còn lại thì gắn những khung lá sách sơn màu xanh. (*Xem Giải thích ý nghĩa Bó hoa trong Phần thứ sáu*).

Bên trong tầng thứ tư này, bên Lầu trống có đặt 1 cái trống lớn, gọi là Lôi Âm Cổ, và bên Lầu chuông đặt một cái chuông lớn gọi là Bạch Ngọc Chung. Khi đánh

chuông hay đánh trống, âm thanh vang rền truyền đi rất xa để thức tỉnh những người đang còn chìm đắm trong giấc mộng trần.

Từng thứ năm và thứ sáu có 4 cạnh dần dần nhỏ lại, và 4 bên đều có gắn các khuôn bông thông gió, trang trí với nhiều màu sắc rất đẹp. Nơi từng thứ sáu là từng chót, cao nhứt, có làm lan can bao quanh, để du khách có thể lên đứng trên đó nhìn thấy khung cảnh toàn vùng Thánh địa.

Trên nóc Lầu chuông và Lầu trống, mỗi bên đều có đắp hình 3 Bửu pháp: Bên dưới là Giỏ Hoa lam, bên trên là cái Bàu Hồ lô và một cây Gậy. Hồ lô và cây Gậy là bửu pháp của Đại Tiên Lý thiết Quả, đứng đầu Bát Tiên, mà trong thời ĐĐTKPĐ này, Ngài vâng lệnh Đức Chí Tôn giáng trần là Đức Quyển Giáo Tông Lê văn Trung; còn Giỏ Hoa lam là bửu pháp của vị Long Nữ, đệ tử của Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Chí Tôn giáng trần là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

Giữa Lầu chuông và Lầu trống là một kiến trúc 3 tầng (một trệt, 2 lầu) gọi chung là Hiệp Thiên Đài, mà phía trước có một bao lơn hình bán nguyệt rất lớn, gọi là Vinh Dự Công Lao Chi đài, gọi tắt là Đài Danh dự. Trên bao lơn có dựng một cây cột cờ, hơi xiên ra ngoài để treo lá cờ Đạo vào những ngày lễ trong Đạo. *(Xem Giải thích ý nghĩa lá cờ Đạo trong Phần thứ sáu).*

Chống đỡ bao lơn này có 4 cây cột, chia ra mỗi bên 2 cây đặt kế nhau: Một cây có đắp hình con rồng đỏ quấn xung quanh cột, một cây đắp hình các hoa sen, lá sen và cọng sen quấn chung quanh cột, để 2 cây cột rồng và sen đó ghép lại tượng trưng 2 chữ LONG HOA. (Long là

rồng, Hoa là bông) *(Xem giải thích chi tiết chữ Long Hoa nơi Phần thứ sáu).*

Trên vành bao lơn có đắp 8 khuôn hình ghi lại 8 Điển tích tượng trưng 8 ngành nghề trong dân chúng: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục. *(Xem 8 Điển tích này nơi Phần thứ sáu).*

Hai bên cửa chánh của từng trệt HTĐ, sát vách Lầu chuông và Lầu trống, có đắp pho tượng 2 vị Thiên Thần: Ác và Thiện, thường gọi là Ông Ác và Ông Thiện. *(Xem sự tích Ông Ác và Thiện trong Phần thứ sáu).*

Tòa nhà HTĐ 3 tầng ấy có từng trệt được gọi là Tịnh Tâm Điện, lầu kế bên trên Tịnh Tâm Điện được gọi là Lầu Hiệp Thiên Đài, vì có lập Bàn thờ 15 vị Chức sắc cao cấp nhứt của HTĐ, và từng này thông ra bao lơn hình bán nguyệt như đã nói ở trên. Phía trước Lầu HTĐ, ở 2 bên bìa có bông 2 chữ Nho đại tự là NHƠN và NGHĨA.

P phía dưới 2 chữ NHƠN NGHĨA này là đôi liên Hiệp Thiên Đài, khởi đầu bằng 2 chữ HIỆP và THIÊN:

**Hiệp nhập Cao Đài, bá tánh thập phương qui  
chánh quả,  
Thiên khai Huỳnh đạo, Ngũ chi Tam giáo hội  
Long Hoa.**

Nghĩa là:

- Hiệp vào Đạo Cao Đài, nhưn sanh khắp nơi được trở về ngôi Chánh quả,
- Trời mở Đạo Cao Đài, các Đấng trong Ngũ Chi Đại Đạo và trong Tam giáo tham dự Đại Hội Long Hoa.

Từng lầu bên trên hết được gọi là Phi Tướng Đài,



cũng gọi là *Thông Thiên Đài*, xưa gọi là *Tiêu Diêu Điện*, nơi mặt tiền phía trước có đắp hình Thiên Nhân rất lớn, chỗ lan can trước Thiên Nhân có đắp hình Cổ pháp Tam giáo: bình Bát vu (tượng trưng Phật giáo), cây Phất chủ (tượng trưng Tiên giáo), sách Xuân Thu (tượng trưng Nho giáo).

Trên nóc của Phi Tường Đài có đắp tượng của Đức Phật Di-Lạc (Di-Lạc Vương Phật) ngự trên tòa sen đặt trên lưng một con cọp vàng. (*Xem sự tích Đức Phật Di-Lạc nơi phần thứ tư*). Con cọp ấy tượng trưng năm Bính Dần (1926) là năm Khai Đạo Cao Đài.

Bước qua bên cạnh, nhìn vào phía hông Tòa Thánh, chúng ta thấy bên trên có 3 tầng mái đồ cong cong, đúc bằng bê-tông, nhưng trang trí như lợp ngói móc, bên trên nóc nhô lên 2 cái tháp cao: một cái có hình vuông bên dưới hình tròn bên trên gọi là Nghinh Phong Đài, và một cái hình tám cạnh gọi là Bát Quái Đài. Nghinh Phong Đài nằm ở chính giữa Cửu Trùng Đài, và phần Cửu Trùng Đài gồm có 9 lồng căn có mái ngói đều sơn màu đỏ, còn phần Bát Quái Đài, mái ngói đều sơn màu vàng.

Như vậy, Tòa Thánh gồm có 3 phần:

- Phần trước là Hiệp Thiên Đài (HTĐ), 2 bên có 2 tháp vuông rất cao là Lâu chuông và Lâu trống.
- Phần giữa là Cửu Trùng Đài (CTĐ) có tháp tròn là Nghinh Phong Đài.
- Phần cuối là Bát Quái Đài (BQĐ), có tháp cao hình 8 cạnh Bát quái. (*Xem giải thích ý nghĩa nơi Phần thứ sáu*)

Nóc của Nghinh Phong Đài là một bán cầu úp xuống, trên đó có vẽ họa đồ Ngũ Châu và Ngũ Đại dương, để

tượng trưng Địa cầu của nhơn loại chúng ta đang sống, và trên bán cầu này có đắp hình một con Long mã phụ Hà đồ, đang bỏ vó chạy về hướng Tây, nhưng ngoái đầu lại nhìn về hướng Đông.

Ngay phía dưới Nghinh Phong Đài là hai cửa hông ở hai bên đi vào Chánh điện Tòa Thánh.

Còn trên nóc của Bát Quái Đài, đắp một tòa sen lớn, trên đó có 3 vị Cổ Phật là: Brahma Phật, Civa Phật, và Christna Phật.

Bên dưới Bát Quái Đài, mỗi bên có xây một cầu thang đi lên, hai bên mỗi cầu thang đều có đắp hình 2 con Kim Mao Hẩu màu vàng, trông rất oai vệ.

Nơi 2 cửa hông Tòa Thánh bên dưới Nghinh Phong Đài, cũng có làm 2 cầu thang đi lên, và mỗi cầu thang đều có đắp hình 2 con Kim Mao Hẩu như nơi BQĐ.

Hai bên hông Tòa Thánh là một dãy hành lang rộng, đi từ trước bọc ra sau, thông hai bên. Hành lang có nhiều bậc giống như bên trong Tòa Thánh, từ thấp ở phía trước, dần lên cao ở phía sau.

Chống đỡ mái hiên hành lang là một hàng cột tròn bao quanh Tòa Thánh, đếm được tất cả là 112 cây cột.

Dưới mái hiên, trên đường viền giữa các cây cột, có trang trí hình dây nho, lá và trái nho; bên trên có một khuôn tròn vẽ hình 2 con hạc bay lúc mặt Trời mới mọc. (*Xem giải thích chi tiết nơi Phần thứ sáu*).

Phía trong hành lang là vách Tòa Thánh, giữa mỗi căn có một khuôn bông sen rất lớn gồm những bông sen, lá sen và cọng sen, đỡ một khung có hình Thiên Nhân ở chính giữa một tam giác đều, có làm những tia hào quang

phát ra.

Chung quanh Tòa Thánh có tất cả 23 khuôn bông sen có hình Thiên Nhân, hiệp với Thiên Nhân trên Phi Tượng Đài phía trước Tòa Thánh, tổng cộng là 24 Thiên Nhân.

Chúng ta trở lại phía trước để chuẩn bị đi vào Tòa Thánh theo lối cửa chánh, quan sát bên trong Tòa Thánh.

Chúng ta bước lên bậc thêm 5 cấp bằng đá mài màu nâu. Năm cấp thêm này tượng trưng 5 cấp tiến hóa của người tu phải trải qua khi đạt đến Phật vị. Đó là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

Lên đến mí thêm, chúng ta gặp ngay 4 cây cột lớn, mỗi bên 2 cây đứng kế nhau, một cây có hình rồng màu đỏ quấn quanh, một cây có hình cọng sen và bông sen quấn quanh. Hai cây cột có quấn rồng và bông sen này tượng trưng 2 chữ LONG HOA (Long là rồng, Hoa là bông). (Xem giải thích về Long Hoa trong Phần thứ sáu).

Chúng ta đứng ngược nhìn lên phía trên, thấy một bức họa, trên đó vẽ một bàn tay từ trong mây đưa ra cầm cây Cân đặt trên quả địa cầu của nhơn loại. Đó là bàn tay của Đấng Thượng Đế cầm cây Cân Công Bình thiêng liêng để cân TỘI và PHƯỚC của mỗi người sau khi qui liễu, để có sự thưởng phạt công bình cho mỗi linh hồn.

Hai bên cửa chánh, chúng ta lại thấy 2 pho tượng lớn:

– Phía sát vách Lầu chuông là tượng của vị Thiện Thần, mà người đạo quen gọi là Ông Thiện, có gương mặt hiền từ, tay cầm cây siêu cán dài, đứng trên tòa sen (Liên đài).

– Phía sát vách Lầu trống là pho tượng của vị Ác

Thần, mà người đạo quen gọi là Ông Ác, có gương mặt dữ tợn, tay mặt cầm một cái búa lớn, tay trái cầm cục Ngọc tỷ, đứng trên tòa lửa (Hỏa đài).

Phía sau 4 cây cột tròn sơn sọc xanh là tới cửa chánh làm bằng gỗ quý, gồm một cửa lớn ở giữa và hai cửa nhỏ ở hai bên, được đánh véc ni màu sậm bóng láng. Hai cây cột hai bên cửa lớn có hình vuông, trên đó có cần đòi liên Hiệp Thiên Đài bằng chữ Nho, khởi đầu bởi 2 chữ Hiệp Thiên:

– *HIỆP nhập Cao Đài bá tánh thập phương qui chánh quả,*

– *THIÊN khai Huỳnh Đạo, Ngũ Chi Tam Giáo hội Long Hoa.*

Bên trong cửa chánh là một khoảng rộng, gọi là Tịnh Tâm Điện, là nơi để cho các tín đồ giữ lòng trong sạch, loại bỏ các tư tưởng không tốt, trước khi vào Chánh điện bái lễ Đức Chí Tôn.

Một bức vách chắn ngang ngăn cách Tịnh Tâm Điện và phần Chánh điện bên trong, trên đó có một bức họa thật lớn, gọi là bức họa TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC.

Trên bức họa này có họa hình 3 vị:

– Đức Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm Thánh hiệu là Thanh Sơn Đạo Sĩ (hay Thanh Sơn Chơn Nhơn), mặc triều phục Việt Nam, cầm bút lông, đang viết câu chữ Nho:

***Thiên thượng Thiên hạ - Bác Ái Công Bình***

– Đức Victor Hugo, đại văn hào của nước Pháp, Thánh hiệu là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, mặc triều phục nước Pháp, cầm bút lông ngỗng, đang viết câu chữ Pháp:

***DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE***

– Đức Tôn dật Tiên, tức là Tôn Văn, nhà Đại Cách Mạng của nước Trung Hoa, Thánh hiệu là Trung Sơn Chơn Nhơn, cầm nghiên mực đỏ, để cho 2 vị kia chấm bút lông vào đó mà viết chữ trên tấm bia đá chiếu hào quang. Đó là bảng Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước, tức là bảng giao kết giữa Trời và Người. (Xem giải thích chi tiết trong Phần thứ hai)

• Cả 3 vị Thánh đều đứng trên mây, nghiên mực và bia đá đều tỏa hào quang.

**TRUYỆN KÝ TAM THÁNH:**

“– Cụ **Nguyễn bỉnh Khiêm**, nhà Tiên tri danh tiếng lớn ở đời Mạc- Lê, thi đậu Trạng nguyên, tước vị Trình Quốc Công, tục gọi là Trạng Trình, giáng cơ tự xưng là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Sư Phó của Bạch Vân Động.

– Cụ **Victor Hugo**, nhà thi gia trứ danh của Pháp quốc, giáng cơ tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là đệ tử của Cụ Nguyễn bỉnh Khiêm ở Bạch Vân Động.

– Cụ **Tôn dật Tiên**, đại cách mạng gia nước Trung Hoa, nhũ danh là Tôn Văn, giáng cơ tự xưng là Trung Sơn Chơn Nhơn, tức là đệ tử của Cụ Nguyễn bỉnh Khiêm ở Bạch Vân Động.

Ba vị Thánh Nhơn trên đây là Thiên Sứ đặc lệnh làm hướng đạo cho nhơn loại để thực hành Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước.” (HỘI THÁNH)

Qua khỏi Tịnh Tâm Điện và bức họa Tam Thánh Ký Hòa Ước, chúng ta bước xuống bực tam cấp đá mài nâu, thì chúng ta đứng tại bực thấp nhất của CTĐ. Đó là cấp 1 của CTĐ.

Quay mặt nhìn vào gian giữa, chúng ta thấy 3 pho tượng to lớn đứng trên 3 tòa sen:

– Tượng của *Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc* ở giữa, mặc Đại phục, đứng trên tòa sen giữa Thất đầu xà ở bực đá mài cao hơn hết, tay cầm cây Kim Tiên (Bửu pháp của Thái Sư Văn Trọng thời nhà Trụ trao cho Đức Hộ Pháp).

– Tượng của *Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư* ở phía tay mặt của Đức Hộ Pháp, đứng trên tòa sen trước cây Phướn Thượng Phẩm, mặc Đại phục, tay mặt cầm Long Tu Phiến có gắn Phát Chủ, tay trái cầm xâu chuỗi Từ Bi.

– Tượng của *Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang* ở phía tay trái của Đức Hộ Pháp, đứng trên tòa sen trước cây phướn Thượng Sanh, mặc Đại phục, tay mặt cầm cây Phát Chủ, tay trái nắm xâu chuỗi Từ Bi, sau lưng thì giắt Thư Hùng kiếm.

Ba tòa sen đặt trên 3 cái đôn, một con rắn lớn, da màu nâu sậm, có 7 đầu gọi là Thất Đầu Xà, mình rất dài, quấn vào cả 3 cái đôn này, đuôi rắn quấn tròn vào đôn của Đức Thượng Sanh, thân rắn quấn vào đôn của Đức Hộ Pháp, còn 7 đầu rắn tượng trưng Thất Tình của con người, chia ra: 3 đầu Hỷ, Lạc, Ái đưa thẳng lên cao sau lưng Đức Hộ Pháp giống như tạo thành chỗ dựa; 2 đầu Ố và Dục tẻ ra hai bên, gục xuống vừa tầm để Đức Hộ Pháp đặt 2 tay lên như để chế ngự; 2 đầu Nộ và Ai ở dưới thấp, gục xuống vừa tầm để Đức Hộ Pháp đặt chân lên khi Đức Ngài ngồi trên tòa sen. Như thế, 7 đầu rắn ấy kết hợp với tòa sen đặt trên cái đôn, tạo thành như một cái ngai để Đức Hộ Pháp ngự trên đó, với 2 tay kẹp chế 2 đầu Ố và Dục, 2 chân đạp lên 2 đầu Nộ và Ai, không cho 2 đầu này góc



lên, và 3 đầu Hỷ, Lạc, Ái cho cất lên cao như làm thành chỗ dựa lưng cho Đức Hộ Pháp.

Trên vách phía sau ngai của Đức Hộ Pháp là bùa chữ KHÍ ( ), vẽ màu vàng trên nền đỏ.

Sau lưng Đức Thượng Phẩm có treo lá phướn Thượng Phẩm, trên đó có Cổ pháp Thượng Phẩm là Long Tu Phiến và Phát Chủ.

Sau lưng Đức Thượng Sanh thì có treo lá phướn Thượng Sanh, trên đó có Cổ pháp Thượng Sanh là Thư Hùng Kiếm và Phát Chủ.

Chúng ta còn thấy trên 2 cây cột ở hai bên chữ KHÍ có đôi liễn Phạm Môn:

- PHẠM giáo tùy nguơn cứu thế độ nhơn hành chánh pháp,
- MÔN quyền định hội trừ tà diệt mị hộ chơn truyền.

Nghĩa là:

- Phật dạy tùy thời kỳ mà cứu độ người đời thì hành theo Chánh pháp,
- Quyền lực của cửa Đạo định ra thời kỳ trừ diệt tà mị bảo hộ chơn truyền.

Dưới 3 pho tượng của Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh là 5 bức đá mài màu nâu hình bán nguyệt, gọi là Ngũ Lô Đài, dành cho Thập nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài đứng châu lễ Đức Chí Tôn.

Dưới 5 bức đá mài bán nguyệt vừa kể ở trên là cấp thứ 1 (thấp nhất) của CTĐ. Trong cấp này, phần giữa dành cho các Chức sắc Pháp Chánh HTĐ đứng châu lễ Đức Chí Tôn, và 2 phần 2 bên dành cho các tín đồ Đạo

hữu nam nữ châu lễ.

Đứng tại đây nhìn vào Bửu điện, chúng ta thấy 2 hàng cột rồng xanh thẳng tắp cao lớn, với nhiều bậc từ thấp lên cao. Mỗi hàng có 9 cây cột rồng xanh, hai hàng gồm 18 cây cột, tương ứng với 9 cấp của CTĐ cao dần lên tới Bửu điện.

Đặc biệt có 2 cây cột rồng xanh ở hàng thứ năm từ ngoài đếm vào, có xây 2 cái đài nhỏ hình xoắn ốc lên cao, bằng phân nửa bề cao của cột rồng, được gọi là *Giảng đài*, dùng làm nơi để Chức sắc lên đứng Thuyết đạo, hoặc làm nơi cho 2 vị Chức sắc đứng điều khiển buổi lễ cúng đàn: Giảng đài bên Nam có vị Giáo Sư phái Ngọc đứng xướng lễ; Giảng đài bên Nữ có vị Nhạc Sư Bộ Nhạc, cầm cái bông sen và có một đèn hiệu để điều khiển ban nhạc, lễ và đồng nhi.

Đọc theo hai bên vách Tòa Thánh, ngang với mặt bằng lầu một HTĐ, là 2 dãy bao lơn dài vô tới Bát Quái Đài. Dãy bao lơn này được gọi là Bao lơn Thanh đấng (Ngài Thời Quân Khai Đạo dịch ra Pháp văn là Balcon des Innocents), dành cho phẩm Lễ Sanh châu lễ Đức Chí Tôn trong những kỳ Đại lễ có quá đông Lễ Sanh tham dự đàn cúng. Bao lơn bên Nam phái dành cho Lễ Sanh và Giáo Thiện Nam phái, bên bao lơn Nữ phái dành cho Lễ Sanh và Giáo Thiện Nữ phái.

Chúng ta đi lên đến bậc thứ 9 của Cửu Trùng Đài, chúng ta thấy nơi gian giữa có đặt 7 cái ngai sơn son thếp vàng rất long trọng và rất đẹp, đặt trên bệ gỗ bóng láng.

7 cái ngai này dành cho 7 vị Chức sắc cao cấp nhất của Cửu Trùng Đài, kể ra như sau:

– 3 ngai dưới dành cho 3 vị Đầu Sư 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc.

– 3 ngai kế trên dành cho 3 vị Chưởng Pháp 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc.

– 1 cái ngai lớn nhất và đẹp nhất đặt sau cùng dành cho Đức Giáo Tông.

Hai bên 7 cái ngai này là 2 hàng tàn, lọng và Dàn Bát bửu.

7 cái ngai này ở cấp thứ 9 của CTĐ, tức là cấp cao nhất của CTĐ. Qua khỏi 7 cái ngai là đến cấp thứ 10 làm trung gian giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, nơi đây có khoảng rộng gọi là Cung Đạo. Tại Cung Đạo, tiếp giáp với Bát Quái, chúng ta thấy có 2 cây cột quán rồng vàng.

Kể từ chỗ 2 cây cột có quán rồng vàng này, các bậc đi lên được xây theo hình Bát Quái có 8 cạnh đều nhau, bên ngoài lớn, bên trong cao lên và nhỏ dần, được làm bằng đá mài màu vàng. Có tất cả 12 cấp Bát Quái, cấp trên cao hơn cấp dưới kế tiếp 10 phân. Cấp thứ 12 cao nhất, có cần đủ 8 Cung Bát Quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Cung Đoài ở ngay hướng Tây, Cung Chấn ở ngay hướng Đông, Cung Khảm hướng Nam, và Cung Ly hướng Bắc.

Ngay trung tâm của Bát Quái có đức một hình trụ tròn để giữ vững cây trụ của Quả Càn Khôn. Bên trên cây trụ này là một Quả Càn Khôn thật lớn, hình cầu, đường kính 3 thước 3 tấc (3,30 m), sơn màu xanh da trời, trên đó có vẽ rất nhiều ngôi sao, (tổng cộng 3072 ngôi sao). Phía trước Quả Càn Khôn ngó ra Cửu Trùng Đài có vẽ một Thiên Nhân lớn tỏa hào quang, hiện ra giữa đám mây,

ngay phía trên ngôi sao Bắc Đẩu.

Phía dưới Quả Càn Khôn là bàn thờ đóng bằng gỗ theo hình Bát Quái. Trên bàn này, theo 8 đường lý tâm ra 8 góc Bát Quái, có đặt 8 con rồng màu trắng bạc (Bạch long) đầu hướng ra ngoài, trong tư thế như đang gìn giữ và bảo vệ nơi thờ phượng tôn nghiêm trong Bát Quái Đài.

Cũng trên bàn thờ này, phía dưới Thiên Nhân, phân đôi diện với CTĐ, có đặt nhiều Long vị viết bằng chữ Nho, sơn son thếp vàng, thờ các Đấng Giáo Chủ, Tam Trấn, và các Thánh Tử Đạo, kể ra sau đây:

– Long vị thờ Đức Phật Thích Ca, Giáo Chủ Phật giáo, đề là: **Tây Phương Giáo Chủ**

– Long vị thờ Đức Lão Tử, hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Giáo Chủ Tiên Giáo, đề là: **Thái Thượng Đạo Tổ**

– Long vị thờ Đức Khổng Tử, Giáo Chủ Nho giáo, đề là: **Khổng Thánh Tiên Sư**

3 Long vị của 3 Đấng Giáo Chủ này đặt ngang hàng nhau, Long vị của Đức Phật Thích Ca đặt ở chính giữa, Long vị của Đức Lão Tử đặt phía tay mặt của Đức Phật Thích Ca, và phía tay trái là Long vị của Đức Khổng Tử.

Dưới 3 Long vị trên là 3 Long vị của Tam Trấn Oai Nghiêm ĐĐTKPĐ, kể ra:

– Long vị thờ Đức Lý Đại Tiên Trưởng, Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đặt ngay phía dưới Long vị Đức Phật Thích Ca, đề là: **Thái Bạch Kim Tinh**

– Long vị thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, Nhị Trấn Oai Nghiêm, đặt dưới Long vị của Đức Lão Tử, đề là: **Quan Âm Như Lai**

– Long vị thờ Đức Quan Thánh, Tam Trấn Oai

Nghiêm, đặt dưới Long vị của Đức Khổng Tử, để là: **Quan Thánh Đế Quân**

Dưới Long vị của Đức Lý Thái Bạch ở hàng giữa là:

– Long vị Đức Chúa Jêsus, Giáo Chủ Thiên Chúa Giáo, để là: **Gia Tô Giáo Chủ**

– Dưới Long vị của Đức Chúa Jêsus là Long vị của Đức Khương Thượng, làm đầu Thần đạo Trung Hoa, để là **Khương Thượng Tử Nha**.

Hai bên Long vị của Đức Chúa Jêsus là 2 Long vị: Thánh Tử Đạo Nam phái và Thánh Tử Đạo Nữ phái.

Ngoài ra, bên Nam phái còn có một Long vị nhỏ thờ Victor Hugo (Văn hào Pháp) để là: **Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn** vì Ngài được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo. Bên cạnh phía dưới có một bài vị để là: **Thần vị Nourm Dinh**.

Bên dưới các Long vị có một đôi Qui Hạc khá lớn (hình con Hạc vươn cổ cao lên, đứng trên lưng con Rùa).

Ngoài ra còn có các đĩa chưng trái cây, bình hoa, lư hương, chũn đèn, và các đồ thờ linh tinh khác.

Các Đấng có Long vị thờ nơi Bát Quái Đài đều có tạc tượng trên tấm diềm chính giữa, phía trên Cung Đạo. Tấm diềm này có hình chữ M ở khoảng giữa 2 cây cột rồng vàng tại Cung Đạo, có đắp 5 sắc mây lành (Ngũ sắc tường vân), trên đó có đắp tượng các Đấng Giáo Chủ và Tam Trấn, kể ra như sau:

- Nơi hàng giữa, trên hết là tượng Đức Phật Thích Ca mặc áo cà sa vàng, ngồi trên tòa sen, kể dưới là tượng Đức Lý Thái Bạch, Đức Chúa Jêsus Christ, và Đức Khương

Thượng Tử Nha.

- Phía tay trái của Đức Phật Thích Ca là tượng của Đức Khổng Tử và Đức Quan Thánh.

- Phía tay mặt của Đức Phật Thích Ca là tượng của Đức Lão Tử và Đức Quan Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen.

Hai bên tấm diềm chính giữa, ở 2 căn 2 bên, cũng có 2 tấm diềm nữa, đặt xéo góc ôm theo hình Bát Quái, cũng có dạng chữ M với 5 sắc mây lành, trên đó có gắn các tượng:

– Tấm diềm bên phía Nữ phái có gắn tượng Bát Tiên, gồm: hàng trên 4 vị cỡi thú bay và hàng dưới có 4 vị cỡi thú chạy, kể tên ra như sau:

- Lữ Động Tân cỡi chim hạc.
- Hà Tiên Cô cỡi chim phụng.
- Hàn Tương Tử thổi sáo cỡi con công.
- Lam Thế Hòa cỡi chim trĩ.
- Tào Quốc Cự cỡi Mai Hoa Lộc.
- Lý Thiết Quả cỡi voi.
- Hớn Chung Ly cỡi Tứ bất tướng.
- Trương Quả Lão cỡi lừa ngược.

– Tấm diềm phía bên Nam phái có gắn tượng Thất Thánh hồi đời Phong Thần Trung Hoa, gồm:

- Lý Tịnh. Na Tra. Mộc Tra. Kim Tra.
- Vi Hộ. Dương Tiễn. Lôi Chấn Tử.

Bây giờ, chúng ta quan sát những hình trang trí trên la-phông (Plafond):

\* Nơi la-phông dù của Cung Đạo, ở giữa các vì sao trên bầu trời xanh, có một hình bầu dục, chung quanh có 12 tia hào quang dài xen kẽ 24 tia hào quang ngắn.

Bên trong hình bầu dục này gồm có:

- Chính giữa là hình Thiên Nhân có hào quang tỏa ra xung quanh, tượng trưng Trời, tức là Thượng Đế.

- Chung quanh Thiên Nhân gồm: cây Đại Ngọc Cơ, Ống Xăm và 2 miếng âm dương, cây Tiểu Ngọc Cơ với vòng cung mẫu tự ABC..., một cái đĩa nhỏ để giao tiễn quẻ, một cái bàn 3 chân dùng xây bàn, một lỗ tai, một bộ sách buộc bằng vàng đề chữ Tứ Kinh, hình một Ông già có râu đen trên quả địa cầu, một cái bảng đá mở ra có 3 dòng chữ nôm đọc ra là:

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mẫu rưới khắp. . .  
(có in trong TNHT.I.5)

một xấp giấy có cây bút đang viết 3 câu thơ chữ nôm đọc ra là:

Viết thử Thiên thơ với nét trần,  
Hầu sau bền giữ nghiệp Hồng Quân.  
Chuyển luân thế sự. . .  
(có in trong TNHT.II.121)

một bàn tay từ trong mây đưa ra viết 3 câu thơ chữ nôm đọc ra là:

Ký thành một cuốn gọi Thiên thơ,  
Khai Đạo muôn năm trước định giờ,  
May bước phải gìn. . .  
(có in trong TNHT.I.115)

Ý nghĩa của các hình vẽ này là:

Trời (Thiên Nhân) và Người (biểu tượng Ông râu đen trên quả địa cầu), có thể thông công với nhau nhờ

các dụng cụ như: – Đại Ngọc Cơ, - Tiểu Ngọc Cơ, - Xây bàn, - Chắp bút (biểu tượng cái bàn tay cầm cây viết), - Ống Xăm với 2 miếng Âm Dương để xin keo, gieo tiền quẻ trên đĩa. Nhờ đó, như loại tiếp nhận được các bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn và của chư Thần Thánh Tiên Phật, để lưu truyền dạy dỗ như sanh về đường đạo đức.

Con mắt, lỗ tai và tay cầm viết trong khuôn hình tượng trưng Trời thấy tất cả, nghe biết tất cả, biên chép tất cả (Dieu voit tout, entend tout, écrit tout), không có chi trong CKVT này mà giấu giếm được Trời.

\* Nơi la-phông dù của 9 cấp CTĐ đều có trang trí hình 6 con rồng doanh nhau: 2 rồng vàng, 2 rồng xanh và 2 rồng đỏ, tượng trưng 2 câu kinh trong Bài Ngọc Hoàng Kinh:

*“Thời thừa lục long, Du hành bất tức.”*

\* Nơi la-phông bằng phẳng của 2 gian 2 bên Chánh Điện, mỗi ô đều có trang trí hình 3 con thú linh là: Lân, Qui, Phụng. Ba con thú linh này kết hợp với Rồng nơi la-phông dù của gian giữa thành Tứ linh: Long, Lân, Qui, Phụng.

Người xưa cho biết, khi thú linh xuất hiện ở vùng đất nào là điềm lành báo trước có việc lành sắp xảy đến.

## V. KÍCH THƯỚC THỰC SỰ CỦA TÒA THÁNH

Theo lời giảng cơ dạy bảo của Đức Lý Giáo Tông thì họa đồ xây cất Tòa Thánh do Đức Lý Giáo Tông vẽ theo kiểu của Thiên đình, có kích thước là:

- Bề ngang Chánh điện là: 27 mét.
- Bề dài Tòa Thánh là: 135 mét.

chia ra: Hiệp Thiên Đài dài: 27 mét, Cửu Trùng Đài dài: 81 mét, Bát Quái Đài dài: 27 mét.

– Nền BQĐ cao 9 mét, nhưng Đức Chí Tôn sửa bớt lại cho đỡ tốn kém: Nền cấp thứ 1 của CTĐ cao 5 tấc, mỗi cấp CTĐ cao 3 tấc, 9 cấp thì cao 2,70 mét, cộng lại cao 3,20 mét.

– Bề cao Lầu chuông và Lầu Trống là: 36 mét.

– Bề cao của Nghinh Phong Đài là: 24 mét.

– Bề cao của Bát Quái Đài là: 30 mét.

Nhưng sau đó, Đức Chí Tôn có giáng cơ dặn Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh rằng:

*“Thơ! Thái Bạch muốn lập Thánh Thất coi cho tốt đẹp, chẳng tưởng sự khó nhọc các con, Thầy chẳng đành. Thoảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ, tính làm theo thước mộc, nghe à!”*

Do đó kích thước thật sự của Tòa Thánh nhỏ hơn kích thước theo họa đồ của Đức Lý Giáo Tông.

Kích thước thật sự của Tòa Thánh đo được với độ chính xác (sai số tương đối) từ 5 phần ngàn đến 10 phần ngàn, kể ra như sau đây:

– Bề ngang Tòa Thánh kể cả 2 hành lang là: 22 mét.

– Bề ngang Chánh điện, đo lọt lòng là: 15, 40 mét.

– Bề ngang của hành lang đo lọt lòng là: 2, 40 mét.

– Bề dài Tòa Thánh:

• từ cuối BQĐ đến mặt tiền Lầu chuông là: 93 m

• từ cuối BQĐ đến hết bậc 5 cấp dưới bao lơn là:

97, 50 m

– Bề ngang của Lầu trống hay Lầu chuông đo được:

4,30 m

– Cửu Trùng Đài có 9 cấp, bề rộng mỗi cấp là: 7 mét.

– Bề rộng của gian giữa (Chánh điện) đo được: 7 mét.

– Bề rộng của mỗi gian ở 2 bên là: 4, 20 mét.

– Bề rộng của Tịnh Tâm Điện là: 5, 60 mét.

– Bề rộng của Cung Đạo là: 2, 80 mét.

– Bề cao của Lầu chuông bằng bề cao của Lầu trống:

• tính từ mặt đất lên đến nóc là: 27 mét.

• tính từ mặt đất lên đến miệng hồ lô là: 28, 20 mét.

– Bề cao của Phi Tượng Đài tính tới nóc là: 14 mét.

– Bề cao Nghinh Phong Đài tới đỉnh Địa cầu là: 17 mét.

– Bề cao Bát Quái Đài tính tới nóc là: 19 mét.

– 5 cấp dưới bao lơn, bước lên cửa chánh Tòa Thánh, mỗi cấp có bề cao là 16 phân (16 cm).

– 4 cấp dành cho Thập nhị Thời Quân đứng châu lễ Đức Chí Tôn, mỗi cấp có bề cao là 19 phân (19 cm).

– 9 cấp của Cửu Trùng Đài, mỗi cấp cao 18 phân.

– 12 cấp nơi Bát Quái Đài, mỗi cấp cao 10 phân.

– Chung quanh Tòa Thánh có tất cả 112 cây cột tròn để chống đỡ mái hiên nơi hành lang.

– Mặt tiền Tòa Thánh, dưới bao lơn có 6 cây cột: 2 cây quán rồng đỏ và 4 cây quán bông sen.

– Tịnh Tâm Điện có 10 cây cột sơn trắng sọc xanh.

– Cửu Trùng Đài có 18 cây cột rồng xanh (Long trụ), chia làm 2 hàng, mỗi hàng 9 cây.



– Cung Đạo có 2 cây cột rồng vàng.

– Bát Quái Đài có 8 cây cột rồng vàng đứng theo 8 góc của hình bát Quái. Tổng cộng, ở tầng trệt của Tòa Thánh, bên trong và bên ngoài, có tất cả 156 cây cột lớn và nhỏ.

## VI. LỄ TRẤN THẦN TÒA THÁNH

“Sớm mai ngày mùng 6 tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl 27-01-1947), Đức Phạm Hộ Pháp hành lễ Trấn Thần và thuyết minh.

*(Lời ký chú của Chức sắc HTĐ đã thừa lệnh Đức Hộ Pháp)*

### MINH TẢ: .

Đức Hộ Pháp mặc Tiểu phục, dạy Thừa Sứ Huỳnh hữu Lợi, Truyền Trạng Phạm ngọc Trấn và các Chức sắc có trách nhiệm đồng theo Ngài đến Báo Ân Từ triều bái Đức Chí Tôn xong (vì Quả Càn Khôn còn thờ nơi Báo Ân Từ), Ngài dùng nước Âm Dương cúng thời Mẹo hành pháp, xin Cam Lộ Thủy và một nhánh dương giao cho Thừa Sứ Lợi. .

Đức Hộ Pháp lấy 3 bó hương, hành pháp xong, Ngài giao cho Truyền Trạng Trấn. .

Đức Ngài ra đi thẳng lại Đền Thánh là 9 giờ 28 phút. Ngài đứng ngay trước Đền Thánh, ngó ngay Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài rải Cam Lộ Thủy và cắm bó hương hành pháp Trấn Thần. Ý nghĩa là từ đây, Đức Chí Tôn hằng để mắt diu dẫn con cái của Ngài và mong mỗi được vui thấy con cái của Ngài về châu Ngài nơi Bạch Ngọc Kinh, sau khi làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng của Ngài phú thác. .

Đoạn tiếp hành pháp Trấn Thần như thế lần lượt đến tượng Đức Phật Di-Lạc trên nóc Phi Tượng Đài. .

Đức Hộ Pháp nói: Đức Phật Di-Lạc đã ngự vào tượng, ngôi thị chứng cho nhơn loại thập phương thế giới day hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện Ngài ban ân huệ cho toàn sanh chúng. .

Tượng Đức Quyền Giáo Tông và Bà Nữ Đầu Sư có ý nghĩa là: Nhị vị ngự thường xuyên trước Đền Thánh để tiếp rước nhơn sanh tiến bước vào đường Chánh giáo, năng lo diu dắt con cái Chí Tôn mỗi khi vào cầu nguyện và chiêm bái Đức Chí Tôn. .

Pho tượng 2 vị Thiện Thần và Ác Thần ở tại 2 bên trước mặt Tòa Thánh là cấp hạ của Tịnh Tâm Đài. Đức Phạm Hộ Pháp nói: .

Đời thường lầm lạc, làm điều ác cho là thiện và thường lấy điều lành cho là ác. Nên từ đây, năng lực của Thiện Thần sẽ phô bày ra mặt đời, thế nào là chánh, việc nào là thiện, làm thế nào là phước, cho thiên hạ rõ. .

Còn Ác Thần thì phô bày ra mặt đời, thế nào là tà, việc nào là ác, sao gọi là tội, cho nhơn loại rõ. .

Hai Ông Thần nầy rất linh hiển, dùng quyền năng thiêng liêng đưa ra thiết tướng trong 2 con đường: Phước và Tội, Siêu và Đọa, Sinh và Tử để cho con cái Đức Chí Tôn khỏi lầm lạc, hầu tránh khỏi con đường tự diệt. Đi vào con đường sanh thì nhơn loại mới mong hòa bình được. .

Đức Hộ Pháp vào cửa Đền Thánh, đứng ngay ngó vào Tịnh Tâm Điện, trấn Thần cái Càn trên ngưỡng cửa. Ngài nói: Từ đây, cái Càn Công Bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã biến tướng thiết hiện ở thế gian nầy để

phân công chiết tội mà định phẩm vị tòa sen cho toàn con cái của Ngài. .

Đức Hộ Pháp sang bên Nam, phía tả Đền Thánh, ngang Cửu Trùng Đài đứng 12 bước thẳng, trấn Thần con Long Mã. Ngài giải: Long Mã tượng trưng Đạo là cơ sanh hóa vạn vật, trên lưng nó có bộ Bát Quái Đồ thơ và cây bửu kiếm, nên có câu: Long Mã phụ Hà đồ. Ý nghĩa: Đạo xuất từ Đông, đem từ Đông sang Tây cứu vớt chúng sanh, đem vạn linh trở về nơi sanh hóa, tránh cơ tự diệt, nên hình Long Mã chạy về Tây mà đầu ngo ngoéo về Đông. (Sau này Đức Ngài sẽ giải thêm hay là nhờ các bậc uyên thâm đạo đức giải rõ). .

Đức Hộ Pháp đến Bát Quái Đài, ngó lên trên, trấn Thần pho tượng Tam Thế Phật (Tam Thanh).

1. **Brahma Phật** đứng trên lưng con Thiên nga (Ngõng trời) ngó tới (ngó hướng Tây), ấy là ngôi thứ nhất, tượng trưng ngôi Thánh đức, thuộc về Cơ Sanh hóa, ấy là Đấng tự hữu hằng hữu, hữu nguyên hữu thủy của vạn vật.

2. **Đức Phật Civa** đứng trên con Giao long (cá hóa rồng), ngó qua phía tả (hướng Nam), ấy là ngôi thứ 2 tượng trưng phần Âm Dương, Cơ Sanh, Cơ Diệt, ấy là ngôi Bảo tồn.

3. **Đức Phật Christna** đứng trên con Giao long (Cá hóa rồng) ngó về phía tả, ấy là ngôi thứ 3 tượng trưng cuộc tuần hoàn, tiên tri cho nhơn loại biết việc trí xảo thuộc Cơ Tranh đấu, cũng là cuối Hạ nguơn, khởi Thượng nguơn Tứ Chuyển.

Đức Hộ Pháp trấn Thần 2 con Kim Mao Hẩu ở 2 bên nấc thang bên hữu Đền Thánh, rồi Ngài vào Cửu

Trùng Đài sang qua bên tả Đền Thánh trấn Thần 2 con Kim Mao Hẩu ở nấc thang luôn.

*Giải:* Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần người tu, nhờ nó mà qua các tầng Trời và về cùng Thầy.

Ngày nay, Đền Thánh cất xong, Đức Chí Tôn cho 8 con Kim Mao Hẩu xuống trấn để trấn Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài tại thế, là không cho ai dùng bạo quyền nào mà chạm đến nó vậy.

Đức Hộ Pháp vào bên tả CTĐ, trấn Thần Thiên Nhân xung quanh Tổ đình, khởi từ giữa xuống đến BQĐ, rồi sang qua bên hữu, hết thấy là 23 Thiên Nhân ngó ra ngoài hành lang, rồi trở vào trong cửa bên hữu CTĐ, trấn Thần tượng Tam giáo Ngũ Chi, sang bên hữu trấn Thần tượng Bát Tiên: Hớn Chung Ly, Trương Quả Lão, Tào Quốc Cựu, Lý Thiết Quả, Hàn Tương Tử, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, Lam Thế Hòa.

Sang bên tả, Đức Hộ Pháp trấn Thần Thất Thánh: Lý Tịnh, Vi Hộ, Dương Tiên, Lôi Chấn Tử, Na Tra, Kim Tra, Mộc Tra.

Trở xuống, Ngài trấn Thần chữ KHÍ. Nơi ngai của Hộ Pháp ngự có một con rắn thần 7 đầu, quấn vào thân dưới cửa ngai, ngóc lên sau lưng 3 đầu, gục xuống 4 đầu, cái mình quấn ngôi Thượng Phẩm, cái đuôi quấn ngôi Thượng Sanh.

Rắn thần 7 đầu tượng trưng con người có Thất tình.

3 đầu rắn ngó lên sau lưng Hộ Pháp là: Hỷ, Lạc, Ái. Người tu nên luyện tập nâng đỡ 3 tình: Mừng, Vui, Thương.

Còn 4 tinh: Ai, Nộ, Ố, Dục, thì đè nén xuống, đừng cho ngóc đầu lên.

Khi Đức Hộ Pháp trấn pháp, hành Bí pháp cùng Thể pháp các Đền Vía Sóc Vọng, khi Ngài đứng là Chuyển Pháp, Ngài ngồi là Trụ Pháp, nên khi Ngài ngồi, 2 chân đạp lên 2 đầu: Ai tả, Nộ hữu; 2 tay đè: Dục tả, Ố hữu.

Đức Ngài nói: Khi Hộ Pháp trấn trên Thất đầu xà là đè nén các vật dục ở thế này gom lại để đời khỏi cấu xé nhau, để Mừng, Vui, Thương cho mọi người chung hưởng, để gìn giữ đạo đức, tu hành dễ dàng, nước nhà thanh trị.

E sau này Hộ Pháp xuất ngoại, Thượng Sanh về ngự nơi đuôi, thì tự do Thất tình lồi cuốn cấu xé lẫn nhau, không phương kềm chế. Ấy là cơ thử thách nội và ngoại, ...

Ngày nào Hộ Pháp trấn lại trên ngai thì mới có thể dễ dàng mọi việc cho Đời Đạo. Quyền thiêng liêng phải vậy, dặng vay trả cho sạch oan khiên, mới đem thuận phong mỹ tục, văn hồi hòa bình trật tự, tháng Thuần ngày Nghiêu, trở nên Thượng cổ.

Còn chữ KHÍ ở sau ngai Hộ Pháp là Khí Sanh Quang của Càn Khôn Vũ Trụ. Vạn vật nhờ Khí Sanh Quang hiện tượng ra mặt thế để bảo tồn Cơ Sanh hóa hay Tấn hóa của toàn thể vạn loại, tức là hữu sanh.

Đã xong Lễ Trấn Thần, Đức Phạm Hộ Pháp đứng giữa Đền Thánh, thì có Lễ Sanh Hương Tranh hỏi: Bạch Thầy, còn 23 Thiên Nhân ngó vào trong Đền Thánh, sao Thầy không trấn Thần luôn?

Ngài dạy rằng: Thiên Nhân bên ngoài thì để cho thiện nam tín nữ qui ở ngoài, khi châu lễ nếu chật chỗ thì ở ngoài, xung quanh Đền Thánh lạy vào chiêm bái trong

giờ hành lễ. Đó cũng là nêu ra từ Đông, Tây, Nam, Bắc, đầu ven trời góc bể, nơi nào đến giờ lễ bái, day về hướng Đền Thánh lạy thì đều có Thiên Nhân cả. Ấy là Thể pháp tượng trưng Bí pháp.

Còn Thiên Nhân ở vách ngó vô Đền Thánh, vì người đạo qui ngang, sợ ô uế, không coi sóc cho tinh khiết được.”

### VII. VỤ TRÁI MÌN 1000 KG CHÔN DƯỚI NỀN TÒA THÁNH

Đây là một âm mưu thâm độc cuối cùng của Chánh quyền Thuộc địa Pháp nhằm tiêu diệt Đạo Cao Đài.

Xin chép ra sau đây lời tường thuật của Cựu Thiếu Tướng Cao Đài Lê văn Tất về vụ trái mìn 1000 kg của Quân đội Pháp bí mật chôn dưới nền Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh, cốt ý là để giựt cho nổ làm sập Tòa Thánh khi cần:

“Trong khi dốc hết tâm sức để diệt Đạo, bắt lưu đày Đức Hộ Pháp và những Chức sắc Thiên phong lãnh đạo cùng với một số đồng tín đồ, người Pháp lại còn trù mưu đánh một đòn quyết liệt cuối cùng nữa là đánh sập luôn Đền Thánh Cao Đài, một trung tâm tín ngưỡng thiêng liêng của toàn đạo.

Nhân dịp đóng binh chiếm đoạt cả châu vi Tòa Thánh (kể từ năm 1942), theo lệnh cấp trên của chúng, một Tiểu đoàn quân Pháp ở đó, đã chôn một quả địa lôi (mine) nặng 1000 kí lô dưới nền Tòa Thánh, để chờ dịp mà giựt cho nổ sập Tòa Thánh này.

Việc quân đội Pháp chôn trái mìn 1000 kí lô này, toàn đạo không một ai hay biết cả, vì như trên đã nói, Hội Thánh đã bị lưu đày, người đạo ở Thánh địa bị đui



về quê quán, nhân công xây dựng Tòa Thánh thì bị giải tán, không được ở lại Tòa Thánh nữa.

Tòa Thánh, tuy đã xây cất xong, nhưng trên mặt nền chưa kịp lát gạch, nên khi quân Pháp chiếm đóng ở đó, chúng đã lén chôn một trái mìn ở dưới nền mà không có gặp một sự trở ngại nào cả và cũng không có ai hay biết gì cả, chỉ trừ có bọn họ mà thôi.

Nhưng nhờ có một sự huyền diệu lạ thường mà người Pháp không thể thực hành được âm mưu thâm độc của chúng, bởi lẽ Đức Chí Tôn đã đến khai Đạo tại nước Việt Nam, đã chọn làng Long Thành tỉnh Tây Ninh làm nơi Thánh địa, đặt Đền Thờ của Ngài, thì thiết tưởng những âm mưu của đám “Bạch quỷ” phàm phu ở mặt thế này để chống lại và tiêu diệt mối Đạo của Ngài, nhứt định không thể thành tựu được.

Dưới đây là lời trần thuật của Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng người Pháp tên là Roubaud:

Thuở ấy y là viên Tiểu Đoàn Trưởng cuối cùng đã chỉ huy một Tiểu đoàn quân Pháp đóng tại châu vi Tòa Thánh. Thiếu Tá Roubaud đã ghi lại cho đăng trên Tuần báo Paris-Match, một tuần báo rất nổi tiếng của Pháp, một câu chuyện rất ly kỳ và huyền diệu mà trong thời gian sống lưu vong tại Phnom-Pênh (Cao Miên) (kể từ năm 1956), tôi (Cựu Thiếu Tướng Lê Văn Tấn) đã có dịp đọc đến.

Đầu năm 1956, đúng vào ngày mùng 3 Tết Bính Thân, tôi đã tự ý rời bỏ Miền Nam Việt Nam đang chịu dưới ách thống trị của gia đình Ngô đình Diệm. Hai ngày sau, nhằm ngày mùng 5 Tết Bính Thân, Đức Phạm Hộ Pháp cùng 2 Cô con gái là Cô ba Cẩm và Cô tư Tranh và vài vị tùy tùng là Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa với con là Hồ

thái Bạch và Anh Lê Văn Thoại (Út Thoại) cũng đã rời Miền Nam và sang trú ngụ tại Nam Vang.

Ít lâu sau, như dịp mua một tờ tuần báo Paris-Match để đọc như thường lệ, thì nơi mục dành riêng cho độc giả (gọi là Courriers des Lecteurs), tôi bỗng gặp một bài báo của Thiếu Tá Roubaud đăng nơi đó và nói về công việc của bọn họ vào những năm chiếm đóng tại Tòa Thánh Tây Ninh. (Quân đội Pháp khởi đóng tại Tòa Thánh vào giữa năm 1942, đến ngày 9-3-1945 thì họ bị Nhật đảo chánh).

Thiếu Tá Roubaud đã viết đại khái là:

“Trong vài tuần trước, tôi có đọc một bài phóng sự của quý báo về một tôn giáo mới ở Việt Nam. Đó là tôn giáo Cao Đài và những hình ảnh đăng kèm theo bài báo làm cho tôi nhớ lại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, nơi mà chúng tôi từng đóng quân.

Khi phái quân đội vào trấn đóng tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, nhà cầm quyền đã trừ mưu triệt hạ Đền thờ này và có ra lệnh cho chúng tôi chôn một trái mìn 1000 kí lô ở dưới nền, với một nhiệm vụ đặc biệt như thế này: Ngày nào quân đội Nhật kéo lên chiếm Tây Ninh và vùng Tòa Thánh Cao Đài thì chúng tôi phải cho nổ trái mìn ấy để phá hủy vĩnh viễn Tòa Thánh trước khi rút quân chạy đi nơi khác.

Khi viên Tiểu Đoàn Trưởng đã đóng ở đây trước tôi được lệnh đổi đi lãnh một nhiệm vụ khác, ông ta có làm một Biên bản bàn giao nhiệm vụ với tôi, nhưng không rõ vì nguyên do nào mà trong Biên bản bàn giao ấy, ông ta bỏ sót cái khoản quan trọng nói về nhiệm vụ của Tiểu Đoàn quân Pháp là phải giựt mìn cho nổ sập Tòa Thánh trước khi Tiểu đoàn rút lui trước cuộc tiến quân của Nhật.

Vì lẽ không có ghi điểm trọng hệ nầy trong Biên bản giao lãnh, nên tôi và Tiểu đoàn của tôi là đơn vị cuối cùng chiếm đóng Tòa Thánh, đã không cho nổ trái mìn nói trên.

Ngày nay, tôi tưởng trái mìn vẫn còn nằm ở đó. Vậy, hôm nay, xuyên qua quí báo, tôi xin loan báo cho Hội Thánh Cao Đài biết rõ tin nầy và ngày nào mà Hội Thánh Cao Đài liên lạc được với tôi, tôi sẽ sẵn sàng chỉ chỗ chôn trái mìn ấy cho mà đào lấy lên.”

Sau khi đã đọc bài báo của Thiếu Tá Roubaud, tôi liền đi mua thêm một tờ báo Paris-Match khác nữa, đem vào nơi Đức Hộ Pháp cư ngụ (là Thánh Thất của Hội Thánh Ngoại Giáo do Ông Giám Đạo Huỳnh hữu Lợi và vợ là Bà Hương Nhâm trông coi) và trình cho Đức Ngài xem bài báo của Thiếu Tá Roubaud.

Đợi đến lúc Đức Hộ Pháp xem xong bài báo, tôi mới đề nghị với Đức Ngài như sau: “Xin Thầy cho liên lạc với Thiếu Tá Roubaud, xuyên qua Paris-Match, để hỏi xem cho biết chỗ chôn trái mìn ở dưới Đền Thánh đặng cho Đạo ở Tây Ninh đào mà lấy lên.”

Đức Hộ Pháp cười và bảo: “Không cần gì đâu con. Nếu không có ai câu điện mà giựt nó thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi.”

Nghe Đức Hộ Pháp nói như vậy, tôi hầu chuyện với Đức Ngài thêm giây lát nữa rồi xin cáo lui và để tờ báo Paris-Match lại cho Đức Ngài tham khảo và sử dụng khi cần đến.

Xuyên qua sự việc nầy, tôi nghĩ rằng đã có bàn tay vô hình của các Đấng Thiêng liêng sắp đặt để bảo vệ một cách yên lành cái tòa ngự của Đức Chí Tôn. Nếu chẳng

phải vậy thì thế nào mà viên Thiếu Tá tiền nhiệm của Thiếu Tá Roubaud lại có thể bỏ sót cái mật lệnh của cấp trên của họ là giựt sập Tòa Thánh Cao Đài khi nào quân Nhựt tiến lên chiếm đóng Tây Ninh và vùng Thánh địa.

Cũng có thể cho rằng viên Thiếu Tá nọ đã có ý tốt, đã có đạo tâm, nên không ghi cái mật lệnh ác độc nọ vào Biên bản bàn giao đã kể trên. Nhưng người nhà binh mà không thi hành một mệnh lệnh bí mật nào của cấp trên thì phải bị đưa ra trước Tòa án Quân sự ngay. Và khi đã dám qua mặt thượng cấp như thế, viên Thiếu Tá nọ phải là một người hết sức liều mạng, nên mới dám vi lệnh cấp trên một cách trắng trợn như vậy. Cũng có thể nói là tình trạng Chánh quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương chẳng khác nào như chỉ mảnh treo chuông. Do sự tiến triển của tình hình chiến trận, Nhựt càng ngày càng siết chặt sự kiểm soát đối với Pháp. Còn ở chánh quốc Pháp thì tình hình rất rối ren và đen tối, khiến cho tất cả người Pháp ở Đông Dương, từ Toàn quyền Decoux xuống đến tên thuộc hạ nhỏ cấp nhứt, đều rùn chí thối thân.

Bởi vậy nên trường hợp của viên Thiếu Tá tiền nhiệm của Thiếu Tá Roubaud, hẳn là ông ta không còn có một sự thiết tha nào đối với công việc diệt Đạo nữa để mà chác thêm tội tình và mang lấy một cảm giác tội lỗi, nó sẽ dẫn vật lương tâm của ông ta suốt cả đời.

Có lẽ do vậy mà ông ta không khứng ghi cái mật lệnh ác độc nọ vào Biên bản bàn giao giữa ông ta và Thiếu Tá Roubaud mà làm gì!

Có những hạng người nhà binh từng lấy làm vinh diệu khi diệt những kẻ địch có súng trong tay hẳn hoi và chống cự lại họ. Trái lại, họ cảm thấy nhục nhã khi bị bắt

buộc phải đàn áp những người nông dân tu hiền, không có một tắc sắt trong tay, hoặc phải giết sập một Đền thờ nguy nga, tượng trưng cho một nền văn hóa mới mà không có một người lính nào bảo vệ cả. Có thể là viên Thiếu tá nọ thuộc về hạng người này, nên khi gặp thời cơ thuận tiện (lúc Chánh quyền thuộc địa sắp tan rã), ông ta mới lờ đi cái mật lệnh cấp trên.

Tôi cho rằng đây cũng là một cách sắp đặt của các Đấng để giữ vẹn cái Đền thờ của Đức Chí Tôn.

### VIII. NHỮNG SỰ KỶ DIỆU CỦA TÒA THÁNH

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc vĩ đại và kỳ diệu của Đạo Cao Đài. Nó kỳ diệu về phương diện vị trí xây cất, kỳ diệu về kiểu cách hình dáng và kỳ diệu về phương pháp kiến trúc.

1/. Kỳ diệu về vị trí xây cất, bởi vì Tòa Thánh được cất ngay trên cuộc đất Lục Long Phò Ấn. Đó là Thánh địa, là đất linh trở sanh các bậc Thánh, Tiên, Phật, là nơi mà Thượng Đế lựa chọn để làm Đền Thờ cho Ngài đến ngự.

2/. Kỳ diệu về kiểu cách hình dáng, bởi vì Đức Chí Tôn có nói: Đức Lý Thái Bạch cất Tòa Thánh theo kiểu vở của Thiên đình.

Kiểu cách hình dáng của Tòa Thánh là một sự phối hợp hài hòa của các văn minh kiến trúc của các nền Tôn giáo lớn trên thế giới.

Khi mới thoát nhìn vào Tòa Thánh, chúng ta thấy nổi bật 2 Lầu chuông trống cao chót vót, tương tự như những tháp chuông của các nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Ở giữa 2 tháp có tượng Đức Phật Di-Lạc ngự trên nóc với những mái ngói đồ cong cong chập chùng, tương tự như kiểu dáng của các chùa Phật giáo Trung Hoa.

Nghinh Phong Đài thì bên dưới hình vuông, bên trên hình tròn, chóp tròn, có dáng như những cái tháp của những ngôi Đền Á Rập của Hồi giáo. Ngoài ra còn gọi cho chúng ta hình ảnh Trời tròn Đất vuông, với những liên tưởng về Vũ Trụ Quan trong Kinh Dịch của Nho giáo. Các nhà Dịch học, nếu nghiên cứu sâu vào các con số về kích thước của Tòa Thánh và những bố trí bên trong, sẽ thấy được những điều kỳ diệu bất ngờ trên những con số dịch học.

Bát Quái Đài có hình dáng làm chúng ta liên tưởng đến Bát Quái Đồ của Đạo Tiên, và trên nóc Bát Quái có 3 pho tượng của 3 vị Phật mà Đạo Bà-La-Môn tôn thờ.

Trong Cửu Trùng Đài có 9 cấp bậc từ thấp dần lên cao, giống như 9 bậc phẩm của quan lại trong triều đình vua chúa theo Nho giáo thời xưa ở nước Trung Hoa.

Tất cả những hình thức trên thể hiện rất rõ tôn chỉ của Đạo Cao Đài là: Qui nguyên Tam giáo, Phục nhưt Ngũ Chi.

3/. Kỳ diệu về cách thức kiến trúc, bởi vì sự tạo tác Tòa Thánh không giống với bất cứ một công trình xây dựng lớn lao của người đời.

Thông thường, trước khi xây dựng một công trình lớn nào, người đời phải nhờ kiến trúc sư vẽ kiểu dáng tổng quát, những sự trang trí chi tiết, nghiên cứu nền móng và những kết cấu bê tông, tính toán chọn lựa các thứ vật liệu xây dựng đúng chất lượng cần thiết, vv... rồi phải xin

phép cơ quan nhà nước cấp phép xây dựng.

Đối với Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng không có một đồ án chi tiết nào vẽ ra trên giấy hết, cũng như không có sự tham dự của một kiến trúc sư hay kỹ sư xây dựng nào, cũng không có một thứ máy móc nào giúp đỡ, chỉ toàn trông cậy vào 2 bàn tay với sức lực của con người, những người thợ nam nữ làm không lãnh tiền công, ăn chay trường với cháo rau đạm bạc và đặc biệt có lập thệ là không được cưới vợ hay lấy chồng trong suốt thời gian xây dựng Tòa Thánh, để có đủ Âm Dương và đủ tinh khiết trong việc xây dựng Đền thờ, cũng không xin phép xây dựng với một Chánh quyền nào hết. (cũng tương tự như khi lập Tờ Khai Đạo), bởi vì đây là mối Đạo Trời, mối Đạo của Thượng Đế, chỉ có Thượng Đế cho phép mà thôi.

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dạy Đức Phạm Hộ Pháp về vị trí xây cất Tòa Thánh, về kích thước tổng quát: bể dài, bể ngang, bể cao. Đức Hộ Pháp cứ theo đó mà chỉ bảo lại cho công thợ làm, chỉ tới đâu làm tới đó, không biết gì thêm. Hết phần đó rồi, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ dạy tiếp, hoặc Đức Hộ Pháp ban đêm xuất chơn thần đi lên gặp Đức Lý để nhờ Đức Lý chỉ dạy trực tiếp, hay Đức Hộ Pháp vào Bạch Ngọc Kinh quan sát tỉ mỉ kiểu vở, ghi nhớ để về bắt chước làm giống theo.

Làm như thế trong suốt gần 5 năm, công trình mới hoàn tất. Tòa Thánh trở thành một kỳ quan về kiến trúc của nước Việt Nam.

Sau khi xây dựng Tòa Thánh xong, Ban Kiến Trúc mới đo đạc kích thước, vẽ lại họa đồ kiến trúc Tòa Thánh theo đúng qui định của khoa Đại học Kiến trúc ngoài đời.

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc độc đáo, duy nhất, có sự phối hợp Trời và Người, Thiên khiến Nhơn tạo, nên được mệnh danh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, xứng đáng tiêu biểu cho nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn Thượng Đế cứu thế kỳ ba.

Cho nên Tòa Thánh là một nơi rất thiêng liêng huyền diệu, hấp dẫn được các bậc chơn tu khắp nơi trên thế giới đến chiêm ngưỡng và lễ bái. Quý vị này, sau khi Thiên định trong Tòa Thánh một khoảng thời gian ngắn để dùng huệ nhãn quan sát sự thiêng liêng của Tòa Thánh, họ đều nhìn nhận rằng hồng ân của Thượng Đế bao phủ đầy đầy Tòa Thánh, và diễn lành từ cõi thiêng liêng ban rải xuống cho Tòa Thánh liên tục không ngừng, hơn hẳn các Tòa Thánh khác làm Đền thờ Đấng Thượng Đế trước đây như ở Jérusalem, ở La Mã, hay ở Tây Tạng.

**PHẦN THỨ HAI:**

**TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC**

- I. Tổng quát.
- II. Lễ Trấn Thần Tam Thánh
- III. Thiên Nhơn Hòa Ước
- IV. Tiểu sử của Tam Thánh
  - Tiểu sử THANH SƠN ĐẠO SĨ  
Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm
  - Tiểu sử NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN  
Victor Hugo
  - Tiểu sử TRUNG SƠN CHƠN NHƠN  
Tôn dật Tiên

**I. TỔNG QUÁT**

*Định nghĩa:* **Tam Thánh** là 3 vị Thánh, ở đây chỉ 3 vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng.

Ba vị Thánh đó là:

- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ, hay Thanh Sơn Chơn Nhơn, đứng đầu Bạch Vân Động, mà trong kiếp giáng trần tại Việt Nam, Ngài là Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm.
- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, mà trong kiếp giáng trần tại nước Pháp, Ngài là Đại văn hào Victor hugo.
- Đức Trung Sơn Chơn Nhơn, mà trong kiếp giáng trần tại nước Trung Hoa, Ngài là nhà Đại Cách mạng Tôn Dật Tiên, tức Tôn Văn.

**Ký**, theo nghĩa chữ Hán, có nghĩa là ghi chép.

**Hòa Ước** là bản văn cam kết thi hành những điều thỏa thuận giữa đôi bên. Đây là bản Hòa Ước giữ Trời

và Người, tức là giữa Thượng Đế và Nhơn loại, nên được gọi là **THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC**.

**Tam Thánh Ký Hòa Ước** là 3 vị Thánh Bạch Vân Động ghi chép bản Thiên Nhơn Hòa Ước lên một tấm bia đá để công bố lên cho toàn thể Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ biết rõ.

Khi du khách bước vào cửa chánh Tòa Thánh, nhìn ngay vào, liền thấy một bức họa thật lớn sừng sững trên vách, vẽ hình Tam Thánh Bạch Vân Động cao lớn và sống động như người thật, đang cầm bút viết bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước trên một tấm bia đá tỏa hào quang bằng 2 thứ chữ: Chữ Trung Hoa tức là chữ Nho của Việt Nam, và chữ Pháp:

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cầm bút lông viết 8 chữ Nho:

*(Thiên thượng Thiên hạ – Bác ái Công bình.)*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông ngỗng viết 6 chữ Pháp:

**“DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE”**

Cả hai vị đều chấm bút lông vào nghiên mực đỏ tỏa hào quang do Đức Trung Sơn Chơn Nhơn đứng cầm. Bên góc dưới Bức họa có ghi:

**“Tòa Thánh 1947  
Họa sĩ Lê minh Tông”**

Bên cạnh Bức họa này, Hội Thánh có đặt bản chú thích bằng 5 thứ chữ: Chữ Việt, chữ Pháp, chữ Trung Hoa, chữ Anh và chữ Đức.

Bản chữ Việt, xin chép ra như sau đây:

**“TRUYỆN KÝ TAM THÁNH”**

*“Cụ NGUYỄN BÌNH KHIÊM, nhà tiên tri danh tiếng lớn ở đời Mạc Lê, thi đậu Trạng nguyên, tước vị là Trình Quốc Công, tục gọi là Trạng Trình, giảng cơ tự xưng là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Sư Phó của Bạch Vân Động.*

*Cụ VICTOR HUGO, nhà thi gia trứ danh của Pháp quốc, giảng cơ tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là đệ tử của Cụ Nguyễn bình Khiêm ở Bạch Vân Động.*

*Cụ TÔN DẤT TIÊN, đại cách mạng gia nước Trung Hoa, nhũ danh là Tôn Văn, giảng cơ tự xưng là Trung Sơn Chơn Nhơn, tức là đệ tử Cụ Nguyễn bình Khiêm ở Bạch Vân Động.*

Ba vị Thánh nhơn trên đây là Thiên Sứ đặc lệnh làm Hưởng đạo cho nhơn loại để thực hành Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước.”

(GHI CHÚ: Sư Phó Bạch Vân Động là vị Thầy dạy chữ Thánh trong Bạch Vân Động, nên cũng là Động chủ Bạch Vân Động).

**II. LỄ TRẤN THẦN TAM THÁNH**

Vào năm 1947, Hiền Tài Lê minh Tông là một họa sĩ, lãnh ý kiến của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc để vẽ bức họa *“Tam Thánh ký Hòa ước”*. Khi vẽ xong, trình với Đức Hộ Pháp thì được Đức Ngài chấp thuận bản vẽ này.

Sau đây là Bài tường thuật của Luật Sư Võ quang Tâm (Tốc ký viên) về buổi lễ Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần bức họa Tam Thánh ký Hòa ước.

“Cuộc lễ rước tượng Tam Thánh ký Hòa ước khởi hành vào lúc 8 giờ sáng ngày 10-7-Mậu Tý (dl 11-8-1948).



Hiện diện: Chư Chức sắc HTĐ, CTĐ, Phước Thiện, Chức việc, Đạo hữu NamNữ, chư Thượng Hạ Sĩ quan tham dự.

Đúng giờ, Lễ Viện và Dàn Nhạc đến Hộ Pháp Đường rước Đức Hộ Pháp qua Văn phòng Quốc Sự Vụ, vì nơi đây là nơi khởi đầu cuộc rước tượng ảnh.

Lộ trình, trước hết hai hàng Đồng nhi nam nữ, kế Bảo thể cầm đồ Lỗ bộ đi hai bên Dàn Nhạc, có 4 Lễ sĩ mặc áo phái Ngọc (áo tràng đỏ), 2 vị cầm lọng, 2 vị cầm tàn, hầu hai bên bàn đưa tượng ảnh, có 4 vị Lễ Sanh thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo khiêng đi.

Bức tượng Tam Thánh nầy do vị Hiền Tài Lê minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2 m 80 X 1 m 90.

Hình tượng bằng người thường, Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm cầm bút lông ngỗng, và Đức Tôn Sơn cầm nghiên mực.

Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ:

Hán văn:

*Thiên thượng Thiên hạ - Bác ái Công bình*

Pháp văn:

*DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE*

Đi tiếp bàn đưa có Đức Hộ Pháp mặc Tiểu phục vàng, đội Tam quang mạo, kế đó là Ngài Bảo Thế, Khai Đạo mặc Tiểu phục trắng, đội Tam quang mạo, kế tiếp là Chức sắc HTĐ, CTĐ, Phước Thiện, Chức việc, Sĩ quan, Đạo hữu và trên 200 học sinh Đạo Đức Học Đường đi sau rất.

Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Đông, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài, Bảo thể cầm đồ Lỗ bộ đứng hầu hai bên.

Trước hết, Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt 3 lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng ảnh 3 lần để khử trừ. Xong rồi, Đức Hộ Pháp lấy nước Âm Dương hòa lại, rải lên tượng ảnh 3 cái, bắt đầu từ Đức Thanh Sơn đến Đức Nguyệt Tâm, rồi đến Đức Trung Sơn.

Rồi Đức Hộ Pháp lấy 9 cây nhang trấn Thần Tam Thánh: Đức Thanh Sơn trước, Đức Nguyệt Tâm kế đó, và sau rốt là Đức Tôn Trung Sơn.

Đồng nhi đứng trên lầu HTĐ đọc kinh Xưng Tụng Công Đức. Khi dứt kinh, Đức Hộ Pháp giải rằng:

“Trần Thần 3 vị Thánh rất khó, vì phải kêu Chơn linh họ đến nhập vào tượng ảnh, mà muốn Chơn linh họ đến, phải thấu đáo cả căn kiếp của họ mới đặng. Còn 9 cây nhang dùng để trấn Thần là 9 cái thang bắc lên Cửu Trùng Thiên cho các Chơn linh nương theo đó. Chẳng biết họ ở tầng Trời thứ mấy, mình cứ đưa lên đủ, họ gặp họ tới ngay, quan hệ là trước khi trấn Thần, phải xem lại coi có tắt cây nhang nào không. Thằng như họ ở tầng thứ 7 mà cây nhang thứ 6 rụi tắt đi, thành ra bị cách khoảng, họ không thể tới được.

Bây giờ chúng ta chỉ thông công với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa, rồi đây cũng có ngày *Bản đạo kêu lên Đức Di-Lạc ở tầng thứ 11 chưa biết chừng, khi ấy sẽ phải dùng đến 11 cây nhang, chứ không phải 9 cây nữa.*”

Khi Đức Hộ Pháp trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh

xong, cả nhân viên từng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng ra cửa trước, đi vào HTĐ, thỉnh Thánh tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra trước cửa Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích:

1. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn,
2. Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ,
3. Đức Tôn Trung Sơn,

là đại diện của Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo Ngoại quốc (Missionnaires étrangers), cho nên tượng ảnh để ở Hiệp Thiên Đài, day mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi thiêng liêng của các Ngài.

Cả 3 vị Thánh đều mặc cổ phục. Cái nghiên mực trên tay Đức Tôn Trung Sơn có hào quang chiếu diệu, tượng trưng sự rực rỡ của nền văn minh tối cổ Trung Hoa. Cái khuôn xi măng đúc trên vách HTĐ, từ ngày tạo tác Tổ đình, là để dành ngày nay đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia, Bản đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

Ngày nay thời cuộc biến thiên, vị Hiền Tài LÊ MINH TÔNG ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này, mới hiểu rằng: Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì Chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy.

Kể từ ngày 10-7-Mậu Tý (dl 19-8-1948), tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiệu cho Chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài, mở đầu một giai đoạn tiếp dẫn chúng sanh Vạn quốc vào cửa Đại

Đạo, mà cũng là ngày khởi đoan sự bành trướng ngoại giáo. Cuộc lễ bế mạc lúc 9 giờ cùng ngày.”

*Tòa Thánh, ngày 10-7-Mậu Tý (dl 19-8-1948).*

*Luật Sự VÕ QUANG TÂM tường thuật.*

Trên bức họa Tam Thánh ký Hòa ước, chúng ta thấy:

– Đức **Thanh Sơn Đạo Sĩ**, tức là Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm, mặc triều phục của một văn quan Đại thần VN thuở xưa, Ngài cầm bút lông mèo viết vừa xong 8 chữ Nho, phiên âm là: *Thiên thượng Thiên hạ - Bác ái Công bình.*

– Đức **Nguyệt Tâm Chơn Nhơn**, tức văn hào Victor Hugo, mặc áo mao giống vị Bá Tước Âu Châu thời Trung Cổ, vì Ngài là một Hàn Lâm Học Sĩ lúc bấy giờ. Ngài cầm bút lông ngỗng viết 6 chữ Pháp: *Dieu et Humanité - Amour et Justice.*

Sáu chữ Pháp này nghĩa là: *Trời và Nhơn loại - Bác ái và Công bình.*

– Đức **Tôn Trung Sơn**, tức là Tôn dật Tiên hay Tôn Văn của nước Trung Hoa, mặc quốc phục Trung Hoa, vì Ngài là nhà Đại Cách mạng đứng lên lật đổ chế độ Quân chủ của vua quan nhà Thanh, lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa với thuyết Tam Dân chủ nghĩa: Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh.

Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiên mực rực rỡ ánh hào quang, để cho 2 vị kia chấm bút vào mà viết ra chữ. Điều đó tượng trưng cho sự hiểu biết giữa Đông phương và Tây phương hòa hợp cùng nhau đặt trên nền tảng Triết lý Nho giáo của Đức Khổng Tử nước Trung Hoa.



Nghiên mực rực rỡ ánh hào quang tượng trưng nền văn minh Nho giáo của Trung Hoa rất rực rỡ vào thuở xưa.

Bản Thiên Nhơn Hòa Ước được viết lên tám bảng đá cũng rực rỡ ánh hào quang, được 2 vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động viết ra để công bố cho toàn cả chúng sanh biết bằng 2 thứ chữ:

– Chữ Trung Hoa, cũng là chữ Nho của VN, là chữ viết có ảnh hưởng lớn ở vùng Á Đông.

– Chữ Pháp của nước Pháp ở Âu Châu, là chữ viết có nhiều ảnh hưởng ở các nước Tây Âu.

Nội dung của Bản Thiên Nhơn Hòa Ước này rất đơn giản, chưa có bản Hòa ước nào trên thế gian lại đơn giản hơn, vì nội dung chỉ gồm có 4 chữ: BÁC ÁI - CÔNG BÌNH.

Tam Thánh công bố Bản Thiên Nhơn Hòa Ước này để chúng sanh biết rõ sự Cam Kết giữa Thượng Đế và Nhơn loại.

Người nào trong nhơn loại mà thực thi 4 chữ này được trọn vẹn thì Thượng Đế sẽ rước về cõi Thiêng liêng để ban thưởng cho những phẩm vị Thánh, Tiên, Phật tương xứng.

Còn nếu Nhơn loại không thực hiện được 4 chữ này, mà lại làm nhiều điều trái ngược thì sẽ bị đọa, không thể kêu nài được nữa.

Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng chỉ có mục đích dạy dỗ nhơn sanh thực hiện 4 chữ BÁC ÁI và CÔNG BÌNH trong tờ Hòa ước nói trên.

### III. THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC

Thiên Nhơn Hòa Ước là bản Hòa ước giữa Trời và Người, tức là giữa Thượng Đế và Nhơn loại.

Như vậy, trong bản Hòa Ước này, một bên là Trời, tức là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, và một bên là Nhơn loại, hai bên thỏa thuận ký kết với nhau.

♦ *Nhưng Đức Chí Tôn ở cõi Thiêng liêng vô hình, làm sao ký kết Hòa Ước với Nhơn loại nơi cõi hữu hình?*

Thật ra, Đức Chí Tôn ký Thiên Nhơn Hòa Ước với Vạn linh nơi cõi thiêng liêng. Vạn linh này đầu kiếp xuống cõi trần làm chúng sanh. Trong chúng sanh, Nhơn loại ở phẩm cao hơn hết, nên xứng đáng đại diện cho chúng sanh. Cho nên, Đức Chí Tôn ký Hòa ước với Vạn linh, tức là ký Hòa ước với Nhơn loại vậy.

♦ *Bản Thiên Nhơn Hòa Ước này ký vào năm nào?*

Đức Chí Tôn ký bản Thiên Nhơn Hòa Ước này kể từ khi Đức Chí Tôn mở lòng Đại từ Đại bi Đại khai Ân Xá mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926) cứu vớt nhơn sanh trong thời kỳ cuối Hạ nguơn Tam Chuyển, trước khi mở Đại Hội Long Hoa.

♦ *Kể từ khi có Nhơn loại đến nay, có bao nhiêu lần Đức Chí Tôn ký Hòa ước với Nhơn loại?*

Kể từ khi có nhơn loại trên quả Địa cầu đến nay, giữa Trời và Người, đã có 3 lần ký Thiên Nhơn Hòa Ước, tương ứng với 3 thời kỳ Phổ độ:

– Đệ nhất Thiên Nhơn Hòa Ước được ký kết lúc mở Nhứt Kỳ Phổ Độ.

– Đệ nhị Thiên Nhơn Hòa Ước được ký kết lúc mở

Nhị Kỳ Phổ Độ.

– Đệ tam Thiên Nhơn Hòa Ước được ký kết lúc mở Tam Kỳ Phổ Độ.

### 1. Đệ nhất Thiên Nhơn Hòa Ước:

Khi loài người mới xuất hiện trên quả Địa cầu này, thì đó là các Hóa nhân, do loài cầm thú cao cấp tiến hóa lên, nên còn mang ít nhiều thú tánh, nhưng bản chất sống rất hỗn nhiên. Đức Chí Tôn Thượng Đế liền cho 100 ức Nguyên nhân giáng trần để khai hóa đám Hóa nhân ấy, cho có được đời sống văn minh, có đạo đức và luân lý. (1 ức là 1 trăm ngàn, 100 ức là 10 triệu).

Nhưng loài người càng tiến bộ về đường vật chất thì càng xa dần đạo đức, các Nguyên nhân lại nhiễm trược trần, nên không thể trở về cõi Thiêng liêng. Đức Chí Tôn thương xót, muốn cứu vớt đám Nguyên nhân này, nên mở ra Nhứt Kỳ Phổ Độ, khai Đạo Thánh tại nước Do Thái với Ông Môi-se làm Thiên sứ, công bố **Đệ Nhất Thiên Nhơn Hòa Ước**.

Bản Đệ nhất Thiên Nhơn Hòa ước này chính là 10 Điều Răn mà Đức Chúa Trời (Thượng Đế) đã ban cho Ông Môi-se trên đỉnh núi Si-nai nước Do Thái. Thánh Môi-se công bố bản Đệ nhất Thiên Nhơn Hòa Ước này cho dân chúng biết, nếu ai giữ đúng 10 Điều Răn này thì sẽ được Đức Chúa Trời ban cho phẩm tước xứng đáng và rước về Thiên đường sống đời đời hạnh phúc.

Nếu người nào không tu, chẳng giữ được 10 Điều Răn, lại phỉ báng tôn giáo, thì phải bị đọa vào Địa ngục, hoặc bị luân hồi trở lại cõi trần mà đến bồi tội lỗi.

Bản Đệ nhất Thiên Nhơn Hòa Ước được người đời

nay gọi là **CỰU ƯỚC**, được chép trong Thánh Kinh của Đạo Do Thái, mà về sau, Thiên Chúa giáo và Đạo Tin Lành đều nhìn nhận.

Những tôn giáo mở ra trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ với Đệ Nhất Thiên Nhơn Hòa Ước chỉ độ được 6 ức Nguyên nhân trở về cựu vị nơi cõi Thiêng liêng, còn lại 94 ức Nguyên nhân chìm đắm trong cõi trần.

### 2. Đệ nhị Thiên Nhơn Hòa Ước:

Phần lớn nhơn loại vẫn say đắm mùi trần, không lưu tâm đến linh hồn, không kể chi đến việc tu hành. Các mối đạo mà Đấng Thượng Đế đã cho mở ra vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ đã bị nhơn loại sửa cải làm sai lạc chơn truyền, khiến nhiều người tu lầm lạc.

Đức Thượng Đế với lòng Đại từ Đại bi mở ra Nhị Kỳ Phổ Độ, cho các Đấng Tiên Phật giáng trần, lập ra nhiều mối đạo trên khắp hoàn cầu, với Đệ Nhị Thiên Nhơn Hòa Ước, mà Đức Chúa Jê-sus (Gia Tô Giáo Chủ) lãnh nhiệm vụ công bố cho nhơn loại rõ. Bản Đệ Nhị Thiên Nhơn Hòa Ước này lúc đó được gọi là **TÂN ƯỚC** (để đối lại với Cựu Ước thời Ông Môi-se).

Các mối đạo được mở ra trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ là:

- Đạo Thiên Chúa ở Trung Đông và Âu Châu.
- Phật giáo ở nước Ấn Độ.
- Lão giáo và Khổng giáo ở nước Trung Hoa.
- Thần giáo ở Trung Hoa, Ai Cập, Hy Lạp, Nhứt bản.
- Hồi giáo ở các nước Á Rập Trung Đông.

Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Nhơn loại càng bị thâm nhiễm trước hơn thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, nên số người quay về đường đạo đức vẫn còn quá ít so với số Nhơn loại. Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ cứu độ được 2 ức Nguyên nhân. Như vậy, vẫn còn 92 ức Nguyên nhân đang trầm luân nơi cõi trần.

### 3. **Đệ tam Thiên Nhơn Hòa Ước:**

Các nền tôn giáo mở ra thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau mấy ngàn năm truyền bá cứu độ Nhơn sanh, lần lần bị người đời sửa cải làm sai lạc chơn truyền, nên tất cả các tôn giáo ấy đều bị Thiên điều bẻ lại, người tu thì nhiều mà vì lầm lạc nên đắc quả rất ít.

Nhơn loại đồng lòng kêu nài lên Đấng Thượng Đế: “Các nền tôn giáo thuở trước đã bị Ngọc Hư Cung, chiếu theo Thiên điều, bẻ lại hết, mà Phật giáo vô ngôn. Đức Chí Tôn lại không cho khai đạo mới thì Nhơn sanh biết đường đâu mà tu hành, biết đường nào lành mà đi theo, biết đường nào dữ mà tránh.”

Bởi đó, Đức Chí Tôn mở lòng đại từ đại bi lần thứ 3, khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ký với Nhơn loại một tờ Hòa Ước thứ 3, gọi là Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước, giao cho 3 vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng, viết ra công bố cho toàn Nhơn loại rõ, đồng thời Đức Chí Tôn ra lệnh cho Tam Thánh làm Thiên sứ hướng dẫn Nhơn loại khắp hoàn cầu đi vào con đường Đại Đạo.

*Tại sao Đức Chí Tôn không chọn ai khác để công bố Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước, mà lại chọn Tam Thánh Bạch Vân Động?*

Bởi vì chư Thánh có nhiệm vụ Thế Thiên Hành Hóa,

điều hành tất cả các hoạt động của Càn khôn Vũ trụ. Cho nên Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói rằng: “Bần đạo nói, họ đương nói chuyện mà trên đầu họ muốn ánh hào quang xẹt tứ tung ở không trung, họ đương nói chuyện ở đây mà họ đương điều hành tới các địa giới khác, cả CKVT.” (Con đường Thiêng liêng Hằng sống, trang 8).

Mặt khác, bực Thánh đứng trung gian giữa Trời và Người trong nấc thang tiến hóa của Vạn linh, nên Tam Thánh Bạch Vân Động đại diện chư Thánh, được Đức Chí Tôn chọn để công bố Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước là một điều hợp lý.

Chọn 3 vị Thánh của 3 nước có ân oán với nhau: một là Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm, người Việt Nam; hai là Victor Hugo, người Pháp; ba là Tôn dật Tiên, người Trung Hoa; để có ý chỉ rằng, Đức Chí Tôn muốn Nhơn loại xóa bỏ hết các ân oán dân tộc, nhìn nhau là anh em một nhà, đồng là con cái của Đức Chí Tôn để tiến tới một xã hội đại đồng trong tình thương yêu huynh đệ và công bằng, tạo lập thời kỳ Thượng nguơn Thánh đức. (Nói rằng 3 nước này có ân oán với nhau là bởi vì theo dòng lịch sử, Việt Nam bị Trung Hoa đô hộ 1000 năm và bị nước Pháp đô hộ 80 năm).

Nội dung của bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước được Tam Thánh Bạch Vân Động công bố bằng 2 thứ ngôn ngữ quan trọng nhưt là:

- Chữ Trung Hoa, cũng là chữ Nho của Việt nam, là chữ viết quan trọng phổ biến của giống dân da vàng.
- Chữ Pháp, là chữ viết quan trọng của giống dân da trắng ở Châu Âu và Bắc Mỹ Châu.

– Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ tức Trọng Trình Nguyễn bình Khiêm viết chữ Nho, phiên âm ra tiếng Việt là:

**“THIÊN THUỢNG THIÊN HẠ BÁC ÁI CÔNG BÌNH”**

– Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức Victor Hugo, viết chữ Pháp:

**“DIEU et HUMANITÉ AMOUR et JUSTICE”**

Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước rất đơn giản, chỉ gồm 4 chữ:

**BÁC ÁI – CÔNG BÌNH, hay AMOUR et JUSTICE.**

Giải Thích:

*Thiên thượng:* Trên Trời, tức là Thượng Đế (Dieu).

*Thiên hạ:* Dưới Trời, tức là Nhơn loại (Humanité).

*Bác ái:* (Amour) “Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình. Cho nên, kẻ có lòng Bác ái coi mình nhẹ hơn mây lông mà coi Thiên hạ trọng bằng Trời Đất.” (TNHT)

*Công bình:* (Justice) Không nghiêng về bên nào, không có ý riêng tư, theo đúng Đạo lý.

Theo bản Hòa Ước này, Đức Chí Tôn cam kết với Nhơn loại, nếu người nào thực thi được 4 chữ Bác ái - Công bình, thì Đức Chí Tôn rước về cõi Thiêng liêng Hằng sống, được ban thưởng các ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật, thoát khỏi Luân hồi; còn nếu không thực hiện được 4 chữ này thì phải bị đọa Luân hồi, không được đở thừa hay khiếu nại vào đâu được nữa.

Đức Chí Tôn lại ban cho một ơn huệ đặc biệt là Đại Ân Xá: “Nền Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn

loại Càn khôn Thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng.” (TNHT)

Nhơn loại muốn thực hiện được bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước nói trên thì phải nhập môn vào Đạo Cao Đài, tụng giáo Đức Chí Tôn, lo việc tu hành. Do đó, Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao Đài, lấy 4 chữ: Bác ái - Công bình làm tiêu chuẩn cho Luật và Quyền trong việc phổ độ nhơn sanh:

– Luật là Bác ái (Thương yêu),

– Quyền là Công bình (Công chánh).

“Các liệt cường ký với nhau khoản nầy khoản nọ, khoản kia đủ thứ, ký không biết bao nhiêu khoản; với Đức Chí Tôn chỉ có 2 khoản thôi:

**1./ LUẬT:** Thương yêu. Ngài định luật cho chúng ta là Thương yêu. Không phải thương yêu nhơn loại mà thôi, mà phải thương yêu toàn cả Vạn linh nữa.

**2./ QUYỀN:** Ngài chỉ định là Quyền Công chánh.

Từ thử, ta chưa thấy Hòa ước nào đơn sơ như thế.” (Trích trong thuyết đạo của Đức Hộ Pháp, Quyền 2 trang 168)

“Đức Chí Tôn Ngài đến, do tay Ngài ký một Hòa ước với một sắc dân nô lệ, sắc dân hèn mọn, đặng Ngài nài nỉ xin cho đặng 2 điều trọng yếu làm cho nhơn loại sống tồn tại là: Luật Thương yêu và Quyền Công chánh.

Ngài đã ký, Ngài đã hứa với Thánh thể của Ngài, tức nhiên là cả quốc dân nầy đặng tạo ra hình ảnh Luật Thương yêu. Nếu toàn cả quốc dân VN lấy Quyền Công chánh làm thành tướng ra, rồi Ngài sẽ lấy tướng diện của nó Ngài làm môn thuốc cứu sanh mạng của nhơn

loại đó vậy.”

“Ngài đã ký kết với nhơn loại bản Hòa Ước thứ ba.

Hai Hòa Ước kỳ trước, nhơn loại đã phản bội, không giữ sở tín của mình, vì cố cho nên phải thất Đạo, nhơn loại đi trong con đường diệt vong, tương tranh tương sát nhau.

Vì lòng bác ái từ bi, Đức Chí Tôn đến ký Hòa Ước thứ ba nữa để trong Luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiêng liêng chỉ tấm tượng Tam Thánh biểu nhơn loại tín ngưỡng: Thiên thượng Thiên hạ, về Luật có Bác ái, Pháp có Công bình, ngoài ra dầu luật pháp muôn ngàn hình tướng, Hội Thánh Đạo Cao Đài diu dẫn tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao là Luật Bác ái và vô một nền Chơn pháp tối trọng là Pháp Công bình.

Luật pháp của Đạo Cao Đài, ngoài Luật Bác ái và Pháp Công bình, tất cả luật điều khác đều là phương pháp lấy giả tạo chơn mà thôi.” (Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp)

Nội dung của Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước gồm 4 chữ rất đơn sơ, nhưng muốn thực hiện trọn vẹn 4 chữ đó không phải là điều dễ dàng, mà cũng không phải quá khó khăn để không thể thực hiện được.

Có lòng Bác ái mới rõ lẽ Công bình. Muốn có lòng bác ái, phải có lòng nhân, phải biết bố thí. Sự bố thí làm cho ta có sự cảm xúc tinh thần trước những nỗi đau khổ của nhơn sanh. Từ đó, chúng ta mới thể hiện được tình thương yêu trên muôn loài vạn vật, tức là Bác ái vậy, và nhờ đó, chúng ta mới biết rõ được lẽ Công bình của Tạo Hóa.

Nói một cách khác, muốn thực hiện Bác ái và Công bình thì chúng ta phải làm Công Quả phụng sự chúng

sanh. Nói như thế tức là việc làm Công Quả phụng sự chúng sanh là hình thức tốt nhất để thực thi Bác ái và Công bình, tức là thực thi Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước vậy. Mà thực thi được Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước là đắc đạo và được Đức Chí Tôn rước về Bạch Ngọc Kinh.

Bởi lẽ đó mà Đức Chí Tôn nhiều lần dạy bảo và khuyên nhủ nhơn sanh phải lo làm Công Quả.

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một Trường Công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến Trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.” (TNHT)

“Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: Một Trường thi Công Quả, các con muốn đến đăng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.” (TNHT)

#### IV. TIỂU SỬ CỦA TAM THÁNH

Tam Thánh đứng đầu Bạch Vân Động gồm:

**1. Thanh Sơn Đạo Sĩ:** Ngài giảng trần ở VN là Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm (1491-1585).

**2. Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:** Ngài giảng trần tại nước Pháp là đại văn hào Victor Hugo (1802-1885).

**3. Trung Sơn Chơn nhơn:** Ngài giảng trần ở Trung Hoa là nhà cách mạng Tôn dật Tiên, tức Tôn văn (1866-1925). Sau đây là Tiểu sử chi tiết của 3 vị Thánh kể trên.

##### TIỂU SỬ THANH SƠN ĐẠO SĨ

##### TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Thanh Sơn Đạo Sĩ, cũng gọi là Thanh Sơn Chơn



Nhơn, là Thánh hiệu của Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm (1491-1585), người Việt Nam. Tiên kiếp của Ngài là Bạch Vân Hòa Thượng ở bên Tàu, mà chơn linh của Bạch Vân Hòa Thượng là một chiết linh của Từ Hàng Bồ Tát.

Sau đây là Tiểu sử của Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm, trích trong quyển sách “Công Dư Tiệp Ký” của Vũ Phương Đê, dịch giả Tô Nam Nguyễn đình Diệm.

Ông Nguyễn bình Khiêm, Đạo hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, người làng Trung Am huyện Vĩnh Lại. Tiên tổ ngày xưa tu nhân tích đức đã nhiều (nay không thể khảo cứu được), chỉ biết từ đời cụ Tổ được tập phong Thiếu Bảo Tư Quận Công, mỹ tự là Văn Tĩnh, cụ Bà được phong Chính Phu Nhân Phạm thị Trinh Huệ, nguyên trước các cụ lập gia cư ở nơi có núi sông bao bọc, hợp với kiểu đất Cao Biền.

Phụ thân được tặng phong Thái Bảo Nghiêm Quận Công, mỹ tự là Văn Định, Đạo hiệu là Cù Xuyên Tiên Sinh, nguyên người học rộng tài cao, lại có đức tốt, được sung chức Thái Học Sinh.

Thân mẫu họ Nhữ, được phong Từ Thực Phu Nhân, nguyên người ở Ân Tử Hạ, thuộc huyện Tiên Minh, là con gái quan Hộ Bộ Thượng Thư Nhữ văn Lan. Bà vốn là người thông minh, học rộng văn hay, lại tinh cả môn tướng số, ngay thời Hồng Đức mà bà đã tính được rằng: Vận mệnh nhà Lê chỉ sau 40 năm nữa thì sẽ suy đồi. Vì có một chí hướng phò vua giúp nước của bậc trượng phu, muốn chọn một người vừa ý mới chịu kết duyên, nên đã chờ ngót 20 năm trời, khi gặp Ông Văn Định có tướng sinh được quý tử nên bà mới lấy.

Nhưng lại gặp một trang thiếu niên trong lúc sang

bến đò Hàn thuộc con sông Tuyết giang, thì Bà ngạc nhiên than rằng: Lúc trẻ chẳng gặp, ngày nay tới đây làm gì! Những người theo hầu không hiểu ra sao, cầm roi đánh đuổi thiếu niên ấy đi, rồi sau Bà hỏi lại tánh danh, mới biết người ấy là Mạc Đăng Dung, khiến Bà phải sanh lòng hối hận đến mấy năm trời.

Tiên sinh sanh vào năm Hồng Đức thứ 21 (tức năm Tân Hợi 1491), lúc sơ sanh, vóc người có vẻ hùng vĩ, khi chưa đầy năm đã biết nói. Một hôm, vào buổi sáng sớm, Văn Định đang bế cậu ở trên tay, bỗng thấy cậu nói ngay lên rằng: “Mặt Trời mọc ở phương Đông.” Ông lấy làm lạ! Rồi năm lên 4, thì Phu nhân dạy cậu học kinh truyện, hễ dạy đến đâu là cậu thuộc lòng đến đó, và thơ quốc âm cậu đã nhớ được đến mấy chục bài.

Lại một hôm Bà đi vắng, Ông ở nhà bày trò kéo dây đùa với lũ trẻ, nhân đọc bốn một câu rằng: “Nguyệt treo cung, Nguyệt treo cung”, rồi Ông muốn đọc tiếp câu nữa nhưng chưa nghĩ kịp thì cậu đứng bên đọc luôn ngay rằng: “Vén tay Tiên, nhần nhần rung”.

Ông thấy cậu mẫn tiệp như vậy thì có ý mừng thầm, đợi khi Bà về thuật lại cho nghe. Bà lấy làm bất mãn nói với Ông rằng: Nguyệt là tượng bề tôi, có sao Ông lại dạy con mình như thế?

Ông cả thẹn xin lỗi, nhưng Bà vẫn không nguôi giận, bỏ về ở bên cha mẹ đẻ, cách ít lâu thì mất.

Lại có truyền ngôn rằng: Lúc Ông còn để chỏm, cùng với lũ trẻ ra tắm ở bến đò Hàn, khi ấy có chú thuyền buôn người Tàu nhìn thấy tướng mạo của Ông, chú bảo với mọi người rằng, cậu bé này có tướng rất quý, chỉ hiểm một nốt là da hơi thô, về sau chỉ làm đến Trạng nguyên Tế



Tướng mà thôi. Vì thế nên ai cũng đoán chắc rằng, Ông sẽ là bậc tế phụ của quốc gia sau này.

Như Ông lúc còn niên thiếu, học vấn sở đắc ngay tự gia đình, đến khi lớn tuổi, nghe nói có quan Bảng Nhãn Lương đặc Bằng, nổi tiếng văn chương quán thế, Ông bèn tìm đến để xin nhập học.

Lương Công là người làng Hội Trào, thuộc huyện Hoàng Hóa, lúc Ngài phụng mệnh sang sứ nhà Minh, có học được phép Thái Ất Thần Kinh của người cùng họ, tức là dòng dõi của Lương Nhữ Hốt (Ông Hốt trước hàng nhà Minh, được phong tước là Lãng Lăng Vương). Lương Công rất tinh thông về lẽ huyền vi, đem truyền lại cho Ông, đến khi Ngài bị ốm nặng, lại đem con là Lương hữu Khánh ký thác với Ông, Ông săn sóc dạy dỗ chẳng khác con mình, sau này ông Khánh cũng được thành đạt.

Những năm Quang Thiệu (1516-1526), gặp lúc loạn lạc, Ông về ẩn cư để dạy học trò, lấy Đạo làm vui, chẳng cầu danh tiếng, nhưng sang đến thời đầu niên hiệu Thống Nguyên (tức Lê Hoàng Đế Thung) thì Trịnh Tuy và Mạc Đăng Dung cũng đều có ý hiếp chế Thiên tử để sai khiến chư hầu, hai bên gây cuộc nội chiến, khiến trong nước chịu cảnh lâm than, lúc ấy Ông có cảm hứng một bài thơ rằng:

*Thái hòa vũ trụ bất Ngu Chu,  
Hỗ chiến giao tranh tiểu lương thù.  
Xuyên huyết sơn hà tùy xứ hữu,  
Uyên ngư từng trước vị thủy khu.  
Trùng hưng dĩ bốc độ giang mã,  
Hậu hoạn ứng phòng nhập thất khu  
Thế sự đảo đầu hựu thuyết trước,  
Túy ngâm trạch bạn nhậm nhàn du.*

**DỊCH:**

*Thái hòa chẳng thấy cảnh Ngu Chu,  
Hai phái thù hàn chém giết nhau.  
Nhuộm máu phơi xương đã khắp chốn,  
Xua chà đuổi sẽ vị ai đâu?  
Trùng hưng đuổi ngựa qua sông trước,  
Hậu hoạn phòng beo tiến cửa sau.  
Ngán nỗi việc đời thôi phó mặc,  
Say rồi dạo suối hát vài câu.*

Sở dĩ có bài thơ trên vì Ông biết rõ nhà Lê sẽ được trung hưng, dẫu rằng ngày nay tạm phải tìm kế an thân, nhưng rồi sau đây tất nhiên sẽ lại khôi phục được nước, mà câu: Beo tiến cửa sau, chỉ là nói kín đó thôi.

Quả nhiên về sau, nhà Lê trung hưng, bốn phương trở lại yên tịnh, bấy giờ bạn hữu đều khuyên Ông ra làm quan, đến năm 44 tuổi Ông mới chịu ra ứng thí, khoa hương thi ấy, Ông được đỗ đầu, rồi năm sau, tức là năm thứ 6 đời nhà Mạc (1535), lại ra tỉnh thì được đỗ thứ nhứt, khi vào đình đối, lại đỗ Tấn Sĩ đệ nhứt danh, được bổ chức Đông Các Hiệu Thư, trong thời Thái Tông nhà Mạc, Ông có làm 2 bài thơ “Xuân thiên ngự tửu”, đều được hạng ưu, rồi thăng chức Hữu Thị Lang Hình Bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả Thị Lang, kiêm chức Đông Các Đại Học Sĩ.

Trong 8 năm ở triều, Ông có dâng sớ hạch tội 18 kẻ nịnh thần, xin đem chém để làm gương, bởi vì bốn tâm của Ông chỉ muốn làm trăm họ đều được an vui, những người tàn tật mù lòa cũng cho họ được có nghề ca hát bói toán, nhưng rồi gặp phải con rể tên là Phạm Dao ý thể lộng hành, vì sợ liên lụy đến mình nên Ông cáo quan

xin về trí sĩ.

Thế là giữa năm Quảng Hòa thứ 2 (1542), Ông mới 52 tuổi đã xin trí sĩ, treo mũ về làng, dựng Am Bạch Vân ở phía tả chỗ làng Ông ở và vẫn lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ. Khi ấy Ông có bắc 2 chiếc cầu Nghinh Phong và Tràng Xuân để khi hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân ở bến Tuyết giang, có bia để ghi sự thực.

Ngoài ra, Ông còn tu bổ chùa chiền, có lúc cùng các lão tăng đàm luận, có khi thả một con thuyền dạo chơi Kim Hải, Úc Hải để xem đánh cá. Còn chỗ danh sơn thắng cảnh, như núi An Tử, Ngọa Vân, Kính Chủ, Đồ Sơn, nơi nào Ông cũng chống gậy trèo lên, thừa hứng ngâm vịnh, quên cả sớm chiều; mỗi khi thấy chỗ rừng cây chim đối giọng ca thì Ông hớn hờ tự đắc, quả là một vị Lục địa Thần Tiên.

Nhưng trong thời gian dưỡng lão ở chốn gia hương, tuy rằng không dự quốc chính, thế mà họ Mạc vẫn phải kính trọng như một ông thầy, những việc trọng đại thường sai sứ giả về hỏi, có khi lại đón lên kinh thành để hỏi, Ông đều ung dung chỉ dẫn, nhờ đó bổ ích rất nhiều. Xong rồi Ông lại trở về am cũ, họ Mạc ân cần giữ lại cũng chẳng được, về sau phải liệt vào hạng nhứt công thần, phong tước là Trình Tuyên Hầu, dần dần thăng đến Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công. Ông Bà nhị đại cũng được phong ấm, 3 người thê thiếp với 7 người con cũng theo thứ tự phong hàm.

Thế rồi đến năm Cảnh Lịch thứ 3 thời nhà Mạc (tức Mạc Phúc Nguyên 1550), Thư Quốc Công, người xā Khoa Hoạch huyện Thanh Oai tên là Nguyễn Thiến, con là Quyện và Mỗi về hàng Quốc triều, Ông có làm một bài

thơ gởi cho Thiến có những câu rằng:

*“Cố ngã tôn cô duy nghĩa tại,  
Tri quân xử biển khởi tâm cam.”*

DỊCH:

*Ta giúp mở cõi vì trọng nghĩa,  
Ông khi xử biển há cam lòng.*

Lại có câu rằng:

*“Khí vận nhất chu ly phục hợp,  
Trường giang khởi hữu hạn đông nam.”*

DỊCH:

*Vận chuyển một vòng tan lại hợp,  
Trường giang đâu có hạn đông nam.*

Thiến xem thơ, trong lòng cảm thấy bút rứt, còn Quyện cũng là tướng tài, luôn luôn lập được chiến công. Phúc Nguyên lấy làm lo ngại, hỏi kế nơi Ông thì Ông thưa rằng: Cha Quyện với thân là chỗ bạn thân từ trước, và đã ở trong nhà thân, hiện nay được ra trấn thủ Thiên Trường, ở vào tình thế bán tín bán nghi, nay muốn dùng kế bắt lại, thực chẳng khác chi thò tay vào túi để lấy một vật gì mà thôi.

Rồi Ông xin với Mạc Phúc Nguyên trao cho 100 trảng sĩ, sai đi phục sẵn ở bên bắc ngạn. Ông gởi thơ cho Quyện, hẹn sang bên thuyền nâng chén rượu nhạt kể lại tình xưa, rồi nhân lúc đã quá say, phục binh nổi dậy bắt cóc đem về nam ngạn, Ông mới đem ân nghĩa quốc gia để khuyên nhủ. Quyện cảm động khóc nức nở, Ông bèn dẫn về qui thuận họ Mạc, rồi sau trở thành một viên danh tướng, nhờ đó nhà Mạc duy trì thêm được mấy chục năm nữa.

Trong thời gian ấy, Đức Thế Tổ (Trịnh Kiểm) đã dấy nghĩa binh, thanh thế vang khắp xa gần, đánh nhau mấy trận

ở cửa Thần Phù. Khiêm Vương Mạc Kính Điển đại bại, Thế Tổ thừa cơ tiến binh theo đường Tây Sơn ra đánh Kinh Bắc, khiến cho trong ngoài nơm nớp lo sợ, Ông hiến kế sách hư hư thực thực, họ Mạc theo đó thi hành, bấy giờ trong cõi mới tạm ổn định.

Mạc Mậu Hợp, năm Diên Thành thứ 8 (1585), tức năm Ất Dậu tháng 11 thì Ông lâm bệnh. Mậu Hợp sai sứ đến vấn an và hỏi về quốc sự. Ông chỉ trả lời rằng: *“Tha nhứt quốc hữu sự cố, Cao Bằng tuy tiểu khả duyên số thế.”* Nghĩa là: Sau này quốc gia hữu sự thì đất Cao Bằng tuy nhỏ cũng giữ thêm được mấy đời.

Quả nhiên, cách 7 năm sau thì họ Mạc mất, rồi các Chúa nhà Mạc như Càn Thống, Long Thái, Thuận Đức, Vĩnh Xương, rút lui lên giữ Cao Bằng được 70 năm, nghĩa là sau 3, 4 đời thì mới hoàn toàn bị diệt, coi đó thì lời nói của Ông dự đoán chẳng sai chút nào.

Nhưng rồi trong tháng ấy, giữa ngày 28 thì Ông tạ thế, hưởng thọ 95 tuổi, học trò suy tôn hiệu là “Tuyệt Giang Đại Phu”, phần mộ ở trên một cái gò đất trong làng. . . . .

Năm Thuận Bình thứ 8 (1556), Lê Trung Tông mất, không có hoàng nam nối ngôi. Thế Tổ (Trịnh Kiểm) do dự không biết lập ai, hỏi Trạng nguyên Phùng khắc Khoan, cũng không quyết định nổi, nên mới phải sai gia nhân ngầm đem lễ vật về tận Hải Dương để hỏi, Ông không trả lời mà chỉ quay lại bảo các gia nhân rằng: *“Vụ này lúa không được mấy, chỉ tại thóc giống không tốt, vậy các người*

*phải đi tìm giống cũ để mà gieo mạ.”* Nói xong, Ông lại lên xe ra chùa, sai các chú tiểu quét dọn đốt hương, ngoài ra không hề đá động gì đến chuyện khác, bởi vì Ông đã hơi tỏ cho biết cái thâm ý là: Cứ việc thờ Phật thì được ăn oản.

Rồi Trạng Phùng thấy thế vội vàng về báo, Thế Tổ hiểu ngay, bèn đón Anh Tông (Lê duy Bang) về lập, tình thế trong nước mới được ổn định.

Trong thời gian ấy, Đoàn Quốc Công Nguyễn Hoàng là con Chiêu Huân Tĩnh Vương, đương lúc ở trong tình thế nguy ngập vì sợ không thoát khỏi tay Trịnh Kiểm, thân mẫu của người vốn dòng họ Phạm đã được tôn là Thánh mẫu, nguyên quán ở làng Phạm Xá thuộc huyện Tú Kỳ, với Ông là chỗ đồng hương, nên thường bí mật sai người về làng nhờ Ông chỉ giúp cho con trai bà một đường sống. Sứ giả đặt gói bạc nén ở trước mặt Ông, rồi bái lạy lia lịa.

Ông thấy sứ giả năn nỉ mãi, nhưng vẫn không nói gì, rồi đứng phắt lên, tay cầm chiếc gậy, thủng thỉnh ra lối vườn sau, là nơi có hơn 10 tảng đá xanh xếp thành một dãy núi giả (non bộ) quanh co, trước núi lúc ấy có những đàn kiến dương men theo tảng đá leo lên, Ông ngấm nghĩa chúng một lát rồi mỉm cười đọc một câu: “Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân”, nghĩa là: Một dãy Hoành sơn có thể dung thân được.

Sứ giả hiểu ý trở về thuật lại với Nguyễn Hoàng. Hoàng bèn xin vào trấn thủ Quảng nam, đến nay hùng cứ cả một vùng đó. . . . .

Nói về môn sinh của Ông, thực sự không biết bao nhiêu mà kể, nhưng nói riêng về những người có tiếng tăm lừng lẫy thì có: Phùng khắc Khoan, Lương hữu Khánh, Nguyễn Dữ, và Trương Thị Cử, đều đã nhờ ơn truyền

thụ số học từng đi đến chỗ uyên thâm, và sau đều là các bậc danh thần trong thời Trung hưng.

Nhắc lại khi Phùng khắc Khoan còn theo học Bạch Vân Tiên Sinh, lúc thành tài rồi, bỗng có một đêm Tiên Sinh đến chỗ nhà trọ của Khoan, Tiên Sinh gõ cửa bảo rằng: Gà gáy rồi đấy, sao anh chưa dậy nấu ăn mà còn nằm ỳ ở đó.

Khắc Khoan hiểu rõ ý thầy nên vội thu xếp lên vào vùng Thanh Hóa, nhưng lại ẩn cư với Ông Nguyễn Dữ, chớ chưa chịu ra làm quan. Trong thời gian nhàn rỗi ấy, Nguyễn Dữ có soạn ra bộ Truyền Kỳ Mạn Lục, được Ông phủ chính rất nhiều, cho nên mới thành ra một cuốn Thiên cổ kỳ bút. Coi đó, ta thấy việc đào tạo nhân tài để giúp cho bốn triều lúc ấy, phần lớn là nhờ ở Tiên Sinh vậy.

Còn nói về cá nhân của Tiên Sinh, ta thấy Tiên Sinh là người có lòng khoáng đạt, tư chất cao siêu, xử sự hồn nhiên, không hề có chút cạnh góc, ai hỏi thì nói, không hỏi thì thôi, mà đã nói ra câu gì, thực là bất di bất dịch, dẫu rằng ở nơi thôn dã vui cảnh cúc tùng, hơn 40 năm mà lòng vẫn không quên nước, tắc dạ ưu thời mãn thế thường thấy chan chứa trong các vần thơ, văn chương viết rất tự nhiên, không cần điều luyện, giản dị mà rất lưu loát, thanh đạm mà nhiều ý vị, câu nào cũng có quan hệ đến sự dạy đời.

Riêng về thơ phú quốc ngữ, Tiên sinh soạn cũng rất nhiều, trước đã xếp thành một tập gọi tên là Bạch Vân Thi Tập, tất cả đến hơn ngàn bài, ngày nay sót lại độ hơn một trăm, và một thiên Trung Tân Quán Phú, còn thi thì thất lạc hết cả. Nhưng xem đại lược cũng toàn những thể gió mát trăng thanh, dẫu ngàn năm sau vẫn còn có thể

tưởng tượng thấy vậy. Thử coi những câu:

*Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ?  
An nhàn ngã thị địa trung Tiên.*

Nghĩa là:

*Cao sạch ai làm thiên hạ sĩ?  
Thanh nhàn ta cũng địa trung Tiên.*

Đó là mấy câu Tiên sinh tự thuật chí hướng của mình thì đủ rõ.

Nói về gia đình Tiên sinh có 3 thế thiếp. Bà Chánh thất họ Dương hiệu Từ Ý, quê ở Hải Dương, cũng thuộc bốn huyện, nguyên là ái nữ của quan Hình Bộ Tả Thị Lang Dương đặc Nhan. Thứ Phu nhân họ Nguyễn, hiệu là Nhu Tĩnh. Á Phu nhân họ Nguyễn hiệu Vi Tĩnh. Con cái cộng 12 người, 7 trai 5 gái. Con trưởng hiệu là Hàn Giang Cư Sĩ, được tập ấm hàm Trung Trinh Đại Phu, rồi sau làm đến Phó Hiến. Con thứ 2 hiệu là Túy Am Tiên Sinh, phong hàm Triều Liệt Đại Phu, tước Quảng Nghĩa Hầu. Con thứ 3 phong hàm Hiến Cung Đại Phu, tước Xuyên Nghĩa Bá, con thứ 4 là Thuần Phu, phong hàm Hoảng Nghị Đại Phu, tước Quảng Đô Hầu, con thứ 5 là Thuần Đức, tước Bá Thứ Hầu, con thứ 6 là Thuần Chính tước Thăng Nghĩa Hầu. Tất cả mấy người con đều có lập được quân công.

Rồi sau Hàn Giang sinh Thiết Đức, Thiết Đức sinh Đạo Tấn, Đạo Tấn sinh Đạo Thông, Đạo Thông sinh Đăng Doanh, Đăng Doanh sinh Thì Đương. Lúc ấy Thì Đương đã 65 tuổi, sinh được 3 người con trai, đều là cháu 8 đời của Tiên Sinh vậy.

Năm Vĩnh Hựu nguyên niên (tức là năm Ất Mão

1735), người trong làng nhớ tới thịnh đức của Tiên sinh, có dựng 2 tòa miếu ngay ở nền nhà của Tiên sinh ngày trước, rồi người hàng Tổng vì nhớ ơn đức cũng đến Xuân Thu hằng năm tế tự Tiên sinh; còn người trong họ là các Ông Nguyễn hữu Lý, vì sợ sau này gia phả sẽ bị thất lạc, nên có nhờ ta soạn một bài tựa. Ta đây sinh sản ở đất Hồng Châu, đối với Tiên sinh ngày trước, dẫu là đồng hương, nhưng nay cách đã 190 năm rồi thì còn biết đâu mà nói. . . . .

Nhưng ta nhận thấy Kỳ Lân, Phượng Hoàng dẫu phải là vật thường thấy ở trong vũ trụ, tất nhiên nó phải ra chơi ở vườn nhà Đường và núi nhà Chu thì nó mới là điềm tốt.

Còn như Tiên sinh, sẵn có tư chất thông tuệ, thêm vào Đạo học Thánh Hiền, ví thử đắc thời để mà thi thố sở học, chắc sẽ tạo ra cảnh trị bình, thay đổi phong tục phù bạc thành ra lễ nghĩa văn minh. Thế mà trái lại, một người có đức đủ phò tá vương, lại sinh ra giữa thời bá giả, thành ra sở học trở nên vô dụng, thực đáng tiếc thay!

Tuy nhiên, đời dùng thì làm, đời bỏ thì ẩn. Đối với Tiên sinh, dù chẳng đắc dụng cũng có hề chi.

Ta rất hâm mộ Tiên sinh về chỗ đó. Thử coi sinh trưởng trên đất nhà Mạc, khi thử ra làm quan để hành sở học, thì cũng muốn bắt chước Đức Khổng Phu Tử vào yết kiến Công Sơn Phát Nhiêu, rồi khi biết rằng không thể giúp được thì vội bỏ đi, lại muốn theo trí sáng của Trương Lương để hỏi thăm Xích Tùng Tử.

Nay đọc những văn chương còn lại, khác chi nghe thấy những tiếng ném ngọc gieo vàng, rục rịch như mây năm sắc, sáng sủa như vùng thái dương, mà cái phong vị

tắm sông Nghi, hóng mát cầu Vũ Vu của Ông Tăng Điểm ngày trước, và cái phong thú yêu sen, hái lan của tiên nho ngày xưa, hình như ta được nhìn thấy Tiên sinh và Ta được bái kiến ở trong Giáng Trướng.

Bởi vì Tiên sinh chẳng những chỉ tinh thâm một môn Lý học, biết rõ dĩ vãng cũng như tương lai, mà sự thực thì trăm đời sau cũng chưa thấy có ai hơn được vậy.

Ôi! Ở trong thiên hạ, các bậc quân vương, các vị hiền giả, hỏi có thiếu chi, nhưng chỉ có lúc sống thì được phú quý vinh hoa, còn sau khi mất thì những cái đó lại cũng mai một đi với thời gian, hỏi còn ai nhắc nữa?

Còn như Tiên sinh, nói về thế hệ đã truyền đến 7, 8 đời, gần thì sĩ phu dân thứ ngưỡng vọng như bóng sao Đẩu trên trời, dẫu cách ngàn năm cũng còn tưởng tượng như một buổi sớm. Xa thì sử giả Thanh triều tên Chu Xán, nói đến nhân vật Lĩnh Nam cũng đã có câu: *“An-Nam Lý học hữu Trình Tuyền”*, tức là công nhận về môn Lý học của nước An-Nam chỉ có Trình Tuyền là người số một, rồi chép vào sách truyền lại bên Tàu.

Như thế, đủ thấy Tiên sinh quả là một người rất mực của nước ta về thời trước vậy.

**Hậu học Ôn Đình Hầu Võ Khâm Lâm cẩn thuật.**

**GHI THÊM CHO RÕ:**

Cụ Nguyễn bình Khiêm, trước được phong là Đông Các Đại Học Sĩ, sau được phong tước là: Trình Tuyền Hầu, rồi dần dần thăng lên Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công.

Cụ mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu (1585), thọ 95 tuổi.



Cụ Trọng Trình Nguyễn bình Khiêm, ngoài việc dùng thi ca ngâm vịnh làm thú tiêu khiển, Cụ còn muốn dùng văn chương để giáo hóa người đời, truyền bá những tư tưởng đạo đức, giác ngộ dân chúng, vì trước mắt Cụ, hoàn cảnh đất nước thật điêu tàn, chiến tranh nổi da xáo thịt, chém giết nhau vì quyền lợi riêng tư, không còn biết đạo đức như thế nào. Cụ đã thực hành chủ trương “Văn dĩ tải Đạo” của Thánh Hiền.

Cụ có viết một tập thơ chữ Hán gọi là “BẠCH VÂN AM THI TẬP”. Tập thơ này gồm hàng ngàn bài thơ vịnh cảnh, tả tình, hiện đã bị thất lạc gần hết.

Về thơ Nôm, Cụ có viết tập “BẠCH VÂN QUỐC NGŨ THI TẬP”, gồm nhiều bài thi Đường luật và Cổ phong, với những chủ đề như sau:

- Thú ẩn cư, an nhàn tự tại,
- Than trách đời nhân tình thế thái,
- Khuyên răn người đời.

Ngoài ra, Cụ Trọng Trình còn lưu truyền lại cho con cháu một quyển SẤM KÝ trường thiên, mà con cháu Cụ sau này chép vào cuốn BẠCH VÂN GIA PHẢ BÍ TRUYỀN TẬP, gọi là SẤM TRẠNG TRÌNH.

♦ Sau đây xin chép lại vài bài thi tiêu biểu trong cuốn *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập*:

### THÚ THÔN CƯ

*Một mai một cuộc một căn cầu,  
Thơ thần mặc ai vui thú nào.  
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn người đến chốn lao xao.  
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá,*

*Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao.  
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp,  
Nhìn xem phú quý tự chiêm bao.*

### THẾ GIAN BIẾN ĐỔI

*Thế gian biến đổi vũng nên đồi,  
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi.  
Còn tiền còn bạc còn đệ tử,  
Hết cơm hết gạo hết ông tôi.  
Xưa nay vẫn trọng người chân thực,  
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi.  
Ở thế mới hay người thế bạc,  
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.*

### CỬA NẶNG HƠN NGƯỜI

*Đời nấy nhân nghĩa tự vàng mười,  
Có cửa thì hơn hết mọi lời.  
Trước đến tay không nào thiết hỏi,  
Sau vào gánh nặng lại vui cười.  
Anh anh chú chú mừng hơ hải,  
Rượu rượu chè chè thết tả tôi.  
Người, của, lấy cân ta sẽ nhắc,  
Mới hay rằng cửa nặng hơn người.*

♦ Sau đây xin trích vài đoạn trong SẤM TRẠNG TRÌNH

### CẢM ĐỀ

*Thanh nhàn vô sự là Tiên,  
Năm hồ phong nguyệt nổi thuyền buông chơi.  
Cơ Tạo Hóa, phép đổi đời,  
Đâu non mây khói tỏa,  
Mặt nước cánh bướm trôi.*



Hương Tản mặc kệ ai xua đuổi,  
 Lầu Hán trắng lên ngấm mệnh Trời.  
 Tuổi già thua kém bạn,  
 Văn chương gọi lại đời.  
 Dở hay nên tự lòng người cả,  
 Nghiền bút soi hoa chép mấy lời.  
 Bí truyền cho con cháu,  
 Dành hậu thế xem chơi.

### SẤM KÝ

Nước Nam từ họ Hồng bàng,  
 Biển dâu cuộc thế, giang san đổi dời.  
 Từ Đinh Lê Lý Trần thuở trước,  
 Đã bao đời ngôi nước đổi thay.  
 Núi sông Thiên định đặt bày,  
 Đô thơ mấy quyển, xem nay mới rành.  
 • .....  
 Kìa kìa gió thổi lá rung cây,  
 Rung Bắc rung Nam, Đông tới Tây.  
 Tàn tác kiến kiều an đất nước,  
 Xác xơ cỏ thụ sạch am mây.  
 Lâm giang nổi sóng mù thao cát,  
 Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy.  
 Một ngựa một yên ai sùng bái,  
 Nhấn con nhà Vĩnh Bảo cho hay.  
 Tiền ma bạc quỷ trao tay,  
 Đồ Môn Nghệ Thái dấy dấy can qua.  
 Giữa năm hai bảy mười ba,  
 Lửa dâu mà đốt Tám Gà trên mây.  
 • .....  
 Cửu cừu Càn Khôn dĩ định,

Thanh minh thời tiết hoa tàn.  
 Trục đảo dương đầu mã vĩ,  
 Hồ binh bát vạn nhập Tràng an.  
 Nực cười những kẻ bàng quan,  
 Cờ tan lại muốn toan đường đá xe.

• .....  
 Long vĩ xà đầu khởi chiến chinh,  
 Can qua xú xú khởi đao binh.  
 Mã đề dương cước anh hùng tận,  
 Thàn Đậu niên lai kiến thái bình.  
 • .....  
 Thần Kinh Thái Ất suy ra,  
 Để dành con cháu đem ra nghiệm bàn.  
 Ngày thường xem thấy quyển vàng,  
 Cửa riêng bảo ngọc để tàng xem chơi.  
 Bời Thái Ất thấy lạ đời,  
 Ấy thuở Sấm Trời vô giá thập phân.  
 Phú quý hồng trần mộng,  
 Bản cùng bạch phát sinh.  
 Hoa thôn đa khuyến phệ,  
 Mục giả dục nhưn canh.  
 Bắc hữu Kim Thành tráng,  
 Nam hữu Ngọc Bích Thành.  
 Phân phân tung bách khởi,  
 Nhiều nhiều xuất đông chinh.  
 Bảo giang Thiên Tử xuất,  
 Bất chiến tự nhiên thành.  
 • .....  
 Cơ Tạo Hoá phép mầu khôn tỏ,  
 Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao.  
 Thấy Sấm từ đây chép vào,

*Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.*

Trong thời ĐĐTKPĐ, Cụ Nguyễn bình Khiêm, Thánh danh là THANH SƠN ĐẠO SĨ, thường giảng cơ dạy đạo nơi Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kim Biên (Nam Vang).

Sau đây, xin chép ra 2 bài Thánh giáo quan trọng:

*Báo Ân Đường (Nam Vang), đêm 13-8*

*Bính Thân (dl 17-9-1956) Hội thời.*

*Phò loan: Giám Đạo Lợi, Hữu Phan Quân Thoại.*

### THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bần đạo xin chào Hộ Pháp, Bảo Đạo, và chư Hiền Nam Nữ.

Thấm thoát nền Đại Đạo khai nơi Tân quốc đã 30 năm. Ngày ấy chính Chí Tôn sai Hộ Pháp đến để gieo hột Thánh cốc. Từ ấy những nay thì các tay chấp chánh Đạo quyền nơi này không tô bồi thêm, trái lại làm cho phân chia tâm lý. Có ấy là chỗ ham quyền trọng vị. Các Chức sắc Thiên phong lãnh Thiên mạng nơi mình không làm xong phận, Ngôi thì ham, quyền thì muốn, mà hành động cho xứng lại không. Thử hỏi họ vưng Thiên mạng đến để làm gì kia chớ?

Họ phải cho xứng phận là anh, thầy, để gần gũi nhơn sanh, chia việc đau, an ủi điều khổ.

Hôm nay Hộ Pháp đã đến thì cả Chức sắc Thiên phong phải ráng thiệt thi quyền của mình, hư thì bỏ, nên thì để, rửa ráy Thánh thể Đức Chí Tôn cho nên hình. Vậy khá liệu lấy.

Có Quyền Giáo Tông đến. THĂNG.

TÁI CẦU:

*Phò loan: Hộ Pháp - Bảo Đạo.*

**THƯỢNG TRUNG NHỰT** Qua chào mấy em.

Khi này, Đức Thanh Sơn có ý khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính Qua cũng nhìn nhận mấy em thiếu kém công nghiệp cùng Đạo. Mấy em Nam Nữ đã thấy rõ vì thế nào mà Chưởng Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng?

Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Giáo Sư Thượng Bảy Thanh) nắm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng, vì hổ thẹn ấy mà **Chưởng Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo.**

Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp. Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động đăng chia phe phân phái lập quyền đời của họ.

Các em có biết chẳng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng, tức là Đức Thanh Sơn, vì khi lãnh lệnh Ngọc Hư thì người đã hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các Chơn linh Bạch Vân Động. Hôm nay lời hứa ấy đã thất. Qua nhường cơ lại cho Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn.

Mấy em sẽ hưởng đặng một điều quý báu. THĂNG.

TÁI CẦU:

### THANH SƠN CHƠN NHƠN

Bản đạo trở lại là vì lời kêu nài của Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt. Chư Thiên phong đủ hiểu rõ rằng: Mạng số Việt Nam nó liên quan mật thiết cùng kiếp sanh của Bản đạo là thế nào, và vì lẽ gì mà Bản đạo phải giao trọn quyền điều khiển Bạch Vân Động cho Hộ Pháp.

Bảo Đạo! Thì Bản đạo cũng đồng tâm bịnh với Hiền Hũu. Cười. . . Bảo Đạo nghe:

#### THI:

*Hoành sơn phân nước trót đôi lần,  
Khí số bấy chừ dứt Nguyễn quân.  
Lời sấm đoán văn khi thật quả,  
Tiên tri toán số gẫm không lầm.  
An dân buồn thiếu trang hiền sĩ,  
Bảo quốc vui nhờ đức Thánh nhân.  
Suy thịnh nước nhà do trị loạn,  
Cũng như Đông mẫn tới hồi Xuân.*

Đọc lại rồi kiểm nghĩa đặng hiểu.

Bản đạo sẽ tái giảng đặng hiệp ý cùng nhau. THĂNG.

#### Ghi chú về: BẠCH VÂN ĐỘNG.

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động:

“Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lãn với đời sống ở thế gian này.

Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch

Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giáng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động).

Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch Vân Hòa Thượng, miêu duệ của Từ Hàng Đạo Nhơn, dòng dõi Đức Phật Quan Âm.

Bạch Vân Hòa Thượng đã 2 lần giáng trần ở Pháp: Một lần là Hồng Y Giáo Chủ Richelieu, một lần là Quận Công La Roche Foucault.

Ở VN, Ngài giáng trần là Trình Quốc Công Nguyễn bính Khiêm, tức gọi Trạng Trình.”

### TIỂU SỬ NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

#### VICTOR HUGO

*Nhân ngày vía của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tại Tòa Thánh, đêm 22-5-1949 (25-4-Kỷ Sửu), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn như sau:*

“Đức Victor Hugo, tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, là một Đấng thiêng liêng tại Quảng Hàn Cung.

Khi tái kiếp, Ngài sanh tại thành Besancon, Pháp quốc, nhằm ngày 26-2-1802. Ngài từ trần tại Paris ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Từ buổi Đạo khai nơi Tân quốc, thì Ngài giáng cơ với danh hiệu là Chưởng Đạo Nguyệt Tâm, Chưởng quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

Ngài là một nhà thi sĩ trứ danh của nước Pháp trong thế kỷ 19. Lúc còn thiếu thời, Ngài thường châu lưu ở nước Ý, ở nước Tây Ban Nha, kể trở về Paris. Khi lên 10 tuổi thì Ngài đã sẵn có tài thi văn, đến lúc trưởng thành thì

những văn từ thi phú của Ngài đều là những tác phẩm lỗi lạc, tình tứ cao thâm, nên trong trường đời, Ngài đã nổi danh là thi bá, đứng đầu các bậc kỳ nhân trong thời buổi ấy. Lần hồi tên tuổi của Ngài đã nêu danh nơi Hàn Lâm Viện và Ngài trở nên một đại công thần danh dự của Pháp triều buổi ấy.

Đến sau cuộc Cách mạng 1848 tại nước Pháp, Ngài đắc cử vào Hạ Nghị Viện để bảo tồn nền chánh trị và luật pháp trong nước. Lúc Ngài lãnh trách nhiệm trọng yếu ấy, Ngài đã lăm phen trở tài hùng biện mà binh vực quyền lợi cho dân Pháp với những lẽ công chánh, nhứt là sự tự do. Nước Pháp trong buổi ấy chưa yên, nên cách 3 năm sau, ngày 2-12-1851, lại có cuộc nội biến. Ngài phải buộc lòng từ giã Paris ra ngoại quốc, mãi đến năm 1970 ngày 4-9 Ngài mới trở lại trường chánh trị. Lúc đó Ngài đang 68 tuổi. Từ ấy đến sau, Ngài đem hết nhiệt tâm mà chuyên lo cần mẫn vì nước vì dân cho đến ngày qui vị.

Trong kiếp sanh của Ngài rất vinh diệu cho nước Pháp, ngoài những chuyện thi văn kiệt tác đối với quê hương dân tộc Pháp, Ngài còn để dấu trong trường chánh trị một danh thể bất hủ.

Vì vậy mà khi Ngài qui vị, đám táng Ngài rất long trọng, quan cữu và linh vị đặt hưởng đặc ân của nước Pháp để vào Công Thần Miếu (Panthéon). Ấy vậy, thật là một vĩ nhân và một đại công thần nước Pháp đó vậy.

Bản đạo cũng nên cho toàn đạo hiểu rồi đừng lăm tưởng chúng ta ngày nay đương tôn sùng lễ bái kỷ niệm một vị vĩ nhân công thần của Pháp như trên đã nói, đó là tôn sùng người Pháp.

Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai,

thọ mạng lĩnh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chưởng Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại Giáo, Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức sắc Ngoại giáo, hưởng chi chúng ta ngày nay cả thầy đều đặn hiểu biết tiền kiếp của Ngài trước kia, tái kiếp nước Pháp thì Ngài đã có một kiếp sanh tại nước Việt nam là Đức **Nguyễn Du**, là một nhà thi sĩ, tác phẩm Truyện Kim Vân Kiều mà ngày nay cả thế giới đều nhận bản tác phẩm ấy là vô giá, nhứt là chúng ta, dân tộc VN, càng vinh hạnh hơn hết.”

*Sau đây là Tiểu sử chi tiết của Văn hào Victor Hugo:*

### VICTOR HUGO (1802-1885)

Victor Hugo sanh ngày 26-2-1802 tại Besancon nước Pháp. Khi mẹ cậu sanh ra, cậu rất bé nhỏ và yếu ớt, đã tưởng khó nuôi, nhưng mẹ cậu cố gắng săn sóc và cứu được cậu.

Cha của Victor Hugo là Léopold Hugo, gốc ở Loraine, làm chức Đại Tá trong quân đội dưới triều vua Napoléon.

Mẹ là Sophie Trébuchet, gốc ở Bretagne.

Victor Hugo có 2 người anh tên là: Abel Hugo và Eugène Hugo.

Ông Léopold và bà Sophie đều là người rất tốt, săn sóc các con chu đáo, nhưng tư tưởng và tánh tình lại đối nghịch nhau, ông thì có tư tưởng cộng hòa và tánh ham vui, còn bà thì bảo hoàng và nghiêm khắc.

Ông Léopold thường ở ngoài mặt trận, chỉ huy quân đội, hết đi từ Ý đến Y Pha Nho, dạt theo một cô tình nhân là Catherine Thomas. Bà Sophie sống tại Paris với các con trong một ngôi nhà có vườn rộng, trồng nhiều hoa ở đường Feuillantines.

Một Linh mục già đã hoàn tục tên là Larivière được giao phó cho việc dạy học vỡ lòng cho cậu Victor. Ông thấy cậu đã tự học lấy và đã biết đọc rồi, nên liền dạy ngay cho cậu tiếng La tinh và cậu Victor rất thích học cổ ngữ này.

Năm 1811, Léopold Hugo được thăng lên cấp tướng, phong làm Công Tước, cai trị 3 tỉnh ở Y Pha Nho. Bà Sophie dắt con qua ở với chồng, cũng mong cùng chồng hưởng cảnh phú quý. Nhưng 2 ông bà lại bất bình với nhau, bà trở về Paris với 2 con là Eugène và Victor, để Abel ở lại với cha.

Trở về nhà ở Feuillantines, Victor lại học với thầy cũ và đọc rất nhiều sách của J.J. Rousseau, Diderot, Voltaire, ... rồi lại tự tập làm thơ. Chẳng cần biết vần, biết cước, cứ làm. Làm xong lại ngâm lên, nghe không êm tai thì sửa, dò dẫm như thế, cậu Victor đã tìm được những qui tắc của một loại thơ 12 cước (Alexandrin).

Năm 1814, cha của Victor trở về Pháp. Ông đưa các con vào trọ học ở một tư thực đường Saint Marguerite. Thế là chấm dứt thời kỳ vui vẻ của tuổi thơ.

Năm 1816, cậu theo học tại trường Trung học Louis Le Grand cùng với anh Eugène. Chương trình học rất nặng, học suốt từ sáng đến chiều, nhưng hễ rảnh lúc nào là cậu Victor làm thơ lúc ấy.

Đến cuối năm 1817, Victor 15 tuổi, cậu đã có một tập thơ đầu tiên: **Poésies diverses** gồm mấy ngàn câu thơ. Cậu cũng viết được một vở hài kịch, một vở bi kịch năm hồi, một thiên anh hùng ca.

Hàn Lâm Viện Pháp mở một cuộc thi về thơ với đề tài: Cái vui của sự học trong mọi hoàn cảnh của đời người.

Cậu Victor liền làm xong một bài thơ gồm 334 câu và nhờ một thầy Giám thị trong trường nội trú dắt học sinh đi chơi về phía Hàn Lâm Viện, rồi trong lúc các bạn đang đứng ngắm lâu đài, thì cậu và thầy Giám thị chạy vào Hàn Lâm Viện nộp bản dự thi.

Tác phẩm dự thi của cậu Victor Hugo được xếp hạng 9 và viên thư ký của Viện Hàn Lâm ghi rằng: Nên khuyến khích thi sĩ trẻ tuổi này nếu quả thực mới 15 tuổi.

Tập thơ không được giải thưởng, nhưng cậu Victor lại nổi danh. Các báo ở Paris đều viết bài khen cậu là thần đồng. Các vị giáo sư dạy cậu cũng có biệt nhân đối với cậu.

Ít lâu sau, cậu viết được một truyện trung bình đặt tên là **Buozargal**, nói về cuộc nổi loạn ở Saint Dominique. Kỹ thuật viết đã có đoạn già dặn không kém những truyện hay nhất của Mérimée.

Cậu Victor Hugo đã sớm phát triển tài năng về 2 mặt: Thơ và Văn.

Tháng 2 năm 1818, hai ông bà Léopold và Sophie ly thân nhau. Abel đã đi làm có tiền, còn Eugène và Victor được cha trợ cấp đủ tiền để học môn luật. Họ chỉ ghi tên học chớ không đến lớp mà về nhà ở với Mẹ. Bà cho 2 anh em được tự do vì tin rằng con mình không thể hư và chắc chắn sẽ nổi danh sau này.

Thi đàn Académie des Jeux floraux ở Toulouse tổ chức một cuộc thi về thơ với đầu đề là: Dựng lại tượng vua Henri IV.

Victor liền lao vào làm một bài dự thi: Cậu dùng thể thơ 12 cước xen lẫn 8 cước, kỹ thuật đã cao, cân đối nhịp nhàng. Bài được chấm giải nhất, thắng Lamartine,



lúc đó hơn cậu 10 tuổi.

Victor gặp lại cô bạn gái thuở ấu thơ tên là Adèle Foucher rất đẹp. Họ yêu nhau ngay, nhưng mẹ của Victor Hugo không đồng ý cho Victor cưới Adèle, nên 2 gia đình tuyệt giao với nhau. Victor lúc ấy 17 tuổi, đã nếm mùi đau khổ của ái tình. Để quên đau khổ, Victor vui đầu vào nghiên cứu sách vở rồi viết lách.

Tháng 12 năm 1819, Victor cùng với 2 anh quyết định cho ra một tờ Tuần báo Văn nghệ lấy tên là *Conservateur littéraire*. Abel viết được ít bài, Eugène góp được vài bài thơ, còn bao nhiêu Victor lãnh hết. Cậu viết đủ thứ đề tài văn học như: Văn, Thơ, Kịch, Truyện ngắn, phê bình, giới thiệu. Cậu làm việc rất thận trọng, tra cứu tài liệu kỹ lưỡng, suy nghĩ chính xác. Tờ báo đứng được 16 tháng. Victor viết được 112 bài báo, 22 bài thơ, ký 10 bút hiệu khác nhau.

Hơn một năm gắng sức làm việc để xây dựng tờ báo, tuy không đem lại cho gia đình một nguồn lợi vật chất đáng kể nào, nhưng lại đem đến cho Victor một cái lợi rất lớn về tinh thần. Victor có dịp suy nghĩ về mọi vấn đề: Văn nghệ, chính trị, tôn giáo và tình yêu. Victor luyện tập được cây bút của mình, tăng lòng tự tin, nhất là có dịp gắng sức tối đa để phát triển tài năng. Một cái lợi nữa là Victor có được một số bạn văn nghệ sĩ đang nổi tiếng lúc bấy giờ.

Tháng 6 năm 1821, mẹ của Victor đau nặng qua đời. Ba anh em lo chôn cất mẹ trong nỗi nhớ thương, u sầu và chán nản.

Victor tìm đến người yêu cũ là Adèle Foucher nối lại cuộc tình. Ba anh em bây giờ rất nghèo. Victor xin cha cho cưới Adèle. Ông không cản nhưng khuyên cậu hãy

đợi đến lúc làm có nhiều tiền.

Năm 1922, Victor Hugo xuất bản tập thơ ODES (đoản thi) được trả tác quyền là 750 quan. Kế đó, triều đình Pháp ân cấp cho Victor một khoản tiền là 1200 quan mỗi năm để khuyến khích tài năng.

Có được khá nhiều tiền, chàng Victor cử hành lễ cưới Adèle tại nhà thờ Saint Sulpice ngày 22-10-1822, lúc đó Victor Hugo 20 tuổi.

Sau đêm tân hôn vui vẻ thì sáng lại, anh của Victor nổi điên, đập phá lung tung. Trong nhà ai cũng nghĩ rằng Eugène trước đây thắm yêu Adèle nên bây giờ thất vọng hóa điên.

Victor phải đưa anh về ở chung với cha đang ở Blois, rồi sau đó đưa Eugène vào nhà thương điên và ở đó tới chết.

Năm 1823, Victor xuất bản tập truyện HAN D'ISLANDE gồm 4 quyển, tả những cảnh rừng rợn tàn ác phi nhân xen với một cuộc tình của một đôi nam nữ yêu nhau cuồng nhiệt. Trí tưởng tượng của Victor thật phong phú ghê gớm làm cho độc giả phải say mê và phát hoảng.

Victor Hugo lại được Bộ Trưởng Nội Vụ Chánh phủ ân cấp cho 2000 quan mỗi năm, nhập với ân cấp cũ của triều đình là 1200 quan, tổng cộng là 3200 quan mỗi năm. Rồi tác quyền của các tập thơ và truyện được 3000 quan nữa. Lúc đó, Victor Hugo đã khá phong lưu rồi.

Năm 1824, hai vợ chồng mượn một nhà riêng tại đường Vaugirard. Vợ Hugo sanh được một gái đặt tên là Léopoldine Hugo.

Năm 1825, Victor được ân tứ Bắc Đẩu Bội Tinh, cùng một lượt với Lamartine. Dòng Bourbon đang làm



vua nước Pháp, đối với Victor Hugo như vậy là ân hậu lắm, nhưng Victor lại ngưỡng mộ Bonaparte hơn. Victor vẫn làm thơ theo com-măn của triều đình: Bài ODE SUR LE SACRE DE CHARLES X, đã tả buổi lễ gia miện của vua Charles X với lời thơ thật trang nghiêm và hoa mỹ, được vua rất thích, liền ân tứ cho tác giả 2000 quan và cho phép vào bệ kiến vua.

Nghệ thuật làm thơ của Victor cũng tăng tiến. Chàng sáng tác ra những thể điệu mới: 3 cước xen lẫn 5 cước hoặc 10 cước, dùng nhiều chữ thích hợp để tạo nhạc cho thơ.

Victor Hugo xuất bản tập thơ: ODES et BALLADES (Đoản ca và tục dao). Lamartine thân mật góp ý: Đừng lập dị, cái đó là trò tiểu xảo không hợp với anh. Saint Breuve, một nhà phê bình, viết trên tờ báo Globe một bài phân tích tỉ mỉ thơ của Victor Hugo, khen là thơ hay, tuy tác giả có tài nhưng lại khuyên là đừng nên thái quá. Victor say mê sáng tác, Ông dự định viết một kịch về Cromwell, Ông tìm tài liệu trong cả 100 quyển sách, rồi từ tháng 8 năm 1826, Ông bắt đầu xây dựng kịch. Viết kịch CROMWELL xong, Ông đọc cho các bạn thân nghe theo tục lệ đương thời. Các bạn đều nhận xét: Kịch vừa bi vừa hài, kỹ thuật mới mẻ, ý tứ mạnh bạo. Do đó kịch không được diễn.

Victor liền viết một Bài Tựa cho vở kịch để bênh vực ý kiến của mình, là muốn mở ra một chân trời mới cho ngành kịch. Bài Tựa này rất dài, đầy đủ ý nghĩa, được xem là một bản Tuyên ngôn khai sinh một trường phái mới trong văn học Pháp: Đó là trường phái Lãng mạn (Romantisme) mà Victor Hugo là lãnh tụ.

Trong bộ ba: Lamartine, Alfred de Vigny, Victor Hugo, thì Victor nhỏ tuổi nhất, nhưng lại uy tín nhất.

Tiếp theo, Victor Hugo cho ra đời tập thơ LES ORIENTALES, để tả cảnh những xứ phương Đông của Âu Châu như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ.

Tập thơ này ra đời rất hợp thời vì lúc đó Hy Lạp đang chiến đấu với Thổ Nhĩ Kỳ để giành độc lập. Cả Âu Châu đang hướng về cuộc chiến đó. Tập thơ này rất linh động, phong phú về hình thức lẫn nội dung. Những đoạn viết rất hùng hồn như tiếng kèn tiếng trống thúc quân, những đoạn tả cảnh thật đẹp và nên thơ, cảnh hoàng hôn, thiếu nữ mơ mộng nằm đưa vông bên hồ.

Victor chưa bao giờ đến những nước phương Đông ấy, toàn là chuyện tưởng tượng thôi, nhưng lại rất hấp dẫn. Sức tưởng tượng của Victor Hugo thật kinh khủng. Kịch bản Cromwell không diễn được, Victor Hugo viết tiếp kịch MARION DE LORME, để tài lấy trong lịch sử đời vua Louis XIII: Một kỹ nữ được cải hóa nhờ một tình yêu trong sạch và nghiêm trang của một thanh niên. Kịch này cũng bị kiểm duyệt, không diễn được.

Nhưng không nản chí, Victor soạn tiếp một bi kịch lấy tên là HERMANI (1830): Một thiếu nữ đẹp là nàng Donasol có tới 3 người đàn ông theo đuổi, một ông lão, một ông vua, và một thanh niên bị đày tên Hermani. Nàng chỉ yêu Hermani. Hai người sống hoàn toàn với nhau trong một đêm rồi họ cùng tự tử để giữ cho mối tình chung thủy. Kịch này được phép diễn. Khán giả chia làm 2 phe: Ủng hộ và chống đối làm cho náo loạn cả lên.

Nhà xuất bản Mane xin trả cho Victor 5000 quan để được in kịch. Thực may cho Hugo, trong nhà chỉ còn 50 quan.

Báo chí lúc đó cũng phê bình sôi nổi, khen chê có

đủ, chỉ lợi cho ông bầu rạp hát và tác giả.

Victor Hugo ký hợp đồng với nhà xuất bản Gosselin để giao tiểu thuyết NOTRE DAME DE PARIS (Nhà thờ Đức Bà Ba-Lê), Ông mới soạn xong tài liệu nhưng chưa viết vì bận viết kịch Hermani và tập luyện các vai diễn kịch.

Chỉ còn 6 tháng nữa là tới hạn hợp đồng, nếu để trễ thì bị phạt. Victor quyết tâm hoàn thành tác phẩm đúng hạn hợp đồng. Ông chuẩn bị đầy đủ giấy mực, rồi khóa kín cửa lại, nhốt định không ra khỏi nhà để dành thời giờ hoàn toàn lo viết cho xong tác phẩm. Truyện được viết theo chủ đề là: Con người đều có số mạng an bày. Số mạng bám chặt con người như con diều hâu quắp lấy con gà, hay con nhện ôm lấy con ruồi. Truyện bắt đầu tả lại đời sống cơ cực của giới dân nghèo dưới triều vua Louis XI của nước Pháp. Trong đám người này, có Cô Esméralda, sống bằng nghề phù thủy, bói tướng số. Cô còn trẻ, rất đẹp và ngây thơ, trong sạch, được nhiều người yêu mến. Cô bị ông Phó Giám Mục tên là Claude Frollo ở trong Nhà thờ Đức Bà Ba-lê yêu thâm nhớ trộm. Vị Phó Giám Mục này lòng còn phàm tục, nên cho người bắt cóc Cô Esméralda. Một người gù lưng, vừa câm vừa điếc, tên là Quasimodo có phận sự kéo chuông nhà thờ, thấy vậy mới cứu thoát cô và đem giấu kín trong giáo đường. Sau đó, Cô Esméralda cũng không thoát nạn, bị bắt và bị đem ra xét xử. Cô bị thương nặng, sắp chết, thì Quasimodo lại hiện ra cứu thoát Cô lần thứ nhì và đem giấu vào một nơi thật kín. Một thời gian sau, người ta mới tìm được xác của Cô Esméralda nằm trong tay của xác Quasimodo chết khô bên cạnh.

Tiểu thuyết này không có tính cách bài xích giáo hội

Thiên Chúa giáo mà chỉ rõ rằng Nhơn hư chớ Đạo bất hư.

Toàn truyện gần như xảy ra trong bối cảnh Nhà thờ Đức Bà Ba-lê, được mô tả rất tỉ mỉ, linh động và chính xác.

Victor Hugo vẫn dùng kỹ thuật sở trường của mình là đưa ra những cái tương phản để đập vào óc độc giả: tương phản giữa Thánh tâm và dục vọng cuồng loạn của một tu sĩ cao cấp như Claude Frollo, tương phản giữa hình dáng xấu xí và tâm hồn cao quý của Quasimodo, tương phản giữa tánh tình ngây thơ trong trắng và số phận đen tối của Cô Esméralda.

Tác phẩm NOTRE DAME DE PARIS được giao cho nhà xuất bản đúng thời hạn và độc giả mọi giới đọc say mê và hoan nghinh nhiệt liệt.

Trong gia đình, Victor Hugo rất đau buồn vì vợ là Adèle lại lén lút thư từ qua lại với Saint Breuve là bạn của Victor Hugo, nhưng vì Victor là thủ lãnh của trường phái Lãng mạn nên phải giữ thái độ kẻ cả, và nổi lòng đau khổ đó được trút vào các vần thơ tuyệt tác.

Do đó, năm 1831, tập thơ FEUILLES D'AUTOMNE ra đời, rằng hay thì thật là hay, nghe ra ngâm đấng nuốt cay thế nào! Chính Saint Breuve cũng nhìn nhận tập thơ này quá hay. Nghệ thuật của Victor Hugo đã nhờ sự đau khổ trui luyện thêm già dặn, hết bỗng bột cuồng nhiệt như lúc trẻ, mà lại đậm chiêu sâu muợn của người già. Lúc đó Victor 33 tuổi.

Victor Hugo trở lại viết kịch để mau có tiền nuôi gia đình đông con đã lớn rồi. Năm 1832, Ông viết bi kịch lịch sử: LE ROI S'AMUSE (Ông vua ăn chơi) tả lại đời sống trụy lạc của vua Fran cois I. Kịch bản này không

hay và bị cấm.

Năm 1833, Victor Hugo bèn viết tiếp kịch: LUCRÈCE BORGIA, nội dung nói lên tình mẫu tử của một bà quý tộc tên là Lucrece Borgia đối với đứa con riêng của bà, mặc dầu đứa con riêng này là Đại Úy Gennaro luôn luôn oán ghét và khinh bỉ bà.

Trong thời gian diễn kịch này, Victor Hugo gặp một mối tình thứ 2: Đào hát Juliette Drouet. Tài năng của nàng không hay nhưng nhan sắc của nàng rất quyến rũ. Nàng là một kỹ nữ qua tay nhiều người đàn ông giàu có, nhưng nàng luôn luôn ao ước gặp một người thực sự yêu nàng để nàng có thể sống một đời còn lại được lương thiện để nuôi nấng và dạy dỗ đứa con gái yêu quý của nàng.

Victor Hugo và Juliette gặp nhau thì yêu nhau ngay một cách tha thiết. Nàng quyết định hy sinh tất cả và chịu đựng tất cả để xây dựng cuộc đời với Victor Hugo. Bây giờ thì Victor cảm thấy rất sung sướng. Ông không còn yêu Adèle tha thiết như thuở ban đầu. Adèle cứ sống cuộc đời của Adèle với các bạn tâm tình lần lượt là Saint Breuve, và Théophile Gautier. Còn Victor Hugo thì sống cuộc đời của Hugo cùng với người tình Juliette. Những ghen ngào trong *Feuilles d'automne (Lá thu)* đã dứt để bắt qua những tiếng hát hoàng hôn: LES CHANTS du CRÉPUSCULE (1835). Giọng thơ trong tác phẩm này rất cảm động, nhạc thì tuyệt.

Năm 1836, Victor Hugo ứng cử vào Hàn Lâm Viện nhưng lại thua phiếu một nhà soạn kịch tầm thường là Mercier Dupaty. Victor đợi kỳ bầu cử sau, nhưng lại rớt nữa.

Trong lúc này, Victor viết vở kịch RUY BLAS (1838).

Năm 1839, hai vị trong Viện Hàn Lâm qua đời, nên bầu 2 vị mới thay thế. Victor lại bị rớt 2 lần nữa. Tất cả bị rớt 4 lần. Lần nào 2 bậc thiên tài Chateaubriand và Lamartine đều ủng hộ và bỏ thăm cho Victor Hugo nhưng vẫn bị rớt.

Mãi đến năm 1841, Victor mới thắng cử và được vô Hàn Lâm Viện.

Năm 1843, Ông viết kịch LES BURGRAVES. Kịch này viết rất hay, tả tâm trạng của 2 anh em ruột cùng yêu một cô gái đẹp, rồi hai anh em lại sanh thù oán nhau. Kịch này có nhiều đoạn rất hùng tráng, nhưng khi diễn, khán giả không hoan nghinh vì họ đã chán Hý khúc, họ muốn trở về với bi kịch cổ điển.

Victor Hugo buồn rầu vì kịch thất bại, lại đau buồn hơn khi hay tin con gái lớn và chàng rể đi du lịch, tắm biển cùng bị chết đuối (1843).

Nỗi buồn này được ghi lại trong tập thơ bất hủ LES CONTEMPLATIONS (Trăm tư).

Năm 1848, cách mạng Pháp bùng nổ lật đổ vua Louis Philippe và thành lập chế độ cộng hòa. Victor Hugo ủng hộ rất hăng Chính phủ cộng hòa. Ông cùng với Lamartine và Louis Napoléon Bonaparte được bầu vào Quốc hội Lập hiến để thành lập Hiến Pháp.

Gần tới ngày bầu cử Tổng Thống, Louis Napoléon Bonaparte được dân chúng ủng hộ nồng nhiệt và sau đó đã đắc cử Tổng Thống của Chánh phủ Cộng hoà. Victor Hugo trước đây đã ủng hộ Louis Napoléon Bonaparte, nhưng lần lần thấy Napoléon lo củng cố địa vị đặng làm vua chớ không mở rộng tự do dân chủ. Victor đâm chán

và trở lại chống Napoléon một cách dữ dội.

Ngày 2-12-1851 lúc 8 giờ sáng, Victor Hugo đang làm việc thì có người tới báo tin là có cuộc đảo chánh, Louis Bonaparte giải tán Quốc Hội, tự mình lên ngôi Hoàng Đế, lấy hiệu là Napoléon III.

Victor Hugo vội vàng thay quần áo, nói vắn tắt cho vợ hiểu tình hình chánh trị đang đổi thay nghiêm trọng. Ông đi tìm các bạn, tập hợp lại, hô hào tranh đấu, viết tuyên ngôn, tổ chức biểu tình lật đổ Napoléon III. Nhưng dân chúng Pháp đã chán nản cảnh hỗn loạn đổ máu, nên phong trào xẹp dần. Các bạn lần lượt bị bắt, còn Victor Hugo thì nhờ Juliette làm giấy tờ giả mạo trốn qua được Bruxelles nước Bỉ, sống lưu vong, chỉ có Juliette đi theo Ông và nàng sung sướng tưởng rằng sẽ được chung sống với Ông, nhưng Victor Hugo gạt ngang bảo nàng phải mượn nhà ở riêng gần đó.

Ông vẫn viết và hô hào chống lại Napoléon III, đồng thời Ông viết tập HISTOIRE D'UN CRIME (Lịch sử một tội ác) để kể tội Napoléon III, nhưng vì thiếu tài liệu chính xác nên Ông đành bỏ dở, rồi viết tập sách trào phúng tựa đề NAPOLÉON, LE PETIT (Napoléon, thằng bé con) để mạt sát Napoléon III. Victor Hugo ngại rằng khi tập sách này in ra thì vợ con Ông đang sống tại Paris sẽ bị bắt giam và Chánh phủ Bỉ có thể trục xuất Ông ra khỏi Bruxelles. Do đó Ông viết thư về bảo vợ bán hết gia sản, chuyển qua ở Saint Hélière của đảo Jersey thuộc nước Anh, gần bờ biển nước Pháp.

Tháng 8 năm 1852, cả nhà đều qua tới đảo Jersey. Ông và Juliette cũng qua đó. Juliette mượn một căn nhà gần biệt thự của Ông để ở. Xong rồi, Victor Hugo mới

tung ra tập sách Napoléon Le Petit về Pháp. Dân chúng lên truyền tay nhau đọc say mê. Người ta lại dịch ra tiếng Anh và tiếng Y Pha Nho, in cả triệu bản.

Tiếp theo, Victor Hugo viết một tập thơ nhan đề LES CHÂTIMENTS (1853) cũng để mạt sát Napoléon.

Một việc lý thú xảy đến với Victor Hugo lúc ở đảo Jersey là Bà bạn Delphine de Girardin từ Pháp qua thăm, bày cho Ông câu cơ giao tiếp các chơn linh vô hình. Họ dùng một cái Bàn quay và kiếm một con đồng. Cầu 5 đêm liên tiếp, cơ không lên. Đến khi Victor Hugo tò mò đến xem thì cơ lên liền. Bà Girardin hỏi: Ai đó? Cái bàn trả lời: Léopoldine (Tên đứa con gái lớn bị chết đuối với chồng năm 1843 khi đi du lịch). Victor Hugo rất ngạc nhiên, hỏi Léopoldine đủ thứ chuyện. Con đồng trong buổi cầu cơ đó là Vacquerie, người thân tín của gia đình Hugo.

Đêm 11-9-1853, buổi xây bàn được tổ chức, có mặt Ông Bà Victor Hugo, Cậu Charles Hugo, Cậu Francois Hugo, Cô Madelène Hugo, Đại Tá Le Flo, Bà Girardin, Ông De Tréveneuse, Ông Auguste Vacquerie. Đêm ấy, vong linh Cô Léopoldine giáng bàn thăm hỏi cha mẹ và tiết lộ nhiều điều huyền bí nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục xây bàn, có vong linh xưng là Bóng Hư Linh giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng như: Socrate, Luther, Mahomet, Jésus, Moise, .. và thông công với các danh nhân như: Shakespeare, Molière, Racine, ... Có nhiều vong linh ẩn danh như: Sứ giả Thượng Đế, Người trong cõi mộng, Bóng dưới mồ, Thần chết, ... cũng có giáng bàn.

Đêm 11-10-1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những

lời khuyên bảo, những giáo lý và triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ vào việc xây bàn, rất hữu ích cho loài người, nên Victor Hugo hỏi vong linh đang giảng bàn:

– Những lời vàng ngọc mà chúng tôi nhận được từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một chơn truyền quý báu, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học đặng chăng?

Vong linh ấy đáp: – Không, vì chưa đến ngày giờ.

– Đến bao giờ? Chúng tôi còn sống đến ngày đó không

– Nếu không thấy nơi này thì sẽ được thấy ở nơi khác. Chừng đến ngày giờ, sẽ có lệnh. Hiện tại, có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin.

Kể từ đó, V. Hugo rất tin tưởng những vấn đề siêu hình, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh. Về sau, những Thánh giáo trong các cuộc xây bàn nói trên được ông Gustave Simon in thành sách với tựa đề là: LES TABLES TOURNANTES de JERSEY chez VICTOR HUGO. Sách này được tái bản mười lần, làm chấn động dư luận nơi nước Pháp và thế giới.

Năm 1855, Nữ hoàng Anh Victoria và vua Pháp Napoléon III giao hảo với nhau, do đó chánh phủ Anh ra lệnh di chuyển bọn lưu vong Pháp qua đảo Guernesey ở gần đó.

Hugo và gia đình cũng phải tuân lệnh. Đảo Guernesey nhỏ và hoang vu hơn đảo Jersey, nhưng V. Hugo lại thích hơn vì ông vốn thích cảnh biển. Ông để râu, để tóc, ăn mặc như dân chài, lán la trò chuyện với họ về đời sống của họ và về biển cả.

Lúc đó, tập thơ Les Contemplations của Ông được phép xuất bản ở Pháp (1856), nhà xuất bản Hetzel gửi đến cho Ông 20.000 quan tiền tác quyền. Victor Hugo liền dùng tiền đó mua ngay một biệt thự ở đảo Guernesey, và như vậy, theo luật nước Anh, ông khỏi bị trục xuất nữa.

Phòng làm việc của V. Hugo trên lầu có ban công hướng về nhà của Juliette. Như lệ thường, nàng vẫn say mê chép bản thảo của Ông. Victor cảm thấy ở đây rất thành thơi nên Ông làm việc rất hăng. Ông viết tập thơ LA LÉGENDE DES SIÈCLES (Truyện hoang đường của các thế kỷ).

Năm 1860, Victor Hugo xem lại các tài liệu để viết tiểu thuyết LES MISÉRABLES (Những người khốn khổ). Nhà xuất bản Hetzel ngại không dám in. Nhà xuất bản Albert Lacroix ở Bỉ liền nhận in ngay và mua tác quyền trong 12 năm với số tiền là 300.000 quan. Lần đầu tiên, Victor có được số tiền lớn như vậy.

Năm 1862, tác phẩm in xong, phát hành, thành công rực rỡ. Lacroix lãi được 517.000 quan. Tác phẩm này như một tiếng pháo vang lên thúc đẩy tầng lớp lao động nghèo khổ đứng lên làm cách mạng.

Tiếp theo sự thành công này, Victor viết tiếp: LES TRAVAILLEURS de LA MER (Người lao động của biển), xuất bản năm 1866. Tác phẩm này ngắn hơn Les Misérables, nhưng lại thành công hơn vì Victor không nói triết lý nữa, mà dùng trí tưởng tượng quái đản để viết lời cuốn đọc giả.

Lúc này, Victor Hugo giàu rồi, nhưng Ông không cho vợ con phung phí mà dùng tiền này để giúp đỡ người nghèo và những thân hữu kém may mắn.



Tháng 8 năm 1868, Bà Adèle vợ của Victor Hugo, sau một cơn bạo bệnh, đã qua đời. Victor cho đưa linh cữu của Bà về Pháp, đặt các con ghi lên mộ của Bà hàng chữ: ADÈLE - VỢ của VICTOR HUGO.

Năm 1869, chế độ của Napoléon III bắt đầu sụp đổ.

Năm 1870, Pháp đánh thua Đức luôn 3 trận. Victor Hugo cùng với Juliette xuống tàu đi Bruxelles và từ đó đi xe lửa về Paris. Rất đông dân chúng ra tận ga đón rước Ông.

Victor Hugo trở lại hoạt động chính trị rất hăng, được bầu vào Quốc hội và làm thủ lĩnh nhóm Cộng hòa, nhưng phe quân chủ vẫn còn thắng thế hơn, thương thuyết với Đức xin đình chiến và Pháp chịu bồi thường chiến tranh.

Bao nhiêu chương trình dự định thực hiện của Ông đều không thành tựu như: Bãi bỏ án tử hình, cải thiện tư pháp, thành lập Liên bang Âu châu, giáo dục miễn phí và cưỡng bách, tăng quyền lợi cho phụ nữ. Victor Hugo quá chán nản, nên Ông quyết định rút lui khỏi Quốc hội. Ông trở về đời sống của người văn nghệ sĩ thuần túy, sáng tác thêm 2 tác phẩm: L'ANNÉE TERRIBLE (Năm khủng khiếp) và QUATRE VINGT TREIZE (Chín mươi ba). Cả hai tập này cũng đều bất hủ.

Năm 1877, Victor Hugo viết xong tập thơ L'ART D'ÊTRE GRAND PÈRE (Nghệ thuật làm Ông Nội). Độc giả cũng rất hoan nghinh tập thơ này vì nó ghi lại những cảm xúc êm đềm, những nụ cười hồn nhiên, hai mái tóc một bạc phơ một đen nhánh kề nhau. Lần đầu tiên trong thi ca, Victor Hugo đã đưa vào những nét đẹp hồn nhiên của trẻ thơ.

Hoàng đế nước Brazil là Don Pedro qua thăm nước Pháp, rồi lấy tư cách là một độc giả, nhà vua đến thăm Victor Hugo. Thật là một vinh dự cho Victor.

Năm 1882, Lễ Bát tuần của Victor Hugo được tổ chức lớn lao như Lễ Quốc Khánh. Thủ Tướng Jules Ferry, đại diện chánh phủ Pháp đến chúc thọ Ông, dân chúng và học sinh diễn hành qua trước nhà và Đại lộ trước nhà Ông mang tên Hugo. Victor Hugo đã đạt đến tột đỉnh vinh quang của người cầm bút. Chưa có văn thi sĩ nào từ xưa tới nay được như vậy.

Năm 1883, Bà Juliette bị ung thư bao tử và từ trần, thọ 77 tuổi. Victor không chánh thức cưới Bà nhưng mọi người đều xem Juliette như vợ chánh thức của Ông. Bà đã giúp Ông rất nhiều trong công việc sáng tác.

Victor Hugo tới tuổi này bắt đầu lần thần và viết di chúc: Tặng 40.000 quan cho người nghèo, liệm ông trong cỗ quan tài của hạng người nghèo, bản thảo tặng cho Thư viện Quốc gia Paris. Những lúc tỉnh táo, Ông vẫn làm thơ. Câu thơ cuối cùng, Ông viết: *C'est ici le combat du jour et la nuit.* (Đây là cuộc chiến đấu của ánh sáng và bóng tối).

Ngày 22-5-1885, Ông bị sưng phổi rồi mất, thọ 83 tuổi.

Khi hay tin Victor Hugo chết, cả Thượng và Hạ Nghị Viện đều ngưng họp để tưởng niệm Ông. Nước Pháp làm lễ quốc táng cho Ông, quan tài được đặt tại Khải Hoàn Môn và được an táng trong Đền Panthéon, nơi an nghỉ của những danh nhân có công lớn với dân tộc Pháp.

### PHẦN KẾT:

Victor Hugo là một Văn thi sĩ thiên tài độc đáo nhất của nước Pháp vào thế kỷ thứ 19. Ông luôn luôn chủ



trường văn thi sĩ có sứ mạng chỉ đường dẫn lối cho dân chúng. Ông đã rất trung thành xứng đáng với sứ mạng đó. Chủ trương này giống như chủ trương của phương Đông: *Văn dĩ tải Đạo*.

Người văn nhân thi sĩ học được kinh sách của Thánh Hiền đời trước thì phải biết dùng văn chương thi phú mà truyền bá đạo lý cho mọi người.

Victor Hugo đã giải quyết được nhiều vấn đề bản khoăn thắc mắc của thời đại Ông:

- Vấn đề nghèo đói là nguyên nhân của tội lỗi, dốt nát là nguyên nhân của sai lầm.
- Vấn đề cái tốt cái xấu, cái thiện cái ác.
- Vấn đề Thượng Đế và con người, Thượng Đế và vũ trụ.

*Khi Victor Hugo thoát xác thì Chơn linh của Ngài trở về Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung) nơi cõi thiên đàng, vì Ngài là một vị Thánh ở trong động đó, Đạo hiệu là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.*

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài tại nước VN vào năm 1926, thì qua năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn sang Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên, mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đó, trụ sở đặt tại Thánh Thất Kim Biên, và Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lãnh lệnh Đức Chí Tôn làm Chủ Địch Đạo cầm quyền điều khiển Hội Thánh Ngoại Giáo.

*“Bản đạo khi đắc lệnh làm Chủ Địch Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương, thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thế cho nhơn sanh dâng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân, hay là Quỷ nhân, vì biết lập*

*công thì thành Đạo.”* (TNHT. II. 84)

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thường giảng cơ điều hành Hội Thánh Ngoại Giáo và chuyện văn cùng Đức Phạm Hộ Pháp, những điều Đức Hộ Pháp thắc mắc thường được đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm, được Ngài giải đáp thỏa đáng.

Chính Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vâng lệnh Đức Chí Tôn giảng cơ lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân để làm tay chân cho quyền Tư Pháp của Đạo. Xin chép ra sau đây bài Thánh giáo quan trọng ấy, đăng trong Đạo Sử II của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, trang 319 chót:

Tòa Thánh ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (dl 20 Mars 1935)

### CHƯƠNG ĐẠO NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN ou Victor Hugo

*Cười ... Khi này có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông nơi đây, 2 vị mới hộ tiếng Nữ phái... Cười ... Quý hóa dữ ha!*

*Thưa Hộ Pháp, Bản đạo để lời chia vui cùng Ngài, khi hôm qua, nhờ có Thánh chỉ Chí Tôn, nên mới dặng rộng đường xuất Thánh. Bản đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho học tu nên mới dặng cao phong phẩm giá.*

*Cười ... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba: Pháp, Đạo, Thế, thì theo sự hiểu biết của Bản đạo như vậy:*

*SĨ TÁI là Secetaire Archiviste.*

*Lên phẩm TRUYỀN TRẠNG là Greffier.*

*Rồi lên phẩm THỪA SỬ là Commissaire de la justice.*

*Phẩm GIÁM ĐẠO là Inspecteur.*

*Lên phẩm CÁI TRANG là Avocat.  
Lên phẩm CHUỖNG ẤN là Chancelier.  
Lên phẩm ấy rồi tùy phái mà lên Đại vị Hiệp Thiên  
Đài, nhưng phải biết rằng: Chuông Ấn phải lên Đại  
vị TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN mà đặc phong phổ  
thông đặng một nước nào rồi mới vào Chánh vị.  
Lợi và mấy vị kia là Sĩ Tãi của HTĐ mà thôi.  
THĂNG.*

Hai người con trai của Victor Hugo và Bà Adèle Foucher là: **Charles Hugo và Francois Hugo**, kỳ nầy đầu kiếp ở VN: Charles Hugo đầu kiếp là Ông Đặng Trung Chử, Đạo hiệu Ngạn Sơn, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Chử Thanh (năm 1934); còn Francois Hugo đầu kiếp là Ông Trần quang Vinh, Đạo hiệu Hiến Trung, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Vinh Thanh (năm 1934), về sau cả 2 vị đều được thăng Phối Sư.

Sau đây là bài giảng cơ của Bà Adèle Foucher nói chuyện với 2 con trai là Charles và Francois:

Nam Vang, 11 giờ đêm ngày 16-2-1933, tại tư gia của Cao Tiếp Đạo

Phò loan: Hộ Pháp + Tiếp Đạo.

Hầu đàn: GS Thượng Bấy Thanh

GS Thượng Chử Thanh

GS Thượng Vinh Thanh.

### VICTOR HUGO

Xin chào chư Hiền Hữu và chư Hiền muội.

Charles và Francois, Mẹ của hai con đến.

**Bà VICTOR HUGO, nhũ danh ADÈLE**

### FOUCHER

Các con đứng dậy, khóc!

Suốt đời Mẹ không ngăn nổi ý chí của cha các con, đặc biệt trong những hành động nhân ái của người, luôn luôn người tranh đấu chống tàn sát. Sau khi người qua đời, người vẫn không từ bỏ ý định.

Người gởi 2 con tiếp tục sự nghiệp của người, giữa những kẻ đã chối bỏ 2 con. Bởi bội bạc, họ chống chất những mưu mô xấu xa, những vụ khống và bắt công.

Cha 2 con đã thu được kết quả gì?

Người có đủ tài năng thấu đáo trong cõi vô vi.

Không, mặc dầu Mẹ khóc, người nhưt quyết đưa các con vào thế giới khùng khiếp đó.

Vacquerie, nó cũng tái kiếp. Nó thường tự nhủ rằng địa cầu quyến rũ nó. Nó sắp làm Đại chánh khách theo dấu Léopold ở Hòa Lan.

Madelène không còn muốn đau khổ, nó từ chối đến thăm 2 con. Cho rằng kỷ niệm làm đau đớn, nó không còn muốn nhìn lại cảnh trần gian. THĂNG.

*(Bài giảng cơ bằng Pháp văn, Ông Nguyễn Lộc Thọ dịch ra Việt văn)*

Trong Đạo Cao Đài, hằng năm đến ngày 22 tháng 5 dương lịch, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết Tiểu đàn cúng Vía Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, có Chúc sắc nhắc lại Tiểu sử của Ngài và những lời giảng đạo của Ngài khi Ngài đặc lệnh làm Chuông Đạo cầm quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

Bài Thái hiến lễ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn mỗi

khi cúng tế về phần Thế đạo:

*NGUYỆT rạng đông thiên đã sáng soi,  
TÂM linh chiếu thấu bốn phương trời.  
CHƠN truyền cứu thế xa tai ách,  
NHƠN loại tuần hoàn độ khắp nơi.*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 6 Bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, kể ra:

1. Kinh Tả Thánh.
2. Kinh Hôn Phối.
3. Kinh Tẩn Liệm.
4. Kinh Cầu Hôn Khi Hấp Hối.
5. Kinh Khi Đã Chết Rồi
6. Kinh Đưa Linh Cữu.

### TIỂU SỬ TRUNG SƠN CHƠN NHƠN TÔN DẬT TIÊN

Trung Sơn Chơn Nhơn là một vị Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi thiên liêng, giảng trần ở nước Trung Hoa, có tên là Tôn Văn, hiệu là Tôn Trung Sơn, lại cũng lấy hiệu khác là Tôn Dật Tiên. Ngài lấy hiệu Trung Sơn khi Ngài sống lưu vong nơi nước Nhật, Ngài tự xưng là Sơn Trung Tiểu, nghĩa là ông tiểu trong núi; lại cũng xưng là Dật Tiên, nghĩa là ông Tiên ở ẩn (vì chữ *Nhơn* [người] đứng kế chữ *Sơn* [núi] thành chữ *Tiên*). Cho nên người ta gọi Tôn Văn là Tôn Trung Sơn hay Tôn Dật Tiên (Sun Yat Sen) đều được cả.

Ngài Tôn Văn sanh ngày 12-11-1866 (Bính Dần) tại làng Thùy Hưng huyện Hương Sơn, nay đổi tên lại là huyện *Trung Sơn*, tỉnh Quảng Đông, dưới thời nhà Mãn Thanh.

Năm 1879, Tôn Văn cùng mẹ qua Honolulu thuộc

quần đảo Hawaii giữa Thái Bình Dương sống với người anh tên là Tôn Mi, một Hoa kiều giàu có ở đây. Tôn Mi giúp đỡ cho Tôn Văn vào học trường Trung học do Giáo hội Cơ Đốc nước Anh mở ra. Học hết bậc Trung học, Tôn Văn được anh cho trở về Hồng Kông học Đại học Y Khoa, và Tôn Văn tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa tại trường này vào năm 1892, lúc đó Tôn Văn được 27 tuổi.

Tôn Văn trở về Quảng Châu mở phòng mạch Bác sĩ, và bắt đầu tiếp xúc, liên lạc với các nhà cách mạng. Trong thời gian Tôn Văn học Đại học Y khoa ở Hồng Kông, Tôn Văn đã chứng kiến cuộc chiến tranh giữa quân đội nhà Mãn Thanh và quân đội nước Pháp. Quân đội Mãn Thanh, với vũ khí thô sơ, nên bị thảm bại và buộc phải ký Tờ Hoà ước nhường cho nước Pháp nhiều đặc quyền về kinh tế.

Năm 1894, Tôn Văn gửi một bức thư lên vị Đại Thần Lý Hồng Chương để yêu cầu cải cách nước Tàu và yêu cầu họ Lý tiếp kiến, nhưng Lý từ chối. Từ đó, Tôn Văn bỏ ý tưởng cải cách, chuyển sang lập trường làm cách mạng.

Tháng 11 năm 1894, Tôn Văn sang Honolulu thành lập một tổ chức cách mạng đầu tiên lấy tên là *Hưng Trung Hội*, với cương lĩnh là lật đổ nhà Mãn Thanh, khôi phục lại nước Trung Hoa, thành lập Chánh phủ Dân chủ. Tổ chức ban đầu chỉ thu hút được khoảng 20 Hoa kiều.

Tháng 2 năm 1895, Tôn Văn trở về Hồng Kông để thành lập *Tổng Bộ Hưng Trung Hội*, chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa ở Quảng Châu. Trong nội bộ có kẻ làm phản, kế hoạch bị bại lộ, hơn 70 người bị bắt và bị giết chết, Tôn Văn trốn thoát được. Triều đình Mãn Thanh treo giải thưởng lớn cho ai bắt được Tôn Văn. Tôn Văn phải

trốn sang Nhật, rồi trở lại đảo Hawaii, lại qua Mỹ rồi sang nước Anh.

Tháng 10 năm 1896, Tôn Văn từ một khách sạn ở Luân Đôn đi ra để gặp thầy giáo Kantlei, người quen cũ hồi học ở Đại học Y khoa Hồng Kông, nhưng bị người của Sứ quán Mãn Thanh tại Luân Đôn bắt giữ để giải về nước trị tội. Tôn Văn may mắn được một người Anh đang làm công nhân trong Sứ quán Mãn Thanh chuyển giùm một bức thư của ông đến thầy Kantlei. Kantlei liền đến Cơ quan Cảnh Sát Anh nhờ can thiệp để thả Tôn Văn ra, nhưng Cơ quan này làm ngơ. Kantlei liền nhờ báo chí làm rùm lên. Ngay ngày hôm sau, trên các tờ báo lớn tại Luân Đôn đều có đăng tin: Hành động bắt người trái phép của Sứ quán Trung quốc. Những người Anh ủng hộ Cách mạng Trung quốc kéo đến biểu tình, bao vây Sứ quán Trung quốc, đòi thả Tôn Văn. Cuối cùng, Sứ quán Trung quốc phải nhượng bộ, thả Tôn Văn ra.

Năm 1897, Tôn Văn rời Luân Đôn sang Nhật để tuyên truyền về Hưng Trung Hội trong hàng ngũ Hoa kiều tại đây.

Tháng 10 năm 1898, Tôn Văn gặp Khang hữu Vi và Lương Khải Siêu, đang sang lánh nạn tại Nhật sau thất bại Biến Pháp Mậu Tuất, Tôn Văn vận động hai Ông hợp tác với Hưng Trung Hội, nhưng không thành công.

Năm 1900, dưới ảnh hưởng của Phong trào Nông dân Nghĩa Hòa Đoàn, Tôn Văn trở về nước phát động cuộc khởi nghĩa của Hưng Trung Hội ở Huệ Châu vào ngày 8-10-1900, nhưng không thành công. Ông phải lánh nạn qua Nhật lần thứ nhì, rồi qua đảo Hawaii, Việt Nam, Thái Lan và Mỹ.

Ngày 20-8-1905, tại Tokyo Nhật bốn, Tôn Văn hợp nhất Hưng Trung Hội với các Chánh đảng khác có cùng mục đích như Quang Phục Hội, Hoa Hưng Hội, thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Trung Quốc Đồng Minh Hội, do Tôn Văn làm Tổng Lý, với cương lĩnh: “Lật đổ Mãn Thanh, khôi phục nước Trung Hoa, thành lập nước Trung Hoa Dân Quốc.”

Tháng 11 năm 1905, trên tờ Dân Báo, Cơ quan Ngôn luận của Đồng Minh Hội, Tôn Văn phê phán gay gắt lý luận cải lương của 2 Ông Khang hữu Vi và Lương Khải Siêu. Ông chủ trương phải tiến hành cách mạng vũ trang, và Ông đưa ra Chủ nghĩa TAM DÂN: Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh.

**Dân tộc:** Nước Trung hoa độc lập. Năm tộc: Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng, trong toàn cõi Trung hoa phải bình đẳng hết thảy.

**Dân quyền:** Nước Trung hoa là nước dân chủ, có Quốc hội do dân trực tiếp bầu ra, nắm quyền Lập pháp. Người dân có quyền ứng cử và bầu cử, ngoài ra còn có quyền sáng chế, quyền phúc quyết và quyền bãi miễn nữa.

**Dân sinh:** Mọi người dân đều sống bình đẳng trong xã hội. Nguyên tắc cơ bản là bình quân địa quyền và tiết chế tư bản, để đi đến mục đích là giải phóng kinh tế, khiến toàn dân đều được hưởng thụ lợi ích: Ăn mặc, ở và đi.

Từ năm 1906 đến 1911, Tôn Văn phát động tất cả 10 cuộc khởi nghĩa tại Hồ nam, Giang Tây, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, An Huy, Triết Giang. Những cuộc khởi nghĩa trên đều thất bại, nhưng đã làm cho nhà Mãn Thanh suy yếu và làm cho tinh thần cách mạng của dân chúng Trung hoa càng lúc càng lên cao.

Cuối cùng cuộc khởi nghĩa tại Vũ Xương ngày 10-10-1911 ( năm Tân Hợi), gọi là cuộc Cách Mạng Tân Hợi, dưới sự lãnh đạo của các nhà Cách mạng chịu ảnh hưởng của Tôn Văn và Đồng Minh Hội, đạt được thắng lợi và ảnh hưởng lan rộng ra toàn quốc.

Tôn Văn đang ở nước Mỹ, nhận được tin Cách mạng thành công, liền tiến hành các hoạt động ngoại giao đối với các Chánh phủ của các nước Âu Mỹ để cắt đứt quan hệ của họ với nhà Mãn Thanh.

Cuối tháng 12 năm 1911, Tôn Văn từ Âu Châu trở về Trung quốc. Do công lao to lớn của Ông với sự nghiệp cách mạng, Hội Nghị Đại biểu 17 tỉnh độc lập họp ở Nam Kinh bầu Tôn Văn làm Tổng Thống lâm thời.

Ngày 1-1-1912, Tôn Văn nhậm chức Tổng Thống tại Nam Kinh và thành lập Chánh phủ Trung hoa Dân Quốc.

Tổng Thống lâm thời Tôn Văn tuyên bố một loạt các pháp lệnh cải cách nước Trung hoa.

Ngày 11-3-1912, Ông ban bố Ước Pháp Lâm thời của Trung Hoa Dân Quốc, xem đó như là Hiến Pháp Tạm thời của nước Trung Hoa Dân Quốc. Tôn Văn đặt ra lá cờ của nước Trung Hoa Dân Quốc, gọi là lá cờ “*Thanh Thiên Bạch Nhật mãn địa hồng*” (Trời xanh, Mặt Trời trắng, đất đỏ).

Do áp lực của các nước Âu Mỹ và các thế lực bảo thủ trong nước, cộng với sự yếu kém và tản mạn của đảng cách mạng, Tôn Văn buộc phải chấp nhận các điều kiện của Viên Thế Khải là nhường chức Tổng Thống cho Viên sau khi vua nhà Mãn Thanh thoái vị.

Vị vua cuối cùng của nhà Mãn Thanh là Phổ Nghi

bị buộc phải thoái vị ngày 12-2-1912, kết thúc 2000 năm chế độ quân chủ cai trị nước Tàu.

Ngày 1-4-1912, Tôn Văn chánh thức rút lui khỏi chức vụ Tổng Thống.

Tháng 8 năm 1912, Tôn Văn cải tổ Trung Quốc Đồng Minh Hội thành Quốc Dân Đảng.

Ngày 25-10-1915, Tôn Văn kết hôn với Bà Tống Khánh Linh.

Năm 1916, Viên Thế Khải, một vị Đại Thần của triều đình Mãn Thanh, phản lại Mãn Thanh, hưởng ứng theo cách mạng, được Tôn Văn nhường cho chức Tổng Thống, lại lo củng cố thế lực, phản lại chế độ Dân chủ Cộng hòa, tự lập làm vua, xưng Đế tại Bắc Kinh, tái lập chế độ Quân chủ.

Các tướng lãnh nắm quyền quân đội, các vị Tỉnh trưởng, nổi lên chống đối quyết liệt, Viên Thế Khải ưu uất mà chết.

Trong thời gian đó, Tôn Văn lãnh đạo Chánh phủ Quân sự ở Quảng Đông (1917-1918) và làm Tổng Thống Chánh phủ Cộng hòa.

Tháng 10 năm 1919, Tôn Văn cải tổ Quốc Dân Đảng. Trong bản Tuyên ngôn của Quốc Dân Đảng vào tháng Giêng năm 1923, Ông tuyên bố sẽ dựa vào quần chúng để hoàn thành nhiệm vụ Cách mạng. Ông chủ trương xây dựng Quảng Châu thành đại bản doanh cách mạng.

Tháng 8 năm 1923, Ông cử một Đoàn Đại biểu do Tưởng Giới Thạch cầm đầu sang Liên Xô nghiên cứu chánh trị xây dựng đảng và cách tổ chức Hồng Quân Liên Xô. (Tưởng Giới Thạch có vợ là Tống Mỹ Linh, em ruột



của Tổng Khánh Linh). Tháng 10 năm 1923, Tôn Văn tiếp nhận Phái đoàn Cố vấn của Liên Xô do Borodin cầm đầu đến Quảng Châu.

Tháng giêng năm 1924, Đại Hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ nhất của Quốc Dân Đảng nhóm họp tại Quảng Châu. Trên diễn đàn Đại Hội, Tôn Văn Tuyên bố 3 chính sách lớn của Quốc Dân Đảng: Liên Nga, Liên Cộng, Ủng hộ Công Nông. Trong bản Tuyên ngôn của Đại Hội, Tôn Văn giải thích Chủ nghĩa Tam Dân mới: Phản đế, Phản phong, Tiết chế Đại tư bản. Nó trở thành cương lĩnh chung cho Mặt Trận Thống Nhất Quốc Cộng hợp tác lúc bấy giờ.

Tháng 5 năm 1924, Tôn Văn thành lập Trường Võ Bị Hoàng Phố ở Quảng Châu, gọi là Trường Trung Quốc Quốc Dân Đảng Lục Quân Học Hiệu, và cử Tưởng Giới Thạch làm Hiệu trưởng.

Tháng 10 năm 1924, tại Bắc Trung hoa, Lưu Vĩnh Tường và Trương tác Lâm đánh thắng Ngô bội Phu, buộc Tào Côn từ chức Tổng Thống, rồi hai Ông này hiệp cùng Đoàn kỳ Thụy đánh điện mời Tôn Văn lên bắc Kinh để bàn việc thống nhất Nam Bắc.

Tôn Văn lên đến Bắc Kinh, nhưng chẳng bao lâu sau thì bị bạo bệnh bất ngờ và mất ngày 12-3-1925 (âm 18-2-Ất Sửu), thọ 60 tuổi.

Ngài di chúc lại như sau:

- Đảng viên Quốc Dân Đảng phải nỗ lực cách mạng,
- Triệu tập Quốc Dân Hội Nghị.
- Phế trừ các điều ước bất bình đẳng đối với ngoại bang.

Cái chết đột ngột của Tôn Văn là một thiệt hại lớn cho cao trào cách mạng của dân tộc Trung hoa.

Sau 14 năm làm cách mạng, kể từ năm 1911 đến năm Ông mất 1925, Tôn Văn đã đạt được 2 thắng lợi lớn:

- ♦ Lật đổ được triều đình nhà Mãn Thanh.
- ♦ Thành lập nước Trung Hoa Dân Quốc với chế độ Dân chủ Công hòa.

Đám tang của Tôn Văn được tổ chức rất trọng thể với nghi lễ Quốc táng, có hàng chục vạn người đưa tiễn đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Năm 1929, di hài của Tôn Văn được chuyển về an táng tại núi Tử Kim ở Nam Kinh.

Năm 1986, Trung quốc xuất bản quyển “*Tôn Trung Sơn Toàn tập*” gồm 11 tập, và ở Đài Loan xuất bản quyển “*Quốc Phụ Toàn tập*”.

Như trên đã trình bày, Tôn Văn, tức Tôn Trung Sơn hay Tôn Dật Tiên, là một nhà Chánh trị và Cách mạng lớn của dân tộc Trung Hoa, nhưng Tôn Văn cũng còn là một nhà Tư tưởng Triết học với tác phẩm cơ bản là “**Học Thuyết Tôn Văn**”. Khuyh hướng tư tưởng của Tôn Văn dựa vào Thuyết Tiến Hóa của Darwin. Về Vũ trụ quan, Tôn Văn giải thích Thái Cực vận động sanh ra điện tử, điện tử ngưng kết thành Nguyên tố, Nguyên tố hợp thành Vật chất, Vật chất tụ lại thành Trái Đất.

Ông cho Tinh thần chỉ là hiệu quả của Vật chất, tức là chủ trương Duy Vật, nhưng đồng thời nhấn mạnh sự ảnh hưởng của Giáo dục Tinh thần.

Về quan hệ giữa TRI và HÀNH, Ông chống lại tư tưởng cổ đại Trung quốc: “Biết không khó, Làm mới khó.”

Theo Ông thì Biết khó Làm dễ, chủ trương phải tìm tri thức khoa học, nhưng không đi đến quan niệm Duy Tâm “Biết trước Làm sau”, và bác bỏ thuyết Tri Hành hợp nhất của Vương Dương Minh.

Ông chủ trương: Làm trước Biết sau, không Biết cũng có thể làm, cho sự hoạt động thực tiễn là con đường tiến bộ tất yếu.

Ông chia quá trình nhận thức làm 3 thời kỳ:

- Không Biết mà Làm.
- Làm rồi mới Biết.
- Biết rồi mới Làm.

Phần lớn thì giờ của Tôn Văn dành cho công cuộc cách mạng, Ông lại mất sớm và đột ngột, nên Ông chưa có thì giờ để xây dựng tư tưởng triết học của Ông được hoàn chỉnh.

Hàng năm, đến ngày 18-2 âm lịch, ngày mất của Tôn Văn, tại Tông Đạo Đường Nhơn của người Tàu ở Tòa Thánh Tây Ninh, các Chức sắc, Chức việc, và Đạo hữu Đường Nhơn cử hành Lễ Cúng tế Kỷ niệm ngày mất của Tôn Văn, có Đại diện của Hội Thánh đến tham dự.

Đức Trung Sơn Chơn Nhơn ít giảng cơ dạy Đạo hơn Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Sau đây, chúng tôi có sưu tập được một bài Thánh giáo của Ngài nói chuyện với Giáo Sư Thượng Bấy Thanh, Đạo hiệu Phong Chí, thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo, trong đó có tiên tri về nước Trung hoa và nước Nhựt, xin chép ra như sau:

Đàn cơ tại Hộ Pháp Đường  
ngày 17-10-Bính Tý (dl 30-12-1936)

Phò loan: Hộ Pháp, Tiếp Đạo

### TÔN SƠN CHƠN NHƠN

*Bản tặng chào quý vị. Cười. . .*

*Anh Phong Chí đứng chờ. Làm bộ hoài!*

*Theo ý Bản tặng tưởng thì buổi này chưa phải hợp thể thời cho Đạo phổ thông Trung quốc, vì 2 lẽ:*

*Một là Chánh phủ Pháp với Đông Dương này chẳng phải thật tâm trọng Đạo, cố ý giúp dùm, mà thật sự thì chờ Đạo xuất dương nơi Trung hoa, dặng mai phục ân binh toan phượng hãm hại.*

*Anh Phong Chí nè! Anh chưa bước chân đến nước Tàu mà tên Anh đã treo nhông nhánh nơi Phòng Mật Thám Tsien Tries, ấy là đợi Anh qua dặng ghim vào bằng có tụ hợp thông tư ngoại quốc vì quốc sự, chờ chẳng vì Đạo. Các cơ ấy chúng sẽ làm thế nào cho quả quyết hiển nhiên dặng toan diệt Đạo nơi đây cho dặng.*

*Hai nữa là vì Thiên thơ đã định cho **Huê Nhựt** hiệp chúng. Hại nỗi lại là tay có trọng trách nơi phân tạo Tân Thế giới cho Đức Chí Tôn, nên Ngọc Hư bảo trọng không cho diệt chúng, duy chịu nạn diệt quốc mà thôi.*

*Trong thế kỷ 21 sẽ thấy tang điền Nhựt đảo biển nên thương hải Huê triều. Ấy vậy, lúc phối hợp dân sanh sẽ có lâm trường huyết chiến.*

*Em nói: Trong thời gian ngắn ngủi chi đây sẽ có Nhựt Huê đại chiến.*

*Em lại nói chắc rằng: Chức sắc giáo đạo những nơi Huê triều, ngày kia cũng phải chung mang khổ ách.*

*Anh hiểu rồi! Gắng nghe lời Hộ Pháp khuyến giáo và*

*hạ lệnh mới gây nổi cơ đồ vĩ đại, Nghe và tuân theo vì đó là lệnh dạy của Thầy.*

*Em trả lời những sự Anh cầu nguyện rồi.*

*Xin để nhượng bút cho Phạm Phối Thánh.*

*Cao Tiếp Đạo! Bản tặng xin dâng bài thi này:*

**THI:**

*Chém nước chưa ai nắm bữu đao,*

*Có phong trần mới định anh hào.*

*Thường mưu trời kể đời toan tính,*

*Cái nghiệp thương đời phải chịu đau.*

THẮNG

**PHẦN THỨ BA:**

## QUẢ CÀN KHÔN & THIÊN NHÂN

QUẢ CÀN KHÔN

THIÊN NHÂN

– I. Nguồn gốc Thiên Nhân

– II. Ý nghĩa thờ Thiên Nhân

– III. Giải thích 5 câu chữ Nho về Thiên Nhân

## QUẢ CÀN KHÔN

Quả là cái trái, Càn Khôn là 2 quẻ trong Bát Quái, Càn tượng trưng Trời và Khôn tượng trưng Đất. Quả Càn Khôn tức là Trái Càn Khôn, là một quả cầu tròn tượng trưng vũ trụ của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngày 12-8-Bính Dần (dl 17-9-1926) tức là trước ngày Đại Lễ Khai Đạo 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926) một khoảng thời gian gần 2 tháng, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh làm một Quả Càn Khôn để thờ Đức Chí Tôn nơi Bát Quái Đài, xin trích ra như sau:

*“Bính! Thầy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười. . . Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không: Bề kính tâm ba thước ba tấc (3m30) nghe con, lớn quá, mà phải vậy mớiặng, vì là cơ mẫu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy.*

*Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là tinh tú. Tinh lại 3072 ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con giờ*

sách Thiên văn Tây ra coi mà bắt chước.

Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ con Mắt Thấy, hiểu chăng?

Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đút trong một ngọn đèn cho nó thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất qui báu cho cả hơn loại Càn khôn Thế giới đó, nhưng mà làm chẳng kịp thì con tùy tiện, làm thế nào cho kịp Đại hội, nghe à! (TNHT. I. 45) Xem như thế, Quả Càn Khôn này chính là một Thiên cầu tượng trưng cho Càn Khôn Vũ Trụ hữu hình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, lại được đặt trên Bát Quái Đài để thờ, nên biểu thị rõ rệt Triết lý về Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài.

**Càn Khôn Vũ Trụ** của Đức Chí Tôn gồm có 2 phần: Phần hữu hình và Phần vô hình.

\* **PHẦN HỮU HÌNH**, tức là phần nhìn thấy được bằng mắt phàm gồm:

– Tam thiên Thế giới, tức là 3000 quả tinh cầu nhìn thấy như những ngôi sao trên bầu Trời, được vẽ tượng trưng bằng 3000 ngôi sao trên Quả Càn Khôn.

– Thất thập nhị Địa, tức là 72 quả Địa cầu, cũng được nhìn thấy như những vì sao trên bầu Trời, nên cũng được vẽ tượng trưng bằng 72 ngôi sao trên Quả Càn Khôn.

Tổng cộng tất cả là 3072 ngôi sao, phải vẽ cho đủ số trên Quả Càn Khôn.

Trong số 3072 ngôi sao này có chòm sao Bắc Đẩu với Đại Hùng Tinh (Chòm sao Gấu lớn) và Tiểu Hùng Tinh (Chòm sao Gấu nhỏ), mỗi chòm có 7 ngôi sao (Thất Tinh), có hình giống như cái bánh lái thuyền, nên cũng gọi là

Chòm sao Bánh lái. Đức Chí Tôn bảo vẽ Con Mắt Thấy ngay trên ngôi sao Bắc Đẩu, tức nhiên Đức Chí Tôn ngự tại sao Bắc Đẩu, nên sao Bắc Đẩu chính là Trung tâm của Càn khôn Vũ trụ của Đức Chí Tôn. Các vì sao khác đều chuyển động chung quanh ngôi sao Bắc Đẩu này, giống như Địa cầu của chúng ta, tuy chuyển động chung quanh Mặt Trời, nhưng trục tự quay của Địa cầu luôn luôn hướng về ngôi sao Bắc Đẩu. Như vậy, Càn Khôn Vũ Trụ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế gồm 3072 ngôi sao chỉ là một phần tử nhỏ trong một khoảng không gian bao la vô cùng tận có đến hàng tỷ ngôi sao mà các nhà Thiên văn học hiện nay đã khám phá và nhìn thấy được trên bầu Trời. Do đó, chúng ta có thể suy đoán rằng, bên ngoài Càn Khôn Vũ Trụ của Đức Chí Tôn, còn có rất nhiều Càn khôn Vũ trụ khác của các Đấng Thượng Đế khác.

\* **PHẦN VÔ HÌNH**: Ngoài phần Vũ trụ Hữu hình mà mắt phàm nhìn thấy được, CKVT của Đức Chí Tôn còn có phần Vô hình mà mắt phàm không thấy được, chỉ có Huệ nhãn thì mới có thể thấy được.

Theo bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn vừa nêu trên, và những bài Thánh giáo khác của Đức Chí Tôn, chúng ta biết được Phần Càn khôn Vũ trụ Vô hình gồm có:

– Tam thập lục Thiên: 36 tầng Trời.

– Thất thập nhị Thiên: 12 tầng Trời nối tiếp ở bên dưới Tam thập lục Thiên, chia ra:

♦ Phần trên 3 tầng là: Hồn Nguơn Thiên, Hội Nguơn Thiên, Hư Vô Thiên.

♦ Phần kể dưới là 9 tầng gọi là Cửu Trùng Thiên

– Tứ Đại Bộ Châu: 4 Bộ Châu lớn.

Còn ngọn đèn đặt tại Tâm của Quả Càn Khôn tượng trưng ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn.

Quả Càn Khôn nầy đáng lẽ phải được làm bằng thủy tinh trong suốt, nhưng vì thời gian làm chỉ non 2 tháng nên không thể đúc bằng thủy tinh được, vì nó quá lớn, đường kính tới 3 thước 3 tấc. Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh phải làm Quả Càn Khôn bằng nan tre, bọc vải và sơn màu xanh da Trời, trên đó vẽ các ngôi sao đúng số như Đức Chí Tôn đã dạy, làm gấp rút cho kịp ngày 15-10-Bính Dần để tổ chức Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Gò Kén Tây Ninh.

Chỉ có Tòa Thánh Tây Ninh mới được làm Quả Càn Khôn để thờ nơi Bát Quái Đài, còn tại các Thánh Thất địa phương thì không được phép làm Quả Càn Khôn, chỉ được đắp Thiên Nhân lớn để thờ mà thôi.

Tóm lại, Quả Càn Khôn thờ nơi Bát Quái Đài Tòa Thánh là hình ảnh của Càn khôn Vũ trụ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, nó có hình như một quả cầu tròn, trong đó có 3072 ngôi sao, mà tâm điểm là Thái Cực. Quả Địa Cầu của nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68 trong nhóm Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu), nên cũng được tượng trưng bằng một ngôi sao trên Quả Càn Khôn nầy.

## THIÊN NHÂN

*Thiên Nhân* là con Mắt Trời. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Trời.

Trên Quả Càn Khôn, Đức Chí Tôn bảo vẽ Thiên Nhân ngay phía trên ngôi sao Bắc Đẩu, tức nhiên Đức

Chí Tôn ngự tại ngôi Bắc Đẩu.

Biểu tượng Thiên Nhân của Đạo Cao Đài, tức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có một ý nghĩa vô cùng cao cả và đặc sắc, mà bất cứ một nền tôn giáo nào trên thế giới hiện nay đều không có được.

### I. NGUỒN GỐC THIÊN NHÂN

Người môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn là Ngài Đốc Phủ Ngô văn Chiêu, trong lúc Ngài đang làm Quận Trưởng quận Phú Quốc tỉnh Hà Tiên, vào khoảng đầu năm 1921, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Ngài phải tìm một dấu hiệu chi riêng biệt để thờ kính. Ngài Ngô văn Chiêu bạch với Đức Chí Tôn chọn dấu hiệu chữ Thập (+).

Đức Chí Tôn giáng cơ đáp: Chọn chữ Thập cũng được, song đó là dấu hiệu của một nền tôn giáo đã có rồi (Thiên Chúa Giáo), phải suy nghĩ để tìm ra một dấu hiệu mới khác, sẽ có Đức Chí Tôn giúp sức.

Ngài Ngô văn Chiêu xin hoãn lại một tuần lễ để suy nghĩ tìm tòi. Mãn tuần lễ rồi mà Ngài vẫn chưa tìm ra.

Thế rồi một hôm, vào ngày 13-3-Tân Dậu (dl 20-4-1921), lúc 8 giờ sáng, Ngài đang ngồi trên chiếc võng ở mái hiên sau dinh quận, suy nghĩ vấn vương, bỗng Ngài thấy xuất hiện một CON MẮT thật lớn, hào quang chiếu diệu, cách chỗ Ngài ngồi chừng vài ba thước. Con Mắt ấy đầy đủ thân quang nhìn thẳng vào mặt Ngài, làm Ngài sợ hãi, lấy 2 bàn tay che mặt lại không dám nhìn, chừng được nửa phút, Ngài lại mở mắt ra nhìn thử thì lại thấy CON MẮT ấy rực rỡ hào quang hơn nữa. Ngài bèn chấp tay lại, vái rằng: “Bạch Tiên Ông! Đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông, xin Tiên Ông đừng làm vậy sợ lắm! Nếu



Tiên Ông bảo thờ như vậy thì xin cho biến mất tức thì.”

Ngài khẩn xong thì Con Mắt từ từ lu dần rồi biến mất.

Tuy vậy, Ngài Ngô văn Chiêu vẫn chưa thiệt tin, nên chưa vẽ Con Mắt để thờ.

Cách vài ngày sau, Ngài lại thấy Thiên Nhân xuất hiện y như lần trước. Ngài lại vái cùng Tiên Ông xin vẽ Thiên Nhân để thờ thì Thiên Nhân cũng lu dần rồi biến mất. (Ngài Ngô văn Chiêu lúc đó gọi Đức Chí Tôn là Tiên Ông).

Ngài Ngô văn Chiêu, căn cứ vào 2 lần chứng nghiệm đó, hoàn toàn tin tưởng nơi Đức Chí Tôn, nên Ngài vẽ Thiên Nhân như đã thấy để thờ Đức Chí Tôn.

Vào tháng Giêng năm Giáp Tý (1924), khi Ngài Ngô văn Chiêu đứng tại Dinh Cậu Phú Quốc nhìn ra biển khơi vào lúc Mặt Trời sắp lặn, Ngài bỗng thấy Thiên Nhân hiện ra rực rỡ hào quang trên một ngôi sao, kể dưới là Mặt Trăng lưỡi liềm, và trên mặt biển là Mặt Trời, sắp theo một số dọc thẳng đứng, và mặt biển là một đường nằm ngang.

Hình ảnh rực rỡ và đẹp đẽ này, Ngài Ngô văn Chiêu ghi nhớ và Ngài họa hình giống y như vậy để thờ: Bên dưới là mặt biển nằm ngang, bên trên là Nhật, Nguyệt, Tinh và Thiên Nhân, tạo thành một số thẳng đứng.

Đến ngày 29-6-Giáp Tý (dl 30-7-1924), Ngài Đốc Phủ Ngô văn Chiêu được Chánh quyền Pháp đổi về làm việc ở Sài Gòn, Ngài cũng đem Thiên Nhân về Sài Gòn để thờ nơi nhà Ngài cư ngụ.

Mặt khác, vào giữa năm 1925, Đức Chí Tôn độ được

nhóm Công chức Xây bàn ở Sài Gòn gồm quý Ông: Cao quỳnh Diêu, Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang, và kể đó độ thêm Ngài Lê văn Trung; Đức Chí Tôn bảo quý vị này hãy vẽ hình Thiên Nhân để thờ Đức Chí Tôn. Lúc đó là đầu năm 1926.

Quý Ông rất phân vân, không biết vẽ thế nào, vì biểu tượng Thiên Nhân thật vô cùng mới lạ. Từ trước tới giờ, người Việt Nam chỉ biết thờ tượng Phật, tượng Thánh, tượng Thần, chớ chưa hề biết thờ Thiên Nhân.

Đức Chí Tôn biết các Ông đang phân vân, nên giảng cơ dạy quý Ông đến nhà của Ông Đốc phủ Ngô văn Chiêu để Ông Chiêu chỉ cho cách thờ, và dặn mang Đại Ngọc Cơ theo để Chí Tôn giảng cơ dạy việc.

Thế là do lệnh dạy của Đức Chí Tôn, Quý Ông tìm đến nhà Ngài Ngô văn Chiêu, được Ngài Chiêu hướng dẫn cách thờ phượng Đức Chí Tôn bằng biểu tượng Thiên Nhân với đầy đủ chi tiết, và sau đó quý Ông phò loan cầu Chí Tôn. Đức Chí Tôn giảng dạy quý Ông hợp tác với Ngài Ngô văn Chiêu để chuẩn bị Khai Đạo, và nhận Ngài Chiêu làm Anh Cả.

Nguồn gốc thờ Thiên Nhân của Đạo Cao Đài phát tích từ đó.

Thật ra, biểu tượng Thiên Nhân tượng trưng Đấng Thượng Đế, không phải hoàn toàn mới lạ đối với nhơn loại, vì từ thời Thượng cổ, dân Ai Cập, dân Do Thái ở Phi Châu, dân Pérou ở nam Mỹ Châu, đã biết vẽ hình Thiên Nhân ngự trên Kim Tự Tháp để thờ Đấng Thượng Đế.

## II. Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÂN

Đức Chí Tôn dạy rằng:

*“Tại sao Thầy lại biểu các con tạo hình Thiên Nhân mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác?”*

*Thầy vốn là Hư Vô chi Khí, không giống cái chi hết. Các con chớ tạo hình Thầy mà thờ.*

*Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông linh bao quát Càn khôn Thế giới. Thấy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thế như các con. Nên chi, thờ Thiên Nhân là thờ Thầy.”*

Thờ Thiên Nhân bao gồm nhiều ý nghĩa siêu việt, xin nêu ra sau đây:

#### a) Ý nghĩa về hình thế:

1. Tiên Nho thường nói: *Hoàng Thiên hữu Nhân*, hay trong dân gian cũng thường nói: *Trời cao có mắt*, để chỉ rằng Ông Trời, tức là Đấng Thượng Đế, nhìn thấy rõ tất cả những hành vi thiện ác của khắp chúng sanh, đâu bộc lộ ra ngoài hay giấu giếm kín đáo bên trong, Mắt Trời đều thấy rõ hết thảy, để khen thưởng hay xử phạt một cách công bình.

Do đó, trong Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có câu:

Càn kiện cao minh,  
Vạn loại thiện ác tất kiến.

Nghĩa là:

Càn là Trời, ngôi Càn mạnh mẽ, cao tốt, sáng tỏ,  
Ắt hẳn thấy rõ điều thiện và ác của muôn loài vật.

Thờ Thiên Nhân với con mắt **mở**, để chúng ta luôn luôn nhớ rằng, bất cứ ta làm việc gì, Trời đều thấy rõ, không thể giấu giếm, cũng không thể sau này chối cãi được.

2. Về MỘT con Mắt để thờ, mà không vẽ 2 con Mắt (một cặp) là bởi vì 1 là số khởi thủy của Càn khôn Vũ trụ và vạn vật (theo Dịch học): 1 sanh 2, 2 sanh 3, 3 sanh vạn vật.

Tức là **Nhứt** bốn tán **Vạn** thù, Vạn thù qui **Nhứt** bốn. Cho nên, số 1 là gốc, lại là số Dương, mà Đức Chí Tôn làm Chủ Dương quang, thì rất hợp lẽ. Số 1 cũng chỉ ngôi Thái Cực, là ngôi độc nhứt trong Càn Khôn Vũ trụ.

3. Vẽ Con Mắt bên TRÁI để thờ, chớ không phải vẽ Con Mắt bên MẶT, bởi vì bên Trái thuộc về Dương, bên MẶT thuộc về Âm, nên khi vào Thánh Thất quì cúng Đức Chí Tôn, phái Nam quì bên Trái của Đức Chí Tôn; phái Nữ quì bên MẶT của Đức Chí Tôn (Nam tả Nữ hữu).

Do đó, Con Mắt Trái tượng trưng Đức Chí Tôn và Đức Chí Tôn chưởng quản Khí Dương quang.

4. Thờ Thiên Nhân có ý nghĩa Đại đồng. Bất cứ sắc dân nào, dân tộc nào cũng biết vẽ Con Mắt để thờ, và vẽ hình Con Mắt không có tánh cách phân biệt chủng tộc, nên có tính chất chung hết, tức là Đại đồng.

Như chúng ta thấy, Phật giáo vẽ hình Đức Phật Thích Ca với hình dáng là người Ấn Độ; Thiên Chúa giáo vẽ hình Đức Chúa Jêsus với hình dáng là một người Do Thái; do đó có tánh cách phân biệt về dân tộc, về quốc gia, là thờ người ngoại quốc, . . . Vẽ hình Con Mắt mà thờ thì tránh được các sự phân biệt vừa nêu trên.

Vả lại, Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ của toàn nhơn loại, chớ đâu phải của riêng một sắc dân nào. Khi thờ Con Mắt là Đức Chí Tôn muốn cho nhơn loại không còn phân biệt nhau về quốc gia hay dân tộc, nhìn nhau đều là anh em một nhà, con chung của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc lãnh sứ mạng của Thượng Đế để thực hiện sự Đại đồng trên toàn thế giới.

**b) Ý nghĩa theo Thiên Chúa Giáo:**

Thiên Chúa giáo có một quyển sách tựa là: “*Catéchisme Album*” (Giáo lý Cương yếu) do nhà xuất bản Saint Joseph ở Paris phát hành, nơi trang đầu tiên có in hình Thiên Nhân (L’Oeil de Dieu) và chú thích như vậy: “*Dieu est esprit, il ne peut être vu de nos yeux, ni, par conséquent, représenté sur une image.*”

*C’est OEIL, vous rappelle que Dieu est le souveraine intelligence, qu’il sait tout et voit tout.*

*On l’encadre le Soleil, car Dieu est le Vrai Soleil qui éclaire et réchauffe tout et porte la vie partout. Dieu est la Lumière Éternelle.”*

Tạm dịch:

Thượng Đế là Đấng thiêng liêng, đôi mắt trần của chúng ta không thể thấy được Ngài, vì thế, không thể mô tả Ngài bằng một hình ảnh.

Thiên Nhân này nhắc cho chúng ta nhớ rằng: Thượng Đế là Đấng Toàn Tri, Ngài biết tất cả và thấy tất cả.

Người ta vẽ chung quanh Thiên Nhân những tia sáng của Mặt Trời, bởi vì Thượng Đế là ngôi Dương chơn thật, soi sáng và sưởi ấm vạn vật và mang đến sự sống khắp nơi. Thượng Đế là Ánh sáng vĩnh cửu.

**c) Ý nghĩa thiêng liêng:** Về ý nghĩa thiêng liêng của Thiên Nhân, Đức Chí Tôn có dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như sau:

*TNHT. I. 12: “Chứa phải hơi các con biết dạng tại sao vẽ Thánh Tượng CON MẮT mà thờ Thấy, song Thấy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:*

***Nhãn thị chủ tâm,***

***Lưỡng quang chủ tế,  
Quang thị Thần,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả Ngã giả.***

*Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bẻ. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thấy cho THẦN hiệp TINH KHÍ dạng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh. Các con nhớ nói vì cơ nào thờ CON MẮT Thấy cho chư Đạo hữu nghe. . . . .*

*Phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật từ ngày Đạo bị bẻ, thi Luật lệ hơi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tâu THẦN, không cho hiệp cùng TINH, KHÍ. Thấy đến dạng hườn nguyên Chơn thần cho các con đặc đạo.*

*Con hiểu “Thần cư tại nhãn”. Bố trí cho chư Đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên, Phật do yếu nhiệm là tại đó.”*

**III. GIẢI THÍCH 5 CÂU CHỮ NHO VỀ THIÊN NHÂN**

Xin chép lại 5 câu chữ Nho giải thích Thiên Nhân:

***Nhãn thị chủ tâm,  
Lưỡng quang chủ tế,  
Quang thị Thần,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả Ngã giả.***

**a) Giải nghĩa từng chữ:**

Câu 1: *Nhãn thị chủ tâm.* *Nhãn:* Con mắt. *Thị:* Ấy là. *Chủ:* Làm chủ. *Tâm:* Cái Tâm. - Cái Tâm của con người là Linh hồn, cũng gọi là Tiểu hồn, Tiểu Linh quang, và con người là Tiểu Thiên Địa hay Tiểu Thượng Đế. - Cái Tâm của Trời là Đại hồn, là Đại Linh quang, và Trời là

Đại Thiên Địa, thường gọi là Thượng Đế.

Câu 2: *Lưỡng quang chủ tế*. *Lưỡng*: Hai. *Quang*: Ánh sáng. - Đối với Trời, Lưỡng quang là Âm quang và Dương quang, đó cũng gọi là Lưỡng Nghi. - Đối với con người, Lưỡng quang là 2 Khí: Khí Âm và Khí Dương trong cơ thể con người. *Chủ*: Làm chủ. *Tế*: Đứng đầu. Chủ tế, cũng đọc là Chúa tế là đứng đầu cai trị tất cả.

Câu 3: *Quang thị Thần*. *Quang*: Ánh sáng. *Thị*: Ấy là. *Thần*: Chơn linh, một trong Tam bửu (Tinh, Khí, Thần). - Đối với Thượng Đế, Thần là Đại hồn. - Đối với con người, Thần là Tiểu hồn.

Câu 4: *Thần thị Thiên*. *Thần*: Chơn linh. *Thị*: Ấy là. *Thiên*: Trời. - Đối với Trời, Thiên là Thượng Đế, Đại Vũ trụ. - Đối với con người, Thiên là Tiểu Thượng Đế, Tiểu Vũ trụ.

Câu 5: *Thiên giả Ngã giả*. *Thiên*: (đã giải nơi câu 4). *Giả*: Ấy là. *Ngã*: Ta. *Giã*: Vậy. Thường viết là *Dã*, dùng đặt ở cuối câu, nghĩa là: Vậy.

Câu “Thiên giả Ngã dã” giống như câu “Nhân giả Nhơn dã” ( ), nghĩa là: Lòng Nhân ấy là đạo làm Người vậy.

Năm câu chữ Nho mà Đức Chí Tôn dạy về THIÊN NHÂN, có thể được giải thích theo 2 trường hợp:

- Giải thích theo Đại Thiên Địa (Đại Vũ trụ, Đại Linh quang, Đại hồn, Thượng Đế). [Trời]

- Giải thích theo Tiểu Thiên Địa (Tiểu Vũ trụ, Tiểu Linh quang, Tiểu hồn, Tiểu Thượng Đế). [Người]

#### a) Giải thích theo Đại Thiên Địa (Trời):

Câu 1: *Nhân thị chủ Tâm*: Nhân ở đây là Thiên Nhân tượng trưng Thượng Đế. Tâm ở đây là Tâm của Thượng

Đế, tức là Đại Linh quang, Đại hồn.

Nhân thị chủ Tâm: Thượng Đế là chủ của Đại Linh quang.

Câu 2: *Lưỡng quang chủ tế*: Lưỡng quang là Âm quang và Dương quang. Chủ tế là Chúa tế, cai trị tất cả.

Lưỡng quang chủ tế: Dương quang và Âm quang làm chúa tế, cai trị tất cả. Bởi vì Dương quang và Âm quang ấy chính là của Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, phối hợp để sanh hóa Càn khôn Vũ trụ và vạn vật.

Câu 3: *Quang thị Thần*: Quang này là Đại Linh quang, Thần này là Đại hồn.

Quang thị Thần: Đại Linh quang ấy là Đại hồn của Thượng Đế.

Câu 4: *Thần thị Thiên*: Đại hồn ấy là Trời, Thượng Đế

Câu 5: *Thiên giả Ngã giả*: Thượng Đế ấy là TA vậy. (TA là tiếng tự xưng của Đức Chí Tôn).

Do đó, thờ Thiên Nhân chính là thờ Trời, thờ Đấng Thượng Đế, thờ Đấng Đại Từ Phụ đã sanh hóa CKVT và toàn cả chúng sanh.

#### b) Giải thích theo Tiểu Thiên Địa (Người):

Con người do Thượng Đế tạo ra, hễ Trời có gì thì con người có nấy, cho nên mới gọi con người là Tiểu Thiên Địa, Tiểu Thượng Đế, Tiểu hồn, Tiểu Linh quang.

Câu 1: *Nhân thị chủ Tâm*: Nhân ở đây là Nhơn nhân, con mắt của Người, tượng trưng con người. Tâm ở đây là lương tâm của con người, tức là Tiểu hồn, Tiểu Linh quang.

Nhân thị chủ Tâm: Con người làm chủ cái Tâm

của mình, tức là làm chủ Tiểu Linh quang (Chơn linh) của mình.

Câu 2: *Lưỡng quang chủ tế*: Lưỡng quang ở đây là 2 Khí Dương và Âm trong cơ thể con người. Nếu 2 Khí này điều hòa thì thân thể con người khỏe mạnh; nếu 2 khí không điều hòa, hoặc là Dương thịnh Âm suy hay Âm thịnh Dương suy thì con người bị đau ốm, bệnh hoạn; nếu khí Dương tuyệt thì cơ thể phải chết.

Lưỡng quang chủ tế: 2 Khí Âm Dương trong con người là chúa tể, vì nó định được sự sống chết, sự khỏe mạnh hay đau yếu của thân thể con người.

Câu 3: *Quang thị Thần*: Quang ở đây là Tiểu Linh quang, Thần là Linh hồn của con người, tức là Tiểu hồn.

Quang thị Thần: Tiểu Linh quang ấy là Tiểu hồn của con người.

Câu 4: *Thần thị Thiên*: Thần là Tiểu hồn, Thiên ở đây là Tiểu Thiên Địa, Tiểu Thượng Đế.

Thần thị Thiên: Tiểu hồn ấy là Tiểu Thượng Đế.

Câu 5: *Thiên giả Ngã giả*: Thiên là Tiểu Thượng Đế, Ngã là ta, là con người.

Thiên giả Ngã giả: Tiểu Thượng Đế ấy là ta vậy.

#### Về ý nghĩa của chữ “THẦN”:

♦ *Khi hiến lễ dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn*: Tam Bửu là: Bông, Rượu, Trà, tượng trưng Tinh, Khí, Thần.

Tinh là Thể xác,

Khí là Chơn thần,

Thần là Chơn linh, Linh hồn.

♦ *Trong phép Luyện đạo, luyện cho Tinh, Khí,*

***Thần hiệp nhứt***: Trong trường hợp này thì:

TINH là chất tinh túy của thể xác tạo ra để lưu truyền nòi giống. Phải Luyện Tinh hóa Khí.

KHÍ là chất bổ dưỡng do chất Tinh biến thành để nhờ máu luân chuyển đem đi nuôi các tế bào của cơ thể cho tươi nhuận, nhứt là nuôi các tế bào não cho thông minh sáng suốt, có đầy đủ sự tốt đẹp. Đó là Luyện Khí hiệp Thần.

THẦN là Chơn thần của con người. Khi trí não của con người đầy đủ sự thông minh sáng suốt thì phát huệ, tạo được Chơn thần nhẹ nhàng tinh tấn. Nhưng phải Luyện Thần huần Hư, nghĩa là luyện cho Chơn thần được huyền diệu, có thể xuất nhập thể xác tùy theo ý muốn, để có thể vân du lên các cõi Trời, tiếp xúc với các Đấng thiêng liêng. Luyện được như vậy, gọi là Luyện Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt, đắc đạo tại thế.

Như vậy, chữ THẦN có 2 nghĩa: Linh hồn hay Chơn thần tùy theo trường hợp.

Cho nên, thờ Thiên Nhân cũng còn là thờ Chơn thần: “Thần cư tại Nhân”. Nên Đức Chí Tôn dạy rằng: *Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho THẦN hiệp cùng TINH, KHÍ, đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ siêu phàm nhập Thánh. Thấy đến đặng huần nguyên Chơn thần cho các con đắc đạo.*”



**PHẦN THỨ TƯ:****CÁC ĐẢNG GIÁO CHỦ**

|   |  |
|---|--|
| <b>Đức Di-Lạc Vương Phật</b><br>– (Giáo chủ Hội Long Hoa) | <b>Đức Khổng Tử</b><br>– (Giáo chủ Nho giáo)             |
| <b>Đức Phật Thích Ca</b><br>– (Giáo chủ Phật giáo)        | <b>Đức Chúa Jêsus</b><br>– (Gia-Tô Giáo chủ)             |
| <b>Đức Lão Tử</b><br>– (Giáo chủ Tiên giáo)               | <b>Đức Khương Thượng Tử Nha</b><br>– (Giáo chủ Thần đạo) |

Con cạp tượng trưng năm Dần, đó là năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn khởi khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đạo Cao Đài, để giáo hóa nhơn sanh tu hành trong buổi đời Mạt kiếp, và Đức Chí Tôn giao cho Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo chấm thi đậu rớt, mà môn thi là: Công Đức (Công quả và Đạo đức).

*“Thầy đến độ rồi các con là thành lập một Trường Công đức cho các con nên đạo.” (TNHT. I. 27)*

*“Vì vậy Thầy hằng nói cùng các con rằng: Một Trường thi Công quả. Các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc Thế Giới thì phải đi tại cửa này mà thôi.” (TNHT. I. 34)*

Người nào thiếu công đức thì bị đánh rớt, phải ở lại cõi trần học hỏi thêm để tiến hóa và sẽ tham dự vào một Hội thi mới sau này.

Cho nên tượng hình Đức Di-Lạc Vương Phật ngự trên lưng cạp có ý nghĩa là kể từ năm Bính Dần (1926), là thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Di-Lạc được Đức Chí Tôn giao trọn quyền phong thưởng Vạn linh và điều hành toàn bộ sự Tiến hóa trong Càn khôn Thế giới.

– Hàng ngang bên trên: Đức Lão Tử, Giáo chủ Tiên giáo; Đức Phật Thích Ca, Giáo chủ Phật giáo; Đức Khổng Tử, Giáo chủ Nho giáo.

– Hàng ngang kế dưới là Tam Trấn Oai Nghiêm: Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Lý Thái Bạch, Đức Quan Thánh Đế Quân.

Hàng thẳng đứng ở giữa, từ trên xuống dưới: Đức Phật Thích Ca, Đức Lý Thái Bạch, Đức Chúa Jésus (Gia Tô Giáo chủ), Đức Khương Thượng Tử Nha (Giáo chủ Thần đạo).

### ĐỨC DI-LẠC VƯƠNG PHẬT (GIÁO CHỦ HỘI LONG HOA)

Di-Lạc, Phật giáo gọi là Di-Lặc, do phiên âm từ tiếng Phạn: Maitreya, dịch Hán văn là Từ Thị. Từ Thị nghĩa là Dòng lành, dòng Phật, vì Phật lấy Từ Bi làm gốc.

Vậy Di-Lạc là Từ Thị. Thuở xa xưa lâu đời, Ngài Từ Thị gặp Phật, liền phát tâm tu hành, chứng phép Từ Thị Tam Muội. Từ ấy đến nay, Ngài lấy chữ Từ làm họ của mình.

Vương Phật là Phật vua, tức là vị Phật thay mặt Đức Chí Tôn làm vua cai trị Càn khôn Thế giới và Vạn linh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Di-Lạc Vương Phật là vị Phật tương lai, giáng sanh xuống cõi trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, đặc đạo tại cội cây Long Hoa, làm Giáo chủ Đại Hội Long Hoa, thay mặt Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mà làm vua cai trị Càn khôn Thế giới và Vạn linh.

Trong Kinh Thiên Đạo của Đạo Cao Đài, Đức Phật

Thích Ca giáng cơ ban cho 2 Bài Kinh: *Kinh Đại Tường và Di-Lạc Chơn Kinh*, nhờ đó chúng ta biết được nhiệm vụ và quyền hành của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Khi Ngài làm nhiệm vụ cai quản Càn khôn Thế giới thì gọi Ngài là Đức **Di-Lạc Vương Phật**; nhưng khi Ngài làm nhiệm vụ cứu độ chúng sanh (năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng) thì gọi Ngài là **Di-Lạc Vương Bồ Tát**. Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp trong *Con đường Thiêng liêng Hằng sống*: Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức A-Di-Đà Phật giao quyền lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật chưởng quản Cực Lạc Thế Giới, nên Đức Di-Lạc Vương Phật hiện nay ngự tại cửa Kim Tự Tháp, dưới tàn cây dương tối cổ ở Kinh đô Cực Lạc Thế Giới, còn Đức A-Di-Đà Phật vào ngự trong Lôi Âm Tự và Đức Phật Thích Ca ngự tại Kim Sa Đại điện trong Kim Tự Tháp.

Kim Tự Tháp tại Kinh đô Cực Lạc Thế Giới có hình giống như Kim Tự Tháp bên Ai Cập, nhưng mình nó lại tròn, có nhiều tầng, nhiều nấc, có rất nhiều chư Phật ngự trên đó, mỗi vị có liên đài riêng.

Bài Di-Lạc Chơn Kinh cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật cai quản 2 tầng Trời: Hồn Nguơn Thiên và Hội Nguơn Thiên, là 2 tầng thứ 12 và thứ 11, nằm kế bên trên Hư Vô Thiên, và bên dưới Hư Vô Thiên là Cửu Trùng Thiên.

Bài Kinh Đại Tường cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ giáng sanh xuống trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, có nhiệm vụ thực hiện các điều sau đây do Đức Chí Tôn giao phó:

– 1. *Tái sanh sửa đổi Chơn truyền và Thâu các đạo hữu hình làm một:*

Đức Phật Di-Lạc sẽ giảng sanh xuống cõi trần để sửa đổi và chỉnh đốn các giáo lý chơn truyền của các Đấng Giáo chủ thời Nhị Kỳ Phổ Độ để lại, đã bị người đời canh cải sai lạc rất nhiều, đồng thời gom tất cả tín ngưỡng tôn giáo trên hoàn cầu thống nhất lại làm một mối, để có một tín ngưỡng chung, cùng nhìn nhận Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng của toàn nhơn loại.

– 2. *Khai cơ Tận độ, Cửu tuyến diệt vong:* Đức Di-Lạc Vương Phật mở ra một cơ quan Tận độ chúng sanh, đóng cửa Địa ngục, giải phóng các tội hồn, cho đi đầu thai trả quả và lo tu hành để được cứu vớt trong sự Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

– 3. *Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị và Trường thi Tiên, Phật, duợt kiếp khiên:*

Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo Trường thi công đức, tuyển lựa các ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật để đưa vào tham dự Đại Hội Long Hoa do Ngài làm Giáo chủ.

– 4. *Tạo đời cải dữ ra hiền, Bảo sanh năm giữ diệu huyền Chí Tôn:*

Đức Di-Lạc Vương Phật thay mặt Chí Tôn để tạo lập lại đời Thượng Nguơn Thánh đức, dân chúng hiền lương tôn thờ đạo đức, sống hòa bình trong một xã hội đại đồng trong giếng bảo sanh của Thượng Đế.

– Vào đời nhà Tùy, Ngài hóa thân là Tăng Can.

– Vào đời Ngũ Đại, Ngài là Bồ Đại Hòa Thượng.

– Vào đời Lục Triều, Ngài hóa thân là Phó Đại Sĩ.

Trong 3 lần hóa thân, nổi tiếng nhất là Bồ Đại Hòa Thượng. Dân chúng vẽ hình, đúc tượng theo hình ảnh của Bồ Đại Hòa Thượng, có vóc dáng như Ông Địa, miệng cười toe toét, chung quanh có 6 đứa con nít đang chọc ghẹo.

Sau đây, xin kể lại 2 sự tích: *Tăng Can và Bồ Đại Hòa Thượng.*

### I. TĂNG CAN.

Vào đời nhà Tùy bên Tàu, có một Ông sư gọi là Tăng Can, cất một cái am bên cạnh chùa Quốc Thanh để ở. Không ai biết gốc tích của Ông sư này ở đâu, chỉ biết Ông lúc Ông đến cất am. Ông thỉnh thoảng đi thuyết giáo nơi này nơi nọ. Có nhiều lúc Ông cởi cạo đi về am khiến chúng tăng trong chùa Quốc Thanh hoảng sợ.

Có lần Ông ôm về một đứa bé gởi nuôi trong chùa Quốc Thanh đặt tên là Thập Đắc. Thỉnh thoảng có một Ông ăn mặc rách rưới từ trong núi tuyết đi ra, tên gọi Hàn Sơn, cũng đến ở chùa.

Hàn Sơn và Thập Đắc được người trong chùa xem như hai gã ăn mày. Khi chúng tăng ăn cơm xong thì 2 người mới ăn những thức ăn còn thừa lại. Khi ngủ thì chỉ được ngủ ngoài hành lang. Có lúc cao hứng thấy 2 người làm thơ, nhưng những bài thơ đó đọc lên không ai hiểu được ý nghĩa.

Một hôm, sau cơm trưa, chúng tăng đi nghỉ hết, hai người đi vào chỗ thờ, một người thì leo lên ngồi trên cổ Đức Văn Thù Bồ Tát, còn người kia thì leo lên ngồi trên vai Đức Phổ Hiền Bồ Tát. Một vị tăng tình cờ đi vào Chánh điện phát hiện ra việc này, vội chạy đi báo cho Hòa

Thượng trụ trì biết và chửi tăng đến lồi 2 người xuống, quở mắng đủ điều về tội bất kính.

Lúc đó Ông Tăng Can đã tịch. Quan Huyện sở tại mắc một chứng bệnh nan y, Ông nằm chiêm bao thấy Ông Tăng Can hiện đến, tự xưng là Phật Di-Lạc, bảo quan Huyện muốn hết bệnh thì hãy đến đánh lễ Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát, xin 2 vị đó ban cho Ông phương thuốc trị dứt bệnh, mà muốn đánh lễ 2 vị Bồ Tát đó thì phải vào chùa Quốc Thanh, hỏi 2 người tên là Hàn Sơn và Thập Đắc, vì đó là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân.

Sáng ngày, quan Huyện liền đi đến chùa Quốc Thanh như lời báo mộng, đòi gặp 2 vị Hàn Sơn và Thập Đắc. Hòa Thượng trụ trì và chúng tăng trong chùa rất ngạc nhiên, không biết tại sao quan Huyện lại có vẻ kính trọng 2 người ăn mày đó thế. Hòa Thượng buộc lòng gọi 2 người ấy ra. Hai vị liền nắm tay đi ra. Vừa thấy 2 vị, quan Huyện quì mọp xuống lạy.

Hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đồng cười nói:

– Cái Lão Tăng Can bày đặt làm cho ta bại lộ rồi.

Nói rồi, 2 vị công nhau chạy tuốt vô rừng mất dạng.

Quan Huyện mới thuật lại điểm chiêm bao của Ông cho vị Hòa Thượng và chúng tăng trong chùa nghe, mới biết: Tăng Can là Đức Di-Lạc Bồ Tát hóa thân, còn 2 vị Hàn Sơn và Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân.

## II. BỐ ĐẠI HÒA THƯỢNG.

Bố Đại Hòa Thượng là một vị sư trọng tuổi có mang một túi vải lớn. (Bố Đại là cái túi vải lớn). Không ai biết

tên tuổi và gốc gác của Ông, chỉ thấy Ông luôn luôn mang một cái túi vải lớn bên mình nên đặt ra gọi như vậy.

Ai cho gì, Ông cũng bỏ vào cái túi vải đó, đến chỗ gặp con nít đông thì Ông dừng lại, lấy tất cả đồ trong túi vải ra, rồi bày trò chơi vui đùa với lũ trẻ.

Ông có thân hình khác người thể tục, trán nhẵn, mặt tròn, bụng lớn, mập mạp, luôn luôn mặc áo phạch ngực, miệng lúc nào cũng cười vui.

Ông thường trú tại chùa Nhạc Lâm, huyện Phong Hóa, tỉnh Châu Minh.

Mỗi khi đi đường, Ông luôn luôn mang theo cái túi vải lớn và một cây tích trượng, không bao giờ rời xa 2 vật ấy. Lại còn có 18 đứa con nít nhỏ thường đeo đuổi bên Ông để chọc ghẹo mà Ông vẫn cười hề hề, không phiền trách chi cả, đứa thì móc lỗ mũi, đứa dúi lỗ tai, đứa chọc vô rún, đứa móc miệng, đứa bịt mắt, vv. . . Mười tám đứa con nít đó là Lục căn, Lục trần, Lục thức, ở trong tịnh trí của Ông mà hiện ra do thần thông quảng đại của Ông. Nhưng người đời sau họa hình hay làm tượng Đức Phật Di-Lạc, họ bớt lại chỉ còn 6 đứa con nít, tượng trưng Lục căn, bởi vì chính Lục căn làm cho con người vọng động phải bị chìm đắm trong vòng luân hồi sanh tử, mà cũng chính Lục căn làm cho con người đọa đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Thời đó là đời Ngũ Đại sau đời nhà Đường, nước Tàu chia làm 5 nước: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu, kéo dài từ năm 907 đến năm 960.

Thiền Tông bấy giờ rất mạnh. Một hôm, có một vị Thiền sư phái Thảo đường hỏi Bố Đại Hòa Thượng:

– Đại ý Phật pháp là thế nào?

Bố Đại Hòa Thượng đang quảy cái bị trên vai, Ngài liền để xuống rồi đứng yên.

Thiền sư hỏi tiếp:

– Chỉ có thể thôi hay có con đường tiến lên chăng?

Ngài lại xách túi vải mang lên vai rồi đi.

Hai cử chỉ ấy là 2 câu trả lời của Ngài. Ngài để cái bị xuống là ý nói buông tất cả, xả bỏ tất cả, đừng chấp cái gì hết kể cả Phật pháp. Buông tất cả rồi đứng yên là để tâm thanh tịnh, rồi quảy bị lên vai và đi là tự tại, là ung dung của bậc thoát trần.

Khi Bố Đại Hòa Thượng ở xứ Mân Trung thì có một cư sĩ họ Trần thấy Ngài làm nhiều việc thần kỳ, nên đái Ngài rất trọng. Lúc Ngài gần từ giã Ông Trần để đi qua xứ Lương Chiết thì Ông cư sĩ muốn rõ tên họ của Ngài, bèn hỏi rằng:

– Thưa Hòa Thượng, xin cho tôi biết họ của Ngài, sanh năm nào và xuất gia đã bao lâu rồi?

Ngài bèn đáp rằng:

– Ta tỏ thiệt cho người rõ, ta chính họ Lý, sanh ngày mùng 8 tháng 2. Ta chỉ biểu hiệu cái túi vải này để độ đời đó thôi. Vậy người chớ tiết lộ cho ai biết.

Trần cư sĩ nghe vậy thì thưa rằng:

– Hòa Thượng đi đây, nếu có ai hỏi việc chi thì xin Ngài trả lời làm sao cho hợp lý, chớ tùy thuận theo người thì không khỏi bàng nhơn dị nghị tiếng thị phi.

Ngài liền đáp bằng bài kệ:

*Ghét thương phải quấy biết bao là,*

*Xét nét lo lường giữ lấy ta.  
Tâm để rộng thông thường nhện nhục,  
Bữa hằng thông thả phải tiêu ma.  
Nếu người tri kỷ nên y phân,  
Dẫu kẻ oan gia cũng cộng hòa.  
Miễn tấm lòng này không quái ngại,  
Tự nhiên chúng đặng lục ba la.*

Trần cư sĩ lại hỏi:

– Bạch Hòa Thượng, Ngài có pháp hiệu chi không?

Bố Đại Hòa Thượng lại đáp bằng bài kệ:

*Ta có cái túi vải,  
Rỗng rang không quái ngại,  
Mở ra khắp mười phương.  
Thâu vào quán tự tại.*

Trần cư sĩ lại hỏi tiếp:

– Ngài có đem hành lý gì theo không?

Ngài liền đáp bằng một bài kệ nữa:

*Bình bát cơm ngàn nhà,  
Thần chơi muôn dặm xa,  
Mắt xanh xem người thế,  
Mây trắng hỏi đường qua.*

Trần cư sĩ hỏi tiếp:

– Đệ tử rất ngu muội, biết làm sao cho đặng thấy tánh Phật? Ngài đáp bằng bài kệ:

*Phật tức tâm, tâm tức Phật,  
Mười phương thế giới là linh vật,  
Tung hoành diệu dụng biết bao nhiều,  
Cả thấy chẳng bằng tâm chơn thật.*

Trần cư sĩ nói:



– Hòa Thượng đi lần này nên ở chùa, chớ nên ở nhà thế gian. Ngài lại đáp rằng:

*Ta có nhà Tam bảo,  
Trong vốn không sắc tướng,  
Chẳng cao cũng chẳng đê,  
Không ngăn và không chướng.  
Học vẫn khó làm bằng,  
Câu thi không thấy dạng,  
Người trí biết rõ ràng,  
Ngàn đời không tạo đặng,  
Bốn môn bốn quả sanh,  
Mười phương đều cúng dường.*

Trần cư sĩ nghe rồi thì lấy làm lạ, liền đánh lễ Ngài mà thưa rằng:

– Xin Hòa Thượng ở nán lại một đêm mà dùng cơm chay với đệ tử đặng tỏ dấu đệ tử hết lòng cung kính. Xin Ngài từ bi hạ cố.

Đêm ấy, Bồ Đại Hòa Thượng ngụ tại nhà Trần cư sĩ, đến khi đi thì Ngài viết một bài kệ dán nơi cửa như vậy:

*Ta có một thân Phật,  
Có ai đặng tường tất,  
Chẳng vẽ cũng chẳng tô,  
Không chạm cũng không khắc,  
Chẳng có chút đất bùn,  
Không phai màu thể sắc,  
Thợ vẽ vẽ không xong,  
Kẻ trộm trộm chẳng mất.  
Thế tướng vốn tự nhiên,  
Thanh tịnh trong vặc vặc,  
Tuy là có một thân,*

*Phản đến ngàn trăm ức.*

Khi Ngài đến quận Tứ Minh, Ngài thường ở nhà Ông Tướng Tôn Bá. Ngài có khuyên Ông này nên trì niệm Câu chú: “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa”. Ông Bá nghe lời, luôn luôn trì niệm Câu chú này, trong lúc ngồi hay nằm đều niệm, nên người ta gọi Tướng Tôn Bá là Ma Ha Cư sĩ.

Có một bữa nọ, Ngài cùng Ma Ha Cư sĩ ra tắm ở khe nước Trường đình. Khi Ngài đưa lưng cho Ma Ha cư sĩ kỳ cọ giùm thì ông này thấy nơi lưng Ngài có 4 con mắt rực rỡ chói lòa, lấy làm kinh dị vô cùng. Ông đánh lễ Ngài và nói rằng:

– Hòa Thượng là một vị Phật tái thế.

Ngài liền khoát tay bảo nhỏ rằng:

– Người chớ tiết lậu. Ta với người vốn có nhân duyên rất lớn, rồi đây ta sẽ từ biệt người mà đi, chớ nên buồn rầu.

Khi trở lại nhà, Ngài hỏi Ma Ha cư sĩ:

– Ý người muốn giàu sang không?

Ma Ha cư sĩ thưa rằng:

– Vả chẳng, sự giàu sang như mây nổi, như giấc chiêm bao, nên tôi nguyện cho con cháu đời đời được miên viễn mà thôi.

Ngài thọc tay vào túi vải lấy ra cái hộp, trong đó đựng cái túi nhỏ và một sợi dây, đưa tặng Ma Ha cư sĩ, nói rằng:

– Ta tặng người mấy vật này mà từ biệt. Song ta căn dặn người phải gìn giữ kỹ lưỡng mà làm biểu tín những việc hậu vận của người.

Ma Ha cư sĩ lãnh mấy món ấy mà chẳng hiểu được ý gì. Cách vài bữa sau, Bồ Đại Hòa Thượng trở lại hỏi rằng:

– Nhà người hiểu được ý ta không?

Cư sĩ thưa rằng:

– Thưa Ngài, đệ tử thiệt chẳng rõ.

– Đó là ta muốn cho con cháu của người ngày sau cũng như mấy vật ta tặng đó vậy. Cái hộp là thể thân xác của người, cái túi nhỏ là cái tâm, sợi dây là ý để liên lạc với Phật về mặt vô hình. Người đã hiểu giàu sang là mây nổi, kiếp sống là chiêm bao, vậy nên thành ý.

Nói rồi Ngài liền từ giả đi ngay.

Đến sau, quả nhiên con cháu của Ma Ha cư sĩ đều được vinh hoa phú quý, hưởng lộc nước đời đời.

Bổ Đại Hòa Thượng trở về chùa Nhạc Lâm. Đến ngày mùng 3 tháng 3, năm thứ 3 niên hiệu Trinh Minh, Ngài không bịnh chi cả, ngồi trên bàn thạch gần mái chùa Nhạc Lâm, làm một bài kệ:

*Di-Lạc chơn Di-Lạc,  
Phân thân thiên bách ức,  
Thời thời thị thời nhơn,  
Thời nhơn tự bất thức.*

Nghĩa là:

Di-Lạc thật Di-Lạc,  
Phân thân thành muôn ức,  
Thường thường dạy người đời,  
Người đời tự không biết.

Làm bài kệ xong thì Ngài nhập diệt.

Nhắc lại, ở vùng này có Ông Trần đình Trường, thấy Bồ Đại Hòa Thượng hay khôi hài mà không lo sợ gì cả, nên mỗi lần gặp Ngài thì hay buông lời diễu cợt, rồi giựt cái túi vải đem đốt. Hễ bữa nay đốt rồi thì hôm sau

lại thấy Ngài mang cái túi vải như cũ. Ông lại giựt và đem đốt nữa, thì hôm sau vẫn thấy Ngài mang cái túi vải đó. Ông Trần lấy làm lạ nên đem lòng kính phục và chẳng dám chế diễu nữa.

Nay thấy Ngài nhập diệt rồi, Ông Trần đình Trường lo mua áo quan để tẩn liệm Ngài, cốt ý chuộc tội với Ngài, nhưng đến chừng khiêng quan tài đi chôn, người rất đông mà khiêng cái quan tài không nổi.

Trong bọn ấy có người họ Đồng, ngày thường vẫn tỏ lòng tôn kính Ngài, khi thấy việc linh hiển như vậy liền vội vã đi mua cái áo quan khác mà đổi, liệm thi hài của Ngài vào áo quan mới. Khi khiêng đi chôn thì cảm thấy nhẹ phơi phới. Ai nấy đều kính sợ, và đem lòng cung kính. Người trong quận lập hội lớn, lo xây tháp cho Ngài tại núi Phong sơn.

Các vị Tổ Sư Thiên Tông Phật giáo Trung Hoa chọn ngày Vía Đức Phật Di-Lạc vào ngày đầu năm, mùng 1 Tết Nguyên đán hằng năm với ý nghĩa là:

– Hình ảnh phúc hậu và nụ cười cởi mở của Đức Phật sẽ đem đến niềm vui và hạnh phúc cho gia đình suốt năm.

– Đức Phật Di-Lạc là vị Phật tương lai, vị Phật trong niềm hy vọng của mọi người để lập đời Thượng nguồn Thánh đức, mà ngày mùng 1 Tết là ngày hy vọng, là ngày chúc tụng lẫn nhau được mọi điều tốt đẹp và thành công.

Thời kỳ khởi đầu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Di-Lạc chưa giáng sanh xuống cõi trần, Ngài còn ở Cung Trời Đâu Suất. Ngài chỉ thỉnh thoảng giáng cơ để giáo hóa nhơn sanh.

Sau đây xin trích một bài Thánh giáo của Đức Di-Lạc

Vương Phật giảng cơ trong Thánh giáo sưu tập:

**THI:**

*DI-LẠC THIÊN TÔN* giảng cõi trần,  
Chào chư Thiên mạng, bực nguyên nhân.  
Mừng chung thiện tín hàng tâm đạo,  
Để nghiệm lời dạy đạo đức phân.

Nầy chư môn đồ! Đương giữa lúc thế trần đau khổ, ách nước nạn dân, chư môn đồ đã là những thành phần giác ngộ, tìm Đạo học Đạo để tu thân và đem Đạo điu dẫn người đời. Đó là chư môn đồ làm đúng theo lòng Thượng Đế.

Cõi đời là tạm bợ, hãy nương vào đây để lập công bồi đức, chớ đừng xem đây là cõi thiệt vĩnh cửu trường tồn, rồi đắm say trần lụy, quên mất căn xưa, không ngày trở lại ngôi xưa vị cũ.

Một xã hội loài người muốn hưởng cảnh đất Thuận Trời Nghiêu, thái bình thịnh trị, cần phải có đa số con người lương thiện để xây dựng xã hội đó.

Chư môn đồ ngày nay đang dẫn thân vào nghiệp duyên trần cấu, chịu sự trả quả chung của dân tộc, đừng bi quan, đừng thối chí, hãy nương cảnh ấy mà tu thân hành thiện, tự giải thoát cho mình và giúp người khác cùng giải thoát.

Hằng ngày, Bản đạo thấy đa số nhơn sanh bá tánh đến trước Chánh điện lễ bái kính thành, hiến dâng lễ vật, nghĩ thiệt là tội nghiệp. Thương thay cho lòng mê muội của nhơn sanh còn quá nặng! Có mấy ai thấy được mặt Di-Lạc Thiên Tôn bao giờ chưa? Bản đạo chắc là chưa ai thấy, chỉ có lời truyền tụng hoặc huấn dụ xuyên qua đàn

cơ cùng Thánh giáo.

Sự tạc tượng thờ đó là do lòng kính thành của nhơn sanh thiện tín để cụ thể tượng và thể hiện lòng kính thờ đối với bậc trọn lành đem Đạo cứu đời.

Thương hại cho người đời còn lầm tưởng rằng: Đem lễ vật hiến dâng lễ bái để cầu xin một việc tư riêng sẽ được Bản đạo hộ trì giúp đỡ! . . . .

– Sự lễ bái, cúng lạy, quì mọp, ngoài ý nghĩa trình trọng thi lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa cầu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

– Tịnh khẩu hoặc niệm Phật, tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

– Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang, ngọn đèn để trừ bớt nghiệp nhãn.

– Tham thiền định ý, khép chặt không cho tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để trừ bớt nghiệp ý.

– Thiền định, không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để trừ bớt nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng sản nghiệp vô hình cho kiếp lai sanh hoặc cho bên kia thế giới.

Người tu hành nhờ rất nhiều phương pháp để trợ duyên, đừng quá chú trọng những hình thức đó tưởng là để Trời Phật thương rồi cho thành Chánh quả!

Mặc áo đạo để được nghiêm chỉnh, không nói, không dám làm điều trái đạo, làm cho thân thể mình mất mỹ thuật như thí phát, áo bã nâu sòng, chơn không đi dép, đó là ngăn chặn sự quyến rũ của tha nhân mà quấy rầy,

không được an thân hành Đạo, ăn chay ăn lạt cho nhiều để thể hiện lòng bác ái hy sinh: Bác ái với loài vật, không nỡ giết chúng để nuôi mình sống, hy sinh sự thèm thuồng rượu ngon thịt béo để làm chủ được Thất tình Lục dục.

Đó là phương tiện cần kíp cho người tu và cũng đừng chú trọng đến đó là được thành Chánh quả.

Nói cho rõ hơn, ăn chay, niệm Phật, cúng lạy, hiến dâng, áo bả nâu sòng, là những phương tiện, không lấy đó làm đề tài chính để thành Chánh quả. Nhưng muốn thành Chánh quả, phải có những phương tiện đó gắn bó bên mình từ nội tâm đến ngoại thể.

Chư môn đồ ơi! Kỳ này là kỳ Đại Ân Xá, ai tu hành cũng dễ đắc quả vị, mà cũng chính thời kỳ này là thời kỳ hoàng kim, khoa học tiến bước vượt bậc. Những chủ thuyết hiện sinh đang tràn ngập thị trường sách báo, những vật chất xa hoa đua đòi thụ hưởng cũng dễ quyến rũ hấp dẫn. Vì vậy, cũng chính thời kỳ này là thời kỳ dễ sa đọa, làm tiêu tán bốn chơn linh, nguyên nhân khó trở lại.

Đa số môn đồ tín hữu đều có lòng mong vọng ngày Long Hoa Đại Hội, Phật Vương ra đời cầm quyền thưởng phạt. Ý niệm đó cũng tốt, nhưng muốn được Phật Vương ban thưởng, ngay từ bây giờ, hãy làm những phương tiện, phương pháp hành đạo mà Bản đạo vừa dạy khuyên. Có làm đúng được, ví như làm bài trúng, sẽ thi đậu trong kỳ chung cuộc của Đại Hội Long Hoa.

Còn điều quan trọng nữa sau đây: Tất cả những môn đồ tín hữu, hoặc con chiên của Trời, của Phật, của Chúa, vv... hãy vì lòng Đạo mà thương yêu đoàn kết, quây quần với nhau thành một khối vĩ đại để kết tụ khối tinh thần đạo đức vĩ đại, thường xuyên liên giao thân hữu, thăm

viếng để trao đổi học hỏi đạo lý thuần chơn. Hễ đạo đức thẳng thì Ma Vương Tà mị thối. Ngược lại, nếu đạo đức còn chia rẽ là đạo đức thối, ắt Ma Vương Tà mị thẳng.

Nhớ đạo đức nơi đây có nghĩa là thuần túy tôn giáo. Có thuần túy tôn giáo mới thuận lòng Trời, hạp lòng người, mới mong thế gian được đạo đức bảo tồn trong kỳ Hạ nguơn Mặt kiếp này. THẮNG.”

Trong những ngày Đại lễ Khai Đạo Cao Đài tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén (Tây Ninh), có trưng bày đôi liên do Đức Chí Tôn ban cho:

**Di-Lạc thất bá thiên niên quảng khai Đại Đạo,  
Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập Thiên môn.**

Nghĩa là:

Đức Phật Di-Lạc, 700.000 năm, rộng mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Đức Phật Thích Ca, 25 thế kỷ (2.500 năm), chấm dứt việc lập nền Phật giáo.

### **ĐỨC PHẬT THÍCH CA (GIÁO CHỦ PHẬT GIÁO)**

Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, gọi tắt là Đức Phật Thích Ca, thế danh Sĩ-Đạt-Ta (Siddattha) có nghĩa là người được toại nguyện, họ Cổ-Đàm (Gotama), sau đổi họ lại là Thích Ca (Sakya).

Ngài được sanh ra vào ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, năm 623 trước Chúa Giáng sinh, tại vườn Lâm-Tỳ-Ni (Lumbini), ở thủ đô Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavatthu) của một nước nhỏ thuộc miền Bắc Ấn Độ, gần biên giới xứ Népal ngày nay. (Về sau này, Đại Hội Phật giáo Thế giới đổi ngày

giáng sanh của Đức Phật là ngày trăng tròn 15-4-âm lịch, và bên Phật giáo làm Đại lễ Phật đản vào ngày 15-4-âm này.)

Ngài là vị Hoàng tử con của vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và Hoàng Hậu Ma-Da (Maha Maya).

Sau khi hạ sanh Hoàng tử được 7 ngày, Hoàng Hậu Ma-Da từ trần, trở về Cung Tiên. Em Bà là Maha Pajapati cũng kết duyên với vua Tịnh Phạn, thay thế người chị ruột, nuôi dưỡng Hoàng tử Sĩ-Đạt-Ta khôn lớn.

Hoàng tử Sĩ-Đạt-Ta lớn lên, hưởng được sự giáo dục hoàn hảo của bậc vua chúa, để sau này lên nối ngôi vua cha trị vì đất nước. Thái tử lại là người thông minh xuất chúng, nên Ngài trở thành một người văn võ toàn tài.

Khi lên 16 tuổi, theo phong tục thời bấy giờ, Thái tử kết duyên cùng Công chúa Da-Du-Đà-La (Yasodhara), một người em cô cậu cùng tuổi với Ngài.

Trong suốt 13 năm chung sống sau hôn lễ, Thái tử hoàn toàn sống cuộc đời vương giả, không hay biết chi các nỗi thống khổ của dân chúng ở bên ngoài cửa cung điện.

Một ngày đẹp Trời, Thái tử cùng quan hầu cận đi du ngoạn bên ngoài Hoàng cung để ngắm xem thế giới bên ngoài và có thể tiếp xúc với dân chúng.

– Ngài chứng kiến được những nỗi vất vả khổ cực của kiếp sống con người phải lo làm lụng tìm phương sanh sống. Chúng sanh cũng vì sự sống mà tranh giành giết hại lẫn nhau.

– Một ngày khác, Thái tử còn chứng kiến được các cảnh khổ như: Già yếu, ốm đau, chết chóc biệt ly.

Vậy thì đời sống của con người có chi là sung sướng?

Ngài nghĩ rằng chỉ riêng phần Ngài là một Thái tử,

sắp sửa lên ngôi vua trị vì Thiên hạ thì nghèo đói, Ngài không cần lo, nhưng còn già yếu, ốm đau, rồi chết thì không ai tránh khỏi được. Ngài âm thầm lập chí tìm phương giải khổ cho nhơn sanh.

Tình cờ, Ngài gặp được một tu sĩ ngoài cửa Hoàng thành, với dáng điệu rất ung dung, mặt mày thư thái vô tư. Ngài đến gần vị tu sĩ ấy để hỏi chuyện, được biết vị tu sĩ ấy xuất gia đi tu học đạo, quyết trừ hết ác căn, lấy lòng từ bi kềm chế dục vọng, hộ niệm cho chúng sanh không nhiễm theo thế tục, để trước là giải thoát cho chính mình, sau là giải thoát cho chúng sanh.

Nghे vậy, Thái tử Sĩ-Đạt-Ta rất hoan hỷ và nhưt quyết sẽ làm như vị tu sĩ ấy. Vua Tịnh Phạn thấy Thái tử có ý muốn đi tu thì nhà vua không bằng lòng, tìm đủ mọi cách để ngăn cản Thái tử.

Giữa lúc ấy thì Công chúa Gia-Du-Đà-La, vợ của Thái tử vừa sanh được một hoàng nam. Thái tử không cảm thấy vui mừng trước việc này, mà lại than rằng: “Lại thêm một sợi dây trói buộc.”

Do đó, vua Tịnh Phạn đặt tên cho cháu nội là: Ra-Hầu-La (Rahula, tiếng Phạn có nghĩa là Trở ngại).

Ngày mùng 7 tháng 2, năm Thái tử được 29 tuổi, trong lúc vợ con và quan binh trong Hoàng thành ngủ mê sau một buổi tiệc tùng ca xướng tưng bừng, Thái tử gọi quan hầu cận là Xa-Nặc (Chana) thẳng ngựa Kiên trắc (Kanthaka) để Thái tử trốn khỏi Hoàng cung, đi vào rừng núi thanh vắng, tìm thầy học đạo tu hành.

Nhờ ngựa Kiên trắc chạy rất mau, nên đêm đó, nó đưa Thái tử vượt Hoàng cung, đến một nơi cách kinh đô



rất xa. Thái tử tự mình cắt tóc, gỡ gươm trao cho Xa-Nặc, bảo đem về trình với phụ vương, rồi đưa ngựa Kiên trắc cho Xa-Nặc cỡi trở về triều.

Thái tử cởi áo Thái tử đổi lấy áo thâm của một người thợ săn, rồi đi vào núi tu hành.

Vua Tịnh Phạn sai các quan Đại Thần đi tìm Thái tử, khuyên nhủ Thái tử trở về triều, nhưng không thể lay chuyển được ý chí kiên quyết của Thái tử.

Thái tử tìm đến một Đạo sĩ lỗi lạc, tên là Alarama Kalama để xin thọ giáo. Ngài học hết giáo pháp của Alarama, nhưng cảm thấy chưa toại nguyện. Ngài xin từ giả và tìm đến một Đạo sĩ trứ danh khác là Uddaka Ramaputta để xin học Đạo. Ngài cũng học hết giáo pháp của Uddaka, nhưng vẫn chưa thấy được mục tiêu cứu cánh.

Ngài nhận thấy rằng không ai có thể dẫn dắt Ngài đến thành tựu vì những vị mà Ngài đã học vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa thoát khỏi vô minh.

Từ đó Thái tử không tìm thầy học đạo nữa, mà tự mình đến chỗ thanh vắng để tự suy nghĩ tìm tòi chơn lý.

Ngài gặp được nhóm 5 tu sĩ mà Ông Kiều Trần Như đứng đầu theo ủng hộ Ngài để Ngài thực hành một lối tu vô cùng khổ hạnh. Sau 6 năm tu khổ hạnh như thế, thân mình của Ngài chỉ còn da bọc xương, hơi thở yếu ớt, gần như cái chết sắp đến với Ngài, mà Ngài vẫn chưa đạt được cứu cánh.

Bỗng nhiên có một Ông tiều đến gần chỗ Ngài đang thiền định, mang theo một cây đàn, lên dây đàn, đàn một khúc rất hay, đến lúc hay nhất thì dây đàn bỗng đứt, tiếng đàn im bật. Ông tiều nối lại dây đàn, lên dây cho đúng, rồi

lại đàn, đàn đến khúc hay nhất thì dây đàn lại đứt. Đứt rồi lại nối, nối rồi lên dây trở lại và đàn. Làm 3 hiệp như vậy.

Thái tử đang trì định phải bực bội tình hồn than rằng:

– Ông đàn thì hay mà lên dây chi cho cao quá, đến khúc hay thì dây đứt, cái hay ấy phải hết mùi, rất đáng tiếc.

Ông tiều liền đáp rằng:

– Cái đàn của tôi cũng như cái tu của Ngài. Dây đàn tôi lên cao quá, nên đến chỗ hay thì đứt thì cái hay của tiếng đàn chẳng hữu ích chút nào; còn cái tu của Ngài, nếu cái cao siêu huyền bí đạt được cơ bất diệt đi nữa thì nó cũng phải chết theo Ngài, còn chi hữu ích cho đời. Tôi cũng lấy làm tiếc vậy.

Lão tiều nói xong, liền xách đàn đi mất. (Trong Kinh cho rằng Ông tiều ấy là một vị Phật hóa thân đến cảnh tỉnh Thái tử).

Thái tử suy nghĩ mãi lời nói của Ông tiều, liền tỉnh giác, biết mình lầm theo lối tu khổ hạnh, làm suy giảm trí thức và mệt mỏi tinh thần.

Ngài liền dứt khoát từ bỏ lối tu khổ hạnh, cũng như 6 năm trước đây, Ngài đã dứt khoát từ bỏ đời sống lợi dưỡng.

Ngài lại nhớ đến ngày lễ Hạ điền của vua cha trước kia, trong lúc mọi người đang lo làm lễ thì Ngài đến dưới bóng mát của cây trâm, ngồi thiền định và đắc được Sơ Thiên. Ngài nhớ lại và thấy rõ rằng, đó chính mới là con đường dẫn đến giác ngộ. Đó là con đường tu, không sống theo lợi dưỡng, mà cũng không quá khắc khổ, gọi là Trung đạo.

Ngài nhứt định từ bỏ lối tu khổ hạnh. Ngài mệt nhọc lần bước đến bờ sông Ni-Liên-Thiên, xuống tắm rửa sạch sẽ, rồi đi lên, và kiệt sức ngã vào một cội cây bất tỉnh.

May mắn lúc đó có một thiện nữ bưng một bát sữa bột tìm đến cúng dường, thấy một Ông đạo đang nằm thoi thóp tại gốc cây, nàng liền đỡ dậy, rồi dâng bát sữa. Thái tử thọ lãnh, uống hết, rồi Ngài định tỉnh trở lại, thấy sức khỏe dần dần được phục hồi, tinh thần bắt đầu sáng khoái.

Ngài cảm ơn nàng thiện nữ (nàng tên là Suyata), rồi Ngài tìm đến một gốc cây Bồ đề to lớn, cành lá sum sê, trái cỏ làm nệm, ngồi tham thiền, phát đại thệ rằng: *“Nếu không thành đạo thì nhứt định không rời khỏi chỗ ngồi này”*.

Trải qua 49 ngày đêm thiền định, Ngài liền ngộ đạo, biết được nguyên nhân sanh tử của con người, tìm được con đường giải thoát chúng sanh thoát vòng luân hồi khổ não. Ngài đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó, Thái tử được 35 tuổi, lấy hiệu là: Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa quyết định truyền bá giáo pháp của Ngài, vì Ngài nghĩ rằng: Như Lai đã khó khăn lắm mới chứng ngộ được giáo pháp ấy. Người đời còn mang nặng tham ái sân hận, không thể hiểu được, vì giáo pháp ấy đi ngược dòng tham ái, giáo pháp rất thâm diệu, khó mà nhận thức được.

Đấng Thượng Đế lo ngại Đức Phật Thích Ca không chịu đem giáo pháp của Ngài truyền dạy cho nhơn sanh, nên truyền lệnh cho vị Phạm Thiên Vương đến yêu cầu Phật truyền bá giáo pháp cứu độ chúng sanh.

Đức Phật Thích Ca nhận lời và tuyên bố: *“Cửa vô*

*sanh bất diệt đã mở cho chúng sanh. Hãy để ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng.”*

Trong lúc đó thì nhóm Ông Kiều Trần Như 5 người thấy Thái tử bỏ lối tu khổ hạnh ép xác, ăn uống trở lại, cho là Thái tử trở về lối sống lợi dưỡng, thì 5 vị ấy thất vọng, từ bỏ Thái tử, không ủng hộ Ngài nữa, và họ đi đến vườn Lộc giả.

Đức Phật Thích Ca thâm nghĩ, cũng tội nghiệp cho 5 Ông này, vì đã theo ủng hộ Phật trong một thời gian dài, gần 6 năm. Nay Ngài đã đắc đạo Vô thượng Bồ đề, Ngài cũng nên đến độ 5 Ông này trước tiên.

Đức Phật vận thần thông để tìm xem nhóm 5 Ông này đang ở đâu, thì biết 5 Ông đang ở vườn Lộc giả xứ Bénarès.

Đức Phật liền đi đến đó. Nhóm 5 Ông định không đánh lễ Ngài vì cho rằng Ngài đã qui phạm, nhưng khi Đức Phật đến gần, với vẻ oai nghi đầy từ bi, khiến 5 Đạo sĩ đổi thái độ, ra đánh lễ Đức Phật.

Đức Phật Thích Ca thuyết cho 5 Ông nghe Giáo pháp Tứ Diệu Đế. Đây là bài pháp đầu tiên mà Đức Phật thuyết cho 5 vị được nghe, cả 5 vị liền giác ngộ, đắc quả A-La-Hán, trở thành 5 đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Nhóm 5 vị này có tên lần lượt là: *Kiều Trần Như, A-Xá-Bà-Thệ, Ma-Ha-Bạt-Đế, Ma-Ha-Câu-Lợi, Thập-Lực-Ca-Điếp*.

Đây là lần đầu tiên, Đức Phật chuyển diệu pháp luân, nói pháp Tứ Diệu Đế, giáo pháp căn bản của Phật giáo.

Bắt đầu từ đây có đủ Tam Bảo Phật giáo: Đức Phật Thích Ca là **Phật Bảo**, giáo pháp Tứ diệu Đế là **Pháp Bảo**, 5 vị Tỳ Kheo đệ tử đầu tiên của Phật là **Tăng Bảo**. Ấy là

ngôi Tam Bảo đầu tiên của thế gian.

Đức Phật Thích Ca cùng 5 vị Tỳ Kheo đi khắp nơi thuyết pháp, độ được hàng vạn đệ tử xuất gia, đủ các hạng người trong tất cả giai cấp ở Ấn Độ, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, quan dân, hay vua chúa.

Những sự kiện quan trọng trong công cuộc hoằng hóa của Đức Phật là:

– Độ được 3 anh em Ca-Diếp-Ba đang tu theo đạo thờ Thần lửa. Ba Ông này có 1000 đệ tử, cùng quy y theo Phật.

– Độ được 2 Ông Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiều-Liên, nguyên là 2 học giả của phái Lục sư ngoại đạo.

– Độ được Quốc vương Tần-Bà-Sa-La của nước Ma-Kiệt-Đà. Quốc vương đã kính tin Phật pháp, lại khuyến khích dân chúng quy y Phật pháp. Nhà vua cho xây dựng Tịnh Xá rộng rãi trong nội thành để thỉnh Phật và chư tăng thuyết pháp thường xuyên.

– Độ được vị Phú Trưởng giả Cấp-Cô-Độc. Ông này kiến lập một tòa Tịnh Xá cao rộng tôn nghiêm, gọi là Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc Viên, để Đức Phật và chư Tăng giảng đạo.

– Độ được Phụ vương của Phật là vua Tịnh Phạn và quyến thuộc của Đức Phật.

Đức Phật Thích Ca chọn ra được 10 vị đại đệ tử xuất sắc nhất của Phật giáo, kể tên ra sau đây:

1. Xá Lợi Phất
2. Mục Kiêu Liên
3. Đại Ca Diếp
4. A Nan

5. A Na Luật
6. Phú Lô Na
7. Tu Bồ Đề
8. Ưu Ba Ly
9. Ca Chiên Chiên
10. La Hâu La.

Đức Phật lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni:

Sau khi vua Tịnh Phạn qua đời, Hoàng Hậu Maha Pajapati (là mẹ nuôi, mà cũng là dì ruột của Đức Phật) cầu xin Đức Phật cho hàng phụ nữ được xuất gia tu hành.

Đức Phật liền từ chối ngay mà không cho biết lý do.

Bà Maha Pajapati đã 3 lần khẩn cầu như thế, nhưng Đức Phật đều từ chối.

Ông Ananda, cũng 3 lần dùng hết cách để cầu xin Đức Phật cho phụ nữ xuất gia, nhứt là đối với Bà mẹ nuôi của Đức Phật, nhưng Đức Phật vẫn cương quyết từ chối. Đến lần thứ 4, Đức Phật mới chấp thuận.

Lý do từ chối của Đức Phật là:

*“Trong Luật Tạng có ghi mấy lời của Đức Phật như vậy: Nên Chánh pháp của Ta, đáng lẽ trụ thế 1000 năm hoặc lâu hơn nữa, nhưng trót vì Ta đã cho hàng phụ nữ xuất gia, nên nên Chánh pháp bị giảm bớt, chỉ trụ thế 500 năm mà thôi.”* (Trích trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, trang 376, quyển 1: Chánh Pháp).

Theo đó thì chúng ta thấy rằng, nếu chấp thuận cho hàng phụ nữ xuất gia học Phật tu hành, lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni thì Chánh pháp của Phật sớm bị sửa cải, chỉ kéo dài được 500 năm mà thôi, thay vì được 1000 năm nếu không thân nhận phụ nữ xuất gia.

Nhưng trước sự quyết tâm chân thành của Bà mẹ nuôi, với lòng từ bi bác ái của Phật, Đức Phật không nỡ bỏ Nữ phái mà không lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, mặc dầu biết rằng việc này làm cho thời kỳ Chánh pháp của Phật giảm đi một nửa, chỉ kéo dài 500 năm.

*“Khi Đức Phật cho thành lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, Ngài đã tiên đoán những hậu quả và lưu ý:*

*Này Ananda, nếu Nữ giới không được chấp thuận thoát ly thế tục để khép mình vào nếp sống không nhà của trong khuôn khổ của Giáo pháp và Giới luật mà Như Lai đã công bố thì đời sống xuất gia và Giáo pháp cao siêu sẽ tồn tại lâu dài. Nhưng Nữ giới đã được phép sống đời không nhà của thì đời sống xuất gia và Giáo pháp cao siêu chỉ tồn tại phân nửa thời gian.*” (Trích Đức Phật và Phật Pháp, của Đại Đức Narada, trang 152).

Sau khi Đức Phật lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, Bà Maha Pajapati tu đắc quả A-La-Hán, được liệt vào hàng cao hạ có nhiều kinh nghiệm nhất, không thua bên Nam phái.

Công Chúa Da-Du-Đà-La (vợ của Thái tử Sĩ-Đạt-Ta) cũng xuất gia tu hành, đắc quả A-La-Hán. Trong hàng Tỳ Kheo, Bà Da-Du-Đà-La đứng đầu những vị đắc Đại Thân Thông, và Bà nhập diệt lúc 78 tuổi.

Đức Phật đi khắp nơi trong miền Bắc Ấn Độ thuyết pháp được 45 năm mới nhập Niết Bàn, hưởng thọ 80 tuổi.

Trong Hội Linh Sơn trước đây, Đức Phật chọn Ma-Ha Ca-Diếp tức là Đại Ca-Diếp làm người kế vị cho Ngài điều khiển Giáo Hội. Hôm đó, Đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên cao và im lặng. Cả hội chúng đều ngơ ngác không hiểu, chỉ có Ma-Ha Ca-Diếp đắc ý mỉm cười (gọi

là Đức Phật niêm hoa, Ca-Diếp vi tiếu).

Đức Phật bảo Ma-Ha Ca-Diếp: “Ta có Chánh Pháp Nhân Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, Pháp môn mẫu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay Ta giao phó cho người. Người khéo gìn giữ Chánh pháp này, truyền mãi đừng cho dứt, đến sau truyền lại cho A-Nan.”

Rồi Đức Phật nói kệ:

*Pháp bốn pháp vô pháp,  
Pháp vô pháp diệt pháp,  
Kim phó vô pháp thời,  
Pháp pháp hà tăng pháp*

Nghĩa là:

Pháp gốc pháp không pháp,  
Pháp không pháp cũng pháp,  
Nay khi trao không pháp,  
Mỗi pháp đâu từng pháp.

Khi nghe tin Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài Ma-Ha Ca-Diếp từ núi Kỳ-Xà-Quật liền đến thành Câu-Thi-Na làm lễ hỏa táng thi hài Đức Phật, lấy Xá lợi của Phật chia làm 8 phần phân phát cho 8 nơi, kiến tạo đài tháp phụng thờ:

1. Câu-Thi-Na
2. Pa-Bà
3. Giá-La
4. La-Ma-Già
5. Ca-Tỳ-La-Vệ
6. Tỳ-Lưu-Đề
7. Tỳ-Xá-Ly
8. Ma-Kiệt-Đà.

**Đức Phật Thích Ca trong Đạo Cao Đài:**

Đức Phật Thích Ca là Giáo chủ Phật giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Đạo Phật từ đó truyền đến nay được hơn 2500 năm.

Ngày nay thuộc Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mở Đạo Cao Đài. Lúc ban sơ, Đức Phật Thích Ca có giảng cơ dạy đạo như sau:

Ngày 8 tháng 4 năm Bính Dần (1926).

**THÍCH CA MÂU NI PHẬT**

*Chuyển Phật Đạo,  
Chuyển Phật Pháp,  
Chuyển Phật Tăng,  
Qui nguyên Đại Đạo.*

*Tri hồ chư chúng sanh?*

*Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ: Chư Thân, Thánh, Tiên, Phật, đại hỷ phát đại tiểu!*

*Ngã vô lự Tam đồ chi khổ. Khả tùng giáo Ngọc Đế viết Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.* "(TNHT. I. 14)

Bài giảng cơ bằng chữ Nho trên của Đức Phật Thích Ca, diễn Nôm ra sau đây: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chuyển Phật đạo, Phật pháp, Phật tăng, qui nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chư chúng sanh có biết chăng?

Vui mừng! Vui mừng! Được hội vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Chư Thân Thánh Tiên Phật quá mừng nên phát ra tiếng cười lớn.

Ta không còn lo lắng về 3 đường luân hồi khổ sở. Khả tùng theo lời dạy bảo của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, gọi là Đấng Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đức Phật Thích Ca có giảng cơ ban cho 2 Bài kinh rất quan trọng là: Kinh Đại Tường và Di-Lạc Chơn Kinh.

Hai Bài kinh này cho chúng ta biết, Đức Phật Thích Ca đã giao quyền giáo hóa lại cho Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Phật Thích Ca vào ngự nơi Kim Sa Đại điện trong Lôi Âm Tự, và Đức Phật Di-Lạc ngự tại Kim Tự Tháp ở Kinh đô Cực Lạc Thế Giới nơi cõi thiên liêng.

Còn Đức Phật A-Di-Đà, trước đây là Giáo chủ CLTG, nay cũng giao quyền lại cho Đức Phật Di-Lạc, và Ngài cũng vào ngự nơi Lôi Âm Tự. (*Vào Lôi Âm kiến A-Di*).

Hằng năm, vào ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, tại Tòa Thánh Tây Ninh cũng như tại các Thánh Thất địa phương, đều có thiết Đại Lễ cúng Vía Đức Phật Thích Ca, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại tiểu sử và công đức của Ngài.

**ĐỨC LÃO TỬ  
(GIÁO CHỦ TIÊN GIÁO)**

Đức Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng Đạo Tổ giảng trần vào thời nhà Thương bên Tàu.

Đức Thái Thượng Đạo Tổ, còn gọi là Đức Thái Thượng Đạo Quân, là Đấng do khí Tiên Thiên hóa sanh thưở chưa tạo Thiên lập Địa.

*Tiên Thiên Khí hóa,  
Thái Thượng Đạo Quân.  
(Kinh Tiên giáo)*

Đức Thái Thượng Đạo Tổ là Ông Thủy Tổ của Đạo



Tiên. Ngài có pháp lực vô biên, biến hóa vô cùng, khi hiện xuống cõi trần để độ những người có duyên phần, khi trở về cõi Thượng Thiên.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, Đức Thái Thượng hiện xuống cõi trần rất nhiều lần, kể ra sau đây:

- Vào thời Thái cổ nước Tàu:
  - Đời Thiên Hoàng Thị, Ngài là Bàn Cổ.
  - Đời Địa Hoàng Thị, Ngài là Vạn Pháp Thiên Sư.
  - Đời Nhơn Hoàng Thị, Ngài là Đại Thanh Tử.
- Vào thời Thượng cổ, cũng ở nước Tàu:
  - Đời vua Phục Hy, Ngài là Huất Hoa Tử.
  - Đời vua Thần Nông, Ngài là Xích Tùng Tử.
  - Đời vua Huỳnh Đế, Ngài là Quảng Thành Tử.
  - Đời vua Thiệu Hạo, Ngài là Tùy Ứng Tử.
  - Đời vua Chuyên Húc, Ngài là Xích Tinh Tử.
  - Đời vua Nghiêu, Ngài là Vụ Thành Tử.
  - Đời vua Thuấn, Ngài là Y Thọ Tử.
  - Đời vua Hạ Võ, Ngài là Chân Hành Tử.
  - Đời vua Thành Thang, Ngài là Tích Tắc Tử.

Đến đời vua Võ Đinh nhà Thương (1324 trước Tây lịch), Đức Thái Thượng Đạo Tổ mới giáng sanh xuống trần là Lão Tử. Việc giáng sanh của Ngài rất huyền diệu phi thường.

Theo truyền thuyết kể lại, vào đời vua Bàn Canh nhà Thương (1461 trước Tây lịch), có một nàng con gái gọi là Ngọc Nữ vừa được 8 tuổi, con của một gia đình đạo đức, ra chơi sau vườn, thấy trên cây lý có một trái chín thật ngon,

cô liền hái ăn. Ăn xong, cô cảm thấy mỏi mệt và có thai.

Cha của Ngọc Nữ thấy sự lạ kỳ, liền toán quẻ Âm Dương, đoán biết có một vị Đại Tiên giáng trần trong bụng con gái của mình, nên mừng rỡ và nuôi con gái rất kỹ.

Nàng Ngọc Nữ chịu mang thai như vậy mãi cho đến già mà không đẻ. Đến năm Ngọc Nữ 80 tuổi, tức là đã mang thai ngót 72 năm, lúc đó đã qua 3 đời vua nhà Thương là: Vua Bàn Canh, vua Tiểu Tân, vua Tiểu Ất, và bắt đầu đời vua Võ Đinh (1324 trước Tây lịch), Bà Ngọc Nữ thấy trăng tỏ, bèn đi dạo chơi nơi vườn. Khi đi ngang cội cây lý ngày xưa thì đứa con từ trong bụng theo nách mẹ nhảy ra ngoài. Bà Ngọc Nữ giựt mình kinh hãi, coi lại nách mình liền lại như thường. Đứa con nhảy ra, đã ở trong bụng mẹ 72 năm nên đầu tóc bạc trắng, nên mới gọi là Lão Tử (Con già). Lúc đó là giờ Sửu ngày 15 tháng 2 âm lịch năm Canh Thìn.

Lão Tử chỉ cây Lý bảo rằng đó là họ của Ngài. Ngài xưng hiệu là Lão Đam, tự là Bá Dương, lại mỗi bên tai có 3 lỗ nên còn gọi Ngài là Lý Nhĩ.

Ngài có miệng rộng, răng thưa, thiên đình cao, râu tốt, mắt vẫn, tai dài, sóng mũi cao lớn như chẻ hai, trên trán có đường nhăn như 3 chữ Tam Thiên.

Cội cây Lý, nơi giáng sanh của Đức Lão Tử, ở tại xóm Khúc Nhơn, làng Lại, huyện Khổ, nước Sở, ngày nay thuộc tỉnh An Huy, tỉnh Hồ Nam.

Do đó, trong Kinh Tiên giáo có câu:

*Nhị ngoạt thập ngũ,  
Phân tánh giáng sanh.*

Nghĩa là: Ngày 15 tháng 2,

Chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần.

Đức Lão Tử có giáng cơ cho biết năm giáng sanh của Ngài trong 4 câu thơ sau đây:

*LÝ đào mầm tuộc tượng long lân,  
LÃO luyện đờn thành nhị xác thân.  
TỬ phủ ngôi tu lo nấu thuốc,  
GIÁNG sanh Thương đợi Vô Đỉnh quân.*

Khoán thủ 4 chữ: Lý Lão Tử giáng, và câu thơ chót có nghĩa là: Giáng sanh vào thời nhà Thương, đợi đến vua Vô Đỉnh mới chào đời.

Hết thời nhà Thương, qua đến thời nhà Châu, đời vua Thành Vương (1115 trước Tây lịch), Lão Tử có ra làm quan Trụ Hạ Sử tại Tàng Thư Viện nhà Châu để có cơ hội nghiên cứu Thái Cực Đồ. Ngài độ được Từ Giáp là người giữ Tàng Thư Viện, và sau đó, hai thầy trò từ chức để đi dạo các nước Thiên Trúc và Tây phương. Đến đời vua Châu Khương Vương, nối tiếp vua Thành Vương, Lão Tử trở về, đặng 3 năm thì Ngài lại đi giáo đạo miền Tây vức. Ngài ngồi xe trắng trâu xanh do Từ Giáp đánh xe, khi đến ải Hàm Cốc, quan Doãn giữ ải tên là Hỷ (nên thường gọi là Doãn Hỷ) coi Thiên văn biết có một vị Đại Thánh sắp đi qua ải, nên chuẩn bị mặc triều phục nghinh tiếp. Khi thấy Đức Lão Tử tới, biết Ngài là Thánh nhân nên tôn Lão Tử làm thầy, xin theo học đạo.

Nguyên Ông quan Doãn Hỷ này là chơn linh của Ngươn Thủy Thiên Tôn giáng trần. Khi Bà mẹ có nghén Ông thì chiêm bao thấy một đoạn lụa đỏ từ Trời sa xuống vắn quanh mình, sau sanh ra Doãn Hỷ thì thấy sen mọc quanh nhà trở bông. Ngài lớn lên, con mắt sáng như sao, râu dài, tướng tốt, có tài xem Thiên văn. Khi làm quan

Doãn giữ ải Hàm Cốc, Doãn Hỷ nhìn lên bầu Trời thấy một vầng mây tím bay ngang từ hướng Đông qua hướng Tây, Ngài biết đó là điềm có Thánh nhân sắp đi qua ải về hướng Tây, nên chuẩn bị chu đáo để nghinh tiếp.

Do đó, trong Kinh Tiên giáo có câu:

*Từ khí đông lai,  
Quảng truyền Đạo đức.*

Nghĩa là: Vầng khí mây màu tím từ hướng Đông bay tới,

Rộng truyền Kinh Đạo Đức.

Nhắc lại, khi Lão Tử đến ải Hàm Cốc, thấy Doãn Hỷ có lòng thành nên bằng lòng ở lại ải ngót 3 tháng để dạy đạo cho Doãn Hỷ.

Khi thấy Đức Lão Tử chuẩn bị ra đi thì Doãn Hỷ bạch thầy xin cho biết danh tánh và tình nguyện đi theo thầy.

Đức Lão Tử đáp:

– Ta sanh ra đã nhiều đời, tên họ có biết bao nhiêu mà kể. Hiện thời, người đời gọi Ta là Lão Tử. Người có lòng muốn theo Ta, song người mới tu luyện còn non, chưa từng biến hóa thần thông, thì theo Ta sao đặng. Người cứ tu hành theo phép đã dạy cho lâu thì sau này cũng được như Ta, đi đâu cũng đặng.

Nói rồi, Đức Lão Tử truyền cho Doãn Hỷ quyển sách Đạo Đức Kinh gồm 5363 chữ, dặn rằng:

– Người cứ theo sách này mà học, tu đúng phép 1000 ngày, rồi đi qua nước Thục, tìm Ta tại chợ Thanh Dương.

Nói xong, Đức Lão Tử lên xe trắng trâu xanh, Từ Giáp đánh xe, hiện hào quang đi về hướng Tây mất dạng.

Doãn Hỷ ngó theo thầy, lạy tạ.

Sau đó, Doãn Hỷ cứ học theo Đạo Đức Kinh mà tu, lâu ngày trở nên thông huệ, tự viết ra được một cuốn sách gồm 36 bài gọi là Kinh Tây Thăng.

Gần đến kỳ ước hẹn với thầy, Doãn Hỷ sửa soạn đi qua nước Thục để tìm thầy y như lời thầy đã dặn. Khi đến nước Thục, Doãn Hỷ hỏi thăm chợ Thanh Dương ở đâu thì không một ai biết cả.

Lúc ấy, Đức Lão Tử đã trở lại Thiên Cung, rồi lại xuống trần đầu kiếp vào nhà họ Lý ở nước Thục, là nhà đạo đức hiền lương. Khi vợ họ Lý sanh được bé trai ít tháng thì có một con dê xanh (Thanh dương) đến chơi giỡn với bé. Đó là Đức Lão Tử dặn con Thanh dương ở Thiên cung hiện xuống.

Ngày kia con dê xanh chạy đầu mất, cậu bé khóc hoài. Họ Lý phải sai đầy tớ đi khắp nơi tìm kiếm, bắt gặp dê xanh dẫn về, đi ngang qua một cái chợ.

Doãn Hỷ đang lúc hỏi thăm để tìm chợ Thanh dương, bỗng thấy có người dắt con dê xanh đi qua chợ, liền chợt nghĩ rằng chắc thầy mình đang ở chỗ này. Nghĩ vậy, Doãn Hỷ liền chạy theo người dắt dê xanh hỏi:

– Chú dắt con dê này đi đâu vậy?

Người ấy đáp:

– Chủ tôi có sanh một cậu trai, cách ít tháng có con dê này tới chơi với cậu nhỏ. Bữa kia nó đi mất, cậu nhỏ cứ khóc hoài. Chủ tôi sai tôi đi tìm kiếm mà dắt về.

Doãn Hỷ đi theo người đầy tớ ấy đến nhà thì bảo người đầy tớ:

– Chú vào thưa với cậu nhỏ là có Doãn Hỷ đến tìm.

Anh đầy tớ cười thâm: Cậu nhỏ chưa giáp thôi nôi, biết chi mà thưa với gởi, nhưng anh ta cũng vào nói:

– Có Doãn Hỷ đến tìm cậu.

Cậu bé nghe nói thế liền ngồi dậy đáp:

– Doãn Hỷ y lời, không đến trễ.

Kể đó Doãn Hỷ bước vào. Bỗng thấy cậu bé vùng lớn lên như người thường, ngồi trên tòa sen, hào quang sáng lòa. Cả nhà đều kinh hãi. Người ấy nói:

– Ta là Lão Tử đầu thai một lần nữa.

Doãn Hỷ mừng rỡ, đến lạy thầy. Lão Tử nói:

– Khi trước, Ta chẳng dắt người theo vì sợ người tu không bền chí. Nay người đã tu luyện kỹ lưỡng, hào quang ẩn ẩn muốn lòa.

Nói rồi, Đức Lão Tử niệm chú, truyền cho Thần Tiên xuống hầu, phong Doãn Hỷ phục chức Nguơn Thủy Chương giáo, cai trị 8 vạn Thần Tiên, lại truyền phép cho cả nhà họ Lý tu thành Tiên hết thảy.

Về sau, đến đời vua Châu Kinh Vương, Đức Khổng Tử qua kinh đô nhà Châu học Lễ, nghe nói có Đức Lão Tử tại đó, liền đến xin ra mắt và hỏi Đức Lão Tử về Lễ. (Chuyện gặp gỡ này có chép trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên).

Đức Khổng Tử chủ trương theo các nghi lễ của các vua đời trước, nhưng Đức Lão Tử bác bỏ ý kiến đó, nói rằng:

– Những người mà Ông nói đó đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ mà thôi. Và lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang, không gặp

thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn không. Tôi nghe nói: Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng; người quân tử có đức tốt thì diện mạo thường như ngu si. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hờ cùng cái khí tham lam đi, những thứ ấy đều không ích chi cho Ông. Tôi chỉ nói với Ông có thể thôi.

Đến khi Đức Khổng Tử cáo từ, Đức Lão Tử tiễn Đức Khổng Tử ra cửa và nói:

– Tôi nghe nói: Người giàu sang lấy tiên bạc để tiến nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiến nhau. Tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn Ông: Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn; kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy hiểm đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách nào để giữ mình, kẻ làm tôi cũng không có cách gì để giữ mình.

Ý của Đức Lão Tử, khi nói ra các lời trên với Đức Khổng Tử, là Ngài chống lại sự thông minh, sự Trung và sự Hiếu, là những nguyên lý mà Đức Khổng Tử đang chủ trương, bởi vì: Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo Trung và Hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào vua và vào cha mẹ, khó lòng được sống tự do tự tại, ung dung thơ thới.

Đức Khổng Tử ra về, nói với các học trò:

– Con chim, ta biết nó bay; con cá ta biết nó lội, con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay thì ta có thể dùng cung tên mà bắn, đến như con rồng cỡi mây cỡi gió lên Trời, ta không sao biết

được. Hôm nay, gặp được Lão Tử, Ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Kể từ đó về sau, Đức Lão Tử không đâu thai xuống trần nữa. Khi biết người nào có duyên phần thì Ngài dùng thần thông hiện xuống cõi trần để dạy đạo cho người ấy tu luyện, rồi Ngài trở lại Cung Tiên.

Đến đời nhà Tấn, Đức Lão Tử có hiện xuống xưng là Hà Thượng Công dạy An Kỳ học đạo.

Đến đời vua Hán Văn Đế, Đức Lão Tử hiện xuống trần, xưng là Quảng Thành Tử. Hán Văn Đế rất mộ đạo, sai sứ đến rước về triều. Quảng Thành Tử nói:

– Lẽ nào không đích thân tới rước mà lại sai sứ đến?

Sứ giả về tâu lại, Hán Văn Đế đến gặp Quảng Thành Tử, nhà vua nói:

– Ở trong nước là bề tôi của vua, Thầy tuy có đạo mặc dầu, song cũng là dân của Trẫm, sao không chịu sục lại một chút mà làm kiêu như vậy? Hay là Trẫm không làm được họa phước cho thầy chăng?

Quảng Thành Tử nghe vua nói như vậy, liền cất mình bay lên cao độ 100 thước, ngồi trên thình không, ngó xuống nói với vua Hán Văn Đế rằng:

– Nay, trên chẳng tới Trời, dưới chẳng tới Đất, Bệ hạ làm họa phước cho ta sao đặng.

Vua Hán Văn Đế biết lỗi, liền bước xuống xe làm lễ, xin thọ giáo. Quảng Thành Tử đưa cho nhà vua một cuốn kinh bảo cứ học theo đó mà tu luyện.

Qua đến đời vua Hán Thành Đế, Đức Lão Tử lại hiện xuống tại suối Khúc Dương, truyền đạo cho Vu Kiệt.

Đời vua Hán An Đế, Đức Lão Tử truyền Kinh Tội Phước Tân Khoa cho Lưu Tiên.

Đời vua Hán Trinh Đế, Đức Lão Tử hiện xuống truyền kinh Bắc Đẩu cho Trương thiên Sư.

Đời vua Hán Hoàn Đế, Đức Lão Tử hiện xuống núi Thiên Thai truyền kinh Bát Động cho Vạn Niên Tiên sinh.

Đời vua Hán Linh Đế, Đức Lão Tử hiện xuống truyền kinh cho Trương thiên Sư một lần nữa.

Qua đời nhà Đường, Đức Lão Tử hiện xuống tại núi Dương Giác, truyền đạo cho Đường Công.

Đời vua Đường Cao Tổ, có người ở Phổ Châu, tên là Thiện Hành, đi ngang qua núi Dương Giác, gặp một Ông già mặc áo trắng, gọi đến nói rằng:

– Người về tâm lại với Đường Thiên tử: Thái Thượng Lão Quân là Ông nội.

Đường Cao Tổ hay tin, liền lập miếu thờ tại núi Dương Giác, và tôn Đức Lão Tử là “Huyền Nguơn Hoàng Đế”.

Hồi thời nhà Châu, Đức Lão Tử có hiện xuống truyền đạo cho Ông Lý Ngưng Dương, tu hành đặc đạo thành Tiên, hiệu là Lý Thiết Quỳ (thường gọi là Lý Thiết Quả), đứng đầu Bát Tiên. (Xem sự tích Bát Tiên trong Phần thứ 6).

Đức Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng sanh xuống trần là Lão Tử, nên Ngài cũng được gọi là Thái Thượng Lão Quân.

Tóm lại, từ thời tạo dựng Trời Đất và có nhưn loại đến nay, không có thời nào mà Đức Thái Thượng Đạo Tổ không giáng trần để độ những người có căn lành tu

hành đặc đạo.

Ngài do Khí Tiên Thiên hóa sanh, nên Ngài có pháp thuật vô biên, biến hóa vô cùng, khi hiện xuống cõi trần, khi trở về cõi Thượng Thiên, khi đầu thai xuống trần mang xác phàm để dễ truyền đạo và giáo hóa nhưn sanh.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ không giáng sanh nữa, mà Ngài chỉ dùng huyền diệu cơ bút để giáng cơ dạy đạo. Ngài giao cho Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch thay mặt Ngài cầm quyền Tiên giáo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có một bài Thánh giáo rất hay của Ngài dạy Ông Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu, Đạo hiệu Mỹ Ngọc, xin trích ra vài đoạn:

*“Cơ Trời mầu nhiệm đối với Đời mà máy Thiên cơ đối với Đạo, lại còn huyền vi thậm trọng hơn nữa, có lẽ tâm phàm dẫu cao kiến đến đâu cũng chưa đạt thấu được. Những vai tuồng của Chí Tôn sắp đặt trên sân khấu Đạo, nếu so sánh lại chẳng khác chi những bậc nguyên nhân lãnh phận sự diu đời từ xưa đến nay mà thôi.*

*Muốn an tâm tĩnh trí và dề nén lửa lòng, cần phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung quảng đại, thì mới khỏi bực tức với những trò đã vì mạng lệnh thiêng liêng phó diễn nơi thâm hiểm nặng nề này. . . .*

*Cười. . . Trách nhiệm là trách nhiệm, muốn làm thì dẫu bao nhiêu cũng gọi là thiếu, dẫu ngày nào cũng gọi là chẳng sớm, sớm là sớm nơi cái tâm bất định mà thôi.*

*Chí Tôn đã vì nỗi con cái của Ngài mà sửa chỉnh bước đường, thì Hiền hữu lại há không vì sự yêu đương quý hóa ấy mà sửa đổi tâm trí cho quảng đại sao?*



*Tà Chánh, Cười. . . Bản đạo nói thiệt, cũng chưa dám định đoạt. Trong cái rủi thường có sự may, trong cái may vẫn kẹp kèm sự rủi, khó lường được. Điều cần là nên làm mà thôi.*

*Nếu luận Tà Chánh thì chưa một ai dám, còn mang xác phạm, xưng tụng mình là Chánh. Cái Tà, vì Thiên thơ xử dụng, Tà vì cơ thử thách của Tam Giáo Tò, Tà vì những quỷ xác ma hồn lẫn lộn của Quỷ vương để làm cho công phu lỡ dở. Mỗi cái Tà có duyên cơ ấy, ngày sau đều có sự biến đổi thiêng liêng, hoặc có một kết quả.*

*Ngày chung qui chỉ đem về Thấy một chữ TÂM và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng.”(TNHT. II. 94)*

### ĐỨC KHỔNG TỬ (GIÁO CHỦ NHO GIÁO)

Đức Khổng Tử tên là Khâu, tự là Trọng Ni, sanh ngày 27 tháng 8 âm lịch năm Canh Tuất (551 trước Tây lịch), đời vua Châu Linh Vương năm thứ 21 nhà Châu, tương ứng với đời vua Lỗ Tương Công năm thứ 22, tại làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nước Lỗ, bây giờ là Tỉnh Sơn Đông nước Trung Hoa.

Đức Khổng Tử là dòng dõi của Vi Tử Khải và Vi Tử Diễn, 2 người này là anh ruột của vua Trụ, con của vua Đế Ất nhà Thương (cũng còn gọi là nhà Ân).

Sau khi Châu Vô Vương diệt vua Trụ, mở ra nhà Châu, Ông Châu Công Đán cho Vi Tử Khải làm vua nước Tống, gọi là Tống Công, để trông nom việc tế tự các vua nhà Thương. Vi Tử Khải mất, em là Vi Tử Diễn lên thay.

Cháu 13 đời của Vi Tử Diễn là Thúc Lương Ngột, làm quan Đại phu nước Lỗ, là thân phụ của Đức Khổng Tử.

Ngài lấy họ Khổng, bởi vì Thúc Lương Ngột là dòng dõi của Khổng Phùng Thúc, biệt lập ra họ Khổng kể từ Khổng Phụ Gia, sau 5 đời Công Khanh thế tập ở nước Tống.

Thúc Lương Ngột có người vợ cả họ Thi, sanh được 9 người con gái, một người vợ lẽ sanh được một con trai nhưng bị què một chân, tên là mạnh Bì, tự là Bá Ni. Năm Thúc Lương Ngột 70 tuổi, sợ không có người kế tự, mới sai người đến nhà họ Nhan để cầu hôn. Họ Nhan có 5 người con gái đều chưa gả chồng, có ý chê Thúc Lương Ngột quá già, mới bảo với các con rằng:

– Các con có đứa nào thuận kết duyên với quan Đại phu ở Châu Ấp đó không?

Bốn người con gái lớn đều làm thính, người con gái út là Trưng Tị đứng dậy thưa rằng:

– Phép làm con gái, khi còn ở nhà thì theo lời cha, cha đặt đâu con xin ngồi đó.

Họ Nhan nghe con gái út nói thế thì lấy làm lạ, liền gả Trưng Tị cho Thúc Lương Ngột.

Trưng Tị đã kết duyên với Thúc Lương Ngột rồi, vợ chồng lo về sự hiếm hoi không có con trai nối dõi, nên cùng nhau vào núi Ni Sơn cầu tự. Khi Trưng Tị trèo lên núi Ni sơn, bao nhiêu lá cây đều rung động lên cả. Khi làm lễ cầu tự xong, đi trở xuống thì lá cây lại rủ xuống như cũ.

Đêm hôm ấy, Trưng Tị nằm mộng thấy Thần Hắc Đế triệu đến mà bảo rằng:

– Sau này, nàng sẽ sanh con Thánh, nhưng khi nào

lâm sản thì nên vào ở trong hang núi Không Tang.

Đến khi nàng thức giấc tỉnh dậy thì biết mình có thai.

Một hôm khác, Trưng Tại mơ mơ màng màng như người chiêm bao, chợt thấy một Ông già đến đứng ở sân, tự xưng là Ngũ Tinh, dắt theo một con thú giống như con trâu con mà lại có một sừng, mình có vằn. Con thú ấy trông thấy Trưng Tại thì nằm phục xuống và nhả ra một cái ngọc xích, trên đó có thấy đề chữ: “*Con nhà Thủy Tinh, nối đời Suy Châu mà làm vua không ngồi*”.

Trưng Tại biết là điềm lạ, liền lấy dải lụa buộc vào sừng con thú ấy. Khi tỉnh dậy, Trưng Tại thuật điềm chiêm bao ấy cho chồng nghe. Thúc Lương Ngột nói:

– Con thú ấy là con kỳ lân.

Gần đến sản kỳ, Trưng Tại hỏi hang núi Không Tang ở đâu?

Thúc Lương Ngột nói:

– Núi Nam sơn có một cái hang đá, tục gọi là hang Không Tang.

Trưng Tại liền sửa soạn đến đó ở và sanh đẻ trong hang Không Tang đúng theo lời Thần nhân mách bảo. Đêm hôm sanh ra Khổng Tử, có 2 con rồng xanh từ trên Trời bay xuống nằm phục ở 2 bên sườn núi và có 2 vị Thần Nữ đem nước hương lộ đến gội đầu cho Trưng Tại. Gội xong thì biến đi. Khi Trưng Tại lâm sản, bỗng thấy trong hang đá có một suối nước nóng chảy ra để cho Trưng Tại tắm. Tắm xong thì suối cạn ngay.

Thúc Lương Ngột nói:

– Vì ta cầu tự nơi núi Ni sơn mà được đứa bé này, nên ta đặt tên cho nó là Khâu, tự là Trọng Ni.

Trưng Tại biết đứa con này sẽ làm nên việc lớn, nên hết sức nuôi nấng và chăm sóc con.

Ông Khổng Tử có tướng lạ lắm: Môi như môi trâu, tay như tay hổ, vai như vai chim uyên, lưng rùa, miệng rộng, hầu lộ, trán phẳng và cao, khi lớn, mình cao 9 thước 6 tấc (thước Tàu), có tánh ham học.

Năm Khổng Tử lên 3 tuổi thì cha mất. Ngài sống với mẹ trong cảnh nhà nghèo. Khi lớn lên, mẹ cho đi học, Ngài chơi với trẻ hàng xóm, thích bày trò cúng tế.

Năm 15 tuổi, lập chí học tập.

Năm 19 tuổi, Ngài cưới vợ, vợ của Ngài là con của họ Thượng Quan nước Tống.

Năm 20 tuổi, vợ Ngài sanh đặng một con trai. Hôm đó, Lỗ Chiêu Công sai đem đến ban cho Ngài một con cá chép (Lý ngư), nên nhân đó, Ngài đặt tên con là Lý tự là Bá Ngư, để tỏ lòng tôn trọng vật của vua ban tặng. Về sau, Bá Ngư chết lúc 50 tuổi, chết trước Đức Khổng Tử. Con của Bá Ngư tên là Khổng Cấp, tự là Tử Tư, sau theo học với Tăng Sâm, rồi làm ra sách Trung Dung.

### ***1. Đức tánh của Đức Khổng Tử:***

Đức Khổng Tử là người rất thông minh, luôn luôn ham học. Bất cứ việc gì, Ngài cũng để ý xem xét rất kỹ lưỡng để biết cho cùng tận mới thôi.

Tánh Ngài ôn hòa, nghiêm trang, khiêm tốn, làm việc gì cũng hết sức cẩn thận, đề cao lễ nhạc, luôn luôn tin vào Thiên mệnh.

### ***2. Thời kỳ tham chánh và dạy học:***

Năm 21 tuổi, Đức Khổng Tử được cử làm chức Ủy

Lại, một chức quan nhỏ coi việc sổ sách của kho lúa, cùng là cân đo và gặt lúa. Sau đó, qua làm chức Tư Chức Lại, coi việc nuôi bò, dê, súc vật dùng trong việc tế tự.

Năm Ngài 25 tuổi thì chịu tang mẹ.

Năm 29 tuổi, Ngài học đàn với Sư Tương, ở nước Lỗ.

Tuy làm chức quan nhỏ, nhưng Đức Khổng Tử đã nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều, nên quan Đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn Cổ, cho 2 người con trai là Hà Kỳ và Nam Cung Quát theo Ngài học Lễ.

Đức Khổng Tử muốn đến Lạc Dương, kinh đô nhà Châu, để nghiên cứu về nghi lễ, chế độ miếu đường, nhưng vì nhà nghèo, không đủ tiền lộ phí, đành than thở mà thôi. Học trò Ngài là Nam Cung Quát nghe vậy, liền về tâu với Lỗ Chiêu Công. Vua liền ban cho Ngài một cỗ xe song mã và vài tên quân hầu cận để đưa Ngài và Nam Cung Quát đi Lạc Dương. Đến nơi, Đức Khổng Tử quan sát nhà Tôn miếu, nhà Minh đường, khảo cứu luật lệ và thư tịch đời cổ, đi xem Giao đàn là nơi nhà vua tế Thiên Địa và Tinh tú, rồi đến Xá đàn là nơi vua tế Thần Nông và Thần Hậu Thổ.

Nơi nào có quan hệ đến việc tế lễ thì Ngài đến quan sát và hỏi han cho tường tận.

Ngài đến gặp Trình Hoành để hỏi về Nhạc.

Khi ở Lạc Dương, Đức Khổng Tử còn tìm đến gặp Đức Lão Tử để hỏi về Lễ. *(Xem trở lại Tiểu sử của Đức Lão Tử để biết việc đối đáp của 2 vị Thánh nhân).*

Đức Khổng Tử ở Lạc Dương khảo sát các việc xong thì trở về nước Lỗ.

Từ đó, sự học của Ngài càng rộng hơn nhiều nên

học trò xin theo học càng lúc càng đông. Nhưng vua Lỗ vẫn chưa dùng Ngài vào việc nước.

Được mấy năm, trong nước Lỗ, Quý Bình Tử khởi loạn. Ngài theo Lỗ Chiêu Công tạm lánh sang nước Tề. Ở đây Ngài học được Nhạc thiều. Tề Cảnh Công mời Ngài tới để hỏi việc Chánh trị. Vua Tề rất khâm phục, muốn đem đất Ni Khê phong cho Ngài, nhưng quan Tướng Quốc nước Tề là Yến Anh ngăn cản không cho.

Năm sau, Ngài trở về nước Lỗ, thấy họ Quý dùng Dương Hồ để chuyên quyền, ý muốn tiếm đoạt. Ngài quay về quê lo việc dạy học, và nghiên cứu cho tường tận Đạo học của Thánh hiền. Lúc đó Ngài được 36 tuổi.

Đến năm thứ 9 đời vua Lỗ Định Công, Ngài được 51 tuổi, được vua Lỗ mời ra làm quan, phong cho chức Trung Đô Tể lo việc cai trị ở Ấp Trung Đô, tức là đất Kinh thành. Một năm sau, 4 phương lấy chính sự của Ngài làm khuôn mẫu.

Năm Lỗ Định Công thứ 10 (500 năm trước Tây lịch), Ngài phò vua Lỗ đi phó hội với Tề Cảnh Công ở Giáp Cốc. Nhờ tài ngôn luận và ứng đáp kịp thời, vua Tề rất khâm phục và trả lại cho nước Lỗ 3 khoảnh đất ở Quy Âm mà Tề đã chiếm của Lỗ từ mấy năm trước.

Qua năm sau, Đức Khổng Tử giữ chức Tư Không, rồi thăng lên Đại Tư Khấu (Hình Bộ Thượng Thư) coi việc hình án. Ngài đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập ra phép tắc, định việc tống táng, lớn nhỏ có trật tự, trai gái không lẫn lộn, gian phi trộm cắp không còn nữa, xã hội được an bình thịnh trị.

Sau 4 năm, Lỗ Định Công phong Ngài lên làm Nhiếp

Tướng Sự (Tướng Quốc), coi việc Chánh trị trong nước.

Ngài cầm quyền được 7 ngày thì tâu với vua Lỗ xin giết gian thần Thiếu Chính Mão để chỉnh đốn quốc chính.

### **Đức Khổng Tử giết Thiếu Chính Mão:**

Thiếu Chính Mão là một nịnh thần rất nguy hiểm dưới trào Lỗ Định Công. Bấy giờ, Đức Khổng Tử đang làm quan Tướng Quốc nước Lỗ. Quý Tôn Tư, một vị Đại Thân quyền thế trong triều, nhưng luôn luôn hỏi ý kiến của Đức Khổng Tử mỗi khi có một quyết định trong công việc trị nước. Nhưng phần Thiếu Chính Mão, khi Đức Khổng Tử nói ra câu gì thì liền gièm pha khiến cho người nghe phân vân và đôi khi bị mê hoặc.

Đức Khổng Tử mật tâu với Lỗ Định Công:

– Nước Lỗ không cường thịnh lên được là vì trung nịnh không phân biệt, thưởng phạt không nghiêm minh. Thí dụ như muốn trồng lúa tốt tất phải trừ bỏ cỏ xấu. Xin Chúa công cho đem các đồ phủ việt (dùng vào việc hình) trong nhà Thái miếu bày ra ở dưới Lưỡng quán để dùng vào việc hình.

Lỗ Định Công thuận cho.

Sáng hôm sau, Lỗ Định Công truyền cho các quan triều đình hội nghị để bàn việc phá thành ấp xem lợi hại thế nào. Các quan người nói nên phá, người nói không nên phá.

Thiếu Chính Mão đón ý Đức Khổng Tử, nói rằng:

– Phá thành có 6 điều tiện:

- 1/. Để tôn trọng quyền vua không ai bằng.
- 2/. Để tôn trọng cái quyền thế Đô thành.

3/. Để ức quyền tư môn.

4/. Để khiến cho kẻ gia thân lộng quyền không chỗ nương cậy.

5/. Để yên lòng 3 nhà: Mạnh, Thúc, Quý.

6/. Để khiến cho các nước nghe việc nước Lỗ ta làm mà phải kính phục.

Đức Khổng Tử tâu với Lỗ Định Công:

– Thành ấp nay đã thế cô còn làm gì được, hưởng chi Công Liêm Dương vẫn có lòng trung với vua, sao dám bảo là lộng quyền. Thiếu Chính Mão dùng lời nói khéo để làm loạn chánh trị, khiến vua tôi ly gián, cứ theo phép thì nên giết.

Các quan trong triều tâu:

– Thiếu Chính Mão là người danh giá ở nước Lỗ ta, đâu có nói lầm đi nữa cũng chưa đến tội chết.

Đức Khổng Tử lại tâu với Lỗ Định Công:

– Thiếu Chính Mão là người dối trá mà lại biện bác, làm cho người ta mê hoặc. Nếu không giết đi thì việc chánh trị không thi hành nổi. Xin Chúa Công cho đem phủ việt ra để trị tội.

Đức Khổng Tử truyền cho lục sĩ trói Thiếu Chính Mão đem đến Lưỡng quán mà giết đi.

Các quan trong triều đều sợ hãi, xám xanh cả mặt. Ba nhà: Mạnh, Thúc, Quý, trông thấy cũng đều kinh sợ.

Từ khi giết xong Thiếu Chính Mão, Lỗ Định Công và 3 nhà Mạnh, Thúc, Quý mới một lòng nghe theo lời của Đức Khổng Tử. Nhờ vậy, Đức Khổng Tử chỉnh đốn kỷ cương trong nước, dạy dân những điều lễ, nghĩa, liêm,

sĩ, nên dân không còn nhiều loạn mà chánh trị mỗi ngày một hay.

Ba tháng sau, phong tục biến cải cả: Các nhà buôn gà và heo không dám nhồi cám để dối người mua; trong khi ra đường, trai gái đi phân biệt nhau, không hỗn loạn, thấy của rơi ngoài đường thì không ai lượm, người nước khác du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi tử tế, không để cho thiếu thốn.

Dân nước Lỗ có làm một bài ca để tán tụng công đức của Khổng Tử. Bài ca ấy được truyền tụng sang nước Tề.

Tề Cảnh Công lo ngại nói rằng:

– Nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu ắt nên nghiệp Bá, tất họa đến nước Tề, ta biết làm thế nào?

Quan Đại Phu Lê Di tâu rằng:

– Chúa Công lo nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu, sao không lập cách ngăn đi. Tề Cảnh Công nói:

– Nước Lỗ giao quyền chánh trị cho Khổng Khâu, ta dùng cách gì mà ngăn trở được?

Lê Di tâu:

– Tính con người ta, hễ được cường thịnh tất sanh lòng kiêu mạn. Xin Chúa Công lập một Bộ Nữ Nhạc mà đem dâng vua Lỗ. Vua Lỗ mà nhận Bộ Nữ Nhạc tất sanh lười biếng mà chán Khổng Khâu. Bấy giờ tất Khổng Khâu phải bỏ nước Lỗ mà đi, Chúa Công mới có thể ngồi yên được.

Quả vậy, Lỗ Định Công, không nghe lời can gián của Đức Khổng Tử, nhận Bộ Nữ Nhạc thì mê say theo, bỏ bê việc triều chánh, có khi luôn 3 ngày không ra coi triều, mọi việc đều giao cả cho Họ Quý. Đức Khổng Tử

can gián vua Lỗ nhiều lần nhưng không được, lại có thể bị hại vì lời gièm siểm của bọn gian thần.

Do đó, trong ngày Lễ Tế Giao, vua Lỗ không nhìn đến, cũng không đem phần thịt tế biểu cho các quan Đại Phu. Đức Khổng Tử nhân việc lỗi nhỏ của vua Lỗ mà xin từ chức, bỏ nước Lỗ đi chu du các nước chư hầu.

### 3. Thời kỳ chu du các nước chư Hầu:

Đức Khổng Tử cùng các học trò đi qua các nước: Vệ, Khuông, Trần, Tống, Thái, Sở, để mong thuyết phục các vua chư Hầu chịu đem cái Đạo của Ngài ra ứng dụng để đem lại thái bình thịnh trị cho dân chúng. Nhưng cái Đạo của Ngài là Vương Đạo nên đi ngược ý đồ Bá Đạo của các vua chư Hầu và quyền lợi của các quan Đại Phu nên các vua chư Hầu đều không dám dùng Ngài.

Rất cuộc, sau 14 năm đi chu du các nước không thành công, Ngài phải trở về nước Lỗ, có quan Đại Phu Quý Khang Tử sai Công Hoa ra đón Ngài.

Phu nhân của Đức Khổng Tử là bà Thượng Quan đã mất trước đó một năm, nhằm năm Lỗ Ai Công thứ 10.

### 4. Thời kỳ soạn sách và dạy học trò:

Khi trở về nước Lỗ, Đức Khổng Tử đã 68 tuổi. Ngài trở lại quê nhà để mở mang việc dạy học và soạn sách.

Tổng số môn đệ của Đức Khổng Tử có lúc lên tới 3000 người (Tam thiên đồ đệ), trong đó có 72 người được liệt vào hạng tài giỏi, nên gọi là Thất thập nhị Hiền. Đức Khổng Tử san định lại các kinh sách của Thánh Hiền đời trước như: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch.



Ngài ghi chú các lời nói của Thánh Hiền đời trước, xếp đặt lại cho có thứ tự, chú thích những chỗ khó hiểu, nhất là với Kinh Dịch, Ngài chú giải rất kỹ.

Sau đó, Đức Khổng Tử viết ra sách Xuân Thu, chép những việc của nước Lỗ và của nhà Châu (Chu) liên hệ với các nước chư Hầu từ đời Lỗ Ân Công nguyên niên (721 trước Tây lịch) đến đời Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), tổng cộng là 242 năm.

Xem hình thể bề ngoài thì sách Xuân Thu chỉ là một cuốn sử biên niên, lời lẽ vắn tắt, lắm chỗ hình như không có ý nghĩa gì cả, nhưng xét rõ đến tinh thần thì thật là một bộ sách triết lý về chánh trị.

Mạnh Tử là người đã hiểu rõ nghĩa của Kinh Xuân Thu, nói: “Kinh Thi hết, nhiên hậu Kinh Xuân Thu mới làm ra. Việc ở trong sách Xuân Thu là việc Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tống, văn trong sách là văn sử, nghĩa thì Đức Khổng Tử nói rằng: Khâu nầy trộm lấy đó vậy. Nghĩa là Ngài lấy truyện ở trong các sách nước Tấn, nước Sở, nước Tề, nước Lỗ mà biểu thị cái ý nghĩa của Ngài muốn bày tỏ ra. Thời Xuân Thu lúc bấy giờ, xã hội nước Tàu loạn lạc, vua các nước chư Hầu làm nhiều điều bạo ngược và ai cũng muốn lấn quyền Thiên Tử nhà Châu. Ngài không muốn để sự phê bình phán đoán của Ngài động chạm đến những người quyền thế đương thời, vả lại cái học sâu xa của Ngài là cái học Tâm truyền, nên Ngài mượn lối văn viết sử, nói việc đã qua để ngụ cái vi ý của Ngài.”

Sách Trang Tử cũng có nói ở thiên Thiên Hạ rằng: “*Xuân Thu dĩ Đạo danh phạt*”: Sách Xuân Thu nói về cái đạo Danh và Phận.

Vậy, ý kiến của các nhà hiền triết đời Chiến quốc, thì sách Xuân Thu là sách để Tâm truyền cái đại nghĩa Danh và Phận, về đường Luân lý và Chánh trị, chớ không phải là sách chép sử như người ta thường hiểu lầm.

Sách Xuân Thu có 3 chủ nghĩa là: – Chính danh tự. - Định danh phạt. - Ngụ bao biếm.

Chủ ý của Đức Khổng Tử là tôn nhà Châu, dẫu đời bấy giờ, các nước chư Hầu có khi không muốn biết đến nhà Châu nữa, nhưng Ngài vẫn chép ngay đầu sách là: “*Xuân Vương Chánh nguyệt*”, nghĩa là: Mùa Xuân, tháng Giêng vua nhà Châu, để tỏ cái ý vẫn nhận nhà Châu làm chủ Thiên hạ.

Đức Khổng Tử là bậc Chí Nhân Chí Thánh, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn không dám nhận mình là Thánh nhân.

Đối với các môn đệ, Ngài rất dễ dãi. Hễ ai theo đúng lễ đến xin học thì Ngài không bao giờ từ chối. Ngài thu nhận học trò, không kể giàu nghèo, con quan hay con dân. Ngài mở ra một nền giáo dục bình dân đại chúng, đào tạo được một lớp người trí thức mới, tài giỏi và có đức hạnh trong giới bình dân.

Sự giáo hóa của Ngài chủ yếu là làm sao cho sáng tỏ cái đức sáng của người, chớ không gom vào trong sự truyền thụ kiến thức. Đây là một phương pháp giáo dục rất hay để khai mở cái Tâm của con người vậy.

### 5. Đức Khổng Tử tạ thế:

Mùa Xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), người nước Lỗ đi săn bắt được một con kỳ lân què một chân bên trái phía trước. Đức Khổng Tử đến xem rồi bưng mặt khóc. Khi trở về, Ngài than rằng: “Ngô đạo

cùng hỷ! (Đạo của ta đến lúc cùng!).

Sách Xuân Thu chép đến chuyện này thì hết, nên đời sau còn gọi sách Xuân Thu là Lân Kinh.

Năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thứ 17 (479 trước Tây lịch), một hôm Đức Khổng Tử chống gậy đi tản bộ trước nhà, vừa đi vừa hát: Thái sơn kỳ đồi hồ! Lương mộc kỳ hoại hồ! Triết nhân kỳ nuy hồ! (Núi Thái sơn đổ ư! Cây gỗ tốt hư hoại ư! Triết nhân mòn mỏi ư!)

Học trò của Ngài là Tử Cống liền đến hỏi thăm Ngài. Ngài nói: “Ta biết mình sắp chết.”

Đến ngày Kỷ Sửu, tức là ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Tuất, Đức Khổng Tử tạ thế, hưởng thọ 73 tuổi.

Mộ của Ngài ở bên bờ sông Tứ Thủy, phía Bắc thành nước Lỗ, nay gọi là Khổng Lâm, thuộc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

Ba ngàn đồ đệ của Ngài đều thương tiếc và than khóc, nguyện để tang Thầy 3 năm. Có hơn 100 môn đệ làm nhà chung quanh phần mộ để lo phụng tự trong 3 năm, riêng Tử Cống ở đó hết 6 năm mới thôi.

Chu vi đất quanh mộ của Đức Khổng Tử rộng chừng 100 mẫu mà không hề có cây gai và cỏ may mọc. Học trò bảo nhau đi tìm các thứ hoa thơm cỏ lạ ở các nơi đem về trồng khắp chung quanh.

### 6. Các triều đại phong tặng Đức Khổng Tử:

– Năm 739, vua Đường Huyền Tôn phong tặng Đức Khổng Tử là Văn Tuyên Vương, mặc phẩm phục Hoàng đế, tặng cho các đệ tử các tước: Công, Hầu, Bá.

– Năm 1008, vua Tống Chân Tông phong Ngài là:

Đại Thánh Văn Tuyên Vương, phong cho thân phụ Ngài là Lỗ Công, phong cho thân mẫu Ngài là Lỗ Phu Nhân, vợ là Bà Thượng Quan Thị làm Văn Phu Nhân, và ra lệnh cho các tỉnh lập miếu thờ Ngài.

– Năm 1306, vua Minh Thế Tông phong tặng Ngài là Chí Thánh Tiên Sư.

– Năm 1645, vua Thanh Thế Tổ phong là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Thánh Sư Khổng Phu Tử.

### 7. Văn miếu:

Văn miếu hay Văn Thánh miếu là tòa nhà dựng lên để làm Đền thờ Đức Khổng Tử và các môn đệ của Ngài cùng với các Tiên hiền, Tiên nho qua các thời đại gồm:

*a. Tứ Phối:* Bốn vị Thánh cùng được phối hưởng cúng tế với Đức Khổng Tử. Tứ Phối gồm:

- Phục Thánh Nhan Tử (Nhan Hồi)
- Tông Thánh Tăng Tử (Tăng Sâm)
- Thuật Thánh Tử Tư (Khổng Cấp)
- Á Thánh Mạnh Tử (Mạnh Kha)

*b. Thập Triết:* Mười vị Hiền triết, học trò tài giỏi nhất của Đức Khổng Tử. Thập Triết gồm:

- Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên)
- Bá Ngưu (Nhiễm Canh)
- Trọng Cung (Nhiễm Ung)
- Tế Dư (Tử Ngã)
- Đoan Mộc Tử (Tử Cống)
- Nhiễm Cầu (Tử Hữu)
- Trọng Do (Tử Lộ)

- Ngôn Yến (Tử Du)
- Bốc Thương (Tử Hạ)
- Chuyên Tôn Sư (Tử Trương).

c. *Thất thập nhị Hiền*: 72 vị học trò giỏi của Đức Khổng Tử, nhưng ở dưới Thập Triết một bậc.

Nói là Thất thập nhị Hiền, chớ thật ra chỉ có 62 vị, vì trong Thất thập nhị Hiền có Thập Triết, nên phải trừ ra 10 vị.

d. *Tiên Hiền, Tiên Nho*: gồm 120 vị, qua các triều đại từ xưa đến nay.

### 8. Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài:

Đức Khổng Tử là một Đấng Giáo chủ trong Tam giáo thuộc thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Nhờ Đức Khổng Tử mà Nho giáo mới được hưng hạnh, và trở thành một học thuyết triết học nhân sinh có hệ thống chặt chẽ và hoàn hảo, chủ yếu dạy về Nhơn Đạo (Đạo làm Người). Không có một giáo thuyết nào dạy Nhơn Đạo hoàn hảo bằng Nho giáo.

Trong Kinh Cúng Tứ Thời của Đạo Cao Đài có Bài Kinh Nho giáo để xưng tụng công đức của Đức Khổng Tử.

Ngày Đại Lễ Vía Đức Khổng Tử được chọn là ngày giáng sanh của Đức Khổng Tử, đó là ngày 27 tháng 8 âm lịch. Hằng năm, khi đến ngày này, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết lễ Đại Đàn cúng Vía Đức Khổng Tử, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại Tiểu sử của Ngài, và nói về sự ích lợi của Nho giáo đối với sự ổn định trật tự trong gia đình và ngoài xã hội.

Do đó, Đức Chí Tôn mới có chủ trương NHO TÔNG CHUYỂN THỂ, tức là dùng tinh hoa của Giáo

lý Nho giáo để dạy dỗ người đời, tái lập trật tự và đạo đức trong xã hội.

Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, Đức Khổng Tử có giảng cơ dạy Đạo. Sau đây, xin chép lại bài Thánh giáo này:

*Ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932). THI:*

*NGÃ dĩ từ chương giáo nghĩa phương,  
KHỔNG văn hoàng hóa sự luân thường.  
PHU thể, phụ tử, quân thần Đạo,  
TỬ đệ phùng thời độ thiện lương.*

*DIỄN DỤ:* Các sĩ cùng chư khanh nghe cho rõ: Việc Tam giáo hiệp nhưt.

Từ mới mở mang Trời Đất đã có Đại Đạo. Tam giáo vốn một nhà, đời sau chia làm ba, chớ kỳ trung một bốn, kẻ thế không thông hiểu nên tranh luận giành điều chơn giả với nhau hoài. Những người xưng mình là Minh Sư, thọ truyền cho đồ đệ, thì mỗi người cũng muốn khoe tài mình mà truyền khẩu với chúng sanh rằng, đạo mình chánh, đạo khác thì tà: Tê ra, mình là Manh Sư gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không dùng văn chương thì lấy chi mà tả kinh điển kệ. Còn học Nho mà không học Đạo thì ra người cuồng sĩ kiêu căng.

Vậy khuyên mấy sĩ Ba Đạo cũng đồng tìm kiếm gốc cho mình chơn lý, đừng trước độ mình, sau độ chúng. Vậy mới gọi là Chánh kỹ hóa nhơn.

Thi rằng:

**THI:**

*Tam giáo từ xưa vốn một nhà,  
Người sau lằm tưởng, vọng chia ba.*

*Minh tâm may hiểu đường chơn giả,  
Mãn tánh mới thông nẻo chánh tà.  
Thích, Đạo tử như hành bộ khách,  
Nên Nho ví tựa chiếc đồ qua.  
Muôn ngàn kinh kệ do nơi chữ,  
Tam giáo từ xưa vốn một nhà.*

KHỔNG PHU TỬ

### ĐỨC CHÚA JÉSUS (GIA-TÔ GIÁO CHỦ)

Đức Chúa Jésus (hay Jésus Christ) là Giáo chủ của Thiên Chúa giáo. Thiên Chúa giáo còn được gọi là Công giáo, Đạo Gia-Tô, nên Đức Chúa Jésus còn được gọi là Gia-Tô Giáo chủ.

Đạo Thiên Chúa do Đức Chúa Jésus lập ra ở nước Do Thái, sau Đạo Phật ở Ấn Độ 544 năm.

Đạo Thiên Chúa là Thánh đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Đức Chúa Jésus là Chơn linh của Đức Phật Christna, một vị Phật trong Tam Thế Phật, giáng sanh để mở đạo Thánh nơi nước Do Thái, cứu độ các sắc dân ở Âu Châu trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo trong ngày Vía Đức Chúa Jésus 25-12-1948 và 25-12-1949, xin trích ra như sau:

*“Có một Đấng Chơn linh Tam Thế Chí Tôn, Nhơn loại đều biết danh đó: Brahma Phật, tức nhiên là Tạo hóa; Nhị thế Civa Phật, tức Tấn hóa; Tam thế Christna Phật, tức nhiên Bảo tôn; Đấng trọn quyền bảo tôn ấy là lòng ái tuất thương sanh vậy. Vì cơ cho nên, Đức Chúa Jésus Christ*

*thương Nhơn loại một cách nồng nàn thâm thúy.*

Ngài đã ngộ thấy Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhơn loại ký Hoà ước với Chí Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên điều, Nhơn quả Nhơn loại gồm ghiết. Do Nhơn quả ấy mà tội tình Nhơn loại lưu trữ đến ngày nay. Thánh giáo gọi “Tội Tổ Tông “. Chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngài đến giơ tay để ký Đệ nhị Hoà ước với Đức Chí Tôn, chịu tội cho Nhơn loại, ký Đệ nhị Hoà ước đặng diu dắt chúng sanh trở về cùng Đấng Cha Lành của họ tức nhiên là Đức Chí Tôn của chúng ta ngày nay đó vậy.

Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của Nhơn loại đã dầy dẫy, Ngài chỉ xuống mặt thế nầy làm con tể vật đặng chuộc tội tình cho Nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí Tôn để nơi tay của Nhơn loại, bàn tay đó đã ký Đệ nhị Hoà ước cho Nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào? Do tay Ngài ký tờ Hoà ước với Chí Tôn, nên 2 tay của Ngài bị đóng đinh trên cây Thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước Nhơn loại, diu đường hằng sống cho họ, rồi 2 chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh giá. Còn trái tim yêu ái Nhơn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm cạnh hông Ngài, lấy gọt máu cuối cùng đó đặng cứu Nhơn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái. Tôn chỉ nhìn Nhơn loại là anh em cốt nhục và khuyến nhủ Nhơn loại coi nhau đồng chủng.

Cho đến ngày nay, cả Nhơn loại trên Địa cầu nầy không chịu nghe lời Ngài, không theo bước của Ngài, nên nạn tương tàn tương sát sắp diễn ra gần đây. Nhưng nếu chừng nào toàn cả Nhơn loại biết thương yêu nhau, vì tình cốt nhục, thì cái nạn tương tàn tương sát trên mặt Địa cầu nầy sẽ không còn nữa.

Hai tấn tuồng, hai thảm trạng như thế, có thể đưa nơn loại đến chỗ tiêu diệt mà chớ, vì nơn loại không biết nghe, Đấng ấy đã lấy máu thịt của mình làm con tế vật dâng hiến cho Đức Chí Tôn để cầu xin tha tội cho nơn loại.

Nơn loại sẽ mất đức vì không nghe theo Đấng Cứu thế. Đấng ấy đã bảo anh em phải yêu ái nhau, giúp đỡ nhau, sống cùng nhau cho trọn vẹn kiếp sanh.

Trái ngược lại, Đệ nhị Hòa ước kia đã ký với Đức Chí Tôn bị nơn loại bội ước nữa. Vì bội ước mà bảo nơn loại không bị tội tình mắc mỏ sao được.

Đêm nay, nhờ hiển Thánh anh linh của Đấng Cứu thế, Đấng ấy đã để lòng ưu ái vô tận, mong cứu vãn tình thế nguy ngập, lấy cả tình ái ấy làm phương giải khổ cho nơn loại.

Chúng ta để tâm cầu nguyện Ngài, để Ngài mở con mắt thiêng liêng cho chúng sanh đặng nhìn thấy cái chơn tánh của kiếp sống họ nơi nào, đừng mê muội, đừng ngu dốt, lấy tinh thần sáng suốt, bỏ cái Lục dục Thất tình đầy tội ác này.”

“Cái chết của Đức Chúa Jésus Christ là gì? Là Ngài đem xác Thánh quý trọng dâng cho Đức Chí Tôn làm tế vật. Xác Thánh chết trên Thánh giá là tế lễ đồng thể với Tam Bửu của chúng ta dâng cúng Đức Chí Tôn ngày nay đó vậy.

Vậy, Đức Chúa Jésus Christ đã làm con tế vật cho Đức Chí Tôn đặng cứu chuộc tội lỗi của loài người, nhứt là các sắc dân Âu Châu, nên danh thế Ngài để 2 chữ Cứu Thế chẳng có chi là quá đáng.”

“Ngài chết như thế ấy, nếu không phải con mắt thiêng liêng oai quyền của Đức Chí Tôn thì cái chết của Jésus Christ

mai một mờ ám mà thôi, không có cái gì gọi là Chí Thánh cả. Không phải vậy, Đức Chí Tôn đã hứa, đã nhìn nơn loại là con và chính mình Ngài đã ở trọn hiếu cùng hy sinh tánh mạng của mình làm cho danh của Đức Chí Tôn cao trọng và làm cho nơn loại đặng hưởng đặc ân của Đức Chí Tôn chan rười, làm cho con cái của Đức Chí Tôn biết cái hiếu của Ngài đối với Đức Chí Tôn.

Từ thuở tới giờ, chưa có một Giáo chủ nào đã làm. Cái hiếu của Ngài đến giờ chót đối với Đức Chí Tôn đã trọn.

Còn Đức Chí Tôn, nếu không phải giữ “Nghĩa” với đứa con yêu dấu, con hiếu hạnh của Ngài, thì cái chết của Jésus Christ bất quá như kẻ tù nhân chết mà thôi, có đâu lên phẩm vị Giáo chủ, ngồi trên ngai thiêng liêng vô cùng quý báu trên mặt địa cầu này gần 2000 năm.

Trong lúc Đức Chúa Jésus Christ làm con hiếu hạnh có 3 năm thôi, mà Đức Chí Tôn trả lại cái danh dự sang trọng cho Ngài đến 1949 năm là năm nay.”

### Tiểu sử Đức Chúa Jésus:

Đức Chúa Jésus giáng sanh trong một gia đình bản hàn nhưng rất đạo đức: Gia đình bà Maria và Ông Joseph.

Bà Maria trước đó là một Nữ tu trong Đền thờ Jérusalem, đến tuổi lấy chồng, Luật Đền thờ buộc các Nam tu sĩ trong Đền thờ phải có người đứng ra cưới, bởi vì căn cứ theo lời dạy của Thượng Đế với Ông Adam và Bà Ève: “Unissez-vous et multipliez.” (Bây phải chung sống cùng nhau đặng sanh sản ra nhiều nữa).

Lẽ chọn chồng của Nữ tu Maria tổ chức theo luật của Đền thờ: Các vị Nam tu sĩ chưa có vợ, mỗi người lựa một nhánh bông, cắm vào bình bông đặt trong Đền thờ,



sau 3 ngày, bông của người nào còn tươi tắn là duyên của người đó, phải cưới Maria.

Ông Joseph lúc đó đã 50 tuổi, cũng phải theo luật lệ đó. Các vị Nam tu sĩ trẻ tuổi đã lựa bông kỹ lưỡng với nhiều hy vọng và đã cắm vào bình hoa hết rồi. Còn Joseph nghĩ mình đã già rồi, có vợ con làm chi nữa, nhưng luật Đền thờ thì phải vâng, nhưng làm cho có lệ. Ông lượm một nhánh bông huệ khô héo của ai bỏ dưới đất, đem cắm đại vào bình. Nhưng kỳ lạ thay, loài hoa huệ, những bông nở tàn rồi thì rụng đi, còn bông búp bắt nước sống lại, nở ra tươi tốt. Các thứ hoa khác trong bình đều tàn rụi. Thế là Ông Joseph phải cưới Maria.

Luật Đền thờ lại buộc 2 vợ chồng mới cưới phải ra ở ngoài, không được ở trong Đền thờ nữa. Vợ chồng Maria và Joseph dất ra ngoài mướn nhà ở, lo làm ăn sanh sống. Ông Joseph làm nghề thợ mộc, Bà Maria làm nghề vá may, đan thêu, tạm sống qua ngày.

Bà Maria có thai con đầu lòng: Chúa Jésus. Bà được Thiên Thần Gabriel báo mộng cho biết Bà sẽ sanh ra cho loài người một Đấng Cứu Thế.

Đến ngày Lễ Noel hằng năm tổ chức long trọng nơi Đền thờ Jérusalem, tuy bụng mang dạ chứa gần ngày sanh nở, nhưng vì lòng mộ đạo, hai vợ chồng Maria-Joseph đều cố gắng đi đến Đền thờ để châu lễ. Khi đến nơi, các quán trọ đều bị khách đi dự lễ mướn hết, tiết Trời lại quá lạnh lẽo, hai vợ chồng phải đến Bêlem, xin với một chủ trại cho tạm trú đỡ trong chuồng chiên.

Đúng 12 giờ khuya đêm 24 tháng 12 dương lịch, Bà Maria chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus. Chúa Hải đồng được quấn tã và được tạm đặt vào máng cỏ cho đỡ lạnh

nơi chuồng chiên trong hang đá.

Các nhà Tiên tri đã báo trước ngày Chúa giáng sanh: Ngày nào sao chổi mọc là ngày đó Chúa giáng sanh, nên nhớ mà để ý tìm người. Trong giờ Chúa giáng sanh, có nhiều huyền diệu xảy ra: Đám chăn chiên ngoài đồng bỗng nghe giữa thình không có tiếng nói của Thiên Thần: Có Chúa Cứu Thế giáng sanh, hào quang tỏa sáng ngời. Các người chăn chiên liền đi tìm và gặp Chúa Hải đồng nằm trong máng cỏ, họ đánh lễ Chúa trước tiên hơn hết.

Vua Hérode đang cai trị dân Do Thái, bỗng tiếp kiến các Đạo sĩ từ phương Đông tìm đến và hỏi rằng: “Vua dân Do Thái mới sanh ra hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Ngài bên Trời Đông, nên tìm đến để đánh lễ Ngài.”

Nghe vậy, vua Hérode hoảng hốt và cả thành Jérusalem cũng náo động lên. Ông cho triệu tập các vị Thượng Tế và Ký Lục để hỏi thì họ cho biết Chúa đã được sanh ra ở Bêlem xứ Judê. Vua Hérode lo sợ sự hiện diện của Chúa làm hại đến quyền lực của Ông, nên Ông tìm cách giết Chúa, nhưng Ông không biết trẻ con nào là Chúa. Ông ra lệnh giết tất cả những đứa trẻ từ 2 tuổi trở xuống, tính theo thời gian mà Ông đã hỏi nơi các Đạo sĩ.

Thiên Thần liền hiện ra báo mộng cho ông Joseph, bảo: Hãy chỗi dậy và đem hài nhi và mẹ Ngài trốn qua Ai Cập và cứ ở đó cho đến khi ta nói lại, vì vua Hérode sắp lùng bắt hài nhi mà giết đi.

Sáu năm sau, vua Hérode chết. Thiên Thần lại đến báo mộng bảo Joseph: Hãy chỗi dậy và đem hài nhi và mẹ Ngài trở về Do Thái vì kẻ tìm hại hài nhi đã chết.

Ông Joseph đem gia đình về xứ Galilé ở thành

Nazaret. Chúa Jésus được 6 tuổi. Hai Ông Bà còn sanh thêm được 4 người con nữa, cả gia đình sống rất bận rộn. Ông Joseph tiếp tục làm nghề thợ mộc, Bà Maria thì vá may. Chúa Jésus là anh cả trong nhà thường giúp mẹ đội nước mướn ở bờ sông Jourdain.

Lúc Chúa Jésus được 12 tuổi, Ngài theo cha học nghề thợ mộc. Khi đó, Ông Joseph lãnh làm nhà cho một người trong xóm, tính toán thế nào mà khi cắt gỗ, mấy cây cột đều cụt hết. Chủ nhà bắt đền.

Ông Joseph ngồi khóc ròng, vì nhà nghèo tiền đâu mà đền. Chúa Jésus liền cầu nguyện, rồi cha nắm một đầu cột, con nắm một đầu cột kéo dần dài ra cho đủ thước tắc để bồi thường cho chủ nhà. Việc làm liêu đó, lạ lùng thay, cây cột gỗ lại dần dài ra như ý muốn.

Đó là Đấng Christ làm phép lạ lần đầu tiên lúc 12 tuổi

Cũng trong năm đó, Chúa Jésus vô Đền thờ Jérusalem. Các vị Giáo sĩ trong Đền thờ nghe danh Chúa là thần đồng liền xúm lại chất vấn. Buổi đó, Đức Christna Phật giáng linh trên Chúa, nên Ngài đã ngồi giữa các vị Giáo sĩ thuyết pháp say mê làm mọi người rất đỗi kinh ngạc.

Từ đó, Chúa Jésus về nhà thì cũng như mọi người, phụ làm thợ mộc với cha, hiếu hạnh với mẹ, hòa nhã với em út. Nhưng các em thường hay lấn lướt Ngài. Cảm thấy khó khăn, Chúa Jésus bèn xin đi làm thuê bên ngoài, lấy tiền về phụ với cha mẹ nuôi gia đình.

Thời gian dài trôi qua, đến năm Chúa Jésus được 30 tuổi, nghe Thánh Jean Baptiste đang làm lễ Giải Oan tại bờ sông Jourdain, Chúa Jésus liền đi đến đó. Khi nhìn thấy Chúa Jésus từ xa đi tới, Thánh Jean Baptiste biết

đây là Chúa Cứu Thế, mới nói: *“Từ sáng tới giờ, tôi chỉ chờ vị này thôi.”*

Đức Chúa đến thọ pháp Giải Oan nơi Thánh Jean. Khi Thánh Jean hành pháp vừa xong, Đức Chúa Jésus từ dưới sông vừa bước lên bờ thì trên không trung hiện ra hào quang sa xuống giữa đầu Chúa và có tiếng phán rằng: *“Này con yêu dấu của Ta! Cả ân đức của Ta để cho người đó.”*

Sau đó, Chúa Jésus được khiển đi vào Sa mạc để chịu sự thử thách của Quỷ Satan. Suốt 40 ngày đêm, Chúa bị Quỷ vương cám dỗ đủ điều, nhưng không dụ được Chúa. Quỷ vương đành khuất phục trước sự cao cả của Ngài.

Từ buổi đó, Đức Chúa Jésus là Chơn linh của Đấng Christna Phật giáng hạ. Ngài bắt đầu truyền Đạo khắp nơi, thu nhận 12 Tông đồ, làm nhiều phép lạ để cứu khổ nhơn sanh. Ngài xưng là con của Đức Chúa Trời, tức là con của Thượng Đế và tôn vinh Đấng Thượng Đế cao cả.

Đức Chúa Jésus, với lòng thương yêu như sanh một cách nồng nàn, Ngài đã dạy dỗ các môn đồ lòng thương yêu, bác ái, hạnh bố thí, sự chơn thật, khiêm nhường, tự xét mình để sửa mình, các điều răn cấm, giữ tâm thanh cao trong sạch, lời nói trợn lảnh, hành động chơn chánh, thờ kính Đức Chúa Trời một cách hết lòng.

Bởi luật vô vi, không ai thoát khỏi ngày Phán Xét cuối cùng, dù người đã chết hay người đang sống, cũng đều chịu sự thưởng phạt đúng mức công bình.

Tất cả những điều giáo huấn của Đức Chúa Jésus tạo thành một hệ thống giáo lý cho nền Đạo Thánh ở nước Do Thái, truyền bá mạnh mẽ sang Âu Châu. Uy quyền của bọn vua quan phong kiến và bọn Giáo chủ Cai-phê

bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Chúa Jésus.

Bọn chúng vu cáo Ngài mưu việc phản loạn, chúng lại mua chuộc Yuda, một Tông đồ của Chúa, phản lại Chúa. Tiền bạc đã làm chóa mắt Yuda, Ông đã điếm chỉ cho bọn lính bắt Chúa. Chúa Jésus bị chúng lên án tử hình và bị đóng đinh trên Thập tự giá.

Đức Chúa Jésus đã biết trước việc đó, nhưng Ngài không né tránh, mà cứ thể theo Thiên ý.

Cái chết của Ngài có ý nghĩa gì?

Đó là đem xác Thánh quý trọng hiến dâng lên Đức Thượng Đế, làm con tế vật hầu chuộc tội cho loài người. Việc làm này đồng thể với việc dâng Tam bửu của tín đồ Cao Đài lên Đức Chí Tôn, nhưng lại tuyệt đối cao trọng hơn.

Cái chết của Đức Chúa Jésus để chuộc tội cho các sắc dân Âu Châu thật là cao cả, xứng đáng là vị Chúa Cứu Thế của nhơn loại.

**Mười hai vị Thánh Tông đồ** của Đức Chúa Jésus là:

1. Simôn, cũng gọi là Phêrô (Thánh Pierre).
2. Anhrê, em của Phêrô.
3. Yacôbê, con của Zêbêdê.
4. Yoan, em của Yacôbê.
5. Philip.
6. Barthêlêmy.
7. Thôma.
8. Mathiơ là người thu thuế.
9. Yacôbê, con của Alphê.
10. Thadê.
11. Simôn nhiệt thành người Ca-na-an.

12. Yuda Iscariốt (được thay bằng Matthya).

Chính Yuda đã bán Chúa để nhận tiền của bọn Cai-phe đem về mua ruộng đất, nhưng liền bị tai nạn té nhào, vỡ bụng lòi ruột chết thảm.

Mười một Tông đồ còn lại của Chúa đã cử Ông Matthya thay thế Yuda cho đủ số 12 Tông đồ như lúc đầu.

Đức Chúa Jésus Christ, tuy là Giáo chủ Thánh đạo, nhưng Chơn linh Ngài là một vị Phật. Ngài lãnh lệnh Đức Chí Tôn mở Đạo Thánh nơi nước Do Thái để cứu độ các sắc dân ở Âu Châu.

Đức Chúa Jésus giáng sanh, dù do phạm thai hay do Thánh thai, dù là con ruột của Ông Joseph thuộc dòng dõi vua David (tức là phạm thai, Đức mẹ Maria không đồng trinh), hay là con nuôi của Ông Joseph, không thuộc dòng dõi của vua David (tức là Thánh thai, Đức mẹ Maria đồng trinh), thì sự tôn thờ Chúa, không phải căn cứ vào điều đó, mà căn cứ vào công đức và sự nghiệp của Chúa đối với nhơn loại. Chúa Jésus đã dạy dỗ nhơn loại nhiều điều hữu ích và sau cùng dùng cái chết của mình trên cây Thập giá để chuộc tội cho loài người và trả hiếu Thượng Đế. Đó mới là điều quan trọng. Nhơn loại mới tôn thờ Ngài, suy tôn Ngài là Đấng Cứu Thế.

Nếu nói rằng Đức Chúa Jésus giáng sanh bằng phạm thai là hạ thấp giá trị của Chúa thì hoàn toàn không đúng, bởi vì nếu đúng như vậy, Đức Phật Thích Ca hay Đức Khổng Tử đều giáng sanh bằng phạm thai thì không đáng kính trọng hay sao?

Các Đảng ấy là Giáo chủ tôn giáo, thuộc hàng Tiên, Phật, thì không cần các môn đệ Thần Thánh hóa các Ngài, vì điều đó chỉ đem lại sự mê tín cho các tín đồ, làm trở

ngại bước đường tu tiến mà thôi.

Trong sự thờ phượng của Đạo Cao Đài, việc sắp xếp Đức Chúa Jêsus ngồi dưới Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch không có nghĩa là Đức Chúa Jêsus nhỏ hơn Đức Lý, mà đó chỉ là thứ tự trong Ngũ Chi Đại Đạo. Bắt đầu từ Nhơn đạo với phẩm Giáo Tông, đối phẩm với Thiên Tiên hay Phật vị, lên kế trên là Thần đạo (với Đức Khương Thượng Tử Nha), kế trên nữa là Thánh đạo (với Đức Chúa Jêsus mà chơn linh là Đức Phật Christna), kế lên Tiên đạo (Đức Lý Thái Bạch) và trên cùng là Phật đạo với Đức Phật Thích Ca.

Hằng năm, khi đến ngày Lễ Noel 25-12 dương lịch, là ngày giáng sanh của Đức Chúa Jêsus, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết Đại lễ cúng Vía Đức Chúa Jêsus, Gia Tô Giáo chủ, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức của Chúa đối với nhơn loại.

*“Vàng lệnh Vua Cha xuống thái bang,  
Truyền ra Đạo Thánh rất gian nan.  
Ba mươi năm lễ chưa toàn vẹn,  
Ngàn chín trăm dư thế muốn tàn.  
Đắc lệnh Vua Cha truyền lập lại,  
Vâng lời Kim Mẫu tá phạm gian.  
Thuyết đàn vạn quốc nay mai sẽ,  
Phổ độ Ngũ Châu, vạn sự toàn.”*

(Bài thi do Đức Chúa Jêsus giảng cơ)

Trong sách **Đại Đạo Căn Nguyên** của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, có đăng một bài giảng cơ của Đức Chúa Jêsus bằng Pháp văn, ngày 11 Septembre 1926, xin dịch ra Việt văn như dưới đây:

### Ngã GIA TÔ GIÁO CHỦ giảng đàn.

Hỷ chư Hiền sanh đặng đặng.

Ta đến, Ta là Đấng Cứu rỗi và là người phán xét các bạn.

Ta đến, như ngày xưa, với các con Do Thái lạc loài. Ta mang Chơn lý đến và làm tan biến Vô minh.

Các bạn hãy nghe Ta: Cơ bút, như trước kia, là Ngôi lời của Ta, cần nhắc nhở những đứa theo chủ nghĩa Duy Vật rằng trên chúng nó, Chơn lý bất di bất dịch ngự trị đời đời: Thượng Đế toàn thiện, Thượng Đế vĩ đại làm cây cối tăng trưởng và nổi sóng đại dương. Ta đã phát lộ Giáo lý của Thượng Đế. Ta như người thợ gặt, bó từ nạm lúa Thánh thiện trong nhơn sanh, và Ta nói rằng: Hãy đến với Ta, tất cả những người đau khổ.

Nhưng loài người bội bạc đã đi lạc hướng, xa con đường chơn chánh và rộng rãi dẫn dắt đến Thiên đường của Đại Từ Phụ, chúng nó đi lạc vào lối đi gồ ghề, bội phản, bất hiếu, bất trung.

Đức Chúa Cha không muốn tàn hại dòng giống loài người. Ngài chỉ muốn, không bởi các thầy Tiên tri, không bởi các Sứ đồ, các bạn hãy giúp đỡ lẫn nhau, người sống và người chết, nghĩa là tùy theo tánh chất của các bạn (bởi vì sự chết không có), các bạn hãy cứu giúp lẫn nhau, và tiếng nói của những đứa không còn nữa cũng được đưa khác nghe kêu gọi: “Hãy cầu nguyện và hãy tin tưởng”, bởi vì cái chết là sự phục sinh, và đời sống là sự thử thách tốt nhất, trong đó đức tánh của các bạn được đào luyện phải lớn lên và phát triển như cây bá hương.

Hãy tin tưởng vào những tiếng nói đang trả lời các

bạn, đó chính là Chơn linh của các Đấng mà các bạn cầu khẩn.

Ta rất ít khi giảng đàn với các bạn, vì những vị đã dự phần vào đời sống của Ta và sự chết của Ta là những Thiên sứ truyền đạt Thánh ý của Đức Chúa Cha.

Những người yếu đuối bạc nhược đang tin tưởng vào sự sai lầm của tâm trí vô minh của mình, hãy đốt sáng ngọn đuốc mà Đấng Đại Từ Bi thiêng liêng đặt trong đôi bàn tay của các người để soi đường cho các người, để đem các người, những đứa con lạc loài của Đức Chúa Cha, vào lòng Đức Chúa Cha.

Ta nói thật với các bạn, hãy tin tưởng về sự khác biệt nhau và vô số các vị Thần linh bao quanh các bạn. Ta rất cảm thương về những khốn khổ, sự yếu đuối vô biên của các bạn, mà không thể ra tay cứu độ những kẻ bất hạnh lạc loài, mà họ đang nhìn bầu Trời thì rơi xuống hố sâu tội lỗi.

Hãy tin tưởng, hãy thương yêu, hãy hiểu biết cái Chơn lý đã được phát lộ, không nên lầm lộn cái thiện và cái ác, phương tiện và Chơn lý.

Hỡi các bạn thông linh!

Hãy thương yêu nhau, đó là điều giáo huấn thứ nhất.

Hãy học hỏi nhau, đó là điều giáo huấn thứ nhì.

Tất cả Chơn lý đều ở trong Đạo (Đạo Thiên Chúa, Đạo Lão, Đạo Phật, Đạo Khổng). Những sự sai lầm bắt rễ từ Đạo là do nguồn gốc của con người. Và khi xuống mồ mới tin tưởng nơi Hư Vô, những tiếng kêu gọi: “Các huynh ơi! Không có gì tận diệt, Jésus Christ là người chiến thắng điều ác, hãy là kẻ chiến thắng điều vô đạo.”

## ĐỨC KHƯƠNG THƯỢNG TỬ NHA (GIÁO CHỦ THẦN ĐẠO)

Khương Thượng Tử Nha là học trò của Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo.

Ông Khương Thượng không có số thành Tiên, nên Đức Giáo chủ Ngươn Thủy truyền cho Khương Thượng trở về trần lập Bảng Phong Thần và thay mặt cho Giáo chủ đọc Sách Phong Thần. Do đó, Đức Khương Thượng Tử Nha là vị đứng đầu các Thần, tượng trưng Thần đạo Trung Hoa, và cũng có thể xem Ngài là Giáo chủ Thần đạo Trung Hoa.

Đức Khương Thượng được vua Châu Võ Vương phong chức Thái Công, và được vua gọi là Tướng Phụ. Do đó, trong Đạo Cao Đài gọi Ngài là: Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn.

Trên Thánh tượng Ngũ Chi thờ tại Thiên bàn, Đức Khương Thượng Tử Nha là Đấng ngồi dưới chót hết ở hàng giữa, tượng trưng Thần đạo. Ngài mặc áo vàng có thêu Bát Quái, tay mặt cầm cây roi gọi là Đả Thần tiên, tay trái cầm một cây cờ vàng gọi là Hạnh Huỳnh Kỳ.

– Đả Thần tiên (Đả là đánh, Thần là các vị Thần, tiên là cây roi) do Đức Ngươn Thủy ban cho, dài 3 thước 5 tấc 6 phân (thước Tàu), gồm có 26 mắc, mỗi mắc có 4 điệu bùa.

– Hạnh Huỳnh Kỳ là cây cờ vàng do Đức Ngươn Thủy ban cho, màu vàng thuộc Thổ, trong lá cờ có thể mà không có chữ. Khi có việc nguy biến, chữ sẽ hiện ra trên thẻ, chỉ cho cách đối phó và giải quyết. Khi xổ cờ ra che thân thì có hàng ngàn bông sen vàng rủ xuống bảo vệ khắp



thân thể không cho bất cứ vật gì xâm phạm vào thân thể.

Ngày Kỷ niệm Thánh đản của Đức Khương Thượng Tử Nha là ngày 18 tháng 4 âm lịch hằng năm.

Nguyên thuở trước, Ông Tổ của Khương Thượng là cháu của vua Thần Nông, tên Bá Ích, được phong làm Lữ Hầu, nên kể từ đó lấy họ Lữ (hay Lã), sau lại có công trị thủy nên theo họ Khương. Bởi vậy có hai họ: Lữ và Khương.

Đức Khương Thượng, tên tộc là Vọng, nên gọi là Lữ Vọng hay Lã Vọng, tên chữ là Tử Nha, hiệu là Phi Hùng (Gấu bay), quê quán ở Hứa Châu.

Năm Khương Thượng 32 tuổi, lòng mộ đạo nên đến núi Côn Lôn xin học Đạo với Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo. Ở núi tu được 40 năm, Khương Thượng được 72 tuổi, thì Đức Nguơn Thủy gọi lên bảo:

– Số người chưa thành Tiên đặng, hưởng lộc có dư. Nay Thành Thang hết vận có Tây Châu ra đời. Người phải thay mặt Ta mà xuống thế, ra công giúp nhà Châu, cầm Bàng Phong Thần, sống làm tướng, thác làm Thần, công tu 40 năm, danh để muôn thuở.

Khương Thượng nói:

– Nay vâng lời thầy trở lại chốn phàm trần, chẳng hay việc tới thế nào, xin thầy cho biết.

– Ta có 8 câu kệ chỉ rõ trọn đời của người, giống như lời sấm, rán mà nhớ lấy:

*Mười năm chịu túng áo còn bầu,  
Gượng gạo mua vui chó chác sấu.  
Ngồi đá Bàn Khê cầu đợi vận,  
Chờ xe vương giả rước về lầu.*

*Tám mươi lẻ nửa mang đai ngọc,  
Chín chục dư ba buộc ấn hầu.  
Mậu Ngũ chữ Hầu trăm trấn phục,  
Phong Thần chín tám bốn Xuân Thu.*

Đức Nguơn Thủy ngâm kệ xong, nói:

– Tuy bây giờ người xuống trần, nhưng ngày sau cũng trở về núi.

Tử Nha lạy thầy, già bạn, ra khỏi Cung Ngọc Hư, trở xuống trần. Nhớ lại không còn bà con, chỉ có một người bạn là Tống Dị Nhon đang ở đất Triều ca, nên Tử Nha liền đến đó để nương nhờ.

Tống Dị Nhon gặp Tử Nha mừng rỡ hỏi:

– Chú bây giờ ăn chay hay ăn mặn để tôi cho bà trẻ lo cơm nước?

– Cũng tiếng là kẻ tu hành, đâu dám dùng rượu thịt.

Tống Dị Nhon nhận Tử Nha làm em kết nghĩa, thấy Tử Nha đã già mà không có con nối hậu, nên tính cưới vợ cho Tử Nha. Dị Nhon hỏi cưới Mã thị, con gái lỡ thời của Mã Viên Ngoại cho Tử Nha. Mã thị năm đó đã 68 tuổi.

Có bài thơ ghi lại việc này:

*Tu chẳng thành Tiên, tiếc Tử Nha,  
Về trần cưới vợ lạ thay là!  
Sáu mươi tám tuổi hành dâu xế,  
Bảy chục dư hai cái rẽ già.  
Xem đước hàm râu e lửa tấp,  
Soi gương mái tóc tợ sương sa.  
Lá lay Nguyệt Lão xe tơ muện,  
Dẫu đến trăm năm nhắm chẳng xa.*

Mã thị nói với Tử Nha phải tìm cách làm ăn sinh

sống, chớ nên nhờ vả Tống Dij Nhơn hoài. Tử Nha nói biết đan gàu giai, nên đi chẻ tre, đan một gánh gàu giai đem xuống chợ bán. Ngồi từ sáng đến chiều mà chẳng có ai hỏi mua gàu, đành gánh trở về, bụng đói lã, lại khát nước mà chẳng có một đồng trong túi để mua.

Mã thị lại bày ra việc xay bột lúa mì. Xay xong, bảo Tử Nha gánh bột xuống chợ Triều ca để bán, cũng vẫn không có ai mua, lại bị ngựa của quan chạy qua làm đổ hết gánh bột.

Tống Dij Nhơn thấy Mã thị luôn luôn đốc thúc Tử Nha kiếm việc làm ăn, nên Dij Nhơn đề nghị, mỗi ngày Tử Nha đến một quán rượu của ông nơi chợ Triều ca, đứng làm chủ bán hàng và sẽ cho Tử Nha tất cả số tiền lời của ngày hôm đó. Ngày mai khởi sự để Tử Nha đứng bán tại quán họ Trương là chỗ đông khách nhứt. Họ Trương truyền cho bọn giúp việc trong quán làm thịt heo, dê, dọn bày đặc biệt hơn ngày thường để Tử Nha có cơ hội bán đắc hàng. Nào ngờ hôm đó, Trời mưa xối xả từ sáng đến chiều, ngoài đường vắng tanh, không khách vào quán, đồ ăn chờ đến chiều sắp thiu, nên Tử Nha đành cho các người làm công dọn ra ăn hết, còn dư thì đem cho các người làm công ở các quán khác. Thế là hôm đó, Tử Nha bị lỗ nặng.

Tống Dij Nhơn an ủi:

– Hiền đệ chớ lo, bởi chưa đến thời nên mới xui như vậy. Ngày mai tôi sẽ sai bọn gia đình đi mua cho Hiền đệ một số heo, dê, để Hiền đệ đem ra chợ bán lấy lời, nếu bán không hết thì đem trở về, không sợ lỗ.

Hôm ấy, Tử Nha đem heo dê ra chợ bán, rui nhằm ngày Trạ Vương đảo võ, vì Trời hạn hán đã nửa năm, yết thị dán khắp nơi kêu gọi dân chúng không được làm thịt

súc vật trong ngày ấy. Tử Nha không biết, cứ lừa heo dê ra chợ, bị bọn lính rượt bắt. Tử Nha đành phải bỏ đàn heo, dê, chạy thoát lấy thân, trốn được về nhà.

Tống Dij Nhơn sai người nhà dọn rượu ra nơi vườn hoa để cùng Tử Nha vừa uống rượu vừa ngắm cảnh cho tiêu sầu. Tử Nha dạo vườn hoa, ngắm nhìn một lát rồi nói:

– Theo địa lý thì nơi đây có khí tụ rất nhiều. Nếu anh cất nơi đây 5 căn nhà lớn thì sau này trong nhà anh sẽ có 36 người làm quan.

Dij Nhơn nói:

– Hiền đệ thạo về địa lý thì đó cũng là một nghề sanh sống đó. Chỗ này, đã nhiều lần ngu huynh dựng lên mấy gian nhà, nhưng sau đó liền bị đốt cháy, tôi chắc đó là lửa ma, không thể làm nhà được, đành chừa đất trống vậy.

– Để em chọn ngày tốt cho anh xây cất. Anh cứ lo chuẩn bị cây ván và công thợ, còn vụ lửa ma để em lo cho, có em đây, nhứt định nó không làm gì được đâu.

Hôm cất nhà, Tử Nha núp trong nhà mát theo dõi sự tình. Nửa đêm hôm ấy, có 5 con yêu nổi gió bay đến, cát bụi bay mù mịt. Tử Nha vội bỏ tóc xỏa, cầm gương chỉ mặt 5 con yêu rồi hét lớn:

– Năm con yêu không sa xuống còn đợi chùng nào?

Nói vừa dứt tiếng thì Tử Nha bắt ấ, tức thì tiếng sấm nổ vang, 5 con yêu sa xuống quì trước mặt Tử Nha năn nỉ:

– Chúng tôi không ngờ có Tiên Ông tại đây, xin lấy lượng khoan hồng tha cho chúng tôi khỏi chết.

– Chúng bây quen thói hành hung, vô cớ đốt nhà của người ta mấy lượt, tội chúng bây đáng chết.

Tử Nha nói rồi cầm gương toan chém, 5 con yêu khóc lóc van xin:

– Chúng tôi ra công tu luyện nên mới được như ngày nay, xin Tiên Ông tha mạng chúng tôi làm phước, chúng tôi hứa từ đây về sau chẳng dám làm càn nữa.

– Thôi ta cũng dung tha cho chúng bây một lần làm phước, nhưng chúng bây không được ở đây nữa, phải đến núi Kỳ Sơn tạm trú, chờ lúc chiến chinh ra cho ta sai khiến rồi ta sẽ phong Thần cho.

Dị Nhơn cất nhà được bình an, nên mừng rỡ nói:

– Hiền đệ có tài phép như vậy thật không uổng công tu luyện 40 năm. Hiền đệ lại có tài coi bói, nên tôi dành cho Hiền đệ một căn phố nơi chợ Triều ca để Hiền đệ mở tiệm coi bói, ngày đêm ở đó luôn.

### **Ngọc Mỹ Nhơn thử quẻ Khương Thượng:**

Tử Nha nghe lời Tống Dị Nhơn mở tiệm coi bói, bói đầu trúng đó, nổi tiếng là vị Thánh nhân, dân chúng tấp nập đến xem bói, thân được rất nhiều tiền giao cho Mã thị. Mã thị vui mừng và trọng chổng hết sức, không còn chê bai hay đay nghiến chổng như trước nữa.

Bói được nửa năm thì xảy ra vụ Tỳ Bà Tinh.

Tỳ Bà Tinh là một con yêu do cây đàn Tỳ Bà bằng đá hấp thụ khí Âm Dương của Trời Đất qua hàng ngàn năm biến thành. Hôm đó, Tỳ Bà Tinh đi thăm Đắc Kỷ trở về, lúc bay ngang qua căn phố của Tử Nha thấy thiên hạ tấp nập vào xem bói, ai cũng nói thấy bói linh lắm. Tỳ Bà Tinh không tin, cho là chuyện lừa bịp, nên biến hình thành một người đàn bà đẹp gọi là Ngọc Mỹ Nhơn, vào tiệm để thử quẻ Khương Thượng.

Thần nhân của Khương Thượng thấy rõ người đàn bà này là một con yêu quái hiện hình, nên định giết đi để trừ hại cho dân, liền bảo Ngọc Mỹ Nhơn đưa bàn tay ra để xem bói.

Tử Nha nắm lấy cổ tay, ấn chặt vào mạch môn, dùng phép âm, không cho yêu quái biến hình. Dân chúng thấy vậy tưởng Tử Nha nắm tay con gái làm chuyện dâm đảng nên la lối. Tử Nha đáp:

– Đây là con yêu tinh nguy hiểm chớ không phải là người đàn bà bình thường, cần phải giết nó để trừ hại cho dân.

Nói rồi lấy nghiên mực đập vào đầu Ngọc Mỹ Nhơn, máu chảy đỏ ối. Ngọc Mỹ Nhơn giãy giụa lung tung nhưng không biến đi được. Dân chúng thấy vậy rất phẫn nộ, đi báo quan. Lúc ấy Thừa Tướng Tỳ Can cỡi ngựa đi qua. Dân chúng kéo cổ Tử Nha ra cho Thừa Tướng xét xử. Dân chúng nói:

– Có lão thầy bói tên là Khương Thượng Tử Nha làm chuyện phạm pháp, lợi dụng nghề coi bói nắm tay đàn bà con gái. Cô ả không chịu, lão thầy bói làm ngang, lấy nghiên mực đánh nàng đổ máu.

Tỳ Can nghe nói vậy thì nổi xung mắng Tử Nha:

– Trên đầu ngươi đã hai thứ tóc, sao không biết xét mình mà làm chi chuyện xấu xa như vậy?

Tử Nha thưa rằng:

– Tôi là người có học, lẽ đâu không biết phép vua. Dầu có lì lợm đến đâu cũng không thể đối xử với đàn bà như vậy. Nhưng quả thật, người đàn bà này là yêu quái trá hình. Tôi thấy tại Triều ca có khí yêu quá lộng, e không trừ

sớm thì nước nhà không yên. Xin Thừa Tướng xét lại cho.

Tỷ Can thấy người đàn bà nằm mê man như chết, nói: – Người đàn bà này bị người đánh chết rồi, người tiếc gì mà còn nắm tay? Tử Nha đáp:

– Nó làm bộ yêu đó. Nếu tôi thả tay ra, nó liền biến mất thì còn đâu bằng có. Dầu Thừa Tướng không xét, chém đầu tôi, tôi cũng không dám thả tay ra.

Tỷ Can bảo quan địa phương giải Tử Nha và người đàn bà đến trước Đền vua, rồi vào tâu với vua Trụ. Vua Trụ truyền dẫn Tử Nha vào. Tử Nha vẫn nắm tay kéo thầy Ngọc Mỹ Nhon theo, quì trước bệ rồng tâu rằng:

– Tôi là Khương Thượng, quê ở Hứa Châu, trước đây có học phép Tiên nên biết rõ được yêu quái. Nay tôi đang xem bói, gặp con yêu này giả hình vào quấy rối, nên bắt nó dâng cho Bệ hạ trừ họa cho dân.

Trụ Vương hỏi:

– Nó là người đàn bà rõ ràng, sao người nói nó là yêu quái?

Lúc ấy, Đắc Kỷ ở trong cung biết chuyện, than thầm: Khổ quá! Sao em không chịu về thẳng vào động mà lại ghé thử quê Khương Thượng làm gì cho phiền. Để chị báo thù cho.

Khương Thượng tâu với Trụ Vương:

– Con mắt người thường không thể phân biệt được yêu quái hay người thường. Xin Bệ hạ cho tôi dùng lửa đốt nó thì nó sẽ hiện nguyên hình cho Bệ hạ thấy.

Trụ Vương bằng lòng. Tử Nha hoá bùa trên xoáy của Ngọc Mỹ Nhon để nó không biến đi được, rồi quăng vào lửa. Lửa đốt suốt 2 giờ mà xác con yêu vẫn còn nguyên,

không hề bị cháy. Mọi người lấy làm lạ, có phần tin lời của Khương Thượng nói nó là yêu quái, vì xác người thường thì đã cháy thành tro rồi.

Trụ Vương sai Tỷ Can hỏi xem nó là yêu quái gì?

Tử Nha nói:

– Để tôi bắt nó hiện hình cho mọi người thấy.

Nói xong, Tử Nha dùng lửa Tam Muội trong con mắt và lỗ mũi phun ra. Tỷ Bà Tinh thất kinh, lom côm ngồi dậy nói lớn:

– Ta không cừ oán chi với người, sao người dùng lửa Thần đốt ta?

– Người là yêu quái tác hại mọi người, ta giết người để cứu dân chớ đâu phải thù oán.

Vua Trụ và triều thần thấy người đàn bà đã chết, lửa củi đốt không cháy, lại ngồi dậy trong lửa nói được thì thất kinh hồn vía, hoảng sợ thối lui. Tử Nha tâu:

– Xin Bệ hạ lui vào trong cho mau kéo sấm nổ.

Đợi cho vua Trụ vào khuất bên trong, Tử Nha vỗ hai tay, tức thì sấm nổ vang, yêu tinh liền hiện nguyên hình là cây đàn Tỷ Bà bằng ngọc thạch rất đẹp nằm giữa sân châu.

Hoạn quan vào cung báo cho vua Trụ biết.

Vua Trụ hỏi Đắc Kỷ:

– Đàn Tỷ Bà bằng ngọc thạch làm sao thành tinh được?

Đắc Kỷ rất đau xót, nhưng cố cứu Tỷ Bà Tinh, nói:

– Xin Bệ hạ cho thần thiếp cây đàn Tỷ Bà ấy để thần thiếp đờn cho Bệ hạ nghe.

Trụ Vương sợ đàn Tỷ Bà thành tinh trở lại nên không

muốn đem vào cung. Đắc Kỷ nói:

– Yêu tinh đã chết thành cây đàn vô tri, làm sao thành tinh trở lại được, Bệ hạ chớ lo.

Vua Trụ nghe theo, truyền lấy cây đàn Tỳ Bà giao cho Đắc Kỷ. Đắc Kỷ đem đàn Tỳ Bà đặt trên lầu Trích Tinh để cho hấp thụ khí Âm Dương của Nhật Nguyệt trong 6 năm, Tỳ Bà Tinh sẽ hiện hình trở lại thành người.

Đắc Kỷ lập kế trả oán Khương Thượng, nên tâu với vua Trụ:

– Khương Thượng có tài giỏi trừ được yêu quái, đáng được trọng dụng, xin Bệ hạ phong tước cho Khương Thượng

Trụ Vương truyền đòi Khương Thượng vào triều, phong cho chức Tư Thiên, coi việc Thiên văn. Tử Nha vâng mạng lãnh chức và lãnh áo mào làm quan.

Tử Nha trở về nhà, Dị Nhon thấy áo mào xuê xang thì mừng lắm, nhứt là Mã thị, nay thấy chồng làm quan vinh hiển thì trọng chồng hết sức, mở tiệc ăn mừng.

Đắc Kỷ luôn luôn tìm cách hãm hại Khương Thượng để trả thù cho Tỳ Bà Tinh. Ngày kia, Đắc Kỷ vẽ một họa đồ rất công phu xây cất Lộc đài theo kiểu cảnh Tiên ở Bồng Lai, để vui thú cùng Trụ Vương, lại có thể trả thù được Khương Thượng. Đắc Kỷ tiến cử Khương Thượng làm chức Đốc Công xây cất Lộc đài. Vua Trụ nghe theo, đòi Khương Thượng vào dạy việc. Khương Thượng được lệnh liền bói một quẻ thì biết rõ tai họa sắp đến với mình.

Khương Thượng rất có cảm tình với Thừa Tướng Tỷ Can, nên viết mấy lời tiên tri bỏ vào bao thơ niêm kín lại, đem đến trao cho Tỷ Can và nói:

– Nếu sau này Ngài có điều nguy hiểm, Ngài nên theo lời dặn trong thơ này mà làm thì may ra tránh khỏi tai vạ. Đó là tôi đến ơn Ngài vậy.

Tử Nha vâng chiếu vào triều yết kiến Trụ Vương, thấy Trụ Vương đang ngồi uống rượu với Đắc Kỷ. Vua phán:

– Nay Trẫm muốn cất Lộc đài, nhưng trong triều xem ra không ai đủ tài giúp Trẫm. Khanh thay mặt Trẫm hoàn thành Lộc đài thì công của Khanh chẳng nhỏ.

Tử Nha tiếp lấy họa đồ Lộc đài xem thì thấy công trình này rất xa xỉ, dùng rất nhiều châu ngọc để trang trí, chạm trổ tinh vi, bèn nghĩ thầm: Triều ca là chỗ ở tạm của ta, lẽ đâu ta hòa theo hôn quân để hại dân hại nước. Chi bằng ta tìm lời thoái thác, không được thì bôn tẩu, chẳng để lụy thân.

Tử Nha tâu:

– Lộc đài cao 49 thước, dùng rất nhiều châu ngọc gắn khắp nơi, đâu đâu cũng đều chạm trổ tinh vi. Muốn hoàn thành đài này, ít nhất phải làm trong 35 năm.

Đắc Kỷ bắt bẻ:

– Lão thầy bói này quen tánh nổi dối, cất một cái đài, dầu lâu đến đâu cũng không quá 3 năm. Tử Nha có ý khi quân, không muốn làm tôi Bệ hạ, xin đem xử bào lạc cho rồi.

Trụ Vương còn đang lưỡng lự thì Tử Nha tâu tiếp:

– Tôi xin Bệ hạ chớ nghĩ đến việc hưởng hết lạc thú ở đời mà quên cái khổ của muôn dân. Trong lúc kho tàng trống rỗng, dân gặp hạn hán, lúa không đủ ăn, tôi trung chán nản triều chánh, lữ nịnh lợi dụng tình thế gièm pha, cái nguy vong của nước nhà thấy rõ. Xưa vua Kiệt lập



cung Quỳnh Dao mà mất nước, nay Bệ hạ lập Lộc đài là đi theo con đường ấy, e cơ nghiệp sẽ về tay một chư Hầu khác. Tuy đã muộn, nhưng cũng còn có thể cứu nguy được nếu Bệ hạ biết sửa mình, chinh phục như tâm, lo cho xã tắc. Tôi tri ân Bệ hạ, nên có lời tâm huyết, không nỡ lấy mắt nhìn.

Vua Trụ nổi giận mắng:

– Đứa già miệng dám mắng vua, nếu không trừng phạt thì còn ai kính nể Trẫm nữa. Quân bậy, hãy đem bào lạc đốt lão già này để làm gương cho kẻ khác.

Võ sĩ áp tới bắt Tử Nha, Tử Nha lẹ chân nhảy xuống lầu, chạy một mạch đến cầu Cửu Long, quân ngự lâm của vua Trụ cũng đuổi theo gần tới. Tử Nha nói lớn:

– Vua Trụ truyền đem bào lạc đốt ta, tánh ta không ưa lửa, nên thà chết dưới nước cho được mát thân.

Nói rồi nhảy ùm xuống nước mất dạng.

Quân ngự lâm trở về báo với vua Trụ là Tử Nha đã nhảy xuống sông tự vẫn, chết mất xác.

Tử Nha là học trò Tiên, có phép thần thông, nên khi nhảy xuống nước thì độn thủy trở về nhà, đi vào trang viện của Tống Dị Nhon. Mã thị nghe chồng về, tưởng Tử Nha còn làm quan, nên vội vã đón tiếp.

Tử Nha thuật rõ đầu đuôi công việc xảy ra, rồi nói với vợ là Mã thị nên cùng trốn qua Tây Kỳ lánh nạn. Mã thị thấy Tử Nha không còn làm quan nữa, lại là kẻ đang có tội với vua, nên tức giận nói:

– Tôi là dân triều ca, không phải kẻ trôi sông lạc chợ mà quên tổ tông, bỏ quê bỏ xứ. Nay đã sanh ra cơ sự như vậy, ông là kẻ có tội với vua, không ở đây được nữa, còn

tôi không thể theo ông qua xứ khác, vậy từ đây, mạnh ai nấy lo, ông làm tờ ly dị cho tôi.

Tử Nha khuyên can vợ mấy lần mà không được, buộc phải viết tờ ly dị giao cho Mã thị, buồn bã ngâm 4 câu thơ:

*Miệng con rắn hà nằm,  
Nọc con ong vò vẽ,  
Hai món độc còn vừa,  
Bụng đàn bà quá lẽ.*

Tử Nha vội sửa soạn hành lý, vào từ giả Dị Nhon:

– Nhờ anh chị đùm bọc bấy lâu nay, tôi chưa trả được ơn sâu, lại phải tìm đường trốn tránh. Nay tôi qua lánh nạn nơi Tây Kỳ, ở đó có sanh chúa Thánh, chờ đợi ít lâu để tiến thân.

Dị Nhon hết sức an ủi, rồi làm tiệc tiễn hành, dặn Tử Nha sớm gửi thơ về cho biết tin tức. Tử Nha tạ ơn rồi từ biệt lên đường.

Tử Nha qua khỏi sông Mạnh Tân và sông Hoàng Hà, đến ải Đồng quan là ải địa đầu của triều ca, thấy một số người rất đông vừa đi vừa than thở. Nhìn lối ăn mặc, Tử Nha biết họ là dân ở Triều ca, vội hỏi:

– Các người ở Triều ca, sao lại đến đây than khóc?

Trong đám ấy, có người biết Tử Nha nên đáp:

– Chúng tôi thật là dân Triều ca, nhưng vì vua Trụ cắt Lộc đài, khiến Sùng Hầu Hồ làm Đốc Công, nó ăn của nhà giàu, bắt dân nghèo làm thực mạng, một số đã chết vì đói khát, chúng tôi phải bỏ trốn, vì chịu không nổi.

– Các ông trốn đến đây thoát nạn rồi, sao còn than thở?

– Chúng tôi bị Tổng Binh trấn ải không cho qua ải ty nạn, lại đuổi chúng tôi trở lại Triều ca, chắc phải chết.

Tử Nha bảo dân chúng hãy yên tâm, để ông làm phép đưa dân qua ải, vào canh ba, khi nghe có gió lớn thì nhắm mắt lại, kẻ nào mở mắt ra thì mang họa đó, xin báo trước.

Đến canh ba, Tử Nha hướng về núi Côn Lôn quỳ lạy một hồi rồi niệm chú. Tức thì giông gió nổi lên, Tử Nha bảo dân chúng nhắm mắt lại, chùng gió hết thổi mới được mở mắt ra. Trận gió thần thổi đám dân chúng bay qua các ải Xuyên Vân, Tỵ Thủy, Giới Bài, đến núi Kim Kê xứ Tây Kỳ thì Tử Nha thân phép lại, giông gió lặng yên. Tử Nha bảo dân chúng hãy mở mắt ra rồi nói:

– Đây là núi Kim Kê thuộc xứ Tây Kỳ, đọi sáng, chúng ta sẽ đi vào Tây Kỳ.

Sáng sớm, dân chúng dắt díu nhau vào Tây Kỳ xin ty nạn. Còn Tử Nha đến ẩn mặt tại Bàn Khê, gieo câu sông Vỹ chờ thời, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, vui thì xem kinh luyện phép, buồn thì câu cá giải khuây, ngâm thơ:

*Về thể tám thu chầy,  
Trần ai chịu đọa đây,  
Nửa năm nương đất Trụ,  
Một khắc đến non Tây.  
Sợ nợ kinh luân đó,  
Miếng môi thao lược đây.  
Trước là câu cá nước,  
Sau đọi hội rồng mây...*

Có một chú tiểu tên Võ Kiết nghe Tử Nha ngâm thơ thì đến hỏi, Tử Nha đáp:

– Tôi ở Hứa Châu, họ Khương tên Thượng, tên chữ

là Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng,

Võ Kiết cười lớn nói:

– Ông xưng hiệu là con khỉ ốm thì khỏi ai bắt bẻ.

Võ Kiết lại nắm cần câu dở lên thấy lưỡi câu ngay đơ thì vỗ tay cười ngắt rồi chắc lưỡi than:

– Hễ có trí thì tuổi thơ cũng có trí, hễ không mưu thì đầu bạc cũng không mưu. Muốn câu cá mà để lưỡi câu ngay đơ thì đời nào bắt được cá, để tôi dạy ông uốn lưỡi câu.

Tử Nha nói:

– Người biết một mà chẳng biết hai. Ta không dùng lưỡi câu cong để câu cá câu tôm, chỉ dùng lưỡi câu ngay để câu thời câu vận.

*Ngày chờ thời giờ quý,  
Vây được của không câu,  
Chẳng kiếm tôm kiếm cá,  
Mà kiếm công kiếm hầu.*

Rồi Tử Nha nhìn ngay mặt Võ Kiết nói:

– Khí sắc của người xấu lắm!

Nói rồi ngâm bài thơ:

*Mắt nọ đỏ bầm bầm,  
Tròng kia xanh dạng sạng,  
Ra phở đánh chết người,  
Chúng bắt thường nhơn mạng.*

Võ Kiết nạt lớn:

– Nãy giờ tôi nói giỡn với ông một chút không hại gì, sao ông lại độc miệng rửa tôi như vậy?

Dứt lời, Võ Kiết hậm hực gánh củi lên vai đi thẳng xuống chợ Tây Kỳ, không thèm quay đầu lại.

Hôm ấy, vua Văn Vương ngồi xe qua Linh đài bói quẻ, quan quân theo hầu rất đông. Võ Kiết quay gánh củi tránh đường, rúi đụng vào màng tang của một tên lính làm tên lính chết tươi. Võ Kiết bị bắt phải thương nhưn mạng. Văn Vương vẽ một vòng tròn dưới đất làm trại giam, cắm một cái cây trước cửa Nam làm tên quân canh, bắt Võ Kiết đứng trong vòng tròn. Xong rồi ai nấy đi hết.

Võ Kiết ngồi trong vòng 3 ngày, nhớ tới mẹ, khóc lớn. quan Đại phu Táng Nghi Sanh đi ngang qua thấy vậy hỏi:

– Hôm trước người đụng chết tên lính, mạng thế mạng là lẽ thường, oan ức gì mà khóc dữ vậy?

– Tôi rúi làm chết người nên đầu dám than thở, ngặt tôi còn mẹ già, không ai nuôi dưỡng, không có tôi chắc mẹ tôi phải chết đói. Tôi nghĩ tôi bất hiếu nên tui phận khóc than.

Táng Nghi Sanh thương tình nên tâu với vua Văn Vương cho Võ Kiết trở về lo châu cấp cho mẹ nó rồi đến mùa thu năm tới sẽ trở lại nạp mạng. Văn Vương bằng lòng.

Võ Kiết trở về gặp mẹ than khóc, rồi thuật lại hết các việc xảy ra cho mẹ nghe. Bà mẹ nói:

– Ông già câu cá ở Bàn Khê có tài coi tướng rất hay, con đến cầu khẩn may ra ông già ấy cứu được con.

Võ Kiết nghe lời mẹ, lật đật chạy đến Bàn Khê, xin Tử Nha cứu mạng. Tử Nha thương Võ Kiết là con hiếu thảo, nên chịu cứu, nhận Võ Kiết làm đồ đệ, dặn Võ Kiết về nhà đào một cái huyệt dưới gầm giường, bề sâu 4 thước (thước Tàu), tối xuống nằm dưới huyệt ấy mà ngủ, dặn bà mẹ thắp 2 ngọn đèn chong: một đặt dưới chân, một đặt trên đầu, rồi hốt 3 nắm gạo rắc lên mình, tử một mớ

cỏ xanh trên miệng huyệt. Còn ta ở đây, sẽ làm phép cứu người. Sáng dậy, người cứ leo lên đi đốn củi như thường, người sẽ bình an vô sự, không cần phải đi nạp mạng.

Võ Kiết mừng rỡ, lạy thầy rồi thoát chạy ngay về nhà lo làm các việc đúng như lời thầy dạy.

Sau đó, Tử Nha dạy võ nghệ cho Võ Kiết luyện tập thuần thục chờ ngày sau xông pha trận mạc để lập công danh.

Mùa thu năm sau, Táng Nghi Sanh không thấy Võ Kiết đến nạp mạng nên tâu cho vua Văn Vương rõ. Văn Vương xử quẻ thấy Võ Kiết đã chết nên bỏ qua.

Mùa Xuân năm sau, Văn Vương cùng triều thần cỡi ngựa du Xuân ngoài thành Tây Kỳ, chợt Táng Nghi Sanh trông thấy Võ Kiết, truyền lính bắt lại, đem trình Văn Vương. Táng Nghi Sanh hỏi:

– Người hứa với Chúa công là người trở về lo châu cấp cho mẹ già xong thì trở lại chịu tội, sao không giữ lời hứa.

– Bẩm Chúa Công, tôi đâu dám bỏ phép. Bởi có Ông già câu cá ở Bàn Khê, họ Khương tên Thượng, tên chữ là Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng, bảo tôi làm học trò thì cứu tôi toàn tánh mạng. Tôi còn mẹ già, không nỡ chịu chết bỏ mẹ, nên nghe lời để cho thầy tôi làm phép cứu tôi trốn pháp luật, xin Chúa Công nghĩ lại.

Táng Nghi Sanh nghe nói thì mừng rỡ tâu rằng:

– Võ Kiết nói có ông già câu cá ở Bàn Khê biệt hiệu là Phi Hùng thì quả là người mà Chúa Công ứng mộng. Xưa, vua Thương Cao thấy gấu bay mà được ông Phó Duyệt ra phò, nay Chúa Công thấy cọp có cánh chắc là ứng với Khương Thượng. Xin Chúa Công tha tội cho Võ Kiết,

khiến nó dẫn đến Bàn Khê rước Khương Thượng về triều.

Văn Vương ra lệnh cho triều thần cùng ăn chay 3 ngày, tắm gội cho tinh khiết, sắm sửa lễ vật đến Bàn Khê rước người hiền về triều. Văn Vương rước được Tử Nha về triều thì trọng dụng ngay, phong Tử Nha làm Thừa Tướng, cầm quyền trị nước.

Vua Văn Vương hay tin Sùng Hầu Hổ cùng con là Sùng Ưng Bưu a dua theo vua Trụ, nhập bọn với 2 tên nịnh thần là Vưu Hồn và Bí Trọng, hà khắc dân chúng, tiếng oán than thấu đến Trời xanh. Vua Văn Vương cùng với Khương Thượng, đem búa Việt cờ Mao, kéo quân Tây Kỳ chinh phạt Sùng Hầu Hổ, bắt được Sùng Hầu Hổ và Sùng Ưng Bưu, truyền bêu đầu răn chúng. Dân chúng nghe tin thấy đều hả dạ, còn các chư Hầu khác đều thần phục. Văn Vương kéo binh trở về Tây Kỳ.

Sau đó, Văn Vương lâm trọng bệnh, gọi Thái tử Cơ Phát đến bảo làm lễ gọi Khương Thượng là Thượng phụ, rồi gởi gắm con lại cho Khương Thượng. Văn Vương từ trần, hưởng thọ 97 tuổi. Thái tử Cơ Phát lên nối ngôi xưng hiệu là Võ Vương.

Thái Sư Văn Trọng tại triều đình vua Trụ, thấy thế lực Tây Kỳ càng ngày càng lớn mạnh, e nguy hiểm cho triều đình Trụ Vương, nên cử Trương quế Phương, Tổng Trấn ải Thanh Long đem 10 muôn binh chinh phạt Tây Kỳ.

Trương quế Phương có tà thuật, binh của Tử Nha đánh không lại. Tử Nha bế cửa thành, dặn Na Tra và Võ Kiệt giữ thành, Tử Nha độn thổ lên núi Côn Lôn cầu cứu với thầy là Đức Nguơn Thủy. Tử Nha được thầy trao cho **BẢNG PHONG THẦN**, và dặn nếu đi ra mà có ai kêu thì đừng dừng lại và đừng nói chuyện với người ấy. Nếu

không làm y lời thì sẽ bị người ấy kêu 36 đạo binh đến đánh. Tử Nha ôm Bảng Phong Thần đi ra, gặp Thân Công Báo là sư đệ, cũng ở Cung Ngọc Hư kêu lại nói chuyện, nên sau này bị Thân Công Báo kêu 36 đạo binh Triệt giáo đến đánh Tử Nha. Nhưng số oan nghiệt của Tử Nha phải trả, làm sao tránh khỏi.

Thái Sư Văn Trọng mời được 4 vị đạo sĩ ở Cửu Long đảo đến giúp Trương quế Phương. Bốn vị này là: Vương Ma, Dương Sum, Cao hữu Càng và Lý Hưng Bá, cỡi những con thú lạ, làm cho các ngựa chiến của Tử Nha sợ hãi ngã lăn xuống đất. Tử Nha cự không lại nên phải độn thổ lên núi Côn Lôn lần nữa để cầu cứu thầy.

Lần này, Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn ban cho Tử Nha một con thú linh để cỡi tên là Tứ Bất Tướng, và 2 bữu bối là cây Đả Thần tiên, và Hạnh Huỳnh Kỳ. Nhờ các sư huynh của Tử Nha cho các học trò Tiên có phép báu xuống núi giúp Tử Nha nên Tử Nha đánh thắng và giết chết được 4 đạo sĩ ở Cửu Long Đảo.

Thái Sư Văn Trọng lại sai Lỗ Hùng cùng với Vưu Hồn và Bí Trọng đem quân tiếp chiến với Trương quế Phương.

Tử Nha làm phép tuyệt sa, bắt sống được cả 3 người, chém lấy 3 thủ cấp để tế đài Phong Thần tại núi Kỳ Sơn.

Thái Sư Văn Trọng lại mời được 10 vị Địa Tiên ở Kim Ngao đảo lập trận Thập Tuyệt đánh Khương Thượng. Trận này rất dữ, Đức Nhiên Đẳng Đạo Nhơn ở núi Linh Tụ động Kim Giáp chỉ huy 12 vị Đại Tiên ở Cung Ngọc Hư, học trò của Đức Nguơn Thủy Chưởng giáo, mới phá được trận.

Thập nhị Đại Tiên ở Cung Ngọc Hư, học trò Xiển Giáo, kể ra như dưới đây:

1. **Thái Ất Chơn Nhơn**, núi Càn Nguơn, động Kim Quang, có học trò là *Na Tra*.

2. **Ngọc Đảnh Chơn Nhơn**, núi Ngọc Tuyên, động Kim Hà, có học trò là *Dương Tiên*.

3. **Xích Tinh Tử**, núi Cửu Tiên động Đào nguyên, có học trò là *Án Hồng*.

4. **Quảng Thành Tử**, núi Thái Hòa động Vân Tiêu, có học trò là *Án Giao*.

5. **Vân Trung Tử**, núi Chung Nam động Ngọc Trụ, có học trò là *Lôi Chấn Tử*.

6. **Đạo Hạnh Thiên Tôn**, núi Kim Đình động Ngọc Ốc, có học trò là *Vi Hộ*.

7. **Cù Lưu Tôn**, núi Giáp Long động Phi Vân, có học trò là *Thổ Hành Tôn*.

8. **Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân**, núi Thanh Phong động Tử Dương, có học trò là *Dương Nhậm*.

9. **Văn Thù Quảng Pháp Thiên Tôn**, núi Ngũ Long động Vân Tiêu, có học trò là *Kim Tra*.

10. **Phổ Hiền Chơn nhơn**, núi Phổ Đà động Lạc Đà, có học trò là *Mộc Tra*.

11. **Từ Hàng Chơn nhơn**, núi Cửu Cung động Bạch Hạc.

12. **Huỳnh Long Chơn Nhơn**, núi Nhị Tiên động Ma Cô.

Trận Thập Tuyệt đã bị phá tan. Lần này Thái Sư Văn Trọng thân chinh đánh Khương Thượng, bị các Tiên Xiển

Giáo vây đánh, phải bỏ mạng nơi núi Tuyết Long, hồn bay lên đài Phong Thần. Về sau, Đức Khương Thượng đọc sắc phong cho Thái Sư Văn Trọng làm *Cửu Thiên Cẩm Ứng Lôi Thỉnh Phổ Hóa Thiên Tôn*, đứng đầu Lôi Bộ.

Trụ Vương sai thêm nhiều tướng tài khác chinh phạt Tây Kỳ, nhưng tất cả đều thất bại.

Ngày 15 tháng 3 năm thứ 13 đời Châu Võ Vương, nhà vua lập đàn bái tướng, phong Tử Nha làm Đại Nguyên Soái Chinh Đông, họp binh với 800 chư Hầu tại sông Mạnh Tân, cùng đi phạt Trụ. Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn giảng hạ ban lời huấn dụ Tử Nha, rồi sai Bạch Hạc Đồng tử rót 3 chung rượu đem đến tiễn hành Tử Nha:

– Chung nầy khuyên người gắng công phò Chúa.

Tử Nha tiếp lấy chung rượu uống cạn.

– Chung nầy khuyên người trị nước công minh.

Tử Nha cũng lãnh lấy uống cạn.

– Chung nầy khuyên người sớm họp mặt chư Hầu.

Tử Nha cũng lãnh lấy chung rượu uống cạn.

Tử Nha bạch thầy:

– Nhờ ơn thầy dạy dỗ, đệ tử mới dám lãnh ấn chinh Đông, song không biết đường đi hung kiết thế nào, xin thầy chỉ dạy.

– Người đừng ngại chi cả, hãy nhớ bài kệ nầy:

*Ái Giải Bài, Tru Tiên lập trận,  
Xuyên Vân sao khởi gặp Ôn Hoàng.  
Giữ gìn Đạt, Triệu, Quang, Tiên, Đức,  
Qua trận Vạn Tiên thân mới an.*

Sau đó, Đức Nguơn Thủy trở về Cung. Các vị Tiên,



sư huynh của Tử Nha, cũng rót rượu mừng và tiễn hành Tử Nha chinh Đông.

Tử Nha chuẩn bị đầy đủ 60 muôn binh, vào thỉnh Võ Vương ngự giá thân chinh.

Hai nghĩa sĩ ở núi Thú Dương là Bá Di và Thúc Tề ra cản đầu ngựa, không cho Võ Vương đi đánh Trụ. Tử Nha cố gắng giải thích nhưng 2 người nhứt định không chịu nghe. Quân sĩ phải gỡ tay 2 người ra, Võ Vương mới đi khỏi được.

Đi vừa tới núi Kim Khê thì gặp đạo binh của Khổng Tuyên, tướng của vua Trụ cản đường. Nhờ Chuẩn Đề Bồ Tát ở Tây phương đến thấu phục Khổng Tuyên, bắt Khổng Tuyên hiện nguyên hình là một con công đỏ (Châu Khổng Tước), được Đức Chuẩn Đề thấu làm đệ tử, cõi bay về Tây phương.

Tử Nha kéo binh đến ải Giải Bài thì gặp trận Tru Tiên, trận này rất dữ, do Thông Thiên Giáo chủ lập ra để đánh các Tiên Xiển giáo.

Đức Lão Tử, Đức Ngươn Thủy cùng 12 vị Tiên giáng phàm phá trận Tru Tiên này, có Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ở Tây phương đến giúp sức. Đức Lão Tử dùng Nguyên khí hoá Tam Thanh, đồng đánh vào 4 cửa trận, làm rối trí Thông Thiên Giáo chủ. Hôm sau, Đức Lão Tử, Ngươn Thủy, Đức Chuẩn Đề và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn dẫn các đệ tử đến đánh tan trận Tru Tiên, Thông Thiên giáo chủ đại bại hóa hào quang bay trốn mất.

Tử Nha thấu được ải Giải Bài, rồi kéo quân đến ải Xuyên Vân, gặp trận Ôn Hoàng của Lữ Nhạc và Trần Canh. Tại đây, Khương Thượng bị nạn 100 ngày trong

trận Ôn Hoàng. Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân sai học trò là Dương Nhậm đem cây quạt Ngũ Hỏa Thần Diệm xuống quạt tiêu trận Ôn Hoàng, cứu Tử Nha.

Binh Châu đoạt ải Xuyên Vân, liền kéo binh đến ải Đồng Quan. Tướng giữ ải là Dư Hóa Long có 5 người con trai là: Dư Đạt, Dư Triệu, Dư Đức, Dư Quang, Dư Tiên, đều có học phép Triệt giáo, luyện được 5 sắc đậu, rải xuống dinh Châu làm cho tướng sĩ đều bị bệnh đậu đầu đờn không dậy nổi. Nếu không có thuốc cứu chữa, thì trong 5 ngày, bệnh phát ra phải chết. Ngọc Đảnh Chơn Nhơn sai Dương Tiên lên Hỏa Vân Động, vào lạy 3 vị Hoàng Đế: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, để xin thuốc cứu bệnh. Thần Nông ban cho 3 hoàn thuốc và cây Thăng ma để trị bệnh đậu. Nhờ uống được thuốc, Tử Nha và tướng sĩ đều lành bệnh, đồng kéo quân đến đánh ải, giết cha con họ Dư, lấy được ải Đồng Quan.

Thông Thiên Giáo chủ bị bại mấy trận, tức mình lập trận Vạn Tiên, vô cùng lợi hại để đánh các Tiên Xiển giáo trả thù. Đức Lão Tử, Đức Ngươn Thủy và 2 vị Phật ở Tây phương phải xuống phàm một lần nữa để phá trận Vạn Tiên. Thông Thiên Giáo chủ phải thua chạy, đến một chân núi kia mới dừng lại ngồi nghỉ, trong lòng rất tức giận, định lập thêm một trận nữa gọi là trận Địa Thủy Hỏa Phong để giết chết 2 vị Giáo chủ Xiển giáo thì mới hả dạ.

Giữa lúc đó, nơi hướng Nam có một vùng mây Ngũ sắc hiện ra, hào quang sáng lòa, mùi hương thơm nức, rồi có một Ông Lão đi đến ngâm lớn:

*Từ đời Bàn Cổ ẩn trong rừng,  
Dạy được ba trò, dạ rất ứng,  
Xiển giáo chia ra cùng Triệt giáo,*

*Cho hay cũng một gốc Hồng Quân.*

Thông Thiên Giáo chủ giật mình, biết Thầy mình là Hồng Quân Lão Tổ đi đến, liền quì mọp xuống nghinh tiếp. Hồng Quân Lão Tổ phán:

– Các người, 2 bên đều có lỗi lầm cả. Nay phải bỏ lỗi lầm để hòa thuận cùng nhau. Nếu đứa nào không nghe lời, Ta không nhìn là đệ tử của Ta nữa. Hồng Quân Lão Tổ dắt Thông Thiên đến Lư Bồng để gặp Lão Tử và Nguơn Thủy. Hai vị này lật đật chạy ra khỏi Lư Bồng, quì mọp xuống đất nghinh tiếp Lão Tổ.

Hồng Quân Lão Tổ nói:

– Bởi các người dạy đệ tử không nghiêm, nên sanh ra sát kiếp, Xiển giáo và Triệt giáo giao tranh nhau. Nay Ta xuống đây lo việc giải hòa. Tại Ta không muốn nghe cãi lý, từ nay phải ăn năn chừa lỗi.

Lão Tử và Nguơn Thủy đồng cúi đầu dạ một tiếng rồi thưa rằng:

– Chúng con không dám cãi lịnh.

Hồng Quân Lão Tổ nói:

– Ba đệ tử hãy lại đây Ta bảo.

Lão Tử, Nguơn Thủy và Thông Thiên đến quì trước mặt Đức Hồng Quân Lão Tổ. Lão Tổ phán:

– Trên bước đường hành đạo, vì giáo lý của hai bên khiếm khuyết nên mới có cuộc tranh hành. Nhưng cũng do mệnh Trời định, gấp rút cho đủ số phong Thần. Song về lỗi lầm thì Thông Thiên lỗi nhiều hơn, không phải Ta thiên vị. Tuy vậy, Ta đến đây không phải để luận phải quấy mà chỉ muốn giảng hòa, vì phải quấy không ích gì, chỉ có thuận hòa mới quý. Mỗi bên phải nhin nhau một

chút, rồi bỏ những tánh khí của mình, trở về núi tu hành, đừng sanh sự lôi thôi nữa. Hồng Quân Lão Tổ lấy trong bầu thuốc ra 3 viên chia cho 3 đệ tử, rồi nói:

– Chúng bây nuốt mỗi đứa 1 viên thuốc rồi Ta giảng cho nghe.

Ba vị đệ tử uống thuốc xong, Lão Tổ nói:

– Thuốc này không phải thuốc bổ mà là thuốc bệnh, bệnh ấy là bệnh nóng giận. Hãy nghe bài kệ:

*Bởi vì ba gã khiến đua tranh,  
Lỗi đạo làm em, lỗi phân anh.  
Từ ấy còn mong lòng cự địch,  
Thuốc linh khắc phạt, mạng tan tàn.*

Ba vị đệ tử đồng tạ ơn Thầy. Hồng Quân Lão Tổ bảo Thông Thiên theo chơn mình về Cung Tử Tiêu, đừng dạy học trò nữa. Lão Tử, Nguơn Thủy và các học trò Tiên đồng lạy đưa Hồng Quân Lão Tổ. Xong, Nguơn Thủy nói:

– Nay hai ta và 12 vị đệ tử trở về động tu hành. Còn Tử Nha lo việc phạt Trụ, hoàn thành Bảng Phong Thần rồi mới trở về núi tu luyện.

Khi Nguơn Thủy Thiên Tôn đi được một lúc, Bạch Hạc Đồng tử thấy Thân Công Báo cỡi cọp chạy trốn. Nguơn Thủy liền trao Ngọc Như Ý và truyền Huỳnh Cân Lực sĩ bắt Thân Công Báo trị tội. Huỳnh Cân Lực sĩ đem nạp Thân Công Báo. Nguơn Thủy nói:

– Khi trước người thế làm sao thì bây giờ chịu vậy.

Thân Công Báo cúi mặt làm thỉnh chịu tội. Nguơn Thủy lấy tấm nệm quăng ra, Huỳnh Cân Lực sĩ bó Thân Công Báo lại rồi đem nhện đầu xuống biển Bắc cho chết đuối.

Tử Nha vào chiếm ải Lâm Động, chiêu an bá tánh.

Sau đó, Tử Nha tiến quân đến huyện Dẫn Trì, nhờ lá bùa của Cù Lưu Tôn, Vi Hộ mới giết được tướng thủ thành Dẫn Trì là Trương Khuê.

Tử Nha thỉnh Võ Vương qua sông Hoàng Hà, rồi kéo quân đến Mạnh Tân đóng trại để hội các chư Hầu.

Lúc bấy giờ, Trụ Vương phong Viên Hồng làm Đại Nguyên Soái, đem binh đến Mạnh Tân đánh với Khương Thượng.

Viên Hồng là con vườn bạch tu lâu năm, có Thất thập nhị Huyền Công giống như Dương Tiễn, nên Dương Tiễn đánh nó không thắng nổi, may nhờ bà Nữ Oa cho mượn phép bấu là Sơn hà Xá Tắc Đồ, mới lập kế bắt Viên Hồng giết đi. Chư Hầu đã họp tại Mạnh Tân đủ mặt, Tử Nha mừng rỡ nói:

– Trời định ngày Mậu Ngũ, chư Hầu nhóm đủ mặt để kéo quân đến Triều ca, nay quả thật như vậy.

Các tướng xin Tử Nha cho đánh gấp thành Triều ca, Tử Nha không chịu, sợ chết nhiều dân chúng. Tử Nha bèn thảo Tờ Hịch kể tội vua Trụ, nêu cao nhơn đức của Võ Vương, khuyên dân chúng trong thành sớm hàng đầu dâng thành, hoặc tìm phương trốn lánh để bảo vệ tánh mạng và tài sản khi quân lính đánh thành. Tờ Hịch này được chép ra nhiều bản, rồi kẹp vào tên, bắn vào thành Triều ca. Dân chúng trong thành nhận được, xem xong thì hưởng ứng, nửa đêm mở cửa thành rước Tử Nha và các trấn chư Hầu nhập thành.

Trụ Vương hay tin, biết không còn cách nào thoát chết nên lên lầu Trích Tinh tự thiêu mình. Hồn vua Trụ

bay lên đài Phong Thần.

Còn 3 con yêu: Đắc Kỷ, Hồ Hỷ My, Tỳ Bà Tinh, bị Bà Nữ Oa dùng dây Phược yêu bắt trời giao cho Tử Nha. Ba con yên đồng kêu oan:

– Năm xưa, Nương Nương dùng cây phước chiếu yêu gọi chị em tôi đến, sai vào cung phá trí khôn của Trụ Vương, phá tan cơ nghiệp Thành Thang. Chúng tôi vâng lệnh làm cho Trụ Vương hết vây cánh, nước nhà nghiêng ngửa. Nay chúng tôi đến định tâu cùng Nương Nương thì bị Dương Tiễn và 2 tướng đuổi theo, xin Nương cứu mạng. Nếu Nương Nương bắt chị em tôi giao cho Khương Thượng thì Nương Nương xuất hồ phản hồ sao?

Nữ Oa Nương Nương nói:

– Ta sai chúng bây phá cơ nghiệp vua Trụ là hợp ý Trời. Ta dặn các người đừng giết hại kẻ vô tội, song chúng bây không nghe, làm nhiều điều tội ác, tội đáng chết. Sao chúng bây bảo ta xuất hồ phản hồ?

Ba con yêu cúi mặt làm thỉnh chịu tội. Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử và Vi Hộ đem 3 con yêu nạp Tử Nha.

Nhờ bầu gương bấu của Lục Yểm, Tử Nha mới chém đầu được 3 con yêu, rồi cho đem bêu đầu ngoài cửa thành.

Võ Vương bảo Tử Nha phá Lộc đài, lấy châu báu chia cho dân nghèo, mở kho lúa tại Cự Kiêu phát chẩn cho dân bớt đói khổ.

Các trấn chư Hầu đồng tôn Võ Vương lên ngôi Thiên Tử, chấm dứt nhà Ân, mở ra nhà Châu, đại xá thiên hạ.

Tử Nha và Châu Công Đán sắt đặt các việc xong xuôi thì phò Võ Vương trở lại Tây Kỳ. Tử Nha tâu rằng:

– Tôi phạt Trụ đã xong, Bệ hạ dựng nghiệp nhà

Châu đã yên, song còn mấy trăm người tử trận chưa được phong Thần, xin Bệ hạ cho tôi lên núi Côn Lôn ít bữa để lãnh sắc nơi Tôn Sư thi hành cho xong việc.

Võ Vương y tấu. Xảy có quân vào báo:

– Có Phi Liêm và Ác Lai là tôi của vua Trụ, trước đây bỏ trốn, nay đem Ngọc Tỷ đến dâng Bệ hạ.

Tử Nha tâu:

– Có Phi Liêm và Ác Lai là 2 đứa nịnh của vua Trụ, trong loạn lạc ẩn mình, nay thái bình đến đây nhờ tước lộc. Loài gian hùng như vậy còn để làm chi, song tôi có việc dùng, xin Bệ hạ cứ đòi vào phong chức.

Sau đó, Tử Nha độn thổ lên Cung Ngọc Hư, vào ra mắt Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn. Ngài nói:

– Ta đã định rồi, Tử Nha hãy trở về đài Phong Thần, sẽ có sắc chỉ đến đó, Tử Nha lạy thấy rồi độn thổ trở về tâu lại cho Võ Vương rõ, xong đến đài Phong Thần chờ sắc chỉ tới. Bỗng nghe tiếng nhạc inh ỏi, mùi hương sực nức, ngó thấy Huỳnh Cân Lực sĩ cầm phướn che tàn, Bạch Hạc Đồng tử bưng Sắc ấn từ trên mây hạ xuống. Tử Nha đón nhận sắc chỉ để lên bàn Hương án rồi lạy tạ. Bạch Hạc và Huỳnh Cân Lực sĩ từ giả trở về.

Tử Nha sửa soạn đệ Sắc ấn lên núi Kỳ sơn. Bá Giám hay tin, vội ra nghinh tiếp. Tử Nha vào trong đài, để Sắc ấn trên hương án, truyền cho Võ Kiệt và Nam Cung Hoát làm phướn Bát Quái bằng giấy trấn 8 hướng, làm 10 cây cờ Thiên Can và 12 cây cờ Địa Chi, dẫn binh mã ba ngàn, lập trận Ngũ phương chung quanh đài.

Khương Thượng tắm gội sạch sẽ, truyền đặt bàn Hương án, bên tả dựng Hạnh Huỳnh Kỳ, bên hữu dựng

Đá Thần tiên, mặc áo giáp hấn hoi, mở Sắc ra tuyên đọc cho các hồn nghe cho rõ:

*“Hồn Nguơn Giáo Chủ Nguơn Thủy Thiên Tôn ban sắc:*

*Hỡi ôi! Tiên phạm khác bậc, người không đạo đức khó thành, quỷ riêng phần, kẻ ở gian tà phải đạo.*

*Địa Tiên dấu rõ điều biến hóa, không lòng lành cũng mất lễ trường sanh. Thiên Tiên tuy thông hiểu huyền quan, ra trận dữ cũng khó thành Chánh quả.*

*Các người, tuy thông đạo cả, một điều không đáp được lừa lòng, ra trận giao phong, sa trường bạc mạng; kiếm kẻ tôi ngay con thảo, vì trung nấy hiểu nọ bỏ mình; có người đức hạnh tiết trinh, bởi lẽ ấy tiết trinh hủy hoại; bị luân hồi báo oán, mắc nhân quả trả oan; nên ta chẳng an, động lòng phải thương.*

*Nay ban sắc cho Khương Thượng, thay mặt ta đứng phong Thần, từ 3 bậc 3 phần, phong vào 8 Bộ. Các người khỏi luân hồi chịu khổ, một lòng cố báo bổ giúp đời, nếu có công được hưởng lộc Trời, bằng có lỗi sẽ bị oai sấm sét.”*

Tử Nha đọc sắc rồi đem để trên bàn Hương án. Tay tả cầm Hạnh Huỳnh Kỳ, tay hữu cầm Đá Thần tiên, gọi lớn:

– *Bá Giám, hãy treo Bảng Phong Thần trước đài cho các hồn xem rõ, lúc nào kêu tên, các hồn mới được lên đài.* Bá Giám tuân lệnh, mở Bảng Phong Thần thấy tên mình đứng trên hết. Các hồn đồng đến xem.

Bỗng Tử Nha gọi: Bá Giám nghe sắc. Bá Giám liền cầm phướn đi lên đài quì xuống. Tử Nha đọc:

– *Thái Thượng Nguơn Thủy truyền sắc: Bá Giám xưa là Nguyên soái của Huỳnh Đế, vâng lệnh đánh Xi Vưu, trước*

*cũng lập công nhiều phen, sau bị chết nơi biển Bắc, hồn trung lạnh lẽo, cũng khá thương, chùng gặp Khương Thượng đem về giữ đài Phong Thần, đứng đầu 8 Bộ, gồm 365 vị.*

Bá Giám lạy tạ ơn rồi xuống đài.

Rồi lần lượt Tử Nha đọc sắc Phong Thần cho các hồn khác đủ trong 8 Bộ. Các vị Thần được phong đều rời khỏi đài, bay đi đến các nơi nhận lãnh phận sự. Tử Nha xuống đài, truyền cho Nam Cung Hoát về triều ra lệnh cho bá quan văn võ, ngày mai phải đến Kỳ sơn đủ mặt.

Ngày hôm sau, Tử Nha truyền lệnh trối Phi Liêm và Ác Lai đem xử trảm. Hai người kêu oan. Tử Nha nói:

– Hai đứa bây là lũ nịnh gian hùng, bày cho vua Trụ nhiều điều hại dân hại nước, lại trộm ngọc ấn đi đầu Châu, thật không chút lương tâm, sao hai người bảo là vô tội.

Võ sĩ chém xong hai người, Tử Nha lên đài Phong Thần đọc sắc:

*– Thái Thượng Nguyên Thủy truyền sắc: Phi Liêm và Ác Lai là 2 tên gian nịnh, ngỗ trộm ngọc ấn cầu vinh, không dè đem thân đi nạp. Bởi có tên trong Bảng Phong Thần nên khó trốn. Nay phong cho Phi Liêm làm Băng Tiêu, Ác Lai làm Ngõa Giải, tuy là chức xấu, không được làm hung.*

Phi Liêm và Ác Lai quì nghe đọc sắc xong thì lạy tạ rồi bay đi lãnh chức.

Việc Phong Thần chấm dứt, bá quan lui trở về triều.

Hôm sau, Võ Vương lâm triều. Bảy vị Thánh (Thất Thánh) gồm: *Lý Tịnh, Mộc Tra, Kim Tra, Na Tra, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử* và *Vi Hộ*, đồng quì tâu:

– Chúng tôi là người ở núi non, vâng lệnh thầy xuống giúp Bệ hạ. Nay đã thành công, chúng tôi xin trở về núi tu

hành, còn việc phú quý, chúng tôi không muốn.

Võ Vương rất buồn rầu, nhưng biết không thể cầm giữ Thất Thánh được, nên truyền làm tiệc tiễn hành tại Trường đình. Võ Vương và Tử Nha gạt lệ chia tay cùng Thất Thánh.

Hôm sau, Võ Vương lâm triều phán:

– Hôm qua 7 vị về non, Trẫm buồn quá sức. Nay đến việc phân phong cho các tướng có công trận, Trẫm giao cho Thượng Phụ và Ngự đệ Châu Công Đán thay mặt Trẫm làm cho công bằng.

Hai vị liền trở về dinh, bàn tính với nhau, rồi làm sớ tâu trình. Trong sớ xin truy phong cho 3 vị Vương tổ: Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương, đồng làm Thiên Tử. Châu Công Đán làm Lỗ Hầu cai trị nước Lỗ, Khương Thượng làm Tề hầu cai trị nước Tề, vv. . . . .

Võ Vương truyền dời đô về phủ Tây An, huyện Hàm Dương. Sau đó, ban búa Việt cờ Mao cho Khương Thái Công về nước Tề an dưỡng tuổi già, được quyền chinh phạt các nơi. Khương Thái Công đến nước Tề, nhớ đến người anh kết nghĩa Tống Dị Nhon là ân nhân của mình, nên tìm đến rước về chung hưởng giàu sang, nhưng vợ chồng Dị Nhon đều đã qua đời, con cháu đều rất giàu sang.

Khương Thái Công cai trị nước Tề được 5 tháng thì dân chúng nghiêm trang, thái bình thanh trị.

Thái Công có vợ, sanh được 2 người con trai, con trưởng tên là Cáp. Thái Công nhớ lời thầy dặn, truyền ngôi cho con là Cáp, rồi Thái Công trở về non tu luyện. Còn con trai kế được Võ Vương phong làm Kỷ Hầu, cai trị nước Kỷ.



Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, có đăng một bài Thánh giáo của Khương Thái Công giảng cơ ban cho, xin trích lục ra dưới đây:

*Đêm 16 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932)*

**THI:**

*NGẤ ý tần giao kết thiện nhơn,  
KHƯƠNG ninh duy hữu đức tài chơn.  
THÁI dương nhứt xuất giang sơn hiện,  
CÔNG trực phò trì hữu thiện duơn (duyên)*

**DIỄN DỤ:** Con người ở thế gian là chỗ ân oán trả vay, đến bồi đòi kéo, ấy là nợ tiền khiên oan trái. Còn một điều khổ nhứt là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Người làm quan, dẫu đeo ấn soái, đề bình khiển tướng, chinh Nam phạt Bắc, quân xuất vạn binh, sức mạnh như hùm, vạn phu nan địch, rủi cảm sương phong, nhuộm trâm kha chi bệnh, thì gió thổi cũng xiêu, có lấy chi làm võ nghệ, còn rủi bị sàm thần vu tấu, gặp lúc hôn quân mà bị hình thì vinh hiển như huỳnh lương chi mộng.

Làm giàu chịu chữ bất nhơn, cả nhà quyền thuộc chung hưởng, tội bất nhơn gánh vác một mình. Khi giàu sang, thiếu chi thân bằng cố hữu, thê thê thiệp thiệp; gặp lúc nghèo, vợ ở làng, thiệp làm nợ, bà con biếng ngó, lời ngạn ngữ cũng chẳng thông, tôi tớ đều lờn mặt.

Vậy, người ở thế gian, dẫu giàu sang danh lợi, có ích chi mà lại buộc điều oan gia trái chủ, xét lại chẳng hơn một chữ nhàn, tu hành khỏi lo ràng buộc. Khuyến thế trước lo xô nợ tiền khiên và đừng gây thêm mối nợ rồi bị luân hồi mà vay trả

*Ta khi ở thế, xét đủ việc đời bĩ thời, nên ngả lòng việc*

*thế gian, tâm thầy học đạo, dặng mối chơn truyền. Học đạo Tiên gia đã 40 năm, cũng vì kiếp trước gây nợ với Thân Công Báo 36 khoản, cho nên lúc phạt Trụ hưng Châu, thấy ta sai trở lại dương trần mà phụ tá Võ Vương cho thành đế nghiệp, và trả việc cứu hận của Thân Công Báo cho rồi rảnh.*

*Ta khuyên thiện nam tín nữ lo tu và xô cho hết nợ hồng trần thì ngày sau khỏi tái sanh mà trả nợ.*

THI rằng:

*Trần gian là chỗ kết oan gia,  
Nợ nước ơn vua với đạo nhà.  
Trái chủ khi cho ra có một,  
Người vay lúc trả phải hườn ba.  
Bưng vinh thẳng bước niên còn trẻ,  
Gánh nhục dừng chơn tuổi đã già.  
Thuyền lỗ chơi với dòng khổ hải,  
Nhắm chừng bị nợ nần lần qua.*

KHUƠNG THÁI CÔNG

**PHẦN THỨ NĂM:**

**TAM TRẦN OAI NGHIÊM**

**Đức Lý Đại Tiên Trưởng**

– Nhứt Trần Oai Nghiêm

**Đức Quan Thế Âm Bồ Tát**

– Nhị Trần Oai Nghiêm

**Đức Quan Thánh Đế Quân**

– Tam Trần Oai Nghiêm

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Tòa Thánh, ngày 28-6-Mậu Dần (dl 25-7-1938), có giảng giải: Tại sao thờ Tam Trần Oai Nghiêm?

*“Bồi Hạ ngưng cận mãn, nhưn vật đổi dời, đạo đức nhưn nghĩa luân lý cang thường đều bị lượn sóng văn minh vật chất làm hư hoại. Tam giáo đã thất chơn truyền do nơi tay phàm canh cải thành ra dị đoan bất chánh, nên Đức Chí Tôn khai Đại Đạo là cơ quan chuyển thế, phục lại Thượng ngưng cho thuận theo lẽ tuần hoàn qui cố.*

*Ba vị Tam Trần hiện nay đức hạnh hoàn toàn, đủ tư cách độ đời, rọi gương cho đoàn hậu tấn.*

**ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN**, buổi còn tại thế, Ngài làm quan đời nhà Đường, danh lưu ngôn ngữ, đánh đuổi binh giặc bằng tinh thần, chẳng tốn lương thảo tướng binh, mà cả cơ nghiệp đặng hòa bình, bảo an thiên hạ. Tánh chất của Ngài không thích công danh phú quý, thường ưa vui thú cờ rượu thi ngâm, hưởng cảnh thanh nhàn non Tiên động Thánh. Ngài phế quan từ chức, mộ Đạo tu hành, mới đắc quả vị Đại Tiên.

*Nay là buổi Hạ ngưng, chấn hưng Tam giáo, Đức Chí*

Tôn chọn Ngài cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thủ cơ truyền Đạo, lập Luật pháp, Nghị Định, Chơn truyền, công thường tội trừng, vô tư vô vị, chấp chuông cơ quan, tạo thời cải thế, đương kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thay mặt cho Tiên giáo.

**ĐỨC QUAN ÂM BỒ TÁT**, buổi còn sanh tiền, giữ trọn câu trung trinh tiết liệt, mộ đạo đức, chẳng mền cuộc phú quý vinh huê, đủ nghị lực, trọn tâm trải qua nhiều hoàn cảnh khổ sở truân chuyên mà chí tu hành không đổi, Bà mới đoạt thành phẩm vị Nữ Phật Tông Quan Âm Bồ Tát.

Kỳ Phổ Độ thứ ba này, thừa lệnh Đức Chí Tôn cùng Diêu Trì Phật Mẫu, cầm quyền Nhị Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Thích giáo, rọi gương bác ái từ bi, tế độ đoàn Nữ phái.

**ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN**, Ngài giảng trần nhưn đời Tam Quốc phân tranh, Ngài hết dạ tâm thành phò vua giúp nước, diệt tà tôn chánh, khuôn phò Lưu Tiên Chúa, giúp nên cơ nghiệp Hôn trào.

Ngài giữ trọn Tam cương, Trung, Nghĩa, Chánh trực, Công bình, đến buổi qui vị thì dạng hiển Thánh, nhờ Phổ Tịnh Thiên sư khai linh nên dạng phi thăng yết kiến Thượng Đế. Về sau, Ngài tiếp tục tu hành, trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, nên mới đắc phẩm Phật Đà Lam.

Nay đến kỳ Phổ Độ thứ ba, Đức Chí Tôn chọn Ngài cầm quyền Tam Trấn Oai Nghiêm, thay mặt cho Nho giáo, nắm luật công bình, diệt trừ những kẻ tà tâm, phản loạn chơn truyền, phân phe lập phái, làm cho nên đạo đức ra thiệt tướng. Thuở bình sanh, Ngài thường chú tâm bao biếm thiện ác, chỉ rõ 2 đường lành dữ khen chê. Lại nữa, là nhưn thời kỳ Nho giáo chuyển luân, nên thờ Đức Quan Thánh là rọi gương trung thành cho toàn Nam phái.

Tam Kỳ Phổ Độ thờ Tam Trấn Oai Nghiêm để thay mặt Tam giáo, đổi cũ ra mới, cho chúng sanh thấy rõ một tấm gương trong lịch sử.

Ấy là để cho đời nối chí lập tâm tu hành cho trở nên đời mỹ tục thuần phong, tức là đời Thánh đức.

Bởi Tam giáo qui phạm, thất chơn truyền, nên Đức Chí Tôn cho Tam Trấn cầm quyền vô vi lập Pháp Chánh Truyền đào tạo đời gọi là Chấn hưng Tam giáo.

Tại sao thờ Tam Trấn? Tại thời kỳ khai Đại Đồng Tam giáo: Nho, Thích, Đạo qui nguyên, Đức Chí Tôn làm chủ cầm quyền Chương pháp cho phù hợp trong buổi Hạ nguơn tuần hoàn chuyển thế. Ba vị Tam Trấn chấp chuông cơ quan mẫu nhiệm, trấn nhậm quyền hành, lập luật pháp, Đạo Nghị Định cho hiệp với Thiên thơ.

Vì thọ mạng lệnh Đức Chí Tôn nên trong toàn bốn đạo phải để tâm thành kính và phụng thờ Tam Trấn.”

## ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG NHỨT TRẤN OAI NGHIÊM

Đức Lý Thái Bạch là một vị Đại Tiên Trưởng (vào hàng Phật vị), thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhứt Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Tiên giáo thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm nhiệm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Giáo Tông của Đạo Cao Đài.

Trong một kiếp giảng trần ở nước Trung Hoa, Ngài sanh năm 701 đời vua Võ Tắc Thiên (Võ Hoàng Hậu của vua Đường Cao Tông), tại huyện Xương Minh đất Tây Thục. Bà mẹ của Ngài nằm mộng thấy sao Thái Bạch (tức sao Trường Canh hay Kim Tinh) rơi vào lòng Bà mà sanh

ra Lý, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Lý Bạch có dung nhan đẹp đẽ, cốt cách thanh kỳ, 10 tuổi đã đọc được sách của Bách gia chư tử, nhiều người khen là kỳ tài. Năm 15 tuổi, vừa học kiếm thuật vừa luyện văn chương, mở miệng thành thơ, ai nấy đều cho là Tiên dưới thế, nên gọi là Lý Trích Tiên.

Ngài thường đến Trúc Khê cùng với 5 vị là: *Khổng Sào Phủ, Hàn Chuẩn, Bùi Chính, Trương thúc Minh, Đào Miện*, tối ngày uống rượu ngâm thơ, mang tên là nhóm Trúc Khê Lục Dật.

Đức Lý Thái Bạch lấy hiệu là Thanh Liên Cư sĩ.

Bản tánh thích thơ và rượu, chẳng thiết tha đến danh lợi quyền, chỉ mong du ngoạn khắp danh lam thắng cảnh.

Năm 30 tuổi thành gia thất nhưng vẫn ôm mộng hải hồ. Nghe đồn quận Ô Trình đất Hồ Châu có thứ rượu tuyệt ngon, Ngài chẳng quản đường xa ngàn dặm, lần đến nơi, lên lầu gọi rượu uống tràn. Khi đó, Tư Mã Hồ Châu là Giả Diệp đi qua, nghe tiếng Lý Bạch ngâm thơ vang trên lầu, sai người hỏi xem ai? Lý Bạch liền đáp bằng 4 câu thơ:

Thanh Liên Cư sĩ, Tiên trần giới,  
Quán rượu ba mươi tuổi chẳng cầu.

Tư Mã Hồ Châu sao khéo hỏi,  
Như Lai Kim túc ấy thân sau.

Giả Diệp nghe, giật mình hỏi:

– Có phải Lý Trích Tiên ở đất Thục đó chẳng?

Rồi Giả Diệp ân cần mời Lý Bạch về tư dinh đàm đạo, thơ rượu suốt 10 ngày và thành thật khuyên:

– Lấy tài cao của túc hạ thì đoạt bào tía đai xanh

đẽ như nhật cọng cỏ, tại sao không đến Trường An dự khoa thi sắp tới?

Nét mặt chán chường, Lý Bạch đáp:

– Triều chánh thối nát, kẻ khéo nịnh thì được chức lớn, người đút lót nhiều thì được đậu cao. Vì vậy, Bạch này lang thang bầu rượu túi thơ, tránh bực mình trước bọn khảo quan dốt nát mà cứ làm ra ta đây là Thần Thánh, nhai đi nhai lại mấy chữ sáo của cổ nhân, đóng khung tư tưởng và tình cảm, trong đáy giếng nông cạn mà cứ tưởng là mênh mông biển cả.

Tiếc cho một tài năng quán thế mà chưa có chỗ dùng, Giả Diệp cũng rán khuyên:

– Tuy thế, cái danh chói lợi của túc hạ ai mà không biết, cứ đến Trường An, lo gì không có người biết mình mà tiến cử.

Lý Bạch rất cảm động với tấm chơn tình của Giả Diệp, bèn từ giả đi Trường An, Lý Bạch đến Cung Tử Cực du ngoạn thì gặp Hạ Tri Chương, quan Hàn Lâm Học Sĩ trong triều. Khi xưng tên họ thì cả 2 đều mộ danh nhau. Hạ Tri Chương rước Lý Bạch về nhà kết làm anh em, thù tạc tương đắc.

Khoa thi sắp mở, Hạ Tri Chương bảo Lý Bạch:

– Mùa Xuân năm nay mở khoa thi, quan Chủ Khảo Nam Tĩnh là Thái Sư Dương Quốc Trung, anh ruột của Dương Quý Phi, Giám Sát là quan Thái Úy Cao Lực Sĩ. Đó là một bọn tham ô điển hình của thời đại. Hiền đệ không có vàng bạc để đút lót, lại không chịu cúi lòn bọn tiểu nhân thì làm thế nào đạt được mục đích, mặc dầu văn tài của Hiền đệ xuất chúng. Tôi có quen biết 2 người

ấy, để tôi viết một bức thư tiến cử Hiền đệ, may ra họ nể tình tôi mà để cho Hiền đệ có dịp thi thố sở học bình sanh của mình.

Dương Quốc Trung xem thơ của Hạ Tri Chương liền nói với Cao Lực Sĩ:

– Không biết Hạ Tri Chương nợ Lý Bạch bao nhiêu vàng bạc mà lại viết thơ suông cho bọn mình. Thực cái bọn thi nhân mơ mộng ấy không hiểu gì về nhơn tình thế sự. Đến ngày nhập trường thi, cứ thấy quyển nào đề tên Lý Bạch là đánh hỏng, chẳng cần biết văn hay văn dở.

Đến ngày thi, quan Chủ Khảo ra đề. Lý Bạch xem qua, liền vẩy bút là xong bài, đem lên nộp. Dương Quốc Trung tiếp lấy xem, thấy đề tên là Lý Thái Bạch, liền loạ bút son ngang dọc, đánh rớt ngay không thương tiếc, lại còn bĩ mặt Lý Thái Bạch:

– Hạng thí sinh này chỉ đáng mài mực hầu người.

Cao Lực Sĩ lại a dua thêm:

– Thứ văn chương bã mía ấy chỉ đáng tháo giày xỏ tất cho người.

Hai người nói xong truyền lính tống cổ Lý Bạch ra khỏi trường thi.

Lý Bạch rất phẫn uất, về nhà phàn nàn với Hạ Tri Chương và thể rằng: Nếu sau này đặc chí sẽ bắt Thái Sư Dương Quốc Trung mài mực, Thái Úy Cao Lực Sĩ tháo giày thì mới hả dạ.

Hạ Tri Chương rất ân hận, vì chẳng những không giúp được Lý Bạch mà còn làm cho 2 tên tham quan nghi ngờ mà xử nhục Lý Bạch, nên hết lời an ủi khuyên lơn. Từ đó, Hạ Tri Chương không đá động gì tới việc thi cử,

sợ khơi dậy nổi phẫn uất của Lý Bạch. Hai người cứ uống rượu ngâm thi làm vui.

Thời gian thấm thoát trôi qua, bỗng một hôm có Sứ Thần Phiên quốc đưa thư đến triều đình. Vua Đường Huyền Tôn (thường gọi là Đường Minh Hoàng) sai Hạ Tri Chương nhận quốc thư và tiếp đãi Sứ giả. Khi mở quốc thư ra đọc thì không một ai biết đọc một chữ nào cả. Vua Đường triệu tập toàn thể các Đại Học Sĩ và triều thần để xem ai biết được thứ chữ Phiên đó. Cả triều thần đều nín lặng.

Vua Đường Huyền Tôn nổi giận phán:

– Trong triều có bao nhiêu người bằng vàng bia đá, mang lộc nước ơn vua, mà không ai biết tỏ lòng trung khi làm đại sự. Chẳng lẽ bằng này cấm bào hoa hốt mà không có lấy một người học rộng biết nhiều để gánh vác cùng Trẫm hay sao? Lá thư này không đọc được thì biết phúc đáp ra sao? Đến nỗi bị Phiên bang chê cười sỉ nhục thì Trẫm còn dùng các khanh để làm gì! Hạn cho 6 ngày, nếu không tìm ra người nào đọc được Phiên thư thì Trẫm sẽ cách chức hết thấy, đuổi tuốt về vườn.

Thánh chỉ ban ra, các quan đứng lặng như phỗng đá, mặt mày tái mét, nhìn nhau ngơ ngác.

Hạ Tri Chương làm quan Hàn Lâm Học Sĩ trở về dinh, mặt mày buồn bã, kể lại cho Lý Bạch nghe mọi việc vừa mới xảy ra ở triều đình. Lý Bạch nghe xong, thủng thỉnh nói:

– Nếu khoa thi trước, Bạch này không bị bọn Dương Quốc Trung và Cao Lực Sĩ làm nhục đánh hỏng thì triều đình hôm nay đâu bị cái nhục này.



Nghe vậy, Hạ Tri Chương mừng quýnh hỏi lại:

– Hiền đệ đọc được chữ Phiên đó hả?

Lý Bạch hững hờ đáp:

– Đâu có gì khó, đệ đã biết thứ chữ Phiên ấy từ nhỏ. Hôm sau, Hạ Tri Chương đi châu thật sớm, đợi 3 hồi chuông Cảnh Dương và trống Long Phung xong, Đường Minh Hoàng ra ngự điện, Hàn Lâm Học Sĩ Hạ Tri Chương liền bước ra quì tâu:

– Muôn tâu Thánh Thượng, hiện ở nhà thần có một người bạn tên là Lý Thái Bạch, học rộng biết nhiều, có thể đọc được Phiên thư, xin Bệ hạ triệu đến.

Minh Hoàng chuẩn tấu, sai sứ đến phủ triệu Lý Bạch.

Lý Bạch gọi lời sứ giả về tâu: “Thần là kẻ áo vải phương xa, kém tài kém đức, đâu dám phụng chiếu.”

Sứ về triều tâu lại, nhà vua hỏi Hạ Tri Chương:

– Lý Bạch không phụng chiếu, không hiểu ý tứ ra sao?

Hạ Tri Chương tâu bày:

– Tâu Bệ hạ, chắc Lý Bạch nhớ cái nhục năm trước trong trường thi, bị khảo quan không xem bài mà đánh hỏng, đuổi ra khỏi trường. Nay áo vải vào triều, cái hận năm xưa vẫn còn đè nặng trong lòng con người tài hoa tuyệt thế ấy, xin Bệ hạ rộng ban cho y tất y sẽ phụng chiếu.

Đường Minh Hoàng liền khâm tứ cho Lý Thái Bạch Tiến Sĩ Cập Đệ, ban cho bào tía đai vàng, hốt ngà, mào gấm để Lý Bạch vào châu cho vẻ vang, rồi sai Hạ Tri Chương mang chiếu chỉ và đồ gia ban về cho Lý Bạch. Lý Bạch vâng lời, mặc triều phục vào, đi cùng Hạ Tri Chương vào châu vua Đường và tạ ơn Thiên tử.

Đường Minh Hoàng nhìn thấy Lý Bạch có phong độ khác phàm, như Thần Tiên giáng thế, nên có lòng yêu trọng, dụ rằng:

– Nay có thư nước Phiên gửi đến, quần thần không ai hiểu được nên đặc triệu khanh vào để đọc thư và trả lời cùng Phiên quốc.

Nói rồi sai Thị thân đem thư giao cho Lý Bạch. Lý Bạch mở thư ra, cao giọng đọc trước triều đình thật lưu loát. Đại ý vua Bột Hải đòi vua Đường dâng nạp nước Cao Ly, nếu không thì chúng khởi binh đánh chiếm.

Minh Hoàng nghe xong cả sợ, hỏi văn võ triều thần:

– Các quan có kế chi để chế ngự Phiên quốc?

Hạ Tri Chương liền tâu, xin hỏi Lý Bạch, may ra có diệu kế đối phó với Phiên bang.

Lý Bạch liền tâu:

– Việc này có đáng gì để Thánh Thượng lo âu. Ngày mai, xin triệu Sứ Phiên vào triều, thần sẽ đối Phiên sứ mà viết thơ phúc đáp theo tự tích của người Phiên, trong thư tỏ rõ sức mạnh của Thiên triều, đồng thời sỉ nhục chúng, rồi phủ dụ chúng, để bắt chúng phải phục tùng.

Đường Minh Hoàng nghe vậy rất hài lòng, thấy rõ tài năng của Lý Bạch, liền phong Lý Bạch làm Hàn Lâm Học Sĩ, lại ban yến tại điện Kim Loan, truyền Lý Bạch được tự do chè chén, không cần bó buộc lễ nghi.

Lý Bạch vui say thả cửa, say túy lúy, nhà vua phải bảo nội thị đỡ Lý Bạch vào nằm ở Thiên điện.

Đầu canh năm hôm sau, Lý Bạch vẫn còn say, ngủ li bì. Minh Hoàng thẳng điện, truyền nội thị bắt ngự trù nấu canh cá chua dã rượu, đem đến để ban cho Lý Bạch.

Minh Hoàng chính tay trao đến cho Lý Bạch dùng. Bạch tạ ơn vua, dùng xong cảm thấy hết say, tinh thần sáng khoái.

Lát sau, Sứ thần vào châu. Lý Bạch tay cầm Phiên thư, đứng cạnh ngự tọa, cao giọng đọc hết lá thư, không nhầm một chữ. Phiên sứ thất kinh. Lý Bạch thay lời vua, dụ rằng:

– Nhà ngươi là Sứ của một nước nhỏ, dám vô lễ với Thiên triều, Thánh Thượng lượng bể bao dung, không nở hỏi tội, sẽ có chiếu xuống phúc đáp cho vua nước ngươi biết đâu là phải, biết đâu là quấy, nhà ngươi cứ ở đó mà đợi lệnh.

Minh Hoàng truyền đặt văn kỹ thất bảo cạnh ngự tọa, ban cho Lý Bạch cầm đôn ngồi cạnh vua để thảo chiếu.

Lý Bạch tâu:

– Thần có một lời tâu, xin Bệ hạ xá tội công vọng.

Đường Minh Hoàng liền chuẩn hứa:

– Khanh cứ tâu bày, dù có lầm lỗi, Trẫm cũng không bắt tội. Lý Bạch phấn khởi tâu xin:

– Trước thần vào thi bị Thái Sư Dương Quốc Trung và Thái Úy Cao Lực Sĩ xua đuổi. Nay thấy 2 người ấy tại triều, văn khí của thần bị bế tắc. Vậy cúi xin Bệ hạ sai Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày để thần được hùng tâm phấn khởi mà thảo chiếu thư làm cho Phiên vương phải bội phục mà triều cống.

Minh Hoàng đã lỡ hứa, không làm sao được, đành phải chiều ý Lý Bạch. Thế là Lý Bạch trả được cái hận năm xưa, trong lòng rất hả hê khoái chí nhưt đời, ngạo nghễ ngồi trên cầm đôn, nhìn Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy cởi giày, vênh mặt múa bút, loáng một chốc đã

xong tờ chiếu, dâng lên long án.

Minh Hoàng thấy chữ viết trong tờ chiếu không khác chi Phiên thư, tuy miệng không nói ra, nhưng trong bụng rất bằng lòng nghĩ rằng: Con người tài hoa uyên bác đến bậc này, dù bắt Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày, cũng không trách Trẫm được, rồi truyền Lý Bạch đọc chiếu cho Phiên sứ nghe.

Minh Hoàng nghe đọc, văn chương trác tuyệt, ý tứ tân kỳ, tô điểm Thiên triều, hạ thị Phiên quốc, hùng tâm đờm lược, lấy làm vui sướng, truyền nội thị giao chiếu cho Phiên sứ. Phiên sứ nhận chiếu rất kính sợ, không dám hó hé một lời, cúi đầu lạy tạ, lặng lẽ rút lui.

Hàn Lâm Hạ Tri Chương đưa tiễn Sứ Phiên ra khỏi triều. Phiên sứ hỏi:

– Quan thảo chiếu là hạng người nào mà khiến Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày?

Hạ Tri Chương liền đáp:

– Người ấy họ Lý, tên là Thái Bạch, làm quan Hàn Lâm Đại Học Sĩ, là một vị Tiên Thượng giới giáng trần để giúp Thánh triều. Thái Sư và Thái Úy bất quá chỉ là kẻ hiển ở thế gian, tất phải phụng sự bậc Thần Tiên ở Thượng giới.

Phiên sứ ghi nhớ mọi điều, trở về Phiên bang mà tâu trình các việc. Phiên Vương nghe sứ trở về tâu rõ các việc, rồi mở thư ra xem thì càng thêm sợ hãi. Thiên triều có Thần Tiên xuống giúp thì bao nhiêu vọng tưởng đều tiêu tan hết, bèn truyền viết biểu xưng thần, năm năm xin triều cống. Nhờ đó mà Minh Hoàng rất quý trọng Lý Bạch, ban cho Lý Bạch nhiều bạc vàng châu báu, nhưng

Lý Bạch đều đứng đưng từ chối.

– Bạc vàng châu báu không phải là sở nguyện của hạ thần, xin Thánh Thượng cho làm Vô Ưu Học Sĩ, du ngoạn, thi tửu một bầu, nghênh ngang vui thú.

Đường Minh Hoàng biết Lý Bạch là người thanh cao, không dám cưỡng ép. Từ đó, vua thường ban yến, giữ Lý Bạch ngủ lại Long điện để bàn việc chính sự trong nước.

Một ngày kia, Lý Bạch cỡi ngựa dạo chơi nơi đường phố Trường An, bỗng thấy một bọn đao phủ dẫn chiếc tù xa, hỏi ra mới biết viên tướng chịu tội là Quách Tử Nghi ở Tĩnh Châu. Lý Bạch biết họ Quách là một vị tướng tài ba, cần phải cứu nạn, liền chạy đến dặn bọn đao phủ tạm dừng xử quyết, chờ Lý Bạch vào triều trần tấu. Lý Bạch liền bay ngựa vào triều, yết kiến Minh Hoàng, cầu xin một đạo chỉ ân xá, rồi lại bay ngựa trở lại pháp trường, tuyên đọc chiếu ân xá Quách Tử Nghi và khuyến nhủ nên rón sức đá công chuộc tội.

Tử Nghi lạy tạ ơn cứu mạng, rồi hỏi họ tên, được biết người vừa cứu mình là Lý Bạch.

Dương Quý Phi là em ruột của Dương Thái Sư, thấy Minh Hoàng quá yêu mến Lý Bạch, thì đem lòng ghen ghét, thường tâu vua chê bai Lý Bạch kiêu ngạo, không giữ đúng lễ quân thần.

Nghe Dương Quý Phi nói vậy, Đường Minh Hoàng không triệu Lý Bạch vào cung yến tiệc, mà cũng không giữ lại trong cung để bàn việc nước. Lý Bạch thấy vậy biết ngay rằng bọn Dương Quốc Trung và Cao Lực Sĩ hiệp cùng Dương Quý Phi gièm pha với vua để tìm cách báo thù Lý Bạch.

Mấy lần Lý Bạch tâu vua xin đi du ngoạn, nhưng vua Đường vẫn giữ lại không cho đi. Lý Bạch chỉ biết cùng 7 người bạn thân cùng nhau thơ rượu, chén tạc chén thù, ngâm thơ đàn hát, vui thú thán ngày, nổi danh là ẨM TRUNG BÁT TIÊN, gồm: *Lý Bạch, Hạ Tri Chương, Lý Thích Chi, Nhữ Vương Dương Tiên, Thôi Tông Chi, Tô Tấn, Trương Húc, và Tiêu Toại.*

Một ngày kia, Đường Minh Hoàng triệu Lý Bạch vào cung để phóng thích con phượng hoàng về nơi cỏ nội mây ngàn, non xanh nước biếc.

– Trẫm thấy khanh tánh tình cao khiết, không thích ràng buộc chốn quan trường, nên Trẫm tạm cho khanh về quê vui thú, khanh có cần thứ gì, Trẫm sẽ ban cấp.

Lý Bạch liền quì tâu:

– Tâu Bệ hạ, thần cảm đội ơn đức của Bệ hạ, thần không cần gì ngoài một ít tiền để mua rượu, thơ rượu là nguyện vọng.

Đường Minh Hoàng liền ban cho Lý Bạch một tấm Kim Bài, trên đó khắc chữ ngự phê vào một mặt: *“Lý Bạch là Thiên hạ Vô Ưu Học Sĩ, đến đâu uống rượu thì công khổ phải chi tiền, Phủ cấp ngàn quan, Huyện cấp năm trăm. Văn Võ quân dân ai thất kính sẽ bị khép tội không tuân chiếu.”*

Nhà vua lại ban cho ngàn lạng vàng, bào gấm đai ngọc, yên vàng ngựa quý, và 12 người tùy tùng theo hầu Lý Bạch. Lý Bạch tạ ơn ông vua tri kỷ, rồi từ tạ. Minh Hoàng thân cầm 2 đóa hoa vàng lên mũ của Lý Bạch, thân tiễn 3 chung ngự tửu, truyền nội thị đỡ Lý Bạch lên ngựa ngay trước ngai vàng để đi ra khỏi triều môn. Đó là một ân huệ chưa từng có của thời phong kiến. Đường Minh Hoàng

bùi ngùi trông theo bóng của Lý Bạch đến khuất mới lui vào trong nội điện.

Trăm quan đưa rượu tiến hành đến ngoài 10 dặm. Hạ Tri Chương và 6 bạn nữa đưa tiễn rượu thơ đến ngoài trăm dặm, viết mấy trăm bài thi, đưa tiễn suốt 3 ngày mà vẫn chưa nở dứt tình tri kỷ. Hạ Tri Chương là người buồn nhứt vì yêu Lý Bạch nhứt.

Khi Lý Bạch về đến đất Thục, bạn bè quan viên hay tin đều đến thăm, thơ rượu xướng họa vui say. Hứa Phu nhân đón Lý Bạch, hân hoan nổi lại khúc cầm đàn của giai nhân và danh sĩ.

Sau nửa năm sống ở quê nhà, Lý Bạch lại động lòng bốn phương, liền nói với vợ là muốn đi du ngoạn sơn thủy. Hứa Phu nhân rất buồn thảm, đau đớn nỗi chia ly, nhưng phải cố làm vui để tiễn chàng thi sĩ.

Lần này, Lý Bạch không xênh xang trào phục, mà giả trang theo hàng Nho sĩ nghèo, dắt theo một đứa tiểu đồng, cỡi một con lừa tai vểnh để nghe thơ rượu ngâm vịnh dọc đường.

Ngày kia đi đến huyện Hoa Âm, dân chúng than thở quan Huyện hà khắc nhũng lạm thối nát. Lý Bạch có ý cảnh tỉnh quan Huyện, liền cho lừa nghênh ngang thẳng vào Huyện đường, vói tay đánh 3 hồi trống, làm như không biết có Huyện quan đang xét việc trên công đường. Huyện quan nghe trống, nhìn ra thấy một người đang cỡi lừa thì giận lắm, sai lính lệ ra lôi cổ tống giam vào ngục và bắt khai cung. Ngục quan sai quăng giấy bút vào cho Lý Bạch khai, nếu không sẽ đánh cho một trận. Lý Bạch cười, lượm giấy bút viết luôn: *“Người khai cung là Lý Bạch, quê ở Cẩm Châu, Hàn Lâm Học Sĩ, say rượu*

*thảo hồi thơ, sứ Phiên sớ thất phách, Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy cỡi giày, Kim Loan làm điện ngữ, thanh danh khét bốn phương, trước sân rồng lên ngựa, giữa huyện Hoa Âm, các người là thứ gì mà không cho ta cỡi lừa?”*

Ngục quan xem xong, hồn bay phách rụng, khấu đầu lạy Lý Bạch như tế sao, cầu xin tha tội. Lý Bạch cười bảo:

– Việc này không can gì đến người, hãy gọi quan Huyện tới đây nói rằng ta phụng chỉ tra xét tội tham nhũng của bọn người.

Ngục quan vội vàng mang tờ cung lên quan Huyện, thuật lại lời Lý Bạch. Tri Huyện hoảng sợ hết vía, chạy bay vào ngục, lạy van Lý Bạch, thỉnh Lý Bạch lên công đường để được nghe lời giáo huấn.

Chờ các quan hành lễ xong, Lý Bạch móc Kim Bài của vua ban cho đặt lên bàn, cho các quan trong huyện xem rồi phủ dụ:

– Lũ các người ăn lộc nước, chịu ơn vua, tại sao còn vợ vét tài sản của dân, nếu không hối cải, ta theo Kim Bài mà xử đoán, các người sẽ bị xử trăm cả lũ.

Quan Huyện lạy như tế sao, nhận tội và xin khoan dung, hứa trở thành một vị quan thanh liêm gương mẫu.

Tin này đồn đại ra khắp nơi, các quan địa phương khác đều tin là vua Huyền Tôn sai Lý Bạch đi các nơi tuần sát các quan, thăm hỏi dân tình, nên đều lo sợ, không dám làm điều bạo ngược với dân chúng.

Nói về giặc An Lộc Sơn nổi lên đánh vào kinh đô làm vua Đường Huyền Tôn phải bỏ chạy vào đất Thục; còn Thái Tử Lý Hanh được quần thần thuyết phục ở lại chiêu tập binh mã đánh lại An Lộc Sơn.

Thái Tử đến Linh Vũ rồi đưa hịch đi khắp nơi, thu thập những người trung nghĩa, tích thảo đồn lương, chuẩn bị phản công An Lộc Sơn. Các quan đồng tâu xin Thái Tử lên ngôi Hoàng Đế. Thái Tử bằng lòng, lên ngôi tại Linh Vũ, lấy hiệu là Túc Tôn, niên hiệu Chí Đức, tôn vua Huyền Tôn làm Thái Thượng Hoàng, tất cả các quan đều được thăng trật.

Túc Tôn định dâng biểu cho Huyền Tôn thì chiếu của vua Huyền Tôn vừa tới, phong Thái Tử làm Đại Nguyên Soái, cầm binh đánh dẹp giặc An Lộc Sơn.

Cuộc lên ngôi của Túc Tôn khi chưa có chiếu chỉ của vua cha bị nhiều người cho là bất hợp pháp, có nhà Nho lại nói: Nhân lúc khốn đốn, con cướp ngôi cha.

Lúc đó, Vĩnh Vương Lý Lâm (em của Thái tử Lý Hanh) đang trấn ở Giang Lăng thấy vậy không phục, nói rằng: "Thái Tử tự ý lên ngôi khi chưa có chiếu chỉ của Phụ Hoàng, thì ta đây cũng có quyền lên ngôi. Cả vùng Giang Lăng rộng lớn và trù phú thế này, sao ta không mưu lấy nghiệp riêng?"

Nói rồi, Lý Lâm lên ngôi làm vua ở Giang Lăng, lập triều đình riêng, mở cửa chiêu hiền đãi sĩ.

Nghe tin Lý Bạch là danh sĩ đang ẩn cư tại Lư Sơn, Lý Lâm cho sứ giả đến mời. Lý Bạch nói:

– Ta đã được vua Huyền Tôn phong làm Hàn Lâm Đại Học Sĩ, Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy cố giày cho ta, say rượu ngủ tại Kim Loan điện, lên ngựa trước ngai vàng, đi uống rượu thì quan Phủ, Huyện phải trả tiền, danh vọng đến thế mà ta còn không màng, huống chi ra làm mưu thần cho một tên phản loạn triều đình,

Nói xong, Lý Bạch đuổi sứ giả về.

Lý Lâm liền cho quân lính đến bắt cóc Lý Bạch đưa về Giang Lăng, chiêu dụ nhiều lần nhưng Lý Bạch như định thà chịu chết chứ không nhận làm quan cho Lý Lâm. Lý Lâm tức giận, đem Lý Bạch giam vào ngục Tần Dương.

Vua Túc Tôn, dẹp yên được giặc An Lộc Sơn, liền sai Hoài Nam Tiết Độ Sứ Cao Thích và Phó Sứ Lý Thành Vũ kéo quân đi hỏi tội Lý Lâm ở Giang Lăng. Vĩnh Vương Lý Lâm đại bại nên phải tự tử, còn Lý Bạch ở trong nhà ngục Tần Dương bị bắt giải về triều.

Vua Túc Tôn định xử tội Lý Bạch, thì Phó soái Quách Tử Nghi vội viết biểu tâu rằng:

*"Lý Bạch là đại tài tử, lại là người có phẩm cách tuyệt vời. Xưa Thượng Hoàng từng ban yến mời Lý Học Sĩ ra làm quan, mấy lần Lý Bạch đều từ chối. Nay Lý Lâm tiếm xưng, cho người đi bắt Lý Học Sĩ ép buộc làm quan, nhưng Lý Học Sĩ cương quyết từ chối, nên bị Lý Lâm bắt giam tại Tần Dương. Thần nguyện đem tánh mạng của dòng họ nhà thần trên 100 người ra để bảo đảm việc này. Xin Bệ hạ đừng giết oan một người tài giỏi và trung hậu như Lý Học Sĩ."*

Vua Túc Tôn cho pháp ty tra xét thì quả đúng như lời tâu của Quách Tử Nghi, nên Túc Tôn tha cho Lý Bạch.

Sau đó, vua Túc Tôn đi rước Thái Thượng Hoàng Đường Huyền Tôn nơi đất Thục trở về kinh đô Tràng An.

Thượng Hoàng nói với Túc Tôn:

– Hai tướng Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật đều có công lớn, nhưng công của Quách thì lớn hơn Lý nhiều. Việc thất bại vừa rồi không phải lỗi của Quách Tử Nghi mà bởi Quách Tử Nghi không được trọn quyền quyết định.



Túc Tôn vâng mệnh, nên về sau phong thưởng cho Lý Quang Bật làm Thái Úy Trung Thư Lệnh, còn Quách Tử Nghi làm Phàn Dương Vương.

Nhân đó, Thượng Hoàng nói:

– Bây giờ, mới biết Lý Bạch có con mắt tinh đời: Chỉ có anh hùng mới biết anh hùng! Nếu Lý Bạch không cứu Quách Tử Nghi lúc đó thì ai cứu được nhà Đường buổi nay? Nói đúng hơn là Lý Bạch đã cứu nhà Đường ta đó.

Vua Túc Tôn nghe Thượng Hoàng nói thế thì lấy làm ân hận vì đã đối xử không tốt với Lý Bạch.

Sau vụ Lý Lĩnh, Lý Bạch càng chán nản sự đời. Từ đó, Lý Bạch thả một lá thuyền cùng bầu rượu túi thơ, du ngoạn Động Đình Hồ.

Nột đêm trăng sáng tuyệt vời, thuyền đến ven sông Thái Trạch, khung cảnh huyền ảo, Lý Bạch ngồi lặng đầu thuyền, nhấp chén men say, hồn lâng lâng như bay bổng. Từ không trung có tiếng nhạc đưa đến, một con cá kình lớn nổi lên, Tiên đồng hiện ra giữa Trời, cầm phướn đến trước Lý Bạch, thưa: “Phụng lệnh Thượng Đế, xin rước Tinh Quân trở về ngôi cũ.”

Quan địa phương dâng biểu về triều, báo cáo sự việc Lý Thái Bạch thoát trần về Tiên.

Năm đó là năm 762, Lý Thái Bạch thọ 61 tuổi. Vua Đường Túc Tôn dạy lập Đền thờ tại bờ sông đề là “Lý Trích Tiên Từ”, ghi ngày kỷ niệm thoát trần, hằng năm cúng tế.

Đức Lý Thái Bạch có giảng cơ cho một bài thi tóm tắt cuộc đời của Ngài như sau:

### LÝ BẠCH (Noel 1925)

*Đường trào hạ thế hưởng Tam quan,  
Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhân.  
Ly rượu trăm thi, lời vẫn nhắc,  
Tánh Tiên muôn kiếp, vốn chưa tàn.  
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,  
Đầy túi thi văn đồ chứa chan.  
Bồng đảo còn mơ khi bút múa,  
Tả lòng thế sự vẽ giang san.*

(TNHT)

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ cho biết quyền hành của Ngài mà Đức Chí Tôn đã giao trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua bài thơ sau đây:

*Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch,  
Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu.  
Quyền năng vưng thuở Thiên triều,  
Càn Khôn Thế giới dặt dùi Tinh Quân.  
Tinh Quân thọ sắc thuở Phong Thần,  
Cho đến Đường triều mới biến thân.  
Thái Bạch Kim Tinh đang trị thế,  
Trường Canh Trích Tử đến thăm trần.  
Động Đình thi rượu đong muôn dẫu,  
Bồng Đảo câu Tiên nắm một cần.  
Vàng lịnh Ngọc Hư nay xuống thế,  
Tam Kỳ độ rỗi các nguyên nhân.*

LÝ THÁI BẠCH

### ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM

Quan có nghĩa là quan sát, xem xét, cũng có nghĩa là

nghe biết. Thế là đời, là cõi trần. Âm là tiếng nói, âm thanh.

Quan Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát nhận biết được tiếng kêu cứu của chúng sanh nơi cõi trần, Ngài liền hiện đến để cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

Do đó, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát còn được gọi là: *Tâm Thinh Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát, hay gọi tắt là: Quan Âm Bồ Tát hay Quan Âm Như Lai.*

Ngài là một vị Nữ Phật, nhưng còn mang danh hiệu Bồ Tát là vì Ngài còn nhiệm vụ cứu độ chúng sanh.

Phật giáo Tây Tạng gọi Ngài là Quán Thế Âm Phật, là vị Phật Nam, hộ trợ xứ Tây Tạng. Người Tây Tạng đều tin rằng, chính Ngài chuyển hóa vào thân Đức vua Đạt-Lai-Lạt-Ma cai trị xứ Tây Tạng, nên dân Tây Tạng xem Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma là vị Phật sống của họ.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có một hiện thân gồm 11 cái mặt, 1000 cánh tay, 1000 con mắt, có 108 hồng danh. Ngài ngự tại Đền Potala nơi kinh đô xứ Lhasa, Tây Tạng.

Ở Trung Hoa và Việt nam, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật do 2 truyện tích: Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Diệu Thiện.

Bất cứ hạng nào trong chúng sanh, khi bị lâm nguy tánh mạng, như gặp phải tai nạn lửa cháy, tai nạn chìm tàu, bị cướp hãm hại, bị tra khảo, tù đày oan ức, vv... nếu thành tâm niệm danh hiệu của Ngài để cầu cứu thì Ngài liền hiện đến mà cứu giúp cho tai qua nạn khỏi.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật, đại diện Đức Phật Thích Ca, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật

giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trên tấm diềm phía trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen, gần bìa phía tay mặt của Đức Lão Tử, thuộc bên Nữ phái.

Trong LUẬT TAM THỂ, Bát Nương có giảng cơ dạy rằng: *“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tào Hóa Thiên.”*

Theo các kinh sách truyền lại, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có 33 kiếp giáng trần, khi thì làm Nam nhi, khi thì làm thiếu nữ, khi thì giáng sanh vào nơi cao sang quyền quý, khi thì vào nơi bần cùng nghèo khổ, khi thì làm Đạo sĩ, khi thì làm Tỳ Kheo, vv. . .

Có 2 kiếp giáng trần làm phụ nữ của Ngài được người đời truyền tụng, đó là kiếp thứ 10: Ngài giáng trần làm nàng Thị Kính ở nước Cao Ly (Triều Tiên), tu hành đặc đạo, gọi là Quan Âm Thị Kính; và kiếp giáng trần sau chót ở nước Ấn Độ là Công Chúa Diệu Thiện, cũng tu hành đặc đạo tại Phổ Đà Sơn ở Nam Hải, nên gọi là Quan Âm Diệu Thiện.

Sau đây xin ghi lại 2 sự tích nổi tiếng này:

### SỰ TÍCH 1: QUAN ÂM THỊ KÍNH

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã đầu thai xuống trần tu hành được 9 kiếp rồi, đến kiếp thứ 10, Ngài giáng sanh vào nhà họ Mãng ở nước Cao Ly. Hai Ông Bà họ Mãng đã lớn tuổi rồi, nhà lại giàu có, nhưng chưa có con. Ngày

kia, hai vợ chồng lên chùa cầu tự, sau đó có thai và sanh được một gái, dung nghi đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang, đặt tên là Thị Kính.

Khi nàng Thị Kính đến tuổi cập kê, gần đó có chàng Thiện Sĩ, con nhà họ Sùng, cậy mai mối đến hỏi cưới Thị Kính. Vợ chồng Mãng Ông thấy phải đôi lứa nên bằng lòng gả Thị Kính cho Thiện Sĩ.

Nàng Thị Kính rất buồn bã vì phải về ở nơi nhà chồng, không ai săn sóc cha mẹ. Cha mẹ nàng an ủi: “Cha mẹ sanh con gái đến tuổi khôn lớn gả chồng, làm đẹp mà đẹp mặt cho cha mẹ là đủ rồi. Vả lại, nhà bên chồng của con cũng ở gần đây thì sự thăm viếng cũng thuận tiện.”

Từ khi về nhà chồng, nàng Thị Kính giữ một mực tôn kính, phụng sự nhà chồng, trong ấm ngoài êm, ai nấy đều khen ngợi.

Một ngày kia, nàng đang ngồi may vá, chàng Thiện Sĩ đọc sách mỗi mệ, đến gần chỗ nàng ngồi may nằm nghỉ và ngủ quên. Nàng thấy nơi cầm chông có mọc sợi râu bất lợi, nên sẵn cầm dao nhíp nơi tay, nàng đưa dao cắt đứt. Bỗng chàng Thiện Sĩ giật mình thức dậy, thấy vợ đang cầm dao đưa ngay vào cổ mình, vụt la hoảng: “Vợ tôi muốn giết tôi.”

Trong nhà vỡ lẽ, cha mẹ chồng chạy ra gạn hỏi, nàng cứ tình thật trình bày. Không ngờ cha mẹ chồng quá nghiêm khắc, bắt tội nàng mưu giết chồng, buộc Thiện Sĩ phải làm tờ thôi vợ, rồi cho mời Mãng Ông tới để lãnh con gái về.

Nàng Thị Kính phải mang mối hàm oan, đành lạy từ cha mẹ chồng, theo Mãng Ông trở về nhà. Nàng buồn

bã muôn phần, một là buồn cho số phận xui xẻo, hai là buồn cho cha mẹ phải mang điều phiến não. Nàng than rằng: Nếu nàng có anh em đồng thì nàng đành quyền sinh để khỏi mang tiếng như thế. Nhưng vì nàng là con một, nên nàng không dám hủy mình, sợ mang tội bất hiếu, mà ở như thế này thì cũng rất khổ tâm, cho nên nàng quyết định xuất gia, lo tu hành cho đắc đạo, rồi sẽ trở về độ cha mẹ.

Nàng lén cải trang thành một Nam tử, rồi bỏ nhà trốn đi, đến một ngôi chùa nọ thì gặp Sư cụ đang thuyết pháp. Nàng thấy Sư cụ là bậc chơn tu, nên xin Sư cụ cho thọ pháp qui y.

Sư cụ gạn hỏi nhiều lần, vì Sư cụ thấy trang thiếu niên này còn trẻ quá mà sao lòng chán đời, đến nương nhờ cửa Phật, gột rửa lòng phàm. Sư cụ thấy lòng thành và chí quả quyết của người thiếu niên, nên cho thọ pháp qui y, đặt Pháp danh là Kính Tâm, và nhận Kính Tâm làm đệ tử.

Sãi Kính Tâm là gái giả trai, nên dung mạo đẹp đẽ, làm cho hàng tín nữ trầm trồ, nhứt là nàng Thị Mầu, con của một vị trưởng giả giàu có ở vùng ấy. Thị Mầu nhiều lần trêu ghẹo Sãi Kính Tâm, đưa lời ong bướm, nhưng Kính Tâm vẫn trơ trơ như không hay biết. Thị Mầu quá si mê Kính Tâm, trong một lúc quá bốc bột, không kềm giữ được lòng dục, nàng tư thông với đứa tớ trai của nàng, khiến nàng có thai.

Làng xa thấy nàng Thị Mầu không chồng mà có chửa, nên gọi nàng và cha mẹ nàng đến tra hỏi.

Nàng khai rằng, nàng có tư tình với Sãi Kính Tâm nên mới ra có sự, và xin làng rộng tình cho Kính Tâm hoàn tục kết duyên với nàng.

Trống mõ inh ỏi, cửa Thiền xưa nay êm lặng, phút chốc trở nên huyền ảo, người làng đến đòi Sư Ông và Sãi Kinh Tâm ra làng dạy việc. Thấy trò không biết việc gì, cùng dắt nhau đi, đến nơi mới hay tự sự.

Tá hỏa tâm thần, thầy hỏi trò có sao cứ khai cho thiệt. Kinh Tâm một mực kêu oan, chớ không dám nói điều chi khác nữa.

Kinh Tâm bị làng đem ra tra tấn, đòn bộng, máu đổ thịt rơi, mấy lần bất tỉnh, nhưng Kinh Tâm vẫn một mực kêu oan. Sư Cụ động mối từ tâm, đứng ra xin bảo lãnh cho trò để đem về khuyên nhủ dạy răn.

Thấy thế, Hương chức làng cũng niệm tình ưng thuận.

Sau đó Sư Cụ bảo Kinh Tâm phải ra ngoài cổng Tam quan của chùa mà ở để tránh tiếng không tốt cho chùa.

Thời gian trôi qua, Thị Mầu sanh được một đứa con trai, nàng liền bồng đứa hài nhi đến cổng chùa giao cho Sãi Kinh Tâm, nói rằng: “Con của người thì đem trả cho người.”

Sãi Kinh Tâm đang tụng kinh, đứa hài nhi bị bỏ dưới đất, giãy giụa khóc la. Kinh Tâm nghe tiếng trẻ khóc, động mối từ tâm, chẳng cần dư luận, bèn ra ẵm đứa bé đem vào nuôi dưỡng.

Sư Cụ trách Kinh Tâm: “Trước kia, con nói con bị hàm oan, mà nay con lại nuôi đứa bé này, chính thầy đây cũng phải nghi ngờ nữa, huống chi là ai,” Kinh Tâm bạch rằng: “Bạch Sư phụ, khi xưa Sư phụ có dạy đệ tử rằng, cứu đặng một người thì phước đức hà sa. Đệ tử vâng theo lời thầy nên mới cứu mạng đứa bé này, chớ kỳ thật con

không có ý chi hết.”

Đứa trẻ càng lớn càng giống Kinh Tâm như hệt, lại có vẻ thông minh. Khi đứa bé được 3 tuổi thì Kinh Tâm lâm trọng bệnh, biết mình sắp lìa trần theo Phật, nên Kinh Tâm rón gối dậy viết 2 bức thơ: Một gửi cho Sư Cụ, hai là gửi cho cha mẹ ruột, ông bà họ Mãng, rồi dặn kỹ hài nhi làm đúng theo lời dặn.

Khi Sãi Kinh Tâm tắt hơi, đứa bé kêu cha khóc lóc một hồi, rồi nhớ lời cha dặn, liền đem thư vào đưa cho Sư Cụ.

Sư Cụ mở thư ra, xem xong trong lòng rất buồn ngùi thương tiếc, sai vài vị Ni cô ra khám xét thi thể của Kinh Tâm, thì rõ ràng Kinh Tâm là gái giả trai.

Tin Sãi Kinh Tâm là gái giả trai được truyền đi mau lẹ trong làng, làm mọi người hết sức ngạc nhiên.

Hương Chức trong làng đòi Thị Mầu tới, buộc tội cáo gian, phạt phải chịu tổn phí về các cuộc tống táng và làm ma chay cho Kinh Tâm.

Thị Mầu quá xấu hổ, bèn liều mình quyên sinh.

Đến ngày an táng Sãi Kinh Tâm, tức là nàng Thị Kính, mọi người đều nhìn thấy Đức Phật ngự tòa sen hiện ra ở trên mây, rước hồn của nàng Thị Kính về cõi Tây phương.

Chàng Thiện Sĩ rất ăn năn hối lỗi, nên phát nguyện tu hành. Tục truyền rằng, Đức Quan Âm Bồ Tát nhận thấy chàng Thiện Sĩ thật tâm hối lỗi và quyết chí tu hành, nên hiện đến cứu độ, đem về Nam Hải, hóa thành một con chim đậu một bên Đức Quan Âm Bồ Tát, mổ ngâm râu chuỗi bồ đề.

Quan Âm Bồ Tát cũng cứu độ đứa con nuôi, con ruột của Thị Mâu, đem về Nam Hải, đứng hầu bên Ngài.

Do đó, người ta họa hình Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đội mũ ni xanh, mặc áo tràng trắng, ngự trên tòa sen, bên tay mặt có con chim mỏ ngậm râu chuối bồ đề, bên dưới có đứa trẻ bện khôi giáp chấp tay đứng hầu.

Đó là lấy theo sự tích Quan Âm Thị Kính.

### Sự tích 2: QUAN ÂM DIỆU THIỆN hay QUAN ÂM NAM HẢI.

Theo sự khảo cứu của học giả De Groot, người Hòa Lan, kiếp chót của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là Công Chúa Diệu Thiện, con của vua Linh Ưu nước Hưng Lâm, một Tiểu quốc của Ấn Độ, ở về phía Đông Ấn Độ.

Từ ngày nhà vua lên ngôi đến nay đã 40 năm mà Hoàng Hậu Bửu Đức không hạ sanh được một vị Hoàng tử nào. Nhà vua cùng Hoàng Hậu đi lên núi Huê sơn cầu tự. Trên núi Huê sơn có một vị Thần rất linh hiển, ai cầu chi được nấy. Cầu tự xong, ít lâu sau, Hoàng hậu có thai, sanh đặng một Công Chúa, đặt tên là *Diệu Thanh*. Sau đó lại tiếp tục có thai sanh thêm 2 nàng Công Chúa nữa là: *Diệu Âm và Diệu Thiện*; không sanh được một Hoàng Tử nào.

Ba nàng Công Chúa lớn lên, nhà vua định hôn cho 2 chị của Diệu Thiện là Diệu Thanh và Diệu Âm, với 2 vị quan trẻ tuổi và tài giỏi trong triều đình; còn nàng con gái út Diệu Thiện thì nhứt định không chịu lấy chồng, mà lại còn có ý xin phép vua cha và mẫu hậu xuất gia tu hành.

Vua Linh Ưu tức giận, đày nàng Diệu Thiện vào ở trong Hoa Viên lo việc gánh nước tưới hoa, và làm các

công việc cực khổ khác; đồng thời cho người khuyến dụ nàng từ bỏ ý định đi tu, nhưng nàng nhứt định cam chịu khổ sở chứ không chịu từ bỏ ý định tu hành.

Thấy vậy, Hoàng Hậu rất đau lòng, liền xin với vua Linh Ưu cho Diệu Thiện vào chùa Bạch Tước tu hành. Nhà vua chấp thuận, và ngầm ra lệnh cho các tăng ni trong chùa bắt Diệu Thiện làm các công việc nặng nhọc vất vả, để nàng không chịu nổi mà sớm trở về Cung nội.

Diệu Thiện, tâm vẫn cương quyết, làm đầy đủ các bổn phận, dầu rất cực khổ, nhưng không một tiếng than, và luôn luôn lo việc tu hành.

Nhà vua thấy cách này thất bại, nên nghĩ ra cách sai lính đốt chùa, để nàng Diệu Thiện không còn nơi tu hành, đành phải trở về Cung nội. Quân lính phóng hỏa khắp 4 mặt, các tăng ni hốt hoảng lo chạy thoát thân, riêng nàng Diệu Thiện vẫn điềm tĩnh, nàng làm râm cầu nguyện, rồi lấy cây trâm chích vào lưỡi, ngược mặt phun máu lên không, tức thì mây đen hiện ra, giáng lát mưa tuôn xối xả, dập tắt hết các ngọn lửa. Quân lính đều hết sức kinh ngạc.

Nhà vua không vì sự mâu nhiệm đó mà hối hận việc làm, lại bắt nàng Diệu Thiện về triều, tổ chức các cuộc đàn hát vui chơi, để làm cho nàng Diệu Thiện say mê, bỏ việc tu hành. Nhưng vua cha vẫn thất bại với Đạo tâm vững chắc của nàng con gái út.

Nhà vua quá tức giận vì không thực hiện được ý mình, nên ra lệnh tối hậu cho nàng Diệu Thiện chọn một trong 2 điều: Một là phế việc tu hành, lo bề gia thất; Hai là chịu xử trảm vì cãi lệnh vua cha.

Nàng Diệu Thiện nhứt quyết chịu chết chứ không



chịu bỏ việc tu hành. Thần Hoàng Bốn Cảnh vội vã bay về Trời tâu trình Thượng Đế, và Đức Thượng Đế ra lệnh cho Thần mau trở về bảo hộ nàng Diệu Thiện.

Diệu Thiện bị đưa ra pháp trường hành quyết. Khi đao phủ đưa đao lên định chém xuống thì đao liền gãy nát; lại lấy cung tên dặng bắn cho chết thì khi mũi tên gần tới Diệu Thiện thì mũi tên bị gãy nát. Thấy không giết được Diệu Thiện bằng 2 cách trên, kẻ hành quyết liền dùng 2 bàn tay đến siết cổ Diệu Thiện. Bỗng đâu cuồng phong nổi lên, cát bay đá chạy, thiên ám địa hôn, một đạo hào quang bay đến bao phủ nàng Diệu Thiện, rồi Thần Hoàng hóa thành một con hổ lớn công Công Chúa Diệu Thiện chạy bay vào rừng. Các quan giám sát cuộc hành quyết bị một phen hoảng vía, trở về triều báo cáo lại với vua Linh Uất tất cả các việc.

Nhà vua không chút nao núng phán rằng: “Công Chúa mang tội bất hiếu nên bị cọp tha mất xác cho đáng kiếp.”

Công Chúa Diệu Thiện bất tỉnh, hồn Công Chúa thấy một vị Sứ giả mặc áo xanh, tay cầm tờ giấy nói rằng: “Diêm Vương mời nàng xuống Diêm Cung để xem các cảnh khổ não và những hình phạt nặng nề những linh hồn mà trong kiếp sanh đã làm nhiều điều ác độc.”

Thập Điện Diêm Vương cũng muốn nghe nàng thuyết pháp. Công Chúa vâng lệnh, dùng tâm từ bi và sức thần thông thuyết pháp cho 10 vua nghe, các tội hồn trong ngục cũng được nghe và liền giác ngộ. Trong phút chốc, chốn U Minh thành Lạc Cảnh, và các tội hồn đều được thoát ra khỏi ngục, đầu kiếp trở lại cõi trần.

Thấy các cửa ngục đều trống trơn, Thập Điện Diêm

Vương vội đưa hồn Diệu Thiện trở lại dương thế và cho nhập vào xác. Nàng tỉnh dậy, thấy mình đang nằm giữa rừng vắng vẻ, không biết phải làm sao và đi phương nào.

Đức Phật Nhiên Đăng hiện ra trên mây, bảo nàng hãy đi ra biển Nam Hải, đến núi Phổ Đà, tu hành thêm một thời gian nữa thì sẽ đắc đạo, đạt vị Như Lai. Muốn đi đến đó, phải trải qua 3000 dặm đường. Đức Phật Nhiên Đăng lại tặng cho nàng một trái Đào Tiên, ăn vào không biết đói khát trọn năm, mà còn được trường sanh bất lão.

Nàng Diệu Thiện nhận lãnh và bái tạ Đức Phật, đoạn nàng tìm đường đi đến Nam Hải. Thái Bạch Kim Tinh hiện xuống, truyền cho Thần Hoàng biến ra Thần hổ, công Diệu Thiện đến Phổ Đà Sơn cho mau lạ.

Tại Phổ Đà Sơn, nàng Diệu Thiện tu thiền định trong 9 năm, đạo pháp đạt được cao siêu.

Ngày **19 tháng 2** năm ấy, là ngày thành đạo của Công Chúa Diệu Thiện. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến chúc mừng và xưng tụng vị Bồ Tát mới đắc đạo. Công Chúa Diệu Thiện ngự trên tòa sen, hào quang sáng lòa, xưng là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Lúc ấy chư Thánh muốn lựa một Đồng tử để theo hầu Ngài, thì may đâu lúc đó có một vị tên là Hoàn Thiện Tài, mồ côi cha mẹ, phát nguyện tu hành, qui y Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, nay nghe nơi Phổ Đà Sơn có một vị Bồ Tát mới đắc đạo, nên xin đến hầu Ngài.

Trước khi chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, Đức Quan Âm muốn thử xem tâm chí của Thiện Tài ra sao. Ngài truyền cho Sơn Thần Thổ Địa hóa làm ăn cướp đến bắt Ngài, Ngài giả bộ sợ sệt kêu la cầu cứu và ngã té xuống hố

sâu. Thiện Tài chạy đến cứu thầy, và nhảy theo xuống hố. Thiện Tài thiệt mạng, chơn hồn liền xuất ra khỏi xác, đến hầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và được thâu làm đệ tử.

Về sau, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thâu thêm Long Nữ, con gái của Đệ Tam Thái Tử của Long Vương Nam Hải, làm đệ tử.

Nguyên ngày kia, Long Nữ hóa làm con cá đi dạo chơi trên mặt biển, chẳng may bị một ông chài bắt được. Ông đem cá ấy ra chợ bán. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát biết được, sai Thiện Tài Đồng tử hóa ra một người thường, đi ra chợ hỏi mua con cá ấy, rồi đem ra biển Nam thả xuống.

Nam Hải Long Vương nhớ ơn cứu tử cháu nội của mình, nên dạy Long Nữ đem một cục ngọc quý là Dạ Minh Châu đến dâng cho Bồ Tát để Bồ Tát đọc sách ban đêm mà không cần đèn.

Long Nữ đến dâng ngọc xong, lòng hết sức cảm phục Bồ Tát, nên xin qui y và được Bồ Tát thâu làm đệ tử.

Từ ấy, Thiện Tài Đồng tử và Long Nữ luôn luôn theo bên cạnh để lo phụng sự Bồ Tát.

Nhắc lại, từ khi vua Linh Ưu ra lệnh giết chết Diệu Thiện, và Diệu Thiện được Thần Hoàng cứu thoát, nhà vua mắc một chứng bệnh nan y vô cùng khổ sở, thân thể nhà vua bị lở loét ngoài da cùng mình, mùi hôi thối xông ra nồng nặc, nhức nhối đau đớn vô cùng. Nhiều danh y tới điều trị mà bệnh vẫn không thuyên giảm chút nào.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ở Nam Hải hay biết việc đó, nên Ngài hóa ra một vị sư già, đi đến kinh thành xin vào trị bệnh cho vua Linh Ưu.

Sau khi xem mạch vua, vị sư già tâu: “Bệnh của Bệ

hạ do oan nghiệt nhập với chất độc cao lương mỹ vị và tửu nhục hằng ngày, nên phát sanh ra ngoài da thành bệnh nan y. Nếu muốn chữa lành thì phải có đôi mắt và đôi cánh tay của một người con thì mới chế thuốc được.

Nghe vậy, nhà vua cho đòi 2 Công Chúa Diệu Thanh, Diệu Âm và 2 Phò Mã đến, rồi nhà vua lập lại lời nói của vị sư già, hỏi xem có đứa con nào dám hy sinh để trị bệnh cho vua cha không?

Hai Công Chúa cùng tâu: “Xin Phụ vương đừng nghe lời ông sai lầm này, bởi vì một người bị khoét đôi mắt và bị chặt hết 2 tay thì dù có sống cũng chẳng ra chi. Chẳng lẽ cứu bệnh một người mà lại hủy hoại một người khác hay sao?”

Vua Linh Ưu chợt nhớ tới Công Chúa út là Diệu Thiện, liền than: “Nếu Diệu Thiện còn sống thì Trẫm ắt lành bệnh, vì Diệu Thiện sẽ hy sinh cho Trẫm.”

Vị Sư già liền tâu: “Tâu Bệ hạ, Bần tăng biết rõ Công Chúa Diệu Thiện hiện vẫn còn sống, ở tại núi Phổ Đà, biển Nam Hải. Xin Bệ hạ cho người đi đến đó, tìm Công Chúa thì may ra chế được thuốc cho nhà vua. Bần tăng xin để thuốc lại đây, khi nào có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện đem về thì nhập với thuốc này, nấu chung lại, rồi trong uống, ngoài thoa, bệnh của Bệ hạ sẽ hết ngay.”

Vị Sư già nói xong thì từ giã nhà vua trở về núi.

Vua Linh Ưu rất mừng, liền cho sứ giả sắp đặt hành trang lên đường đi Nam Hải, tìm Công Chúa Diệu Thiện. Khi sứ giả đến được Phổ Đà Sơn thì gặp một Đồng tử bưng ra một cái mâm phủ vải trắng còn thấm máu tươi, trong đó có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện, đem ra

trao cho sứ giả và nói:

“Đây là đôi mắt và 2 cánh tay của Công Chúa Diệu Thiện, sứ giả hãy mau đem về chế thuốc trị bệnh cho vua.”

Hoàng Hậu khi nhìn thấy sứ giả đem đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện về, còn dính máu tươi thì òa lên khóc mướt. Thị vệ liền đem nấu với thuốc do vị Sư giả để lại, cho nhà vua uống phân nửa, còn phân nửa để thoa lên khắp mình mẩy, phút chốc, thân thể nhà vua lành lặn như xưa, hết đau nhức, mà lại còn cảm thấy khỏe khoắn hơn trước.

Vua Linh Ưu và Hoàng Hậu cảm mến ơn nghĩa của Diệu Thiện, nên quyết định đi ra Phố Đà Sơn một chuyến để tạ ơn. Xa giá đang trình, gặp không biết bao nhiêu nguy hiểm, nhưng đều được Quan Âm Bồ Tát dùng thần thông cứu khỏi.

Đến nơi, vua Linh Ưu và Hoàng Hậu thấy một vị Bồ Tát đang ngự trên tòa sen, nhưng mất cả 2 cánh tay và 2 con mắt. Vua biết đó là Công Chúa Diệu Thiện, con của mình, nên vô cùng xúc động, nhớ lại mà ăn năn sám hối lỗi lầm, rồi đồng quỳ xuống cầu nguyện cùng Trời Phật xin cho Công Chúa được lành lặn như xưa.

Sự thành tâm cầu nguyện của vua và Hoàng Hậu có kết quả, Bồ Tát Diệu Thiện liền hiện hào quang với đầy đủ 2 tay và 2 mắt như lúc trước.

Lúc ấy, vua và Hoàng Hậu đều giác ngộ, quyết rời bỏ điện ngọc ngai vàng, đem mình vào chốn Thiền môn, lo tu hành cầu giải thoát.

#### **Nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:**

Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết, nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do Đức Từ Hàng Bồ Tát

biến thân.

TNHT. I. 31: “Người ta gọi *Quan Âm* là *Nữ Phật Tông*, mà *Quan Âm* vốn là *Từ Hàng Đạo Nhơn* biến thân. *Từ Hàng* lại sanh ra lúc *Phong Thần* đời nhà *Thương*.” (Nhà Thương bên Tàu khởi đầu từ năm 1766 và dứt vào năm 1122 trước Tây lịch). Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nhân ngày Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tại Đền Thánh, thời Tý ngày 19-2-Kỷ Sửu (1949), cũng có nói như sau:

“Hôm nay là ngày vía của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Bản đạo đã thường nói, nơi cửa Thiêng liêng Hằng sống, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng ở trong gia tộc sang trọng và oai quyền hơn hết.

Cái nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do nơi Pháp thân của Từ Hàng sản xuất. . . .”

Do đó, trong Kinh Đệ Bát Cửu có câu:

*Cung Tận Thúc thân thông biến hóa,  
Phố Đà Sơn giải quả Từ Hàng.*

Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, Đức Từ Hàng Bồ Tát chiết chơn linh giáng trần, tu hành qua nhiều kiếp, cuối cùng đắc đạo tại Phố Đà Sơn, hiệu là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Trong con đường Thiêng liêng Hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vãng lịnh Đức Phật Vương Di-Lạc “chèo thuyền Bát Nhã Ngân Hà độ sanh”.

“Bản đạo chỉ nói nơi xa xăm của chúng ta đi qua, chúng ta thấy hình trạng Bát Quái Đài, dưới chân có Thất đầu xà, và dưới mình của Thất Đầu Xà là Khổ Hải, tức là cảnh trần của chúng ta đó vậy.

Bên kia, có liên tiếp mật thiết vô một nẻo sông Ngân Hà, rồi Bần đạo chỉ cho hiểu rằng, từ Khổ Hải về cảnh Thiêng liêng Hằng sống phải đi ngang qua Ngân Hà, có một chiếc Thuyền bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chèo qua lại sông Ngân Hà và Khổ Hải đặng độ sanh thiên hạ.”

Hội Thánh của Đạo Cao Đài chọn ngày 19 tháng 2 âm lịch là ngày thành đạo của Công Chúa Diệu Thiện làm ngày Vía Kỷ niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Hằng năm, khi đến ngày nầy, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại Đàn cúng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức và nhiệm vụ của Ngài trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KINH CỨU KHỔ là bài kinh đặc biệt cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn chúng sanh.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có giảng cơ ban cho 2 Bài Kinh Thiêng đạo là:

- Kinh Hạ Huyết
- Kinh Khai Cứu, Đại Tường và Tiểu Tường.

Trong TNHT, có đăng nhiều bài Thánh giáo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Mặt khác, trong Kinh Tam Ngươn Giác Thế, cũng có một bài Thánh giáo của Ngài, xin trích ra sau đây:

**Đêm mừng 2 tháng 11 năm Tân Mùi (1931).**

**THI:**

*Nhứt hoành nhị thập kiến giai thì,  
Lục nhứt đạo thành hiệp nhứt chi.*

*Thứ kỷ thương nhơn tâm bất tại,  
Nhị nhơn thê mộc diệt nguyên qui*

*Giải rõ thi chiết tự:*

Nghe ta giải, khá chép mỗi hàng là 12 chữ:

Hai mươi, chữ Nhứt, chữ Giai hiệp chữ Kiến là chữ: QUAN.

Chữ Lục hiệp với chữ Nhứt và chữ Nhứt là chữ: ÂM.

Chữ Thứ mà bỏ bớt chữ Tâm còn lại chữ: NHƯ.

Chữ Mộc mà thêm vô 2 chữ Nhơn gọi là chữ: LAI.

**DIỄN DỤ:**

Phàm làm người ở thế gian, một kiếp phù sanh, nghĩ lại chẳng bao lâu, tuy số định trăm năm chớ ít người bảy chục, còn e 2 nẻo rủi may: Đường may là người nhờ kiếp làm quan trung quân ái quốc, giữ tánh thanh liêm, dạy dân lễ nghĩa, hồi đầu tỉnh ngộ lo tu, đời sau hưởng phước; còn gặp đường rủi là: làm quan chẳng dạ ngay vua, mạnh thế lộng quyền, hữu hoài oán nghịch chi tâm, chẳng giữ thanh liêm, hiếp dân, thâu hối lộ làm giàu, bức hiếp kẻ nghèo mà làm cự phú, chác sự oan gia trái chủ, thời phải bị sanh liễu hựu tử, tử liễu hựu sanh, luân hồi chẳng dứt.

Nay gặp Trời ân xá lần ba, khuyên thiện nam tín nữ lo tu bồi đạo đức mà hưởng phước ngày sau, còn người mộ việc tu hành cũng thành Chánh quả.

Nếu tu thời bỏ hết cuộc giàu sanh vui sướng ở thế gian. Hãy biết thế gian, muôn việc đều giả, trăm kể cũng không.

**THI rằng:**

*Khán đắc phù sanh nhứt thế KHÔNG,*

*Diễn viên sân nghiệp diệp giai KHÔNG.  
Thê nhi phụ tử chung ly biệt,  
Phú quý công danh tổng thị KHÔNG.  
Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,  
Kim ngôn bá kể nhứt trường KHÔNG.  
Tiền tài thâu thập đa tân khổ,  
Lộ thượng huỳnh tuyển lương thủ KHÔNG.*

*Quan Âm Như Lai*

### ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN TAM TRẤN OAI NGHIÊM

Đức Quan Thánh Đế Quân, hay gọi đầy đủ là: Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, là Đệ Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trên tấm diềm trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thánh Đế Quân với tư thế đang ngồi xem sách Xuân Thu, ở về phía tay trái và bên dưới của Đức Khổng Tử, gần bìa phía trái, thuộc bên Nam phái.

Ngài có nhiều danh hiệu, xin kể ra sau đây các danh hiệu thường gặp: Quan Công, Quan Thánh, Quan Đế, Nhân Đức Thánh Quân, Phục Ma Đại Đế, Thần Oai Viễn Trấn, Phật Già Lam, Cái Thiên Cổ Phật, ...

Ngài giáng trần nơi nước Trung Hoa vào cuối thời nhà Hán, họ Quan, tên Võ (hay Vũ), tự là Thọ Trường, sau đổi lại là Văn Trường, người đất Giải Lương, tỉnh Hà Đông (có sách chép Ngài sinh tại Bồ Châu).

Theo Trung quốc Sử lược, Ngài bị giết chết năm 219 sau Tây lịch, và theo truyện Tam Quốc Chí, Ngài bị Tôn

Quyển xử trăm, năm đó là năm Kiến An thứ 24, hưởng được 58 tuổi. Do đó, ta có thể suy ngược ra năm sanh của Đức Quan Thánh là: 219 - 57 = 162 sau Tây lịch.

Vậy, Đức Quan Thánh sanh năm 162 và mất năm 219 sau Tây lịch, hưởng thọ 58 tuổi.

Theo sách Minh Thánh Kinh, thân phụ của Quan Võ là Quan Nghị, tự là Đạo Viễn, Ông nội là Quan Thẩm tự là Văn Chi, và Ông Cố là Quan Long Phùng.

Theo truyện Tam Quốc Chí, Quan Võ đi đến Trác Quận, thì gặp Lưu Bị và Trương Phi. Lưu Bị nhìn Quan Võ thấy Quan Võ mình cao 9 thước, mặt đỏ như thoa son, mắt phượng mày ngài, tướng mạo đường đường, oai phong lẫm lẫm, liền mời nói chuyện để làm quen.

Quan Võ tự giới thiệu: Tôi họ Quan, tên Võ, tự là Văn Trường, người đất Giải Lương, tỉnh Hà Đông. Nhân vì vùng tôi có một tên thổ hào ý thế hiếp đáp dân lành, tôi nổi giận giết nó, rồi bỏ đi lánh nạn. Tôi phiêu bạt giang hồ đã hơn 5 năm, nay nghe có giặc Khăn Vàng (Huỳnh Cấn) nổi lên quấy nhiễu, nên muốn đầu quân trừ giặc, cứu an bá tánh.

Lưu Bị và Trương Phi cũng đem chí nguyện của mình tỏ bày, thì 3 người rất hợp chí hướng, đồng kéo nhau về nhà Trương Phi gần đó. Trương Phi nói:

– Muốn làm nên việc lớn, cốt phải hiệp sức đồng tâm. Sau nhà tôi có một Vườn Đào (Đào Viên) đang tiết nở hoa rất nhiều, ngày mai chúng ta đến đó tế cáo Trời Đất, kết nghĩa làm anh em.

Lưu Bị (Lưu Huyền Đức) và Quan Võ (Quan Văn Trường) đều cho lời nói của Trương Phi (Trương Dực



Đức) là phải. Ngày hôm sau, Trương Phi sai gia nhân mổ trâu đen, ngựa trắng, bày đủ lễ nơi Đào Viên, ba người đứng trước Hương án, vái mỗi người 2 vái, rồi cùng nhau thề rằng:

*“Ba chúng tôi là Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, tuy khác họ, nhưng kết làm anh em, quyết đồng tâm hiệp lực cứu khổn phò nguy, trên báo đáp quốc gia, dưới giúp yên bá tánh. Chúng tôi không mong được sanh cùng năm cùng tháng cùng ngày, chỉ nguyện được chết cùng ngày cùng tháng cùng năm. Hoàng Thiên Hậu Thổ chứng giám lời thề này, ai bội nghĩa có Trời Đất tru diệt.”* Thề xong, 3 người so tuổi nhau, Lưu Bị 28 tuổi, lớn tuổi nhất nên làm Anh cả, Vân Trường làm thứ và Trương Phi làm em út.

Trương Phi sai gia nhân bắt trâu dê trong chuồng làm thịt đãi tiệc tại Vườn Đào, tập trung tất cả các tráng sĩ trong vùng đến ăn uống. Các tráng sĩ tề tựu có tới hơn 300 người, vui say một bữa thật no nê. Hôm sau, mọi người chia nhau đi thu thập khí giới. Mọi việc tạm yên, chỉ hiềm còn thiếu ngựa trận để cỡi.

Trong lúc lo tính, bỗng có người chạy vào báo: “Có 2 người khách thương cùng đoàn tùy tùng dẫn theo bảy ngựa khá đòng đang đi về hướng trang trại này.”

Lưu Bị nói: “Đây là Trời giúp ta.”

Ba anh em vội ra khỏi trại. Hai vị khách thương này chính là thương gia lớn ở đất Trung Sơn, một người tên là Trương Kế Bình, một người tên là Tô Song, hàng năm thường lên mạn Bắc mua giống ngựa khỏe đem về bán ở Trường An. Nay vì miền này có giặc, nên không thể đem ngựa đi được.

Lưu Bị hối dọn tiệc đãi đoàn khách thương, rồi đem ý muốn chống giặc cứu dân của mình ra bày tỏ. Hai vị khách thương vui lòng hiến cho 50 con ngựa khỏe, lại tặng thêm 500 lượng vàng bạc, và 1000 cân thép tốt để rèn binh khí và làm giáp trụ.

Khách cáo từ. Lưu Bị tạ ơn, và tiễn chân khách đến mấy dặm đường mới trở về.

Sau đó, Lưu Bị cậy thợ rèn giỏi chế tạo một đôi Song Cổ kiếm; Quan Võ thì một cây đại đao Thanh Long Yển Nguyệt, còn gọi là Lánh Diệm Cứ nặng 82 cân (Thanh Long là Rồng xanh, Yển nguyệt là trăng khuyết nửa vành), Trương Phi rèn một cây Xà Mâu gọi là Bát Điểm Cương Mâu.

Ai nấy đều trang bị cương giáp, rồi kéo 500 quân dũng sĩ đến ra mắt Thái Thú Lưu Yên. Lưu Yên hỏi danh tánh, 3 anh em đều xưng rõ tên họ, riêng Lưu Bị còn nói cho Lưu Yên biết rằng mình là tông phái Hoàng gia. Lưu Yên mừng rỡ, nhận Lưu Bị tức là Lưu Huyền Đức làm cháu.

Vào thành được vài hôm thì có tin quân thám thính về báo: “Tướng giặc Khăn Vàng là Trình Viễn Chí thống lãnh 5 vạn quân kéo đến quấy nhiễu Trác Quận.”

Lưu Yên liền sai Châu Tinh dẫn 3 anh em Lưu Bị cùng 500 quân dũng sĩ đi trước phá giặc. Anh em Lưu Bị không hề ngần ngại, lãnh quân đi tiên đạo trực chỉ đến chân núi Đại Hưng, vì vừa thấy quân giặc kéo tới đó.

Lưu Bị thúc ngựa ra trận, bên tả có Quan Võ, bên hữu có Trương Phi yểm hộ. Lưu Bị giơ roi mắng giặc: “Đồ phản loạn, đừng hòng múa rối, hãy xuống ngựa đầu hàng cho sớm.”

Tướng giặc Khăn Vàng Trình viên Chí nổi giận, sai Phó tướng ra đánh.

Đặng Mậu vừa xông ra thì Trương Phi thành linh lướt tới, đâm cho một xà mâu trúng ngay ngực, ngã lảo lổ xuống ngựa chết liền.

Thấy Phó tướng của mình chưa ra tay đã bị hại, Trình viên Chí liền múa đao xông tới đánh Trương Phi. Quan Võ liền vung đao cản lại. Uy lực của Quan Võ rất mạnh khiến Trình viên Chí sợ hãi, trở tay không kịp, bị Quan Võ vớt một đao đứt làm 2 đoạn.

Đó là lần đầu tiên 3 anh em Lưu Bị, Quan Võ và Trương Phi ra trận chiến thắng vẻ vang.

Nhờ công tham gia dẹp giặc Khăn Vàng, vua Hán Hiến Đế triệu 3 anh em vào cung khen thưởng, nhận Lưu Bị là chú họ của vua, và phong chức là Tả Tướng Quân, còn Quan Võ và Trương Phi thì không kể đến. Do đó, nhiều người gọi Lưu Bị là Lưu Hoàng Thúc.

Bấy giờ, nơi triều đình, Đổng Trác chuyên quyền, phế vua Hán Thiếu Đế, lập Trần Lưu Vương lên làm Hán Hiến Đế lúc mới 9 tuổi, Đổng Trác làm Tướng Quốc, nắm hết binh quyền. Các trấn chư Hầu không phục. Tào Tháo nhân cơ hội này, phát hịch kêu gọi các trấn chư Hầu đến họp binh tại Đức Châu, bàn việc trừ Đổng Trác. Các chư Hầu đồng tôn Viên Thiệu lên làm Minh Chủ.

Đổng Trác sai một đông tướng là Hoa Hùng cất quân đánh chư Hầu. Các tướng của chư Hầu không ai đánh lại Hoa Hùng, còn đang lúng túng, thì bỗng có tiếng nói: “Kẻ bất tài này xin lấy đầu của Hoa Hùng về dâng dưới trướng.”

Mọi người nhìn lại thấy người mới nói đó là Quan Võ, em của Lưu Bị, đang đứng hiên ngang chờ lệnh.

Tào Tháo sai quân rót một chén rượu nóng thưởng Quan Võ trước khi lên ngựa ra trận.

Quan Võ nói: “Xin cứ rót rượu, tôi sẽ trở về ngay.”

Đứt lời, Quan Võ bước ra ngoài, cầm Thanh Long đao phi thân lên ngựa bay ra mặt trận.

Các trấn chư Hầu ngồi trong trướng, nghe bên ngoài trống trận vang rền, quân sĩ hò hét như sấm dậy. Các quan đều lo sợ định cho người ra thám thính xem sao thì bỗng nghe tiếng nhạc ngựa trở về reo lên trước trướng. Quan Võ hiện ra uy phong lẫm liệt, tay cầm thủ cấp Hoa Hùng ném xuống đất, rồi đưa tay cầm lấy chén rượu còn nóng hổi, uống một hơi.

Tào Tháo mừng rỡ vô cùng, liền bàn kế tấn binh.

Đổng Trác hay tin Hoa Hùng tử trận, liền cử đại binh tiếp ứng đánh các chư Hầu, Lữ Bố dẫn binh đi tiên phong nhằm nơi Thái Thú Công Tôn Toàn đóng binh khiêu chiến.

Công Tôn Toàn buộc phải thúc ngựa ra đánh với Lữ Bố, nhưng chỉ được vài hiệp là Công Tôn Toàn đuối sức, sắp nguy đến nơi, Trương Phi thúc ngựa chạy ra tiếp cứu.

Trương Phi cùng Lữ Bố đánh nhau được 50 hiệp vẫn chưa phân thắng bại, Quan Võ liền giục ngựa xông ra tiếp chiến. Lữ Bố vẫn không nao núng, 3 người đánh vui. Lưu Bị nóng lòng múa cặp song cổ kiếm xông ra trợ chiến với hai em. Ba người vây đánh Lữ Bố, xoay tròn như đèn kéo quân.

Lữ Bố biết sức mình không cự nổi 3 người nên hoành

kích nhằm Lưu Bị đâm một nhát, Lưu Bị né tránh thì Lữ Bố liền giục ngựa Xích thố nhảy vọt khỏi vòng chiến, chạy trở về thành cố thủ.

Cuối cùng Tào Tháo cũng diệt được phe Đổng Trác, Tào Tháo lên làm Thừa Tướng và cũng chuyên quyền như Đổng Trác. Ba anh em Lưu, Quan, Trương, rất bất bình, kéo quân đến chiếm Từ Châu, chống lại Tào Tháo. Lưu Bị sai Quan Võ giữ thành Hạ Bì, Tôn Càn, Giản Ung, My Trúc giữ Từ Châu, còn Lưu Bị và Trương Phi đóng binh ở Tiểu Bái.

Tào Tháo đem binh đánh Tiểu Bái, Lưu Bị thua chạy sang nương náu với Viên Thiệu, Trương Phi chạy lạc đến Cổ Thành, giết chết quan Huyện, thu lấy ấn tín, chiếm đóng thành trì làm chỗ an thân.

Quan Võ ở Hạ Bì cũng chịu thất thủ, bỏ chạy lên đỉnh núi Thổ San đóng binh. Trương Liâu, tướng của Tào Tháo, đến gặp Quan Võ tỏ bày hơn thiệt. Trương Liâu nói:

– Tôi vì cảm nghĩa ngày trước anh cứu tôi, nay tôi đến đây đem tin cho anh rõ: Lưu Bị hiện lưu lạc ở đâu chưa rõ, còn Trương Phi chẳng biết mất còn. Hôm qua, Tào Tháo đã chiếm thành Hạ Bì, dân chúng trong thành đều không bị hại, gia quyến của Lưu Bị được Tào Tháo bảo vệ tử tế.

Quan Võ nổi giận hét lớn:

– Trương Liâu dám đến đây dụ ta hay sao? Ta thà chết chứ không đầu hàng ai cả. Hãy về đi, nếu không ta chém đầu bây giờ.

– Anh nói thế không sợ người ta chê cười anh sao? Tôi vì sợ thiên hạ chê cười anh nên mới đến đây nói cho

anh rõ, chớ đâu dám đến dụ hàng.

– Người nói thiên hạ cười ta việc gì?

– Tôi biết anh dũng lực có thừa, song hiện nay thế binh của anh tan vỡ, nếu liều chết thật là có tội.

– Ta bình sanh không chịu nhục, nay ta ra trận quyết sống thác với địch, nay chẳng may thất cơ thì liều chết mà đền nợ nước, sao lại có tội?

– Nếu anh liều chết, anh sẽ phạm 3 tội. Anh thử nghĩ xem, Lưu Bị hiện nay thất lạc, nhưng chí cả chưa đoạt, thế nào cũng cần người nghĩa dũng, nếu sau này Lưu Bị cần đến anh mà không có anh tức là anh có tội thứ nhất. Lưu Bị lại phó thác gia quyến cho anh mà anh chết rồi thì ai bảo vệ gia quyến ấy, đó là tội thứ nhì. Anh là kẻ võ nghệ siêu quần, há lại không khôn phò nhà Hán để danh muôn thuở, lại liều chết như thế phỏng có ích gì, đó là tội thứ ba.

Quan Võ nghe Trương Liâu phân tách như thế thì dụi xuống, thở dài nói:

– Người nói ta 3 tội, vậy người bảo ta bây giờ phải làm thế nào?

– Nay 4 phía đều có binh của Tào Tháo, nếu chống cự cũng không thoát khỏi, chi bằng hãy tạm đầu hàng để nghe ngóng tin tức của Lưu Bị. Nếu người còn ở nơi nào thì anh sẽ đến đó tìm. Như vậy, một là anh bảo vệ được 2 vị phu nhân của Lưu Bị, hai là chẳng phụ lời ước thệ ngày xưa, ba là để dành cái thân hữu dụng ngày sau giúp cho nhà Hán. Ba điều ấy, anh nên suy nghĩ.

Quan Võ nói:

– Người nói 3 điều ấy, ta lại có 3 điều ước: nếu Tào

Thừa Tướng bằng lòng khứng chịu, ta sẽ cỡi giáp hàng đầu, còn thiếu một điều ta quyết liều chết mà thôi.

Một là ta với Lưu Bị có thể với nhau một lòng giúp nhà Hán, nay ta đầu là đầu Hán Đế chớ không phải đầu Tào.

Hai là xin lấy lương bổng của Lưu Hoàng Thúc cấp cho nhị tẩu của ta, lại không một ai được bén mảng đến chỗ ở của nhị tẩu của ta.

Ba là khi nào hay tin anh ta ở đâu thì ta lập tức đến đó, dù đường xa ngàn dặm. Trương Liêu ưng chịu trở về ra mắt Tào Tháo và nói rõ 3 điều ước của Quan Vân Trường. Tào Thừa Tướng đành chấp nhận vì rất mến nghĩa khí của Quan Võ.

Hôm sau, Tào Tháo truyền lệnh thân binh về Hứa Xương. Quan Võ thỉnh nhị tẩu lên xe, tự mình đi theo hộ vệ. Khi quân đến trạm dịch, Tào Tháo truyền quân đóng lại nghỉ ngơi, lại truyền Quan Võ ở chung một nhà với nhị tẩu: Cam Phu nhân và My Phu nhân, hai bà vợ của Lưu Bị, tức là 2 chị dâu của Quan Võ.

Đêm ấy, Quan Võ cầm đuốc đứng trước cửa nhà suốt đêm để canh cho 2 chị dâu an giấc, đồng thời lấy Thanh Long đao chém sạt một góc tường để người ngoài nhìn vào thấy rõ lòng quang minh chánh đại của Quan Võ. Tào Tháo biết được đem lòng kính phục vô cùng.

Tào Tháo dặt Quan Võ vào triều yết kiến vua Hán Hiến Đế, được vua phong cho chức Thiên Tướng Quân.

Quan Võ có bộ râu 5 chòm rất đẹp, được vua khen là Mỹ Nhiêm Công (Mỹ là đẹp, Nhiêm là râu mọc, Công là Ông).

Kể từ đó, Quan Võ và 2 chị dâu nương nhờ nơi dinh của Tào Tháo. Tào Tháo hết sức trọng đãi để chiêu dụ Quan Công, 3 ngày đãi một tiệc nhỏ, 7 ngày đãi một tiệc lớn, lên ngựa thưởng vàng, xuống ngựa thưởng bạc.

Tào Tháo lại đem ngựa Xích thố bắt được của Lữ Bố tặng cho Quan Công. Quan Công phục xuống lạy tạ ơn. Tào Tháo ngạc nhiên hỏi:

– Ta đã bao phen trao tặng nào mỹ nữ, nào vàng bạc, nào gấm vóc, sao chẳng thấy Vân Trường vui, nay tặng cho con ngựa này Vân Trường lại tạ ơn hậu như vậy? Quan Công nói:

– Tôi biết con ngựa quý này ngày đi ngàn dặm. Nay được Thừa Tướng ban ơn, nếu biết anh tôi ở đâu thì tôi có thể đi một ngày là gặp, nên tôi cảm ơn Thừa Tướng rất nhiều.

Tào Tháo nghe nói như vậy thì có ý hối hận, nhưng đành thôi.

Lúc đó Viên Thiệu hưng binh đánh Tào Tháo. Tướng Tiên phuông của Viên Thiệu là Nhan Lương rất tài giỏi, các tướng của Tào Tháo không ai cự nổi. Tào Tháo phải vời Quan Công đến cự địch. Tào Tháo nói:

– Nhan Lương giết luôn của ta 2 tướng, chẳng ai dám ra đánh nên phải mời Vân Trường đến đây bàn định.

Quan Công liền nói:

– Tuy tôi bất tài, song cũng xin ra trận lấy đầu Nhan Lương đem về nạp cho Thừa Tướng.

– Giữa chốn ba quân không nên nói đùa.

Quan Công hăng hái nhảy phốc lên ngựa xích thố, chạy bay đến chỗ Nhan Lương, vệt quân Nhan Lương

ra hai bên, thấy Nhan Lương đang đứng dưới cây lọng. Nhan Lương thấy Quan Công vừa muốn hỏi thì ngựa xích thố đã đến trước mặt rồi, Nhan Lương chưa kịp trở tay, bị Quan Công vớt một đao, Nhan Lương ngã lặn xuống ngựa. Quan Công nhảy xuống cắt lấy thủ cấp, rồi phi thân lên yên, vung đao lướt ra khỏi trận. Binh Tướng của Nhan Lương nhón nháo cả lên, thừa dịp binh Tào tràn sang chém giết toi bời.

Quan Công phi ngựa đến trước Tào Tháo dâng nạp thủ cấp của Nhan Lương. Tào Tháo hết sức khen ngợi:

– Tướng quân là Thần nhân đó.

Tào Tháo làm biểu tâu với Hán Đế, phong thưởng cho Quan Công làm chức Hán Thọ Đình Hầu, sai đúc ấn ban cho Quan Công.

Sau đó, Viên Thiệu sai Đại Tướng Văn Xú lên thay cầm quân đánh Tào Tháo.

Tướng Tào là Trương Liêu chống cự không nổi phải bỏ chạy, Quan Công lướt tới, Văn Xú mắng:

– Mi đã giết Nhan Lương là bạn của ta, lẽ nào ta không trả thù được hay sao?

Nói rồi cầm thương xốc ngựa đến đánh Quan Công. Hai bên cự địch được 3 hiệp, Quan Công giục ngựa Xích thố bay đến bất ngờ chém Văn Xú rơi đầu xuống đất.

Trần Chấn đem tin đến cho Quan Công biết, hiện Lưu Bị đang ở Hà Bắc. Quan Công vào cho 2 chị hay để chuẩn bị ra đi tìm Lưu Bị. Quan Công sai gia nhân thu thập hành trang, sửa soạn xe ngựa. Tất cả những thứ gì mà Tào Tháo đã ban cho phải để lại hết, vàng bạc thì niêm phong để hết vào kho, còn cái ấn Hớn Thọ Đình Hầu thì

buộc treo lơ lửng nơi xà nhà. Quan Công đến dinh Tào Tháo để từ biệt, đến 3 lần mà không gặp mặt, liền viết một bức thư để lại từ tạ Tào Tháo, đại lược như sau:

*“Võ này tự thiếu thời thờ Lưu Huyền Đức, thế sống chết có nhau, lẽ đâu dám phụ. Trước đây, thành Hạ Bì thất thủ, có ước hẹn với Thừa Tướng 3 điều. Nay được biết chủ cũ hiện đang ở nơi Hà Bắc. Hồi tưởng lời thề năm xưa, lòng này há dám phụ phàng. Vậy xin dâng thư này cáo biệt Thừa Tướng. Còn ơn nào thiếu sót chưa đền, xin đợi ngày mai báo đáp.”*

Quan Công sai niêm phong các kho tàng cẩn mật, rồi mời nhị tẩu lên xe, Quan Công cỡi ngựa Xích thố, cầm Thanh long đao, dẫn vài mươi đứa tùy tùng, nhắm hướng Hà Bắc tiến tới.

**Quá Ngũ quan trăm Lục tướng:** + Quan Công đến ải Đông Lĩnh, tướng giữ ải là Khổng Tú không cho qua. Quan Công đành phải giết chết Khổng Tú mới qua ải được.

♦ Đến ải Lạc Dương, Thái Thú *Hàn Phúc* và tướng *Mạnh Thân* ngăn chặn, 2 người đều bị chết dưới ngọn Thanh long đao.

♦ Quan Công tiếp tục bảo hộ 2 chị dâu đi đến ải Nghi Thủy. Tướng giữ ải là Biện Hỷ cho quân đao phủ mai phục nơi Trấn Quốc Tự, rồi dụ Quan Công đến nghỉ ở đó. Trong Chùa Trấn Quốc này có Đại Sư Phổ Tịnh, người cùng quê với Quan Công, báo cho Quan Công biết âm mưu của Biện Hỷ. Quan Công kịp thời đối phó, giết chết Biện Hỷ, quân đao phủ chạy tán loạn. Quan Công tạ ơn Phổ Tịnh:



– Nếu không nhờ Đại sư, chắc tôi bị hại rồi.

– Bây giờ tôi cũng không thể ở chùa này được nữa, phải đi vân du để tránh bè đảng của chúng, xin Tướng quân rán giữ mình, ngày sau chúng ta còn dịp gặp gỡ.

Quan Công từ giả Phổ Tịnh, rồi hộ tống xe đi thẳng đến ải Huỳnh Dương.

♦ Tại ải Huỳnh Dương, quan Thái Thú giữ ải là Vương Thực, sui gia với Hàn Phúc, nên lập kế giết Quan Công trả thù cho Hàn Phúc.

Vương Thực chuẩn bị hỏa công đốt quán dịch, nơi Quan Công và 2 chị dâu tạm nghỉ. Nhờ có Hồ Bang báo cho biết, Quan Công vội phò nhị tẩu thoát đi. *Vương Thực* dẫn quân rượt theo, bị Quan Công vớt cho một đao bay đầu.

♦ Đến ải Hoàng Hà, *Tân Kỳ* xông đến ngăn lại, đánh với Quan Công được vài hiệp rồi cũng bay đầu.

Quan Công vội lấy thuyền đưa nhị tẩu qua sông Hoàng Hà, tới địa phận Hà Bắc. Tôn Càng đón Quan Công, báo tin Lưu Hoàng Thúc đã qua Nhữ Nam, nên Quan Công bỏ đường đi Hà Bắc, rẽ qua Nhữ Nam.

Khi đi ngang qua Ngọa Ngưu Sơn thì thâu phục được một bộ tướng là Châu Thương.

Châu Thương, quê ở Quan Tây, hai tay xách nổi ngàn cân, râu quai nón, hình dung dữ tợn, trước đây theo giặc Khăn Vàng. Khi giặc Khăn Vàng tan rã thì Châu Thương ẩn nơi núi rừng làm thảo khấu, nhưng rất hâm mộ uy danh của Quan Công, nên khi gặp được Quan Công thì cải tà qui chánh, theo hầu Quan Công. Nhưng Quan Công bảo Châu Thương hãy tạm ở lại đây, chờ sau sẽ đến rước.

Châu Thương nói với Quan Công: “Trước mặt có một Cổ Thành rất kiên cố. Cách đây không bao lâu, có một người tên là Trương Phi đến chiếm cứ, tập hợp được hơn 4000 binh mã, 4 phía không ai dám cự địch cả.

Quan Công đưa nhị tẩu vào Cổ Thành giao cho Trương Phi bảo vệ, rồi cùng với Tôn Càng đi Nhữ Nam tìm Lưu Bị.

Đọc đường, Quan Công đến một túp lều tranh xin trọ đỡ, gặp một Cụ già chống gậy bước ra, xưng danh là Quan Định, cùng họ với Vân Trường. Quan Định có đứa con trai tên là Quan Bình mới vừa 10 tuổi, cho theo hầu Quan Công, được Quan Công nhận làm con nuôi.

Tôn Càng đến gặp Lưu Bị, rồi lập kế ra đi thoát khỏi tay Viên Thiệu, thẳng đến Ngọa Ngưu Sơn, để hiệp với binh của Châu Thương ở đó, nhưng khi đến nơi thì binh của Châu Thương đã bị Triệu Tử Long đánh tan và chiếm cứ nơi đó.

Thế là một nhà xum hiệp, trở lại Cổ Thành, lại có thêm được Triệu Tử Long; Quan Công thì có thêm được Châu Thương và Quan Bình. Anh em mừng rỡ, mở tiệc ăn mừng.

Trải qua một thời gian, thế nước chia ba, Lưu Bị liên kết với Ngô Tôn Quyền chống lại Tào Tháo.

Tào Tháo đem đại binh 83 vạn quân xuống đóng dọc theo sông Trường giang, tập luyện binh sĩ thủy chiến, chuẩn bị đánh Đông Ngô. Khổng Minh, Quân sư của Lưu Bị, sang Đông Ngô bày kế giúp Chu Du, Đại Đô Đốc của Ngô Tôn Quyền, lập trận Xích Bích, dùng hỏa công đánh tan 83 vạn quân Tào. Tào Tháo thảm bại, dạt tàn quân

chạy qua Hoa Dung Đạo để về Hứa Đô. Khổng Minh toán quẻ biết trước việc đó, nên sai Quan Công đem binh đón bắt Tào Tháo.

Khổng Minh nói với Lưu Bị:

– Sở dĩ tôi sai Vân Trường đón bắt Tào Tháo nơi Hoa Dung Đạo là để Vân Trường trả nghĩa Tào Tháo, vì tôi xem Thiên văn biết mạng Tào Tháo lớn lắm, chưa chết được.

Đúng như lời của Khổng Minh, Tào Tháo đại bại ở trận Xích Bích, kéo tàn quân chạy qua Hoa Dung Đạo để về Hứa Đô. Giữa đường bị Vân Trường chặn đường, Tào Tháo chết đứng, hồi các tướng xuống ngựa năn nỉ:

– Tôi đã bị bại binh, thế nguy đến đây cùng đường. Xin Quan Hưu nghĩ tình tôi ngày trước mà tha cho.

Quan Vân Trường đáp:

– Ngày trước, tôi tuy mang ơn Thừa Tướng rất hậu, song công tôi chém Nhan Lương và Văn Xú cũng đủ trả rồi. Hôm nay Thừa Tướng lại lấy việc tư mà bỏ việc công sao?

Tào Tháo năn nỉ tiếp:

– Thế lúc Quan Hưu qua 5 ải, chém chết 6 tướng, Quan Hưu còn nhớ không? Hễ là đại trượng phu thì phải lấy ơn làm trọng. Quan Hưu đã từng đọc Kinh Xuân Thu há chẳng nhớ việc Du Công Chi Tư đuổi theo Tử Trạc Nhu Tử đó sao? Hôm nay, với mấy tên tàn quân ở bước đường cùng, đã xuống ngựa để cầu an mà Quan Hưu không niệm tình thì đâu phải là đại trượng phu.

Vân Trường nhìn thấy Tào Tháo xác xơ, quân sĩ tả tơi như muốn khóc, bắt động lòng, không nỡ ra tay, liền quay ngựa bảo quân tránh ra mở đường sanh lộ cho Tào Tháo.

Tào Tháo hối quân sĩ chạy thoát qua chỗ ấy. Vân Trường ngó theo, hét lên một tiếng, bao nhiêu quân Tào đều khóc lạy dưới ngựa. Vân Trường thấy vậy càng thêm bất nhẫn

Lại thấy Trương Liêu giục ngựa chạy đến, tình cố cựu động tâm, Vân Trường than dài rồi tha cho cả bọn đi hết.

Sau đó, Vân Trường được lệnh đi đánh Trường Sa. Thái Thú Trường Sa là Hàn Huyền bất tài nhưng có Lão tướng Hoàng Trung tài giỏi phò tá.

Hoàng Trung ra đánh với Quan Võ cả trăm hiệp mà sức cũng cầm đồng, bỗng con ngựa của Hoàng Trung bị quy 2 chân trước làm cho Hoàng Trung té ngã xuống đất. Quan Võ dùng đao hét: “Ta tha chết cho người, mau trở về thay ngựa khác ra đây đánh với ta.”

Nhờ nghĩa khí đó mà Hoàng Trung tâm phục Quan Võ. Ngụy Diên nổi lên chém chết Hàn Huyền rồi cả hai mở thành rước Quan Võ vào chiêu an bá tánh. Thế là bên cánh Lưu Bị có thêm được 2 đại tướng nữa là Hoàng Trung và Ngụy Diên. Đức Quan Thánh Đế Quân

Lưu Bị và Khổng Minh đem đại binh đi đánh Tây Thục, giao Kinh Châu cho Quan Võ gìn giữ.

Phía Đông Ngô, Lỗ Túc bàn kế với Tôn Quyền: “Nay tôi ra đóng binh ở Lục Khẩu, sai người qua mời Quan Võ phò hội. Nếu hấn chịu đến, tôi sẽ dùng lời lẽ phải chăng mà bảo hấn trả đất Kinh Châu cho ta, nếu hấn không nghe thì tôi hô quân đao phủ ủa ra giết hấn.”

Tôn Quyền bằng lòng kế ấy, liền cho sứ giả qua Kinh Châu mời Quan Võ qua Đông Ngô phò hội. Quan Võ nhận lời

Quan Bình can nghĩa phụ:

– Sao nghĩa phụ xem thường tấm thân muôn trượng, dẫn thân vào hang hùm ổ sói, nếu rủi ro có bề nào có phải phụ lòng bá phụ không?

Quan Võ nói:

– Ta đã từng xông pha nơi rừng tên mũi giáo, một đao một ngựa tung hoành, có sá gì lũ chuột Giang Đông. Đời Chiến Quốc có Lạn Tương Như nước Triệu, tay trời gà không chặt, mà giữa Hội Dân Trì, còn coi vua nước Tần như cỏ rác, huống chi ta là người có sức địch nổi muôn người. Một lời đã hứa không thể thất tín.

Bên Đông Ngô, Lỗ Túc bàn với Lữ Mông: Lữ Mông và Cam Ninh lãnh vài ngàn quân chia nhau phục nơi bờ sông, nếu thấy Quan Võ đem binh đội theo thì đổ ra chặn đánh. Còn Quan Võ không đem quân theo thì cho phục sẵn 50 quân đao phủ sau đình, hễ nghe hiệu lệnh thì nhảy ra giữa tiệc giết chết Quan Võ.

Đến giờ ước hẹn, Lỗ Túc thấy Vân Trường ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, có Châu Thương cầm đao đứng hầu, có khoảng 10 tay đại hán đất Quảng Tây đeo mã tấu đứng hầu 2 bên, trên thuyền có một lá cờ đỏ đề chữ Quan rất lớn. Vân Trường mặc áo bào lục, đầu đội khăn xanh, ngồi oai vệ giữa thuyền.

Lỗ Túc ra bến đón Vân Trường vào dự tiệc nơi Thủy Đình. Vân Trường nét mặt như hoa, nói cười sang sảng, không chút sợ sệt. Sau một hồi dự tiệc, Lỗ Túc đem chuyện đòi đất Kinh Châu nói với Vân Trường. Vân Trường đáp:

– Việc đó của anh tôi, tôi không tự ý quyết định được.

Châu Thương đứng hầu phía sau xen vào nói lớn:

– Đất đai của thiên hạ, ai có tài đức thì chiếm cứ, đầu phải của riêng Đông Ngô mà các ông đòi.

Vân Trường sa sầm nét mặt, đứng phất dậy, bước tới giật lấy cây đao trong tay Châu Thương nạt: – Đó là việc quốc gia đại sự, sao mày dám xen vào. Hãy rút đi mau lên.

Châu Thương hiểu ý, lập tức lui ra bờ sông, phất cờ đỏ ra hiệu. Quan Bình thấy cờ hiệu, vội lướt thuyền như bay qua sông, đến bờ bên Đông Ngô để tiếp ứng.

Bấy giờ Vân Trường đang ở trong Đình, tay mặt cầm đao, tay trái nắm chặt Lỗ Túc, giả bộ say lè nhè nói:

– Hôm nay Ngài mời tôi sang đây dự tiệc, xin đừng nhắc chuyện Kinh Châu làm mất vui. Tôi say rồi, nếu xảy ra điều gì sẽ tổn thương đến tình cổ cữu. Để hôm nào tôi rảnh, tôi sẽ cho người sang mời Ngài qua Kinh Châu họp mặt.

Lỗ Túc bị Vân Trường nắm chặt cánh tay, hồn phi phách tán, không còn biết xoay sở thế nào được. Vân Trường giả say, nắm chặt Lỗ Túc từ từ đi xuống bờ sông. Lữ Mông cùng với Cam Ninh phục sẵn nơi bờ sông, nhưng chẳng dám động thủ vì Vân Trường đang kèm chế Lỗ Túc.

Vân Trường bước lên thuyền, buông tay Lỗ Túc ra, rồi nói lời từ biệt. Lỗ Túc lúc này như người mất vía, đứng trân nhìn đoàn thuyền của Vân Trường rẽ sóng lướt nhanh trở về Kinh Châu.

Từ khi Lưu Bị sai Vân Trường trấn thủ Kinh Châu, Lưu Bị có cưới vợ cho Vân Trường, sanh được một trai đặt tên là Quan Hưng, và một gái đặt tên là Quan Ngân Bình.

Gia Cát Cẩn bàn kế với Tôn Quyền là đi cầu hôn con gái của Vân Trường cho Thế tử của Đông Ngô. Vân

Trường nặng lời từ chối và đuổi Gia cát Cẩn trở về.

Vân Trường được lệnh đi đánh Phàn Thành, chém chết Bàng Đức, bắt sống Vu Cấm, oai danh lừng lẫy. Trong khi đánh phá Phàn Thành, Vân Trường bị Tào Nhoan bắn một mũi tên có tẩm thuốc độc, trúng vào cánh tay mặt. Quan Bình điều binh rút về trại để chữa trị vết thương cho Vân Trường. Thần y Hoa Đà nghe tin liền tìm đến nơi để điều trị vết thương.

Vân Trường cởi áo bào ra, đưa cánh tay bị tên cho Hoa Đà xem vết thương. Hoa Đà xem kỹ rồi nói:

– Ấy là tên ná, có tẩm thuốc độc, chất độc đã thấm tới xương, nếu không trị sớm thì cánh tay này sẽ trở nên vô dụng.

Bây giờ phải lựa một chỗ vắng vẻ, trồng một cây trụ cho thật chắc, đóng vào đó một cái khoen. Tôi phải cột tay tướng quân vào đó, bịt mắt tướng quân lại, rồi tôi mổ vết thương ra, lóc thịt đã thấm chất độc bỏ đi, cạo bỏ chất độc đã thấm vô xương, rồi rịt thuốc may lại, để tướng quân trông thấy chắc không chịu nổi.

Vân Trường cười nói:

– Như vậy có chi mà không chịu nổi.

Liên bày tiệc rượu thết đãi. Vân Trường uống mấy chén, rồi bày cờ ra đánh với Mã Lương, tay trái đánh cờ, tay mặt đưa ra cho Hoa Đà mổ.

Hoa Đà cầm dao mổ lên nói:

– Nào, tôi xin bắt đầu, Ngài chớ giựt mình.

– Ta không phải là kẻ phạm phu nhứt nhát đầu.

Mọi người thấy Hoa Đà làm mà rùn mình, nhưng

Vân Trường vẫn thản nhiên ngồi đánh cờ. Hoa Đà làm xong, rịt thuốc may lại, nói:

– Tôi chưa bao giờ thấy một người khí phách như thế này, tiếng đồn thật chẳng sai.

Quan Vân Trường đứng dậy nói:

– Cánh tay này bây giờ hết đau nhức rồi, co dãn được như thường. Tiên sinh là Thần y đó.

Quan Công sai đem 100 lượng vàng thưởng công cho Hoa Đà, nhưng Hoa Đà từ chối, nói:

– Tôi nghe Vân Trường là người trung nghĩa, nên đến trị bệnh, chớ đâu phải để lấy tiền. Xin Ngài chớ nhọc lòng.

Nói xong từ giã Vân Trường ra về.

Một hôm, Vân Trường vào trướng phủ ngủ trưa, bỗng chiêm bao thấy một con heo lớn đen thui chạy đến cắn nơi chân mình. Vân Trường thét lên định rút gươm ra chém, liền giựt mình tỉnh dậy. Vân Trường trong lòng nghi ngại không yên, nói với Quan Bình:

– Ta nay đã gần 60 tuổi rồi, làm tướng xông pha trong ba quân đã lâu, giá như nay chết đi cũng không ân hận gì nữa.

Sau đó, Quan Vân Trường lâm mưu của Lữ Mông và Lục Tồn để mất Kinh Châu, lại bị quân Tào phía Bắc đánh xuống, lưỡng đầu thọ địch, nên thua trận chạy về Mạch Thành chống giữ. Quan Công lại sai Liêu Hóa vượt vòng vây chạy đến Thương Dung kêu Lưu Phong (con nuôi của Lưu Bị) và Mạnh Đạt đem binh tới giúp, nhưng Lưu Phong và Mạnh Đạt sợ chết nên từ chối.

Liêu Hóa thấy không xong, liền nhắm Thành đồ chạy riết để cầu cứu với Hán Trung Vương Lưu Bị.

Tôn Quyền cho Gia Cát Cẩn qua dụ hàng Quan Công, nhưng lòng Quan Công như sắt đá, không thể dụ được. Lữ Mông dâng kế:

“Quan Công cố thủ Mạch Thành, không chịu hàng đầu, chẳng bao lâu lương thực hết thì phải bỏ thành tìm đường trốn về Tây Thục. Phía Bắc Mạch Thành có một con đường nhỏ rất hiểm trở, nếu Vân Trường bỏ thành ắt phải theo con đường đó mà đi. Phải sai Chu Nhiên đem quân đến phía Bắc Mạch Thành mai phục, gặp Vân Trường kéo quân đi ra thì chớ đánh vội, cứ phía sau rượt nà, để hắn chạy qua ngã Lâm Thụ. Lại sai Phan Chương dẫn 500 binh hùng phục nơi đường Lâm Thụ, chỗ núi non chật hẹp, dùng dây giăng ngang đường và câu móc mà giựt thì các ngựa chiến phải té quỵ, binh túa ra bắt sống Quan Công.

Quan Công trông mãi không thấy binh cứu viện, kiểm điểm binh mã chỉ còn được 300, lương thực hết sạch, 3 mặt thành Đông, Tây, Nam, đều bị quân Đông Ngô công phá rất ngặt, chỉ còn mặt Bắc là ít hơn.

Quan Công truyền Châu Thương và Vương Phủ ở lại thủ thành, còn Quan Bình với Triệu Lụy và vài chục quân đi theo Quan Công vượt trùng vây để đi Tây Thục theo cửa Bắc Mạch Thành tiến ra.

Đi được vài dặm thì gặp phục binh, Triệu Lụy tử trận. Quan Công đi trúng vào mưu kế của Lữ Mông, ngựa Xích thố bị vấp chân ngã nhào, Quan Công té xuống đất, bộ tướng của Phan Chương là Mã Trung bắt sống được Quan Công cùng với Quan Bình và toàn bộ mấy chục tên quân đi theo.

Phan Chương giải Quan Công và Quan Bình đến

Tôn Quyền. Tôn Quyền chiêu dụ nhiều lần nhưng Quan Công nhứt định không chịu đầu hàng. Tôn Quyền ra lệnh đem cha con Quan Công ra pháp trường xử trảm. Quan Công thọ 58 tuổi.

Quân Đông Ngô đem thủ cấp của Quan Công và Quan Bình đến Mạch Thành để gọi Châu Thương và Vương Phủ đầu hàng. Châu Thương thấy chủ tướng đã chết, nên khóc lóc rồi tự vận chết theo, Vương Phủ thì nhào đầu xuống chơn thành tự tử.

Còn con ngựa Xích thố của Quan Công được Tôn Quyền thưởng công cho Mã Trung, nhưng ngựa bỏ ăn và vài ngày sau thì chết, linh hồn bay theo chủ.

Tôn Quyền mở tiệc khao thưởng các tướng và quân sĩ. Tôn Quyền nói:

– Nay nhờ mưu của Lữ Mông mới bắt được Quan Công và giết đi, lấy được đất Kinh Châu, công ấy rất lớn.

Nói rồi rót một chén rượu bưng đến thưởng Lữ Mông. Lữ Mông tiếp lấy chén rượu toan uống, bỗng đứng ném chén rượu xuống đất, nhảy lại thộp ngực Tôn Quyền, mắng lớn:

– Thằng mặt xanh râu đỏ và bọn chuột kia có biết ta là ai không?

Chư tướng thất kinh, vừa muốn bước lại gỡ Tôn Quyền và xô Lữ Mông ra thì Lữ Mông đã xô Tôn Quyền té nhào xuống đất, rồi nhảy vọt lên ghế của Tôn Quyền ngồi, trợn đôi mắt tròn vo, hét lớn:

– Hán Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường là ta đây.

Tôn Quyền và các tướng hoảng sợ, quì lạy lia lịa. Bỗng Lữ Mông té nhào xuống đất, hộc máu chết tươi.



Tôn Quyền và các tướng Đông Ngô phải một phen hoảng vía trước sự hiển linh báo thù của Quan Công.

Mưu thần của Tôn Quyền nói:

– Quan Công chết rồi, thế nào Lưu Bị và Khổng Minh cũng kéo đại binh đến đánh Đông Ngô để báo thù. Bây giờ ta phải đem thủ cấp của Vân Trường gởi qua cho Tào Tháo, để cho Lưu Bị nghĩ rằng Tào Tháo chủ mưu trong vụ này. Như vậy, Lưu Bị sẽ căm giận Tào Tháo, giải được mối nguy cho Đông Ngô.

Tôn Quyền nghe theo, đóng một cái thùng đựng thủ cấp của Quan Công, rồi sai sứ đem dâng cho Tào Tháo.

Tư Mã Ý nói với Tào Tháo:

– Quan Công cùng Lưu Bị và Trương Phi kết nghĩa anh em với nhau. Nay Quan Công đã chết, thế nào Lưu Bị và Trương Phi cũng đem binh báo thù. Đông Ngô lo sợ cái họa ấy nên đem đầu của Quan Công đến đây gieo họa cho ta.

Tào Tháo hỏi:

– Như thế ta phải làm sao?

– Đại Vương nên hết lòng tử tế, sai quân tạc một hình gỗ trăm hương, đem đầu Quan Công chắp vào, rồi tẩn liệm, làm lễ an táng theo hàng vương hầu. Lưu Bị hay được ắt cho Đại Vương là người ơn, còn Đông Ngô chính là kẻ thù.

Tào Tháo mừng rỡ làm y theo kế ấy, lại nhìn thủ cấp của Quan Công nói đùa một câu:

– Quan Hầu mạnh giỏi đấy chứ?

Bỗng cái đầu của Quan Công trợn mắt tròn vo, tóc

râu dựng ngược. Tào Tháo thất kinh té nhào xuống đất. Chư tướng đỡ lên. Sứ giả Đông Ngô lại đem chuyện Lữ Mông bị Quan Công bắt học máu chết kể lại cho Tào Tháo nghe nữa.

Tào Tháo khiếp vía, làm y theo lời Tư Mã Ý, dùng Vương lễ an táng Quan Công. Tào Tháo bốn thân quì tế, đặt quan giữ mộ và cúng tế 4 mùa.

Về phần linh hồn của Quan Công, uất khí chưa tan, linh hồn bay lơ lửng về phía núi Ngọc Tuyền, trên núi có một ngôi chùa mà Đại Sư Phổ Tịnh đang tu tại đó.

Đêm ấy trăng sáng, vừa mãn canh ba, bỗng nghe trên không có tiếng kêu lớn: “Trả đầu cho ta”. Phổ Tịnh ngược mặt nhìn lên mây, thấy một người cỡi ngựa Xích thố, cầm cây Thanh long đao, bên tả có một tướng mặt trắng khôi ngô, bên hữu có một tướng mặt đen râu quai nón, theo hầu.

Phổ Tịnh lấy đuôi chổi gõ vào cửa nói:

– Vân Trường ở đâu?

Hồn Vân Trường lập tức xuống ngựa, sa xuống trước chùa, hỏi:

– Sư Cự là ai? Xin cho biết pháp hiệu.

Phổ Tịnh đáp:

– Lão Tăng là Phổ Tịnh, khi trước nơi chùa Trấn Quốc, Quan Hầu quên rồi sao?

– Trước kia tôi nhờ ơn Ngài cứu cho, nay tôi đã thác, xin Ngài chỉ đường mê muội cho tôi.

– Nay Quan Hầu bị Lữ Mông làm hại, kêu lên: “Trả đầu cho ta”, thế còn Nhan Lương, Văn Xú, 6 tướng qua

5 ải, và biết bao nhiêu cái đầu khác nữa, họ đòi vào đâu?

Quan Công nghe Đại Sư Phổ Tịnh nói câu ấy thì chột tỉnh ngộ, liền biến mất. Phổ Tịnh biết Quan Công hiển Thánh. (*Viết theo truyện Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*)

Khi Quan Công đã hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến nay, Ngài không tái kiếp, mà dùng quyền hành thiêng liêng để lập công, đạt được Phật vị, gọi là Cái Thiên Cổ Phật.

Trong Đạo Cao Đài, Hội Thánh lấy ngày 24 tháng 6 âm lịch hằng năm làm ngày Đại lễ Vía Đức Quan Thánh. Khi đến ngày nầy, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại đàn cúng Vía Đức Quan Thánh Đế Quân, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại công đức của Ngài.

Để bổ túc cho phần Tiểu sử trên của Đức Quan Thánh, xin chép ra sau đây bài Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp vào thời Tý ngày 24-6-Mậu Tý (dl 30-7-1948) tại Đền Thánh nhân Lễ Vía Đức Quan Thánh:

*“Hôm nay là ngày Vía Đức Cái Thiên Cổ Phật Quan Thánh Đế Quân, tức là Hôn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường nhà Hôn, đời Tam Quốc. Một vị hiển Thánh đời Hôn thời Tam Quốc, ngày nay đạt phẩm vị đến Tam Trấn Oai Nghiêm trong nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, sự vinh hiển cao trọng đó, ta thấy giá trị vô đối.*

*Với một Đấng thiêng liêng mà lập vị mình một cách oai quyền vinh hiển, ta thường thấy rất ít, chẳng có chẳng trong nước Việt Nam ta, Ngài Trần Hưng Đạo gọi là có thể đương đầu với Ngài được mấy may chút ít mà thôi, chớ phần đông từ thử đến giờ, kể cả các nước Á Đông nầy hiếm có.*

*Vậy ta nên khảo cứu coi Ngài làm thế nào đạt được*

*Thiên vị vinh diệu đặc biệt đường ấy.*

*Hôn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường buổi nọ là một vị tướng của Thục, tức Lưu Bị. Ta thấy đại nghĩa của Ngài, trung can nghĩa khí của Ngài, nhứt là về bằng hữu chi giao, tình nghĩa đối với bạn hữu của Ngài, dám chắc dầu chúng ta, dân tộc Việt Nam hàng chịu ảnh hưởng văn hóa Nho Tông, chưa có được người nào giống như Ngài vậy. Tâm trung nghĩa, chẳng vì sang mà theo Tào, chỉ chuộng Hôn, nghĩa chẳng vì bạn buổi khổ não truân chuyên mà phụ rẫy tình nhau. Trung và nghĩa ấy hy hữu.*

*Nói đến chí khí của Ngài, Bản đạo tưởng luận không hết: Ngài bắt sát hạ mã chi nhơn. Truyện sách lưu lại rằng Ngài suýt bị Hạ Hầu Đôn giết vì nó biết cái sở yếu của Ngài mà lợi dụng, nếu không có Trương Liêu đến cứu. Mỗi khi Ngài trở cây Yển Nguyệt Thanh long đao định vót nhà nó thì nhà nó nhảy xuống ngựa. Chí khí đó, thế gian hy hữu. Hỡi, Ngài lập chí với bộ sách Xuân Thu mà thôi.*

*Người sau có tặng Ngài đôi liên:*

**Chí tại Xuân Thu, công tại Hôn,  
Trung đồng nhựt nguyệt, nghĩa đồng Thiên.**

*(Chí hướng lập ở Kinh Xuân Thu của Đức Khổng Tử, công lao lập với nhà Hán. Lòng trung sáng như vầng mặt trời mặt trăng, cái nghĩa cao như trời.)*

*Trọn đời Ngài không lúc nào rời bộ sách nầy, lúc nào cũng đọc để lấy tinh thần của sách, suy luận làm tinh thần của mình.*

*Kể từ Đào Viên kết tình bằng hữu cùng nhau, từ thuở bản hàn cho đến khi vinh hoa phú quý sang trọng, Ngài vẫn một mực không hề thay đổi tâm đức bao giờ.*

Tinh thần của người ấy là tinh thần đứng riêng biệt một mình, một cảnh giới mà thôi. Thế gian khó tìm thấy một kiểu võ thứ hai nữa đặng. Tinh thần của Ngài có oai quyền đặc sắc. Ta thử tìm coi Ngài làm sao mà đặng như vậy?

Nguồn linh của Ngài là Xích Long Tinh. Buổi nọ dân Bắc Hồn phạm Thiên điều, bị Ngọc Hu Cung phạt, hạn không cho mưa, đặng cho dân ấy phải đói. Dân làng biết mà cầu nguyện nơi Ngài cứu nạn.

Ngài cũng thừa biết dân ấy bị Thiên điều hành pháp, nhưng vì lòng ái tuất thương sanh, không nỡ để dân chết đói, nên Ngài làm mưa. Ngọc Hu Cung bắt tội, sai Ngũ Lô tru diệt. Ngài chạy trốn vào một cái chùa, nhờ ông thầy chùa lấy chuông úp lại. Vị sư căn dặn bốn đạo trong chùa đừng ai dỡ chuông cho đến ngày nào Ngài hết nạn. Chư Đạo trong chùa tọc mạch dỡ chuông ra xem coi vật gì. Thành thử Ngài phải chịu đầu kiếp, kiếp ấy là Hạng Võ. Hạng Võ thì ai cũng biết.

Nếu ta quan sát trong Trọng Tương vẫn Hồn, thì rõ tiền căn Hạng Võ, hậu kiếp Quan Công.

Bởi Hồn Bái Công khi lập quốc rồi, nghe lời Lã Hậu, diệt công thần, giết Hàn Tín. Án ấy nằm dưới Phong Đô mấy đời mà không ai xử đặng.

Buổi ấy có thầy Trọng Tương là học trò khó, nhà nghèo nhưng rất hiếu hạnh. Cha chết, Trọng Tương cất nhà thờ cha mà ở. Thường hay buồn than thân trách phận, biết mình hữu tài mà vô dụng, nên viết một bài thi có ý than rằng: “Thiên địa hữu tư, Thần minh bất công.” (Trời Đất có lòng riêng, Thần minh không công bình), dụng ý trích điểm cái án nhà Hồn mà dưới Phong đô xử chưa có nổi. Vì vậy mà mắc tội phạm thượng, bị bắt hồn dẫn đến Phong

đô, đem cho Thập Điện Diêm Vương vấn tội.

Trọng Tương bình tỉnh trả lời rằng: Nếu cho tôi ngồi làm Thập Điện Diêm Vương, tôi sẽ xử án ấy cho mà coi.

Thập Điện Diêm Vương bằng lòng.

Ngài xử: Tiền căn báo hậu kiếp:

- Như Bành Việt, cho đi đầu thai làm Lưu Bị,
- Anh Bố làm Ngô Tôn Quyền,
- Hàn Tín làm Tào Tháo,
- Hạng Sư làm Nhan Lương, Hạng Bá làm Văn Xú,
- Hạng Võ làm Quan Công. . .

Ta thấy 6 tướng của Hạng Võ đem lòng phản bội, đầu nhà Hồn, rượt Hạng Võ đến bến Ô Giang, phải cắt đầu trao cho Đình trường. Chủ của Hạng Võ là Hạng bá, trở lại phản cháu, đã đầu lụy Hồn Bái Công, còn trở lại phạt Sở.

Tiền căn hậu kiếp vay trả, quả báo y nhiên.

Có một điều lạ là với Lữ Mông, oan nghiệt có khác.

Tiền kiếp của Lữ Mông là Ông thợ rèn. Quan Văn Trường đến mượn rèn Thanh long đao với một kiểu đặc biệt. Khi rèn xong, Ngài cầm ra sân thử đao, chẳng ngờ vô tình làm chết oan ông thợ rèn. (1)

Ông thợ rèn sau đầu kiếp làm Lữ Mông. Cho nên buổi Ngài xuất thần qui vị, là trả cái ngày làm chết ông thợ rèn là Lữ Mông đầu kiếp, trả báo giết lại Ngài.

Khi chơn linh của Ngài xuất ngoại, Châu Thương và Quan Bình cung tự tử chết theo, ba người ấy bay giữa không trung, đi ngang ngôi chùa, kêu Ông thầy chùa là Phổ Tịnh,

(1) Theo Tam Quốc Ngoại Truyện, cái chết của Ông thợ rèn xảy ra như sau: Khi Quan Võ ra sân múa thử đường

đao, Ông thợ rèn biết cây Thanh long đao này oai lực rất mạnh nên chạy núp trong bông của một cây đại thọ gần đó. Quan Võ thử đao, muốn chém một vật nào đó xem đao thế nào, thấy có cây đại thọ ở gần liền múa đao chém thử, thân cây đại thọ bị đứt ngang ngã nhào, ông thợ rèn núp trong đó cũng bị đứt đầu chết theo.

~~~~~  
~~~~~

*đòi ông nọ trả đầu, ông bèn lấy cái quạt gỗ trên cửa, tung 3 biển Vãng Sanh. Ngài hạ xuống tiếp đòi đầu nữa. Ông nọ nói rằng: “Nhan Lương, Văn Xú kia mới đòi đầu với ai? Ấy là tiền căn báo hậu kiếp thôi chứ.*

*Đức Quan Thánh tỉnh ngộ, xin Ông Phổ Tịnh cho Ngài ở đó đặng tu. Chơn linh Ngài ở nơi chùa đó mà hiển Thánh.*

*Khi hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến bây giờ, Ngài không tái kiếp lần nào nữa, duy dụng cái quyền hành thiêng liêng hành đạo mà thôi. Với quyền thiêng liêng ấy mà Ngài lập được Phật vị là Cái Thiên Cổ Phật, nhờ Vạn linh tôn trọng Ngài lên.*

*Bản đạo dám quả quyết Ngài không phải là Thiên phong mà chính là người của Vạn linh bầu cử.*

*Cho nên Đức Chí Tôn mở Đạo là cơ quan hiệp nhứt Vạn linh, để Đấng ấy là Tam Trấn Oai Nghiêm đặng làm quan Trạng sư cho Vạn linh đạt kiếp.”*

Đức Quan Thánh Đế Quân không thường giảng cơ dạy Đạo như Đức Lý Đại Tiên, thỉnh thoảng Ngài mới giảng cho một bài.

Sau đây, chúng tôi xin chép lại bài giảng cơ của Ngài tại Minh Thiện Đàn, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, ngày

19-6-Tân Mùi (dl 2-8-1931) với 4 câu thi đầu, khoán thủ la: CÁI THIÊN CỔ PHẬT:

*CÁI thế công danh thế quý oai,  
THIÊN tào kim phụng linh Cao Đài.  
CỔ kim độ chúng lao hà nại,  
PHẬT Thánh đạo tông tạo thế lai.*

Ta chào Giáo Hữu, cùng chư Nhu. Biết Lão không?

– Quan Thánh Đại Đế. Nay chư Nhu cầu chi?

Bạch: .....

– Việc ấy chẳng cần nói.

*Chư nhu nhẹ tánh lấm âu lo,  
Lo vậy càng xa Thánh ý trò.  
Trò cứ một lòng vâng thừa lệnh,  
Lệnh trên nào để dễ gì cho.*

Vậy chư Nhu tuân mạng nghe! Giáo Hữu khá nghe, vì bởi tiên tri của Lý Đại Tiên dạy trước rằng, phải coi chừng Quỷ vương chen lấn mà thử thách chư Chức sắc Thiên ân, cùng cả Đạo lương phái.

Ta nói vậy khá kiếm hiểu, chớ chẳng khá ... trọn phận.

THI:

*Huân vì việc Đạo ở nơi nào?  
Nhưng cũng tại lòng chẳng phải cao.  
Sung sướng càng quen càng giả dối,  
Gây nên oan nghiệt, tội dường bao!*

Nay Lão cũng vì cơ chuyển phục cũng cần, nên còn chưa tỏ cho cùng Thánh ý đặng. Vậy Lão xin chư Nhu cũng rán lo cùng Lão mà chấn hưng Minh Thiện chuyển phục các nơi nghe!

Lão mong cho chư Nhu trọn lời phú thác.

Lão mừng chư Nhu. Lão thẳng.

**PHẦN THỨ SÁU:**

**GIẢI THÍCH CÁC CHI TIẾT & ĐIỂN TÍCH**

1. Tiểu sử tóm tắt của 5 vị có tượng tại Tòa Thánh  
*(Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc, Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư, Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang)*
2. Đạo kỳ
3. Cổ Pháp Tam giáo
4. Long Hoa
5. Tám khuôn hình nơi bao lơn Tòa Thánh  
*(Hạ Vô trị thủy, Ngụ Thuần cây voi, Toại Nhân - Hữu Sào, Phạm Lãi - Tây Thi, Khương Thượng ngôi cầu, Khương Thượng ngôi cầu, Sào Phú - Hứa Do, Châu Mãi Thân)*
6. Cây Càn Công bình
7. Hai pho tượng: Ông Thiện- Ông Ác
8. Lôi Âm Cổ Đài & Bạch Ngọc Chung Đài
9. Bó hoa
10. Hiệp Thiên Đài
11. Thất Đầu Xà
12. Cửu Trùng Đài & Nghinh Phong Đài
13. Bát Quái Đài
14. Hâm Bát Quái
15. Tứ Linh
16. Kim Mao Hẩu
17. Hai con Hạc và Dây Nho
18. Long Mã phụ Hà Đồ
19. Tam Thế Phật
20. Bát Bửu - Dàn Bát Bửu
21. Bát Tiên
22. Thất Thánh



## I. TIỂU SỬ TÓM TẮT CỦA 5 VỊ CỐ TƯỢNG TẠI TÒA THÁNH

- Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.
- Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.
- Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.
- Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư.
- Đức Thượng Sanh Cao hoài Sang.

### ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG (1876– 1934)

Ngài Lê văn Trung, sanh năm Bính Tý (1876) tại làng Phước Lâm tổng Phước Điền Trung, Chợ Lớn. Thân phụ là Lê văn Thanh (1845-1878) và thân mẫu là Văn thị Xuân (1949-1912). Ngài đậu bằng Thành Chung năm 1894 và được thâu nhận làm Thơ Ký tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

Năm 1906, Ngài xin nghỉ việc và đăc cử vào Hội Đồng Quân Hạt Nam Kỳ, thuộc chánh quyền thuộc địa Pháp.

Năm 1911, Ngài Lê văn Trung hợp với Bà Tổng Đốc Đỗ hữu Phương vận động cất Nữ Học Đường, kết quả là xây được một ngôi trường Nữ đầu tiên tại Sài Gòn, gọi là Collège des Jeunes filles, và sau đặt tên là Nữ Trung Học Gia Long, nay là Trường Nữ Trung Học Nguyễn thị Minh Khai.

Ngày 18-5-1912, Ngài Lê văn Trung được Chánh phủ Pháp thưởng cho Bắc Đẩu Bội Tinh Đệ ngũ đẳng.

Ngày 10-12-1914, Ngài được nhà cầm quyền thuộc địa Pháp cử lên làm Nghị viên Hội Đồng Soái phủ Đông Dương, thường gọi là Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Kể từ năm 1920 trở đi, công việc kinh doanh của Ngài Lê văn Trung bắt đầu gặp khó khăn, sau đó thì thua lỗ, đi dần đến chỗ phá sản. Ngài rất lo buồn nên sinh ra bệnh ngập và đôi mắt bị bệnh, mờ mờ không thấy rõ.

Ngày 7-11-1926, Đức Chí Tôn dạy 2 Ông Cao quỳnh Cư và Phạm công Tắc đem Đại ngọc cơ vào nhà Ngài Lê văn Trung ở Chợ Lớn để Đức Chí Tôn dạy việc. Đức Chí Tôn giảng cơ thâu nhận Ngài làm môn đệ, mà trước đó, Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu làm cho đôi mắt Ngài hết bệnh, sáng tỏ trở lại như trước. Đức Chí Tôn cũng dạy Ngài Lê văn Trung hiệp với 2 ông Cư, Tắc lo mở Đạo.

Ngày 27-1-1926, Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê văn Trung và 3 ông: Cư, Tắc, Sang đến nhà Ngài Đốc phủ Ngô văn Chiêu, để ông Chiêu chỉ cho cách thờ phượng Thượng Đế bằng biểu tượng Thiên Nhân, và xem ông Chiêu là Anh Cả.

Ngày 22-4-1926, đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự Cần Giuộc, Đức Chí Tôn phong Ngài Lê văn Trung làm Đầu Sư phái Thượng, Thánh danh là Thượng Trung Nhựt, cùng một lượt với Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Ngày 29-9-1926, Ngài vâng lệnh Đức Chí Tôn hiệp cùng Chức sắc Đại Thiên phong và chư Đạo hữu, tổng cộng 247 người, họp tại nhà Ông Nguyễn văn Tường ở đường Galiéni, nay là đường Trần Hưng Đạo, Quận 1 Sài Gòn, để lập Tờ Khai Đạo gửi lên Chánh quyền Pháp. Tờ Khai Đạo này được dâng lên Đức Chí Tôn duyệt trước.

Ngày 7-10-1926, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đích thân đem Tờ Khai Đạo lên đưa cho Thống Đốc Nam Kỳ là Ông Le Foll và được Ông Le Foll vui vẻ tiếp nhận.

Ngày Rằm Hạ nguơn năm Bính Dần, Ngài Đầu Sư

Thượng Trung Nhựt, hiệp cùng chư Chức sắc Đại Tiên Phong, vâng lệnh Đức Chí Tôn, mượn chùa Từ Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh làm Thánh Thất tạm, tổ chức Lễ Khai Đạo Cao Đài, có sự hiện diện của quan chức các cấp của Chánh quyền và đại diện các tôn giáo đến dự.

Ngày 22-11-1930, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban cho Ngài Lê văn Trung cầm quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế, theo Đạo Nghị Định thứ nhì, còn Đức Lý vẫn nắm quyền Giáo Tông thiêng liêng.

Ngày 13-10-Giáp Tuất (1934), Đức Q. Giáo Tông Lê văn Trung lâm bệnh và nhẹ nhàng thoát xác qui Thiên tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh, lúc 3 giờ chiều, hưởng thọ 59 t.

Nếu tính từ ngày Đức Quyền Giáo Tông được Đức Chí Tôn thân nhận làm môn đệ đến ngày qui Thiên, Đức Ngài hành đạo được 9 năm. Trong những năm hành đạo, Đức Ngài lo xây dựng Hội Thánh với đầy đủ các cơ quan, lo phổ thông nền đạo rất được kết quả, số tín đồ càng lúc càng nhiều.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết, nguyên căn của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung là Chơn linh của Đại Tiên Lý Thiết Quả, đứng đầu Bát Tiên.

### NỮ ĐẦU SƯ

#### LÂM HƯƠNG THANH (1874-1937)

Bà Lâm Hương Thanh có thể danh là Lâm ngọc Thanh, sanh năm 1874 tại làng Trung Tín, Quận Vững Liêm, Vĩnh Long. Bà là vợ của Ông Huyện Huỳnh văn Xây, một nghiệp chủ giàu có tại Vững Liêm. Bà sanh một

người con gái tên Huỳnh thị Hồ. Sau này Ông Huyện Xây chết, Bà tái giá với Ông Huyện Hàm Nguyễn ngọc Thơ, ở Tân Định, Sài Gòn.

Bà và Ông Thơ nhập môn theo Đạo Cao Đài vào đầu năm 1926. Trước đó, 2 Ông Bà đều là đệ tử của Hòa Thượng Như Nhân, chủ chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh. Nhờ huyền diệu cơ bút, Đức Chí Tôn độ được Hòa Thượng Như Nhân theo Đạo Cao Đài nên Như Nhân cho mượn chùa Từ Lâm làm Thánh Thất tạm để tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10-Bính Dần (1926).

Trong dịp Lễ Khai Đạo, Đức Chí Tôn giáng cơ phong cho Bà chức Nữ Giáo Sư, Thánh danh Lâm Hương Thanh.

Trong kỳ phong Thánh Nữ phái lần thứ 1, ngày 14-1-Đinh Mão (1927), Bà được thăng lên Nữ Phối Sư.

Bà lãnh lệnh Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt lo việc giao thiệp với Chánh quyền Pháp, xin mở cửa các Thánh Thất bị Chánh quyền áp chế đóng cửa trước đây. Bà làm đơn cam kết Đạo Cao Đài là Phật Giáo Chấn Hưng, thuần túy tu hành, không làm điều gì sai luật của Chánh phủ.

Ngày 9-3-Kỷ Tỵ (dl 16-4-1929), Bà Lâm Hương Thanh được thăng phẩm Nữ Chánh Phối Sư.

Bà đăng Tiên vào ngày 8-4-Đinh Sửu (dl 17-5-1937), và được truy thăng Nữ Đầu Sư ngày 25-4-Đinh Sửu (1937).

Đức Phạm Hộ Pháp cho biết nguyên căn của Bà là chơn linh của Long Nữ, đệ tử của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

**ĐỨC HỘ PHÁP  
PHẠM CÔNG TẮC (1890-1959)**

Ngài Phạm công Tắc sinh ngày 5-5-Canh Dần (1890) tại làng Bình Lập, tỉnh Tân An, nhưng song thân của Ngài quê quán ở tại làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ngài là Ông Phạm công Thiện và Thân mẫu là Bà La thị Đường. Ông Thiện là công chức dưới trào Pháp thuộc, được đổi đến làm việc ở tỉnh Tân An, đem gia đình theo, và ở nơi đó sanh ra Ngài Phạm công Tắc.

Năm 1907, Ngài thi đậu bằng Thần Chung. Sau đó Ngài xin làm Thơ ký nơi Sở Thương Chánh Sài gòn.

Năm 21 tuổi, Ngài lập gia đình với Bà Nguyễn thị Nhiều, sanh đặng 3 người con, chỉ nuôi được 2 người con gái là: Phạm Hồ Cẩm và Phạm Tần Tranh.

Đêm 24-7-1925 (Ất Sửu), Ngài Tắc cùng 3 bạn: Cao quỳnh Cư, Cao quỳnh Diêu, Cao hoài Sang, họp nhau tại nhà Ngài Sang ở phố hàng dừa Sài gòn, để thực hành việc Xây Bàn theo lối Thông linh học tiếp xúc với thế giới vô hình.

Ông Cao quỳnh Tuân, thân phụ của 2 Ngài Diêu và Cư giảng bàn cho một bài thi, khiến quý Ngài tin tưởng có các vong linh nơi thế giới vô hình. Sau đó, Cô Vương thị Lễ, Thất Nương Diêu Trì Cung giảng bàn, dùng thi phú xướng họa với quý Ngài, để lần lần dẫn dắt vào đường Đạo. Sau cùng, Đức Chí Tôn tá danh AẤẤ giảng bàn dạy Đạo cho quý Ngài.

Đêm 14 rạng 15-8-Ất Sửu (1925), Đấng AẤẤ dạy quý Ngài làm một cái tiệc chay đãi Đức Phật Mẫu và Cửu vị

Tiên Nương DTC gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, tại nhà Ngài Cư.

Ngày 1-11-Ất Sửu (1925), Đấng AẤẤ dạy 3 Ngài Cư, Tắc, Sang, ra quì giữa Trời “Vọng Thiên cầu Đạo”.

Ngày 12-3-Bính Dần (1926), tại Chùa Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm công Tắc chức Hộ Pháp, Ngài Cao quỳnh Cư chức Thượng Phẩm, Ngài Cao hoài Sang chức Thượng Sanh. Hai vị Hộ Pháp và Thượng Phẩm lập thành cặp Phò Loan Phong Thánh.

Sau Đại lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén Tây Ninh, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn lên Nam Vang mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đây. Ngày 28-3-Canh Ngọ, Đức Phạm Hộ Pháp dẫn một phái đoàn đi xuống làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho để lấy Phép Ếm của Tàu là Long Tuyền Kiếm, do Bát Nương chỉ dẫn.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (1930), Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập 6 Đạo Nghị Định để chính đốn nền Đạo. Ngày 16-7-Giáp Tuất (1934) Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập thêm 2 Đạo Nghị Định để trị loạn trong nền Đạo. Tổng cộng tất cả 8 Đạo Nghị Định.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung qui Thiên, Đức Lý Giáo Tông giao cho Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền Giáo Tông tại thế để điều hành nền Đạo cho được mau lẹ, nên lúc đó, Đức Phạm Hộ Pháp chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Trong suốt 34 năm hành đạo, Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng được nhiều công trình vĩ đại cho Đạo, lưu lại công nghiệp vĩ đại mãi mãi về sau, kể ra:

- Xây dựng Tòa Thánh đồ sộ nguy nga thờ Đ. Chí Tôn.
- Xây dựng Báo Ân Từ làm nơi thờ Đức Phật Mẫu.
- Xây dựng các cơ quan của Đạo trong Nội Ô: Giáo Tông đường, Nữ Đầu Sư đường, Tòa Nội Chánh Cửu Trùng Đài, Hộ Pháp đường, Văn phòng Hiệp Thiên Đài, Bộ Pháp Chánh, Đạo Đức Học đường, Bộ Nhạc Lễ, vv. . .
- Lập Phạm Môn và sau đó biến thành Cơ Quan Phước Thiện với Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng từ phẩm Minh Đức lên đến phẩm Phật Tử.
- Lập các phẩm Chức sắc HTĐ cấp dưới, theo ý kiến của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, từ phẩm Luật Sự lên phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để thi hành quyền Tư Pháp của HTĐ.
- Lập Ban Thế Đạo với 4 phẩm Chức sắc.
- Xây dựng Chợ Long Hoa, mở mang vùng Thánh Địa.
- Xây dựng 3 Cung 3 Động: Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động, Trí Giác Cung Địa Linh Động, Vạn Pháp Cung Nhơn Hòa Động để dùng làm Tịnh Thất.

Trong lúc đang xây dựng Tòa Thánh gần xong, ngày 28-6-1941 (Tân Tỵ), Chánh quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp và một số Chức sắc cao cấp đày đi Madagascar, một hải đảo ở Phi Châu, suốt 5 năm 2 tháng.

Vì áp lực của chánh quyền Ngô đình Diệm, Đức Phạm Hộ Pháp phải rời Tòa Thánh, lưu vong sang Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên, vào ngày 5-Giêng-Bính Thân (1956).

Ngày 10-4-Kỷ Hợi (1959), lúc 13 giờ 30 phút, Đức Ngài thoát xác qui Thiên, hưởng thọ 70 tuổi.

Nguyên căn và quyền hành của Đức Phạm Hộ Pháp được Đức Lý thổ lộ trong bài thơ khoán thủ sau đây:

*HỘ giá Chí Tôn trước đến giờ,  
PHÁP luân thường chuyển máy Thiên Thờ.  
CHUÔNG quyền Cực Lạc phân ngôi vị,  
QUẢN xuất Càn Khôn định cõi bờ.  
NHỊ kiếp Tây Âu cầm máy tạo,  
HỮU duyên Đông Á nắm Thiên Thờ.  
HÌNH hài Thánh thể chừ nên tướng,  
ĐÀI trọng hồng ân gắng cấy nhờ.*

**ĐỨC THƯỢNG PHẨM  
CAO QUỲNH CƯ (1888-1929)**

Ngài Cao quỳnh Cư sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh thượng, tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Ông Cao quỳnh Tuân, Thân mẫu là Trịnh thị Huệ, bào huynh là Cao quỳnh Diêu, đặc phong Bảo Văn Pháp Quân.

Năm 1907, Ngài Cư lập gia đình với Cô Nguyễn thị Hiếu, sau đặc phong Nữ Đầu Sư (1968).

Năm 1915, Ngài làm Thơ ký tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn.

(Việc Xây bàn, tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, Vọng Thiên Cầu Đạo, việc thọ phong chức Thượng Phẩm, xin xem nơi phần Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc).

Nhờ sự hướng dẫn của Đức Lý Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm cùng Hội Thánh mua được miếng đất rừng ở làng Long Thành để cất Tòa Thánh. Việc tổ chức di chuyển từ Chùa Từ Lâm ở Gò Kén về đất mới mua, do

Đức Cao Thượng Phẩm đảm nhiệm.

Đức Cao Thượng Phẩm chỉ huy những người Miên làm công quả lo khai hoang, chặt cây phá rừng, để cất Tòa Thánh tạm, cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù phòng, Trường học, đều làm bằng cây, vách đất, lợp tranh, tạm thời có chỗ làm việc cho Hội Thánh.

Tạo dựng đầu đó xong xuôi, Ngài bị bọn xấu vu oan cho Ngài nhiều việc xấu và buộc Ngài phải rời Tòa Thánh, trở về tư gia của Ngài ở gần chợ Tây Ninh. Tại đây, Ngài dựng nên Thảo Xá Hiến Cung làm nơi tu dưỡng. Ngài buồn phiền nên sanh bệnh và thoát xác đăng Tiên vào ngày 1-3-Kỷ Tỵ (1929), lúc 11 giờ trưa, hưởng 42 tuổi.

Đức Phạm Hộ Pháp cho biết, nguyên căn của Đức Cao Thượng Phẩm là Đại Tiên Hồn Chung Ly trong Bát Tiên.

### **ĐỨC THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG (1901-1971)**

Ngài Cao Hoài Sang, sanh ngày 11-9-1901 (Tân Sửu) tại làng Thái Bình tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Cao Hoài Ân, Thân mẫu là Hồ thị Lự, sau đặc phong Nữ Đầu Sư hàm phong (1968), bào huynh là Thời Quân Tiếp Đạo Cao đức Trọng.

Buổi xây bàn đầu tiên để tiếp xúc với các vong linh được tổ chức tại nhà Ngài Sang ở phố Hàng dừa Sài Gòn.

(Việc Xây bàn, tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, Vọng Thiên Cầu Đạo, việc thọ phong chức Thượng Sanh, xin xem nơi phần Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc).

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Cao Miên

năm 1956, Hội Thánh thiếu người trực tiếp cầm giềng mối Đạo, nên thỉnh Đức Cao Thượng Sanh, từ Sài Gòn về Tòa Thánh Tây Ninh đặng điều hành nền Đạo.

Từ đây, Ngài trọn phế đời hành đạo. Ngài tiếp nối Đức Phạm Hộ Pháp, xây dựng thêm các cơ quan trong đạo, như Nhà Hội Vạn Linh, Cơ quan Phát thanh Giáo lý, Văn phòng Ban Thế Đạo, Bắc Tông Đạo, Tần Nhơn, Nam Đầu Sư Đường, Học Đường Bộ Nhạc, vv. và phát huy việc phổ thông giáo lý Đại Đạo.

Đức Cao Thượng Sanh có tài năng đặc biệt về Cổ nhạc Việt Nam, nhờ vậy mà nền Âm Nhạc của Đạo Cao Đài được Ngài chỉnh đốn hoàn hảo.

Tuổi già sức yếu, công việc Đạo đa đoan, Đức Cao Thượng Sanh ngoạ bệnh và đăng Tiên ngày 26-3-Tân Hợi, lúc 5 giờ chiều, hưởng thọ 71 tuổi.

*(LƯU Ý: Muốn biết Tiểu sử chi tiết của 5 vị Chức sắc Đại Thiên Phong kể trên, xin xem quyển sách: Danh Nhân Đại Đạo).*

## **2. ĐẠO KỲ**

Đạo kỳ là lá cờ đạo, tượng trưng Đạo Cao Đài, gồm 3 màu: Vàng, Xanh, Đỏ.

Do đó, lá cờ đạo này còn được gọi là Cờ Tam Thanh, vì Thái Thanh có màu vàng, Thượng Thanh có màu xanh và Ngọc Thanh có màu đỏ.

Tại bao lơn trước Tòa Thánh, trong những ngày lễ của Đạo đều có treo lá cờ Đạo rất lớn, hình chữ nhật, có màu vàng ở bên trên, màu xanh ở giữa và màu đỏ ở dưới chót.

Trên phần nền vàng, có thêu 6 chữ Đại Đạo Tam



Kỳ Phổ Độ, trên phần nền xanh ở giữa có thêu một Thiên Nhân và Cổ Pháp Tam giáo: Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và quyển Kinh Xuân Thu. Trên phần màu đỏ không có thêu gì cả.

Ý nghĩa của lá cờ Đạo Cao Đài được Đức Phạm Hộ Pháp giải thích, xin tóm tắt như sau:

- Màu vàng là của phái Thái, tượng trưng Phật giáo.
- Màu xanh là của phái Thượng, tượng trưng Tiên giáo.
- Màu đỏ là của phái Ngọc, tượng trưng Thánh giáo tức Nho giáo.

Ghép 3 màu lại trong một khuôn hình chữ nhật, với 3 phần đều bằng nhau, tượng trưng tôn chỉ của Đạo Cao Đài là Tam Giáo Qui Nguyên.

Thiên Nhân là biểu tượng của Đức Chí Tôn, thờ Thiên Nhân là thờ Đức Chí Tôn.

Thêu Thiên Nhân và Cổ Pháp Tam giáo trên Đạo Kỳ, dưới 6 chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là để chỉ rằng, Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn lập ra trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ Tam giáo qui nguyên, nghĩa là đem 3 nền Tôn giáo lớn ở Á Đông qui về một gốc Đại Đạo do Đức Chí Tôn làm chủ.

### 3. CỔ PHÁP TAM GIÁO

Trên lá cờ Đạo, hay trên lan can lầu Phi Tượng Đài, đều có hình Cổ Pháp Tam giáo.

Cổ Pháp Tam giáo gồm: Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và Quyển Xuân Thu. Bình Bát Vu đặt ở giữa, Phất Chủ

và Xuân Thu đặt ở 2 bên.

- Bình Bát Vu tượng trưng Phật giáo.
- Cây Phất Chủ tượng trưng Tiên giáo.
- Sách Xuân Thu tượng trưng Nho giáo.

Ghép 3 món ấy lại với nhau để tượng trưng tôn chỉ của Đạo Cao Đài là: Tam giáo qui nguyên, tức là đem 3 nền tôn giáo lớn ở Á Đông (Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo) hiệp trở về một gốc, gốc đó là Đại Đạo, do Thượng Đế làm chủ.

Phật Mẫu Chơn Kinh:

*Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,  
Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.*

### BÁT VU

Bát Vu là cái bình bát đựng đồ ăn của các tăng ni Phật giáo, phái Khất Sĩ, dùng để đi khất thực.

Mỗi vị sư, sau khi thọ giới cụ túc, được vị Hòa Thượng nhơn danh Giáo Hội, truyền cho một cái bát, hoặc khi cái bát bị bể, thì Giáo Hội cũng phát cho cái khác.

Lúc thọ lãnh bát, vị sư nguyện 3 lần bài chú sau đây:

*“Thiện tai Bát-đa-la, Như Lai ứng lượng khí: Phụng trì dĩ tư thân, trường dưỡng trí mạng. An chỉ vị chỉ vị phật nhựt ra hồng phấn tra.”*

Nghĩa là: Lành thay cái Bát-đa-la, món đồ ứng lượng của Phật. Tôi nay phụng trì để nuôi thân và nuôi lớn cái mạng trí huệ. Sau cùng là Câu Thần chú bằng tiếng Phạn.

Bát-đa-la là phiên âm từ tiếng Phạn: PATRA, có nghĩa là cái bát, cái bình bát hay Bình bát vu.

Bình Bát Vu còn là một trong 2 tín vật của Phật giáo

mà các Tổ Sư gìn giữ làm bảo vật để truyền kế ngôi Tổ Sư.

Hai tín vật đó là: Y và Bát. Y là cái áo cà sa và Bát là cái Bình Bát vu. Nguyên 2 tín vật này là của đức Phật Thích Ca sử dụng trong lúc Đức Phật còn sanh tiền. Khi Đức Phật tịch, Phật truyền 2 món này lại cho Ma-Ha Ca-Điếp làm tín vật để giữ ngôi Như Lai Tổ Phật giáo Ấn Độ.

Sau đó, Ma-Ha Ca-Điếp truyền Y Bát lại cho A-Nan làm Nhị Tổ Phật giáo Ấn Độ. Y Bát này truyền dần xuống đến đời Tổ Sư thứ 28 là Bồ-Đề-Đạt-Ma, thì Đạt-Ma Tổ Sư đem Y Bát sang Trung Hoa để mở mang Phật giáo tại nước này. Đạt-Ma Tổ Sư trở thành Sơ Tổ của Phật giáo Trung Hoa.

Đạt-Ma Tổ Sư truyền Y Bát lại cho 4 đời Tổ Sư nữa thì đến đời Lục Tổ Huệ Năng. Sau đời Lục Tổ Huệ Năng, không còn lệ truyền Y Bát nữa, vì theo lời di chúc của Đạt-Ma Tổ Sư, 200 năm sau kể từ ngày Ngài lên Ngôi Tổ thì Y Bát không được truyền nữa.

Vì sự hệ trọng của Y và Bát như thế, nên Đạo Cao Đài chọn Bình Bát Vu làm Cổ Pháp tượng trưng Phật giáo.

### PHẬT CHỦ

Phật là quét, chủ là con chủ. Con chủ là loài thú thuộc loài nai, hình dáng như con hươu nhưng lớn hơn, lông đuôi dài chấm đất, khi đi thì cái đuôi phẩy qua phẩy lại để quét cho sạch bụi.

Do đó, Phật chủ là cái chổi quét bụi làm bằng lông đuôi con chủ, nên cũng gọi là Phật trần (quét bụi).

Các vị Tiên thường dùng lông đuôi chủ để làm chổi quét bụi. Nhưng đây là cây chổi Tiên, nên nó có rất nhiều

phép tắc mẫu nhiệm, nó dùng để quét sạch bụi trần bám vào che lấp cái Tâm, để cho cái Tâm được trong sạch sáng tỏ.

Nguồn gốc cây Phật chủ là của Đức Thái Thượng Lão Quân. Do đó, Phật chủ là bửu bối của Tiên gia. Đạo Cao Đài chọn Phật chủ làm Cổ Pháp tượng trưng Tiên giáo.

### XUÂN THU

Xuân Thu là tên của một quyển sách do Đức Khổng Tử sáng tác vào lúc cuối cuộc đời của Ngài, sau khi Ngài đã san định xong Ngũ Kinh.

“Xuân Thu là tên của một bộ sử nước Lỗ do Đức Khổng Tử ghi chép những việc quan trọng xảy ra hằng năm, từ đời Lỗ Ân Công nguyên niên, tức là từ năm thứ 49 đời vua Chu Bình Vương, đến đời Lỗ Ai Công năm thứ 14, tức là năm thứ 39 đời vua Chu Kinh Vương, trong thời gian 242 năm.

Đây là một giai đoạn lịch sử Trung Hoa, thời kỳ mạt kiếp nhà Chu (Châu), ngôi Thiên tử suy nhược, bị bọn Ngũ Bá: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tấn Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Công, nổi lên lấn át quyền Thiên tử, các nước chư hầu tranh chiếm lẫn nhau, các sử gia gọi là thời đại hỗn loạn, nên người đời sau mượn tên Kinh Xuân Thu để gọi thời đại ấy là thời Xuân Thu (722-480 trước Tây lịch).

Mặc dầu Kinh Xuân Thu là một cuốn sách lịch sử, nhưng khi ghi chép, Đức Khổng Tử vận dụng văn tự và bút pháp để khen chê, để phân biệt kẻ thiện người ác hết sức minh bạch và đanh thép, nên người đời sau đã phải công nhận đó là búa rìu trong Kinh Xuân Thu (Xuân Thu

phủ việt), cũng như nói: Đức Khổng Tử làm Kinh Xuân Thu mà bọn loạn thần tặc tử sợ (Khổng Tử tác Xuân Thu nhi loạn thần tặc tử cụ).

Vì thế Kinh Xuân Thu đã có tác dụng về Đạo lý, đã giữ địa vị quan trọng trong nền văn hóa Đông phương nói chung và Nho giáo nói riêng, trong sự biểu dương học thuyết “Chính danh, Nhất quán, Trung Dung, Đại Đồng” của vị Vạn Thế Sư Biểu mà dân tộc Việt nam đã chịu ảnh hưởng hơn 2000 năm nay.

Kinh Xuân Thu còn có tính cách điển hình gương mẫu cho người đời sau phải tôn trọng danh dự và nhiệm vụ trong khi viết sử, và được liệt vào 5 Bộ Kinh căn bản của Nho giáo: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu.” (Theo Ông Lê phục Thiện, chuyên viên Hán học, TTHL)

Xem như thế, Kinh Xuân Thu là một bộ sách rất quan trọng, tiêu biểu cho Đức Khổng Tử, mà cũng tiêu biểu cho Nho giáo. Đức Quan Thánh thuở sanh tiền lấy Kinh Xuân Thu làm sách gối đầu.

Do đó, Đạo Cao Đài lấy Kinh Xuân Thu làm Cổ Pháp tượng trưng Nho giáo.

#### 4. LONG HOA

Phía dưới bao lơn trước Tòa Thánh có 4 cây cột, mỗi bên 2 cây đứng kế nhau, một cây quẩn rồng đỏ, một cây quẩn bông sen. Hai cây cột đứng kế nhau ấy tượng trưng 2 chữ LONG HOA. Long là rồng, Hoa là cái bông).

Tượng trưng như vậy là có ý nói rằng, Đại Hội Long Hoa kỳ này sẽ mở ra tại Tòa Thánh Tây Ninh, và Đức Di-

Lạc Vương Phật ngự trên nóc Phi Tượng Đài sẽ làm Giáo chủ, với 8 khuôn hình chung quanh bao lơn tượng trưng 8 hạng người của Nhơn loại (Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngự, Tiều, Canh, Mục), tức là tượng trưng Nhơn loại tụ họp về Tòa Thánh để tham dự Đại Hội Long Hoa. Những người tham dự Đại Hội Long Hoa là những người đã được Đức Di-Lạc Vương Phật chấm đầu trong kỳ thi công đức và sẽ được thăng thưởng vào các phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật. Từ khi có Nhơn loại đến nay, Đức Chí Tôn đã mở 2 kỳ Đại Hội Long Hoa: Kỳ nhứt và Kỳ nhì. Sắp tới, Đức Chí Tôn sẽ mở Đại Hội Long Hoa Kỳ ba:

\* Cuối Chuyển thứ nhứt, tức là cuối Hạ nguơn Nhứt Chuyển, có Đại Hội Long Hoa kỳ nhứt, gọi là Thanh Vương Đại Hội, do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật làm Giáo Chủ.

*(Kể từ khi có Nhơn loại đến nay đã trải qua 3 Chuyển: Nhứt Chuyển, Nhị Chuyển, Tam Chuyển. Mỗi Chuyển có 3 Nguơn: Thượng nguơn, Trung nguơn, Hạ nguơn. Hiện nay, Nhơn loại đang ở vào cuối Hạ nguơn của Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng nguơn của Tứ Chuyển).*

\* Cuối Chuyển thứ nhì, tức là cuối Hạ nguơn Nhị Chuyển, có Đại Hội Long Hoa kỳ thứ nhì, gọi là Hồng Vương Đại Hội, do Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo Chủ.

\* Cuối Chuyển thứ ba, tức là cuối Hạ nguơn Tam Chuyển, sẽ có Đại Hội Long Hoa kỳ thứ ba, gọi là Bạch Vương Đại Hội, do Đức Di-Lạc Vương Phật làm Giáo Chủ.

Đạo ví Đời là một trường học vĩ đại, có đủ các bài học từ thấp đến cao, từ ác tới thiện, từ vật chất đến tinh thần, để các chơn linh đầu kiếp xuống đây học hỏi, chiêm nghiệm và tiến hóa. Người làm thiện thì tiến hóa hơn

người làm ác; người ăn chay thì tiến hóa hơn người ăn mặn; người tu hành đạo đức thì tiến hoá hơn người không tu. Đại Hội Long Hoa là một cuộc thi tuyển sau một Chuyển học hồi và tiến hoá của Nhơn loại. Ai đạt được trình độ tiến hóa cao thì được chấm đậu, sẽ lãnh được những cấp bằng làm Thần Thánh Tiên Phật tương ứng với trình độ tiến hóa của mình. Ai rớt thì phải ở lại cõi trần để tiếp tục học hồi và tiến hóa, chờ kỳ thi tuyển được mở ra vào cuối Chuyển tiếp theo.

Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (tức là Đạo Cao Đài) là để chuẩn bị cho con cái của Ngài trước kỳ thi tuyển vào Đại Hội Long Hoa kỳ thứ ba.

*“Người dưới thế này, muốn giàu có, phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần Thánh Tiên Phật, muốn cho đắc đạo, phải có công quả. Thấy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Nếu chẳng đi đến trường Thấy lập mà đoạt thủ địa vị mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.” (TNHT. I. 27)*

Trong Đại Hội Long Hoa kỳ thứ ba này, người được chấm đậu sẽ được tưởng thưởng xứng đáng bằng những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật, và sẽ được đưa vào những thế giới tiến hóa cao siêu hơn. Những người có công đức ít sẽ được sống sót tại quả địa cầu này và trở thành giống dân Thần Thông Nhơn để lập đời Thượng Nguơn Thánh đức.

Còn những người thi rớt ở Đại Hội Long Hoa này, họ phải ở đó chờ đợi cho đến khi nào lớp thú cầm tiến hóa lên phẩm Nhơn loại thì họ mới nhập vào, để cùng bắt đầu một chu trình tiến hóa mới. Sự chờ đợi đó đôi khi

phải mất hàng triệu năm thì lớp thú cầm mới tiến hóa lên được phẩm Nhơn.

Hội Long Hoa sa thải những kẻ gian ác (kém tiến hóa) tức là những kẻ thi rớt bằng cách nào?

– Bằng những tai Trời ách nước như: Bão tố, lụt lội, núi lửa, động đất, bệnh chướng sát hại. Mười phần Nhơn loại rớt hết 9 phần, chỉ đậu 1 phần. Do đó, trước ngày khai Đại Hội Long Hoa, sẽ có một cuộc tang thương vĩ đại, để loại trừ 9 phần 10 Nhơn loại kém tiến hóa đó, mà nhiều tôn giáo gọi đó là Tận Thế, là cuộc Phán Xét cuối cùng.

TNHT.I. 87: *“Kỳ Hạ nguơn hầu mãn, Nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, 10 phần chỉ còn lại 1 mà thôi. Than ôi! Buồn thối! Nghĩ vì Thiên cơ định vậy, thế nào mà cãi cho đặng, duy có mở tấm lòng từ thiện ăn năn sám hối, lo việc tu hành, đồng với nhau cả quốc dân mà quì lạy khẩn cầu coi Trời có đoái tưởng đến chăng?”*

*Bởi thế nên Đức Ngọc Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, mới lập Hội Tam Kỳ Phổ Độ đặng cứu vớt chúng sanh đương linh đĩnh nơi bể khổ. Nếu gặp thuyền Bát Nhã mà không xuống, không theo thì chắc thế nào cũng chơi với mé biển.”*

Sau cuộc biến động dữ dội gọi là Tận Thế đó, thì quả Địa cầu trở lại yên tĩnh, thời tiết trở lại điều hòa tốt đẹp, trước khi được thổi tan, Nhơn loại còn lại là những người hiền lương đạo đức với hình dáng tốt đẹp, mạnh khỏe sống lâu. Đó là khởi đầu của giống dân Thần Thông Nhơn lập đời Thượng nguơn Thánh đức. Chư Tiên Phật sẽ giáng trần hướng dẫn Nhơn loại tiếp tục tiến hóa lên cao hơn nữa.

Do đó, Đức Chí Tôn có nói:

*Chứng nào đất dậy Trời thay xác,  
Chư Phật, Thánh, Tiên, xuống ở trần.*

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Đại Hội Long Hoa, xin trích ra sau đây:

*“Long Hoa Hội là gì? Long Hoa Hội là một ngày, một buổi khảo lựa của toàn thể các chơn hồn, đầu Quĩ vị hay trong Thần vị cũng vậy, định khoa mục đăng lập vị thiêng liêng.*

*Chúng ta hiểu rằng, mỗi Chuyển, tức nhiên là mỗi khoa mục. Hễ cuối một Chuyển, tức nhiên Hạ nguơn, là ngày định vị của các đẳng linh hồn.*

*Thánh giáo Gia-Tô đã nói rằng: “Ngày xét đoán cuối cùng”, mà kỳ thật là ngày định vị cho chư Phật đó vậy.*

*Có một điều trọng hệ đương buổi này là buổi nào nhiệt, tại sao? Tại mãi Hạ nguơn Tam Chuyển, Thiên thơ đã định Long Hoa Hội.*

*Thánh giáo Chí Tôn nói: “Các con phải chung cùng nhau, tức nhiên lập Long Hoa Hội, định vị cho các chơn linh trong kỳ Hạ nguơn Tam Chuyển này, định vị cho họ đăng mở Thượng nguơn Tứ Chuyển cho các chơn linh.” Ngài mở Long Hoa Hội ấy, tức nhiên Ngài định chấm đậu rớt cho các chơn linh vậy. Vì cơ cho nên, chúng ta ngó thấy có huyền vi bí mật nơi mặt thể này: Đức Chí Tôn đến mở Đạo ngày nay, chúng ta thấy oan gia nghiệp chướng trả liền buổi này, không cho thiếu, trả mãi mới thôi.”*

**TÓM LẠI:** – Đại Hội Long Hoa là một cuộc thi cần thiết để tuyển chọn người đạo đức trong thời kỳ cuối Hạ nguơn Tam Chuyển bước qua Thượng nguơn Tứ Chuyển, để tạo lập đời Thượng nguơn Thánh đức.

– Những người bị loại ra khỏi Đại Hội Long Hoa là những người kém tiến hóa, tức là họ còn gian ác xấu xa, thiếu đạo đức. Họ phải ở đó chờ đợi hàng triệu năm sau để lớp thú cầm tiến hoá lên phẩm người thì họ cùng nhập vào mà bắt đầu một giai đoạn tiến hóa mới.

– Tỷ lệ tuyển chọn của Đại Hội Long Hoa kỳ ba này là 1/10. Trong 10 người chỉ có một người đậu mà thôi, còn 9 người kia bị loại và bị tiêu diệt. Linh hồn của họ phải chờ đợi như vừa trình bày bên trên.

– Đức Di-Lạc Vương Phật đứng làm Giáo Chủ Đại Hội Long Hoa, chính Ngài là Chánh Chủ Khảo chấm thi đậu rớt.

## 5. TÁM KHUÔN HÌNH NƠI BAO LỚN TÒA THÁNH

v. Hạ Võ trị thủy: tượng trưng – NÔNG.

vi. Ngu Thuấn cày voi: – CANH.

vii. Toại Nhân - Hữu Sào: – CÔNG.

viii. Phạm Lãi - Tây Thi: – THƯƠNG

ix. Khương Thượng ngồi câu: – NGŨ.

x. Khương Thượng ngồi câu: – TIỂU.

xi. Sào Phủ - Hứa Do: – MỤC.

xii. Châu Mãi Thần: – SĨ.

### KHUÔN HÌNH SỐ I: NÔNG HẠ VÕ TRỊ THỦY

Ông Hạ Võ được vua Thuấn sai đi xẻ núi đào sông, làm cho nước chảy thông ra biển, tránh lụt ngập cho dân, giúp cho nghề nông phát triển mau lẹ.



Hạ Võ là con Ông Cồn. Ông Cồn làm quan dưới triều vua Nghiêu. Vua Nghiêu sai ông Cồn trị thủy, ông Cồn làm việc trong 9 năm nhưng không thành công được điều gì.

Sau, Ông Thuấn lên nối ngôi vua Nghiêu, lại sai con Ông Cồn là Hạ Võ tiếp tục công việc trị thủy. Hạ Võ vất vả làm việc trong 10 năm, làm rất khẩn trương, đi qua cửa nhà mà không có thời giờ vào thăm nhà. Ông đã khai thông được các sông ngòi, đào thêm các kinh rạch, nhờ vậy, nước lụt thuận dòng chảy ra biển. Đất đai không còn bị ngập lụt nên dân chúng cày cấy trồng trọt được, làm cho Nông nghiệp phát triển mau lẹ.

Nhờ công nghiệp to lớn này, Ông Hạ Võ được vua Thuấn phong làm chức Tư Không, điều khiển các quan.

Vua Thuấn ở ngôi được 33 năm, lúc đó đã được 93 tuổi, nhận thấy con là Thương Quân bất tài, không phải là người hiền, nên vua Thuấn bắt chước vua Nghiêu, truyền ngôi cho người hiền là Ông Hạ Võ.

Vua Thuấn phủ dụ Ông Hạ Võ:

“Lại đây Ông Võ! Trời ra tai họa nước lụt, có ý răn ta. Nay tin giữ được lời nói, làm được thành công, ấy là tài của người; chăm chỉ việc nước, tiết kiệm việc nhà, bụng không tự mãn, ấy là đức tốt của người. Người không khoe tài, không khoe công, thiên hạ không ai cùng người tranh công. Ta quý các đức tốt của người, khen cái công to của người. Lịch số của Trời nay đến lượt người, người đáng lên ngôi vua.

Lòng người dễ thiên về vật dục, rất nguy! Lòng mến đạo thì rất nhỏ. Cần phải xét cho tinh, giữ một mực, tin

theo đạo Trung Dung, không thái quá, không bất cập.

Những lời nói vu vợ, không bằng cứ vào đầu, chớ nghe. Những mưu kế độc chuyên, không hỏi ý kiến công chúng, chớ dùng.

Đáng yêu chẳng phải là vua ư? Đáng sợ chẳng phải là dân ư? Dân không có vua, dân trông cậy vào đâu? Vua không có dân, vua cùng ai giữ nước?

Người nên thận trọng ngôi vua, tu tỉnh những nguyện dục của mình. Nhớ rằng, để dân chúng phải khổ cùng thì lộc Trời sẽ hết. Lời nói ở miệng ra, có khi thiện cảm, có khi gây việc binh hung. Người nên lưu ý.”

Sáng ngày mùng 1 tháng Giêng, Ông Võ chịu mệnh ở miếu thờ vua Nghiêu, tổng xuất trăm quan, lên ngôi vua, nối đời vua Thuấn. Năm ấy là năm 2205 trước Tây lịch.

## KHUÔN HÌNH SỐ II: CANH NGU THUẤN CÀY VOI

Ông Thuấn họ Ngu, cha là Cổ Tẩu, mẹ là Ốc Đẳng rất hiền đức mà mất sớm. Cổ Tẩu có tánh ương gàn, mê muội, cưới vợ kế, sanh một con trai, đặt tên là Tượng.

Cảnh mẹ ghẻ con chồng thật là khắc nghiệt. Em Tượng lớn lên rất điều ngoa. Cổ Tẩu thường nghe lời vợ kế mà đày đọa Thuấn làm nhiều điều khổ sở.

Có lần mẹ ghẻ xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi cày ở đất Lịch Sơn, là nơi nổi tiếng có nhiều cọp dữ, mục đích là để cho cọp ra ăn thịt Thuấn mà trừ khử Thuấn đi.

Thuấn nghe lời cha mẹ, đem cày đến Lịch Sơn không chút than van. Lòng hiếu thảo của Thuấn cảm động Trời cao, khiến cọp dữ không dám đến gần, voi trong rừng ra

cày đất cho Thuấn, chim muôn bay đến nhật cỏ.

Thấy không hại được Thuấn bằng cách đó, bà mẹ ghẻ lại xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi đánh cá ở đầm Lôi Trạch, là nơi thường có gió to sóng lớn nhận chìm ghe thuyền, không ai dám bén mảng tới đó. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, đến đó đánh cá bình yên, sóng gió lúc đó êm lặng như ngầm giúp cho người con hiếu thảo.

Dù bị hãm hại nhiều lần, nhưng Thuấn không hề oán ghét mẹ ghẻ, và đối với em Tượng vẫn thương yêu như em ruột, sống hiền hòa hiếu thuận, luôn luôn lo phụng dưỡng cha và mẹ ghẻ, van vái Trời Phật cho cha mẹ và em được khỏe mạnh sống lâu.

Với tấm lòng cao cả của Thuấn, bà mẹ ghẻ lần lần hối hận những việc làm độc ác vừa qua, trở lại sống hiền lương và thương yêu Thuấn.

Tiếng hiếu thảo của ông Thuấn được đồn vang trong dân chúng, đến tai vua Nghiêu đang trị vì thiên hạ. Vua Nghiêu không muốn truyền ngôi cho con là Đan Chu, vì thấy con không đủ tài đức đem lại hạnh phúc cho dân, lại nghe Thuấn là người hiền, nổi tiếng hiếu thảo, đáng được truyền ngôi, nên vua Nghiêu hỏi ý kiến của quần thần:

– Trẫm ở ngôi được 70 năm, ta muốn tìm một người hiền để truyền ngôi. Các khanh tiến cử ai?

Các quan tâu rằng:

– Ở trong dân chúng có một người hiền nổi tiếng hiếu thảo, đó là Ngu Thuấn ở đất Ngu.

– Phải, Trẫm cũng có nghe, Nhưng người ấy thế nào?

Quan Tú Nhạc thưa rằng:

– Người ấy là con một người mù lòa, cha ngoan cố,

mẹ ghẻ lắm điều, người em dì bào tên Tượng lại có tánh ngạo ngược, thế mà Thuấn vẫn một lòng hiếu thuận, khiến cho họ hối lỗi, trở lại làm thiện, không xảy ra sự gian ác thêm nữa.

Vua Nghiêu nói:

– Ta thử xem sao, ta gả 2 con gái ta cho người ấy để xem cách người ấy tế gia như thế nào?

Thế là vua Nghiêu sửa soạn hành trang, đưa cả 2 con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh đến bờ sông Vy, gả hết cho Thuấn. Vua Nghiêu răn hai con gái rằng:

– Phải kính cẩn giữ cho trọn đạo.

Sau 3 năm dò xét, Vua Nghiêu kêu Ông Thuấn bảo:

– Lại đây, người Thuấn! Ta hỏi công việc và xét lời nói của người đều có thành tích. Đến giờ đã 3 năm, người đáng được lên ngôi làm vua thay ta.

Ông Thuấn tự khiêm mình là đức kém, nhưng vua Nghiêu không chịu.

Ngày mùng 1 tháng Giêng, Ông Thuấn chịu mệnh, lên ngôi vua nơi miếu thờ Đức Văn Tổ.

### **KHUÔN HÌNH SỐ III: CÔNG TOẠI NHÂN – HỮU SÀO**

Toại Nhân là người có công phát minh ra lửa, bằng cách lấy cây nhọn dùi vào gỗ, tạo sức nóng làm lửa phát ra.

Hữu Sào là người phát minh ra cách cất nhà trên cây, làm giống như cái tổ chim, để ở.

Sách Hàn Phi Tử viết:

Đời Thái cổ nước Tàu, người ít mà cầm thú thì nhiều,

dân không thắng nổi thú dữ như cọp, voi, sấu, rắn, vv ... Có Đấng Thánh nhân dấy lên, bày cho dân cách kết cây lại, làm giống như một cái tổ chim trên cây để ở. Khi gặp nguy hiểm thì trèo lên cây, vào đó cư trú an toàn. Dân chúng vui lòng, tôn lên làm vua, gọi là Hữu Sào. (Sào là cái ổ)

Dân chúng lại ăn trái sống, thịt sống, tanh hôi, làm thương tổn tỳ vị, thường mắc bệnh tật, bị chết rất nhiều. Có Đấng Thánh nhân dấy lên, bày cho dân dùng củi đốt lên để nấu chín thức ăn, khử mùi tanh hôi, lại dễ tiêu hóa. Dân chúng vui lòng, đồng tôn lên làm vua, gọi là Toại Nhân. (Toại là lấy lửa)

Việc phát minh ra lửa là một thành tựu vĩ đại của loài người nguyên thủy, tạo ra một cuộc biến đổi toàn diện về đời sống của con người. Nhờ có lửa, con người ăn các thức ăn được nấu chín, cơ thể của con người biến đổi theo chiều hướng tiến hoá tốt đẹp. Cũng nhờ có lửa, con người biết đốt nóng kim khí để rèn, đúc các dụng cụ bằng kim khí, nâng mức sống lên một đẳng cấp rất cao so với loài cầm thú.

Toại Nhân và Hữu Sào, với 2 phát minh quan trọng, đã đưa con người nguyên thủy tiến hoá lên một bậc cao, thoát khỏi tình trạng ăn lông ở lỗ chung đụng với loài cầm thú.

Do đó, Toại Nhân và Hữu Sào được xem là 2 vị Tổ Sư của ngành chế tạo công nghiệp.

#### **KHUÔN HÌNH SỐ IV: THƯƠNG PHẠM LÁI – TÂY THI**

♦ **Phạm Lái** là vị tướng tài ba đã giúp vua nước Việt là Việt Vương Câu Tiễn đánh thắng và giết chết Vua Ngô

*Phù Sai, trả được cái nhục mất nước, vào thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu.*

*Sau khi thành công, Phạm Lái bí mật rút lui khỏi quan trường (Công thành thân thoái), cùng với người đẹp Tây Thi, lên thuyền đi vào Ngũ Hồ, sống cuộc đời phóng khoáng tự do.*

*Sau đó, Phạm Lái thay đổi tên họ, trở thành Đào Châu Công, chỉ huy một đoàn thương thuyền và một đoàn thương xa, chuyên đi buôn bán, mua hàng hóa từ nơi dư thừa, chở đến bán ở các nơi thiếu thốn, rất được các nước chư hầu hoan nghinh. Đào Châu Công có một hệ thống xe, thuyền vận tải hàng hóa đi khắp các thị trấn lớn của nước Tàu thời bấy giờ.*

*Việc thương mại của Đào Châu Công thật là phát đạt.*

♦ **Tây Thi**, là người con gái rất đẹp của nước Việt, giết lụy ở Trữ La thôn.

Vua nước Việt là Câu Tiễn muốn đem quân sang đánh nước Ngô. Phạm Lái can rằng:

– Không nên, tôi nghe nói việc binh là điều gỡ, đánh nhau là điều trái với đức, tranh nhau bằng quân sự là việc thấp nhứt. Lo âm mưu làm trái với đức là việc Thượng Đế cấm. Nếu làm tất bất lợi.

Việt Vương không nghe, đem binh đánh Ngô, bị vua Ngô Phù Sai và Tướng Quốc Ngũ Tử Tư đánh cho đại bại, bị bắt làm tù binh. Ngũ Tử Tư yêu cầu vua Ngô giết ngay Câu Tiễn để khỏi lưu hại về sau. Nhưng Văn Chủng đã dùng nhiều tiền bạc lo lót cho Thái Tể Phi, một đại thần của vua Ngô, tìm cách cứu mạng Câu Tiễn, nên Thái Tể Phi tâu với vua Ngô, không nên giết Câu Tiễn,

chỉ nên giam cầm mà thôi.

Vua Ngô sắp ứng thuận thì Ngũ Tử Tư lại can nữa:

– Nếu nay mà Đại Vương không tiêu diệt nước Việt, thì sau này sẽ hối hận. Câu Tiễn là người có chí khí, lại có 2 bề tôi tài giỏi là Phạm Lãi và Văn Chủng phò tá, nước Việt sẽ mau hùng cường, nhất định sẽ đánh lại nước Ngô.

Vua Ngô không nghe, chỉ bắt Câu Tiễn giam cầm đầy đọa một thời gian rồi thả cho trở về nước.

Việt Vương Câu Tiễn được tha về nước rồi thì giấu mình, nuôi chí phục thù, nhưng ngoài mặt giả bộ an phận phục tùng vua Ngô, hằng năm triều cống.

Phạm Lãi bí mật luyện tập quân đội, tích thảo đồn lương; Văn Chủng lo sửa sang việc chánh trị và kinh tế, đồng thời tuyển lựa một đoàn mỹ nữ, huấn luyện đủ các ngón nghề mê hoặc Ngô Phù Sai, để Việt Vương dâng hiến cho vua Ngô. Trớ trêu thay, trong đoàn mỹ nữ có nàng Tây Thi đứng đầu lại là người yêu của Phạm Lãi. Nhưng cả 2 người đều hy sinh tình riêng để lo báo đền ơn nước.

Ngô Phù Sai hết sức bằng lòng đoàn mỹ nữ này và đặc biệt sủng ái Tây Thi. Ngũ Tử Tư vội vào triều can vua Ngô nhiều lần, nhưng vua không nghe, lại còn có ý bức bội.

Bảy năm trôi qua, nước Việt đã khá hùng mạnh. Việt vương nóng lòng phục thù, muốn đem binh đánh Ngô, nhưng Phạm Lãi can vì chưa phải lúc.

Trong lúc đó, bên nước Ngô, Ngô Phù Sai tin dùng Thái Tế Phi, lại được Văn Chủng đem vàng bạc đút lót người để cố ý gièm pha hãm hại Ngũ Tử Tư. Âm mưu này dần dần thành công. Ngũ Tử Tư bị vua Ngô bức tử.

Trước khi chết, Ngũ Tử Tư bảo:

– Các người hãy móc cặp mắt của ta đặt ở cửa thành phía Đông để ta xem quân nước Việt tiến vào.

Việt Vương Câu Tiễn hay tin Ngũ Tử Tư bị bức tử chết thì rất mừng, liền vời Phạm Lãi đến thương nghị việc đánh Ngô, nhưng Phạm Lãi vẫn can, vì tuy nước Ngô mất tướng tài là Ngũ Tử Tư, nhưng thế của nước Ngô còn mạnh lắm.

Mùa Xuân năm sau, vua Ngô Phù Sai làm Bá Chủ chư Hầu ở phía Nam, đem đại quân lên phía Bắc, họp với các chư Hầu ở Hoàng Tri. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ chừa lại những lính già giữ thành mà thôi. Việt Vương Câu Tiễn lại thương nghị với Phạm Lãi và Văn Chủng xem lúc này đánh Ngô được chưa. Phạm Lãi đáp:

– Đúng lúc này mà Đại vương tấn binh thì nhất định đại thành công, giết được Ngô Phù Sai, trả cái thù thuở trước.

Việt Vương Câu Tiễn xuất toàn lực bất ngờ tấn công nước Ngô. Quả nhiên quân Ngô đại bại. Ngô Phù Sai dẫn binh trở về tiếp cứu, nhưng Ngũ Tử Tư đã chết rồi, trong triều không còn trung thần, đâu có ai chống nổi Phạm Lãi và Văn Chủng. Ngô Phù Sai đành thảm bại, che mặt ân hận nói:

– Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Ngũ Tử Tư nữa.

Nói rồi, Ngô Phù Sai rút gươm tự sát. Toàn quân Ngô đều tan rã đầu hàng.

Phạm Lãi đã có kế hoạch chuẩn bị sẵn từ trước, liền chạy thẳng lên Cô Tô Thành, vào ngay cung cấm để tìm nàng Tây Thi, người yêu cũ 17 năm về trước, đưa nàng

xuống ngay một chiếc thuyền lớn đã đậu chờ sẵn, rồi dùng mũi kiếm khắc vào thẻ trúc một mật thơ gởi cho Văn Chung:

*“Việt Vương có nói: Chim đã hết thì cung tốt phải cắt, thỏ khôn đã chết thì chó sẵn bị làm thịt. Vua Việt là người cổ dài, mệnh điều hâu, có thể cùng chung lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng chung hưởng với ông ta khi thành công. Sao bạn không bỏ đi? Nếu Tử Hội còn tham mền công danh, ắt ngày sau không khỏi bị tai họa.”*

Phạm Lãi gọi một cận thần đến dặn: “Đợi ta đi khỏi Cô Tô Thành chừng nửa giờ thì người đem bức mật thư này giao cho Đại Phu Văn Chung.”

Xong, Phạm Lãi cho thuyền rời ngay Cô Tô Thành, đi về phía Ngũ Hồ. Gió thổi mạnh, thuyền lướt nhanh, Thái Hồ mênh mông nhìn thấy trước mặt. Phạm Lãi và Tây Thi cùng nhìn lại phía sau, Cô Tô Thành đang còn ngập trong biển lửa, kết thúc một triều đại trong những mối oan cừu.

Phạm Lãi thở dài: “Tất cả đã kết thúc, hận cũ được tiêu tan, thì thù mới sẽ tới. Việt Vương ngày nay rồi sẽ theo vết xe đổ của Ngô vương. Văn Chung không chịu bỏ đi hôm nay thì ngày kia cũng giống như Ngũ Tử Tư mà thôi.”

Phạm Lãi nhìn Tây Thi nói:

– Ân cừu, Ngô quốc, Việt quốc, Sở quốc, có liên quan gì đến ta nữa chứ? Tây Thi, từ rày về sau, chúng ta không màng đến các chuyện ấy nữa. Sóng nước Ngũ Hồ sẽ rửa sạch tất cả, để chúng ta không còn dính đến thế sự nữa. Tây Thi, để ta giới thiệu người nhà của ta ra mắt nàng.

Phạm Lãi đưa Tây Thi vào khoang thuyền giữa. Con

lớn tên là Phạm Bình 15 tuổi, con kế là Phạm An 11 tuổi. Cả hai lớn lên trong gian khổ, người hơi gầy nhưng chắc nịch.

Tây Thi nói:

– Phạm An giống hệt chàng lúc chàng cách nay 17 năm. Phạm Lãi đưa Tây Thi đi xem khắp các nơi trên thuyền. Trên thuyền tất cả có 10 thanh niên và 10 thiếu nữ. Phạm Lãi cho họ kết làm vợ chồng với nhau. Phạm Lãi nói:

– Chúng ta sẽ đến một nơi không có khói lửa của nhân gian, 10 cặp vợ chồng này sẽ sanh con để cháu không ngừng.

Rồi họ đi xem các đồ vật trong thuyền, nào nông cụ, nào hạt giống, lương thực, muối ăn, rương tráp.

Tây Thi ngạc nhiên hỏi:

– Chàng đã chuẩn bị sẵn hết à?

– Phải, lúc rời Hội Kê đi đánh nước Ngô, ta đã chuẩn bị đầy đủ tất cả.

– Nghĩa là chàng chắc chắn chiến thắng?

– Dĩ nhiên là phải chiến thắng, bởi vì Ngô quốc tuy mạnh hơn Việt quốc, nhưng họ thiếu những tướng tài giỏi cầm quân, trong triều, phần lớn là bọn dua nịnh. Ta đã chuẩn bị 17 năm rồi, vì nàng mà ta lo liệu chu toàn tất cả.

Phạm Lãi và Tây Thi rời bỏ tất cả, cắt đứt mọi mối quan hệ với thế giới bên ngoài. Họ vô tư ca hát vui vẻ trên thuyền, khi câu cá, lúc đọc sách, mặc cho thời gian trôi theo dòng nước biếc.

Một hôm, chàng cho thuyền ghé lại một bến sông, đem cá lên bờ để đổi lấy muối và lương thực. Người nhà



tên là A-Mang lên bờ một lúc lâu rồi trở về thuyền báo cáo với chủ nhân:

– Việt vương treo giải thưởng nhiều vàng cho ai tìm được Phạm Đại Phu. Việt vương và Văn Đại Phu kéo đại quân cùng với 800 xe lên phía Bắc hội minh với 2 nước Tề và Lỗ. Việt vương chia nước Ngô thành quận, huyện, lấy đất ở sông Hoài cho Sở, trả cho nước Tống đất Ngô, trả cho nước Lỗ đất trăm dặm ở phía Đông sông Tứ. Việt vương Câu Tiễn bây giờ làm Bá chủ chư Hầu ở phương Nam.

Tây Thi bảo:

– Thiếu Bá, chàng hỏi nhiều như thế để làm gì? Các việc ấy không liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta rày đây mai đó, mọi việc trên đất liền, chúng ta không nên biết tới.

– Nhưng Thái Hồ không rộng lắm, lại rất gần nước Việt, e có hôm, chúng ta phải dời đi. Lúc Việt vương từ Trung nguyên trở về, chúng ta không dễ gì an cư trong Thái Hồ.

Phạm Lãi cho thuyền vượt biển sang Tề, tự đặt tên mới cho mình là Chi-Di Tử-Bì. Sau một thời gian, Phạm Lãi cảm thấy là cũng khó ở yên được nơi nước Tề, nên quyết định chuyển sang ở đất Đào, là nơi phát tích vua Nghiêu, ở phía Nam nước Tề, giờ đây trở thành một nước nhỏ, không có xung đột, lại có thể giao lưu với các nước khác rất thuận lợi.

Chàng đã sai Phạm An đến đất Đào, lựa chỗ tốt mua 1000 mẫu đất làm cơ sở. Phạm Lãi cho đóng nhiều chiếc thuyền buôn và nhiều chiếc xe chở hàng hóa. Chàng hoàn toàn chuyển sang ngành thương mại. Chàng nói

với Tây Thi:

– Ta đã nghiên cứu kỹ đại thế trong thiên hạ, biết rằng chẳng bao lâu nữa sẽ có những cuộc biến động mới lớn lao, nhưng chúng ta không sợ biến động, bởi vì biến động là cách nâng cấp tiến bộ xã hội. Sau này, người làm chánh trị sẽ nhiều hơn, vì họ chọn con đường chánh trị để vinh thân. Nhưng ngoài chánh trị, ta còn phát hiện được một con đường khác rất quan trọng mà trước đây chưa biết. Đó là con đường thương mại.

Thế giới của chúng ta mỗi ngày thêm đông đúc, cuộc sống càng lúc càng phức tạp hơn. Dân chúng rỗi đây sẽ cần nhà thương mại hơn nhà chánh trị. Ta sẽ dốc hết tinh lực còn lại để lo cho công việc này: Đem cá, muối dư thừa nơi nước Tề, chở qua bán nơi nước Tần vì nước Tần không có 2 thứ ấy; rồi lại chở bông vải từ nước Tần về Trung nguyên. Thực phẩm của 2 nước Ngô, Sở dư thừa, trong lúc ở Tống, Trần, Trịnh lại thiếu hụt; tơ lụa của Hàn, Sở có thể chở qua Tề, Lỗ đổi lấy đồng thau. Ôi! Bao nhiêu việc cần thiết cho ta làm!

Từ đây, ta lấy tên là Đào Châu Công. Mọi người nhớ gọi ta như vậy.

Bấy giờ nước Tàu bước vào thời kỳ Chiến Quốc, các nước chỉ lo đánh nhau, loạn lạc khắp nơi, nhưng lại thấy xuất hiện những đoàn xe hay đoàn thuyền mang nhãn hiệu Đào Châu đi lại qua các nước một cách dễ dàng để chở hàng hóa cần thiết đến đổi các hàng hóa dư thừa của địa phương. Các đoàn xe, thuyền này đều xuất phát từ đất Đào. Nhờ các đoàn xe, thuyền thương mại này mà dân chúng có được nhiều hàng hóa tiêu dùng, đời sống dân chúng được khá hơn, mặt khác nó cũng đem lại lợi tức

cho Đào Châu Công rất lớn.

Đào Châu Công cùng với bà vợ tuyệt đẹp đi viếng kinh đô Hàm Dương của nước Tần, được vua Tần tiếp đãi vào bực thượng khách. Trên đường về tới Hàn Đương có tin cấp báo từ đất Đào, nên cả 2 người phải tức tốc trở về đất Đào.

Nguyên do, con thứ Phạm An gây chuyện ở nước Sở, tranh chấp và lỡ tay giết chết một vị công hầu. Phạm An bị bắt và bị xử tử hình.

Vợ con của Phạm An quì xuống trước mặt Phạm Lãi cầu xin cứu mạng cho chồng. Phạm Lãi rất bi thương, song thân sắc vẫn tiêu dao, bảo con dâu:

– Chuyện này rất khó, ta không nắm chắc được 10 phần, nhưng chỉ biết tận lực, còn tùy số mạng của nó.

Bây giờ ta sai Tử Hòa (đứa con út) vào nước Sở để cứu An thì may ra khỏi được.

Phạm Bình lên tiếng thưa rằng:

– Con là trưởng nam của cha, trong nhà có việc gì quan trọng là cha sai con đi, lẽ nào chuyện sống chết này lại sai em út của con đi thì thật là sỉ nhục cho con, làm mất truyền thống trưởng tử của gia đình. Xin cha để cho con đi, nếu không con sẽ tự sát.

Tây Thi cũng cho lời nói của Phạm An là đúng.

Phạm Lãi có dụng ý riêng, khó nói ra mà trong nhà không ai để ý tìm biết, nên đành phải sai Phạm Bình đi. Ấu cũng là số mạng của Phạm An không thể cải lại được. Phạm Lãi căn dặn Phạm Bình rất kỹ lưỡng: Vào nước Sở, tìm đến Trang Tiên Sinh, dâng 1000 lượng vàng và bức thơ này của ta, đoạn ở chờ tại kinh đô nước Sở. Khi thấy

An ra khỏi ngục thì lập tức ra thành trở về đây. Nhớ đừng làm gì khác hơn mà thất bại.

Phạm Lãi dặn đi dặn lại mấy lượt rồi mới cho Phạm Bình đi. Bình đi rồi, Phạm Lãi rất buồn, lòng trĩu xuống:

– Hy vọng cứu An rất ít. Các người chuẩn bị lo chung sự cho An đi.

Tây Thi ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao chàng lại nói như thế?

– Ta muốn sai Tử Hòa đi là vì nguyên nhân ấy.

– Thiếp chưa hiểu được ý chàng.

– Thằng Bình được sanh ra trong hoàn cảnh khó khăn, nên coi trọng tiền bạc. Tử Hòa lại lớn lên trong cảnh giàu sang, nên xem tiền bạc như cỏ rác. Đối với Bình, việc không đáng tốn 1000 lượng vàng, không phải không đáng tốn trước khi việc thành, mà là không đáng tốn sau khi việc thành.

Bởi vì theo dự liệu của ta, Trang Tiên sinh sẽ nghĩ cách nói cho vua Sở đại xá, nhân thế tha cho An luôn mà không lộ điều gì. Nhưng rồi thằng Bình sẽ nghĩ rằng, đại xá tù nhân là chủ ý của Sở vương, Trang Tiên sinh không có công lao gì, nên Bình sẽ đến đòi vàng lại. Thế là người khác nhờ đại xá mà sống, còn Phạm An vì đại xá mà chết.

Ta mong dự đoán của ta sai. Nhưng Tây Thi! Mạng sống của con người đâu phải vì một hai câu dặn mà thay đổi được, có số mạng tất cả. Hãy chờ xem.

– Ôi! Chàng luôn luôn liệu việc như Thần, nhưng mong sao lần này chàng đoán sai, An được cứu sống trở về.

Chẳng bao lâu sau, Bình chở xác em trở về tới đất

Đào cùng với 1000 lượng vàng lấy lại từ Trang Tiên sinh.

.....

**KHUÔN HÌNH SỐ V: NGƯ  
KHƯƠNG THƯỢNG NGỒI CÂU**

Sau khi Khương Thượng giết chết Tỳ Bà Tinh, Đắc Kỷ đem lòng thù oán. Đắc Kỷ vẽ họa đồ xây cất Lộc Đài rất xa xỉ, rồi xúi vua Trụ cử Khương Thượng làm Đốc Công cất Lộc Đài.

Kương Thượng tìm cách từ chối và khuyên vua Trụ không nên xa xỉ. Vua Trụ nổi giận, bắt Khương Thượng hành hình bào lạc. Khương Thượng nhanh chân trốn thoát, độn thủy trở về nhà cho vợ là Mã Thị biết, rồi đi qua Tây Kỳ ẩn mặt nơi Bàn Khê, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, lấy việc gieo câu sông Vỹ làm vui, chờ thời ra giúp nhà Châu.

*(Xem thêm chi tiết nơi Tiểu sử: Đức Khương Thượng Tử Nha, trong Phần thứ tư).*

**KHUÔN HÌNH THỨ VI: TIÊU  
BÁ NHA – TỬ KỲ**

*\* Bá Nha họ Du tên Thụy, người ở Sính Đô nước Sở (nay là phủ Kinh Châu, tỉnh Hồ Quảng). Tuy là người nước Sở, nhưng làm quan cho nước Tấn, chức Thượng Đại Phu.*

*\* Tử Kỳ, họ Chung tên Huy, nhà tại Tập Hiền Thôn, gần núi Mã Yên, ở cửa sông Hán Dương, là một danh sĩ ẩn dật, báo hiếu cha mẹ tuổi già nua, làm nghề đốn củi (Tiểu).*

Một hôm, Bá Nha phụng chỉ vua Tấn đi sứ qua Sính Đô nước Sở, vào triều kiến vua Sở, trình quốc thư và giải bày tình giao hiếu giữa 2 nước, được vua Sở và quần thần

thiết tiệc khoản đãi. Bá Nha như dịp này đi thăm mộ phần tổ tiên, thăm họ hàng, xong vào từ biệt vua Sở trở về nước Tấn.

Khi thuyền trở về đến cửa sông Hán Dương, nhằm tiết Trung Thu, trăng sáng vàng vạc, phong cảnh hữu tình, Bá Nha cho lệnh cắm thuyền dưới chân núi Mã Yên để thưởng ngoạn. Cảm thấy hứng thú, muốn dạo chơi một vài khúc đàn, Bá Nha liền sai quân hầu lấy chiếc lư ra, đốt hương trầm xông cây dao cắm đặt trên án. Bá Nha trịnh trọng nâng đàn, so dây vặn trục, đặt hết tâm hồn đàn lên một khúc réo rất âm thanh, quyện vào khói trầm, chưa dứt, bỗng đàn đứt dây.

Bá Nha giục mình tự nghĩ, dây đàn bỗng đứt thế này ắt có người nghe lén tiếng đàn, bèn sai quân hầu lên bờ tìm xem có ai là người nghe đàn mà không lộ mặt.

Quân hầu lãnh lệnh lên bờ thì bỗng có người từ trên bờ lên tiếng:

– Xin đại nhân chớ lấy làm lạ, tiểu dân là tiểu phu kiếm củi về muộn, trộm nghe được một khúc đàn tuyệt diệu của Ngài.

Bá Nha cười lớn bảo:

– Người tiểu phu nào đó dám nói 2 tiếng “nghe đàn” với ta, sao ngông cuồng thế?

– Đại nhân nói sai quá vậy. Há chẳng nghe: Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín (Một ấp 10 nhà ắt có nhà trung tín). Nếu đại nhân khinh chỗ quê mùa không người biết nghe đàn, thì cũng không nên có người khảy lên khúc đàn tuyệt diệu.

Nghe đáp xong, Bá Nha hơi choáng váng, hối hận

những lời vừa thốt ra, vội bước ra mũi thuyền, dịu giọng nói:

– Người quân tử ở trên bờ, nếu thực biết nghe đàn, biết vừa rồi ta khảy khúc gì không?

– Khúc đàn đại nhân vừa tấu đó là: Đức Khổng Tử khóc Nhan Hôi, phổ vào tiếng đàn, lời rằng:

*Khá tiếc Nhan Hôi yếu mạng vong,  
Dạy người tư tưởng tóc như sương.  
Đàn, bầu, ngô hẹp vui cùng đạo,*

Đến cuối câu thứ ba thì dây đàn đứt, còn lại câu thứ tư là: *Lưu mãi danh hiền với kỹ cương.*

Bá Nha nghe xong, đúng quá, mừng rỡ sai quân hầu bắc cầu lên bờ mời người quân tử xuống thuyền đàm đạo.

Người tiểu phu ung dung xuống thuyền, chấp tay vái Bá Nha. Bá Nha vội đưa tay đáp lễ, nói:

– Xin quý hữu miễn lễ cho.

Rồi bắc ghế mời ngồi, phân ngôi chủ khách.

– Quý hữu biết nghe đàn, ắt biết ai chế ra đàn?

– Mong ơn Ngài hỏi tới, kẻ tiểu dân đầu chẳng dám nói hết cái biết của mình.

Khi xưa, vua Phục Hy thấy tinh hoa của 5 vì sao rơi xuống cây ngô đồng, chim phượng hoàng liền đến đậu. Vua Phục Hy biết ngô đồng là thứ gỗ quý, hấp thụ tinh hoa Trời Đất, có thể làm đồ nhã nhạc, liền sai người đốn cây ngô đồng xuống, cắt làm 3 đoạn để phân Thiên, Địa, Nhơn. Đoạn ngọn thì tiếng quá trong mà nhẹ, đoạn gốc thì tiếng quá đục mà nặng, duy có đoạn giữa thì tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được, liền đem ra giữa dòng sông nước chảy ngậm đủ 72 ngày đêm, rồi lấy lên phơi khô,

chọn ngày tốt, thợ khéo là Lưu Tử Kỳ chế làm nhạc khí, bắt chước Nhạc Cung Dao Trì, vì thế đặt tên là Dao cầm.

Dao cầm này dài 3 thước 6 tấc, án theo 360 độ chu Thiên, phía trước rộng 8 tấc án theo Bát tiết, sau rộng 4 tấc án theo Tứ Tượng, dây 2 tấc án theo Lương Nghi, đầu như Kim đồng, lưng như Ngọc Nữ, trên chạm Long Phụng, gắn phím vàng trục ngọc. Đàn ấy có 12 phím tượng trưng 12 tháng, lại thêm một phím giữa tượng trưng tháng nhuận, trên mắc 5 dây, ngoài tượng Ngũ Hành, trong tượng Ngũ Âm: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ.

Vua Thuấn khảy đàn Ngũ Huyền (Dao cầm), ca bài Nam Phong, thiên hạ đại trị. Vua Châu Văn vương bị Trụ vương giam cầm nơi Dũ Lý, con trưởng là Bá Ấp Khảo thương nhớ không nguôi, nên thêm một dây đàn nữa gọi là dây Văn, đàn nghe thêm ai oán.

Võ vương đem quân phạt Trụ, thêm một dây phẫn khích gọi là dây Võ (Võ huyền).

Như thế, Dao cầm lúc đầu có 5 dây, sau thêm 2 dây Văn và Võ nữa thành 7 dây, gọi là Thất huyền cầm.

Đàn ấy có 6 ky, 7 không, 8 tuyệt, kể ra:

\* Sáu Kỳ là: Rét lớn, nắng lớn, gió lớn, mưa lớn, sét lớn, tuyết rơi nhiều.

\* Bảy Không là: Nghe tiếng bi ai và đám tang thì không đàn, lòng nhiều loạn thì không đàn, việc bận rộn thì không đàn, thân thể không sạch thì không đàn, y quan không tề chỉnh thì không đàn, không đốt lò hương thì không đàn, không gặp tri âm thì không đàn.

\* Tám Tuyệt là: Thanh cao, kỳ diệu, u uất, nhàn nhã, bi đát, hùng tráng, xa vời, đặng đặc.

Đàn ấy đạt đến tận thiện tận mỹ, hồ nghe không kêu, vượn nghe không hú, một thú nhã nhạc tuyệt vời vậy.

Bá Nha nghe xong, kính phục bội phần, hỏi thêm:

– Quý hữu quả thấu triệt nhạc lý. Khi xưa, Đức Khổng Tử đang khảy đàn, Nhan Hối từ ngoài bước vào, thoảng nghe tiếng đàn u trầm, nghi là có ý tham sát, lấy làm lạ, liền vào hỏi Đức Khổng Tử. Ngài đáp: Ta đang khảy đàn, bỗng thấy mèo bắt được chuột, liền khởi lên ý niệm tham sát mà hiện ra tơ đồng. Nhan Hối đã nghe tiếng đàn mà biết lòng người khảy đàn. Nay Hạ quan khảy đàn, lòng tư lự điều gì, quý hữu có thể đoán biết chăng?

– Đại nhân thử dạo một khúc xem.

Bá Nha nổi lại dây đàn, tập trung tinh thần đến chốn non cao, khảy lên một khúc. Tiểu phu khen rằng:

– Đẹp thay vọi vọi kia, chí tại non cao.

Bá Nha ngưng thần, ý tại lưu thủy, khảy lên một khúc nữa. Tiểu phu lại khen rằng:

– Đẹp thay, mông mênh kia, chí tại lưu thủy.

Bá Nha thấy tiểu phu đã thấy rõ lòng mình qua tiếng đàn, lấy làm kính phục, liền gác đàn, sai bày tiệc rượu, đối ẩm luận đàm.

Hai người hỏi nhau tên họ, nguyên quán, nghề nghiệp. Bá Nha lại sanh lòng cảm mến Tử Kỳ về sự hiểu với phụ mẫu, nên xin kết nghĩa làm anh em với Tử Kỳ, để không phụ cái nghĩa TRI ÂM mà suốt đời Bá Nha chưa từng gặp. Hai người đến trước bàn hương án lạy cầu Trời Đất, rồi lạy nhau 8 lạy kết làm anh em. Tử Kỳ nhỏ hơn Bá Nha 10 tuổi nên làm em. Hai anh em đối ẩm cùng nhau tâm sự mãi cho đến sáng mà không hay. Tử Kỳ vội đứng

lên từ biệt.

Bá Nha bùi ngùi xúc động, hẹn ước với Tử Kỳ, đúng ngày Trung Thu năm sau, hai anh em sẽ hội ngộ nhau tại ghềnh đá nầy. Bá Nha lấy ra 2 đỉnh vàng, 2 tay nâng lên nói:

– Đây là chút lễ, kính dâng bá phụ và bá mẫu. Tắm tình chí thành, em đừng từ chối.

Hai người từ biệt, lòng đầy lưu luyến.

Chẳng bao lâu, thuyền về tới bến. Bá Nha vào kinh đô tâu trình Tấn Vương các việc, được Tấn vương khen tặng.

Thời gian lặng lẽ trôi qua. . . Nhớ ngày ước hẹn với Tử Kỳ, Tử Nha tâu xin vua Tấn cho nghỉ phép về thăm quê nhà.

Bá Nha thu xếp hành trang để đến núi Mã Yên kịp ngày Trung Thu ước hẹn.

Kìa là núi Mã Yên mờ mờ sương lạnh, tịch mịch, không một bóng người. Bá Nha nghĩ thầm, năm trước nhờ tiếng đàn mà gặp được tri âm, đêm nay ta phải đàn một khúc để gọi Tử Kỳ. Rồi sai đốt hương trầm, đem Dao cầm ra so dây. Bá Nha đặt hết lòng nhớ nhung của mình vào tiếng đàn réo rắt, bỗng trong tiếng đàn lại có hơi ai oán nổi lên. Bá Nha dừng tay suy nghĩ: Cung Thương có hơi ai oán thảm thê, ắt Tử Kỳ gặp nạn lớn. Sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi tin tức của Tử Kỳ.

Đêm ấy, Bá Nha hồi hộp lo âu, trần trọc suốt đêm, chờ cho mau sáng, truyền quân hầu mang theo Dao cầm, 10 đỉnh vàng, vội vã lên bờ, tiến vào núi Mã Yên. Khi qua cửa núi, gặp ngã ba đường, chưa biết nên đi theo đường nào, đành ngồi đợi để chờ người trong xóm đi ra hỏi thăm. Không bao lâu, gặp một lão trượng tay chống gậy, tay xách



giỏ, từ từ đi lại. Bá Nha thi lễ, hỏi:

– Xin lão trượng chỉ giùm đường nào đi Tập Hiền Thôn?

– Thượng quan muốn tìm nhà ai?

– Nhà của Chung Tử Kỳ.

Vừa nghe 3 tiếng Chung Tử Kỳ, lão trượng bỗng nhòa lệ, nức nở nói:

– Chung Tử Kỳ là con của lão. Ngày rằm Trung thu năm ngoái, nó đi đốn củi về muộn, gặp quan Đại Phu nước Tấn là Du Bá Nha kết bạn tri âm. Khi chia tay, Bá Nha có tặng cho nó 2 đỉnh vàng, rồi dùng tiền này mua sách về học thêm, ngày đi đốn củi, tối về học sách, mãi như vậy, sức khỏe hao mòn, sanh bệnh rồi mất.

Bá Nha nghe vậy thì khóc nức nở, thương cảm vô cùng. Lão trượng ngạc nhiên hỏi quân hầu thì biết thượng quan đây chính là Du Bá Nha, bạn tri âm của Chung Tử Kỳ. Chung lão biết vậy lại càng bi thảm hơn nữa nói:

– Mong ơn thượng quan không chê con lão hàn tiện. Lúc mất, nó dặn rằng: Con lúc sống không vẹn niềm hiếu dưỡng, lúc chết không vẹn nghĩa tri giao, xin cha chôn con nơi cửa núi Mã Yên để thực hiện lời ước hẹn với quan Đại Phu Du Bá Nha.

Lão phu y lời con trở lại. Con đường mà thượng quan vừa đi qua, bên phải có một nấm mộ mới, đó là mộ của Tử Kỳ. Hôm nay là đúng 100 ngày, lão mang vàng hương lên cúng mộ, không ngờ gặp được thượng quan.

Bá Nha ngậm ngùi nói:

– Việc đời biến đổi, may rủi không lường. Xin Lão bá đưa đến mộ Tử Kỳ, bốn lạy cho vẹn tình tri kỷ.

Khi đến phần mộ, Bá Nha sửa lại áo mũ, sụp lạy khóc rằng: “Hiên đệ ơi, lúc sống thông minh anh tuấn tuyệt vời, nay chết, khí thiêng còn phảng phất, xin chứng giám cho ngu huynh một lạy ngàn thu vĩnh biệt.”

Lạy xong, Bá Nha phục bên mộ, khóc nức nở. Sau đó, Bá Nha gọi mang Dao cầm tới, đặt lên phiến đá trước mộ, ngồi xếp bằng trên mặt đất một cách nghiêm trang, so dây tấu lên một khúc nhạc thiên thu, tiễn người tri âm tài hoa yếu mạng. Bỗng thấy gió rừng thổi mạnh, mây đen kéo lại, u ám bầu trời, hồi lâu mới tan. Có lẽ đó là anh hồn của Tử Kỳ hiển linh chứng giám.

Tấu khúc nhạc xong, Bá Nha phở lời ai oán, thay lời ai điều, vĩnh biệt bạn tri âm, rồi đến vái cây Dao cầm một vái, tay nâng đàn lên cao, đập mạnh vào phiến đá trước mộ Tử Kỳ, đàn vỡ tan nát, ngọc phím vàng rơi lả tả. Chung lão không kịp ngăn, sợ hãi nói rằng:

– Sao đại quan hủy cây đàn quý giá này?

Bá Nha liền ngâm 4 câu thơ thay câu trả lời:

*Dao cầm đập nát đau lòng phượng,*

*Đàn vắng Tử Kỳ, đàn với ai?*

*Gió Xuân khắp mặt bao bè bạn,*

*Muốn kiếm tri âm, ôi khó thay!*

– Nguyên do là vậy. Âm nhạc là một bộ môn nghệ thuật cao siêu. Nhân đây, xin mời thượng quan đến nhà lão để lão cảm tạ tấm lòng tốt đẹp của thượng quan đối với con lão.

– Cháu quá bi thương trong lòng, không dám theo bá phụ về quê phủ e gợi thêm nỗi đau lòng. Nay nghĩa đệ vắng số mất rồi, cháu kính dâng lên bá phụ vá bá mẫu 10

đỉnh vàng, một nửa dùng mua mấy mẫu ruộng làm Xuân Thu tế tự cho Tử Kỳ, một nửa xin để phụng dưỡng bá phụ và bá mẫu trong tuổi già. Chừng cháu về triều, dâng biểu lên vua xin cáo quan về quê cũ thì cháu xin đến rước bá phụ, bá mẫu đến an hưởng tuổi già.

Nói xong, Bá Nha lấy vàng dâng lên, rồi khóc lạy mộ Tử Kỳ một lần nữa, mới trở về thuyền.

Chung lão cảm động không cùng, nghẹn ngào đứng lặng nhìn theo bóng Bá Nha cho đến khi khuất bóng.

### **KHUÔN HÌNH SỐ VII: MỤC SÀO PHỦ – HỨA DO**

Sào Phủ và Hứa Do là 2 ẩn sĩ nổi tiếng thanh bạch vào thời vua Nghiêu nước Tàu.

Vua Nghiêu là vị vua hiền đức, sanh được 9 người con trai và 2 con gái, nhưng 9 người con trai này không có ai hiền như Ngài, nên Ngài không dám truyền ngôi cho con, mà muốn đi tìm người hiền để truyền ngôi vua.

Vua Nghiêu giả trang thường dân, đi đến chơn núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dịch Thủy, thấy một người đang cầm cái bầu nhỏ múc nước dưới khe. Người đó là Hứa Do. Vua Nghiêu hỏi:

– Người làm gì đó vậy?

Hứa Do cười rằng:

– Tôi gán cuộc đời, không ham danh lợi, lánh mình một cõi, vui thú thanh nhàn, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, giữ mình trong sạch cho mãn kiếp thì thôi.

Vua Nghiêu nghe nói thì mừng thầm trong bụng, nghĩ rằng: Người này hiền đức, không tham phú quý,

chẳng chác thị phi, đáng được truyền ngôi, chắc là trị nước thái bình.

Nghĩ vậy rồi, vua Nghiêu nói rằng:

– Ta đây thật là vua Nghiêu giả dân mà đi tìm người hiền đức, đến đây mới gặp, xin mời hiền sĩ về trào để ta truyền ngôi cho mà trị vì thiên hạ cho an ổn thái bình.

Hứa Do nghe vua Nghiêu nói thế, lòng thiệt khó ưa, vì mình chỉ muốn thanh nhàn mà vua Nghiêu đem buộc vào danh lợi, lòng đã cương quyết, liền đập bể cái bầu nước và đáp rằng:

– Con chim tiêu liêu làm ổ không quá một nhánh cây, con yến thử uống nước dòng sông chẳng quá đầy bụng. Kể quê mùa này đã quen cảnh thanh nhàn, cách sống riêng biệt, Bệ hạ muốn nhường ngôi cho cũng vô ích.

Hứa Do nói xong, liền bịt chặt 2 lỗ tai, chạy riết xuống bờ sông Dịch Thủy, khoát nước sông rửa lỗ tai lia lịa.

Vừa đầu có Sào Phủ dắt trâu đến đó, thấy Hứa Do liền nói rằng:

– Anh rửa lỗ tai mau mau rồi bước lên cho trống chỗ để tôi dắt trâu xuống cho uống nước.

Hứa Do không đáp lại, cứ rửa tai hoài. Sào Phủ hỏi:

– Lỗ tai anh dơ lắm sao mà rửa hoài không sạch?

– Hồi này tôi gặp vua Nghiêu, kêu tôi về triều để truyền ngôi cho tôi. Tôi nghe điều danh lợi dơ bẩn cả 2 lỗ tai, nay xuống đây rửa này giờ đã lâu, nhưng tiếng ấy vẫn còn văng vẳng trong tai, tôi rán rửa thêm cho hết, trễ việc trâu của anh uống nước.

– Anh đã làm gì để cho vua Nghiêu biết anh là người

hiền đức mà muốn truyền ngôi cho anh? Nếu người ta biết anh hiền đức, tức là anh đã muốn cho người ta biết anh như thế, chắc chắn hơn nữa là tại anh tỏ cho thiên hạ biết anh là hiền đức. Nếu anh đừng tỏ cho thiên hạ biết anh là hiền đức thì ai biết anh mà truyền ngôi cho, cần chi phải rửa tai.

Sào Phủ nói xong, liền dắt trâu lên phía trên dòng nước chảy rồi mới cho trâu xuống uống nước.

Hứa Do lấy làm kỳ, hỏi:

– Sao anh không cho trâu uống nước tại bến này mà lại dắt trâu đi đâu vậy cho mất công?

– Đổ dơ trong tai anh rửa ra, uống dơ miệng trâu của tôi, nên tôi phải dắt trâu lên phía trên dòng nước.

Theo lời người ta kể lại thì hiện nay trên núi Cơ Sơn, ở huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam, còn ngôi mộ của Hứa Do. Ở chân núi ấy có gò Khiên Ngư Khư (Gò đất trâu). Ở bên bờ sông Dĩnh thủy có một dòng suối tên là Độc Tuyền (Suối trâu uống), trên một hòn đá có vết chơn trâu. Đó là nơi mà khi xưa Sào Phủ dắt trâu đến đó uống nước.

### **KHUÔN HÌNH SỐ VIII: SĨ CHÂU MÃI THẦN**

Châu Mãi Thần, người đất Cối Kê, đời nhà Hán, nhà rất nghèo, nhưng rất ham đọc sách. Thuở hàn vi, chàng phải đi đốn củi rừng đem bán để sanh sống, thường treo sách nơi đầu gánh, vừa đi vừa đọc.

Vợ của Châu Mãi Thần không thể chịu nổi cảnh nghèo túng mãi như vậy được nên đòi thôi chồng, để đi lấy chồng khác khá giả hơn mà nương nhờ tấm thân.

Châu Mãi Thần khuyên vợ:

– Năm nay tôi 49 tuổi rồi, qua năm 50 tuổi, tôi biết tôi thế nào cũng lập được công danh. Bấy lâu nay, chúng ta sống trong cảnh cơ cực cũng đã quen rồi, nay nàng rán chờ tôi một năm nữa thì nàng sẽ hưởng được phú quý.

Người vợ liền trả lời:

– Đến chừng Ông làm quan thì tôi đã chết đói rồi.

Thế là vợ của Châu Mãi Thần nhứt quyết bỏ chồng, nàng đi lấy một anh nông dân khá giả trong làng.

Châu Mãi Thần rất đau buồn. Chàng lại càng quyết tâm học tập hơn nữa, bất luận ngày đêm, cuốn sách đều kể bên mình.

Năm sau, Châu Mãi Thần được Nghiêm Trợ tiến cử lên vua Hán Võ Đế, được vua thân dụng, phong chức Trung Đại Phu. Lúc bấy giờ xảy ra giặc giã ở vùng Đông Việt. Hán Võ Đế sai Châu Mãi Thần lo chuẩn bị khí giới, thuyền bè, để cho binh sĩ đi dẹp giặc. Sau đó, Châu Mãi Thần được thăng chức làm Thái Thú Cối Kê.

Cối Kê là quê hương của họ Châu. Khi Châu Mãi Thần đến nhậm chức Thái Thú Cối Kê, quân dân địa phương phải ra nghênh đón. Tới nơi, bỗng thấy người vợ cũ chạy đến đón trước đầu ngựa, xin Châu Mãi Thần bỏ qua chuyện lầm lỗi xưa của nàng, cho nàng trở lại làm vợ chàng.

Châu Mãi Thần bèn lấy một bát nước đầy, đổ xuống đất trước đầu ngựa, rồi bảo người vợ cũ:

– Nếu nàng hốt nước lại cho đầy bát như trước thì tôi sẽ đem nàng về với tôi như trước.

Bát nước đã đổ, làm sao hốt lại cho đầy. Bởi vậy,

người vợ biết ý Châu Mái Thân đã quyết nên hổ thẹn bỏ đi.

Tuy vậy, để đáp đền tình nghĩa vợ chồng ngày trước, Mái Thân cấp cho người vợ cũ và chàng nông dân một ngôi nhà và một số tiền đủ để sống suốt đời. Nhưng người vợ cũ cảm thấy quá xấu hổ, nên treo cổ tự tử.

Người nông dân đem xác nàng táng bên bờ ao gần đường lộ.

Người đời có khắc một bài thơ 4 câu trên cái bia đặt trước mộ nàng để làm gương cho phụ nữ đời sau:

*Thanh thảo tri biên mộ nhứt khu,  
Thiên niên mai cốt bất mai tu.  
Đình ninh ký ngữ nhơn gian phụ,  
Tự cổ tào khang đáo bạch đầu.*

Tạm dịch:

Một năm mộ xanh cạnh vũng bờ,  
Ngàn năm chôn xác chẳng chôn nhờ.  
Đình ninh nhắn gởi đoàn nhi nữ,  
Từ cổ vợ chồng trọn tóc tơ.

## 6. CÂY CÂN CÔNG BÌNH

Khi chúng ta đứng tại thềm nơi dưới bao lơn Tòa Thánh, chúng ta ngước mắt nhìn lên thấy một bức họa, trong đó có vẽ một bàn tay từ trong mây đưa ra, cầm một Cây Cân Công bình đặt trên quả Địa cầu của nhơn loại.

Đó là bàn tay của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cầm Cây Cân Công bình thiêng liêng để cân tội phước của mỗi chơn hồn nơi quả Địa cầu này, sau khi qui liễu, trở về cõi thiêng liêng, để Đức Chí Tôn có quyết định

thưởng phạt một cách thật công bình.

Trong Con Đường Thiêng liêng Hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo có thuật lại, Đức Ngài thấy Đức Chí Tôn cầm Cây Cân Công bình thiêng liêng nơi Bạch Ngọc Kinh:

*“Khi Bản đạo vô trong, Đại Từ Phụ, muốn biết Ông là ai? Ông này có phải là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế không? Làm sao cho tôi được biết Ông với.*

*Bản đạo vừa tưởng thì xa lắm, thấy cái gì bao phủ như tấm màn che vậy, vô gặp rồi, biết Ông ở trong, có tấm màn che, ý muốn cái màn này vạch ra đặng thấy Ông. Vừa muốn thì thấy cái màn vệt ra, dường như có từng nấc xa lắm, không thể gì tả đặng, kể đó ngó thấy Ông bước ra, mặc áo trắng, bịt khăn trắng (giống như bộ đồ Tiểu phục của Thượng Chương Pháp mặc vậy), cũng có 2 miếng vải lòng thông sau lưng, râu bạc trắng coi đẹp lắm, thấy thương làm sao đâu!*

*Trong bụng nói Ông ngồi tại Linh Tiêu Điện, mình ngó thấy Ông mặc bộ đồ khác, không lẽ 2 người, chắc không phải là Ông. Vừa nói rồi thì thấy Ông bước ra đứng ngay chính giữa, ngó ngay Bản đạo, dường như thể biểu con coi đây, ngó ngay lên Ông, thấy đạo hào quang chiếu diệu ra, tay cầm cây gậy coi đẹp lắm, cây gậy của Ông quấy cái bầu, bên mình Ông mang một cái bị, mặc bộ đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế, nắm ngang cây gậy trên tay thành cây đòn cân, Ông kéo cái bầu ra thành giá cân, Ông kéo cái bị ra thành trái cân. Ba món báu ấy hiệp lại thành Cây Cân Công bình thiêng liêng mà chính mình đã thấy Ông nơi Linh Tiêu Điện, không còn ai xa lạ nữa. Cũng Đại Từ Phụ, nhưng thiên biến vạn hóa của Ông mà tạo Càn khôn Vũ trụ vậy.”*

## 7. HAI PHO TƯỢNG: ÔNG THIỆN – ÔNG ÁC

Hai bên cửa chánh Tòa Thánh, có đặt 2 pho tượng lớn:

- ♦ Pho tượng đứng sát Bạch Ngọc Chung Đài (phía bên Nam phái), đầu đôi kim khôi, mình mặc áo giáp, tay cầm đại đao, gương mặt hiền từ, đứng trên tòa sen, đó là Ông Thiện, gọi đúng là Thiện Thần, tượng trưng điều thiện, điều chánh.

- ♦ Pho tượng bên kia, đứng sát Lôi Âm Cổ Đài, (phía bên Nữ phái), đầu đội kim khôi, mình mặc giáp, một tay cầm cái búa, một tay cầm cục Ngọc Tỷ, gương mặt hung dữ, đứng trên tòa lửa (Hỏa đài), đó là Ông Ác, gọi đúng là Ác Thần, tượng trưng điều Ác, điều tà.

Sự tích Ông Thiện và Ông Ác như sau:

Thời Thượng cổ, vua Tỳ Kheo có 2 người con trai là Tỳ Văn và Tỳ Vô. Tỳ Văn rất hiền lành, trái lại, Tỳ Vô rất hung dữ.

Vua Tỳ Kheo rất hâm mộ đạo đức. Lúc ấy, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật khai Phật giáo ở Ấn Độ (Nhứt Kỳ Phổ Độ), độ được vua Tỳ Kheo. Vua Tỳ Kheo lo lập chùa để tu niệm và muốn nhường ngôi lại cho con trưởng là Tỳ Văn hiền lành, nhưng lại sợ đứa con thứ là Tỳ Vô hung dữ không chịu.

Vua Tỳ Kheo lập kế, sai Tỳ Vô đi các trấn võ an bá tánh và đến Hàng Châu chiêu mộ anh tài. Nơi triều đình, vua Tỳ Kheo tuyên bố nhường ngôi cho con trưởng là Tỳ Văn cai trị đất nước, còn ông thì vào chùa tu niệm.

Khi Tỳ Vô hoàn thành nhiệm vụ, trở về triều thì thấy anh mình là Tỳ Văn đã lên ngôi vua rồi.

Tỳ Vô liền nói:

– Anh hiền lắm, làm vua sao được, dân không sợ đâu. Anh hãy để ngai vàng lại cho tôi. Tôi dữ là dữ với kẻ hung ác bạo tàn vô đạo, chớ không dữ với người đạo đức bao giờ.

Tỳ Văn nghe em nói vậy, biết là Tỳ Vô muốn lên làm vua, sợ là phải thất lời với vua cha, nên Tỳ Văn vội vàng cầm Ngọc tỷ (ấn của vua bằng ngọc), chạy lên chùa để báo cáo với vua cha sự việc. Nhưng khi Tỳ Văn chạy tới cửa chùa thì bị té chết, linh hồn thoát xác đăng Tiên.

Tỳ Vô đuổi theo anh lên chùa, đến nơi thấy xác của anh nằm chết, cúi xuống lấy Ngọc tỷ cầm lên, lòng đầy hối hận ăn năn, thấy con người khi chết đi, không ai đem theo được tiền tài danh vọng, nên cũng quyết bỏ hết sự đời, theo vua cha tu niệm, cuối cùng cũng đắc quả đăng Tiên.

Một người đầu lòng dạ hung ác, nhưng biết ăn năn sám hối, giác ngộ tu hành, thì trong một kiếp cũng có thể đắc thành Chánh quả.

Hai pho tượng Ông Thiện và Ông Ác, tức Thiện Thần và Ác Thần, tiêu biểu cho sự Thiện và sự Ác, sự Chánh và sự Tà, đối chiếu 2 mặt trái ngược nhau trong cuộc đời.

Đời chỉ ra 2 con đường: con đường Thiện và con đường Ác. Dù con người đi theo đường Ác mà đến giờ phút cuối, biết ăn năn sám hối, quỳ đầu hướng Thiện, thì cũng được Đức Chí Tôn cứu rỗi linh hồn.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần 2 pho tượng này, Đức Phạm Hộ Pháp có giải thích:

*“Đời thường làm lạc, làm điều ác cho là thiện, và thường lấy điều lành cho là ác. Nên từ đây, năng lực của*



*Thiện Thần sẽ phô bày ra mặt Đời, thế nào là Chánh, việc nào là Thiện, làm thế nào là phước, cho thiên hạ rõ.*

*Còn Ác Thần thì phô bày ra mặt Đời, thế nào là Tà, việc nào là Ác, sao gọi là tội, cho nhơn loại rõ.*

*Hai Ông Thần này rất linh hiển, dùng quyền năng thiêng liêng đưa ra thiết tướng 2 con đường: Phước và tội, siêu và đọa, để cho con cái Đức Chí Tôn khỏi lầm lạc, hầu tránh khỏi con đường tự diệt. Đi vào con đường sanh thì nhơn loại mới mong hòa bình được.”*

## 8. LÔI ÂM CỔ ĐÀI & BẠCH NGỌC CHUNG ĐÀI

❖ **Lôi Âm Cổ Đài:** Lôi Âm là tiếng sấm, cổ là cái trống, đài là cái lầu cao. Lôi Âm Cổ Đài là cái lầu cao trong đó có đặt cái Trống Lôi Âm. Trống Lôi Âm là cái trống mà khi đánh lên, tiếng trống phát ra lớn như tiếng sấm nổ.

Tiếng trống Lôi Âm có tác dụng rất mâu nhiệm, theo ý nghĩa của bài Xướng Kệ Trống Lôi Âm, mỗi khi cúng đàn. Bài Kệ này gồm 4 câu, có viết ra giấy dán vào nơi giá trống:

*Lôi Âm Thánh cổ triệt hư không,  
Truyền tấu Càn khôn Thế giới thông.  
Đạo pháp dương kim dương Chánh giáo,  
Linh quang chiếu điện Ngọc Kinh Cung.*

Nghĩa là:

Tiếng trống Lôi Âm thiêng liêng huyền diệu vang rền đến các cõi Hư không,

Tiếng trống truyền đi như tỏ bày cho tất cả các cõi trong Càn khôn Thế giới biết rõ.

Giáo lý và Luật pháp của Đạo Cao Đài hiện nay nêu

cao cho mọi người biết đây là một nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn.

Ánh sáng thiêng liêng chiếu sáng rực rỡ Tòa Bạch Ngọc Kinh.

Khi tiếng trống Lôi Âm khởi lên là để báo hiệu cho chư Thần Thánh Tiên Phật biết đến giờ châu lễ Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh.

❖ **Bạch Ngọc Chung Đài:** Chung là cái chuông, bạch ngọc là ngọc trắng, đài là cái lầu cất cao lên. Bạch Ngọc Chung Đài là cái lầu cao trên đó có đặt một cái chuông lớn bằng ngọc trắng.

Tiếng chuông Bạch ngọc phát ra có tác dụng rất mâu nhiệm theo ý nghĩa của bài Xướng Kệ Chuông Bạch ngọc mỗi khi cúng đàn. Bài xướng này gồm 4 câu, có chép ra giấy dán vào giá chuông:

*Thần chung thính hương phóng Phong đô,  
Địa Tạng khai môn phóng xá cô.  
Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,  
Sám hối âm hồn xuất u đồ.*

Nghĩa là: Tiếng chuông thiêng liêng huyền diệu phát ra truyền đến cõi Phong đô,

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, Giáo chủ cõi Phong đô mở cửa tha tội và phóng thích các tội hồn.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đạo Cao Đài, vận chuyển và làm hiện ra một lần ánh sáng vàng,

Các chơn hồn nơi cõi Âm biết ăn năn sám hối tội tình sẽ đi ra khỏi những con đường tăm tối (tức là được siêu thăng)

## 9. BÓ HOA

Nơi mặt tiền của Lầu chuông (Bạch Ngọc Chung Đài) và Lầu trống (Lôi Âm Cổ Đài), chỗ khoảng rộng nhứt, có đắp hình một bó hoa nhiều màu sắc sỡ, như đang rơi xuống biển lúc mặt trời mọc.

Hình ảnh này lấy theo sự tích của vua U Vương nhà Châu (781 trước Tây lịch, trước thời Xuân Thu Chiến quốc bên Tàu). Vua U Vương năm chiêm bao thấy một bó hoa nhiều màu từ trên trời rơi xuống mặt biển trong lúc mặt trời mọc. Sáng ra nhà vua thuật lại điềm chiêm bao cho vị quan đoán mộng xem đó là điềm gì?

Vị quan giải mộng tâu rằng: Bệ hạ thấy biển, ấy là nước của Bệ hạ, thấy mặt trời mọc, ấy là một mối đạo sắp được mở ra, thấy bó hoa ấy là sự tinh túy cao khiết. Như vậy, theo điềm chiêm bao này, trong nước của Bệ hạ sắp có một mối đạo mở ra cao quý tốt đẹp.

Quả nhiên, sau đó Đức Lão Tử, một hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Quân, hiện xuống cõi trần, mở Đạo Tiên để cứu độ nhơn sanh.

Ý nghĩa này gợi cho chúng ta nhớ lại 4 câu kinh đầu trong Bài Khai Kinh:

*Biển trần khổ với với trời nước,  
Ánh Thái dương gội trước phương Đông.  
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,  
Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời.*

Đó là chuyện thời xưa. Ngày nay, hình ảnh bó hoa rơi lúc mặt trời mọc, cũng là để tượng trưng cho một điềm lành, báo cho nhơn loại biết là Đạo Cao Đài mở ra tại một nước ở phương Đông để cứu độ nhơn sanh, đem

vào tham dự Đại hội Long Hoa.

## 10. HIỆP THIÊN ĐÀI

Giữa Lầu chuông và Lầu trống có một kiến trúc 3 tầng, gọi chung là Hiệp Thiên Đài.

Tầng trệt, được gọi là Tịnh Tâm Điện. Người tín đồ bước vào nơi đây, phải giữ cái tâm cho trong sạch, tư tưởng thanh khiết, trước khi vào Chánh điện châu lễ Đức Chí Tôn.

Từ Tịnh Tâm Điện, 2 bên có 2 cầu thang hẹp đi lên từng tầng: Lầu 1.

Lầu 1 này khi xưa được gọi là Tham Thiên Điện, nhưng ngày nay vì có bàn thờ chư vị Chư sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài, nên thường được gọi là Lầu Hiệp Thiên Đài.

Lầu 2, tức là tầng cao hơn hết, khi xưa gọi là Tiêu Diêu Điện, nay gọi là Phi Tướng Đài, ở mặt trước có đắp hình Thiên Nhân rất lớn, và bên trong cũng có hình Thiên Nhân, có bàn thờ và đốt nhang.

Phi Tướng Đài là nơi để Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lên thông công cùng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, quyết định những điều quan trọng trong nền Đạo.

Trên nóc Phi Tướng Đài là tượng Đức Di-Lạc Vương Phật ngự tòa sen đặt trên lưng một con cọp vàng.

## 11. THẤT ĐẦU XÀ

Thất Đầu Xà là con rắn có 7 đầu. Phật giáo ví Thất Tình (Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục) của con người như 7 đầu rắn độc, vì Thất Tình làm hại con người giống như

nọc độc của 7 đầu rắn.

Dưới 3 cái ngai của Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh, có đắp hình Thất Đầu Xà, đuôi rắn quấn ngôi Thượng Sanh, mình rắn quấn ngôi Thượng Phẩm, còn 7 đầu rắn ở ngôi Hộ Pháp chia ra: 3 đầu **Hỷ**, **Ái**, **Lạc**, ngóc lên ở phía sau ngai Hộ Pháp, 2 đầu **Ai** và **Nộ** gục xuống thấp nhất để 2 chân của Đức Hộ Pháp đặt lên chế ngự nó, 2 đầu **Ố** và **Dục** gục xuống vừa thấp để 2 tay của Đức Hộ Pháp đặt lên như đè nén nó xuống.

Đức Phạm Hộ Pháp có một bài thuyết đạo Giải nghĩa Thất Đầu Xà, 7 nọc độc của rắn, xin chép ra sau đây:

“Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục ở trong châu thân con người. Phàm con người ở thế, từ ngôi thiên tử cho đến hàng thứ dân, ai cũng có đủ 7 cái Tình ấy tất cả, nhưng do người biết độ lượng cho vừa theo bậc trung thì mới khỏi hại đến châu thân và sự nghiệp.

1. *Chữ Hỷ là mừng*: Con người khi gặp việc đáng vui mừng thì cũng phải trầm tĩnh như thường, chẳng nên mừng thái quá mà biến thành sự hại.

Ví như Ông Trình Giảo Kim, nghe tin dòng họ Tiết, Tiết Giao, Tiết Quỳ, phò Lý Đáng, đem binh về phục nghiệp Đường trào, trừ Võ Hậu, thì Ông ta mừng quá độ, phát thình đại tiểu, cười ngất cho đến tắt hơi. Ấy là mừng quá mà chết. Đời nay có kẻ trúng số độc đắc mà chết.

2. *Chữ Nộ là Giận*: Con người vì giận quá mà sanh hại đến gia đình, hoặc bị tù tội là khác. Nên có câu: “Nhứt Nộ sấu tâm khởi, bát vạn chương môn khai.” Nghĩa là: Một phen giận nổi lên thì trăm ngàn nghiệp chương sanh ra, có thể làm tiêu nhà hại mạng, đến khi biết sự chẳng

lành, tỉnh lại ăn năn thì đã muộn, nghĩ thôi đáng tiếc.

Ví như Ông Châu Công Cẩn (Chu Du), làm mưu Khổng Minh Gia Cát Lượng, mà nộ khí xung thiên, đến đổi thổ huyết lâm lụy mà chết. Ấy là một gương nêu cho đời lưu ý, còn nhiều sự giận mà chịu khổ hình.

3. *Chữ Ai là Buồn*: Ấy cũng là một điều hư hại đến thân thể và trí não tinh thần. Có nhiều người gặp việc sanh ly tử biệt, hay là đấu lực tranh tài mà chẳng may thất bại, thì cũng buồn thảm đến lụy thân.

Ví như Thạch Sùng đầu của nhà giàu, mà thiếu mẽ kho, phải chịu mất hết gia tài, rồi ông buồn rầu mà thất chí đến lụy thân. Ấy là sự buồn rầu đến hại lớn, đáng làm gương cho người sau. Nếu khi gặp cảnh chẳng may, phải có năng lực đạo đức tinh thần mạnh mẽ mà làm kế bảo tồn tức là phương an ủi tâm hồn mát mẽ.

4. *Chữ Lạc là Vui*: Sự vui vẻ hân hoan khoái chí, sự vui vẻ phải có chừng mực, thì mới tránh khỏi các điều tai hại biến sanh. Có câu: “Cực lạc sanh bi.” Hễ sự vui thích đến quá mức thì trở nên buồn thảm, điều ấy vẫn hiển nhiên.

Ví như Trụ Vương Ân Thọ, đắm mê nàng Đắc Kỷ, vui say tửu sắc, đến nổi mất nước tiêu nhà hại mạng. Sự vui chơi của ông có lắm điều tàn ác, nào là chế bào lạc hại quan trung thần, nào là lập Sái bốn, Tửu trì, Nhục lâm, sát hại cung nga thể nữ, vui cho đến mất cả sự nghiệp Thành Thang, làm cho bá tánh điêu tàn, sanh linh đồ thán. Ấy là sự vui chơi mà mắc tội với Thiên đình.

5. *Chữ Ái là Thương yêu*: Có câu: “Ái nơn như ái kỷ”, nghĩa là: Thương hết mọi người như thương mình

vậy, mới gọi là Bác ái. Bác ái là rộng thương, mà thương vì công bình chánh trực, như nghĩa đạo đức tinh thần, thương nước thương dân, chớ chẳng phải thương riêng vì cá nhân vật chất, hay vì bộ đỡ nịnh hót mà thương, hoặc thương vì ái tình tài sắc. Trong sự thương giới hạn phân minh mới tránh khỏi điều tai hại.

Có tích xưa đời Tam Quốc, có Đồng Trác và Lữ Phụng Tiên (Lữ Bố), đã kết nghĩa minh linh dưỡng tử, mà vì ái tình với một gái Điêu Thuyền, đến đổi cha con giết hại lẫn nhau. Ấy là do nơi dây ái tình mà điều tàn chết thảm. Còn nhiều người tài hay, phá núi lấp sông, vắn chương trí tuệ, mà chẳng vì đạo đức, mắng sa mê sắc dục mà phải hư hại thân thể.

6. *Chữ Ổ là Ghét*: Người tu hành không nên chất chứa sự ghét trong tâm, vì sự ghét giận mà sanh ra thù nghịch lẫn nhau cho đến tàn hại nhau, mà gây thành oan trái, trả vay đời đời kiếp kiếp.

Nên Đức Chí Tôn có dạy rằng: Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam thập lục Thiên, đặt vào nơi Bạch Ngọc Kinh, còn sự ghét là phương tà mị, nó làm cho lòng người chia rẽ, mất tình đoàn thể, cốt nhục phân ly cũng do sự ghét.

Vấn đề chữ Ổ, nó làm cho lòng người nhiều điều tai hại nói không cùng.

Tóm lại, chỉ nhớ một câu của Thầy dạy ra: *Từ đây các con chẳng đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng đáng ghét nhau.* Sau lại có câu phương ngôn của Thầy rằng: *“Thương người khác thể thương thân, Ghét người khác thể vun phân cho người.”*

7. *Chữ Dục là Tham muốn*: Người có 100 muốn, 1000 muốn, muốn hoài không dư, nào là muốn nhà cao lầu rộng, áo đẹp vợ xinh, đồ ăn mỹ vị, muốn thế nào cho được giàu sang trên thiên hạ. Các điều muốn ấy là về sự ích kỷ. Nếu được tấm lòng tham muốn về đạo đức như nghĩa, ích nước lợi dân, ấy là sự muốn trở nên cao thượng.

Tóm tắt lại, sự dục vọng của con người rất bao la quảng đại, đến khi còn một hơi thở cuối cùng mà mọi điều ham muốn cũng chưa đầy đủ, nên có câu: “Nhơn tâm bất túc xà thân tượng, Thế sự đáo đầu đường bộ phận.” nghĩa là: Lòng người chẳng đủ như rắn nuốt voi, Việc đời đến lúc cùng tận chẳng khác châu chấu bắt ve.

Cũng vì lòng tham muốn mà rốt cuộc mạnh yếu sang hèn, cũng vì lòng tham muốn mà tương sát lẫn nhau.”

## 12. CỬU TRÙNG ĐÀI & NGHINH PHONG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là một kiến trúc lớn, gồm 9 cấp từ thấp dần lên cao, nối liền Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

Cấp thứ 1 thấp nhất (từ HTĐ đếm vào), cấp thứ 2 cao hơn cấp thứ 1 là 18 phân, lên đến cấp 5 là cấp chính giữa CTĐ, vị trí ngang với 2 cửa hông Tòa Thánh.

Nơi cấp thứ 5 này dành cho Chức sắc phẩm Giáo Hữu và tương đương châu lễ Đức Chí Tôn. Phía trên nóc của cấp này có một kiến trúc đặc biệt gọi là Nghinh Phong Đài, để nghinh tiếp các Chức sắc được phong thưởng vào hàng Thánh. (Ngài Khai Đạo Phạm tấn Đái dịch Nghinh Phong Đài ra tiếng Pháp là: Le Dôme de Canonisation) [Nghinh là nghinh tiếp, Phong là phong thưởng, Đài là cái lầu cao]. Cho nên cấp bên dưới Nghinh Phong Đài

dành cho phẩm Giáo Hữu là phẩm khởi đầu của hàng Thánh, đối phẩm Địa Thánh.

Nghinh Phong Đài gồm có 3 phần:

– Phần dưới hình vuông, tượng trưng Đất.

– Phần giữa hình ống tròn, tượng trưng Trời, vì người xưa cho rằng Trời tròn Đất vuông (Thiên viên Địa phương).

Trời là Dương, Đất là Âm, Âm Dương tương hiệp mới phát khởi Càn khôn Vũ trụ và hóa sanh vạn vật.

– Phần trên của Nghinh Phong Đài là một bán cầu úp xuống, có vẽ bản đồ các lục địa và đại dương của Địa cầu, tượng trưng cõi trần của nhơn loại. Phía bên trên bán cầu này là hình Long Mã phụ Hà Đồ (Xem giải thích nơi mục số 18).

Trở xuống các cấp CTĐ, 2 cây cột rồng xanh giữa 2 cấp thứ 5 và thứ 6 có đúc 2 cái Giăng đài. Sau mỗi đàn cúng có Chức sắc lên đứng trên Giăng đài này thuyết đạo. Chức sắc Nam phái đứng thuyết đạo bên Giăng đài phía Nam phái, Chức sắc Nữ phái lên đứng trên Giăng đài phía Nữ phái. Đặc biệt trong các thời cúng Tiểu đàn hay Đại đàn, một vị Giáo Sư phái Ngọc lên Giăng Đài Nam phái để xướng lễ, và một Chức sắc Bộ Nhạc lên Giăng đài Nữ phái để ra hiệu lệnh điều khiển 3 Ban Nhạc, Lễ và Đồng nhi.

Lên đến cấp thứ 9 là cấp cao nhất CTĐ, tiếp giáp với Cung Đạo, ở chính giữa có 7 cái Ngai sơn son thếp vàng rất long trọng và lộng lẫy, đặt trên bục gỗ, chia làm 3 lớp: 1 Ngai Giáo Tông đặt trên cao hơn hết, kế dưới là 3 Ngai Chưởng Pháp nhỏ hơn, dành cho 3 vị Chưởng Pháp 3 phái, đặt theo hàng ngang, và chót hết là 3 Ngai Đầu Sư

dành cho 3 vị Đầu Sư 3 phái Thái, Thượng, Ngọc.

Thượng Chưởng Pháp và Thượng Đầu Sư ngồi trên 2 cái Ngai đặt ở hàng chính giữa, trước Ngai của Đ. Giáo Tông.

Thái Chưởng Pháp và Thái Đầu Sư ngồi trên 2 cái Ngai đặt hàng bên tay *trái* của Đức Giáo Tông.

Ngọc Chưởng Pháp và Ngọc Đầu Sư ngồi trên 2 cái Ngai đặt hàng bên tay *mặt* của Đức Giáo Tông.

Việc làm 7 cái Ngai này do Đức Chí Tôn giảng cơ chỉ dạy Ông Giáo Hữu Kiệt coi sóc mượn thợ làm vào ngày 12-8-Bính Dần (dl 17-9-1926).

TNHT. I. 44: *“Kiệt! Con phải giúp Thợ trong việc lập Thánh Thất. Thầy giao cho con phải săn sóc mượn thợ làm 7 cái ngai: Một cái trọng hơn hết cho Giáo Tông, 3 cái cho 3 vị Chưởng Pháp, 3 cái cho 3 vị Đầu Sư; nhứt là cái ngai của Giáo Tông phải làm cho kỹ lưỡng, chạm trổ Tứ linh, nhưng chỗ hai tay dựa phải chạm 2 con Rồng, còn của Chưởng Pháp chạm 2 con Phụng, của Đầu Sư chạm 2 con Lân, nghe à!”*

Hai bên 7 cái Ngai này là 2 hàng tàn, mỗi hàng 3 cây tàn với 3 màu: Vàng, Xanh, Đỏ.

Cấp thứ 8 (dưới cấp thứ 9 có 7 cái Ngai), 2 bên có 2 Dàn Bát Bửu, mỗi bên có 3 cây lọng đặt xen kẽ vào. (Xem giải thích Dàn bát Bửu nơi mục số 20).

### 13. BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài là cái đài cao có hình 8 cạnh đều nhau, mỗi cạnh là một cung của Bát Quái. Tám cạnh là 8 cung Bát Quái, gồm: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn,



Đoài.

Bát Quái Đài dùng làm nơi thờ Đức Chí Tôn, các Đấng Giáo chủ và chư Thần Thánh Tiên Phật. Mỗi khi cúng đàn tại Tòa Thánh, đều có Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật giáng ngự chứng lễ.

Khoảng giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài là Cung Đạo.

Các cây cột Rồng (Long trụ) nơi Bát Quái Đài đều quấn rồng vàng.

Ở từng trệt, Bát Quái Đài có 12 cấp hình 8 cạnh đều nhau, bên ngoài lớn và thấp, vô trong nhỏ lại và cao hơn, xếp như bậc thang, mỗi cấp cao 10 phân. Tất cả các cấp Bát Quái đều làm bằng đá mài màu vàng, cả các mái cong trên nóc cũng được sơn màu vàng.

Trung tâm của Bát Quái Đài ở từng trệt này là một cây trụ lớn, rất chắc chắn để giữ vững Quả Càn Khôn bên trên.

Trên mặt của phần Trung tâm Bát Quái có cần đủ 8 Cung Bát Quái, 8 Cung này có vị trí đặc biệt khác hơn Tiên Thiên Bát Quái Đồ của Phục Hy và Hậu Thiên Bát Quái Đồ của Văn Vương, vì đây là Bát Quái Cao Đài. (Xem hình vẽ)

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về vị trí các cung Bát Quái của Đạo Cao Đài như sau:

*“Thầy dạy: Tòa Thánh dạy mặt về hướng Tây, tức là chánh Cung Đoài, ấy là Cung Đạo, còn bên tay trái Thầy là Cung Càn, bên tay mặt Thầy là Cung Khôn. Đấng lễ Thầy phải để 7 cái ngai của phái Nam bên tay trái Thầy, tức bên Cung Càn mới phải, song chúng nó vì thế Như Đạo cho*

*đu Ngũ Chi, cho nên Thầy buộc phải để vào Cung Đạo là Cung Đoài, cho đủ số.” (Trích Pháp Chánh Truyền Chú Giải, trang 41).*

Các quẻ trong Bát Quái Cao Đài, nếu đem so sánh với Hậu Thiên Bát Quái Đồ thì thấy rằng: thứ tự các quẻ giống nhau, nhưng chiều quay khác nhau. Bát Quái Hậu Thiên quay theo chiều kim đồng hồ, còn Bát Quái Cao Đài quay ngược chiều kim đồng hồ, tức là cùng chiều quay tự nhiên của Địa cầu, cũng là chiều quay tự nhiên của vũ trụ.

Trục Đông Tây của Bát Quái Cao Đài giống với trục Đông Tây của Bát Quái Hậu Thiên, tức là trục của 2 cung Chấn, Đoài; nhưng trục Bắc Nam của Bát Quái Cao Đài và của Bát Quái Hậu Thiên đối ngược nhau, 2 Cung Khảm và Ly đổi chỗ cho nhau.

Nếu so sánh Bát Quái Cao Đài với Bát Quái Tiên Thiên, vị trí các Cung hoàn toàn khác nhau. (Xem hình vẽ)

## 14. HẦM BÁT QUÁI

Phần dưới của 12 cấp Bát Quái Đài, tức là thuộc phần nền của Bát Quái Đài, có đào một cái hầm lớn, được xây cất kiên cố theo hình Bát Quái, có thông hơi và có nắp đậy chắc chắn, có cầu thang đi xuống, gọi là Hầm Bát Quái.

Hầm Bát Quái được dùng làm nơi cất giữ tro thiêu hài cốt của các Chức sắc Đại Thiên Phong từ hàng Tiên vị trở lên, tức là từ phẩm Đầu Sư hay tương đương trở lên. Hài cốt này đặt trong liên đài, được lấy ra từ các bửu tháp, đem làm lễ hỏa thiêu tại Cửu Trùng Thiên nơi Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh, lấy tro đựng vào thổ, bên ngoài có ghi rõ phẩm tước, Thánh danh, năm sanh năm tử, và

ngày hỏa thiêu, để lưu truyền kỷ niệm về sau.

Trong đám tang Ngài Bảo Đạo Ca minh Chương (đăng Tiên ngày 19-10-Đinh Mão, dl 13-11-1927), Đức Chí Tôn dạy Đức Phạm Hộ Pháp như sau:

*“Thầy cũng nhắc lại với con rằng: Đủ 3 năm phải thiêu hài cốt, lên tượng, đặt đem nó vào Bát Quái Đài nghe! Nơi mộ nó phải để quan tài khỏi mặt đất một tấc mà xây tháp y như lời Thầy đã dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng “Bảo Đạo Chơn Quân”, nhớ à!”* (Trích trong Đạo Sử II trang 314 của Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu).

Trong Hâm Bát Quái hiện nay có đặt 6 cái thổ đưng tro thiêu hài cốt của 6 vị Chức sắc Đại Thiên phong đã đăng Tiên, kể ra sau đây:

- Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.
- Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.
- Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh.
- Ngọc Đầu Sư Ngọc Trang Thanh.
- Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư.
- Bảo Đạo Ca minh Chương.

## 15. TỬ LINH

Tử Linh là 4 con thú thiêng liêng: Long, Lân, Qui, Phụng. Long là rồng, Lân là con Lân, Qui là con rùa, Phụng là con chim phụng. Bốn con thú này đều có tánh linh, mỗi khi xuất hiện là báo điềm lành có Thánh nhân ra đời.

### I. LONG: RỒNG

Rồng là con vật ở cõi vô hình, theo truyền thuyết kể lại, chớ khoa khảo cổ học chưa chứng minh được rồng là con vật có thật như các con vật khác như Rùa, chim Phụng.

Theo Thần thoại, Rồng có hình dạng rất lạ kỳ: Đầu rồng giống như đầu đà, sừng giống như sừng nai, cổ giống như cổ rắn, bụng giống như bụng con giao, mắt giống như mắt thỏ, tai giống như tai bò, chân giống như chân cọp, móng giống như móng chim ưng, vảy rồng giống như vảy cá ly.

Có rất nhiều loại rồng, được phân chia theo màu sắc, hoặc theo hình dạng, hay phận sự của nó.

#### 1. Phân chia theo màu sắc:

Rồng có 5 loại theo 5 màu:

- Rồng trắng: Bạch Long, chúng ta thấy nơi Bát Quái Đài Tòa Thánh có 8 con rồng trắng nằm canh giữ nơi thờ phượng trong Bát Quái Đài.

- Rồng vàng: Huỳnh Long, chúng ta thấy có 8 con rồng vàng quấn 8 cây cột nơi Bát Quái Đài, và 2 con rồng vàng quấn quanh 2 cây cột nơi Cung Đạo.

- Rồng xanh: Thanh Long, chúng ta thấy rồng xanh quấn trên 18 cây cột của Cửu Trùng Đài.

- Rồng đỏ: Xích Long, chúng ta thấy rồng đỏ quấn trên 2 cây cột dưới bao lơn trước Tòa Thánh.

- Rồng đen: Hắc Long.

#### 2. Phân chia theo hình dáng: Có 3 loại:

- Rồng trẻ, đầu chưa có sừng, gọi là Ly Long.

- Rồng sống được 500 năm thì mọc sừng, gọi là Cù Long.

- Rồng sống được 1000 năm thì mọc thêm cánh, gọi là Ứng Long.

#### 3. Phân chia theo nhiệm vụ: Có 4 loại:

- Thủ Thiên Cung Long: Rồng giữ Thiên Cung.
- Hành Võ Long: Rồng làm mưa.
  - Rồng làm mưa gió thuận hòa gọi là Thiện long.
  - Rồng làm mưa to, bão lụt gọi là Ác long.
- Địa Long: Rồng ở dưới đất sâu, làm hầm, khoét hang, làm cho đất khuyết thành sông thành hồ.
- Phục Tạng Long: Rồng gìn giữ kho tàng của vua Chuyển Luân Thánh Vương và của các nhà phước đức lớn.

Rồng là loài biến hoá, làm sáng được, làm tối được, làm lớn được, làm nhỏ được để có thể chun vào một cái lọ nhỏ, làm dài được để có thể quấn quanh một hòn núi.

Nhằm tiết Xuân phân, Rồng bay lên Trời, nhằm tiết Thu phân, Rồng trầm xuống vực sâu.

Tương truyền, Rồng ở đáy biển, gọi là Long Vương, có cung điện, lầu đài, có tổ chức vua, quan, và dân. Rồng làm vua, cá lớn làm quan, cá nhỏ làm dân.

Theo Truyện Phong Thần và Truyện Tây Du, bốn biển có Tứ Hải Long Vương:

- Đông Hải Long Vương tên là Ngao Quảng,
- Nam Hải Long Vương tên là Ngao Thuận,
- Tây Hải Long Vương tên là Ngao Khâm,
- Bắc Hải Long Vương tên là Ngao Nhuận.

Con ngựa trắng (Bạch mã) mà Thầy Tam Tạng cỡi đi Tây phương thỉnh kinh là do một con rồng nhỏ biến thành. Con Tiểu long này vốn là con của Bắc Hải Long Vương Ngao Nhuận, phạm tội nặng, bị bắt treo lên chờ xử trảm. May mắn gặp Đức Quan Âm Bồ Tát đi ngang qua, thấy vậy thương tình, tâu xin Thượng Đế tha chết cho Tiểu long, để sau này Tiểu long biến hóa thành con

Bạch mã đỡ chân Tam Tạng, đi Tây phương thỉnh kinh, lấy công chuộc tội. Nhờ vậy, sau này bạch mã biến trở lại thành Rồng, trở về Long Cung.

Có loại rồng lai với ngựa, tạo thành một con thú linh mình ngựa đầu rồng, gọi là Long mã.

### II. LÂN

Con Lân, cũng gọi là Kỳ Lân, vì con đực được gọi là Kỳ, con cái gọi là Lân. Lân có hình giống như con hươu nhưng lớn hơn, mình có vảy, đuôi giống đuôi trâu, chân giống chân ngựa, miệng rộng, mũi to, đầu có một sừng, lông trên lưng có 5 màu, lông dưới bụng chỉ có màu vàng, tánh rất hiền lành, không đạp lên cỏ tươi, không làm hại các sanh vật, nên được gọi là Nhân thú (con thú có lòng nhân từ).

Vua chúa nào là người nhân thì được gặp Kỳ Lân.

### III. QUI

**Rùa:** Rùa là con vật sống rất lâu năm, chuyên ăn rau cỏ, nhiều khi không ăn, chỉ hớp sương mà sống và lớn lên.

Qui sống trên 5000 năm thì gọi là Thần Quy.

Thần Kim Quy là con Thần Quy mình vàng.

Qui sống trên 10 000 năm được gọi là Linh Quy.

Tương truyền, rừng nào có Thần Quy ở thì rừng ấy không có cây cỏ độc hại, không có các loài thú độc như: Rắn, rít, beo, vv...

### IV. PHỤNG

Chim Phụng hay chim Phượng, con mái được gọi

là Loạn, con trống được gọi là Phụng. Đó là loài chim có bộ lông ngũ sắc rất đẹp, được xem là vua loài chim, nên mới gọi là Phượng Hoàng.

Chim Phụng thích đậu trên cây ngô đồng, vì cây ngô đồng rất cao, để nhìn các con chim khác bay lượn bên dưới.

Mỗi khi chim phụng hót lên, các loài chim khác nghe được liền bay đến, nhảy múa và hót theo.

Bốn con vật: Long, Lân, Quy, Phụng, đều có tánh linh, nên được gọi là Tứ Linh. Mỗi khi có 1 trong 4 con linh vật này xuất hiện thì nơi ấy ắt có điều lành xảy đến, hoặc có Thánh nhân ra đời.

Xin kể ra sau đây những trường hợp có ghi trong sử sách về sự linh hiển của Tứ Linh:

– Theo Sử Ký nước Việt Nam ta, Lý Công Uẩn lên ngôi vua hiệu là Lý Thái Tổ, thấy đất Hoa Lư chật hẹp, nên muốn đóng đô ở La Thành. Khi nhà vua đến La Thành xem xét, thấy có một con rồng vàng xuất hiện bay thẳng lên Trời. Nhà vua biết đó là điềm lành, nên chọn La Thành làm kinh đô và đổi tên lại là Thăng Long (Rồng bay).

Nhà Lý truyền được 9 đời vua, kéo dài được 215 năm.

– Ở nước Tàu thời Thượng cổ, vua Hiên Viên Huỳnh Đế cùng Hoàng Hậu tu hành đắc đạo thành Tiên. Khi đúc xong cái đỉnh có hình cái hồ lô thì có rồng vàng (Huỳnh long) hạ giáng, chấm râu vào đỉnh, sau đó, vua và hoàng hậu cỡi rồng bay lên cõi Tiên.

– Thời Đông Châu Liệt Quốc, Tiêu Sử cưới nàng Lộng Ngọc, con gái út của vua Tần Mục Công. Sau đó 2 vợ chồng đều thành Tiên, Tiêu Sử cỡi rồng, Lộng Ngọc cỡi phụng, cùng bay lên Trời.

– Trước khi bà Nhan Thị sanh ra Đức Khổng Tử, Bà nằm mộng thấy một con Kỳ Lân đến trước mặt bà, nhả ra một tờ ngọc thư có đề chữ: “*Thủy Tinh chi tử, kế suy Châu vi Tổ Vương.*” (Nghĩa là: Con của Thủy Tinh, nối nhà Châu suy làm vua không ngôi.)

Năm Đức Khổng Tử 71 tuổi, người nước Lô đi săn, bắt được một con Kỳ Lân nhỏ và què chân trái. Đức Khổng Tử hay được, đến xem thì Ngài biết rằng Ngài sắp trở về cõi thiêng liêng.

Hai năm sau, Đức Khổng Tử mất, thọ 73 tuổi.

– Theo phong tục cổ truyền của người Tàu và Việt Nam, trong những ngày Tết, thường rước Lân và Rồng đến múa, bởi vì người ta tin tưởng rằng, con Lân, con Rồng sẽ đem lại điềm lành và điều may mắn cho gia đình.

– Theo Sử Ký nước ta, Thần Kim Quy xuất hiện tặng cho An Dương Vương một cái móng rùa để làm chiếc nỏ thần. Lúc nào có quân địch tới đánh thành, lấy chiếc nỏ thần ra bắn một phát, quân địch chết hàng loạt và tan vỡ. Thần Kim Quy lại ban cho nhà vua Phép trừ yêu quái để nhà vua xây được thành Cổ Loa, giữ yên bờ cõi.

– Bình Định Vương Lê Lợi, khi mới khởi binh, được một con Thần Quy nổi lên dâng cho một cây bữu kiếm. Nhờ có bữu kiếm giúp uy, Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh về Tàu, dựng nên độc lập cho nước ta, mở ra nhà Lê. Về sau, vua Lê Thái Tổ ra chơi nơi hồ thì gặp Thần Quy đón trước đầu thuyền, nhà vua rút gươm chém, Thần Quy lẹ làng há miệng ngậm chặt lưỡi kiếm rồi lặn mất, nên cái hồ đó được vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đặt tên là hồ Hoàn Kiếm.

– Vua Hạ Võ, khi trị thủy nơi sông Lạc, bắt gặp một con Linh Quy, trên lưng của nó, có những dấu chấm đen trắng đặc biệt, ở vào những vị trí đặc biệt. Vua Hạ Võ ghi lại các dấu chấm ấy làm thành một bức đồ, tạo thành sách gọi là Lạc Thư, cũng gọi là Quy Thư. (Lạc thư là sách ghi lại bức đồ trên lưng Linh Quy ở sông Lạc; Quy thư là sách ghi lại bức đồ trên lưng Linh Quy.) Vua Hạ Võ nghiên cứu Lạc Thư, phát minh ra Hồng Phạm Cửu Trù, để tổ chức việc cai trị đất nước.

Về sau, người ta cũng căn cứ vào Lạc Thư để chế ra Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ.

– Phụng gáy Kỳ Sơn, hay Phụng gáy non Kỳ, là diễm Thánh Vương là Văn Vương và Võ Vương ra đời, dẹp nhà Trụ, mở ra nhà Châu, dân chúng được thái bình, an cư lạc nghiệp.

Trong các Đền, Chùa ở Việt Nam, các đồ vật thường được trang trí chạm khắc hay vẽ hình Tứ Linh.

Đặc biệt nơi Tòa Thánh Tây Ninh, sự trang trí nổi bật nhất là hình các con rồng đủ màu, quấn trên các cây cột tròn to lớn: Tại bao lơn Tòa Thánh có 2 cây cột quấn rồng đỏ, nơi Cửu Trùng Đài có các cây cột quấn rồng xanh, nơi Bát Quái Đài có các cây cột quấn rồng vàng, và lại có 8 con rồng trắng nằm theo tư thế giữ gìn nơi thờ phượng trong Bát Quái Đài.

Trên Plafond dù ở lồng căn giữa nơi CTĐ, có trang trí hình 6 con rồng (2 rồng vàng, 2 rồng xanh, 2 rồng đỏ) quấn nhau từng đôi một, với ý nghĩa theo 2 câu kinh trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế:

“Thời thừa lục long,

Du hành bất túc.”

Nghĩa là:

Đấng Thượng Đế thường cỡi 6 rồng,  
đi du hành khắp nơi không ngừng nghỉ.

Nơi plafond bằng ở 2 bên, có trang trí khung hình bầu dục, trong đó có đắp một con Phụng, một con Lân, và một con Rùa, tức là 3 con trong Tứ Linh, hợp với các con rồng nơi plafond dù, thì đủ tứ Linh.

Đặc biệt, 7 cái ngai đặt ở cấp thứ 9 Cửu Trùng Đài, sơn son thếp vàng, có chạm trổ đủ Tứ Linh. (Xem lại mục số 12: Cửu Trùng Đài và Nghinh Phong Đài).

Như thế, Tứ Linh được sắp theo thứ tự cao thấp là:

- Rồng đứng đầu,
- Phụng ở hàng thứ nhì,
- Lân đứng hàng thứ ba,
- Quy đứng hàng chót hết.

### 16. KIM MAO HẦU

16. Kim Mao Hẩu Kim mao là lông vàng, Hẩu là tiếng Tàu phiên âm, có nghĩa là con sư tử. Kim Mao Hẩu là con sư tử lông vàng.

Theo truyện tích xưa thì:

- Đức Văn Thù Bồ Tát cỡi Kim Mao Hẩu mỗi khi đi.
- Đức Từ Hàng Bồ Tát cũng cỡi Kim Mao Hẩu.

Con Kim Mao Hẩu của Đức Từ Hàng Bồ Tát, nguyên là một con thú sống rất lâu năm, biến hóa được thành người, học tu luyện với Đức Thông Thiên Giáo Chủ, nên đạt được nhiều phép tắc thần thông, đắc thành



một vị Địa Tiên, hiệu là Kim Hoa Tiên. Trong trận Vạn Tiên thời Phong Thần, Kim Hoa Tiên bị Đức Từ Hàng Bồ Tát bắt được, không giết chết, thâu phục làm đệ tử, đem về Tây phương, nhưng buộc phải hiện trở lại nguyên hình là một con Kim Mao Hẩu, để Đức Từ Hàng Bồ Tát cỡi mỗi khi ra trận.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, phần CTĐ và BQĐ, mỗi bên có 2 cầu thang đi lên, mỗi cầu thang đều có đắp hình 2 con Kim Mao Hẩu để trấn giữ. Như vậy, có tất cả 8 con Kim Mao Hẩu, và 8 con Kim Mao Hẩu này đều là 8 con đực, vì 8 con đều có lông bờm chung quanh cổ. (Sư tử đực mới có lông bờm, sư tử cái không có).

Sự tích 8 con Kim Mao Hẩu này như sau:

Trong quyển Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc, do trường Trung học Lê văn Trung ấn hành, có thuật lại đoạn Đức Phạm Hộ Pháp xuất Chơn thần về Bạch Ngọc Kinh, gặp các con Kim Mao Hẩu:

“Thuở nhỏ, Đức Phạm Hộ Pháp còn đi học, có một đôi lần nằm mê luôn 2 ngày. Lúc xuất Thần ra đi, Ngài có một người Em thiêng liêng vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống rước Ngài về. Ngài cùng với người Em đến cửa Bạch Ngọc Kinh thì thấy 8 con gì như con chó xù, to lớn mạnh mẽ, coi đáng ghê sợ, có con nằm dựa bàn chân trước ra chắn ngang để giữ cửa. Người Em bước lên chân nó, thì nó nâng lên đưa vào cửa, còn Ngài thì sợ, đứng lại. Người Em ngó ngoái lại thấy sao Ngài không vào, nên cười và nói: Anh cứ vào, anh đi không bao lâu mà lạ.

Rồi Ngài liền bước lên chơn con chó xù đó thì nó cũng đưa Ngài vào trong cửa Bạch Ngọc Kinh.

Người Em nói: Anh chờ một chút, Em vào bạch Đức Chí Tôn.

Ngài ngồi xem cung điện rất nguy nga tráng lệ, thấy toàn bằng trần châu báu ngọc, dưới lót bằng hào quang sáng đẹp vô cùng. Chờ hồi lâu, Ngài kêu lớn lên thì người Em chạy ra nói: Anh đừng sợ, chờ tôi một chút.

Bỗng thấy Đức Chí Tôn đi ra phán rằng: Con có đói không?

Ngài đáp: Thưa Thầy con đói.

Đức Chí Tôn biểu người Em đem ra 3 cái bánh ít trần. Ngài ăn 2 cái thì vừa no, còn một cái thứ 3, Ngài nghẹn, nuốt không vô, Ngài muốn liệng nhưng vì sợ lấm cung điện, Ngài rán nuốt cho được nhưng ngán lắm!

Đức Chí Tôn hỏi: Con còn đói không?

Đức Hộ Pháp bạch: Con no lắm rồi.

Đức Chí Tôn hỏi: Con có khát nước không?

Đức Hộ Pháp bạch: Bạch Thầy con khát.

Đức Chí Tôn dạy đem tô nước trong thật đầy. Ngài uống ngon lắm, khi uống vào, Ngài thấy nhẹ nhàng như cũ.

Đức Chí Tôn bảo người Em đưa Ngài trở về.

Trước khi ra về, Ngài bạch: Thưa Thầy, cho con xin một con chó xù đem về giữ nhà.

Đức Chí Tôn bảo: Con về trước đi, Thầy sẽ cho nó xuống sau.”

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích:

- 3 cái bánh ít là Tam giáo qui nguyên, là việc rất khó, như 3 cái bánh ít đó vậy,
- Còn việc nước thì dễ như uống nước Cam Lộ.

- Con chó xù là con Kim Mao Hẩu.

Ngày nay Đền Thánh cất xong, Đức Chí Tôn cho 8 con Kim Mao Hẩu xuống trần để trấn CTĐ và BQĐ tại thế, là không ai dùng bạo quyền nào mà chạm đến nó vậy.

## 17. HAI CON HẠC VÀ DÂY NHO

Phía bên hông Tòa Thánh, dưới các mái hiên, trên những đường viền giữa các cây cột, có trang trí Dây Nho, lá Nho và trái Nho và bên trên là một khung tròn vẽ hình 2 con hạc bay thong thả trên cánh đồng vào lúc bình minh.

1. *Hình 2 con Hạc bay*: lấy ý nghĩa theo 2 câu thơ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

*Bụng trống thành thoi con hạc nội,*

*Lúa đầy tưng thiếu phận gà lông.*

Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cơ giải thích 2 câu thơ này theo điển tích:

“Lý Bạch viết:

Lung kê hữu mẽ than oa cận,

Dã hạc vô lương Thiên Địa khoan.

Thích nôm: Gà lông có lúa đầy bụng hằng ngày mà nổi nước sôi hằng cận bên, không biết phải bị giết ngày nào.

Còn con hạc nội, tuy bữa đói bữa no, nhưng Trời Đất rộng thênh, mặc tình cao bay xa liệng.

Tóm lại, thà cực mà thong thả, còn hơn sướng mà phải chịu nguy hiểm.

Có mỗi Đạo dìu mình được tự do thiêng liêng, mà cái tự do thiêng liêng ấy, ta hãy làm con hạc nội mới mong chiếm được.”

### 2. *Hình Dây Nho, lá Nho, trái Nho*:

– Đây là cách nói đồng âm dị nghĩa, dùng hình ảnh cây Nho để chỉ Đạo Nho (Nho giáo); cũng như trồng cây Sung trước nhà để cho gia đình được sung túc.

Đạo Cao Đài chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, dùng tinh hoa của Giáo lý Nho giáo để dạy dỗ nhơn sanh, làm cho đời hung ác bạo tàn lần lần trở nên hiền lương đạo đức.

Để biểu thị chủ trương này, Hội Thánh dùng biểu tượng dây Nho, lá Nho và trái Nho để trang trí chung quanh Tòa Thánh.

– Ngoài ra, việc dùng hình ảnh Dây Nho, Trái Nho, cũng để tượng trưng Tam Bửu (Tinh, Khí, Thần) của con người trong Pháp Luyện đạo nơi Tịnh Thất:

- Trái Nho: tượng trưng TINH,
- Nước Nho: tượng trưng KHÍ,
- Rượu Nho: tượng trưng THẦN.

## 18. LONG MÃ PHỤ HÀ ĐỒ

Long Mã là một loài thú linh, đầu rồng, mình ngựa, có vảy rồng, bề cao 8 thước 5 tấc (thước Tàu), xương cổ dài, mình không thấm nước. Hà Đồ là bức vẽ có liên hệ đến sông Hoàng Hà bên Tàu, phụ là mang, đội. Long Mã phụ Hà Đồ là con Long Mã có mang trên lưng một bức đồ xuất hiện ở sông Hoàng Hà.

Truyện xưa chép lại sự xuất hiện của Long Mã vào thời vua Phục Hy (2852 trước Tây lịch) như sau:

“Vào thời vua Phục Hy, trên dòng sông Hoàng Hà,

thình lình có một trận giông lớn nổi lên, nước sông dâng cao, giữa dòng sông có nổi lên một con quái mình ngựa đầu rồng, đứng khời khời trên mặt nước, trên lưng thấy có mang một cây bửu kiếm.

Dân chúng thấy sự lạ, cấp báo cho vua Phục Hy biết.

Nhà vua liền đi đến tận nơi, đứng trên bờ quan sát. Vua Phục Hy là một vị Thánh Đế, biết con quái ấy là một linh vật, tên gọi Long Mã, rất hiếm có và ít khi xuất hiện. Ngài phán rằng: “Nếu phải người đem vật báu đến dâng cho ta thì hãy lại gần đây.”

Long Mã như biết nghe tiếng người, liền từ từ đi vào bờ, quì xuống trước mặt nhà vua. Phục Hy thấy trên lưng Long Mã có một bức đồ gồm 55 chấm đen trắng, vua ghi nhớ rồi gỡ lấy báu kiếm trên lưng Long Mã. Xong, Long Mã đứng dậy, trở ra giữa sông và đi mất. Mặt nước sông Hoàng Hà sụt xuống trở lại như cũ.

Vua Phục Hy vẽ lại các chấm đen trắng trên lưng Long Mã, tạo thành một bức đồ gọi là Hà Đồ.

Vua Phục Hy nhận xét: Các điểm trắng ứng với các con số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9 và Ngài cho đó là những số Dương; những điểm đen ứng với các con số chẵn: 2, 4, 6, 8, 10 và Ngài cho đó là những con số Âm. Ngài có được Âm, Dương.

Ngài biểu diễn một *vạch liền* tượng trưng Dương và một *vạch đứt* tượng trưng Âm, Ngài được 2 Quẻ đơn. Ngài thử đem 2 vạch ấy chồng lên nhau, rồi thay đổi vị trí trên dưới, Ngài được 4 Quẻ đôi (Quẻ có 2 vạch).

Vua Phục Hy tiếp tục chồng thêm 1 vạch nữa vào 4 Quẻ đôi, rồi thay đổi vị trí các vạch, Ngài được 8 Quẻ ba.

Vua Phục Hy đặt tên cho 8 Quẻ ấy là: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Vua Phục Hy sắp đặt vị trí các quẻ theo 8 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, và căn cứ trên các hiện tượng tự nhiên như: Trời, Đất, Nóng, Lạnh, Núi, Đầm, Sương mù, Sấm sét, vv. . .

CÀN là Dương, tượng trưng Trời; KHÔN là Âm tượng trưng Đất. Càn thì ấm áp, đặt ở phương Nam, Khôn thì lạnh lẽo đặt ở phương Bắc.

Ấm lạnh tạo ra hơi nước, sương mù, nên đặt ĐOÀI tiếp theo Càn. Còn LY là lửa, là mặt trời, đặt ở phương Đông, là phương mặt trời mọc, nên Ly tiếp theo Đoài. Hơi nước và khí nóng phát động tạo ra sấm sét, đồng thời giúp cây cỏ nảy sinh, nên đặt CHẤN tiếp theo Ly.

Mặt đất thì lồi lõm, nơi cao thành núi nên đặt CẤN kế quẻ Khôn; còn nơi thấp thì nước đọng lại tạo thành sông, biển, đầm, nên đặt KHẢM tiếp theo.

Các sự chuyển động đều phát sanh ra gió, nên đặt TỐN sau cùng.

Đó là Bát Quái của vua Phục Hy có đủ Âm Dương, Trời Đất, mặt trời, mặt trăng, và Thủy, Hoả, Phong.

Bát Quái Đồ của Phục Hy được bố trí các quẻ theo hình tròn, đứng từ tâm hướng ra ngoài, vì Phục Hy quan niệm Vũ Trụ có rộng lớn bao la đến đâu đi nữa nhưng khởi điểm vẫn phải ở trung tâm là Thái Cực.

Trở lại hình Long Mã trên nóc Nghinh Phong Đài:

Long là rồng, bay lên Trời, tượng trưng Dương; Mã là ngựa, chạy trên mặt Đất, tượng trưng Âm. Long Mã tượng trưng Âm Dương, tức là tượng trưng cho Đạo.

Mình Long Mã hướng theo chiều Tòà Thánh, bộ điệu như đang chạy về hướng Tây, ý nghĩa là Đạo xuất nơi hướng Đông và truyền qua hướng Tây, nhưng đầu Long Mã ngó ngoéo lại hướng Đông, ý nghĩa là Đạo cuối cùng lại trở về hướng Đông, vì hướng Đông là gốc của Đạo. Hướng Đông ở đây là chỉ nước Việt Nam, vì người Tây phương gọi Việt Nam là nước Viễn Đông.

Long là rỗng, cũng tượng trưng Không gian, vì rỗng bay trong không trung; Mã tượng trưng thời gian vì ngựa chạy có mau có chậm, cho nên Long Mã tượng trưng Không gian và Thời gian, tức là tượng trưng Càn khôn Vũ trụ, luôn luôn vận chuyển không ngừng.

Trong Đạo Cao Đài, nghi thức tiếp rước quan khách cao cấp, hàng lãnh đạo quốc gia, hay lãnh đạo các tôn giáo, hoặc tiếp rước Hội Thánh, đều có nghi thức múa Long Mã. Đây là điểm đặc biệt nổi bật của Đạo Cao Đài mà không một nơi nào khác trên thế giới có được. Điệu múa Long Mã rất đẹp, tập luyện rất công phu, hình Long Mã lại đẹp, lạ mắt, nghệ thuật múa đạt được đỉnh cao.

### 19. TAM THỂ PHẬT

Tam Thế Phật là 3 vị Phật lãnh lĩnh Đức Chí Tôn xuống trần điều khiển 3 Nguơn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn.

Trên nóc Bát Quái Đài của Tòà Thánh có đắp một tòa sen lớn, trên đó có tượng Tam Thế Phật, gồm 3 vị Phật:

- Đức Phật Brahma đứng trên lưng con Thiên nga (Ngỗng trời), mặt nhìn về hướng Tây.
- Đức Phật Civa đứng trên mình Thất Đầu Xà (Con

Rắn 7 đầu), mặt nhìn về hướng Bắc.

– Đức Phật Christna đứng trên mình con Giao long, mặt nhìn về hướng Nam. Trong Di-Lạc Chơn Kinh, chúng ta thấy 3 vị Phật nầy (Brahma Phật, Civa Phật, Christna Phật), đều ngự nơi tầng Trời Hồn Nguơn Thiên, cùng với các vị Phật: Thanh Tịnh Trí Phật, Diệu Minh Lý Phật, Phục Tường Thị Phật, Diệt Thể Thắng Phật, Phục Linh Tánh Phật, cùng với vô số các vị Phật khác, có biết có cảm, có sanh có tử, biết rõ cái khổ do nghiệp chướng gây ra, luân hồi chuyển kiếp hóa sanh ra, có khả năng đi khắp các cõi trần cứu giúp tất cả chơn linh được trở về ngôi vị Phật.

Ba vị Phật nầy rất được đạo Bà-La-Môn (nay gọi là Ấn Độ giáo) tôn sùng. Theo Đạo Bà-La-Môn, nhiệm vụ 3 vị Phật nầy là:

- Brahma Phật là vị Phật Sáng tạo ra CKVT và vạn vật
- Civa Phật là vị Phật Tiến hóa, hủy diệt cái cũ và tạo ra cái mới để tiến hóa. Ngài có nhiệm vụ dạy bảo loài người trở về con đường lành, tiến hóa theo Thiên lý.
- Christna Phật là vị Phật Bảo tồn, luôn luôn che chở cứu giúp người đời.

Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, Tam Thế Phật có nhiệm vụ điều khiển 3 Nguơn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn, và Hạ Nguơn.

**1. Thượng Nguơn:** là Nguơn Tạo hóa, ấy là Nguơn Thánh đức, tức là Nguơn Vô tội, do Đức Phật Brahma điều khiển. Ngài là ngôi thứ nhất, tượng trưng ngôi Thánh đức, thuộc Cơ Sanh hóa, ấy là Đấng Sáng tạo ra Vũ trụ và vạn vật.

**2. Trung Nguơn:** là Nguơn Tấn hóa, ấy là Nguơn Tranh đấu, tức là Nguơn Tự diệt, do Đức Phật Civa điều khiển. Ngài đứng trên mình con rắn 7 đầu (tượng trưng Thất Tình của con người) để chế ngự Thất Tình, khiến cho nhơn loại khỏi bị Thất Tình cám dỗ, Lục dục khiến sai, thoát khỏi họa tranh đấu tự diệt.

Đức Civa Phật cầm Ống sáo thổi, như muốn dùng âm thanh trầm bổng cảm hóa tâm hồn nhơn loại để thức tỉnh hồi tâm, lo việc tu hành. Đức Civa Phật là ngôi thứ nhì, tượng trưng phần Âm Dương, Cơ sanh và Cơ diệt.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo: “Bần đạo cũng nên chỉ rõ Đức Phật Mẫu đến tại thế gian này, đã tượng trưng bên Ấn Độ, Phật giáo Ấn Độ gọi Ngài là Civa Phật, là cái hình ở trên Bát Quái Đài, chúng ta để trên nóc đó, thấy có “Tinh nữ” nơi ngực Ngài đó.

Hồi buổi Chí Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy Khí, tức nhiên là Ngài, dùng cái linh pháp của Ngài biến tướng ra, Phật Mẫu thuộc về Âm, Chí Tôn thuộc về Dương. Âm Dương hiệp lại biến hóa ra CKVT và sanh ra vạn vật.

Đức Civa Phật, Ấn Độ làm một cái hình, phân nửa giống đàn bà, còn cái tướng thì đàn ông, bởi hồi đó, con người chưa phân rõ chắc chắn Nam Nữ, Âm Dương. Đức Civa trong huyết khí tức nhiên là huyết, còn Chơn linh đào tạo Chơn thân là Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Phật, Đức Phật Mẫu là Pháp, Pháp mới sanh ra vạn vật. Vạn vật ấy do Tinh mà ra, tức nhiên là Tăng. Thân tức nhiên là Đức Chí Tôn, Thân phân định Khí, Khí mới phát sanh ra Tinh. Phật là Đức Chí Tôn, Pháp là Civa Phật tức Phật Mẫu, Tăng là vật loại

trên CKVT này.

Ấy vậy, Đạo Phật thờ Phật Mẫu mà không biết. Dầu không thờ mà Đức Phật Mẫu vẫn ngồi từ tạo Thiên lập Địa đến giờ, tức nhiên là Đấng tạo ra Vạn linh đó vậy.”

**3. Hạ Nguơn:** là Nguơn Bảo tồn, ấy là Nguơn Tái tạo, tức là Nguơn Qui cố, do Đức Phật Christna điều khiển. Ngài là ngôi thứ ba, tượng trưng cuộc tuần hoàn, tiên tri cho nhơn loại biết việc trí xảo thuộc cơ Tranh đấu, cũng là cuối Hạ Nguơn Tam Chuyển, khởi xướng Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp: “Dầu cho những người nào chết nơi chơn trời góc bể đi nữa mà đây đủ công nghiệp, tâm đức thì Phật Christna cũng lãnh linh Đức Chí Tôn tuần du trên mặt thế mà rước Chơn linh ấy về ngay Bạch Ngọc Kinh.”

Tóm lại, Đạo Cao Đài tạo tượng Tam Thế Phật nơi nóc Bát Quái Đài Tòa Thánh là để tiêu biểu sự tuần hoàn trong định luật Tiến hóa của CKVT, khởi đi từ Thượng Nguơn, rồi dần qua Trung Nguơn, Hạ Nguơn, để trở lại Thượng Nguơn của Chuyển kế tiếp. Ba vị Phật ấy thay phiên nhau điều khiển 3 Nguơn, làm cho CKVT luôn luôn tiến hóa.

## 20. BÁT BỮU – DÀN BÁT BỮU

Bát Bữu là 8 món quý báu, đó là 8 bữu pháp (hay Bữu bối) của Bát Tiên. Mỗi vị Tiên có thể luyện thành nhiều bữu pháp. Các Bữu pháp của Bát Tiên có thể kể ra sau đây:

- Đại Tiên Lý Thiết Quả có 2 Bữu pháp: Gậy sắt và Hồ lô.



- Hồn Chung Ly có 2 Bửu pháp là: Quạt Long tu và Phất chủ.
- Lữ Đồng Tân có 3 Bửu pháp là: Gươm, Phất chủ, Ống Tiêu.
- Lam Thế Hòa có Đồi Ngọc bản (Cặp Sanh ngọc).
- Trương Quả Lão có: Con lừa giấy và Cây gậy.
- Hà Tiên Cô có Bửu pháp là Bông sen.
- Hàn Tương Tử có: Giỏ Hoa Lam và Ống sáo.
- Tào Quốc Cựu có: Ngọc Thủ quyển.

Mỗi Bửu pháp của Bát Tiên được làm tượng trưng hình bằng đồng thau, được một con thú chõ trên lưng, được đánh bóng sáng loáng, gắn vào một cái cán bằng gỗ dài và sơn màu đỏ. Tám cây có gắn Bát bửu của Bát Tiên được cắm vào trong một cái giá, thành một hàng dài, gọi là Dàn Bát bửu.

Có 2 Dàn Bát bửu giống nhau đặt ở cấp thứ 8 CTĐ, dọc theo 2 hàng cột rồng xanh. Trên Dàn Bát bửu có đặt xen kẽ 3 cây lọng. Kể từ trong ra ngoài, Dàn Bát bửu hiện nay đặt tại Tòa Thánh gồm có theo hình vẽ sau đây:

1. Cái bầu Hồ lô có con Nai chõ: Bửu pháp của Lý Thiết Quả.
2. Quạt và Phất chủ có con Chim chõ: Bửu pháp Hồn Chung Ly.
3. Gươm và Phất chủ có con Chim chõ: Bửu pháp Lữ Đồng Tân.
4. Thủ quyển bằng ngọc có con Nai chõ: Bửu pháp Tào Quốc Cựu.
5. Cây Gươm có con Phụng chõ: Bửu pháp của Hàn Tương Tử.

6. Hoa sen có Rùa chõ: Bửu pháp của Hà Tiên Cô.
7. Cây Gậy có Cá chõ: Bửu pháp của Trương Quả Lão.
8. Cặp Ngọc bản (Cặp Sanh ngọc) có con Công chõ: Bửu pháp của Lam Thế Hòa.

### Công dụng của Dàn Bát Bửu:

– Về phương diện hình thức, Dàn Bát bửu với 8 Bửu pháp của Bát Tiên đặt thành 2 hàng dài trước chỗ thờ phượng, thay thế 2 Dàn Lỗ bộ thường thấy, để làm tăng thêm vẻ uy nghi trang trọng của nơi thờ phượng.

– Về phương diện thiêng liêng, 8 Bửu pháp của Bát Tiên trấn giữ ngôi thờ Đức Chí Tôn, không cho Tà Quỷ xâm nhập, vì hễ xâm nhập vào thì bị 8 Bửu pháp này đánh đuổi.

## 21. BÁT TIÊN

Bát Tiên là 8 vị Tiên ở 8 động đá của núi Bồng Lai trên đảo Bồng Lai nơi cõi Thiêng liêng.

Bát Tiên gồm 8 vị Tiên kể tên ra sau đây:

1. Lý Thiết Quả, (Thiết Quả là cây gậy sắt) nhưng thường gọi là Lý Thiết Quả.
2. Hồn Chung Ly.
3. Lữ Động Tân, (Động là cái hang núi, Tân là khách), nhưng thường gọi là Lữ Đồng Tân.
4. Lam Thế Hòa.
5. Trương Quả Lão.
6. Hà Tiên Cô.
7. Hàn Tương Tử.
8. Tào Quốc Cựu.

Trên tám diễm phía bên Nữ phái của Bát Quỷ Đài, có đắp tượng Bát Tiên trên những cụm mây lành 5 sắc. Trong Bát Tiên, có 4 vị cõi thú bay và 4 vị cõi thú chạy. Sau đây là sự tích của Bát Tiên, viết theo Truyện Đông

Du Bát Tiên:

### I. LÝ THIẾT QUẢ

Ngài họ Lý, tên là Huyền, hiệu là Ngưng Dương, nên thường gọi là Lý Ngưng Dương, diện mạo nghiêm trang, tánh hạnh trong sạch, học rộng biết nhiều, không mộ công danh, muốn đi tu Tiên. Biết được Lý Lão Tử đang dạy Đạo trên núi Họa Sơn, Lý Ngưng Dương liền tìm đến đó để xin học Đạo. Đi dọc đường, Ông ngâm thơ rằng:

*Tâm tánh con người có thấp cao,  
Khen là Tạo Hóa đức anh hào.  
Làm trai biết thấu vòng vinh nhục,  
Đặng chữ thanh nhàn khỏi chữ lao.*

Khi đến núi Họa sơn thì Trời đã tối. Lý Ngưng Dương tự nhủ: Mình là đệ tử đi tìm thầy cầu học Đạo, lẽ nào ban đêm dám gõ cửa. Chi bằng ngủ đờ trên bàn thạch trước cửa động, chờ Trời sáng sẽ xin vào ra mắt.

Ở trong động, Đức Lão Tử đang đàm đạo với Huyền Khư Chơn Nhơn, xảy có cơn gió thanh, Đức Lão Tử hỏi:

- Ông có biết gió ấy là điềm chi chăng?
- Chắc có người gần thành Tiên đi tới.
- Ta đã rõ Lý Ngưng Dương gần thành Tiên và là Tiên đứng đầu sổ hết thầy.

Nói rồi, Đức Lão Tử truyền Tiên đồng ra mở cửa động mà đón. Xảy thấy một Đạo sĩ đang đứng trước động, liền hỏi:

- Có phải Lý Ngưng Dương đó không?
- Sao Tiên đồng lại biết tên tôi?
- Tôi vâng lệnh Lão Quân ra cửa đón anh.

Lý Ngưng Dương vô cùng mừng rỡ, chắc là mình có phước lớn nên mới được Lão Quân biết đến, liền đi theo Tiên đồng vào ra mắt, thấy Lão Quân có hào quang sáng lòa, dung nhan tươi nhuận, râu tóc bạc phơ, và Huyền Khư Chơn Nhơn cũng vậy. Lý liền quì lạy ra mắt Lão Quân và Huyền Khư. Hai vị đáp lễ rồi mời ngồi. Lý Ngưng Dương quì thưa rằng: “Đệ tử tâm sư học Đạo, lẽ nào dám ngồi. Xin Thầy dạy bảo.”

Lão Tử bảo: “Người ngồi xuống rồi ta nói cho nghe:

*Học Đạo cho mình,  
Lặng lặng làm thinh,  
Đừng lo đừng rán,  
Cho tịnh cho thanh,  
Chẳng nên nhọc sức,  
Chớ khá tổn tinh,  
Giữ đặng tánh tình,  
Là thuốc trường sanh.”*

Lý Ngưng Dương mừng rỡ lạy tạ Lão Quân.

Huyền Khư nói: “Người có tên trong Sổ Tiên, đứng đầu hết thầy. Về tu như vậy thì thành.”

Nói rồi truyền Tiên đồng đưa Lý Ngưng Dương ra khỏi động, xuống núi. Lý Ngưng Dương lạy tạ rồi theo Tiên đồng rời khỏi động, trở về quê, lên núi cất nhà bên động đá, tu theo lời Đức Lão Tử dạy, cứ tu luyện hoài như vậy. Chẳng bao lâu cảm thấy nhẹ mình, bước đi như gió.

Một người dân quê tên là Dương Tử lên núi thấy vậy cũng phát tâm mộ đạo, xin Lý Ngưng Dương thu làm đệ tử, ở lại tu hành.

Ngày kia, Lý Ngưng Dương thấy hào quang chiếu vào

cửa sổ, thì biết có Thần Tiên giáng hạ, rồi mau sửa soạn lên núi đón tiếp. Xảy nghe tiếng hạc, ngó lên thấy Đức Lão Tử và Huyền Khứ Chơn Nhơn cõi hạc đáp xuống.

Lý Ngưng Dương lạy chào mừng rỡ.

Đức Lão Tử nói:

– Bữa nay tinh thần hơn trước. Ta nhắm người xuất hồn đã định. Vậy 10 ngày nữa, người sẽ xuất hồn đi dạo các nước với ta.

Nói rồi liền từ giã, và 2 vị cõi hạc bay trở về núi.

Cách 9 ngày sau, Lý Ngưng Dương kêu học trò là Dương Tử đến dặn rằng: “Thầy sẽ xuất hồn đi thiếp 7 ngày, người phải gìn giữ xác ta cẩn thận. Nếu sau 7 ngày ta không trở về thì hãy thiêu xác.”

Dặn dò xong, Lý Ngưng Dương nằm thiếp xuất hồn đi.

Khi Dương Tử giữ xác thầy được 6 ngày thì có người nhà đến báo tin rằng: Mẹ anh bệnh nặng, đang hấp hối, trông anh mau về cho mẹ thấy mặt mà tắt hơi. Dương Tử khóc lớn than rằng: “Thầy đi thiếp chưa về, nếu ta đi, lấy ai giữ xác thầy, bằng không đi thì làm sao thấy mặt mẹ, ôi khổ biết chừng nào!”

Người nhà liền hỏi rõ Dương Tử về sự đi thiếp của thầy, rồi nói: “Xác người chết đã 6 ngày, ngũ tạng thầy đều hư hết, lẽ nào sống lại bao giờ. Vả lại, thầy có dặn 7 ngày thì thiêu xác, chắc thầy đã thành Tiên. Nay 6 ngày mà thiêu xác thầy cũng không lỗi. Mau thiêu xác thầy rồi về gặp mặt mẹ.”

Dương Tử bản dưng không nỡ, nhưng túng thế cũng phải nghe lời, liền đặt nhang đèn, hoa quả tế thầy,

rồi thiêu xác. Vừa khóc vừa đọc bài kệ sau đây:

*Mẹ bệnh ngặt hầu kẻ,  
Thầy đi thiếp chưa về,  
Mẫu thân tình một thuở,  
Sư phụ nghĩa nhiều bề,  
Ven thảo nên quyền biển,  
Lỗi nghề lương ử ê,  
Hồn linh xin chứng chiếu,  
Khoái lạc chốn non huê.*

Thiêu xác thầy xong, Dương Tử liền gấp rút chạy về nhà, vừa đến cửa nhà thì mẹ vừa tắt thở. Rủi ơi là rủi! Lỗi hết 2 đàng, đã bất nghĩa với thầy, lại không tròn hiếu sự.

Nhắc lại, Lý Ngưng Dương, hồn xuất về châu Đức Lão Tử, được thầy dẫn đi khắp các nước trên cõi thiêng liêng, đến núi Bồng Lai, gặp các Thánh Tiên, ra mắt đủ mặt, đến 7 ngày thì xin về. Đức Lão Tử cười nói rằng:

– Hãy nghe bài kệ này thì rõ:

*Tịch cốc ăn lúa mì,  
Đường quen xe phôi phối,  
Muốn tìm cốt cách xưa,  
Lại gặp mặt mây mới.*

Lý Ngưng Dương nghe bài kệ của thầy thì ghi nhớ chớ không hiểu ngụ ý gì, nhưng cũng lạy thầy từ tạ ra về. Khi hồn về tới nhà thì không thấy xác, không thấy học trò, coi lại thì xác đã ra tro bụi.

Lý Ngưng Dương rất giận đứa học trò bất nghĩa này. Hồn bay phưởng phất xuống chơn núi, gặp một thầy ăn mày nằm dựa bên đường, kể bên cây gậy, có một chân cùi.

Lý Ngưng Dương nghĩ lại bài kệ của thầy cho, chợt

hiếu, biết phận mình phải vậy chớ không nên oán trách học trò, liền nhập hỗn vào xác ăn mày, rồi ngâm nước phun vào gậy tre hóa ra gậy sắt. Bởi cố đó, người đời không biết họ tên ông ăn mày này, thấy cầm cây gậy sắt, nên gọi là Ông Thiết Quả, sau gọi trại ra là Thiết Quả.

Sở dĩ Đức Lão Tử không cho hỗn Lý Ngưng Dương về kịp trước khi học trò thiêu xác là vì Đức Lão Tử muốn Lý Ngưng Dương bỏ xác phàm cho tuyệt sự hồng trần mà về luôn nơi Tiên cảnh, còn xác ăn mày là mượn tạm để tu, chớ muốn biến hóa thể nào cũng được.

Thiết Quả đánh tay biết rõ các việc đã xảy ra với đứa học trò mình là Dương Tử. Thiết Quả liền đem bầu linh được đến cứu tử mẹ nó, kéo đứa học trò mình tức tối ân hận cả đời tội nghiệp. Đến nơi thấy Dương Tử đang ôm quan tài mẹ khóc ngất, rồi rút gươm ra định tự vận. Thiết Quả kịp đến ngăn cản và nói:

– Người có lòng thành nên Trời khiến ta đến đây đem bầu linh được cứu tử mẹ người. Vậy người mau gỡ nắp quan tài ra, cạy miệng mẹ người ra mà đổ thuốc.

Nói rồi lấy ra một hoàn thuốc đưa cho Dương Tử. Dương Tử làm y lời, giây lát, bà mẹ hắt hơi lấy lại hơi thở, rồi ngồi dậy bước ra khỏi quan tài, xem có vẻ mạnh khỏe hơn trước. Cả nhà vô cùng mừng rỡ. Dương Tử quì lạy Thiết Quả, thưa rằng:

– Cảm tạ Tiên ông, xin Tiên ông cho biết danh hiệu.

– Ta đây là Lý Ngưng Dương, là thầy của người. Bởi người thiêu xác ta nên hỗn ta phải nhập vào xác ăn mày này. Biết rõ việc làm của người, nên ta không chấp, lại đến cứu tử mẹ người để người nuôi mẹ phỉ tình. Ta tặng

thêm cho người một hoàn thuốc nữa để người uống vào sống lâu nuôi mẹ. Thầy trò sẽ gặp lại sau này.

Dương Tử cúi đầu lạy tạ thầy, chưa kịp hỏi thăm thì Thiết Quả đã biến mất.

Thiết Quả biến hóa về núi Họa sơn, hầu thầy. Đức Lão Tử cười nói:

– Vậy mới chắc thành Tiên, không lo trở lại trần thế. Nói rồi truyền dọn tiệc ăn mừng Thiết Quả.

### 2. HÓN CHUNG LY

Hón Chung Ly, họ là Chung Ly đời nhà Hón (Hán), tên là Quyên, hiệu là Vân Phòng, làm Đại Tướng trong triều đình nhà Hón.

Khi mới sanh, Chung Ly Quyên có điềm khác lạ, trên nóc nhà hào quang sáng đỏ, ai nấy đều kinh. Lớn lên thành một vị tướng quân, võ nghệ như thần, oai danh quá cộp.

Khi ấy triều đình nhà Hón nhận được sớ khẩn cấp của tướng trấn ải báo có binh Phiên do Bất Dực thống lãnh đánh vào ải rất nguy kịch, xin triều đình cử binh cứu viện.

Xem xong, Hón Đế rất kinh hãi, liền hạ chiếu sai Đại Tướng Chung Ly Quyên làm Nguyên soái, Phùng Dị làm Phó Tướng, kéo đại binh 50 vạn gấp rút đi ra quan ải cứu viện.

Nguyên Soái Chung Ly tế cờ, hiệu dụ tướng sĩ xong thì kéo quân đi ngay tới ải Kỳ Thủy đóng trại. Rạng ngày hôm sau, 2 bên ra trận. Bất Dực đánh không thắng nổi Chung Ly, quân Phiên bại trận chạy dài. Tin chiến thắng liền tiếp báo về triều đình, danh tiếng Nguyên soái Hón Chung Ly vang dậy.

Lúc đó, Lý Thiết Quả đang ở Cung Tiên, đánh tay biết Hớn Chung Ly đã thắng quân Phiên nhiều trận, uy danh lừng lẫy, và lại biết kiếp trước của Hớn Chung Ly là Tiên coi sổ bộ ở Thượng giới, phạm tội bị đọa trần, nay mê việc chiến tranh mà không lo tu hành, biết chùng nào trở về ngôi vị cũ. Lý Thiết Quả muốn độ Chung Ly, nhưng nếu để Chung Ly thắng trận hoàn, triều đình sẽ gia phong quan tước, thì bị mê đắm trong vòng phú quý vinh hoa, nên Thiết Quả định làm cho Chung Ly bại trận thì mới độ được. Tính rồi liền hóa ra một Ông già bay xuống dinh Phiên Bất Dực.

Lúc bấy giờ Bất Dực đang ngồi trong dinh, thở vắn than dài, không tìm được kế chi để đánh lại binh Hớn. Xây thấy quân vào báo: Có một ông già cốt cách Thần Tiên xin vào ra mắt.

Bất Dực lấy làm lạ, liền cho mời vào, hỏi:

– Lão trượng đến tôi có việc gì?

– Tôi đến đây bày cho Tướng quân kế thắng binh Hớn. Đêm nay tôi biết bên dinh Hớn có hỏa hoạn lớn, Tướng quân thừa dịp này kéo quân vào cướp dinh thì chắc thắng 10 phần.

Ông già nói xong liền từ giả đi mất.

Bất Dực, lòng bán tín bán nghi, sợ lắm kế của Nguyên soái Chung Ly, nhưng cũng truyền lệnh chuẩn bị canh hai đến cướp dinh Hớn. Nếu thấy dinh Hớn bị hỏa hoạn như lời của ông già thì sẽ tràn quân đánh vào, bằng không thì rút binh về.

Bên dinh Hớn, tuy vừa mới thắng quân Phiên, nhưng cũng không dám kiêu, cắt đặt canh phòng ban đêm rất

cẩn mật vì sợ cướp dinh.

Khoảng giữa canh ba, Lý Thiết Quả hóa phép đốt dinh Hớn, ngọn lửa cháy lan rất mạnh, binh lính không dập tắt nổi. Bất Dực thấy đúng thời cơ, liền kéo đại binh đánh vào. Chung Ly Nguyên soái cầm giáo lên ngựa đánh với Bất Dực, thấy binh Hớn hoảng sợ chạy hết thì cả kinh, quày ngựa bại tẩu. Bất Dực muốn bắt sống Chung Ly Nguyên soái nên buông tên nhắm vào con ngựa của Chung Ly đang cỡi, làm cho ngựa trúng tên té nhào, may có Phó tướng Phùng Dị chạy đến tiếp cứu, bắt một con ngựa khác đưa cho Nguyên soái. Hai người bại tẩu, ngó lại dinh Hớn bị lửa thiêu rụi, binh Hớn bỏ chạy tán loạn. Nguyên soái tức quá té nhào xuống ngựa chết giắc. Khi tỉnh lại than rằng:

– Ta làm Đại Tướng vâng chỉ đánh Phiên, ngỡ là cứu nước rạng danh, nào hay Trời khiến ta thảm bại thế này, chẳng những mắc tội với vua, lại còn hổ mặt với triều thần, thiệt là Trời muốn giết ta, ta còn sống làm chi nữa.

Than rồi, Hớn Chung Ly toan rút gươm tự vận. Phùng Dị cứ mãi khuyên can. Xây thấy binh Phiên kéo đến truy nã. Phùng Dị can hậu, Hớn Chung Ly chạy trước. Chạy tới sáng thì lạc mất, Hớn Chung Ly đến một nơi không có nhà cửa dân chúng, phía trước là núi, vừa đói vừa khát, tiến thoái lưỡng nan. Xây thấy một ông sai mắt xanh chống gậy đi tới. Chung Ly mừng rỡ bước đến thưa rằng:

– Tôi là Hớn Nguyên soái Chung Ly Quyền đem quân đi đánh Bắc Phiên, bị bại trận nên chạy lạc tới đây, xin thầy chỉ nhà cho tôi tá túc để trở về triều đình xin binh cứu viện.

Ông sai gạt đầu, dắt Chung Ly đi một đỗi, chỉ một



cái am, nói rằng:

– Đây là chỗ ở của Đông Huê Chơn nhơn, tướng quân vào đó mà tạm nghỉ.

Nói rồi đi thẳng như bay. Hớn Chung Ly đi đến am, nhìn thấy cảnh vật xinh tươi yên tĩnh, phải chỗ của Thần Tiên, đến trước cửa am, định gõ cửa thì nghe có tiếng ngâm thơ từ trong am vọng ra:

*Việc thế chẳng đua tranh,  
Thanh nhàn lánh lợi danh,  
Thân nương theo động đá,  
Tình gọi tại mây xanh.  
Chơi đạo say mùi đạo,  
Thong dong dưỡng tánh lành,  
Hỏi ai là bạn tác?  
Gió mát với trăng thanh*

Lý Thiết Quả sắp đặt trước, giả làm sai mắt xanh dẫn đường đến cho Đông Huê Chơn Nhơn dạy đạo.

Hớn Chung Ly nghe tiếng ngâm thơ vừa dứt thì có một ông Lão cốt cách Thần Tiên, chống gậy bước ra hỏi:

– Có phải là Chung Ly Quyền, Nguyên soái của Hớn triều chăng?

Hớn Chung Ly kinh hãi thưa:

– Phải, tôi vâng chỉ đi đánh Phiên, chẳng may thất trận chạy lạc đến đây, xin Thượng Tiên từ bi cho tôi tá túc.

Đông Huê Chơn Nhơn mời vào am đãi cơm chay, nói:

– Công danh như bọt nước, phú quý như ngọn đèn trước gió. Từ xưa đến nay, giang sơn nhiều chủ, phước thọ ít người. Bản đạo chán cảnh đời đau khổ, tìm nơi u nhã,

sống thanh nhàn, thoát vòng lợi danh trần tục. Tướng quân cũng nên thừa dịp này mà tu tâm dưỡng tánh, còn ham công danh phú quý làm chi.

Chung Ly Nguyên soái lắng nghe, liền tỉnh ngộ, muốn theo học đạo, hỏi:

– Tiên ông luyện phép chi mà dựng trường sanh?

– Phép trường sanh có gì lạ đâu, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Lòng trống là không lo lắng, để cho thơ thới như không; bụng đặc là không theo sắc dục, nguơn khí chẳng hao, được như vậy thì thành Tiên, trường sanh bất tử.

Hớn Chung Ly nghe vậy thì mừng rỡ thưa rằng:

– Nhờ Tiên ông chỉ dạy, tôi xin lạy để làm học trò. Xin thầy cho biết tôn hiệu.

– Ta là đạo sĩ thời thượng cổ, nay đã thành Tiên, hiệu là Đông Huê.

Nói rồi truyền cho Hớn Chung Ly phép tu luyện và dạy luôn cho Chung Ly phép chỉ đá hóa vàng, rồi tặng cho một cây gươm thanh long chém quỉ.

Hôm sau, Hớn Chung Ly lạy thầy xin trở về nhà lo thu xếp việc nhà. Đông Huê Chơn Nhơn chỉ đường về nhà. Khi Chung Ly ngó lại thì thấy thầy và nhà cửa đều biến mất, suy nghĩ biết là Tiên ông biến hóa để độ mình. Chung Ly Quyền tự đặt hiệu cho mình là Vân Phòng, rồi cải trang đi rết về nhà dựng thăm gia quyến.

Gia đình Chung Ly Nguyên soái hay tin thất trận và mất tích, tin tưởng là đã chết nên cả nhà than khóc để tang. Nay lại thấy Chung Ly Nguyên soái cải trang trở về thì thất kinh mừng rỡ, hỏi thăm cơ sự. Chung Ly thuật

lại đủ hết. Gia quyến mừng rỡ nói rằng: Khi mới sanh ra có điềm lành, chẳng lẽ lại thác về nghiệp dữ.

Chung Ly Quyền không dám ở nhà lâu, sợ vua hay tin bắt tội, liền ăn mặc theo Đạo sĩ, từ giã gia quyến để đi tu, lại đến thăm anh ruột là Chung Ly Giảng, đang làm chức Lang Trung. Chung Ly Giảng ham mộ đạo đức đã lâu, nay nghe em nói, mừng rỡ bội phần, liền sắp xếp hành trang, cùng em trốn lên non tu luyện. Hai người nhắm núi Họa sơn đi tới. Dọc đường, thấy con cò trắng đang ngóng cổ, Vân Phòng nói với anh rằng:

– Con cò cổ dài, le le cổ ngắn, không thể nào cắt bớt mà can bổ cho bằng. Việc đời cũng vậy, kẻ ưa danh lợi, người mến thanh nhàn.

Nhờ có gương phép của thầy trao tặng, Vân Phòng giết được cọp tinh đang phá hại dân làng, lại thấy dân quá nghèo khổ, nên dùng phép chỉ đá hóa vàng, lấy vàng phát cho dân.

Ngày kia, Đông Huê Chơn Nhơn tìm đến để dạy đạo thêm, truyền thêm phép tu luyện cho 2 người. Chung Ly Vân Phòng đi dạo chơi đến núi Tứ Hạo, thành linh một tiếng sấm nổ vang, núi nứt ra một cái khe. Vân Phòng thấy lạ, liền tiến vào khe, gặp một cái hộp đá có một cuốn kinh, liền lấy kinh đem ra ngoài xem thì khe núi biến mất, vách núi liền lại như cũ. Vân Phòng thăm biết là Thần Tiên đã ban kinh cho mình tu luyện, nên càng cố công. Chẳng bao lâu thì đạt đến mức cao siêu.

Bỗng nghe tiếng nhạc vang Trời, nhìn lên thấy mây lành năm sắc, Tiên hạc bay xuống đáp trước mặt Vân Phòng, nói tiếng người rằng: *“Thượng Đế sai tôi xuống rước Vân Phòng trở về phục chức cũ ở Thượng giới,”*

Vân Phòng liền đưa sách lại cho anh, dặn dò và giã từ, cỡi hạc lên Trời. Chung Ly Giảng ở lại tu theo sách đó, lâu ngày cũng thành Tiên, được Vân Phòng cỡi hạc xuống rước.

### 3. LAM THỂ HÒA

Lam Thể Hòa là Xích Cước Đại Tiên đầu thai xuống trần, nên còn nhớ tánh cũ, thường mặc áo rộng xanh, buộc dây lưng đen, một chân đất, một chân mang giày, mùa hè mặc áo bông mà không biết nóng nực, mùa đông chỉ mặc áo chiếc mà không biết lạnh, thật lạ lùng.

Thường ngày, Ông Lam Thể Hòa hay cầm cặp sanh dài 3 thước (thước Tàu), đi ra ngoài chợ, vừa ca vừa nhịp, để xin tiền bố thí. Những bài ca do Ông tự đặt ra đều có ý khuyên đời bỏ dữ theo lành. Tiên xin được, Ông cột vào dây lưng, vừa đi vừa ca, khi tiền rớt cũng không thèm ngó lại, khi lại dùng tiền này bố thí lại cho người nghèo khổ.

Những trẻ nhỏ có dịp thấy Ông Lam Thể Hòa, đến chùng lóp trẻ nậy lớn lên rồi già (tức là 60 hay 70 năm sau) thì vẫn gặp ông Lam giống y như thuở trước, vẫn ăn mặc như trước, vừa đi vừa ca vừa nhịp, không già như người thường.

Về sau, Ông Lam Thể Hòa gặp Lý Thiết Quả, hai người đàm đạo trên lầu ở quận Hào Lương. Kế nghe tiếng nhạc vang Trời, đôi chim hạc từ trên không đáp xuống, rước 2 vị Tiên về Thượng giới.

Khi cỡi hạc, Ông Lam bỏ cặp sanh rơi xuống đất, hóa thành ngọc, giây phút biến mất.

Trong Bát Tiên, Ông Lam Thể Hòa là thuần hậu nhất.

#### 4. TRƯƠNG QUẢ LÃO

Trương Quả Lão gốc là một con dơi trắng hồi tạo Thiên lập Địa, tu luyện lâu năm, hóa hình người, sau đến núi Trung Điều ở Hàng Châu, học đạo với Huyền Khuư Chơn Nhơn, làm bạn với Lý Thiết Quả.

Các ông già bà lão thuật chuyện về Trương Quả Lão:

Khi các ông bà ấy còn con nít, thì đã biết và gặp Ông Trương, thường thấy Ông cỡi con lừa trắng đi dạo khắp nơi, đặc biệt Ông ngồi ngược chiều, quay mặt ra phía sau. Đến khi đi về tới nơi ở, Ông liền đề bẹ con lừa, biến ra lừa giấy, xếp cất vào khăn. Khi muốn đi chơi, Ông lấy lừa giấy ra, phun nước vào thì hiện ra con lừa trắng để Ông cỡi đi chơi. Khi các ông bà ấy già, vẫn gặp lại Ông Trương giống y như trước, không già hơn chút nào, thật là Ông đã đạt được phép trường sanh bất lão.

Đến đời vua Đường Thái Tông, vua cho triệu Ông vào triều, nhưng Ông không chịu đến.

Qua đời Võ Hậu, Bà cũng biết tiếng Ông Trương, nên cũng cho sứ giả đến triệu vào triều. Ông Trương đi được nửa đường thì chết, giầy lát thây thú hóa vôi, sứ giả phải bỏ thây lại đó mà về triều tâu lại cho Võ Hậu rõ.

Nhưng sau đó, người ta vẫn gặp Ông Trương cỡi lừa trắng đi dạo như thường.

Đến đời Đường Minh Hoàng, vua sai quan là Bùi Ngộ đem chiếu đến rước Ông Trương, nhưng Ông Trương giả chết. Bùi Ngộ thả nhang cầu khẩn, Ông Trương từ từ sống lại, nhưng không chịu đi. Bùi Ngộ không dám ép, đành trở về triều tâu lại.

Đường Minh Hoàng lại sai 2 sứ giả nữa là Dự Thông

và Lữ Trang Huyền, đem sắc chỉ đến rước nữa. Ông Trương thấy vua có lòng trọng vọng nên mới chịu tới, được nhà vua và bá quan kính trọng mười phần. Minh Hoàng hỏi Trương Quả Lão về chuyện Thần Tiên, Ông Trương ngồi làm thinh, nín hơi mấy bữa, không chịu nói.

Ngày kia Minh Hoàng làm tiệc đãi Trương Quả Lão, Ông từ chối, nói rằng: “Tôi không biết uống rượu, duy có học trò tôi nó uống tới một đấu.”

Vua Minh Hoàng xin vời tới. Giây phút có một đạo sĩ trẻ chừng 16 tuổi từ ngoài bay vào, ra mắt nhà vua.

Trương Quả Lão nói:

– Nó là đệ tử của tôi, xin đứng hầu Bệ hạ.

Minh Hoàng thưởng cho nó một đấu rượu, nó liền uống hết. Minh Hoàng lại ép uống nữa. Trương Quả Lão nói:

– Chẳng nên cho nó uống nhiều, nếu quá chén, ắt sanh điều quái gỡ.

Minh Hoàng cứ ép uống rượu để xem sự thể ra sao.

Giây phút, trên đầu đệ tử hiện ra một cái quả bằng vàng, rồi người đệ tử biến mất, quả bằng vàng ở dưới đất tro tro, giờ nắp ra thấy rượu đầy quả. Coi lại, đó là quả vàng của vua. Ai nấy đều phục phép Tiên của Trương Quả Lão.

Vua hỏi Ông Trương bao nhiêu tuổi. Ông Trương đáp:

– Tôi sanh năm Bính Tý đời vua Nghiêu.

Vua Đường lấy làm lạ, vì thấy Ông Trương tuổi lối 70 hay 80, liền truyền lệnh cho quan coi tướng là Hình Hòa Phát coi tuổi Trương Quả Lão, nhưng coi cũng không ra.

Vua liên sai Sư Dạ Quang là người coi thấu việc quỷ thần, coi cũng không biết tướng tinh của Trương Quả Lão. Khi ấy có Đạo sĩ Diệp Pháp Thiện, học được phép Tiên, biết việc quỷ thần, rất được Minh Hoàng yêu mến, được Minh Hoàng vời đến hỏi tướng tinh của Trương Quả Lão.

Diệp Pháp Thiện tâu rằng:

– Nếu Bệ hạ chịu cắt máo cõi giày mà xin tội cho tôi với Trương Quả Lão thì tôi mới dám nói.

Vua Minh Hoàng vì tính hiếu kỳ nên ưng chịu.

Diệp Pháp Thiện tâu rằng:

– Trương Quả Lão cõi lừa kỳ lắm, ngồi day ngược ngó ra sau, thiết là con dơi trắng thời thượng cổ.

Nói vừa dứt lời thì Diệp Pháp Thiện bị sắc máu tươi chết liền tại chỗ. Vua Minh Hoàng kinh hãi, liền cắt máo cõi hải như đã hứa, đến gặp Trương Quả Lão xin tội cho Pháp Thiện. Trương Quả Lão nói:

– Nó hay nhiều chuyện lắm, nếu không trị nó thì lậu cơ Trời.

Minh Hoàng cứ đứng đó năn nỉ hoài, buộc lòng Trương Quả Lão phải tha cho Pháp Thiện, đến phun nước vào mặt thì Pháp Thiện sống lại như thường.

Minh Hoàng sắc phong cho Trương Quả Lão là Thông Huyền Tiên Sinh, lại sai vẽ chơn dung của Ông Trương treo ở lầu Tập Hiền.

Ngày kia, vua Đường Minh Hoàng đi săn, bắt được con nai tại đất Hàm Dương, truyền làm thịt đãi yến. Trương Quả Lão can rằng:

– Nó là Tiên lộc ngàn năm, chẳng nên giết. Nguyên

trước đây, vua Hớn Võ Đế săn đặng con nai này, vua cho đóng đỉnh bài trên gạc bên tả rồi thả cho đi.

Vua Minh Hoàng truyền coi lại thì trên gạc con nai này có đỉnh bài đúng như Trương Quả Lão đã nói, nhưng chữ trên đỉnh bài đã mòn.

Minh Hoàng hỏi: – Từ đó đến nay bao nhiêu năm?

Trương Quả Lão đáp: – Năm Quý Hợi, Hớn Võ Đế đào ao Côn Minh, đến nay là năm Giáp Tuất, cộng lại là 852 năm.

Vua truyền quan Thái Sử coi lại y số.

Sau Trương Quả Lão xin về dưỡng già. Minh Hoàng cảm không được, liền ban tặng cho một chiếc xe, một cây lụa, 2 người lính hầu, đưa Trương Quả Lão về Hàng Châu. Ông Trương cho một tên lính hầu về trào, chỉ giữ lại một tên, rồi hai thầy trò đi vào núi Thiên Bửu.

Ít lâu sau, Minh Hoàng lại cho triệu Trương Quả Lão. Ông bèn giả chết, tên lính hầu lo chôn cất tử tế rồi báo về triều. Mấy hôm sau đó, người ta lại thấy Trương Quả Lão cõi lừa ngược đi dạo. Tên lính ấy lấy làm lạ, đào mộ của Ông Trương lên xem, chỉ thấy cái hòm không.

Vua Minh Hoàng hay tin, cho lập một cái miếu tại núi Thiên Bửu để thờ Trương Quả Lão.

### 5. HÀ TIÊN CÔ

Hà Tiên Cô, tên thật là Hà Tố Nữ, quê ở Quảng Châu, huyện Tăng Thành. Khi còn bé, Hà Tố Nữ có 6 cái xoáy trên đầu, ai cũng cho là kỳ. Hà Tố Nữ ở với mẹ tại khe Vân Mẫu.

Nhằm đời Đường Võ Hậu, Hà Tố Nữ nằm chiêm

bao được Thánh nhưn mách bảo nên ăn bột Vân Mâu thì nhẹ mình chẳng thác. Hà Tố Nữ thức dậy, nhớ lại làm y lời. Bà mẹ thấy Hà Tố Nữ đã đến tuổi trưởng thành nên có ý kén rể. Hà Tố Nữ khóc lóc nhứt định không chịu lấy chồng, chỉ muốn ở vậy nuôi cha mẹ.

Ngày kia, Tố Nữ đi kiếm bột Vân Mâu thì gặp 2 Tiên Lý Thiết Quả và Lam Thể Hòa đang mang giỏ Hoa Lam đi hái bông. Hai vị thấy Hà Tố Nữ gần thành Tiên, liền gọi đến, truyền cho phép tu luyện, và kêu tặng là Hà Tiên Cô.

Võ Hậu nghe đồn, cho người đến rước Hà Tiên Cô, nhưng dọc đường đi về trào, Hà Tiên Cô biến mất.

Sau quan Thứ Sử họ Cao gặp Hà Tiên Cô ở trên lầu Quảng Châu. Thứ Sử về trào tâu cho Võ Hậu rõ.

Lý Thiết Quả đến độ cả 2 mẹ con Hà Tiên Cô về cảnh Bồng Lai.

## 6. LỮ ĐỒNG TÂN

Lữ Đồng Tân, con của quan Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh ra Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huệ Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Đồng Tân.

Lữ Đồng Tân lớn lên, mắt phụng mày ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đánh xanh), mặc áo đạo sĩ.

Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: Người trẻ này tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lữ thì

đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo.

Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.

Năm 20 tuổi, Lữ Đồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, đi thi đỗ khoa Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn khoa Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt.

Khi đến núi Lữ sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.

Ngày kia, Lữ Đồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàng Đăng, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang để thơ trên vách 3 bài thi như sau:

*Ngồi đứng hàng mang rượu một bầu,  
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.  
Đạo chơi ít kẻ tường tên họ,  
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?*

*Thần Tiên tìm bạn khó không nài,  
Có phước theo ta dễ mấy ai?  
Đông Hải rõ ràng nhiều động đá,  
Ít người được thấy núi Bồng Lai.*

*Đạo chơi theo thuở, ở theo thời,  
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.  
Năm nghĩ co tay hằng đếm mãi,  
Mấy ai ao ước được như lời.*

Lữ Đồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, để thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chấp tay chào hỏi và xin Đạo sĩ cho biết họ tên. Đạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:

– Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.

Lữ Đồng Tân liền đọc:



*Cân đai ràng buộc ý không màng,  
Áo vải coi ra rất nhẹ nhàng.  
Danh lợi cuộc đời chưa phi nguyện,  
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang.*

Đạo sĩ nói:

– Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Lữ Đồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết Lữ Đồng Tân còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trở danh với đời, nên ý còn dửng dăng.

Vân Phòng muốn độ Lữ Đồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi bắp vàng. Trong lúc chờ cho nồi bắp chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Đồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.

Lữ Đồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp một người con gái rất đẹp, thì ướm lời. Nàng nọ nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa đắp.

Lữ Đồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan. chức Giám Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đầy đàn, sui gia cũng bực quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quý tột bực.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thân gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kế giựt mình thức dậy.

Vân Phòng ngồi kể bên cười lớn, ngâm câu thơ:

*Nồi bắp hầy còn ngồi,  
Chiêm bao đà thấy cháu.*

Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thầy biết sự chiêm bao của tôi?

– Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mắt không nên nhắm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích này mà người ta nói: Giấc Huỳnh lương, Giấc kê vàng, Giấc Hàng Đang, là để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, xem vinh hoa phú quý là phù du mộng ảo).

Lữ Đồng Tân nghe Chung Ly Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo. Vân Phòng nói:

– Việc nhà hầy chưa an, đời sau tu cũng không muôn.

Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Đồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Đồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử này, nói:

– Ta đã thử 10 điều, khen người bền chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song người chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy người phép chỉ đá hóa vàng, người cứu đời cho có công, rồi ta sẽ rước người về Thượng giới.

Lữ Đồng Tân thưa rằng:

– Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?

– Cách 3000 năm mới trở.

Lữ Đồng Tân châu mày thưa rằng:

– Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nở lòng.

Vân Phòng khen:

– Lòng người như đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đặng.

Nói rồi dắt Lữ Đồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.

Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Đồng Tân nói:

– Ta gặng về châu Thượng Đế. Ta sẽ tâu xin đem tên người vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Động Đình Hồ.

Xây có một vị Tiên cõi hạ bay đến nói:

– Có chiếu chỉ của Đức Thượng Đế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.

Vân Phòng liền từ giả Lữ Đồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Đồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc để lập thêm công quả.

Ngày nọ, Lữ Đồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Đã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi, Lữ Đồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó đặng, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.

Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thấm đẫm dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh này chém

xong lại trở vô vô. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ đều không nhận.

Lữ Đồng Tân đi qua Châu Nhạc Dương, bố thí thuốc chữa bệnh, và tìm người lành độ dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Hớn Chung Ly, Lữ Đồng Tân sắp đặt để đi đến Động Đình Hồ đón Vân Phòng và sau đó cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.

### 7. HÀN TƯƠNG TỬ

Hàn Tương Tử sanh nhằm đời Đường, cháu ruột của Hàn Dũ, kêu Hàn Dũ bằng chú. Thuở nhỏ, Hàn Dũ ép cháu học Nho để tiến thân trên đường làm quan nhưng Hàn Tương Tử không chịu nên nói: – Chú mộ công danh phú quý, cháu mộ đạo Thần Tiên.

Vì vậy, Hàn Tương Tử thường lo tu tâm dưỡng tánh.

Ngày nọ, Hàn Tương Tử gặp được Chung Ly Vân Phòng và Lữ Đồng Tân. Ba người dắt lên non hái đào chín. Chung Ly biết Hàn Tương Tử sắp thành Tiên, liền kêu Hàn Tương Tử leo lên cây hái đào chín, nhánh đào gãy, Hàn Tương Tử té xuống bỏ xác thành Tiên, theo Hớn Chung Ly và Lữ Đồng Tân về đảo Bồng Lai.

Hàn Tương Tử có ý muốn độ chú mình là Hàn Dũ. Năm ấy, Trời hạn hán, Hàn Dũ vâng lệnh vua cầu mưa nhưng không linh. Bỗng nghe một đạo sĩ (do Hàn Tương Tử biến hóa ra) rao lên rằng:

– Ai muốn mua mưa tuyết, ta bán cho.

Hàn Dũ liền rước vào yêu cầu đạo sĩ đảo võ (cầu mưa), giây phút mưa xuống tràn ngập ngoài đồng, tuyết sa chất ngất. Hàn Dũ nói:

– Không chắc ai đảo võ mà đặng mưa tuyết này. Ta cầu đã nửa ngày rồi, có khi kết quả chậm một chút.

Đạo sĩ nói:

– Mưa tuyết do tôi cầu cao 3 thước 3 tấc.

Hàn Dũ đo lại, đúng y như lời đạo sĩ, mới tin đạo sĩ là Thần Tiên có phép mầu.

Đến ngày Hàn Dũ ăn lễ sinh nhật, Hàn Tương Tử đến chúc thọ chú. Hàn Dũ thấy vậy, nửa mừng nửa giận hỏi:

– Bấy lâu nay người theo học đạo Thần Tiên thế nào? Làm một bài thơ nghe thử.

Hàn Tương Tử ngâm rằng:

*Đã quyết chí tu tri,  
Thần Tiên chẳng khó chi,  
Mây xanh hàng cõi hạc,  
Động đá cứ ngâm thi.  
Đặt rượu trong giây phút,  
Trông hoa nở tức thì.  
Lâu dài ngàn tuổi thọ,  
Điều độ kẻ tương tri.*

Hàn Dũ nói:

– Người cướp quyền Tạo Hóa đặng sao? Hãy đặt rượu và trồng hoa xem thử.

Hàn Tương Tử bảo đem một cái ché không, đặt giữa bàn, lấy mâm đặt lại, trong giây phút, rượu ngon đầy ché. Rồi Hàn Tương Tử ra trước sân, đào đất vun đồng, tức thì mọc lên một cây hoa mẫu đơn nở bông rất lớn, giữa bông có hiện ra hàng chữ:

*Vân hoành Tần lãnh gia hà tại,*

*Tuyết ứng Lam quan mã bất tiền.*

Hàn Dũ đọc rồi ngẫm nghĩ mãi mà không hiểu ý gì, liền hỏi Hàn Tương Tử. Hàn Tương Tử đáp rằng:

– Ngày sau chú sẽ biết, bây giờ không dám lậu Cơ Trời.

Ai nấy trong bàn tiệc đều lấy làm lạ kỳ. Mãn tiệc, Hàn Tương Tử từ già về núi.

Lúc ấy nhằm đời vua Đường Hiến Tông, bên Tây Trúc đem dâng tượng Phật, vua muốn rước vào cung để thờ. Bá quan không ai dám can gián. Hàn Dũ thấy vậy liền dâng sớ can vua:

– Từ Tam Hoàng Ngũ Đế đến vua Võ vua Thang, vua Văn Vương, chưa có Đạo Phật thì thiên hạ thái bình. Đến đời Hớn, vua Minh Đế đem Đạo Phật vào Trung Nguyên thì nhà Hớn chẳng lâu dài. Sau qua đời Lương Võ Đế, vua rước Phật về thờ phượng hết lòng, nhưng vua bị Hầu Kiến vây khổn, phải chết đói tại Đài Thành, sao Phật không cứu? Như thế chẳng nên tin Phật. Xin Bệ hạ đãi bọn Tây Vực rồi truyền đem tượng Phật ném xuống sông hay quăng vào lửa mà hủy đi kéo thiên hạ mê lầm.

Đường Hiến Tông xem sớ xong thì nổi giận, truyền lột chức Hàn Dũ và đày ra Triều Châu tức thì. Hàn Dũ bị dẫn đi đày, đến một nơi hoang vắng, chẳng có nhà cửa người ở, mây giăng chót núi mịt mù, tuyết rơi bít lối. Chợt thấy phía trước có một đạo sĩ đang quét tuyết dọn đường, nhìn kỹ lại là Hàn Tương Tử. Hàn Dũ mừng rỡ hỏi:

– Xứ này là chốn nào?

Hàn Tương Tử đáp:

– Đây là Ải Lam quan, núi này là Tần lãnh.

Hàn Dũ nhớ lại 2 câu thơ trong hoa mẫu đơn thì than:

– Như vậy, số Trời đã định, chạy sao cho khỏi.

Từ đó, Hàn Dũ mới tin có Trời, trọng Đạo. Đêm ấy, chú cháu bàn chuyện đạo đức đến khuya. Rạng ngày, Hàn Tương Tử tặng cho chú một bầu thuốc, rồi dặn chú:

– Chú uống một hoàn thuốc Tiên này thì khỏi sanh các bệnh. Không bao lâu, ở Triều Châu có sáu nổi lên phá hại, chú đặt văn tế đưa nó phải đi, kể đặng phục chức trở về triều. Sau đó, cháu sẽ về độ chú, truyền cho các phép tu luyện.

Nói rồi, Hàn Tương Tử từ giã chú trở về cung Tiên.

### 8. TÀO QUỐC CỰU

Tại núi Bồng Lai, trong lúc ăn tiệc, uống rượu quỳnh tương, Lý Thiết Quả nói:

– Tại Bồng Lai có 8 động đá, mà anh em ta có 7 người, phải rán độ thêm một vị nữa. Ta nhắm em ruột của Tào Thái Hậu là Tào Quốc Cựu có khí tượng Thần Tiên, cũng nên độ kéo uống.

Hớn Chung Ly thưa rằng:

– Để tôi xuống coi thử, nếu thực vậy thì tôi lo điều độ.

Nói về Tào Quốc Cựu, tên thật là Tào Hữu, em ruột của Tào Thái Hậu, đời vua Tống. Tào Hữu có một người em ruột là Tào Nhị, ý thể của anh và chị, lập phe đảng hại dân, bắt hiếp gái lành, sang đoạt tài sản. Tào Hữu rất giận, thường la mắng Tào Nhị, nhưng Tào Nhị vẫn chứng nào tật nấy, lại đem lòng oán trách.

Tào Hữu thường than rằng: Chứa lành có phước,

chứa dữ mang họa. Em mình làm dữ mười phần, lẽ nào không bị hại, tuy qua đặng dương pháp, chớ chạy sao khỏi luật Trời. Nếu tai họa tới thì mình phải tội liên can, chi bằng nên lánh trước kéo nhờ danh và mắc nạn.

Suy nghĩ rồi, liền bán hết tài sản, đem tất cả tiền tiêu được bố thí cho dân nghèo, rồi mặc đồ đạo sĩ đi lên núi, tìm chỗ thanh vắng để tu hành. Qua được vài năm thì Hớn Chung Ly và Lữ Đồng Tân tìm đến gặp mặt, hỏi rằng:

– Ông tu luyện ra sao?

– Lòng mộ đạo Thần Tiên thì lánh việc trần, chớ tôi không biết phép tu chi hết.

Hai Tiên liền hỏi tiếp:

– Đạo ở đâu mà mộ?

Tào Quốc Cựu chỉ Trời.

– Trời ở đâu?

Tào Quốc Cựu chỉ vào trái tim.

Hớn Chung Ly nói:

– Tâm là Trời, Trời là đạo. Ông đã biết rõ cội rễ, tu chắc thành Tiên.

Nói rồi, liền đưa Tào Quốc Cựu về núi Bồng Lai.

Từ đây về sau, núi Bồng Lai có đủ Bát Tiên ở trong 8 động, tiêu diêu nhàn lạc vô cùng.

Ngày kia, Hà Tiên Cô nói với 7 Tiên rằng:

– Lẽ thường, Tiên Ông mới thành thì ra mắt Đông Vương Công, còn Tiên Nữ mới thành thì ra mắt Tây Vương Mẫu. Kỳ trước, sanh nhật của Đông Vương Công, Tiên Nữ cũng đi chúc thọ. Nay gần đến sanh nhật của Đức Tây Vương Mẫu, 7 Ông tính đi chúc thọ không?

Hớn Chung Ly và Lam Thế Hòa đồng nói:

– Tây Vương Mẫu không cai trị chúng ta, song bà là vị làm đầu Tiên Nữ, các Thần Tiên đều phó hội, lẽ nào chúng ta không đi, ngặt chẳng có vật chi báu để dâng lễ Chúc thọ. Trương Quả Lão nói:

– Tây Vương Mẫu ở Cung Diệu Trì thiếu chi vật báu, chúng ta đặt văn chúc thọ mà khánh hạ thì hay hơn.

Lý Thiết Quả khen phải. Lữ Đồng Tân nói:

– Văn của chúng ta cũng tầm thường, ước vọng văn của Lão Quân thì mới xứng đáng.

Hà Tiên Cô nói:

– Thái Thượng Lão Quân hậu đãi Lý Tiên Trưởng lắm, nếu Lý Tiên Trưởng cầu Ngài chắcặng.

Lý Thiết Quả nói:

– Phải, song việc đông người mà đi một mình ta thì thất lễ. Vậy thì 8 anh em ta cùng đi đến mà cầu Lão Quân.

Nói rồi, Bát Tiên đồng đảng vân qua Cung Đâu Suất. Đức Lão Quân tiếp Bát Tiên, mời vào Cung, nói:

– Thuở nay, nhà Nho hay học sách của ta như sách Đạo Đức Kinh, Kinh Cẩn Ứng, song dùng cho thông ý tứ mà làm văn, chớ chẳng hề bắt chước theo lời dạy bảo. Lại có kẻ kiêu ngạo, chê Phật, chê Lão, nên ta chẳng hề đặt sách chi thêm nữa mà dạy đời.

Lý Thiết Quả thấy Lão Quân có sắc buồn, nhưng cũng rón cầu xin việc đặt bài chúc thọ Tây Vương Mẫu. Lão Quân cười nói:

– Ta ít ưa việc ấy, vì có nhiều người làm khôngặng mà lại hay chê. Song 8 vị có lòng cầu ta, ta đặt giúp cho

một bài từ cũng đủ.

Lão Quân nói xong, liền viết ra một bài, đưa cho Bát Tiên xem thử. Ai nấy đều khen ngợi vô cùng. Bát Tiên từ tạ lui ra, đến cây Chúc Nữ làm trục bằng gấm, dán chữ sáng như sao, rồi đem đi chúc thọ.

Bát Tiên đi đến Hội Bàn Đào, để chúc thọ Tây Vương Mẫu, thấy các Thần Tiên đến đông lắm. Bát Tiên dâng bức trướng chúc thọ. Tây Vương Mẫu khen văn đặt rất hay.

Sau khi mãn tiệc, các Thần Tiên đều về hết, Bát Tiên còn lưu lại. Tây Vương Mẫu gọi 4 nàng thị nữ đến bảo rằng:

– *Đông Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh* 4 người từ khi ca múa tại Hoa Điện của vua Hớn Võ Đế đến nay cũng đã khá lâu, bây giờ hãy thổi sáo và đờn ca cho Bát Tiên uống rượu.

Bốn nàng vâng lời. Lam Thế Hòa khen hay, rót rượu dâng lên Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu nói:

– Ta nghe tiếng Lam Tiên ca hay, vậy nên trình nghệ vui chung trong hội.

Lam Thế Hòa vâng lời, lấy cặp sanh ra, vừa nhịp vừa ca. Ai nấy đều khen và cười ngất. Tây Vương Mẫu thưởng cho rượu và đào. Lam Thế Hòa nói:

– Hàn Tương Tử thổi sáo hay lắm.

Tây Vương Mẫu bảo thử. Hàn Tương Tử vâng lời. Tây Vương Mẫu nghe xong, khen hay, bảo:

– Bản ấy rất hay, An Phát Trinh phải nhớ mà tập.

Tiệc xong, Bát Tiên từ tạ. Tây Vương Mẫu truyền đưa Bát Tiên đến chơn mây.

Bát Tiên ngó thấy sóng biển Đông cao lắm. Lữ Đồng



Tân nói:

– Thuở nay nghe đồn Đông hải mà chưa đến xem phong cảnh thế nào. Sẵn dịp này, chúng ta cũng nên xem qua một chuyến.

Lý Thiết Quả nói phải. Trương Quả Lão can rằng:

– Bữa nay chúng ta uống nhiều rượu say rồi, để khi khác sẽ đi dạo.

Hơn Chung Ly nói:

– Sẵn dịp này chẳng đi dạo, còn đợi dịp nào?

Bát Tiên đồng đi đến mé biển. Lữ Đồng Tân nói:

– Nay đằng vân quá hải, không lấy làm tài, chi bằng mỗi người thả một phép xuống biển, cỡi qua tới mé bên kia mới thiệt thần thông.

Lý Thiết Quả quăng gậy xuống nổi lên mặt nước, rồi nhảy xuống đứng một chân trên gậy. Hơn Chung Ly ném cây Phất chủ xuống và cũng làm như vậy. Trương Quả Lão thả lửa giấy, Lữ Đồng Tân thả Ống tiêu, Lam Thế Hòa thả Ngọc bản, Hàn Tương Tử thả giỏ Hoa lam, Tào Quốc Cự thả Thủ quyển bằng ngọc, Hà Tiên Cô thả bông sen. Tất cả 8 Tiên đều đứng trên bửu pháp của mình, đồng vượt qua Đông hải.

Theo Đạo Sử của Đạo Cao Đài, trong thời kỳ đầu tiên còn xây bàn mời các vong linh đến xuống hạ thi văn, Bát Tiên có giáng bàn cho thi và khuyến tu.

Sau đây xin chép lại các bài của Bát Tiên giáng cho.

### 1. Lý Thiết Quả (Lý Ngưng Dương):

Đại Hỷ chư Đạo hữu,

*Trời Đất riêng tay giữ một bầu,*

*Ngàn mây dậm gió gót chơn trâu.  
Rừng thông thả nhàn ra dạo,  
Đền ngọc thung dung rảnh đến châu.  
Thoát tục sớm dìu nên bầy bạn,  
Dấn phàm nay rảo khắp năm châu.  
Thế trần mừng gặp Tam Kỳ độ,  
Biển khổ thuyền đưa khách lánh sầu.*

Chư Đạo hữu may mắn thay gặp đường Chánh giáo, chớ dần dà trễ thiếu công quả, mà chẳng đến thang thiêng liêng kịp hồi cựa vọt.

Lão mong ngày Đạo khai hoàn. Chư Đạo hữu nên gắng sức. Đường cũng chẳng còn bao xa, miễn hiệp đồng nhứt tâm vì sanh chúng, sau còn ngày gặp gỡ. THĂNG.

### 2. Hơn Chung Ly:

*Rảo khắp non sông dậm trải qua,  
Bì gương nhứt nguyệt, tác không già.  
Biển trần nay gặp kỳ dìu chúng,  
Muôn dậm đèn soi đã có ta.*

Chư Đạo hữu, Đức Chí Tôn dìu bước, cả Tiên Phật dẫn đường, há chẳng sớm lánh phồn hoa, đặt giới trau gương độ chúng. Hướng chỉ chư Đạo hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng lệnh Đức Từ Bi mà chịu ít lâu khổ hạnh, hầu mong buổi đạt phẩm vị thiêng liêng sao?

Ước mong ngày hội ngộ, trông mong buổi tạc thù, rượu Thánh ra non dòm thế, cờ Thần dựa đánh luận đời.

May thay! Vui thay! Chư Đạo hữu nên gắng sức. THĂNG.

**3. Lữ Đông Tân:**

*Riêng vui nguyệt chiếu sắc trong ao,  
Đền ngọc từng khi để bước vào.  
Rảnh hững trăm hoa khoe đánh ngư,  
Nhàn vầy mấy bạn dự Bàn Đào.  
Độ đời rảo gót non sông lướt,  
Cứu thế dìu nhân đạo đức trau.  
Chờ buổi tuần hườn Thiên lý trở,  
Nương gương Thần huệ một vừng cao.*

Lữ Đông Tân,  
Hỷ chư Đạo hữu,

Đạo gặp kỳ Phổ độ, khá biết cải thế thì. Đạo khả trọng, đức năng trau, đời đời đổi, Đạo chờ người. Khách tục nương thuyền độ, non Tiên tiếng khánh đưa. Gắng nhọc thể lọc lừa, tìm đường ngay thẳng rắng. Nguồn rửa bọn, nhiều đường cay đắng, bước nầu sông đậm lấm gay go, liệu sao khỏi trẻ con đồ, mới thoát vòng khổ hải.

Gắng sức vì sanh mạng, lao tâm chớ sợ bởi căn xưa, đường quanh co, bước khá ngừa, nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.

Hậu tái ngộ. THĂNG.

**4. Lam Thế Hòa:**

*Từng vào non Thánh lại Đền vàng,  
Mãn quả sớm nhờ sắc ngọc ban.  
Lần hạt tu tâm thìn nét Đạo,  
Biển trần độ chúng vững con hoàn.  
Cuộc cờ chung hững nơi rừng thẳm,  
Bầu rượu riêng vui dưới cội tàng.  
Gặp lúc dìu đời qua bến tục,  
Để công phải nhọc đến phàm gian*

Lam Thế Hòa

Hỷ chư Đạo hữu,

Đạo gặp lối quanh co, khá biết ngừa vực thẳm. Gắng sức cho tròn trách nhiệm lớn lao do Đấng Chí Tôn phú thác. Chư Đạo hữu khá biết. THĂNG.

**5. Trương Quả Lão:**

*TRƯƠNG kỳ Bạch động mộ Tiên gia,  
QUẢ diệu thâm trì tác trí kha.  
LÃO được độ sanh tiên tự khởi,  
Hiển trần tu thức trực ninh tà.*

Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế, vòng vay trả, mối buộc ràng, nếu có tai mắt rộng xa, tự hỏi, vì đâu nên nổi?

Đạo Trời gỡ nạn, chuông Thánh truy hồn, bến khổ vớt khách chìm, non Thần chờ kẻ lạt, mà cũng còn khư khư nắm chắc miếng đỉnh chung, cấp cầm giữ đầy lằn nơ bọn. Đạo đời đều chẳng trọn, phương chi tìm chốn thoát lao lung. Ngánh lại cuộc giả của trò đời mà thương đau cho trẻ dại. Lăn lăn lựa lựa, ngăn ngăn ngơ ngơ, đũa trí gạt phường ngu, lũ khôn ăn đám dại. Cười. . . THĂNG.

*(Năm bài Thánh giáo từ 1 đến 5 đều chép trong quyển sách Đại Đạo Truy Nguyên của Cao Huệ Chương).*

**6. Tào Quốc Cự:**

Đàn tại Miếu Nổi, Bến Cát, Gò Vấp, Gia Định, đêm 17-6-Quý Hợi (dl 30-7-1923), Đại Tiên Tào Quốc Cự giảng dạy như vậy:

“Khá ráng luyện cho nên Đạo, kéo uống, người sanh trong đời khó gặp đặng, vì Đạo là rất báu trong đời, không chi bì kịp, nên mới gặp Đạo mở kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt

chư như có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. “*Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ.*”

Tiên Thánh đều lâm phạm mà độ kẻ nguyên nhân, chư như là kẻ nguyên nhân, hễ thành tâm hành Đạo thì tự nhiên đặng.”

### 7. Hàn Tương Tử:

Đêm 17 tháng 12 năm Tân Mùi (1931).

*HÀN* mặc sẵn dành Đạo để thông,  
*TƯỜNG* giảng rõ ngọn phải nhiều công.  
*TỬ* tôn noi dấu nền tu niệm,  
Đắc thất nên hư cũng tại lòng.  
Chỉ dạy người phạm trau tánh sáng,  
Giảng khuyên kẻ tục sửa mình trong.  
Đàn qua Khứu lãnh bao nhiêu dậm,  
Khuyên thế tu hành học chữ không.

Phạm làm người tại thế gian là chốn đua tranh danh lợi, hễ có danh có lợi thì có buồn, có vui, làm quan tổn đức, làm giàu bất nhơn, ít ai đặng thanh liêm chường đức. Hễ đắm vào 2 đường ấy thì buộc sự oan gia trái chủ. Khi giàu thiếu chi thê thiếp, thân bằng cố hữu; khi sang chẳng dứt kẻ hầu người hạ; khi nghèo thê thiếp vắng hoe, bà con biếng ngó; buổi công danh lỡ vận, hầu hạ lánh xa, xe tàn biếng chực.

Xét lại cuộc giàu sang ở thế như huỳnh lương chi mộng, khuyên thế xét cho kỹ càng, lo tu cho sớm mà hưởng phước thanh nhàn, khỏi lo luân hồi vay trả.

*THI* rằng:

*Giàu sang danh lợi có ra chi,  
Khuyên thế lo tu mới kịp thì.*

*Gặp lúc mưa thu vui ngả nón,  
Nhằm hồi nắng hạ nảo sâu bi.  
Tiền muôn lúa lẫm nhiều thê thiếp,  
Ruộng mất vườn hư hết thị tỳ.  
Mê chốn phồn ba chưa tỉnh giấc,  
Ăn năn nào kịp buổi chung qui.*

(Trích trong Kinh Tam Ngươn Giác Thế, trang 73)

### 8. Hà Tiên Cô:

(Trích trong Kinh Tam Ngươn Giác Thế, trang 28)

Đêm 17 tháng 10 năm Tân Mùi (1931).

*Ỗ* thế tri cơ diệt lục trần,  
*Xuất* kỳ chi bán nhập nhơn thân.  
*Nô* nhơn hựu khứ từng lai cổ,  
Đắc lệnh hạ phạm độ thiện nhân.

*Giải rõ thi chiết tự:* – Trên đời muốn biết Thiên cơ phải diệt Lục trần là chữ Ỗ, bỏ chữ Lục là chữ Hà,

– Chữ Xuất bỏ bớt một nửa còn chữ Sơn, đem chữ Nhơn đứng vào mình chữ Sơn gọi là chữ Tiên.

– Bỏ phạm nô tỳ, lại theo người xưa là chữ Nô bỏ chữ Hựu, còn chữ Nữ, đem chữ Cổ hiệp lại là chữ Cô,

– Vàng lệnh Bê trên xuống phạm trần mà độ người lương thiện.

**Sự tích:** Ta khi đến tuần cặp kê, 16 tuổi, chí mộ tu hành, không ham vui cuộc thế. Hồi đời Trung cổ thái bình, nhiều bậc hiền lương thiện sĩ và muôn dân lạc nghiệp, chiến tranh ít có, nhà an nước trị, ở thế rất vui, làm quan khỏi lo dân kiện, làm giàu khỏi lo đạo tặc, nhưng ta xét lại người đời trăm tuổi chẳng bao xa, đặng làm Tiên Thánh thì muôn đời thông thả, nên ta lập chí tu hành, rũi bị cha

mẹ ép việc hôn nhân, bởi chưa rõ lòng ta, suy xét cưỡng ép không đặng, cho đến phạt hình. May có Hồn Chung Ly Đại Tiên cùng Lữ Tổ cứu khổ hườn sanh và độ ta đặng thành Chánh quả.

Đến khi ta đắc đạo, 3 năm sau hạ phạm độ cha mẹ cùng đồng đắc đạo, sự đền ơn trả thảo cù lao dưỡng dục chi nghĩa là là phải tu như vậy, tu cho đắc đạo, phần bốn hườn nguyên, thời độ Cửu huyền Thất Tổ theo lên, chớ chẳng phải phụng cúng đồ cao lương mỹ vị.

Thế gian khi thác thì nhứt sát tam sanh, tế tông tự tổ, ấy là gia tăng đại tội cho tiên thân, chẳng phải là hiếu.

Ta khuyên các trò, gặp cuộc Tam Kỳ Phổ Độ, Trời ân xá cho chúng sanh, thừa dịp may, khuyên các trò khá giữ trường trai giới sát mà tu hành, chớ nên ham vui theo cuộc phù ba, vợ vợ chồng chồng, mà gây thêm mối nợ oan gia thời tử sanh không dứt....

...THĂNG.

## 22. THẤT THÁNH

Thất Thánh là 7 vị Thánh vào thời Phong Thần ở Trung Hoa.

Theo Truyện Phong Thần, 7 vị Thánh này vâng lệnh thầy xuống núi giúp Khương Thượng Tử Nha phò nhà Châu, đánh dẹp các Tiên Triệt giáo đang giúp vua Trụ, để diệt Trụ hưng Châu.

Bảy vị này có đủ công đức vượt Bàng Phong Thần, vào trường Phong Thánh. Thất Thánh gồm:

- |                 |             |
|-----------------|-------------|
| 1. Lôi Chấn Tử. | 2. Kim Tra. |
| 2. Lý Tịnh.     | 4. Mộc Tra. |

5. Na Tra.

7. Vi Hộ.

6. Dương Tiễn.

Trên tấm diêm ở Bát Quái Đài phía Nam phái, có đắp tượng Thất Thánh trên những cụm mây lành 5 sắc.

Sau đây là sự tích của Thất Thánh viết theo Truyện Phong Thần.

### I. LÔI CHẤN TỬ

Tây Bá Hưu (sau là vua Châu Văn Vương) được lệnh của vua Trụ gọi về triều. Trên đường đến triều ca, khi qua núi Yên sơn thì gặp Trời đổ mưa tầm tã, lại nổ ra một tiếng sấm thật lớn dường như lở non rúng đất, ai nấy đều thất kinh. Khi hết mưa, Tây Bá Hưu nói với các tướng hầu cận rằng:

– Sấm lớn quá, chắc có tướng tinh ra đời. Các người hãy đi tìm kiếm quanh đây xem sao.

Các tướng không dám cãi, cứ đi quanh quẩn mà tìm. Xảy nghe tiếng con nít khóc, quân lính tìm tới thấy một đứa bé mới sanh, chắc đây là tướng tinh, nên bồng đứa bé đem trình Tây Bá.

Tây Bá mừng rỡ, hồi kỹ trước au, thấy thằng nhỏ mặt như nhụy đào, mắt như sao nháy, thì mừng lắm, nói:

– Số ta có một trăm đứa con, mà đã sanh được 99 đứa rồi. Nay nuôi thêm thằng nhỏ này nữa thì đủ số 100. Tướng mạng của thằng nhỏ này ngày sau quý lắm, bây hãy bồng nó đi vô xóm đặng mướn vú nuôi dưỡng, đợi 7 năm nữa ta về ngang đây, ta sẽ rước nó.

Tây Bá Hưu chưa đi tới xóm, thỉnh linh gặp một Đạo sĩ đến bái Tây Bá Hưu nói rằng:

– Chào Chúa Công.

Tây Bá lật đật xuống ngựa đáp lễ, rồi hỏi:

– Thầy ở động nào, núi nào, đến đây có việc chi?

Đạo sĩ đáp:

– Tôi ở động Ngọc Trụ, núi Chung Nam, hiệu là Vân Trung Tử, bởi nghe sấm nổ lớn, biết có vị tướng ra đời, nên đến đây tìm kiếm.

Tây Bá truyền đem đứa bé lại cho Đạo sĩ xem. Vân Trung Tử bồng nó rồi nói rằng:

– Tướng tinh đời chùng nầy mới ra đời! Để cho tôi đem về núi nuôi dưỡng, chùng Chúa Công trở về đây, tôi sẽ trả lại cho.

– Tôi cảm ơn thầy, song lâu mới gặp, nên phải đặt tên cho nó để nhớ mà nhìn.

– Trong sấm sanh ra, thì cứ theo đó mà đặt tên là Lôi Chấn Tử.

Tây Bá khen phải, rồi để cho Vân Trung Tử bồng Lôi Chấn Tử đem về động. Bảy năm sau, Vân Trung Tử biết Tây Bá Hầu đã mãn hạn ngồi tù ở Dũ Lý, nhưng còn bị tai ương một chút, nay đã đúng kỳ giao ước, nên phải cho Lôi Chấn Tử xuống núi cứu cha, liền sai Kim Hà Đồng Tử gọi Lôi Chấn Tử vào và bảo:

– Nay cha người đương mắc nạn, phải đi cứu cho mau.

Lôi Chấn Tử hỏi:

– Thừa thầy, chẳng hay cha của con là ai?

Vân Trung Tử thuật hết các việc đã xảy ra và nói:

– Cha nuôi của người là Tây Bá Hầu đang mắc nạn

ở ải Lâm Đông. Người đi ra núi Hồ Nhi kiếm đồ binh khí dựng thầy dạy võ nghệ cho mà xuống núi cứu cha.

Lôi Chấn Tử vâng lời thầy, đi đến núi Hồ Nhi tìm binh khí, chẳng thấy chi hết, mà lại thấy một cây hạnh có 2 trái chín đỏ rất ngon, liền leo lên hái, ăn thử một trái cảm thấy rất ngon, liền ăn hết 2 trái.

Ăn vừa xong thì 2 bên sườn bắt ngứa ngáy, thấy mọc ra 2 cánh lớn như cánh chim đại bàng. Lôi Chấn Tử thấy vậy rụng rời, ngã lăn bất tỉnh. Một hồi, tỉnh dậy, rờ sóng mũi quá cao, nanh lộ ra khỏi môi, mắt lồi khỏi khoé, mặt xanh tóc đỏ, mình cao 2 trượng, lưng lớn 10 vừng. Lôi Chấn Tử không biết vì sao mà mình lại biến hình quái lạ như vậy.

Vân Trung Tử xem thấy, vỗ tay cười lớn, chỉ Lôi Chấn Tử rồi ngâm bài thi:

*Ăn hai hạnh đỏ sanh đôi cánh,  
Cầm một gậy vàng giúp đế vương.  
Bay khắp Đất Trời làm sấm gió,  
Biết bao phép tắc định Âm Dương.  
Mắt lồi sáng giới đôi tròng bạc,  
Tóc dựng phất phơ một sắc hường.  
Tướng tợ Lôi Công, oai tợ sét,  
Phò cha dựng nước, dẹp nhà Thương.*

Vân Trung Tử dắt Lôi Chấn Tử vào vườn đào, ban cho một cây gậy vàng, dạy cho võ nghệ tinh thông, phép tắc mẫu nhiệm, rồi lấy son viết chữ PHONG bên cánh trái, và chữ LÔI bên cánh phải. Vân Trung Tử bảo:

– Người mau qua ải Lâm Đông cứu cha là Tây Bá Hầu, song chẳng dựng giết tướng của nhà Trụ, cũng không



đặng phép theo cha, phải trở lại núi Chung Nam đặng học thêm cho xong phép tắc.

Lôi Chấn Tử tạ ơn thầy, đi ra khỏi động, vỗ 2 cánh PHONG LÔI, tức thì bay tới ải Lâm Đồng trong giây lát, thấy một người cỡi ngựa đang chạy trốn, nghĩ chắc là cha mình đang mắc nạn, nên gọi lớn: “Ông có phải là Tây Bá Hâu đó chăng?”

Tây Bá nghe tiếng, ngó lên núi, thấy một người như quỷ sứ, thì quá sợ hãi, nghĩ sao người nầy lại biết mình là Tây Bá, lại nghĩ mình đang lúc cùng đường thì còn sợ gì nữa, liền cho ngựa chạy lên núi, đến chỗ Lôi Chấn Tử đứng, hỏi:

– Tướng quân là ai mà lại biết tôi là Tây Bá Hâu?

Lôi Chấn Tử nghe rõ liền quì xuống lạy vua cha và thuật rõ mọi việc. Tây Bá Hâu mới biết đó là Lôi Chấn Tử biến thân, bây giờ là học trò Tiên, thì rất vui mừng.

Liền đó, Lôi Chấn Tử bảo cha leo lên lưng mình, nhắm mắt lại, để Lôi Chấn Tử bay đưa cha qua khỏi 5 ải, trở về Tây Kỳ, rồi từ biệt cha mà trở về núi Chung Nam theo đúng lời Thầy đã dặn.

Thời gian sau, một hôm, Vân Trung Tử đang ngồi trên giường Bích Vân trong động Ngọc Trụ núi Chung Nam, bỗng nhớ đến việc Thái Sư Văn Trọng đem binh đánh Tây Kỳ, nên gọi Lôi Chấn Tử đến bảo:

– Người hãy xuống Tây Kỳ, ra mắt Võ Vương, và Sư thúc Tử Nha, đặng phò Châu đánh Trụ mà lập công danh.

Lôi Chấn Tử lạy thầy rồi bay xuống Tây Kỳ, xảy thấy binh Trụ đang thua chạy, liền bay xuống đánh tiếp, bị tướng Trụ là Tần Huồn, cũng có đôi cánh biết bay,

nên bay lên nghinh chiến. Tần Huồn đánh không lại Lôi Chấn Tử, nên phải bay đi trốn.

Lôi Chấn Tử trở qua dinh Châu, ra mắt Võ Vương Cơ Phát và Sư thúc Tử Nha.

Trước khi khởi sự đánh vào 5 ải chinh phạt vua Trụ, Lôi Chấn Tử hỏi thầy về việc chinh chiến sắp tới thế nào, Vân Trung Tử ngâm rằng:

*Rõ ràng trái hạnh sanh đôi cánh,  
Bảo hộ nhà Châu đặng tám trăm.*

## II. LÝ TỊNH, KIM TRA, MỘC TRA, NA TRA

**1. Giới thiệu tổng quát:** Lý Tịnh vốn là học trò của Độ Ách Thiên Tôn, ở núi Côn Lôn. Khi còn nhỏ, Lý Tịnh đi tu, sau bị đuổi về, ra phò vua Trụ, làm chức Tổng Binh, trấn ải Trần Đường. Vợ Lý Tịnh là Ân Phu nhân, sanh đặng 2 trai vạm vỡ là Kim Tra và Mộc Ta. Nay có ghen lần thứ 3, lạ lắm, 3 năm rưỡi mà chưa khai hoa. Đêm kia nhằm giờ Tý, Ân Phu nhân chiêm bao, thấy một Đạo sĩ râu dài đi thẳng vào phòng, cầm một trái châu sáng, liệng vào bụng bà và nói: Phu nhân mau lãnh con báu.

Phu nhân giựt mình thức dậy, thì chuyển bụng, sanh ra một cái bọc điều lớn lắm. Lý Tịnh cả kinh, dùng gươm rạch bọc ra, liền có một đứa con nít trong bọc nhảy ra, mình chiếu hào quang, mặt như giồi phấn, tay cầm Càn Khôn quyện, lưng buộc dây Hồn Thiên lằng. Ấy là Linh Châu Tử đầu thai xuống đó.

Hôm sau, Thái Ất Thiên Tôn là vị Tiên ở động Kim Quang, núi Càn Nguơn, đến nói với Lý Tịnh:

– Nghe tướng quân mới sanh con quý, tôi đến mừng, xin cho tôi xem thử.

Lý Tĩnh truyền thể nữ ẩm công tử ra ngoài. Thái Ất bỗng thẳng bé và hỏi Lý Tĩnh:

– Sanh vào giờ nào vậy?

– Vào giờ Sửu.

– Không tốt, vì sanh vào giờ ấy thì phạm sát giới 1700 mạng. Tướng quân có đặt tên cho nó chưa?

– Chưa.

– Để tôi đặt tên cho nó, sau nó sẽ là đệ tử của tôi. Tướng quân có đặt mấy công tử?

– Tôi có 3 trai: Thăng lớn tên là Kim Tra, theo học với Văn Thù ở núi Ngũ Long động Vân Tiêu; thăng thứ nhì tên là Mộc Tra, theo học với Phổ Hiền ở núi Cửu Cung động Bạch hạc; còn thăng thứ ba là nó đó. Thấy muốn thâu nhận nó làm đệ tử thì thấy tự ý đặt tên.

– Tôi đặt tên cho nó là Na Tra.

Sau đó, Thái Ất kiêu ra về.

## **2. Na Tra giết Lý Lương, Ngao Bính, Thế Vân**

Một hôm, Na Tra ra bờ sông tắm chơi, ngồi trên bực thạch, giặt dây lụa đỏ (Hồn Thiên lãng) làm nước hóa màu hồng, cả sông nổi sóng, làm lâu đài của Long Vương rung rinh. Long Vương Ngao Quảng sai tướng Dạ Xoa Lý Lương lên mé sông xem có việc chi.

Lý Lương vâng lệnh đi lên, thấy Na Tra đang giặt dây lụa đỏ, hào quang sáng ngời, hỏi:

– Thăng nhỏ kia, mày giặt thứ gì mà làm cho nước sông đỏ tươi, lâu đài rung chuyển?

Na Tra thấy dưới nước trôi lên một tướng mặt xanh tóc đỏ, nanh bạc mắt vàng, tay xách búa đồng, tướng như

quỷ sứ, ăn nói lỗ măng thì đáp rằng:

– Mày là thăng nào? Lâu đài của bây như đồ thợ mã, mà nói với ai?

Lý Lương tức giận, nhảy đến chém Na Tra. Na Tra lấy Càn Khôn quyền liệng đùa, đánh bể đầu Lý Lương chết tốt.

Na Tra nói: – Báo hại dơ Càn Khôn quyền của ta.

Nói rồi lấy Càn Khôn quyền chao qua chao lại trong nước để rửa cho sạch, hào quang của nó làm cho lâu đài của Long Vương đổ sập nghiêng ngửa. Ngao Quảng thất kinh, xảy có quân vào báo:

– Lý Lương bị một thăng nhỏ đánh bể đầu chết rồi.

Thái Tử Ngao Bính vội bước ra xin đi lên bắt thăng nhỏ đó đem về Long Cung trị tội. Ngao Bính nai nịt, cầm khí giới nhảy vọt lên khỏi mặt nước, thấy Na Tra đang ngồi đó thì nạt lớn:

– Ai đánh chết tướng Dạ Xoa của ta?

– Tao đây chứ ai. Tao là Na Tra, con của Tổng Binh Lý Tĩnh. Tao đang tắm chơi, can cố chi thăng chết đó, nó tưởng tao là củi nên vác búa lại bửa. Tao đánh chết nó đáng đời.

Ngao Bính tức quá, tiến tới lấy kích đâm liền.

Na Tra đỡ vệt kích ra rồi nói rằng:

– Mày là ai? Xưng tên họ ra cho tao biết.

– Tao là Thái Tử Ngao Bính, con của Đông Hải Long Vương Ngao Quảng đây.

– Hèn chi mà mày làm phách. Tao nói thiệt, nếu chọc tao, thì tao lột da đến cha mày nữa.

Ngao Bính quá tức giận, cảm kích đâm tới. Na Tra lẹ tay ném Hồn Thiên lẳng trói Ngao Bính lại, rồi đưa Càn Khôn quỳện đập một cái, Ngao Bính chết liền, hiện nguyên hình là một con rồng nhỏ. Na Tra nói:

– Để tao rút gân mây đem về cha tao buộc giáp chơi.

Nói rồi làm liền, xong mặc lại quần áo quay trở về ải. Gia đình thấy các việc vừa qua, vô cùng hoảng sợ, bỏ lết theo sau Na Tra, cùng nhau về ải.

Một ngày khác, Na Tra ra hoa viên chơi, thấy một cái lầu tại ải rất cao, bèn leo lên đó chơi và hóng mát, thấy trên đó có đặt một cây cung lớn với 3 mũi tên. Na Tra nghĩ bụng, thấy mình bảo sau này mình làm chức Tiên Phương, phò nhà Châu diệt Trụ, nay thử tập bắn cung tên. Nói rồi liền lắp tên vào, giương cung bắn ra một mũi tên về phía Tây Nam. Ngờ đâu, nó là một cây cung Thần của vua Huỳnh Đế thuở xưa đánh Xi Vưu, còn dư 3 mũi tên Thần, gọi là Chấn Thiên Tiên, khi bắn, phát ra tiếng sấm vang Trời, lâu nay không ai giương cung này nổi, nên để tại lầu cao làm báu vật trấn ải.

Na Tra bắn xong, nghe sấm nổ thì hoảng kinh, buông cung ra, không dám bắn tiếp, và lật đật leo xuống lầu.

Ngờ đâu, mũi tên bay tới núi Khô Lâu, động Bạch Cốt, giết chết Thế Vân Đồng tử, học trò của Bà Thạch Cơ, một vị Tiên Triệt giáo.

Thạch Cơ ra xem, thấy đề là Chấn Thiên Tiên, là biết của Lý Tịnh ở ải Trần Đường, liền cỡi chim loan xanh xuống ải bắt Lý Tịnh về động tra xét. Lý Tịnh xem thấy Chấn Thiên Tiên bắn chết Thế Vân thì thất kinh, van nài Thạch Cơ:

– Cung Càn Khôn và Chấn Thiên Tiên là vật linh, lâu nay không ai bắn nổi, chẳng qua tôi mắc vận suy, tai rơi họa gởi, xin cho tôi về ải tra xét xem ai bắn thì chịu chết cũng cam lòng.

Thạch Cơ nói:

– Cho người trở về tra xét, kéo kêu nài oan ức. Nếu truy xét không ra đứa bắn thì ta kiện đến thấy người.

Lý Tịnh từ tạ độn thổ trở về ải, điều tra biết rõ Na Tra có bắn, kinh hãi vô cùng, đòi Na Tra ra nói:

– Mây đã lấy cung Càn Khôn bắn chết Thế Vân là học trò của Bà Thạch Cơ, Bà bắt tội tao, mây phải đến Thạch Cơ mà chịu tội.

Lý Tịnh dẫn Na Tra lên cung Bạch Cốt, gặp Thạch Cơ. Thạch Cơ tha cho Lý Tịnh trở về ải, còn Bà bắt Na Tra, nhưng Na Tra đâu dễ cho bắt, lấy Càn Khôn quỳện và Hồn Thiên lẳng đánh với Thạch Cơ, bị Thạch Cơ thấu hết phép báu. Na Tra liền bỏ chạy về động Kim Quang cầu thầy cứu viện.

Thái Ất ra gặp Thạch Cơ, bảo rằng:

– Nếu Bà muốn bắt Na Tra thì hãy lên Cung Ngọc Hư yết kiến Giáo Chủ Nguơn Thi là thầy ta, nếu thầy ta dạy ta phải giao nó cho Bà thì ta mới dám giao, vì Na Tra vâng lệnh Ngọc Hư ra đời phò chúa Thánh.

Thạch Cơ thấy không xong, liền ra tay đánh Thái Ất, bị Thái Ất dùng Cửu Long Thần Trảo đốt chết, hiện nguyên hình là một cục đá xanh.

### **3. Na Tra nhờ thầy cứu, nhập xác bóng sen.**

Na Tra độn thổ về ải Trần Đường, thấy cha và mẹ đang bị Long Vương 4 biển: Ngao Quảng, Ngao Khâm,

Ngao Thuận, Ngao Nhuận, bắt trời làm tội. Na Tra hét lớn:

– Ta đã đánh chết Lý Lương và Ngao Bính, thì một mình ta thế mạng mà thôi, sao lại bắt cha mẹ ta?

Nói xong, Na Tra liền ngó ngay Ngao Quảng nói tiếp:

– Mạng ta đây chẳng nhỏ, ta vốn là Linh Châu Tử vâng lệnh Ngọc Hư đầu thai xuống thế để giúp Thánh Quân, Nay ta mổ bụng, lóc thịt, chặt xương mà trả cho song thân ta, để khỏi di lụy đến cha mẹ ta, người có bằng lòng không? Nếu không chịu thì đồng lên Thiên Cung mà cáo với Ngọc Hoàng xem ai phải ai quấy cho biết.

Ngao Quảng nghe ra liền nói:

– Đạo làm con như vậy thiệt là có hiếu.

Nói rồi liền mở trời cho Lý Tịnh và Ân Phu nhân.

Na Tra lấy gươm ra, tay mặt chặt cánh tay trái, mổ bụng lòi ruột ra, lóc thịt, máu ra lai láng, chết liền.

Bốn vị Long Vương thấy Na Tra làm y theo lời, chịu chết nên lui hết. Ân Phu nhân khóc lóc, rồi liệm xác Na Tra.

Hồn Na Tra đêm ấy về báo mộng cho mẹ, yêu cầu mẹ lập cho một cái miếu ở núi Túy Bình, cách ải Trần Đường 40 dặm, để nhờ hương khói cho linh hồn mau cứng cáp.

Được như vậy nửa năm, một hôm Lý Tịnh dẫn quân đi qua núi ấy, thấy thiên hạ đến dâng hương ở một cái miếu rất đông, tiếng đồn nơi miếu có ông Thần linh hiển lắm, ai cầu gì được nấy. Lý Tịnh vào xem thấy đó là miếu thờ Na Tra, có hình cốt y như người thật. Lý Tịnh nổi giận nói: Khi sống báo hại cha mẹ đủ thứ, khi chết lại báo hại dân chúng nữa.

Nói rồi, Lý Tịnh đập phá cốt tượng, sai lính đốt

miếu, lửa cháy tiêu tan.

Hồn Na Tra không nơi nương tựa, bay về động Kim Quang báo cáo tất cả các việc với thầy.

Thái Ất toán biết Khương Thượng sắp sửa ra mặt giúp nhà Châu, mà Na Tra chưa hiện hình dạng thì làm sao nên việc. Nghĩ rồi, bèn sai Kim Hà đồng tử đi hái 2 cái bông sen lớn và 3 lá sen còn nguyên cọng.

Thái Ất liền bẻ các cọng sen làm thành 360 khúc để làm xương, lấy các cánh sen đắp lên làm thịt, đắp phủ bên ngoài 3 lá sen làm da, để một hột linh đơn vào giữa, rồi họa phù niệm chú, bắt vía thâu hồn Na Tra xô nhập vào hình sen, hét lớn: “Na Tra chưa sống lại còn đợi chừng nào?”

Xây nghe một tiếng ư, có một người từ hình sen trở dậy, mặt như đôi phấn, môi tựa thoa son, con mắt có ngời, bề cao 16 thước. Ấy là Na Tra nhập xác bông sen đó.

Na Tra liền lạy thầy tạ ơn tái tạo.

Sau đó, Thái Ất dạy thêm cho Na Tra các môn võ nghệ, phép tắc, rồi truyền cho Na Tra 2 bánh xe Phong Hỏa, dạng thế cho ngựa đỡ chơn, và các phép báu là: Càn Khôn quyện, Hồn Thiên lãng, và một cục Kim Chuyên.

#### ***4. Na Tra xuống núi giúp Tử Nha:***

Lúc ấy, tướng của vua Trụ là Trương Quế Phương đem binh chinh phạt Tây Kỳ, đánh thắng liền tiếp mấy trận, vì Quế Phương có tà thuật.

Thái Ất đang ngồi trên giường Bích Du, động lòng chẳng an, bèn đánh tay biết rõ, liền gọi Na Tra tới bảo:

– Nay ngươi phải xuống Tây Kỳ mà giúp Sư thúc của người là Tử Nha dựng lập công danh. Nay lần lượt có 36

đạo binh đến đánh phá Tây Kỳ không hờ, người hãy rán hết lòng giúp Sư thúc và phò tá Minh Quân.

Na Tra vui mừng khoái chí vì được đi đánh giặc, vội lạy thầy, rồi nổi xe Phong Hỏa đi xuống Tây Kỳ nhanh như chớp, vào Tướng phủ ra mắt Khương Thượng Tử Nha. Tử Nha rất mừng vì có tướng tài đến giúp, liền ra binh đánh lui được Trương Quế Phương.

#### 5. Kim Tra xuống núi:

Vương Ma và Dương Sum là 2 Tiên Triệt giáo đến giúp vua Trụ đánh Tử Nha. Vương Ma rượt Tử Nha và liệng Tử Nha một trái Khai Thiên Châu nhằm lưng mà thác. Con Tứ Bất Tướng cũng sa xuống đứng cạnh xác của Tử Nha để giữ thầy. Vương Ma giục thú bay đến định cắt lấy thủ cấp của Tử Nha, xảy thấy có Văn Thù Quảng Pháp Thiên Tôn ở động Vân Tiêu dẫn theo Kim Tra chờ sẵn ở đó. Văn Thù nói:

– Vương Đạo hữu không nên giết chết Tử Nha. Bản đạo vâng lệnh Ngọc Hư Cung đợi ở đây lâu lắm, bởi có 5 việc như vậy:

- Một là khí số Thành Thang đã hết.
- Hai là Chơn Chúa Tây Kỳ đã ra đời.
- Ba là đạo Xiển giáo của ta phải phạm sát giới.
- Bốn là Tử Nha đặng hưởng phước giàu sang dưới thế.
- Năm là Tử Nha thế Ngọc Hư Cung mà Phong Thần.

Đạo hữu lâu năm tu theo Triệt giáo, há không nhớ đôi liên trên Cung Bích Du của Thông Thiên Giáo Chủ hay sao?

*Đóng cửa tụng Huỳnh Đình, thiệt có số thành ngôi Chánh quả,  
Tách mình qua Tây thổ, là có tên đứng Bảng Phong Thần.*

Tuy Đạo hữu đánh chết Tử Nha, nhưng còn có thể cứu sống được. Nếu Đạo hữu nghe lời ta khuyên mà trở về Cửu Long Đảo thì rất tốt, bằng cãi lời ta, sau chớ ăn năn.

Vương Ma nổi giận hét lớn:

– Văn Thù chớ có khoe tài. Người với ta cùng đồng một thể. Người có Giáo chủ, ta không có Giáo chủ sao?

Dứt lời, Vương Ma liền chém tới. Kim Tra đứng sau lướt lên đỡ vệt đường kiếm của Vương Ma, đồng thời Văn Thù dùng Độn Long Thung, vật báu của Phật, kêu là Thất bảo Kim liên, bắt lấy Vương Ma. Kim Tra chém Vương Ma một nhát, hồn Vương Ma bay lên đài Phong Thần, có Bá Dám cầm Phướn Bá Linh ra rước vào.

Văn Thù thâu Độn Long Thung, lạy về núi Côn Lôn mà vái rằng: Đệ tử phạm sát sanh, xin cam thọ tội.

Lạy rồi truyền Kim Tra công Tử Nha lên núi đặng đồ thuốc kim đơn cứu sống. Tử Nha tỉnh dậy, cảm tạ Văn Thù.

Khi ấy Văn Thù trao Độn Long Thung cho Kim Tra và dặn rằng: “Người hãy theo sư thúc Tử Nha mà xuống Tây Kỳ hết lòng trợ chiến.”

Kim Tra từ tạ thầy rồi đỡ Tử Nha lên lưng Tứ Bất Tướng, đồng trở lại Tây Kỳ.

#### 6. Mộc Tra xuống núi:

Lý Hưng Bá là Tiên Triệt giáo ở Cửu Long Đảo, đến trợ giúp Trương Quế Phương đánh Tử Nha, bị thất trận,



chạy đi báo với Thái Sư Văn Trọng.

Giữa đường, Lý Hưng Bá gặp một Đạo đồng đón lại nói rằng:

– Ta là Mộc Tra, học trò của Phổ Hiền Chơn Nhơn ở núi Cửu Cung, động Bạch Hạc. Nay ta vâng lệnh thầy ta đón bắt Lý Hưng Bá nạp cho Tử Nha lãnh thưởng.

Lý Hưng Bá cười rằng:

– Con nít khi ta tới nước!

Nói rồi lấy giản đánh liên. Mộc Tra lấy cặp gươm Ngô Câu, một cây trống, một cây mái, đón đánh, giết được Lý Hưng Bá, chặt đầu rồi đem chôn xác, xong dọn thổ qua Tây Kỳ, vào ra mắt Tử Nha, thuật rõ các việc.

Tử Nha vui mừng, kêu 3 anh em: Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra đến khen rằng:

– Ba anh em học trò Tiên tài giỏi phi thường, đồng phò Chúa Thánh, nêu danh 4 biển, để tiếng muôn đời.

### 7. Lý Tịnh xuống Tây Kỳ phò Châu:

Công Chúa Long Kiệt giúp Tử Nha thâu hết các phép của La Tuyên và đánh La Tuyên chạy dài. La Tuyên chạy đến một ngọn núi kia thì nghe một người ca rằng:

*Lánh chốn hồng trần khỏi thị phi,  
Xưa từng áo mào ở thành trì.  
Kích dài trượng tám, người kiêng sức,  
Tháp nặng ngàn hai, cộp khiếp uy.  
Ẩn mặt trước còn nương thạch động,  
Trở tài nay mới xuống Tây Kỳ.  
Biết thời Trụ mặt, Châu đương phát,  
Cái mạng La Tuyên cũng hiểm nguy.*

La Tuyên nghe ca, ngó lại thấy một người đội mào kim khô, mặc đạo phục, tay cầm kích dài, liền hỏi rằng:

– Người là ai mà dám nói phách như vậy?

Người ấy đáp:

– Ta là Lý Tịnh, nay xuống Tây Kỳ giúp Tử Nha lấy 5 ải. Ta không có lễ chi ra mắt, nên mượn cái đầu của người. La Tuyên nổi giận, cầm gươm chém liên. Lý Tịnh quăng Huỳnh Kim Bửu Tháp lên kêu lớn.

– Bớ La Tuyên, ngày nay người khó trốn.

La Tuyên đỡ không kịp, bị tháp sa xuống bể đầu.

Lý Tịnh giết La Tuyên xong, liền dọn thổ đi qua Tây Kỳ ra mắt Tử Nha. Bốn Cha con đồng phò Châu diệt Trụ.

### 8. Khởi đánh 5 ải:

Trong Lễ dâng đàn bái tướng, Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn an ủi Tử Nha, các vị Đại Tiên rót rượu tiễn hành, còn các học trò hỏi thầy mình tiến trình chinh chiến lành dữ thế nào?

– Kim Tra lạy Văn Thù hỏi. Văn Thù ngâm rằng:

*Đã sẵn có công về tám cõi,  
Lo chi không kể đánh năm thành.*

– Na Tra cũng lạy Thái Ất cầu hỏi. Thái Ất cũng ngâm rằng:

*Khi vào Tỳ Thủy càng thêm phép,  
Mới biết liên hoa lại hóa hình.*

– Mộc Tra lạy Phổ Hiền cầu hỏi. Phổ Hiền ngâm:

*Gươm báu Ngô Câu là phép mạnh,  
Đường trường quan ải dễ ai ngăn.*

– Lý Tịnh lạy thầy là Nhiên Đăng cầu hỏi. Nhiên

Đặng nói: Người lại khác hơn người ta nữa, rồi ngâm:

*Thành luôn vừa xác về Tiên cảnh,  
Chẳng những phần hồn đến Ngọc Kinh.*

### III. DƯƠNG TIẾN

Lúc này Tử Nha và Vô Vương còn đang bị Ma Gia Tứ Tướng vây khốn nơi Tây Kỳ gần giáp một năm, chưa phân thắng bại. Xảy thấy quân vào báo với Tử Nha: – Có một ông Đạo đến xin vào ra mắt.

Tử Nha liền cho mời vào, thì thấy một Đạo sĩ đội mào Phiến Vân, mặc áo Bát Quái, đi giày cỏ, buộc giải tơ, đến làm lễ ra mắt Tử Nha và thưa rằng:

– Đệ tử họ Dương tên Tiến, học trò của Ngọc Đảnh Chơn Nhơn, vâng lệnh thầy xuống núi đến hầu Sư thúc.

Tử Nha vui mừng không xiết, vì biết Dương Tiến rất tài giỏi, có nhiều mưu lạ, và có nhiều phép biến hóa không lường, kêu các tướng đến giới thiệu cho biết mặt, rồi dẫn Dương Tiến đến ra mắt Vô Vương.

Trước khi khởi sự Chinh Đông, đánh Ngũ quan, diệt vua Trụ, Dương Tiến lạy thầy là Ngọc Đảnh Chơn Nhơn, hỏi việc chinh chiến sắp tới thế nào. Ngọc Đảnh Chơn Nhơn đáp:

– Người khác với người ta xa lắm.

Nói rồi ngâm rằng:

*Tập luyện huyền công, ai sánh kịp,  
Tung hoành thế giới, bậc nào hơn.*

Dương Tiến nhờ có Thất thập nhị Huyền công (72 phép biến hóa), nên đã giúp Tử Nha rất đắc lực, tạo được nhiều kỳ công.

### IV. VI HỘ

Lữ Nhạc là Tiên Triệt giáo, bị Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Dương Tiên, đánh cho bại tẩu, cùng với học trò là Dương văn Huy chạy đến một ngọn núi, định ngồi xuống nghỉ mệt, thì gặp một người nữa Tiên nữa tục, mình mặc áo Đạo, đầu đội Kim khôi, tay cầm Giáng Ma Xử, vừa đi vừa ca.

Lữ Nhạc đón lại hỏi:

– Đạo sĩ là ai, đi đâu đó?

Người ấy đáp rằng:

– Ta họ Vi tên Hộ, học trò của Đạo Hạnh Thiên Tôn ở núi Kim Đỉnh, tại động Ngọc Ốc, vâng lệnh thầy ta xuống Tây Kỳ giúp Sư thúc Tử Nha đánh Ngũ quan phạt Trụ, nay thuận đường qua đây đặng bắt thầy trò Lữ Nhạc mà lập công.

Dương văn Huy nghe nói thì nổi giận thét:

– Khen mi cả gan dám lớn lối.

Thét vừa dứt thì rút kiếm chém. Vi Hộ cười rằng:

– Nói vậy thì may lắm, không dè lại gặp thầy trò Lữ Nhạc tại đây, thật tiện cho ta, khỏi mất công tìm kiếm.

Đánh nhau được 5 hiệp, Vi Hộ quăng Giáng Ma Xử lên để đánh Dương văn Huy. Có bài thơ khen Vi Hộ:

*Trong lò Bát Quái luyện hèn lâu,  
Chày Giáng Ma nẩy rất nhiệm mầu.  
Vi Hộ ngày sau thành Hộ Pháp,  
Văn Huy nay gặp nát tan đầu.*

Cây Giáng Ma Xử như cái chày nện vải mà luyện pháp rất hay, cầm trên tay thì nhẹ như bông, đánh nhằm

người thì nặng như núi. Giáng Ma Xử của Vi Hộ đánh Dương văn Huy bể đầu chết liền, linh hồn bay lên Đài Phong Thần.

Lữ Nhạc thấy học trò đã chết, nổi giận hét lớn:

– Người dám khi ta.

Nói rồi liền đưa gươm chém Vi Hộ. Đánh đặng 7 hiệp, Vi Hộ cũng quăng Giáng Ma Xử lên cao, Lữ Nhạc biết nguy, độn thổ trốn mất.

Vi Hộ thâu Giáng Ma Xử, đi qua Tây Kỳ vào ra mắt Tử Nha, thuật lại các việc. Tử Nha rất mừng vì có thêm tướng tài giúp sức đánh Ngũ quan.

Trước khi khởi hành đi đánh Ngũ quan, Vi Hộ lạy thầy là Đạo Hạnh Thiên Tôn hỏi về bước đường chinh chiến sắp tới, Đạo Hạnh Thiên Tôn đáp:

–Người phò Sứ thúc Tử Nha đi đánh Mạnh Tân không can chi mà ngại.

Nói rồi ngâm rằng:

*Dẫu bao nhiêu bạn tu hành kỹ,  
Có một mình người quả vị cao.*

Quả thật về sau, Vi Hộ đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Vi Hộ Pháp, hộ giá Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Vi Hộ Pháp đầu kiếp xuống trần vào nhà họ Phạm, tên là Phạm công Tắc, để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai đạo. (Xem bài Thánh giáo ở phía sau của Đức Thanh Sơn Đạo sĩ tiết lộ cho biết điều đó.)

### V. THẮT THÁNH TRỞ VỀ NÚI TU LUYỆN

Bảy vị Thánh, sau khi giúp Tử Nha thành công, phò

Võ Vương, diệt vua Trụ, bình định thiên hạ, và Tử Nha vâng sắc chỉ của Đức Chương giáo Ngươn Thủy phong Thần các tướng tử trận xong, Thắt Thánh đồng vào tàu với Võ Vương:

– Chúng tôi là người ở núi non, vâng lệnh thầy xuống giúp Bệ hạ. Nay nước nhà được thái bình, chúng tôi xin trở về núi tu hành, còn việc phú quý, chúng tôi không muốn.

Võ Vương phán rằng:

– Trẫm nhờ các khanh tài cao phép lạ, công khó trí dày, mới cứu được nước được dân. Nay thái bình, các khanh không chịu hưởng giàu sang, Trẫm nở nào để các khanh về núi

Bảy người đồng tâu:

– Chúng tôi đội ơn Bệ hạ, nhưng không dám cãi lời thầy, vả lại lòng tu còn nặng, không có ý hưởng tước quyền, xin Bệ hạ cho chúng tôi toại nguyện.

Võ Vương biết không thể nào lưu Thắt Thánh lại được, nên buồn bã nói:

– Trước khi khởi binh, những trung thần nghĩa sĩ như mây rợp đất, thế mà sau cuộc chiến chinh, nửa đường bỏ mạng rất nhiều, Trẫm lấy làm thảm thiết. Nay các khanh đòi rời Trẫm, Trẫm không thể ngăn được, vậy xin đợi Trẫm tổ chức một tiệc tiễn hành, các khanh lợi dụng lúc Trẫm thật say mà ra đi để Trẫm bớt đau lòng.

Hôm sau, tiệc dọn tại Trường đình, 7 người đều đủ mặt. Võ Vương cùng các quan ra đón. Bảy người tiếp giá. Võ Vương nắm tay từng người, nói rằng:

– Các vị nay về núi, tức là bực Thần Tiên, không còn ràng buộc đạo vua tôi nữa. Vậy chớ nên khiêm nhường,

hãy cùng Trăm đồng bàn uống thật say một bữa.

Bảy người tạ ơn, đồng ngồi dự tiệc. Thiên hạ nghe đồn Thiên tử đưa Thần Tiên về núi, nên kéo đến xem rất đông.

Mãn tiệc, 7 người từ già. Võ Vương rưng rưng nước mắt. Tử Nha theo đưa một đôi nữa rồi mới chia tay. Bảy vị sau này đều tu thành Chánh quả. Có bài thơ rằng:

*Từ già về non lánh tục trần,  
Thanh nhàn cảnh tịnh rất an thân.  
Quyết thành Chánh quả nên Tiên, Thánh,  
Khởi đạo luân hồi trả oán ân.  
Hai chữ thị phi đã chẳng bận,  
Một câu vinh nhục cũng không cần.  
Vui chơi nào biết mùi dương thế,  
Dâu bể màng chi đổi mấy lần.*

Sau đây là bài giảng cơ của Đức Thanh Sơn Đạo sĩ tức là Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm, nói về Thất Thánh và Vi Hộ:

Phò loan: *Hộ Pháp, Bảo Đạo*

*Báo Ân Đường Kim Biên, ngày 15-8-Bính Thân (dl 19-9-1956).*

### THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bần tăng xin chào Thiên Tôn, Chơn Quân, Hiền đệ.

Thưa Thiên Tôn, có Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đến, nhưng nhường cơ cho Bần tăng trước. Cười. . .

Nhiều điều Thiên Tôn hỏi, Bần tăng khó trả lời đặng. Duy Nguyệt Tâm đảm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bần tăng. Vậy Thiên Tôn nên vấn nơi người.

Chỉ có bài thi của Bần tăng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bần tăng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại, khi lập thành Phong Thần bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai?

Hộ Pháp bạch: Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

– Phải! Thì trước đầu kiếp vào nhà họ VI, còn nay vào nhà họ PHẠM. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bần tăng đã nhiều và chỉ rõ Việt Nam xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn chi không rõ rệt. Hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là **Di-Lạc giảng linh**, thì Thiên Tôn đã thấy rằng, tiên tri vốn không sai sót.

Còn lời thứ hai, Thiên Tôn hỏi Bần tăng, thì xin Ngài vấn đáp với Nguyệt Tâm, vì chính mình người đã truyền tin ấy. Vui mừng hơn nữa là từ đây thiên hạ sẽ hiểu rõ Thánh chất của Thiên Tôn và ngọn cờ cứu khổ sẽ cứu quốc cho giống nòi Việt nam, rồi loan ra cho toàn thế giới chung hưởng.

Bảo Đạo! Có phải ta tri âm với nhau về điều ấy chẳng? THĂNG.

---

GIỚI THIỆU  
TÒA TÁNH TÂY NINH  
BIÊN SOẠN : HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG